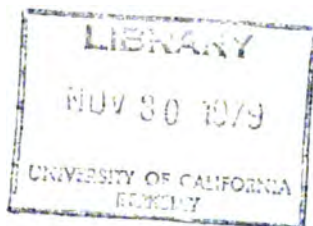


Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAHUC-B



9

9.1979

NĂM VỮNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã vạch ra đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. « Đó là quá trình năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đẩy mạnh **ba cuộc cách mạng**: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Đó là quá trình hình thành từng bước chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Ba cuộc cách mạng nói trên phải được **tiến hành đồng thời**, gắn bó chặt chẽ với nhau, lúc động sâu sắc lẫn nhau ». (1)

Trong thời gian lịch sử tương đối ngắn, với sự giúp đỡ của các nước anh em, chúng ta phải hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà, tạo ra một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đồng thời xây dựng một xã hội văn minh và hạnh phúc. Hồ Chủ tịch nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ». Điều đó nói lên vai trò tích cực của công tác đào tạo lớp người mới đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ của giáo dục trong giai đoạn mới của cách mạng là giáo dục thế hệ trẻ từ lúc mới lọt lòng đến lúc trưởng thành để trở nên

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, Tạp chí Học tập, số 12-1976, trang 27, cột 2.

những con người lao động mới, làm chủ lập thể và phát triển toàn diện, là phổ cập những kiến thức văn hóa, khoa học và kỹ thuật trong nhân dân lao động và đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật phù hợp với sự phân công lao động mới.

Đề thực hiện được nhiệm vụ ấy, sự nghiệp giáo dục hiện nay đã có cơ sở thuận lợi to lớn : đó là sự phát triển trên quy mô lớn của tất cả các trường lớp, từ nhà trẻ, mẫu giáo, đến phổ thông, chuyên nghiệp và đại học ; đó là những kinh nghiệm quý báu của nhiều đơn vị tiên tiến cho phép chúng ta có thể phát triển giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục trong hoàn cảnh kinh tế còn thấp ; đó là mạng lưới trường sở phát triển khắp nơi với một đội ngũ giáo viên đông đảo ; đó là bộ máy tổ chức quản lý của ngành giáo dục hình thành từ mấy chục năm nay với một đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm ; đó là sự giúp đỡ về vật chất cũng như về kinh nghiệm của thế giới, nhất là của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Tuy nhiên, so với đường lối quan điểm giáo dục của Đảng và những đòi hỏi của cách mạng, công tác giáo dục còn có nhiều nhược điểm và thiếu sót.

Hệ thống giáo dục hiện nay chưa bồi dưỡng đúng mức cho thế hệ trẻ những phẩm chất và năng lực của con người mới, chưa chuẩn bị đầy đủ cho học sinh tham gia sự nghiệp cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đi vào sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Còn nhiều trẻ em chưa học hết cấp I, cấp II phổ thông. Kiến thức văn hóa không được vững chắc, lại lạc hậu so với sự phát triển của xã hội và của khoa học, tri thức mình sáng tạo của học sinh chưa được phát huy. Học sinh không được hướng dẫn trong lao động sản xuất có kỹ thuật. Phương pháp giáo dục còn nặng tính chất thụ động. Về tư tưởng và đạo đức, trong thế hệ trẻ còn có nhiều biểu hiện không phù hợp với cuộc sống mới và nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như : chưa thật hăng hái học tập khoa học, ý thức tổ chức và kỷ luật yếu, tinh thần trách nhiệm chung và thái độ lao động còn kém... Về sức khỏe, cần quan tâm bồi dưỡng và rèn luyện hơn nữa để tạo ra một lớp người mới có thân thể cường tráng và cân đối.

Hệ thống giáo dục hiện nay chưa bảo đảm việc hình thành đội ngũ lao động mới có ý chí cách mạng kiên cường, có trình độ kiến thức, tác phong công tác và lối sống phù hợp với yêu cầu của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong đội ngũ lao động, còn thiếu nhiều công nhân lành nghề, cán bộ kỹ thuật biết chỉ đạo sản xuất, cán bộ quản lý kinh tế và những cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ cao.

Hệ thống giáo dục hiện nay chưa bảo đảm yêu cầu học tập thường xuyên và rộng rãi của đông đảo nhân dân lao động. Trình độ văn hóa và kỹ thuật của người lao động và của cán bộ ta còn quá thấp, trong khi đó mạng lưới học tập lại chức thi hẹp, phương pháp và hình thức học tập còn đơn giản.

Những thiếu sót của công tác giáo dục có nguyên nhân trong những khó khăn khách quan do chiến tranh và nền kinh tế kém phát triển gây nên, cũng như có nguyên nhân trong những quan điểm lệch lạc về giáo dục còn tồn tại trong nhân dân. Nhưng nguyên nhân quan trọng là chính bản thân hệ thống giáo dục hiện nay, về nội dung và phương pháp giáo dục, về cấu trúc trường lớp, đều có nhiều điểm yếu kém và không hợp lý. Do đó, để phát triển và nâng cao sự nghiệp giáo dục, phát huy những ưu điểm và kinh nghiệm thành công và khắc phục những thiếu sót, liền liền đáp ứng được những yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, Đại hội lần thứ IV của Đảng ta đã nêu ra nhiệm vụ phải « tiến hành một cuộc cải cách giáo dục rộng lớn trong cả nước, làm cho giáo dục quốc dân gần gũi hơn nữa với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. »



Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã đề ra cho cải cách giáo dục lần này **ba mục tiêu lớn** :

Một là, làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ ngay từ tuổi thơ ấu cho đến lúc trưởng thành, nhằm tạo ra cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt-nam mới, người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện, kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, hể lòng lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, thực hiện phổ cập giáo dục trong toàn dân, góp phần xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành ba cuộc cách mạng.

Ba là, đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ khoa học, kỹ thuật và quản lý phù hợp với yêu cầu phân công lao động trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện được những mục tiêu đó sẽ tạo ra ở nước ta một cục diện hoàn toàn mới mẻ về văn hóa giáo dục vào cuối thế kỷ này, đào

tạo một lớp người mới và một đội ngũ lao động mới xã hội chủ nghĩa, phổ cập trình độ văn hóa phổ thông trong nhân dân lao động, góp phần xây dựng nền văn hóa mới và một xã hội văn minh, hạnh phúc.

Đề đạt được những mục tiêu trên, hệ thống giáo dục mới phải thấm suốt hơn nữa nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Nguyên lý giáo dục này là quy luật cơ bản chi phối toàn bộ hệ thống giáo dục mới. Học đi đôi với hành, phát triển toàn diện con người học sinh về tư tưởng, tình cảm, tri tuệ và thể lực, nâng cao khả năng tư duy trừu tượng và khả năng vận dụng thông minh những điều đã học vào việc giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Vì lao động sản xuất là hoạt động thực tiễn chủ yếu của xã hội mới, cho nên sự kết hợp giáo dục với lao động sản xuất là nội dung cơ bản của sự kết hợp học với hành. Sự kết hợp ấy cũng không ngoài mục đích nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng đào tạo người lao động mới. Tùy theo nhiệm vụ của từng trường và đặc điểm của từng lứa tuổi, mà tiến hành sự kết hợp giáo dục với lao động sản xuất cho thích hợp. Ở trường phổ thông, lao động sản xuất phải có tính chất kỹ thuật lồng hợp, nghĩa là gắn khoa học và kỹ thuật với sản xuất, dạy cho học sinh những hiểu biết phổ thông về các ngành sản xuất, các nguyên liệu và vật liệu thông dụng, các công cụ và máy móc phổ biến, cách tổ chức lao động và quản lý kinh tế. Ở các trường chuyên nghiệp và đại học, lao động sản xuất phải gắn với ngành nghề, với nghiên cứu và thực nghiệm khoa học. Nhà trường gắn liền với xã hội cũng là một phương diện rất quan trọng của sự kết hợp học với hành, một mặt giúp cho giáo viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội với mức độ thích hợp và được giáo dục qua các hoạt động đó; mặt khác, tổ chức các lực lượng xã hội tham gia xây dựng giáo dục, tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc giáo dục con người mới.

Trong quá trình quán triệt nguyên lý giáo dục vào công tác giáo dục, cần khắc phục triệt để lối dạy và học lý thuyết suông, tách rời thực tiễn, có tính chất nhồi sọ của nhà trường cũ; đồng thời cũng cần ngăn ngừa khuynh hướng thực dụng dẫn tới hạn chế sự phát triển của tri tuệ.



Hệ thống giáo dục mới của nước ta là một thể thống nhất và hoàn chỉnh, bao gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo

đục chuyên nghiệp và giáo dục đại học; mạng lưới trường lớp tập trung và mạng lưới trường lớp không thoát ly sản xuất và công tác.

Cải cách cơ cấu của hệ thống giáo dục nhằm mục đích chăm sóc và giáo dục tốt hơn thế hệ trẻ, đào tạo và bồi dưỡng tốt hơn đội ngũ lao động và đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý cho nước nhà, và mở ra con đường học tập thường xuyên thuận tiện cho nhân dân lao động. Giáo dục mầm non bao gồm nhà trẻ và lớp mẫu giáo có nhiệm vụ gây dựng những mầm mống của con người mới trong lứa tuổi từ 2 tháng đến 6 tuổi. Nhi đồng và thiếu niên từ 6 tuổi tròn đến 15 - 16 tuổi được giáo dục trong trường phổ thông cơ sở 9 năm, được phát triển toàn diện và chuẩn bị đi vào đào tạo nghề nghiệp. Sau đó, các em sẽ tiếp tục học theo các hướng: hoặc học bậc phổ thông trung học 3 năm dưới nhiều hình thức, nhằm hoàn thành đào tạo phổ thông, chuẩn bị học lên đại học hoặc vào các trường dạy nghề và các trường trung học chuyên nghiệp, hoặc ra tham gia lao động và vừa làm vừa học. Hệ thống các trường dạy nghề và trung học chuyên nghiệp sẽ phát triển mạnh nhằm đào tạo đội ngũ công nhân và kỹ thuật viên có trình độ tay nghề giỏi, có hiểu biết cần thiết về văn hóa và kỹ thuật, và có giác ngộ chính trị tốt. Hệ thống các trường đại học và cao đẳng sẽ được phân hóa về mục tiêu đào tạo để đáp ứng yêu cầu đào tạo các loại kỹ sư có chức năng khác nhau và có cơ cấu ngành nghề khác nhau, theo yêu cầu của công cuộc xây dựng kinh tế và văn hóa. Chúng ta sẽ tăng cường hệ thống bồi dưỡng sau đại học và đào tạo trên đại học để đào tạo được nhiều cán bộ khoa học và kỹ thuật có trình độ cao. Bên cạnh mạng lưới trường lớp tập trung, một mạng lưới trường lớp đào tạo tại chức và bồi túc văn hóa sẽ phát triển trên quy mô lớn. Ngoài ra, còn phát triển cả những cơ sở văn hóa khác có tác động trực tiếp đến công tác giáo dục như câu lạc bộ văn hóa, thư viện, trạm phổ biến kỹ thuật, v.v.

Nội dung giáo dục sẽ được cải cách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo ra lớp người mới làm chủ tập thể. Cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cách mạng thông qua việc học tập chính trị và lý luận có hệ thống cũng như tất cả các hoạt động giáo dục khác. Việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đường lối chính sách của Đảng, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và đạo đức mới phải nhằm hình thành và củng cố thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, tình cảm cách mạng và nếp sống văn minh. Hiện đại hóa chương trình học tập văn hóa, khoa học và kỹ thuật là một phương hướng rất quan trọng trong việc cải cách nội dung giáo dục lần này. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật đòi hỏi chúng ta phải

lựa chọn những kiến thức cơ bản, hiện đại, sát với thực tế Việt-nam để đưa vào chương trình học mới, đồng thời phải thay đổi cách dạy, cách học làm cho năng lực tư duy và năng lực tự học của học sinh phát triển, chuẩn bị cho học sinh khả năng và nhu cầu luôn luôn tự mình hoàn thiện kiến thức. Giáo dục thẩm mỹ cũng là một mặt phải quan tâm cải cách, vì tác dụng giáo dục tư tưởng và tình cảm cách mạng của nó rất lớn, nhất là đối với thế hệ trẻ. Cần chăm lo xây dựng thói quen giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể từ bé. Đối với những học sinh lớn, việc luyện tập quân sự là nhằm chuẩn bị cho các em có ý thức và năng lực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Cải cách phương pháp giáo dục đi đôi với cải cách nội dung giáo dục là một phương hướng cần thiết, vì có phương pháp giáo dục đúng đắn thì mới biến nội dung giáo dục mới thành nhân cách của con người. Phương pháp giáo dục mới phải thực hiện tốt việc kết hợp hữu cơ quá trình giáo dục con người với quá trình cải tạo xã hội và cải tạo thiên nhiên, phát huy ý thức làm chủ tập thể, tính tự giác và chủ động, trí thông minh và sáng tạo, tình cảm trong sáng và thói quen lành mạnh trong học sinh. Trong các trường phổ thông, cần kết hợp khéo léo tất cả các hoạt động giáo dục như, học tập, lao động sản xuất, thực nghiệm khoa học, hoạt động xã hội, sinh hoạt đoàn thể, vui chơi giải trí, v.v. Trong các trường chuyên nghiệp và đại học, cần áp dụng tốt phương pháp giảng dạy, học tập kết hợp với lao động sản xuất theo ngành nghề, với thực nghiệm và nghiên cứu khoa học. Trong các trường dạy nghề, cần coi trọng phương pháp kết hợp thực tập tay nghề với sản xuất ra của cải vật chất. Cần tăng cường sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội, giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất và các cơ quan nghiên cứu khoa học.

Đề bảo đảm có một sự đổi mới rõ rệt và có chất lượng cao về hệ thống, cơ cấu, nội dung, phương pháp trong nền giáo dục nước ta, cần ra sức thực hiện những biện pháp mà Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nêu ra: xây dựng và phát triển đội ngũ **giáo viên xã hội chủ nghĩa và cán bộ quản lý giáo dục xã hội chủ nghĩa**; cải tiến chương trình giáo dục và soạn sách giáo khoa mới; tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của các trường học; kiện toàn tổ chức và tăng cường công tác quản lý của ngành giáo dục; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học giáo dục.



Cải cách giáo dục là một cuộc vận động lớn trong quá trình tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta. Cải cách giáo dục không phải là đơn thuần thay đổi một chương trình giáo dục, mà là xây dựng một hệ thống quan điểm mới về giáo dục trong nhân dân và cán bộ, làm thay đổi tất cả các nhân tố có ảnh hưởng đến sự hình thành con người mới, từ trong gia đình đến ngoài xã hội.

Do đó, Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã xác định lĩnh vực phức tạp của cuộc vận động này, coi đây là một cuộc đấu tranh rộng lớn trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, trên lĩnh vực tổ chức, và là một công cuộc xây dựng mới trong giáo dục. Đào tạo con người mới làm chủ tập thể là một vấn đề phức tạp, gắn với toàn bộ sự nghiệp cách mạng, đồng thời lại đòi hỏi cả một hệ thống tổ chức và hoạt động riêng, tôn trọng những quy luật phát triển riêng của con người.

Do đó, cần phát động toàn Đảng, toàn dân tham gia tiến hành cải cách giáo dục dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng. Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của Trung ương Đảng về cải cách giáo dục, cần phê phán những nhận thức và biểu hiện lệch lạc về công tác giáo dục, như : coi thường công tác giáo dục, không thấy hết ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ; hạ thấp chất lượng giáo dục, chỉ thấy kiến thức mà không coi trọng sự phát triển toàn diện của con người ; học và dạy đề lấy bằng cấp, không xác định rõ mục tiêu là đào tạo người lao động mới làm chủ tập thể ; đơn giản hóa phương pháp và phương tiện giáo dục, chỉ dùng lối dạy và học truyền khẩu, v.v.

Trong từng gia đình, trong từng thôn xóm và khu phố, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của ba cuộc cách mạng đề ra ra một môi trường xã hội thuận lợi cho sự hình thành con người mới : Các đoàn thể nhân dân giáo dục cho đoàn viên và hội viên nắm vững và quán triệt đường lối quan điểm giáo dục của Đảng ; các cơ sở sản xuất, các cơ quan nghiên cứu khoa học và tất cả các ngành tùy theo chức năng của mình tích cực đóng góp vào sự nghiệp giáo dục chung ; anh chị em trí thức tham gia xây dựng những chương trình học và những sách giáo khoa hiện đại ; tất cả những người có hiểu biết về khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật tham gia công tác giáo dục thế hệ trẻ và phổ cập kiến thức văn hóa trong nhân dân lao động.

Các đảng bộ cơ sở cần lãnh đạo đảng viên, cán bộ và nhân dân từng bước triển khai cải cách giáo dục, trước mắt là đẩy mạnh phong trào thi đua « dạy tốt, học tốt » theo gương các đơn vị tiên tiến về giáo dục.

Các cấp chính quyền cần có kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm và dài hạn, chấp hành tốt những chế độ chính sách mà Hội đồng Chính phủ sẽ ban hành nhằm khuyến khích giáo viên, học sinh và nhân dân làm theo cải cách giáo dục, có những biện pháp đầu tư thích đáng về tài chính, biên chế, và vật tư hỗ trợ cho phòng trào quần chúng xây dựng giáo dục, thực hiện quyền làm chủ tập thể đối với sự nghiệp giáo dục. Trong chỉ đạo, cần có những biện pháp kịp thời phát huy những nhân tố mới làm cơ sở cho sự chuyển biến từ hệ thống giáo dục hiện nay sang hệ thống giáo dục mới.

Cải cách giáo dục là một biện pháp rất trọng yếu nhằm thực hiện mục tiêu vĩ đại, mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra : « xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ». Đó cũng là nguyện vọng thiết tha mà Hồ Chủ tịch kính yêu hằng ấp ủ trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi và sáng tạo, nhất định sẽ hoàn thành tốt cải cách giáo dục, góp phần lớn trong việc đào tạo những thế hệ con người Việt-nam mới xã hội chủ nghĩa, làm cho nước ta trong tương lai không xa, vừa phát triển về kinh tế, hùng mạnh về quốc phòng, vừa có một nền văn hóa cao đẹp, một cuộc sống văn minh và hạnh phúc.

TIẾP TỤC PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN DI CHÚC THIÊNG LIÊNG CỦA HỒ CHỦ TỊCH



Ồ Chủ tịch kính yêu, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta, của giai cấp công nhân và dân tộc Việt-nam ta, qua đời đến nay vừa đúng mười năm. Mười năm qua cũng là mười năm toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nỗ lực phấn đấu thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi vô cùng rực rỡ.

Thắng lợi nổi bật của cách mạng Việt-nam trong mười năm qua là, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, quân và dân ta đã vượt qua muôn vàn gian khổ hy sinh, «quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn», thực hiện trọn vẹn lời căn dặn cuối cùng của Hồ Chủ tịch. Để quốc Mỹ đã rút khỏi nước ta, Tổ quốc ta đã độc lập và thống nhất, đồng bào Nam — Bắc đã sum họp một nhà. Chúng ta có thể vui mừng báo cáo đề Bác yên lòng rằng Đảng ta và nhân dân ta đã làm đúng những điều Người căn dặn trước lúc đi xa.

Đất nước ta vừa hoàn toàn giải phóng thì tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, với âm mưu bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, lại câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác,

điên cuồng chống phá cách mạng nước ta. Nó sử dụng bọn tay sai Pôn Pốt — lêng Xa-ry gây chiến tranh xâm lược ở biên giới tây — nam nước ta, và ngày 17-2-1979 nó ngang nhiên huy động 60 vạn quân trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Tập đoàn phản động Trung-quốc hy vọng rằng, sau hơn 30 năm chiến đấu gian khổ ác liệt chống Pháp và chống Mỹ, dân tộc ta còn gặp nhiều khó khăn, sẽ không thể đương đầu nổi với sự xâm lược của nó. Nhưng thâm nhuần sâu sắc lời dạy của Hồ Chủ tịch «Không có gì quý hơn độc lập tự do», «Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ», «Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi», dân tộc ta một lần nữa lại tiếp tục vượt qua mọi khó khăn thử thách, sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới chống quân thù. Chỉ trong vòng 3 tháng đầu năm nay, quân và dân ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Trung-quốc và tay sai của nó chống nước ta.

Thắng lợi của nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bọn bành trướng Trung-quốc đã chứng tỏ rằng Đảng ta và nhân dân

ta tuyệt đối trung thành với Hồ Chủ tịch, quyết tâm đi theo con đường mà Người đã vạch ra.

Chúng ta đã đánh thắng một bước quan trọng âm mưu xâm lược của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc. Song với bản chất cực kỳ phản động, tập đoàn này vẫn đang tiếp tục đe dọa chiến tranh, hòng thôn tính nước ta, thôn tính các nước Đông-dương để tiến lên thực hiện giấc mộng bá chủ Đông - Nam châu Á. Thực hiện Di chúc và những lời dạy của Hồ Chủ tịch, noi gương chiến đấu cách mạng triệt để của Người, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cần luôn luôn mài sắc cảnh giác cách mạng, đoàn kết triệu người như một, nâng cao ý chí quyết chiến quyết thắng, sẵn sàng đập tan mọi mưu đồ xâm lược và phá hoại của kẻ thù, bảo vệ vững chắc độc lập và thống nhất của Tổ quốc thân yêu.

Hoài bão lớn nhất của Hồ Chủ tịch là Tổ quốc được giải phóng, nhân dân được hạnh phúc. Người nói: « Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành » (1). Trong Di chúc, Người viết: « Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân ».

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch, mười năm qua, Đảng ta và Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng to lớn trong việc chăm lo đời sống của nhân dân ta. Ngay trong những năm chiến tranh ác liệt chống đế quốc Mỹ, mặc dù phải tập trung mọi lực lượng, khai thác mọi tiềm năng phục vụ yêu cầu của nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, đời sống của nhân dân ta về cơ bản vẫn được ổn định, nhân dân ta vẫn có ăn có mặc, vẫn tiếp tục được học hành. Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, nước nhà độc lập và thống

nhất. Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa 5 năm lần thứ hai 1976 - 1980 nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong cả nước, khắc phục nghèo nàn và lạc hậu, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta.

Trong khi toàn Đảng, toàn dân ta đang hăng hái phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Đại hội, thì tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc và tay sai của nó liên tiếp phát động hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Chiến tranh lại gây cho nhân dân ta những tổn thất về người và của, làm đảo lộn nhiều hoạt động kinh tế của chúng ta và đặt ra trước Đảng ta, nhân dân ta những vấn đề phức tạp mới. Cùng với việc tiến hành chiến tranh và đe dọa chiến tranh, kẻ thù còn điên cuồng phá ta về nhiều mặt. Âm mưu của bọn phản động Bắc-kinh trong việc cưỡng ép hàng chục vạn người Hoa di Trung-quốc và âm mưu của chúng câu kết với bọn đế quốc và các thế lực phản động khác trong vấn đề người Việt-nam đi ra nước ngoài, là sự phá hoại thâm độc của chúng đối với nước ta cả về chính trị và kinh tế, hòng phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Rõ ràng là, những khó khăn cũ chưa được khắc phục, chúng ta lại gặp thêm nhiều khó khăn mới. Một số năm qua, nhân dân ta còn phải chịu đựng những thiệt hại nặng nề do thiên tai khốc liệt gây ra. Không những thế, đứng trước nguy cơ xâm lược của tập đoàn phản động Bắc-kinh, Nhà nước ta lại phải dành một phần ngân sách cho việc xây dựng quân đội và tăng cường quốc phòng để bảo đảm cho nhân dân ta có đủ sức mạnh sẵn sàng đánh thắng kẻ thù

(1) Hồ-Chí-Minh: Về quan điểm quân chúng, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 33.

xâm lược trong bất kỳ tình huống chiến tranh nào. Tình hình đó làm cho nền kinh tế của chúng ta vốn thấp kém càng khó khăn thêm. Cho nên, mặc dù được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, đời sống của nhân dân ta không tránh khỏi những khó khăn thiếu thốn, nhất là ở các thành phố, các vùng công nghiệp.

Mặt khác, chúng ta cũng có những khuyết điểm, những mặt non kém trong hoạt động kinh tế. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong nông nghiệp cũng như trong các lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, trong sản xuất cũng như trong lưu thông phân phối, nhiều cấp ủy Đảng và chính quyền chưa nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng. Những hiện tượng trì trệ, tiêu cực, những khuyết điểm về tổ chức và quản lý kinh tế chậm được khắc phục và sửa chữa. Nhiều chính sách và biện pháp kinh tế không còn phù hợp với yêu cầu mới chưa được bổ sung hoặc thay thế... Những khuyết điểm, nhược điểm đó làm cho nền kinh tế của ta chưa có bước chuyển biến mạnh mẽ, và đó cũng là một nguyên nhân làm cho những khó khăn trong đời sống kéo dài.

Thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch, Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta cần nỗ lực phấn đấu vươn lên hơn nữa. Chúng ta hãy phát huy tinh thần làm chủ tập thể, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tập trung trí tuệ và mọi cố gắng của mình vào việc thực hiện những mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980). Yêu cầu cấp bách nhất của nhiệm vụ kinh tế hiện nay là tập trung sức cố gắng của toàn Đảng, toàn dân vào việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng. Sản xuất và đẩy mạnh mọi mặt sản xuất, đó là con đường duy nhất để giữ vững và từng bước nâng cao đời

sống của nhân dân. Thực tiễn đã chứng minh, ngay trong những điều kiện hiện tại, nhiều địa phương và cơ sở do nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, có ý chí phấn đấu cách mạng kiên cường và bước đầu biết phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, vẫn đạt được những kết quả rất đáng phấn khởi trong sản xuất và chăm lo đời sống của nhân dân. Cần phê phán và khắc phục những biểu hiện tiêu cực như bi quan, thụ động, cam chịu bó tay trước khó khăn, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên, không có tinh thần trách nhiệm đầy đủ đối với đời sống của quần chúng.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, Hồ Chủ tịch luôn luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng. Là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện Đảng ta, Hồ Chủ tịch hằng quan tâm và dày công xây dựng Đảng ta thành một khối đoàn kết thống nhất vững mạnh. Người thường nói: "Sức mạnh của Đảng là ở sự đoàn kết nhất trí...". Trong Di chúc, Người nói *trước hết về Đảng* và Người viết: "*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*".

Trong Đảng ta, sự đoàn kết, thống nhất về tư tưởng dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đường lối chính trị của Đảng, trên cơ sở sự giác ngộ của toàn thể đảng viên về lý tưởng, mục đích và những nhiệm vụ mà Đảng đã vạch ra. Sự thống nhất về tư tưởng được bảo đảm bằng sự thống nhất về tổ chức dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ.

Những năm qua, đội ngũ cán bộ, đảng viên chúng ta, mặc dù trải qua những thử thách lớn, những bước ngoặt lớn của cách mạng, vẫn luôn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Ban chấp hành Trung ương

Đảng đứng đầu là đồng chí Lê-Duẩn, giữ vững sự thống nhất về đường lối lãnh đạo của Đảng và đã có những cố gắng hết sức to lớn trong việc thực hiện đường lối của Đảng. Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Trung-quốc xâm lược và tay sai, thắng lợi trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thắng lợi trong việc thực hiện đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, làm nghĩa vụ quốc tế...; đó là thắng lợi của sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, là thắng lợi của sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Với truyền thống đoàn kết hết sức quý báu của Đảng, những người cộng sản Việt-nam chúng ta cần tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết nhất trí, luôn luôn « giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình » như Hồ Chủ tịch đã căn dặn. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta tuy đã giành được những thắng lợi hết sức to lớn nhưng cũng đang có những khó khăn, phức tạp. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Hơn bao giờ hết, chúng ta cần nâng cao lòng tin tưởng tuyệt đối vào đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đoàn kết toàn Đảng thành một khối thống nhất, một ý chí duy nhất, làm cơ sở cho sự đoàn kết toàn dân, phấn đấu hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch là một tấm gương chói lọi về tinh thần chiến đấu cách mạng, một tấm gương vô cùng trong sáng về đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Người luôn luôn chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Trong Di chúc, Người căn dặn: « Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần

đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ».

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch, những năm qua, hầu hết cán bộ, đảng viên ta đã tỏ rõ phẩm chất cách mạng cao quý của người đảng viên cộng sản và đã có những cống hiến hết sức to lớn cùng với toàn dân đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên mạnh mẽ. Bước vào giai đoạn mới, số đông cán bộ, đảng viên vẫn tiếp tục giữ vững phẩm chất cách mạng, không ngừng nâng cao ý chí chiến đấu, một lòng một dạ vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, vì đời sống ấm no hạnh phúc của nhân dân.

Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới của cách mạng, do thiếu tu dưỡng và rèn luyện, do không được sự quan tâm giáo dục của tổ chức Đảng, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên cũng bộc lộ những sa sút về phẩm chất cách mạng.

Đảng chú ý là những hiện tượng như: không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế; quan liêu, cửa quyền, vô trách nhiệm; tham ô, hủ hóa, xoay xở, lợi dụng, xâm phạm tài sản của Nhà nước, của tập thể; vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, không quan tâm đến đời sống của quần chúng. Thậm chí một số cán bộ, đảng viên đã trở thành hư hỏng, thoái hóa, biến chất. Những khuyết điểm ấy đã ảnh hưởng không ít tới việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của Đảng, ảnh hưởng đến uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng, đến việc củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng. Đảng ta đã nhiều lần phê phán nghiêm khắc những hiện tượng không lành mạnh ấy nhưng một số cấp ủy Đảng và chính quyền vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến việc đấu tranh khắc phục những khuyết điểm ấy.

Thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch, các cấp ủy Đảng, các tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền và cán bộ, đảng viên chúng ta cần đấu tranh kiên quyết nhằm khắc phục những hiện tượng nói trên. Chúng ta phải luôn luôn giữ vững những phẩm chất tốt đẹp của người đảng viên cộng sản, không ngừng rèn luyện và trau dồi phẩm chất cách mạng, sửa chữa khuyết điểm, nâng cao ý chí chiến đấu, nâng cao trình độ và năng lực công tác, giữ gìn Đảng ta trong sạch và vững mạnh. Những cán bộ, đảng viên ở các cương vị lãnh đạo, phụ trách, càng phải giữ gìn phẩm chất cách mạng làm gương cho các đảng viên khác noi theo. Các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước cần tiến hành đều kỳ các đợt tự phê bình và phê bình trong tổ chức Đảng và trong cơ quan, đấu tranh khắc phục kịp thời những hiện tượng tiêu cực, nhất là phải có những biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ nhằm chủ động ngăn ngừa cán bộ, đảng viên phạm sai lầm. Những cán bộ, đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm lớn phải được xử lý thích đáng, kịp thời. Nghiêm khắc phê phán và xử lý những hiện tượng dung túng, bao che những sai lầm, khuyết điểm cho nhau trong cán bộ, đảng viên.

Hồ Chủ tịch chẳng những là nhà yêu nước vĩ đại mà còn là chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế, người bạn thân thiết của các dân tộc trên thế giới đang đấu tranh cho độc lập, tự do. Người dạy chúng ta phải phấn đấu làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Người căn dặn toàn Đảng, toàn dân ta phải tích cực góp phần khôi phục sự đoàn kết giữa các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, ra sức góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Mười năm qua, Đảng ta và nhân dân ta đã làm đúng những lời dạy

của Hồ Chủ tịch. Cùng với việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tiếp tục công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta và nhân dân ta đã có những cống hiến to lớn trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Với tất cả những tình cảm quốc tế trong sáng, chúng ta đã hết lòng giúp đỡ nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, cũng như nước ta, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đã giành được những thắng lợi vô cùng rực rỡ, giải phóng hoàn toàn đất nước, trở thành những nước thật sự độc lập tự do và đang tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Những năm qua, Đảng ta, nhân dân ta đã luôn luôn nêu cao tinh đoàn kết hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, góp phần tích cực vào việc bảo vệ và tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cũng luôn luôn đồng tình, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đặc biệt từ khi bọn phản động Trung-quốc công khai câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác chống phá cách mạng các nước và tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta. Đảng ta đã liên tiếp vạch trần bản chất cực kỳ phản động, giả danh cách mạng và những âm mưu thâm độc của chúng chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, phá hoại ba dòng thác cách mạng của thời đại và phá hoại hòa bình thế giới. Đảng ta coi cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống chủ nghĩa bành trướng bá quyền nước lớn Bắc-kinh vừa là nghĩa vụ dân tộc vừa là nghĩa vụ quốc tế nhằm bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa và thiết thực góp phần thúc đẩy quá

trình tiến lên của cách mạng thế giới.

Mặt khác, những năm qua, nhân dân ta cũng đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn, quý báu của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, của các Đảng anh em và bầu bạn khắp nơi trên thế giới đối với sự nghiệp cách mạng cao cả của mình.

Trung thành với những lời di huấn của Hồ Chủ tịch, trước tình hình mới, nhiệm vụ mới hiện nay, Đảng ta, nhân dân ta nguyện đoàn kết và hợp tác chặt chẽ hơn nữa với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, tiếp tục đoàn kết với các Đảng anh em, tích cực ủng hộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị với tất cả các nước trên thế giới.

Hồ Chủ tịch đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, cho độc lập thống nhất của Tổ quốc, cho những lý

tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, làm rạng rỡ non sông ta, đất nước ta. Đảng ta và nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn trời biển của Người.

Hồ Chủ tịch đã vĩnh biệt chúng ta, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của Người, tư tưởng và đạo đức của Người mãi mãi là niềm tự hào của người Việt-nam chúng ta, là ngọn đèn chiếu sáng đường đi của cách mạng Việt-nam. Những lời căn dặn cuối cùng của Bác trong *Di chúc* vừa là những tình cảm, vừa là niềm tin của Bác đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nguyện đem hết tâm hồn và nghị lực, đoàn kết thành một khối, phấn đấu quên mình, tiếp tục phấn đấu thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ-Chi-Minh vĩ đại!

Hồ Chủ tịch sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta!

RA SỨC THỰC HIỆN CẢI CÁCH GIÁO DỤC ĐỂ ĐÀO TẠO NHỮNG THỂ HỆ CON NGƯỜI MỚI VIỆT - NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TÓ - HỮU

I

THỰC hiện một chủ trương lớn của Đại hội lần thứ IV. Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về cải cách giáo dục. Trên cơ sở dự kiến sự phát triển của xã hội Việt-nam từ nay đến cuối thế kỷ này và phân tích những thành tựu và kinh nghiệm đã đạt được trong lĩnh vực giáo dục. Bộ chính trị Trung ương Đảng đã vạch ra một mô hình mới của hệ thống giáo dục quốc dân cùng các biện pháp bảo đảm thực hiện mô hình đó.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân Việt-nam vừa kháng chiến chống ngoại xâm, vừa xây dựng đất nước theo chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn luôn coi trọng vấn đề giáo dục những thế hệ người Việt-nam mới và phổ cập giáo dục trong toàn dân. Ngay từ năm 1945, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra nhiệm vụ phải đấu tranh chống giặc đói cũng quan trọng không kém nhiệm vụ đấu tranh chống giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, sự nghiệp giáo dục ở nước ta đã có nhiều biến đổi sâu sắc và những thành tựu to lớn, mặc dù hoàn cảnh phát triển có nhiều khó khăn do nền kinh tế thấp và chiến tranh liên tục gây nên.

Trên miền Bắc, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa đã hình thành và không ngừng phát triển. Nhân dân lao động từ chỗ số đông mù chữ nay đang phần dần phổ cập văn hóa cấp 1. Thiếu niên, nhi đồng từ chỗ chỉ có 20% được đi học nay đã có trên 90% theo học trường phổ thông; ngoài ra còn gần 2 triệu cháu bé được gửi vào nhà trẻ

và lớp mẫu giáo. Số lượng học sinh các trường dạy nghề, các trường trung học chuyên nghiệp và các trường đại học từ chỗ chỉ có vài ba nghìn học sinh nay đã lên tới hàng trăm nghìn. Việc phổ cập giáo dục đã làm thay đổi bộ mặt văn hóa của xã hội miền Bắc.

Sau ngày giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước, hệ thống giáo dục phản động của Mỹ - ngụy đã bị nhanh chóng xóa bỏ, và ngay từ năm học đầu tiên 1975 - 1976, chế độ giáo dục mới đã được thiết lập, mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Chỉ trong hai năm, số đông nhân dân lao động đã thoát nạn mù chữ. Các trường phổ thông được khôi phục và phát triển mạnh mẽ. Các trường đại học và chuyên nghiệp được mở rộng và phân bố lại đều khắp các tỉnh, thành. Hầu hết giáo viên công tác dưới chế độ cũ vẫn tiếp tục nghề nghiệp cao quý của mình trong nhà trường cách mạng.

Trên đất nước ta hiện nay, một mạng lưới trường học trải ra rộng khắp; trong năm học 1978 - 1979, có 1 triệu cháu bé được gửi vào nhà trẻ; 1,2 triệu cháu theo học lớp mẫu giáo, 11 triệu thiếu niên, nhi đồng học ở nhà trường phổ thông, hơn 1 triệu người lao động đang học thêm về văn hóa; các trường đại học có 145 nghìn học sinh, các trường trung học chuyên nghiệp có 110 nghìn học sinh, các trường dạy nghề tập trung và kèm cấp ở xí nghiệp có tới 400 nghìn học sinh. Trong các trường học, có 430 nghìn giáo viên, chưa kể 12 nghìn cô nuôi dạy trẻ.

Trong phong trào thi đua dạy tốt,

học tốt », đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, tiêu biểu cho tất cả các loại trường lớp, có cả những địa phương tiên tiến về mặt xây dựng và phát triển giáo dục. Công tác tổng kết kinh nghiệm được coi trọng và xúc tiến, do đó đã rút ra nhiều bài học quý báu, cho phép chúng ta có thể phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong hoàn cảnh của một nước đang chuyển biến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, những thành tựu rực rỡ về giáo dục đã đạt được, cũng không đủ để thỏa mãn những yêu cầu to lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong vòng 15—20 năm tới.

Dại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu ra nhiệm vụ xây dựng nước Việt-nam ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta diễn ra trong lúc cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Chúng ta phải tiếp thụ và vận dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật để nhanh chóng phát triển kinh tế và văn hóa, theo kịp bước tiến chung của thời đại.

Trong sự nghiệp cách mạng chung, sự nghiệp đào tạo những thế hệ con người mới Việt-nam xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quyết định thắng lợi. Hồ Chủ tịch đã dạy: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ». Con người Việt-nam mới phải kết tinh những phẩm chất cao quý của nhân loại và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt-nam. Nó có những đặc trưng nổi bật chung cho mọi con người xã hội chủ nghĩa: tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần sáng tạo trong lao động, lòng yêu nước và yêu

chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản. Nó phát huy chủ nghĩa nhân đạo trên lập trường của giai cấp công nhân và từ đó có lòng yêu thương sâu sắc đối với người lao động. Nó tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, hình thành nên thế giới quan khoa học, nâng cao ý thức và năng lực làm chủ đối với xã hội, thiên nhiên và bản thân. Người Việt-nam mới phải có ý chí cách mạng kiên cường và tinh thần sáng tạo đề mau chóng đưa đất nước ra khỏi tình trạng lạc hậu về kinh tế và văn hóa và luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, người Việt-nam mới phải thể hiện đạo đức « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », tạo ra cuộc sống tập thể phong phú, cuộc sống gia đình hòa thuận và cuộc sống cá nhân lành mạnh. Người Việt-nam mới lại phải có sức khỏe bền vững, thân thể cường tráng, có ý thức giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thể lực.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đòi hỏi công tác giáo dục phải phấn đấu thực hiện **những mục tiêu** sau đây:

1 — Làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ ngay từ tuổi thơ ấu cho đến lúc trưởng thành, nhằm tạo ra cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt-nam mới, người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện, kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, hết lòng lao động, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

2 — Thực hiện phổ cập giáo dục trong toàn dân, góp phần xây dựng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành ba cuộc cách mạng và công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Phấn đấu làm cho tất cả mọi người được hưởng đầy đủ quyền học tập, từng bước đạt trình độ văn hóa phổ thông trung học.

3 — Đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới, bao gồm công nhân, nhân viên kỹ thuật và nghiệp vụ, cán bộ quản

lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có trình độ nghề nghiệp và cơ cấu ngành nghề phù hợp với yêu cầu phân công lao động trong nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Dưới ánh sáng của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đại hội lần thứ IV của Đảng và những yêu cầu mới của cách mạng đối với công tác giáo dục, chúng ta thấy rõ hơn **những nhược điểm và thiếu sót** của công tác giáo dục và của hệ thống giáo dục hiện hành.

Hệ thống giáo dục hiện nay **chưa bồi dưỡng đúng mức cho thế hệ trẻ những phẩm chất và năng lực của con người mới**, chưa chuẩn bị đầy đủ cho học sinh tham gia sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đi vào sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Do ảnh hưởng của xã hội cũ và do chưa được giáo dục đầy đủ, thanh niên và thiếu niên ta còn có những thiếu sót phổ biến như: giác ngộ lý tưởng cộng sản còn thấp, chưa thật say mê học tập khoa học, kỹ thuật; ý thức lao động để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân chưa sâu sắc; ý thức tổ chức kỷ luật và bảo vệ của công còn yếu; trong nếp sống văn minh còn nhiều điều chưa được giáo dục thành thói quen. Một bộ phận thanh niên chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới và của chế độ xã hội cũ đã tiêm nhiễm những thói xấu như: lười biếng, ích kỷ, ăn bám, lêu lổng, đua đòi ăn chơi, v.v.

Hiện nay, còn rất nhiều cháu bé chưa được chăm sóc tốt từ lúc mới lọt lòng. Có nhiều thiếu niên, nhất là ở miền Nam và miền núi, chưa đến trường học. Các trường phổ thông không chuẩn bị cho học sinh sẵn sàng tham gia lao động có kỹ thuật và đi vào đào tạo nghề nghiệp. Nội dung giáo dục lạc hậu so với sự phát triển của xã hội và của khoa học; phương pháp giáo dục ở nhiều trường còn tách

rời học với hành, giáo dục với lao động sản xuất, một cách nghiêm trọng. Lối dạy «nhồi sọ», học «vẹt» còn nặng. Sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội không được chặt chẽ.

Hệ thống giáo dục hiện nay **chưa bảo đảm việc hình thành đội ngũ lao động mới** có ý chí cách mạng kiên cường, có trình độ kiến thức, có tác phong công tác và lối sống phù hợp với nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp còn thiếu những trường lớp đào tạo công nhân lành nghề, cán bộ thực hành sản xuất, cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ có trình độ khoa học cao. Hệ thống giáo dục phổ thông chưa gắn chặt với hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, không chuẩn bị tốt cho việc đào tạo nghề nghiệp.

Mạng lưới của nhiều trường trung học chuyên nghiệp và đại học chưa phù hợp với cơ cấu kinh tế của đất nước và từng địa phương. Giữa nhà trường và cơ sở sản xuất, cơ sở nghiên cứu khoa học, thiếu sự hợp tác chặt chẽ trong việc đào tạo lao động và cán bộ. Phương tiện học tập và thực tập của nhiều trường học còn quá thiếu thốn, lại không được sử dụng hợp lý. Trình độ văn hóa và nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên còn yếu.

Do đó, chất lượng đào tạo nói chung chưa đạt yêu cầu của mục tiêu đào tạo. Học sinh tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp còn yếu về kiến thức khoa học, kỹ thuật và khả năng thực hành. Học sinh tốt nghiệp các trường đại học có ít khả năng nghiên cứu khoa học và hướng dẫn thực hành; trình độ ngoại ngữ thấp cũng hạn chế khả năng tự học. Về đạo đức cũng còn có nhiều biểu hiện của người sản xuất nhỏ và những tàn dư của xã hội cũ, như: tránh công việc khó khăn, lo thu vén cá nhân, thiếu ý thức tổ chức và kỷ luật chặt chẽ...

Hệ thống giáo dục hiện nay **chưa bảo đảm yêu cầu học tập thường**

xuân và rộng rãi của nhân dân lao động.

Nhu cầu học tập văn hóa và chuyên môn trong cán bộ và nhân dân lao động rất lớn, song quy mô của phong trào học tập văn hóa và nghiệp vụ còn rất hẹp; nội dung học thường khuôn theo chương trình của trường chính quy cho nên không thiết thực và không thích hợp với người học. Nghĩa vụ học tập trong cán bộ và nhân dân chưa được đặt thành chế độ và chưa được thực hiện có nền nếp.

Chúng ta không thể khắc phục những thiếu sót trên đây bằng các biện pháp rời rạc, vụn vặt, chắp vá, vì có những nguyên nhân nằm ngay trong hệ thống giáo dục và trong nhận thức tư tưởng của nhiều người trong xã hội. Vì thế, cần tiến hành một cuộc cải cách giáo dục toàn diện bao gồm tất cả các ngành học, và một cuộc vận động rộng lớn trong xã hội ở tất cả các cấp, các ngành để thực hiện cuộc cải cách giáo dục này.

II

Cuộc cải cách giáo dục lần này có nhiệm vụ xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân mới, có cơ cấu tổ chức, nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục, đủ sức đáp ứng những yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới đối với sự nghiệp giáo dục.

Muốn thế, trước hết phải làm cho giáo dục **thấu suốt hơn nữa nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội.** Nguyên lý này chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống giáo dục.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, con người mới vừa là chủ thể có ý thức của lịch sử, vừa là sản phẩm chính của sự phát triển xã hội. Vì thế muốn hình thành con người mới, phải sử dụng kết quả tổng hợp của chế độ làm chủ tập thể và của ba cuộc cách mạng, phải thông qua hoạt động thực tiễn, thông

qua lao động và đấu tranh của bản thân từng người.

Công tác giáo dục là một hoạt động có mục đích, có tổ chức nhằm hình thành những phẩm chất của con người một cách có hệ thống, vững chắc và nhanh chóng. Trong công tác giáo dục, không thể để con người trưởng thành một cách tự phát mà phải có sự hướng dẫn có tổ chức, song quá trình hướng dẫn đó không thể tách rời hoạt động thực tiễn và cuộc sống. Một mặt phải tổ chức cho người học chủ động tiếp thụ những giá trị văn hóa của loài người và của dân tộc; mặt khác phải tổ chức cho người học tham gia theo mức độ thích hợp với lứa tuổi vào hoạt động thực tiễn trong xã hội.

Học đi đôi với hành là nguyên tắc chung của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, nhằm đào tạo con người mới và thực hiện mục tiêu đào tạo của từng trường học. Nó phát triển nhân cách xã hội chủ nghĩa của học sinh, phát triển cả trí tuệ, tình cảm và thể lực, nâng cao ý thức, hiểu biết và thực hành, trau dồi khả năng vận dụng thông minh những điều đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn, biến kiến thức thành niềm tin chỉ đạo hành động.

Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất là nội dung cơ bản của sự kết hợp học với hành trong nhà trường xã hội chủ nghĩa vì trong xã hội mới, lao động sản xuất là hoạt động thực tiễn chủ yếu của con người. Sự kết hợp này phải nhằm đào tạo ra người lao động kiểu mới, biết gắn lý thuyết với thực tiễn, có thái độ lao động cộng sản chủ nghĩa, có hứng thú lao động vì lợi ích chung của chủ nghĩa xã hội, có hiểu biết và có kỹ năng lao động có tổ chức, có kỹ thuật và có năng suất cao.

Trong trường phổ thông, lao động sản xuất phải có tính chất **kỹ thuật tổng hợp**, nghĩa là gắn khoa học, kỹ thuật với sản xuất, dạy cho học

sinh những hiểu biết phổ thông về nền sản xuất hiện đại, về những công cụ, máy móc và nguyên liệu, vật liệu thông dụng, biết cách tổ chức lao động khoa học; đồng thời có hướng dẫn học sinh lựa chọn nghề nghiệp. Trong các trường chuyên nghiệp, lao động sản xuất phải gắn với **ngành nghề**, với **rèn luyện tay nghề**. Trong các trường đại học, lao động sản xuất phải gắn với **nghiên cứu khoa học**.

Nhà trường gắn liền với xã hội là một điều kiện để hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa của học sinh; thông qua đó, một mặt, nhà trường bổ sung những kiến thức giảng dạy trên lớp, phát huy vai trò trung tâm văn hóa mới, tác động đến sự sinh hoạt chính trị và văn hóa của xã hội. Mặt khác, xã hội bao gồm gia đình, các đoàn thể, các cơ sở sản xuất, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các ngành kinh tế và văn hóa... góp phần xây dựng giáo dục, giúp đỡ trường học tiến hành giáo dục học sinh, cùng nhà trường tạo ra một môi trường xã hội thuận lợi cho sự hình thành con người mới.

Nguyên lý giáo dục mà Đảng ta đề ra quyết định toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm thực hiện tốt nhất những mục tiêu về phát triển cũng như về chất lượng đào tạo của tất cả các loại trường lớp.

Nguyên lý giáo dục thể hiện qua những phương hướng cải cách lớn về hệ thống trường lớp, về nội dung giáo dục và về phương pháp giáo dục:

1 — Cơ cấu tổ chức của hệ thống trường lớp bảo đảm chăm sóc giáo dục thế hệ trẻ liên tục từ lúc lọt lòng đến lúc trưởng thành; phù hợp với tổ chức lao động xã hội và cơ cấu kinh tế của đất nước và của từng vùng; tạo cho mọi người lao động có cơ hội không ngừng học tập.

2 — Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, cụ thể là: tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị và đạo đức cách mạng; hiện đại hóa một cách vững chắc chương trình học tập

văn hóa, khoa học và kỹ thuật; tăng cường giáo dục **thâm mỹ** và nghệ thuật, xây dựng ý thức và thói quen giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể; rèn luyện ý thức và kỹ năng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3 — Cải cách phương pháp giáo dục theo hướng gắn quá trình giáo dục con người với quá trình cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội; phát huy ý thức làm chủ tập thể, tính tự giác và chủ động sáng tạo của người học trong học tập và rèn luyện; kết hợp cá nhân với tập thể, nhà trường với gia đình và xã hội; sử dụng những phương tiện thông tin và giảng dạy hiện đại.

III

Hệ thống giáo dục mới là một thể thống nhất bao gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục đại học, và giáo dục tại chức không thoát ly công tác và sản xuất.

Giáo dục mầm non được tiến hành liên tục trong nhà trẻ và lớp mẫu giáo cho các cháu bé từ 2 tháng đến 6 tuổi nhằm hình thành những mầm mống của con người Việt-nam mới xã hội chủ nghĩa. Phần đầu thu hút tất cả các cháu bé vào nhà trẻ và lớp mẫu giáo, và dựa vào nhân dân mà thực hiện sự chăm sóc của xã hội đối với các cháu một cách bình đẳng. Cần tìm tòi nội dung và phương pháp giáo dục mới nhằm phát triển nhanh về thể lực, tình cảm và trí tuệ của các cháu, đồng thời nâng cao tiềm lực phát triển về mọi mặt ở lứa tuổi này.

Giáo dục phổ thông được tiến hành trong hệ thống trường phổ thông cơ sở 9 năm và trường phổ thông trung học 3 năm, nhằm cung cấp cho học sinh những hiểu biết cơ bản về tự nhiên và xã hội; xác định thế giới quan khoa học và đạo đức cách mạng; bồi dưỡng những hiểu biết về kỹ năng lao động có kỹ thuật, phát triển tư duy khoa học và tư duy kỹ thuật; nâng cao trình độ **thâm mỹ** và nghệ

thuật ; trau dồi những hiểu biết và rèn luyện thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, luyện tập quân sự.

Nói tóm lại, một thanh niên tốt nghiệp trường phổ thông là một người được chuẩn bị tốt để đi vào đào tạo nghề nghiệp và học lên nữa, sẵn sàng sống cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa, có đầy đủ tư cách của người lao động, người công dân và của người chiến sĩ, có khả năng tiếp tục phát huy sở trường của mình để cống hiến nhiều hơn cho Tổ quốc.

Do đặc điểm tâm lý và sinh lý của lứa tuổi, cho nên hệ thống trường phổ thông được phân làm hai bậc :

Bậc phổ thông cơ sở 9 năm có nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho nhi đồng và thiếu niên từ 6 đến 15 - 16 tuổi, chuẩn bị cho học sinh có thể tham gia các loại lao động phổ thông và có ý thức lựa chọn nghề nghiệp, mau chóng thích ứng với đào tạo nghề nghiệp. Bậc học này được phổ cập bắt buộc đối với tất cả thiếu niên. Sau khi tốt nghiệp bậc học này, học sinh có thể lên thẳng bậc phổ thông trung học, hoặc đi vào các lớp dạy nghề và một số trường trung học chuyên nghiệp. Nếu học sinh tham gia lao động ngay thì các cơ sở sản xuất và kinh doanh phải chăm lo bồi dưỡng cho các em về nghề nghiệp.

Bậc phổ thông trung học dành cho những thanh niên từ 15 đến 18 tuổi. Nó có nhiệm vụ hoàn thành đào tạo các em về văn hóa phổ thông, chuẩn bị cho các em lao động có kỹ thuật hay học lên bậc cao đẳng và đại học hoặc trung học chuyên nghiệp. Sẽ có nhiều hình thức phổ cập trường phổ thông trung học, trong đó có trường vừa học vừa làm. Do nhu cầu chuẩn bị trực tiếp cho phân công lao động, bậc phổ thông trung học sẽ được phân ban hợp lý, nhằm phát huy sở trường của học sinh trên cơ sở giáo dục toàn diện. Ngoài ra, cần đặc biệt chăm lo đến việc giáo dục các cháu có khuyết tật hay chậm phát triển. Giáo dục phổ

thông còn là một quá trình phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Vì thế cần mở những trường lớp bồi dưỡng những trẻ em có năng khiếu đặc biệt. Đối với lứa tuổi học phổ thông, chúng ta cũng sẽ thực hiện dần chế độ xã hội chăm sóc và giáo dục các cháu, bảo đảm cho tất cả nhi đồng và thiếu niên được phát triển một cách bình đẳng.

Ngoài trường phổ thông ra, thế hệ trẻ sẽ được giáo dục thêm trong các tổ chức văn hóa và xã hội khác như : câu lạc bộ thiếu niên, thư viện, các tổ hoạt động ngoại khóa v.v.

Trong hệ thống **các trường chuyên nghiệp, các trường lớp dạy nghề** sẽ phát triển nhanh chóng để kịp thời đào tạo một đội ngũ công nhân và nhân viên nghiệp vụ, giác ngộ về chính trị, thành thạo về tay nghề, có vốn văn hóa và kỹ thuật ngày một nâng cao, xứng đáng là chủ lực của sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước và cơ sở xã hội của chuyên chính vô sản. Hệ thống này còn có nhiệm vụ phổ biến những kiến thức kỹ thuật trong thế hệ trẻ và trong nhân dân lao động. Phương hướng chủ yếu của việc cải cách đào tạo nghề nghiệp là tăng cường rèn luyện tay nghề trên cơ sở nâng cao không ngừng trình độ hiểu biết về chính trị và khoa học, kỹ thuật.

Các trường trung học chuyên nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, đào tạo những kỹ thuật viên, những cán bộ trung học về nghiệp vụ có thể trực tiếp chỉ đạo một tập thể lao động thực hiện đúng những quy trình, quy phạm đã định. Tùy theo tính phức tạp về kỹ thuật của từng ngành nghề mà tuyển chọn những người có trình độ phổ thông cơ sở hay phổ thông trung học vào học các trường trung học chuyên nghiệp. Phương hướng chủ yếu của cải cách giáo dục trung học chuyên nghiệp là nâng cao khả

năng thực hành của kỹ thuật viên trên cơ sở giáo dục toàn diện, nhằm đào tạo người kỹ thuật viên thành thạo trong chỉ đạo sản xuất cũng như trong thực hành nghiệp vụ.

Hệ thống các trường đại học và cao đẳng sẽ được cải cách nhằm mục đích đào tạo có chất lượng đội ngũ trí thức mới xã hội chủ nghĩa, trung thành với Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, có ý chí và năng lực vươn tới những đỉnh cao về khoa học kỹ thuật, có sức giải quyết các vấn đề khoa học, kỹ thuật do thực tiễn xây dựng đất nước đặt ra. Trong cuộc cải cách giáo dục này, cần phát huy chức năng nghiên cứu khoa học của các trường đại học. Tổ chức trường lớp đại học sẽ được phân hóa để có thể đào tạo những cán bộ khoa học, kỹ thuật và kinh tế có trình độ nghiệp vụ thích hợp với nhu cầu sử dụng trong thực tiễn sản xuất và công tác. Các trường cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo những cán bộ có trình độ nghiệp vụ tương đương với đại học, thiên về chỉ đạo sản xuất, kịp thời đáp ứng nhu cầu về loại cán bộ này cho các địa phương và cho các cơ sở sản xuất. Cần mở rộng hơn nữa hệ thống bồi dưỡng sau đại học và đào tạo trên đại học.

Chất lượng đào tạo của các trường đại học và cao đẳng sẽ được nâng cao theo hướng: tăng cường giáo dục tư tưởng Mác - Lê-nin và đạo đức cách mạng; hiện đại hóa kiến thức khoa học, kỹ thuật và quản lý, nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học và tự học; đẩy mạnh sự kết hợp giảng dạy, học tập với lao động theo ngành nghề, với nghiên cứu khoa học. Cải tiến chế độ tuyển sinh vào các trường đại học theo đúng đường lối, chính sách cán bộ và đào tạo nhân tài của Đảng cũng là một biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong cải cách giáo dục lần này, bên cạnh hệ thống các trường lớp tập trung sẽ mở rộng mạng lưới **trường**

lớp bờ túc văn hóa và đào tạo tại chức, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của nhân dân lao động trước sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và kỹ thuật.

Cần xác định nội dung học tập thích hợp với đặc điểm tâm lý và nhu cầu học tập của người học. Đối với những lao động trẻ tuổi còn có sức học, cần biên soạn những chương trình học có hệ thống nhằm nâng cao trình độ văn hóa cơ bản hay nghiệp vụ tương đương với hệ thống giáo dục tập trung. Đối với những người lao động đã có tuổi, cần tổ chức những chuyên đề khoa học và kỹ thuật có liên quan đến nghề nghiệp của họ. Trong những đối tượng cần học, phải rất coi trọng những cán bộ lãnh đạo và quản lý, những đảng viên và thanh niên ưu tú, giúp họ tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong việc quản lý nền kinh tế và xã hội mới. Chúng ta sẽ tổ chức nhiều hình thức học tập linh hoạt và sử dụng tất cả các phương tiện thông tin vào mục đích phổ cập khoa học, kỹ thuật có hệ thống trong xã hội.

IV

Để xây dựng được hệ thống giáo dục mới, cần tiến hành một số biện pháp chính mà Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục đã chỉ ra:

1 - Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên xã hội chủ nghĩa và cán bộ quản lý giáo dục xã hội chủ nghĩa.

2 - Cải tiến chương trình học và soạn sách giáo khoa mới.

3 - Tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của các trường học.

4 - Kiện toàn tổ chức và tăng cường công tác quản lý của ngành giáo dục.

5 - Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học giáo dục.

Trong các biện pháp trên đây, vấn đề xây dựng và phát triển đội ngũ **giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mới** là một vấn đề có tính quyết định sự thành công của cải cách giáo dục. Phát huy truyền thống ham học

trong thầy của nhân dân ta. Đảng ta rất coi trọng người giáo viên xã hội chủ nghĩa. Đó là « những chiến sĩ cách mạng trên mặt trận tư tưởng và văn hóa », « những kỹ sư tâm hồn của thế hệ trẻ ». Cần khắc phục quan niệm coi giáo viên chỉ là người truyền thụ kiến thức, người « làm nghề gõ đầu trẻ ». Chức năng của người giáo viên là « có trách nhiệm truyền bá trong thế hệ trẻ lý tưởng và đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân, tinh hoa văn hóa của dân tộc và của loài người, khơi dậy và bồi dưỡng trong học sinh những phẩm chất cao quý và những năng lực sáng tạo của con người lao động mới ». Để hoàn thành được chức năng đó, người giáo viên xã hội chủ nghĩa cần có những tiêu chuẩn cao về tài năng và đạo đức « có tâm hồn cao thượng, có kiến thức cần thiết, có nhân cách xã hội chủ nghĩa, thiết tha yêu nghề, yêu trẻ, vì tương lai của thế hệ trẻ mà phấn đấu ».

Đối với học sinh, giáo viên có trách nhiệm giáo dục cả về trí tuệ, tình cảm và đạo đức; và để có tác dụng giáo dục tốt, người giáo viên cần nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật, nắm vững môn học mà mình phụ trách, đồng thời ngày càng đi sâu vào khoa học giáo dục con người và vận dụng nó một cách sáng tạo như là một nghệ thuật. Là cô nuôi dạy trẻ hay là giáo sư đại học, người giáo viên luôn luôn có ý thức lấy gương bản thân làm một nhân tố giáo dục mạnh mẽ.

Các trường sư phạm sẽ được cải cách trước tiên nhằm đào tạo ra thế hệ giáo viên mới; đồng thời công tác bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phải được tăng cường, đặt thành chế độ khiến cho mọi giáo viên và cán bộ giáo dục đều có khả năng tiến bộ không ngừng. Hiện nay, chúng ta phải cố gắng rất lớn về mặt này vì đội ngũ giáo viên của chúng ta còn yếu về nhiều mặt. Chúng ta sẽ phấn đấu nâng cao trình độ chính trị và văn hóa, trình độ đạo đức và sự phạm

của hơn 400 nghìn giáo viên các cấp cho đạt tiêu chuẩn, và kịp thời bồi dưỡng cho anh chị em những điểm mới bổ sung vào chương trình cải cách của các trường học. Nhà nước cũng sẽ ban hành những chế độ, chính sách khuyến khích nghề giáo viên. Các đảng bộ và chính quyền các cấp cùng với nhân dân cần nâng cao địa vị xã hội của giáo viên và hết lòng giúp đỡ giáo viên cải thiện điều kiện sinh hoạt và công tác.

Chương trình học và sách giáo khoa thể hiện nội dung và phương pháp giáo dục đối với từng trường học, lớp học. Những chương trình học đúng đắn và những sách giáo khoa tốt là những vũ khí cần thiết cho giáo viên, và là những công cụ cho người học tiếp thụ nội dung giáo dục một cách thuận lợi. Vì thế Bộ chính trị đặt thành một biện pháp quan trọng việc huy động những cán bộ giỏi về khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật, lý luận cách mạng, v.v. vào công tác biên soạn này.

Cơ sở vật chất và kỹ thuật của các trường học là một điều kiện rất quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Chúng ta không thể giúp học sinh nắm vững kiến thức, tiến hành lao động có kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, rèn luyện thân thể hay học tập nghệ thuật, nếu không có những phương tiện cần thiết như thiết bị thí nghiệm, công cụ lao động, dụng cụ thể thao và âm nhạc, v.v.: hơn nữa dần dần cần có cả những phương tiện thông tin hiện đại như vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình.

Về việc xây dựng trường sở và chế tạo thiết bị, cần phối hợp giữa nhân dân và Nhà nước. Chính quyền nhân dân các địa phương cần đặt vấn đề xây dựng trường sở vào vị trí ưu tiên trong kế hoạch xây dựng cơ bản, sau cơ sở vật chất và kỹ thuật cho sản xuất. Cần dựa vào nguyên liệu và vật liệu sẵn có ở địa phương và vận động nhân dân cùng thầy trò làm gạch ngói mà

tiến hành xây dựng trường sở. Đồng thời Nhà nước sẽ xây dựng những công trình trọng điểm đúng tiêu chuẩn hiện đại thuộc tất cả các ngành học. Đối với các trường đại học và chuyên nghiệp, cần sử dụng hợp lý những thiết bị của cơ sở sản xuất và của từng trường học.

Một điều kiện quan trọng nữa đồng thời là một mặt yếu của công tác giáo dục hiện nay là **vấn đề tổ chức và quản lý ngành giáo dục**. Công tác giáo dục là một công tác vận động quần chúng rộng rãi trên quy mô cả nước, từ thành thị, nông thôn đồng bằng đến vùng núi, và là một công tác khoa học phản ánh kịp thời sự phát triển của khoa học kỹ thuật và của xã hội. Công tác giáo dục lại là một công tác tổ chức tỉ mỉ, nói đến cùng, nhằm tác động đến sự phát triển của từng học sinh.

Vi thể cần tăng cường bộ máy quản lý ngành giáo dục, nhất là ở cấp huyện, đủ sức chỉ đạo phong trào toàn dân di học, gắn với cơ cấu kinh tế của từng vùng, nhất là trên địa bàn **huyện**. Toàn bộ tổ chức bộ máy phải phục vụ trường học là đơn vị cơ sở của ngành giáo dục, làm cho trường học hoạt động đúng quy chế, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của nó. Trong các trường học và ở cơ sở, cần có cơ chế tổ chức bảo đảm quyền làm chủ của giáo viên và học sinh thông qua các đoàn thể của họ như Công đoàn giáo dục Việt-nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh. Cần tiêu chuẩn hóa cán bộ quản lý và những tập thể cán bộ quản lý ở từng trường, từng cấp bảo đảm khả năng chỉ đạo việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Cần cải tiến lề lối làm việc của bộ máy tổ chức ngành giáo dục, coi trọng các mặt thông tin, thanh tra, thống kê kế hoạch, chỉ đạo điềm và điện, đúc kết kinh nghiệm tiên tiến và

ngiên cứu khoa học giáo dục. Trong từng trường học, cũng phải cải tiến lề lối sinh hoạt sao cho hoạt động của nhà trường tập trung vào nhiệm vụ dạy và học.

Cuối cùng, **đầy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục** nhằm giải quyết những vấn đề trước mắt cũng như những vấn đề cơ bản trong công tác giáo dục con người mới là điều kiện cần thiết để quyết định những biện pháp cụ thể thực hiện cải cách giáo dục có hiệu quả tốt. Con người vốn là một thể giới phức tạp; con người mới hình thành trong một chế độ xã hội tự do chân chính như chủ nghĩa xã hội, giữa một thời đại sôi nổi những biến động về chính trị cũng như về khoa học, kỹ thuật, thì lại càng phức tạp hơn. Chúng ta cần kết hợp những thành tựu mới nhất của khoa học giáo dục thế giới với những kinh nghiệm tiên tiến về giáo dục của nước ta, tiến hành điều tra, thử nghiệm, tìm ra những biện pháp giáo dục tốt nhất. Về mặt tổ chức, cần củng cố các Viện nghiên cứu khoa học giáo dục, tiến tới thành lập một Viện khoa học giáo dục Việt-nam và xây dựng một đội ngũ cán bộ khoa học giỏi về mặt này, đủ sức giải quyết những vấn đề lớn trong sự nghiệp giáo dục của nước ta

V

Như Nghị quyết của Bộ chính trị đã xác định, cải cách giáo dục là **«một cuộc vận động lớn trong quá trình tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta»**. Chúng ta không phải chỉ thay đổi chương trình giáo dục, mà là xây dựng cả một hệ thống quan điểm mới về việc giáo dục con người trong nhân dân ta, làm cho đường lối quan điểm giáo dục của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chiến thắng trong xã hội, phát huy tất cả những nhân tố giáo dục vào một mục

đích: hình thành thể hệ con người Việt-nam mới, xã hội chủ nghĩa.

Đây là cuộc đấu tranh rộng lớn **trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa**. Chúng ta phải gạt bỏ những quan điểm giáo dục lệch lạc còn tồn tại từ xã hội phong kiến, thực dân cũ và mới, như học tập vì địa vị và cá nhân; coi thường việc học văn hóa; học để thoát ly lao động và sản xuất; học sách vở đơn thuần, học lý thuyết suông, v.v.

Đây là một cuộc đấu tranh rộng lớn **trên lĩnh vực tổ chức**. Do quan triết nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội nên tổ chức trường học cũng khác trước; mạng lưới trường học phải gắn với cơ cấu kinh tế của địa phương; quản lý trường học phải đề cao vai trò làm chủ của quần chúng và sự tham gia các cơ sở sản xuất. Lề lối quản lý đương nhiên phải thay đổi, thực hiện được sự kết hợp giữa cơ quan chỉ đạo với phong trào quần chúng, giữa Nhà nước với nhân dân, giữa học tập trên lớp với giáo dục ngoài lớp; linh hoạt, kịp thời phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, của xã hội, và của thể hệ trẻ.

Hơn nữa, đây còn là một **công cuộc xây dựng mới trong giáo dục**. Từ đường lối quan điểm đến những biện pháp giáo dục cụ thể có tác dụng đến sự phát triển của học sinh là cả một quá trình nghiên cứu, thử nghiệm thận trọng và tỉ mỉ. Trong lĩnh vực đào tạo con người, không cho phép làm tùy tiện, không có can cứ khoa học; một biện pháp sai lầm sẽ gây ra một sự chậm trễ hay một chiều hướng lệch lạc trong sự phát triển của nhân cách. Đồng thời, khi đưa ra một biện pháp đúng, lại phải tính đến những điều kiện thực hiện, trước hết là người giáo viên.

Vì tính chất phức tạp như vậy, cho nên cải cách giáo dục phải **được toàn Đảng, toàn dân thực hiện dưới**

sự lãnh đạo của Đảng. Không thể coi đó là việc riêng của ngành giáo dục, tuy rằng các cán bộ giáo dục vẫn là lực lượng nòng cốt.

Các cấp ủy Đảng và các tổ chức Đảng cơ sở cần nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng về giáo dục, thu thập ý kiến của nhân dân, tổng kết kinh nghiệm tiên tiến; trên cơ sở đó, đánh giá đúng tình hình công tác giáo dục ở địa phương, quyết định những chủ trương và biện pháp đầy mạnh công tác giáo dục trong thời gian tới, chuẩn bị tốt cho việc chuyển sang hệ thống giáo dục mới.

Các cấp chính quyền cần định ra quy hoạch phát triển giáo dục, đặc biệt coi trọng các vấn đề giáo viên và cơ sở vật chất, thực hiện nghiêm chỉnh những chế độ, chính sách của Nhà nước ta đối với ngành giáo dục, có biện pháp động viên nhân dân tham gia xây dựng giáo dục, giúp cho ngành giáo dục kiện toàn tổ chức bộ máy và trường học.

Quần chúng nhân dân trước hết là giáo viên và học sinh phải đứng lên làm chủ sự nghiệp vĩ đại này không những đề hỗ trợ cho hệ thống giáo dục mới mà đề chính bản thân từng người, từng gia đình, từng tập thể phấn đấu làm theo đường lối quan điểm giáo dục của Đảng, biến mỗi tổ chức, mỗi tập thể thành một tổ chức giáo dục con người mới. Thông qua các đoàn thể quần chúng như Công đoàn giáo dục Việt-nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và Đội thiếu niên tiền phong Hồ-Chí-Minh, thông qua các tổ chức quần chúng khác như Hội cha mẹ học sinh, mà phát huy sự đóng góp của quần chúng vào việc xây dựng giáo dục. Quyền học tập của nhân dân lao động và những đòi hỏi hợp lý như tham gia quản lý trường học, được giúp đỡ đề mau chóng xóa bỏ sự chênh lệch về văn hóa giữa các vùng và các dân tộc...

(Xem tiếp trang 54)

Hiến pháp và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động

XUÂN - THỦY

NHÂN dân lao động là người sáng tạo ra lịch sử. Họ chiếm số đông trong xã hội và làm ra toàn bộ của cải vật chất và tinh thần. Họ là động lực thúc đẩy quá trình tiến lên không ngừng của xã hội loài người. Mọi thành tựu, mọi thay đổi lớn lao trong xã hội đều do quần chúng lao động xây dựng lên hoặc đóng vai trò quyết định. Lẽ ra, đương nhiên họ là người chủ của xã hội. Song dưới chế độ chiếm hữu nô lệ cũng như dưới chế độ phong kiến, những người lao động nô lệ và nông nô không những không được các Nhà nước chiếm hữu nô lệ và phong kiến thừa nhận địa vị xã hội xứng đáng của họ, mà ngược lại còn bị đối xử rất tàn bạo. Về mặt pháp lý, Nhà nước chiếm hữu nô lệ coi nô lệ không phải là người, mà là vật thuộc quyền sở hữu hoàn toàn của chủ nô như mọi đồ vật khác. Người nô lệ không có một chút quyền gì cả và không được coi là công dân của Nhà nước đó. Ngược lại, Nhà nước này công nhận cho chủ nô không những có quyền buộc nô lệ phải lao động cho chúng, có quyền đánh đập, mua bán nô lệ, mà thậm chí còn có quyền giết họ như giết súc vật nữa.

Nhà nước phong kiến coi nông nô như một vật phụ thuộc vào ruộng đất và do đó, về mặt pháp lý, xác định họ thuộc quyền sở hữu không hoàn toàn của chúa đất. Địa vị của nông nô trên thực tế chỉ khác rất ít với địa vị của nô lệ trong xã hội chiếm hữu nô lệ.

Trong chế độ phong kiến, chỉ các chúa phong kiến là có đủ mọi quyền hành, còn nông nô thì không có quyền gì cả. Người nông nô buộc phải làm việc cho chúa phong kiến và chỉ có thể lao động một số ngày nhất định cho mình, trên miếng đất mà chúa phong kiến giao cho họ. Trong các xã hội chiếm hữu nô lệ và phong kiến, người làm chủ không phải là những người lao động (nô lệ và nông nô), mà là thiểu số bóc lột cầm quyền: chủ nô hoặc chúa phong kiến. Đương nhiên, trong các xã hội này, không thể có Hiến pháp. Bởi vì nói đến Hiến pháp là nói đến chế độ pháp lý thống nhất cho toàn thể nhân dân một nước trong đó mọi người đều có quyền tự do bình đẳng như nhau, đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, và Nhà nước về nguyên tắc, phải do nhân dân cử ra để thay mặt nhân dân mà quản lý xã hội. Không bao giờ bọn chủ nô hoặc bọn phong kiến thống trị lại chịu ban hành Hiến pháp để thực hiện những điều đó, vì lẽ làm như vậy có nghĩa là bọn chúng tự mình thủ tiêu những đặc quyền đặc lợi giai cấp của mình.

Hiến pháp chỉ ra đời từ chế độ tư bản chủ nghĩa. Giai cấp tư sản, khi làm cách mạng lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến, giành chính quyền về tay mình, đã đưa ra những khẩu hiệu: «tự do, bình đẳng, bác ái», «chủ quyền thuộc về nhân dân», «nhân dân là nguồn gốc của

chính quyền», v.v. nhằm tập hợp quần chúng lao động theo mình làm cách mạng tư sản. Sau khi giành được chính quyền, giai cấp tư sản ban hành Hiến pháp để củng cố những thắng lợi đã đạt được. Hiến pháp tư sản không ngớt lời hoa mỹ công nhận nào là « tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân », v.v. và xác định nhiều quyền tự do dân chủ cho công dân. Hiến pháp tư sản còn định ra nhiều hình thức có vẻ như đề bảo đảm cho « dân làm chủ » như : nghị viện nhân dân do nhân dân bầu ra để thực hiện quyền lực, chế độ tuyển cử phổ thông và bình đẳng, việc trưng cầu ý kiến nhân dân về các vấn đề quan trọng của đất nước, các quyền tự do bình đẳng của công dân v.v. Nếu tin ở những lời hoa mỹ đó thì tưởng chừng như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đúng là nhân dân đã được làm chủ rồi. Nhưng, như mọi người đều biết, đó chỉ là những thủ đoạn mỵ dân. Nền dân chủ tư sản chỉ là hình thức, trên giấy tờ thì công nhận quyền làm chủ của nhân dân, còn trên thực tế thì lại bảo đảm cho giai cấp tư sản giả danh nhân dân mà sử dụng quyền lực Nhà nước. Đó là vì Hiến pháp tư sản công nhận quyền tư hữu tài sản, coi nó là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, và điều này có nghĩa là phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng nhau về quyền lợi : kẻ bóc lột và người bị bóc lột. Sự bất bình đẳng về kinh tế dẫn đến sự bất bình đẳng về chính trị : người làm chủ thật sự ở đây là giai cấp tư sản nắm quyền lực chính trị và kinh tế trong tay. Còn đối với nhân dân lao động, bị bóc lột và nghèo khổ, thì « chủ quyền », « quyền lực » và các quyền tự do dân chủ này khác chỉ là những chiếc « bánh vẽ » mà nhân dân lao động không thể có điều kiện để sử dụng và hưởng thụ được. Như vậy, Hiến pháp tư sản tuy có xác định quyền làm chủ của nhân dân, nhưng chỉ là giả tạo vì nó không phù hợp với thực tế.

Chính vì vậy mà Lê-nin đã nói các cuộc cách mạng tư sản rốt cuộc chỉ là quá trình kiến lập một chế độ lập hiến, chứ không có gì hơn ». (1)

Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến hành thắng lợi mới thật sự đem lại quyền làm chủ cho nhân dân lao động. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, chuyên chính vô sản ra đời ở nước ta đã giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi chế độ áp bức, bóc lột của các giai cấp địa chủ và tư sản. Quyền lực chính trị từ nay không nằm trong tay thiểu số bóc lột nữa, mà thuộc về toàn thể nhân dân lao động. Các tư liệu sản xuất chủ yếu được xã hội hóa, chế độ người bóc lột người bị xóa bỏ, mọi sự áp bức về kinh tế, chính trị, xã hội v.v. không còn nữa. Lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân về cơ bản là nhất trí. Mọi người đều làm chủ tập thể xã hội và Nhà nước, và có quyền lợi, nghĩa vụ như nhau. Quyền làm chủ tập thể trên thực tế của nhân dân lao động trong xã hội ta phải được Hiến pháp, đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, phản ánh và bảo đảm. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân phải được Hiến pháp xác định thành thể chế, thành chế độ cơ bản của Nhà nước, nếu không thì Hiến pháp không có ý nghĩa và sẽ không đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Hiến pháp sẽ mất cái cốt lõi chủ yếu của nó và sẽ thiếu sức sống mạnh mẽ. Vì vậy, Hiến pháp có nhiệm vụ phải biến đường lối chính sách cơ bản của Đảng thành thể chế của Nhà nước, phải quy định quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động dựa trên cơ sở liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, và

(1) Lê-nin : Toàn tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, tập 13, trang 28.

bảo đảm cho quyền làm chủ ấy thực hiện được đầy đủ và đúng đắn. Đó là tinh thần và nội dung cơ bản nhất của bản dự thảo Hiến pháp mới.



Dự thảo Hiến pháp mới đã thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động như thế nào? Như Nghị quyết Đại hội IV của Đảng đã xác định, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung ở sự làm chủ tập thể của nhân dân lao động (mà nòng cốt là liên minh công nông), chủ yếu bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Do đó, để xây dựng chế độ làm chủ tập thể nói trên, dự thảo Hiến pháp mới đã quan tâm trước hết đến việc quy định một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Dự thảo xác định: ở nước ta, người làm chủ tập thể là nhân dân lao động bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và những người lao động khác, mà nòng cốt là liên minh công nông. Đó là những người đã được giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột của bọn đế quốc, thực dân, phong kiến và giai cấp tư sản trong nước, từ nay vinh viễn làm chủ xã hội ta. Sự làm chủ ở đây là làm chủ tập thể, tức là người làm chủ không phải chỉ là một cá nhân, mà cả cộng đồng xã hội, cả tập thể nhân dân lao động có tổ chức. Cộng đồng nhân dân này cùng phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội, cùng theo hệ tư tưởng Mác - Lê-nin và cùng chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Trong cộng đồng này, mọi người đều làm chủ như nhau, không có sự phân biệt địa vị và thành phần xã hội, không có sự phân biệt nam hay nữ, dân tộc đa số hay dân tộc thiểu số. Giữa các tầng lớp xã hội, giữa các dân tộc với nhau có sự nhất trí về chính trị và tinh thần, về mục

tiêu hành động. Quan hệ hợp tác, tương trợ nảy sinh giữa các thành viên trong xã hội nhằm cùng nhau sát cánh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cộng đồng xã hội xã hội chủ nghĩa này làm chủ tập thể toàn diện: làm chủ về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ trong phạm vi cả nước, từng địa phương, từng cơ sở; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân. Nhà nước có trách nhiệm phải bảo đảm không ngừng hoàn chỉnh và củng cố chế độ làm chủ tập thể ấy.

Nhân dân làm chủ tập thể một cách tập trung và có hiệu quả nhất là làm chủ bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước là công cụ để nhân dân thực hiện sự thống trị của mình đối với thiểu số bóc lột và xây dựng một xã hội mới trong đó mọi người đều sống tự do, hạnh phúc. Do đó, Nhà nước phải là Nhà nước chuyên chính vô sản. Sự mạng lịch sử của nó đã được dự thảo Hiến pháp mới nêu rõ là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động viên và tổ chức nhân dân tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đập tan mọi sự phản kháng của bọn phản cách mạng và mọi hành động xâm lược của kẻ thù bên ngoài; xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, tiến tới chủ nghĩa cộng sản.

Dưới chế độ ta, Nhà nước xã hội chủ nghĩa không tách rời các đoàn thể của nhân dân. Nhân dân lao động làm chủ tập thể không những bằng Nhà nước mà còn bằng các tổ chức quần chúng. Dự thảo Hiến pháp mới đã coi Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, bao gồm các chính đảng, Tổng công đoàn Việt-nam, Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt-nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam và các thành viên khác của Mặt trận là chỗ dựa vững chắc

của Nhà nước. Các đoàn thể nhân dân là trường học xã hội chủ nghĩa của quần chúng. Một mặt, các đoàn thể giáo dục và động viên nhân dân đề cao ý thức làm chủ tập thể, ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; mặt khác bảo đảm cho quần chúng tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, giám sát công việc của Nhà nước, thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình. Hai mặt làm chủ bằng Nhà nước và làm chủ bằng các đoàn thể kết hợp và bổ sung cho nhau bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ tập thể được đầy đủ. Do đó, dự thảo Hiến pháp mới xác định vị trí của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, và mối quan hệ của các tổ chức này với Nhà nước khiến cho nhân dân thực hiện được tốt quyền làm chủ tập thể của mình. Đây là lần đầu tiên, vị trí, vai trò và trách nhiệm của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong xã hội ta được nêu thành thể chế trong Hiến pháp.

Nhân dân lao động chỉ có thể làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản. Nếu không có sự lãnh đạo của Đảng thì nhân dân không thể làm chủ vận mệnh của mình và không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với xã hội thông qua Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Dự thảo Hiến pháp xác nhận, Đảng cộng sản Việt-nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội, là nhân tố chủ yếu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam. Vị trí và vai trò lãnh đạo của Đảng trước đây được xác định trong lời nói đầu của Hiến pháp năm 1959 thì nay được nêu thành điều khoản trong nội dung của dự thảo Hiến pháp mới.

Như vậy, cơ chế làm chủ tập thể của nhân dân lao động bao gồm ba

mặt Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý trong hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta, được ghi rõ ngay ở chương đầu tiên của dự thảo Hiến pháp mới.

Một vấn đề quan trọng nữa được đặt ra là: trong nước ta, nhân dân làm chủ tập thể Nhà nước. Nhà nước chỉ là công cụ để nhân dân sử dụng nhằm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới, bảo đảm cho mọi người một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Vậy thì phải tổ chức Nhà nước như thế nào để Nhà nước thật sự là của dân, do dân, vì dân? Dự thảo Hiến pháp mới nói rõ là: Trong nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ sở chính trị của Nhà nước ta. Các cơ quan này thay mặt nhân dân mà sử dụng quyền lực Nhà nước. Mọi cơ quan Nhà nước khác đều do Quốc hội và Hội đồng nhân dân trực tiếp hoặc gián tiếp cử ra, phải báo cáo, chịu trách nhiệm và chịu sự giám sát của các cơ quan quyền lực Nhà nước đó. Dự thảo Hiến pháp mới đã quan tâm đến việc nâng cao vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhân dân như Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV đã quyết định. Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu về hoạt động của công dân, về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Còn Hội đồng nhân dân là

cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Hội đồng nhân dân quyết định và thực hiện các biện pháp nhằm xây dựng địa phương về mọi mặt. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân được quy định cụ thể, rõ ràng hơn để bảo đảm cho Hội đồng nhân dân thật sự là cơ quan nắm quyền lực Nhà nước ở địa phương, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương và giám sát các cơ quan Nhà nước của địa phương và của cấp trên hoạt động ở địa phương mình.

Nhân dân không phải chỉ sử dụng quyền lực Nhà nước một cách gián tiếp thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, mà còn có thể trực tiếp sử dụng quyền lực đó. Không những Quốc hội và Hội đồng nhân dân phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, mà tất cả các cơ quan Nhà nước khác cũng đều phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân. Tất cả các cán bộ, nhân viên Nhà nước đều là « đầy tớ của nhân dân », cũng phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Nhân dân còn có thể giám sát hoạt động của Nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng như Tổng công đoàn, Hội liên hiệp nông dân tập thể, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, v.v. Các đoàn thể này đại diện cho các giới quần chúng có quyền trình những dự án luật có quan hệ đến lợi ích chung hoặc đến lợi ích của từng giới quần chúng ra trước Quốc hội. Ở các đơn vị cơ sở như cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã, khu dân cư, v.v., tập thể nhân dân lao động được trực tiếp tham gia các công việc chung: thảo luận, giải quyết và kiểm tra công việc Nhà nước và công việc xã hội, tham gia xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa, thực hiện thi đua xã hội chủ nghĩa; bảo vệ của công, giữ gìn an

ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tổ chức đời sống công cộng ở địa phương.

Mọi biểu hiện xa rời quần chúng, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân như: quan liêu, mệnh lệnh, hách dịch, cửa quyền v.v. đều bị nghiêm cấm.

Như vậy dự thảo Hiến pháp mới hết sức quan tâm đến việc bảo đảm cho nhân dân thật sự là người chủ, là chủ thể của Nhà nước, và trong bất cứ trường hợp nào, dù là gián tiếp hoặc trực tiếp, nhân dân vẫn có thể sử dụng quyền lực Nhà nước của mình. Mọi quyền hành trong bộ máy Nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân, đều do nhân dân ủy nhiệm và kiểm soát sao cho bộ máy này toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân biểu hiện không chỉ ở chỗ nhân dân nắm quyền lực chính trị, mà còn ở chỗ nhân dân nắm quyền lực kinh tế. Nhân dân không thể làm chủ xã hội được, nếu không làm chủ các tư liệu sản xuất và mọi tài nguyên trong xã hội như ruộng đất, hầm mỏ, rừng núi, v.v. và do đó, làm chủ về lao động, về sản xuất và phân phối. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa Hiến pháp tư sản nói là: quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Song đó chỉ là lời nói trên giấy tờ, bởi vì trên thực tế, kẻ thật sự làm chủ không phải là nhân dân, mà là bọn tư bản nắm trong tay các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Mục tiêu của quyền làm chủ tập thể về kinh tế của nhân dân là xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nhằm đưa nước ta từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, và trên cơ sở đó thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn thể nhân dân. Quyền lực kinh tế và quyền lực

chính trị có mối quan hệ khăng khít, chúng bổ sung cho nhau và nhất trí với nhau, bảo đảm cho nhân dân lao động thật sự làm chủ và thực hiện được ý chí của mình trong việc tổ chức và quản lý xã hội xã hội chủ nghĩa. Trên ý nghĩa đó, dự thảo Hiến pháp mới xác định mục tiêu và đường lối xây dựng kinh tế theo tinh thần nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IV và thể chế hóa quyền làm chủ tập thể về kinh tế của nhân dân, làm cho sự nghiệp phát triển kinh tế thật sự là sự nghiệp của toàn dân. Việc thể chế hóa này thể hiện trên nhiều mặt: cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xác lập và củng cố chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể của nhân dân lao động; quy định tài sản nào là của chung, của toàn dân; xác nhận độc quyền của Nhà nước về ngoại thương và về mọi quan hệ kinh tế khác với nước ngoài; bảo hộ quyền sở hữu cá nhân của công dân về tư liệu sinh hoạt như thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, v.v. và quyền thừa kế tài sản của công dân; xác định kinh tế quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân được Nhà nước bảo đảm phát triển ưu tiên; quy định việc xây dựng nền khoa học - kỹ thuật của nước nhà; định rõ lao động là nhân tố quyết định nhất để phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân và nêu rõ chính sách tiết kiệm, chính sách kết hợp giáo dục chính trị và tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất để đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta; quy định nguyên tắc phân phối theo lao động; định rõ những nguyên tắc quản lý và kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân trên cơ sở tổ chức nền sản xuất xã hội theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, v.v. Như vậy dự thảo Hiến pháp mới chú

ý quy định đầy đủ quyền làm chủ tập thể về kinh tế của nhân dân.

Với việc thể chế hóa chế độ làm chủ tập thể về kinh tế, dự thảo Hiến pháp mới không những ghi nhận và củng cố những thành quả mà nhân dân ta đã đạt được trong lĩnh vực này, mà còn nêu rõ phương hướng xây dựng và phát triển nền kinh tế nước ta, làm cơ sở vững chắc cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Một mặt quan trọng khác của quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động mà dự thảo Hiến pháp mới quan tâm thể chế hóa là quyền làm chủ tập thể về văn hóa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có trách nhiệm mang lại cho nhân dân một đời sống không những ngày càng đầy đủ về vật chất mà còn ngày càng phong phú về tinh thần. Nhà nước thực hiện và đẩy mạnh cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, ra sức xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Văn hóa giáo dục là một bộ phận của chế độ xã hội chủ nghĩa góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới và con người mới. Hồ Chủ tịch đã dạy: "muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa".

Dự thảo Hiến pháp mới đã dành riêng một chương đề thể chế hóa văn hóa, giáo dục. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin là hệ tư tưởng chỉ đạo sự phát triển của xã hội Việt-nam. Sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới và con người mới là của toàn dân, và toàn dân được hưởng những thành tựu văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta và của các dân tộc trên thế giới. Dự thảo đặc biệt chú trọng đến sự nghiệp giáo dục nhằm xây dựng con người mới làm chủ tập thể, chăm lao động, quý trọng của công, có kiến thức khoa học kỹ thuật, có sức khỏe, có tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản. Con

người mới hình thành trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng là người xây dựng chủ nghĩa xã hội và là người chủ của xã hội mới, chăm lo cho cuộc sống tập thể ngày một tốt đẹp hơn theo lẽ sống: "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người".

Đi đôi với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta còn có quyền và nghĩa vụ làm chủ tập thể trong việc bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước, nhất là trong tình hình hiện nay bọn đế quốc và bọn bành trướng Bắc-kinh đang mưu mô cấu kết với nhau hòng phá hoại và thôn tính nước ta. Chúng ta phải tăng cường cảnh giác, ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, sẵn sàng đánh bại bất cứ kẻ thù nào liều lĩnh xâm lược nước ta. Đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với đường lối xây dựng kinh tế. Nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại của nước ta được xây dựng trên cơ sở kết hợp xây dựng Tổ quốc với bảo vệ Tổ quốc, kết hợp sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân với sức mạnh của toàn dân, kết hợp sức mạnh truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc với sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh quốc phòng của ta là sức mạnh tổng hợp, toàn diện. Nhà nước phải chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng công nghiệp quốc phòng, ra sức hiện đại hóa lực lượng quốc phòng và cũng có khả năng phòng thủ của đất nước. Các lực lượng vũ trang là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc, bảo vệ tự do, hạnh phúc và lao động hòa bình của nhân dân. Nhiệm vụ xây dựng và củng cố

quốc phòng còn là nhiệm vụ của toàn thể nhân dân, của hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam. Tất cả các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân đều phải làm đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng mà Hiến pháp và pháp luật quy định. Như vậy, củng cố quốc phòng, giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một mặt rất quan trọng của chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động được dự thảo Hiến pháp mới thể chế hóa trong một chương riêng mà Hiến pháp năm 1959 không có.

Quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động không hề gạt bỏ cá nhân, không hề xóa bỏ các quyền và tự do của cá nhân như bọn bồi bút của giai cấp tư sản thường xuyên tạc, mà ngược lại, kết hợp hài hòa lợi ích của tập thể với quyền lợi chính đáng của cá nhân. Giữa tập thể và cá nhân, bao giờ cũng có mối quan hệ gắn bó, hữu cơ, bởi vì không có cá nhân thì cũng không có tập thể. Vì vậy, xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa cá nhân và tập thể, giữa công dân và Nhà nước là một nội dung rất quan trọng của việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ này được thể hiện trong dự thảo Hiến pháp mới bằng các quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản xác định vị trí pháp lý của công dân đối với Nhà nước và xã hội. Vị trí đó bắt nguồn từ địa vị làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Do địa vị này, công dân làm chủ về quyền lợi đồng thời làm chủ cả về nghĩa vụ. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, các tư liệu sản xuất chủ yếu đều được xã hội hóa, nạn người bóc lột người bị xóa bỏ, sự áp bức về chính trị, kinh tế, xã hội, sự bất bình đẳng giữa các dân tộc và giữa nam và nữ không còn nữa, mọi công dân, nữ cũng như nam, dân tộc thiểu số cũng như dân tộc đa số đều làm

chủ tập thể Nhà nước và xã hội như nhau, không hề có sự phân biệt. Cũng vì vậy mà lợi ích của xã hội và lợi ích của cá nhân là căn bản nhất trí: quyền lợi của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân. Dưới chế độ ta, có những quyền lợi đồng thời là nghĩa vụ như quyền lao động, quyền học tập, có nghĩa vụ đồng thời là quyền lợi như nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Công dân làm tròn nghĩa vụ thì đồng thời cũng là sử dụng quyền lợi của mình. Công dân có làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội thì mới tạo ra những điều kiện cần thiết để hưởng những quyền lợi của mình. Nhà nước bảo đảm cho công dân được hưởng quyền lợi và đòi hỏi công dân phải làm tròn nghĩa vụ. Quyền lợi và nghĩa vụ là hai mặt của một thể thống nhất nói lên vị trí làm chủ của người lao động trong xã hội mới. Sau nữa, lợi ích chung của Nhà nước và xã hội là cơ sở để thỏa mãn và không ngừng nâng cao lợi ích riêng của cá nhân. Do đó, lợi ích của Nhà nước và xã hội cao hơn lợi ích của cá nhân. Việc sử dụng các quyền lợi của công dân phải phù hợp với lợi ích chung của Nhà nước và xã hội. Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích đó. Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện vật chất và tinh thần để công dân ngày càng được hưởng đầy đủ các quyền lợi của mình.

Tinh thần cơ bản nói trên được phản ánh trong chương « Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân ». So với Hiến pháp năm 1959, dự thảo Hiến pháp mới đã có những điều bổ sung mới. Chẳng hạn như quyền tham gia quản lý Nhà nước, quyền có nhà ở, quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền được ưu đãi đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, những người và những gia đình có công với cách mạng, nghĩa vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nghĩa vụ tham gia lao động công ích, v.v. Việc quy

định đầy đủ hơn và mở rộng các quyền và nghĩa vụ của công dân trong dự thảo Hiến pháp mới không những nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phát huy tinh chủ động và óc sáng tạo của nhân dân trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà còn góp phần rèn luyện con người mới xã hội chủ nghĩa để quản lý xã hội mới theo tinh thần lời dạy của Ăng-ghen là « việc tiên hành sản xuất tập thể bằng lực lượng của toàn xã hội và sự phát triển mới của nền sản xuất do việc đó mang lại, sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới và sẽ tạo nên những con người mới đó » (2).

Như vậy, tổng quát lại, dự thảo Hiến pháp mới đã chú trọng thể chế hóa các mặt làm chủ cơ bản nhất của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động nước ta.



Cuộc thảo luận dự thảo Hiến pháp mới trong toàn dân sẽ có tác dụng quan trọng đối với việc thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong Hiến pháp mới. Nó làm cho Hiến pháp thật sự là của nhân dân, do nhân dân tham gia xây dựng. Nhân dân thảo luận và góp ý kiến xây dựng Hiến pháp là trực tiếp tham gia xây dựng và củng cố Nhà nước chuyên chính vô sản, xây dựng và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Cuộc thảo luận chẳng những có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng Hiến pháp, mà còn làm cho cán bộ và nhân dân ta nâng cao nhận thức về chế độ xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước và pháp chế xã hội chủ nghĩa, về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Do đó sẽ có ảnh hưởng tích cực đến việc thi hành Hiến pháp sau này.

(2) Ăng-ghen : *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 26 — 27.

Xây dựng Hiến pháp được tốt, phần ảnh được đúng đắn ý chí của giai cấp công nhân và nguyện vọng của nhân dân lao động mới là một mặt, còn mặt khác quan trọng và lâu dài hơn mà chúng ta cần quan tâm, đó là việc thi hành Hiến pháp sau khi nó được chính thức thông qua. Những quy định của Hiến pháp, dù có đúng đắn và hoàn hảo đến đâu chăng nữa, nếu không được chấp hành nghiêm chỉnh thì cũng chỉ nằm trên giấy tờ mà thôi. Vì vậy, ngay từ bây giờ, cần phải nghĩ đến việc tổ chức thi hành Hiến pháp sau này sao cho có hiệu quả để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp là hình thái pháp lý thể hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân. Nếu Hiến pháp được thi hành tốt thì cũng có nghĩa là quyền làm chủ tập thể của nhân dân được quan tâm thực hiện trong đời sống xã hội ta.

Để bảo đảm cho Hiến pháp được thi hành đúng đắn, dự thảo đã đề thành trách nhiệm cho tất cả các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội, các nhân viên Nhà nước và công dân đều « phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, kiên quyết đấu tranh để phòng ngừa và chống các tội phạm và việc làm vi phạm Hiến pháp và pháp luật ». Công dân còn có nghĩa vụ « tuân theo Hiến pháp và pháp luật ». Dự thảo cũng định rõ: « Quốc hội có quyền giám sát tối cao việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật », và Hội đồng Nhà nước có « quyền đình chỉ việc thi hành và sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị định, nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng trái với Hiến pháp, luật và pháp lệnh ». Để những quy định này đạt được tác dụng mong muốn, vấn đề đặt ra là phải chú trọng tổ chức chặt chẽ việc giám sát thi hành Hiến pháp để Hiến pháp được triệt để tôn trọng, chống mọi hành động vi phạm xảy ra.

Sau nữa với tính chất của đạo luật cơ bản, Hiến pháp không quy định tỉ mỉ, chi tiết về một lĩnh vực nhất

định nào, mà chỉ quy định những điều khoản, có tính nguyên tắc và bao quát chung về những vấn đề lớn. Những điều khoản ấy cần được cụ thể hóa bằng những văn bản pháp luật để vận dụng trong thực tế. Do đó, các cơ quan Nhà nước, tùy theo quyền hạn của mình, có trách nhiệm chuẩn bị sẵn sàng những văn bản cần thiết để khi Hiến pháp được chính thức thông qua thì ban hành nhằm góp phần vào việc phát huy tác dụng của Hiến pháp. Mặt khác, các cơ quan Nhà nước và nhân viên Nhà nước đều phải nghiêm chỉnh thi hành và bảo vệ Hiến pháp, phải hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ mà Hiến pháp đã quy định cho mình, phải thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, bảo đảm cho Hiến pháp có tác dụng trong mọi mặt hoạt động của xã hội.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo Nhà nước, các tổ chức của Đảng và các đảng viên muốn lãnh đạo tốt thì phải gương mẫu trong mọi việc. Các tổ chức của Đảng, như dự thảo Hiến pháp mới đã nói rõ, phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp. Các đảng viên đều có nghĩa vụ tôn trọng và chấp hành Hiến pháp như mọi cán bộ và công dân khác. Nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước là một kỷ luật của Đảng đối với tất cả các tổ chức Đảng, các cán bộ, đảng viên của Đảng, và là một trong những nhiệm vụ của đảng viên được ghi ở điều 2 Điều lệ Đảng.

Cuối cùng, cần chú trọng đến việc giáo dục cán bộ, bộ đội và nhân dân thấm nhuần tinh thần và nội dung của Hiến pháp và nâng cao ý thức làm chủ, ra sức tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp. Cần làm cho mọi người thấy rõ: Hiến pháp là của nhân dân, do nhân dân xây dựng lên nhằm thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân, vì vậy mọi người không trừ một ai, đều có trách nhiệm tự

(Xem tiếp trang 42)

CHIẾN LƯỢC BÁ QUYỀN VÀ BÀNH TRƯỚNG CỦA BẮC-KINH

PHÚC-CƯƠNG

TỪ khi thành lập đến nay, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa đã tròn 30 tuổi. 30 năm là khoảng thời gian rất ngắn so với lịch sử của một dân tộc cũng như lịch sử quan hệ quốc tế. Trong thời gian ngắn đó, thế giới đã chứng kiến những thay đổi rất cơ bản, rất sâu sắc, rất đột ngột trong chiến lược toàn cầu của Bắc-kinh. Từ trong hàng ngũ các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc, Bắc-kinh đã trở thành đồng minh của chủ nghĩa đế quốc và các bọn phản động khác chống lại nhân dân thế giới. Bài này nhằm mục đích cố gắng tìm hiểu thực chất những biến đổi đó và chiến lược của Bắc-kinh trong tương lai.

THỰC CHẤT CỦA VIỆC BẮC-KINH LẬT NGƯỢC LIÊN MINH, THAY ĐỔI BẠN THÙ

Trong 30 năm qua, Trung-quốc từ một nước tuyên bố là xã hội chủ nghĩa với những lời lẽ kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ mạnh mẽ phong trào cách mạng thế giới chuyển thành lực lượng cực kỳ phản động, cấu kết chặt chẽ với bọn đế quốc, phản động,

điên cuồng chống lại các nước xã hội chủ nghĩa, chống lại phong trào độc lập dân tộc, chống lại phong trào cộng sản quốc tế, kích động và tuyên truyền chiến tranh thế giới chống lại nguyện vọng hòa bình của các dân tộc. Trong những năm 50, Trung-quốc coi Liên-xô là đồng minh chiến lược, coi Mỹ là kẻ thù không đội trời chung và cho rằng bản chất đế quốc của Mỹ không bao giờ thay đổi. Từ cuối những năm 60, Bắc-kinh coi Liên-xô là kẻ thù nguy hiểm nhất và coi đế quốc Mỹ là đồng minh chiến lược của mình. Trên cơ sở sắp xếp Liên-xô và Mỹ là kẻ thù và bạn hoặc ngược lại, Bắc-kinh sắp xếp tất cả các lực lượng khác; những lực lượng cách mạng từ chỗ là đồng minh của Trung-quốc trở thành kẻ thù, và những lực lượng phản động từ chỗ là kẻ thù trở thành bạn của Bắc-kinh.

Để giải thích những thay đổi chiến lược về bạn và thù, Bắc-kinh đã đưa ra những luận điểm và học thuyết khác nhau trong một thời gian ngắn. Từ 1963 đến 1973, trong vòng 10 năm, họ ba lần thay đổi quan điểm về phân tích mâu thuẫn cơ bản và về sắp xếp lực lượng trên thế giới. Năm 1963, trong bản kiến nghị 25 điểm về đường

lỗi chung của phong trào cộng sản quốc tế, Bắc-kinh phân tích 4 mâu thuẫn của thời đại, tuy có điểm còn khác nhau nhưng về cơ bản phù hợp với các nghị quyết của Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân thế giới năm 1957 và 1960. Sáu năm sau, năm 1969, với nghị quyết của Đại hội 9 của Đảng cộng sản Trung-quốc, họ phủ nhận sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, coi Liên-xô cũng như đế quốc đều là kẻ thù và coi Liên-xô là kẻ thù nguy hiểm nhất, họ coi các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu cũng như các nước tư bản chủ nghĩa là những nước thuộc chế độ cần phải xóa bỏ. Chỉ có Trung-quốc và vài nước đồng minh gần gũi với họ là xã hội chủ nghĩa. Đầu những năm 70, họ đưa ra học thuyết « ba thế giới ». Theo học thuyết này, toàn bộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống bọn đế quốc chỉ là cuộc tranh giành bá quyền giữa hai siêu cường quốc Liên-xô và Mỹ và chỉ là cuộc đấu tranh chống lại bá quyền của hai siêu cường quốc này. Bắc-kinh không còn nói đến cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội nữa. Họ chỉ nói đến chủ nghĩa dân tộc. Họ tự coi mình thuộc thế giới thứ ba. Họ kêu gọi thế giới thứ ba, bao gồm các nước vừa, nhỏ và nghèo, đoàn kết với thế giới thứ hai, bao gồm các nước xã hội chủ nghĩa cũng như tư bản chủ nghĩa vừa, nhỏ và giàu, hợp tác với một siêu cường là Mỹ thành một mặt trận thế giới chống Liên-xô.

Nói đúng ra, luận điểm của họ đưa ra năm 1969 đánh dấu bước ngoặt cơ bản về chiến lược của họ, học thuyết về « ba thế giới » đưa ra đầu những năm 70 là thể hoàn chỉnh của luận điểm đưa ra từ năm 1969. Văn đề cơ bản nhất là họ từ bỏ lập trường giai cấp và rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa dân tộc tư sản. Họ không còn phân biệt chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa đế

quốc, coi Liên-xô là kẻ thù và coi Mỹ là đồng minh. Họ không còn phân biệt các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân với chính quyền phản động tay sai của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh. Họ từ bỏ mục tiêu chống đế quốc và đưa ra luận điểm chống bá quyền. Họ cho rằng những cuộc đấu tranh trên thế giới là sự tranh giành bá quyền giữa hai siêu cường quốc. Với chiêu bài chống bá quyền của Liên-xô, họ câu kết với đế quốc, ủng hộ các thế lực phản động chống lại phong trào cách mạng ở Á, Phi, Mỹ la-tinh. Từ năm 1973, họ đã trắng trợn ủng hộ bọn độc tài Pi-nô-chê chống lại nhân dân Chi-lê, ủng hộ bọn phản biệt chủng tộc Nam Phi và bọn phản động chống lại cách mạng Ăng-gô-la, ủng hộ Mô-butu ở Da-ia, ủng hộ chính quyền Xô-ma-li chống lại cách mạng Ê-ti-ô-pi-a, ủng hộ chính quyền Ai-cập chống lại nhân dân A-rập và nhân dân Pa-lê-xtín, ủng hộ tên bạo chúa Pa-lê-vi chống lại nhân dân I-ran, ủng hộ bọn phản động chống lại cách mạng Ăp-ga-ni-xtan, ủng hộ tên độc tài Xô-mô-xa ở Ni-ca-ra-goa. Họ ngang nhiên sử dụng bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry bị cả loài người lên án chống lại nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Việt-nam, và đỉnh cao là họ đã tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam. Xâm lược nước Việt-nam, biểu tượng của cuộc đấu tranh vì độc lập và tự do, lương tri của loài người, bọn phản động Bắc-kinh đã tự lột mặt nạ cách mạng giả hiệu và hiện nguyên hình là bọn phản động cực kỳ nguy hiểm chống tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới. Chúng xâm lược Việt-nam làm cho nhiều người bất ngờ và sửng sốt. Nhưng nếu đặt cuộc xâm lược của Bắc-kinh trong khung cảnh chung của việc Bắc-kinh lật ngược liên minh trên thế giới thì đó lại là điều có thể hiểu được.

Chẳng những Bắc-kinh đã lật ngược chính sách liên minh của họ trên thế giới, họ cũng đã làm vậy trong các cuộc tranh giành quyền lực ở trong nước họ.

Từ năm 1935 đến năm 1977 sự tranh truggle lẫn nhau, lật đổ nhau để tranh giành địa vị trong ban lãnh đạo Đảng cộng sản Trung-quốc diễn ra liên tục và gay gắt. Và hiện nay, chúng ta chưa thấy có cơ sở gì để dự đoán rằng chính sách lật ngược liên minh đã chấm dứt.

Chính sách liên minh của giới cầm quyền Bắc-kinh luôn luôn thay đổi, nhưng mục tiêu chiến lược toàn cầu phản cách mạng của họ không hề thay đổi. Trong 30 năm qua, họ cầm quyền Bắc-kinh ra sức thực hiện mục tiêu chiến lược không thay đổi đó là chủ nghĩa bá quyền và bành trướng. Trong 8 năm đầu, kể từ khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa thành lập, mưu đồ bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh chưa thể hiện đầy đủ và rõ ràng. Lúc đó họ đưa ra luận điểm: con đường của cách mạng Trung-quốc là con đường của các nước Á, Phi, Mỹ-la-tinh sẽ đi theo. Riêng đối với Việt-nam, chủ nghĩa bá quyền và bành trướng của họ đã bộc lộ chân tướng một cách rõ ràng. Sau chiến thắng Điện-biên-phủ, nhân dân Việt-nam có khả năng giải phóng hoàn toàn Việt-nam và nhân dân ba nước Đông-dương có khả năng giải phóng ba nước Đông-dương. Pháp có nguy cơ bị đánh bại vì thực dân Pháp đã kiệt quệ và Mỹ đã quyết định không can thiệp bằng lực lượng quân sự. Trong những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Trung-quốc là nguồn cung cấp vũ khí rất quan trọng đối với Việt-nam. Trong tình hình đó, Pháp đàm phán trực tiếp với Trung-quốc ở Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về một giải pháp có lợi cho cả Pháp và Trung-quốc và không có lợi cho Việt-nam và cho cả ba nước Đông-dương. Về Việt-nam,

Pháp và Trung-quốc đã thỏa thuận giải pháp theo kiểu Triều-tiên là ngừng bắn, chia cắt Việt-nam thành hai miền, giữ nguyên trạng chính trị ở hai miền, nghĩa là chia cắt lâu dài Việt-nam. Hai bên cũng đã thỏa thuận công nhận chính quyền Vương quốc Lào và Vương quốc Cam-pu-chia, nghĩa là xóa bỏ những thành quả cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và nhân dân Kơ-me. Sau khi đã thỏa thuận với Trung-quốc về những vấn đề cơ bản, Pháp mới đàm phán với Việt-nam về các điều khoản cụ thể của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954. Bắc-kinh không muốn lực lượng cách mạng Việt-nam và Đông-dương thắng lợi hoàn toàn và lớn mạnh, không muốn thực dân Pháp đã suy yếu rút khỏi Đông-dương và Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, vào thay thế Pháp ở Đông-dương. Âm mưu của Bắc-kinh là duy trì những lực lượng không mạnh và chống đối nhau ở Đông-dương.

Cuối những năm 50 và đầu những năm 60, Bắc-kinh đưa ra những luận điệu « kiên quyết » chống Mỹ và triệt để « chống xét lại » nhằm hạ uy tín của Liên-xô đồng thời tuyên truyền rầm rộ « Trung-quốc là trung tâm cách mạng thế giới ». Đi đôi với âm mưu về chính trị, họ đưa ra kế hoạch đầy tham vọng « đại nhảy vọt » nhằm đưa Trung-quốc vượt Mỹ trong một thời gian ngắn.

Từ giữa những năm 60, Bắc-kinh lớn tiếng tuyên truyền tư tưởng Mao-Trạch-Đông là đỉnh cao của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là chủ nghĩa Mác trong thời đại diệt vong của chủ nghĩa đế quốc và thắng lợi của cách mạng vô sản. Họ thúc đẩy sự thành lập trên thế giới các tổ chức theo Bắc-kinh nhằm áp đặt chủ nghĩa Mao lên phong trào cách mạng thế giới đồng thời nhằm chống phá các đảng cộng sản ở các nước.

Từ đầu những năm 70, Mỹ sa lầy trong chiến tranh xâm lược Việt-nam và suy yếu nghiêm trọng, trong khi

Liên-xô đã tăng cường mạnh mẽ lực lượng kinh tế và quốc phòng của mình, phong trào cách mạng trên thế giới đã có những bước phát triển mới, đặc biệt là ở Trung Cận Đông và Mỹ la tinh. Yêu cầu chiến lược cấp bách của Ních-xơn là rút quân Mỹ ra khỏi Việt-nam mà vẫn giữ được chế độ bù nhìn của Mỹ ở miền Nam Việt-nam đồng thời làm suy yếu Liên-xô và chống phá phong trào cách mạng thế giới. Lợi dụng vị trí quan trọng của họ trong quan hệ giữa Liên-xô và Mỹ cũng như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt-nam, Bắc-kinh vì lợi ích bá quyền và bành trướng của họ đã dùng con bài chống Liên-xô và ép Việt-nam nhận một giải pháp phù hợp với yêu cầu của Ních-xơn. Ních-xơn chơi con bài Trung-quốc để thực hiện những yêu cầu chiến lược của Mỹ. Do đó hình thành hòa hoãn Trung - Mỹ, và Trung-quốc đã xuất hiện trên vũ đài quốc tế với tư thế một trong ba cường quốc thế giới, xóa bỏ thế hai cực được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai và xác lập thế ba cực trên thế giới. Đồng thời Bắc-kinh ký với Mỹ và Nhật-bản điều khoản về chống bá quyền. Ai cũng biết rằng Mỹ và Nhật-bản là những nước đế quốc đã từng xâm lược và thống trị các nước và bản chất đế quốc của chúng không hề thay đổi. Cùng với việc ký đó, Bắc-kinh kêu gọi Mỹ không rút quân khỏi châu Á. Rõ ràng là việc Bắc-kinh ký với các nước đế quốc điều khoản về chống bá quyền, thực chất là câu kết với chúng để duy trì nền thống trị của chúng chống lại phong trào cách mạng, trước hết là chống nhân dân các nước châu Á.

Từ năm 1975, Bắc-kinh đề ra mục tiêu xây dựng Trung-quốc thành cường quốc vượt các cường quốc khác vào cuối thế kỷ này và từ năm 1978, họ đề ra kế hoạch "bốn hiện đại hóa" để đạt mục tiêu trên.

Cùng với việc xây dựng kinh tế,

Bắc-kinh đã ra sức xây dựng lực lượng hạt nhân chiến lược ngay từ năm 1953 và riêng ngành công nghiệp vũ khí hạt nhân là ngành duy nhất mà cách mạng văn hóa không được đụng chạm đến đã phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ cách mạng văn hóa. Trung-quốc đã có bom nguyên tử năm 1964, có bom khinh khí năm 1967 và phóng vệ tinh đầu tiên năm 1970. Hiện nay, Trung-quốc là cường quốc châu Á duy nhất có lực lượng hạt nhân chiến lược nếu không kể Liên-xô.

Trong lúc ra sức xây dựng lực lượng kinh tế, quân sự và cổ vũ lên thành cường quốc thế giới về chính trị, Bắc-kinh đưa ra những yêu sách về lãnh thổ: họ coi biên Đông với ranh giới mở rộng tới sát vùng biên của Việt-nam, In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin là thuộc Trung-quốc, họ đưa ra những đòi hỏi về lãnh thổ đối với hầu hết các nước láng giềng, họ xâm chiếm đảo Hoàng-sa của Việt-nam, và những nước ở Đông Nam Á trước đây là chư hầu của các hoàng đế Trung-quốc nay bị coi là vùng ảnh hưởng của họ.

Những tham vọng bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh hiện nay là sự tiếp tục chủ nghĩa bá quyền và bành trướng từ mấy nghìn năm của phong kiến và gần đây của giai cấp tư sản Trung-quốc.

Chính sách liên minh của giới cầm quyền Bắc-kinh trên thế giới chỉ là công cụ, phương tiện để thực hiện mục tiêu chiến lược bá quyền và bành trướng của họ. Tham vọng bá quyền và bành trướng ấy là những mục tiêu chiến lược không thay đổi, chính sách liên minh của Bắc-kinh phải thay đổi để phục vụ tốt nhất cho việc giành được các mục tiêu chiến lược đó. Liên minh với lực lượng cách mạng hoặc liên minh với bọn đế quốc, phản động, điều đó không quan trọng đối với Bắc-kinh.

Điều quan trọng nhất đối với họ là chủ nghĩa dân tộc nước lớn.

NHỮNG NGUYÊN NHÂN ĐƯA ĐẾN VIỆC BẮC-KINH LẬT NGƯỢC LIÊN MINH

Nhìn chung trong 30 năm qua, chính sách liên minh của các nước về cơ bản không thay đổi, trừ những nước có thay đổi về chế độ và do đó thay đổi về mục tiêu chiến lược đối ngoại. Chính sách liên minh của Liên-xô từ 60 năm qua không thay đổi, đó là chính sách liên minh với các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc. Chính sách liên minh của Mỹ trong 30 năm qua là liên minh với các nước đế quốc và lực lượng phản động chống lại Liên-xô và lực lượng cách mạng trên thế giới. Riêng chính sách liên minh của Bắc-kinh trong 30 năm qua là có nhiều biến đổi rất sâu sắc. Đó là do những nguyên nhân sau đây :

Một là, lợi ích bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh về cơ bản và lâu dài mâu thuẫn với lợi ích của tất cả các loại nước. Nhưng trong từng khoảng thời gian nhất định, lợi ích đó có thể tạm thời phù hợp với lợi ích một số nước và trái với lợi ích của một số nước khác. Do đó Bắc-kinh không thể có đồng minh lâu dài mà chỉ có đồng minh tạm thời. Trong những năm 50, khi chủ nghĩa bá quyền và bành trướng còn chưa chiếm ưu thế trong đường lối đối ngoại của họ, lợi ích của giới cầm quyền Bắc-kinh về cơ bản phù hợp với lợi ích của các lực lượng đồng minh của họ là các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng cách mạng thế giới; ngược lại lợi ích của họ về cơ bản mâu thuẫn với lợi ích của chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù của Trung-quốc. Từ cuối những năm 50, chủ nghĩa bá quyền và bành trướng đã trở thành xu hướng chính trong đường lối đối ngoại của Bắc-kinh, thì lợi ích của họ trở nên mâu

thuẫn với lợi ích của các lực lượng cách mạng đồng minh của họ. Từ cuối những năm 60, chủ nghĩa bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh đã phát triển mạnh mẽ thì lợi ích của họ mâu thuẫn sâu sắc với lợi ích của đồng minh và ngày càng phát triển đi đôi với lợi ích của chủ nghĩa đế quốc. Từ cuối những năm 70, lợi ích bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh đã chống đối mạnh mẽ lợi ích của nhân dân thế giới và gắn chặt với lợi ích của đế quốc.

Hạt là, tham vọng bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh quá lớn so với khả năng kinh tế, chính trị, quân sự rất hạn chế của bản thân Trung-quốc. Mâu thuẫn rất lớn này không thể giải quyết trong một thời gian ngắn. Tham vọng quá lớn của Bắc-kinh bắt nguồn từ những điều kiện lịch sử đặc biệt của Trung-quốc. Trung-quốc là một trong mấy cái nôi của văn minh loài người; trong mấy nghìn năm, phong kiến Trung-quốc vẫn coi Trung-quốc là trung tâm của thế giới và đã thực hiện chính sách bá quyền và bành trướng đối với châu Á và những đất đai chung quanh Ấn-độ-dương; số dân Trung-quốc chiếm một phần tư loài người; Trung-quốc là cường quốc châu Á duy nhất có lực lượng hạt nhân chiến lược; thắng lợi của cách mạng Trung-quốc là nguồn cớ vũ mạnh mẽ đối với các nước Á, Phi, Mỹ la-tinh. Nhưng khả năng của Trung-quốc có nhiều hạn chế: tiềm lực kinh tế rất lớn, nhưng nền kinh tế rất lạc hậu; Trung-quốc là cường quốc thứ 7 trên thế giới về tổng sản phẩm xã hội và đứng vào hàng ngũ các nước đang phát triển về tổng sản phẩm xã hội tính theo đầu người; về chính trị, Trung-quốc luôn luôn bị chia xẻ vì những cuộc tranh giành quyền lực; lực lượng quân sự của Trung-quốc chỉ có khả năng phòng thủ, còn khả năng tiến công với quy mô lớn của nó ra ngoài biên giới thì bị hạn chế. Cả về mặt kinh tế và quân

sự, Trung-quốc còn thua kém Liên-xô và Mỹ khá xa. Tham vọng thì quá lớn, nhưng Trung-quốc không thể dựa vào lực lượng bản thân mình là chính để thực hiện tham vọng đó. Bắc-kinh phải triệt để lợi dụng những thời cơ thuận lợi trên thế giới để thực hiện âm mưu bá quyền và bành trướng của họ.

Ba là, Bắc-kinh triển khai chiến lược bá quyền và bành trướng trong tình hình thế giới đã hình thành hai hệ thống thế giới và thế hai cực là hai nước lớn Liên-xô và Mỹ với lực lượng kinh tế và quân sự vượt xa Trung-quốc. Trong tình hình không có chiến tranh thế giới, Trung-quốc hoàn toàn không có khả năng thực hiện tham vọng vượt Liên-xô và Mỹ cuối thế kỷ này. Tham vọng ấy chỉ có thể thực hiện trong điều kiện xảy ra chiến tranh giữa Liên-xô và Mỹ phá hủy nặng nề hầu hết lực lượng kinh tế và quân sự của hai nước không lồ này; Bắc-kinh lợi dụng đứng ngoài cuộc chiến tranh để Trung-quốc nhanh chóng trở thành cường quốc số một trên thế giới. Bắc-kinh rất thù địch với xu hướng hòa hoãn giữa Liên-xô và Mỹ và ra sức phá hoại quan hệ giữa hai nước này. Bắc-kinh đưa ra luận điệu rằng toàn bộ sự phát triển trên thế giới là sự tranh giành bá quyền giữa Liên-xô và Mỹ, chiến tranh lớn giữa hai nước đó là điều không thể tránh khỏi và ngày càng có nhiều nguy cơ nổ ra cuộc chiến tranh thế giới thứ ba.

Trong những năm 50, Bắc-kinh liên minh với Liên-xô chống Mỹ. Trước hết là do Mỹ tiến hành một chính sách thù địch với Trung-quốc, bao vây Trung-quốc về quân sự và kinh tế, cô lập Trung-quốc về chính trị. Bắc-kinh cần phải liên minh với Liên-xô để bảo vệ hòa bình và an ninh của Trung-quốc và tranh thủ sự giúp đỡ của Liên-xô để xây dựng lực lượng kinh tế và quốc phòng của họ. Liên-xô luôn luôn tranh thủ có nhiều đồng minh

trong cuộc đấu tranh lâu dài chống chủ nghĩa đế quốc vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và trên thế giới. Bắc-kinh hy vọng đi với Liên-xô và đội lối cách mạng để tập hợp lực lượng Á, Phi, Mỹ la-tinh dưới quyền lãnh đạo của Bắc-kinh. Bắc-kinh cũng hy vọng đi với Liên-xô chống Mỹ nhằm phá hoại quan hệ Xô - Mỹ, khoét sâu mâu thuẫn giữa Liên-xô và Mỹ. Trong khi đi với Liên-xô chống Mỹ, Bắc-kinh vẫn tìm cách hòa hoãn với Mỹ. Bắc-kinh thỏa thuận với Mỹ ngừng bắn và chia cắt lâu dài Triều-tiên. Từ giữa những năm 50, Bắc-kinh và Mỹ tiến hành đàm phán ở Vác-xô-vi. Đồng thời Bắc-kinh ngăn chặn Việt-nam và Lào tiến hành đấu tranh vũ trang ở miền Nam Việt-nam và Lào vì không muốn có chiến tranh chống Mỹ ở sát biên giới Trung-quốc.

Từ cuối những năm 60, đế quốc Mỹ bị sa lầy trong chiến tranh xâm lược Việt-nam, bị suy yếu ở trong nước và trên thế giới. Từ đầu những năm 70, chủ nghĩa tư bản bước vào một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng, kéo dài và không có lối thoát, Liên-xô tăng cường mạnh mẽ lực lượng của mình và phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi. Mỹ cần chơi con bài Trung-quốc để giữ vững chế độ bù nhìn ở miền Nam Việt-nam, chống phong trào cách mạng thế giới, làm suy yếu Liên-xô, đồng thời hy vọng rằng thị trường bao la của Trung-quốc có thể giúp giải quyết một phần quan trọng cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Trong những năm 50 và đến giữa những năm 60, Bắc-kinh đã thất bại trong âm mưu dùng cách mạng giả hiệu giành quyền lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào ở Á Phi, Mỹ la-tinh. Phong trào cách mạng thế giới từ cuối những năm 60 phát triển mạnh mẽ và đe dọa trực tiếp lợi ích bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh trên thế giới. Đồng thời Bắc-kinh

cũng muốn lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản để đẩy mạnh việc xây dựng Trung-quốc theo mục tiêu « bốn hiện đại hóa ». Rõ ràng là Bắc-kinh và đế quốc Mỹ có nhiều lợi ích đi đôi với nhau, mà trên hết là lợi ích chống phong trào cách mạng thế giới và chống Liên-xô. Bắc-kinh còn có lợi ích là việc đi với Mỹ chống Liên-xô sẽ góp phần phá hoại quan hệ giữa Liên-xô và Mỹ. Trong khi đi với Mỹ chống Liên-xô, Bắc-kinh vẫn giữ quan hệ với Liên-xô và dùng con bài cải thiện quan hệ với Liên-xô để gây sức ép với Mỹ trong quan hệ với Bắc-kinh.

Bốn là, Bắc-kinh triển khai chiến lược bá quyền và bành trướng trong tình hình ba dòng thác cách mạng phát triển rất mạnh mẽ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Hệ thống xã hội-chủ nghĩa thế giới đã hình thành, ngày càng phát triển mạnh mẽ và phát huy tác dụng quyết định đối với sự phát triển của xã hội loài người. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển khắp ba châu Á, Phi, Mỹ la-tinh đã làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và đang làm cho chủ nghĩa thực dân mới khủng hoảng nghiêm trọng. Ba dòng thác cách mạng là lực lượng đông minh của Liên-xô và là chỗ mạnh của Liên-xô trong cuộc đấu tranh chống Mỹ. Đồng thời ba dòng thác cách mạng là chỗ yếu của Mỹ. Từ giữa những năm 50 và trong những năm 60, Bắc-kinh ra sức giành quyền lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới, tạo cho mình một thế mạnh trên thế giới, làm suy yếu Liên-xô, chống phá quan hệ giữa Liên-xô và Mỹ và dùng phong trào cách mạng thế giới làm con bài mặc cả với Mỹ vì lợi ích của Bắc-kinh. Năm 1971, họ đã tiến hành cuộc buôn bán phần bội này với Mỹ trên lưng nhân dân Việt-nam. Sự phản bội Việt-nam của Bắc-kinh đã đưa họ lên vị trí cường quốc thứ ba và hình thành thế ba cực, xóa bỏ thế hai cực trên thế giới, Sự phản bội

của Bắc-kinh đã làm cho Mỹ ngoan cố trong cuộc đàm phán với Việt-nam kéo dài đến năm 1973 và đã khuyến khích Mỹ phong tỏa cảng Hải-phòng và ném bom thủ đô Hà-nội bằng máy bay chiến lược B.52 năm 1972. Nhưng Bắc-kinh đã thất bại trong việc giành quyền lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới vì lợi ích bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh mâu thuẫn với lợi ích của nhân dân thế giới, vì lợi ích của nhân dân thế giới là đoàn kết với tất cả các lực lượng cách mạng trên thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, nhưng Bắc-kinh lại muốn gạt Liên-xô, chia rẽ phong trào cách mạng thế giới để nắm độc quyền lãnh đạo. Sự phản bội Việt-nam của Bắc-kinh tuy có gây ra nhiều khó khăn cho nhân dân Việt-nam, nhưng không thể ngăn cản nhân dân Việt-nam giải phóng hoàn toàn đất nước năm 1975, xóa bỏ một trong những cơ sở thỏa thuận giữa Mỹ và Bắc-kinh.

Sự phát triển của tình hình thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay có đặc điểm nổi bật là nhịp độ phát triển rất nhanh chóng và chất lượng biến đổi rất sâu sắc nếu so sánh với sự phát triển của tình hình thế giới 30 năm trước chiến tranh thế giới thứ hai. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành tên đế quốc mạnh nhất, mạnh hơn tất cả các nước đế quốc khác cộng lại, chiếm một nửa sản xuất công nghiệp của toàn thế giới và nắm độc quyền hạt nhân. Nhưng chỉ trong 20 năm sau, đế quốc Mỹ đã suy yếu nhanh chóng và đã bị đánh bại trong một cuộc chiến tranh cục bộ, chiến tranh của Mỹ xâm lược Việt-nam. Phong trào cách mạng đã phát triển mạnh mẽ ngay cả ở sân sau của chủ nghĩa đế quốc, Lực lượng đối sánh đã thay đổi có lợi cho lực lượng cách mạng và không có lợi cho bọn phản cách mạng. Chẳng những Bắc-kinh không còn khả năng nắm phong trào cách mạng thế giới làm con bài mặc

cả với đế quốc Mỹ, mà phong trào cách mạng thế giới đã phát triển đến quy mô đe dọa lợi ích bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh, nhất là sự phát triển của cách mạng châu Á trong những năm 70. Chính vì lẽ đó, Bắc-kinh đã tiến hành một chính sách hoàn toàn thù địch chống Việt-nam ngay sau khi nhận dân Việt-nam giải phóng hoàn toàn đất nước và thống nhất nước nhà. Bắc-kinh và Mỹ có những lợi ích đi đôi với nhau trong việc chống lại phong trào cách mạng thế giới. Bắc-kinh đã sử dụng con bài chống cách mạng, chống Liên-xô, chống Cu-ba, chống Việt-nam để tranh thủ đế quốc trong việc thực hiện "bốn hiện đại hóa". Điều đó giải thích vì sao Bắc-kinh kêu gọi Mỹ không rút quân khỏi châu Á. Năm 1979 đánh dấu một bước thất bại của sự cầu kết giữa Bắc-kinh và Mỹ. Sự cầu kết đó đã không cứu nổi bọn Pôn Pốt - lén Xa-ry, không cứu nổi sự sụp đổ của tên bạo chúa ở Iran, của Xô-mô-xa ở Ni-ca-ra-goa, không giúp cho Ca-tơ thành công trong âm mưu hòa bình riêng rẽ ở Trung Cận Đông cũng như trong giải pháp thỏa hiệp ở Nam phần châu Phi v.v.

Năm là, việc lật ngược liên minh thế giới gắn liền với những cuộc đấu tranh khốc liệt và đẫm máu trong nội bộ Trung-quốc. Những cuộc tranh giành quyền lực trong nước gắn liền với việc đẩy mạnh chính sách bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh ở ngoài nước.

Trong những năm 50, chính sách liên minh của Bắc-kinh trên thế giới là phù hợp với xu thế của cách mạng thế giới. Ở trong nước, tình hình chính trị về cơ bản là ổn định và Đại hội thứ VIII của Đảng cộng sản Trung-quốc đã có một số biện pháp chống sùng bái cá nhân Mao-Trạch-Đông. Khác với điều lệ được thông qua ở Đại hội thứ VII năm 1945, điều lệ của Đại hội thứ VIII năm 1956 không ghi

tư tưởng Mao-Trạch-Đông là cơ sở tư tưởng của Đảng. Trong thời gian này, lợi ích của nhà cầm quyền Bắc-kinh là phù hợp về cơ bản với lợi ích của cách mạng thế giới, vì lúc đó đế quốc Mỹ tiến hành một chính sách hoàn toàn thù địch và cô lập Trung-quốc, đồng thời diễn ra hai cuộc chiến tranh ở biên giới Trung-quốc, chiến tranh Triều-tiên và chiến tranh Đông-dương. Tuy vậy lúc đó cũng đã có biểu hiện của chủ nghĩa nước lớn trong chính sách của Bắc-kinh. Sau chiến thắng Điện-biên-phủ, Bắc-kinh đã thỏa thuận với Pháp trên lưng Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia để ngăn chặn cách mạng ở Đông-dương thắng lợi hoàn toàn, duy trì thế lực của Pháp để ngăn chặn Mỹ vào Đông-dương, đồng thời tạo ra một tình hình ở Đông-dương có lợi cho Bắc-kinh là duy trì ở đó những lực lượng yếu chống đối lẫn nhau. Ở Triều-tiên, Bắc-kinh có một triệu quân chi nguyện Trung-quốc tham chiến, nhưng rồi cuộc cũng nhận lấy một cuộc ngừng bắn ở vĩ tuyến 38, công nhận nguyên trạng chính trị mà không có một điều khoản nào về thống nhất Triều-tiên, nghĩa là vẫn chia cắt lâu dài Triều-tiên.

Từ cuối những năm 50, Bắc-kinh tiến hành "đại nhảy vọt" với tham vọng vượt Mỹ trong thời gian ngắn. Cùng với "đại nhảy vọt" ở trong nước, Bắc-kinh đưa ra những lời nói "cách mạng", kêu gọi triệt để "chống" Mỹ và chống "xét lại" đến cùng nhằm tập hợp lực lượng trên thế giới, hạ uy tín của Liên-xô, hòng giành quyền lãnh đạo cách mạng thế giới, biến Trung-quốc thành trung tâm của cách mạng thế giới.

Từ năm 1965 đến 1969 ở Trung-quốc diễn ra cuộc "cách mạng văn hóa", thực chất là một cuộc tranh giành quyền lực cá nhân rất khốc liệt và đẫm máu. Trong những năm 1967, 1968, ở nhiều tỉnh ở Trung-quốc đã xảy ra những cuộc xung đột vũ trang

kéo dài, sử dụng cả vũ khí nặng, máy bay, tàu chiến, xe tăng. Cuộc đảo chính quân sự này, theo tin phươg Tây, đã làm cho 5 triệu người chết, hàng vạn cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính quyền và Quân đội bị bắt giam, Đảng cộng sản và các tổ chức quần chúng của Đảng bị giải tán. Bằng cuộc đảo chính quân sự này, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã cướp được chính quyền ở Trung-quốc, loại trừ những người cách mạng và những người chống đối. Đồng thời trên quốc tế, Bắc-kinh thúc đẩy việc thành lập các nhóm phản động thân Bắc-kinh điên cuồng chống phá các đảng cộng sản ở các nước, nhất là ở các nước phươg Tây và thúc đẩy các đảng thân Bắc-kinh tiến hành đấu tranh vũ trang ở Cam-pu-chia, Thái-lan, Ma-lai-xi-a, Miến-điện, Phi-líp-pin với khẩu hiệu chính quyền trên miệng súng. Đảng chú ý là năm 1965 họ hỗ trợ cho đảng thân Bắc-kinh làm đảo chính quân sự ở In-đô-nê-xi-a. Hậu quả của cuộc "cách mạng văn hóa" của Trung-quốc là Đảng cộng sản Trung-quốc bị xóa bỏ và phong trào cộng sản quốc tế đã bị chia rẽ.

Cuộc "cách mạng văn hóa" đánh dấu một bước ngoặt trong đời sống chính trị của Trung-quốc, mở ra một thời kỳ khủng hoảng chính trị sâu sắc, kéo dài trong nhiều năm ở Trung-quốc, đồng thời cũng đánh dấu một bước ngoặt trong chiến lược đối ngoại của Bắc-kinh: chuyển Liên-xô từ đồng minh chiến lược thành kẻ thù số 1 và chuyển Mỹ từ kẻ thù chủ yếu thành đồng minh rất quan trọng của Bắc-kinh. Rõ ràng là sau khi xóa bỏ Đảng cộng sản Trung-quốc, gây ra hỗn loạn về tư tưởng và chính trị ở trong nước, phá hoại phong trào cộng sản trên thế giới, giới cầm quyền Bắc-kinh mới tiến hành việc lật ngược liên minh của họ trên thế giới.

Cái chết của Mao đã đưa đến việc loại trừ «nhóm bốn người» và việc

phục hồi Đặng-Tiêu-Binh và những cán bộ cao cấp bị bắt giam trong "cách mạng văn hóa". Từ năm 1978, Bắc-kinh đề ra mục tiêu "bốn hiện đại hóa" đồng thời đẩy mạnh thêm một bước chính sách cầu kết với Mỹ, chống Liên-xô, chống phong trào cách mạng thế giới nhằm tranh thủ vốn và kỹ thuật của Mỹ và phươg Tây. Đường lối phản động của nhóm cầm quyền mới ở Bắc-kinh, sau khi Mao chết, cho ta thấy rõ rằng những người chủ chốt trong nhóm cầm quyền ở Bắc-kinh chống đối nhau là để tranh giành quyền lực cá nhân và họ chỉ khác nhau về mức độ trên chiến lược bá quyền và bành trướng.

(Còn nữa)

Hiến pháp và quyền...

(Tiếp theo trang 33)

giác chấp hành và nhắc nhở người khác chấp hành cho tốt. Trong văn đề này, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến và giáo dục quần chúng nắm vững Hiến pháp để thi hành cho đúng, đồng thời giám sát việc thi hành Hiến pháp của các cơ quan Nhà nước và nhân viên Nhà nước.

Việc xây dựng và thi hành Hiến pháp là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta. Hiến pháp được xây dựng và thực hiện tốt, sẽ tạo nên một khí thế mạnh mẽ trong quần chúng, nâng cao nhiệt tình yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm và tính sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

CON ĐƯỜNG TRAU DỒI PHẨM CHẤT CÁCH MẠNG VÀ KHOA HỌC CỦA NGƯỜI CHỦ TẬP THỂ TRẺ TUỔI VIỆT-NAM

VŨ-THANH

CÀNG đi sâu vào trận tuyến của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chúng ta càng hân hoan trước khi thể vươn lên hào hùng cùng những cống hiến xứng đáng, thể hiện rực rỡ *phẩm chất cách mạng và khoa học* của lớp người trẻ tuổi tràn đầy sức sống đang phát huy tinh thần làm chủ tập thể, dũng cảm vượt qua gian khổ, khó khăn, phấn đấu hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng của nước nhà trong giai đoạn mới. Bác Hồ kính yêu đã đi vắng xa nhưng tiếng nói âm áp, tin yêu của Bác về thế hệ trẻ còn vang lên động viên, cổ vũ chúng ta mãi mãi: « Với một thế hệ thanh niên hăng hái và kiên cường, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Vì vậy, Bác rất tự hào, sung sướng và thấy như mình trẻ lại, tương lai của dân tộc ta vô cùng vững chắc và vẻ vang » (1).

Cách mạng và khoa học là những đặc tính tiên biếu cho phẩm chất tốt đẹp của người chủ tập thể trẻ tuổi Việt-nam ngày nay.

Nói đến *khoa học* là nói đến hệ thống hiểu biết của con người về tự

nhiên, xã hội và chính mình; là nói đến việc nhận thức của con người về những quy luật của sự phát triển khách quan. Mục đích cao quý của khoa học, chính là giúp cho con người làm chủ được xã hội, thiên nhiên và bản thân; là đem lại hạnh phúc cho con người.

Nói đến *cách mạng* là nói đến sự đổi mới một cách căn bản, triệt để; đổi mới về bản chất; đổi mới theo hướng tiến bộ nhất, phù hợp với yêu cầu phát triển theo quy luật của xã hội. Vì vậy, khoa học (khoa học tự nhiên và khoa học xã hội) dính liền với cách mạng và cách mạng muốn thành công, không thể thiếu vai trò của khoa học.

Cách mạng và khoa học luôn luôn gắn bó với nhau. Nhưng trong các chế độ có áp bức bóc lột giai cấp, khoa học ở trong tay các giai cấp thống trị, đã trở thành công cụ để chúng kiếm lợi nhuận tối đa, tăng cường bóc lột, áp bức nhân dân lao động.

(1) « Huân thị của Hồ Chủ tịch tại buổi lễ kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Đoàn ». *Thanh niên, với chủ nghĩa anh hùng cách mạng* Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1968, trang 22.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì, trái lại, *cách mạng và khoa học thật sự gắn bó chặt chẽ với nhau và thúc đẩy nhau phát triển hết sức mạnh mẽ*. Tầm vóc vĩ đại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin bách chiến bách thắng chính là ở chỗ đã kết hợp nhuần nhuyễn và chặt chẽ hai đặc tính cách mạng và khoa học làm một, cả về mặt lý thuyết và mặt thực tiễn. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IV đã khẳng định: « Đảng ta sở dĩ lãnh đạo được nhân dân làm nên những sự nghiệp vĩ đại ấy, trước hết là nhờ nắm vững chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đảng nắm chủ nghĩa Mác — Lê-nin không phải trên câu chữ mà từ trong thực chất *cách mạng và khoa học* vốn là hai đặc tính cần bản kết hợp làm một trong bản thân chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đảng biết quán triệt đặc tính cần bản ấy của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức của mình, trong đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng, trong toàn bộ cuộc đấu tranh của Đảng ở tất cả các thời kỳ » (2).



Cách mạng và khoa học là những đặc tính tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của thể hệ trẻ Việt-nam, con đẻ của dân tộc Việt-nam anh hùng, kết tinh công lao giáo dục của Đảng ta và Hồ Chủ tịch. Không nên hiểu và vận dụng một cách máy móc, cắt rời theo kiểu « sợi tóc chẻ tư » hoặc ngộ nhận rằng có thể tách rời và có sự đối lập giữa cách mạng và khoa học. Thật ra « khoa học là một động lực thúc đẩy lịch sử tiến triển, là một động lực cách mạng » (3). Ngày nay, nếu như chính bản thân thể hệ trẻ không có tri thức, không có những hiểu biết về khoa học xã hội, về khoa học tự nhiên để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì làm sao có thể nói là họ có phẩm chất cách mạng đúng với ý nghĩa đầy đủ của nó được? Và nếu không có năng lực hoàn thành những nhiệm vụ cụ thể của mình để thực hiện lý tưởng cách mạng thì bản thân lý tưởng cách mạng đó cũng sẽ trở thành một thứ lý tưởng trừu tượng, chung chung, nếu chúng ta không muốn nói là « không tưởng ». Đồng chí Lê-Duẩn đã nhắc nhở chúng ta: « Có tinh thần làm chủ chưa đủ, còn phải có tri thức khoa học nữa thì mới làm chủ được xã hội và thiên nhiên, mới hoàn thành được sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội... Xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là vận dụng tổng hợp mọi tri thức khoa học — khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kỹ thuật — nhằm đạt tới đỉnh cao của nền văn minh. Vì vậy, con người xã hội chủ nghĩa phải là con người có trình độ văn hóa, khoa học và kỹ thuật tiên tiến, hiểu biết và vận dụng được các quy luật của xã hội và tự nhiên, kế thừa và phát triển sáng tạo mọi thành tựu văn hóa và khoa học mà loài người đã tích lũy được bằng tinh lực của hàng ngàn thế hệ » (4).

Việc nâng cao tinh thần cách mạng và trình độ khoa học của thế hệ trẻ xuất phát từ yêu cầu và nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng, trong những điều kiện lịch sử cụ thể nhất định. Như ngày nay trên mặt trận nông nghiệp, không phải chúng ta chỉ sản xuất có lương thực, thực phẩm trên mảnh đất

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 182.

(3) C. Mác — F. Ăng-ghe-n: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 199.

(4) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 90.

làm ăn riêng lẻ manh mún với chiếc cây « chia vôi » và năng suất thấp như trước kia, hoặc rèn luyện, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc chỉ bằng vũ khí thô sơ như súng kíp, gậy tầm vông, giáo « búp đa » của những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp. Được Đảng và Hồ Chủ tịch tổ chức, giáo dục và lãnh đạo, các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng đã lớn mạnh nhanh chóng, đánh thắng những kẻ thù hung ác, lập nên những chiến công oanh liệt như trong chiến dịch Điện-biên-phủ (1954), trong trận Điện-biên-phủ trên bầu trời thủ đô (1972), trong chiến dịch Hồ-Chí-Minh (1975), trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống quân Trung-quốc xâm lược làm rạn vỡ truyền thống vẻ vang « quyết chiến, quyết thắng ». Từng bước đi lên, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi thể hệ trẻ phải không ngừng nâng cao tinh thần cách mạng và trình độ khoa học. Vai trò tích cực, chủ động, làm chủ tập thể của thể hệ trẻ trong cách mạng chính là ở chỗ dưới sự lãnh đạo của Đảng, đem hết nỗ lực chủ quan rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng và trình độ khoa học, tổ chức đội ngũ mình lại, phát huy đầy đủ tiềm năng, hạn chế và xóa bỏ những nhân tố tiêu cực, tạo nên sức mạnh to lớn về mọi mặt, đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của cách mạng. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói : « Sự nghiệp cách mạng rất to lớn, rất khó khăn, lại luôn luôn phát triển, luôn luôn đổi mới, nếu không có lớp thanh niên đông đảo trẻ trung hăng hái tiếp thu cái mới, tích cực thực hiện cái mới thì không thể đẩy mạnh cách mạng tiến lên được » (5)



Phẩm chất cách mạng và khoa học của thể hệ trẻ Việt-nam bắt nguồn từ đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo của Đảng ta và được hình thành, phát triển, nâng cao trong quá trình

đấu tranh cách mạng. Với tinh thần « Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người », Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã coi sự nghiệp giáo dục, đào tạo thể hệ trẻ Việt-nam là nhiệm vụ cách mạng có ý nghĩa chiến lược, là nhiệm vụ chính trị quan trọng, lâu dài của toàn Đảng. Vấn đề cơ bản trong sự nghiệp cao cả đó là *giáo dục, đào tạo thể hệ trẻ trở thành thể hệ thanh niên mới phát triển toàn diện*, xứng đáng là người chủ tập thể không chỉ của hiện tại mà còn cả của tương lai. *Cách mạng và khoa học chính là nét đặc trưng tiêu biểu của thể hệ thanh niên mới đó*. Việc đào tạo thể hệ thanh niên mới được tiến hành khẩn trương, chu đáo là để tạo ra một lực lượng xã hội có đầy đủ khả năng thực hiện đường lối cách mạng của Đảng, tạo điều kiện bảo đảm hoàn thành thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong suốt nửa thế kỷ qua, được Đảng ta và Hồ Chủ tịch tổ chức, lãnh đạo, giáo dục, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh — hạt nhân đoàn kết toàn bộ thể hệ trẻ nước ta, — đã xây dựng nên truyền thống cách mạng vô cùng tốt đẹp. *Phẩm chất cách mạng và khoa học của thể hệ trẻ Việt-nam ngày nay kết tinh từ truyền thống đó*.

Mặt khác, đó cũng là *kết quả của sự kế thừa truyền thống tốt đẹp, tinh hoa của dân tộc ta qua lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước*. Dân tộc ta chẳng những chỉ giữ gìn mà còn phát huy truyền thống, tinh hoa của dân tộc mình mỗi ngày một cao hơn — truyền thống tốt đẹp đó truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cho tới thế hệ trẻ của chúng ta ngày nay kết tinh lại trong tinh cần cù, trí thông minh, tài sáng tạo; truyền thống yêu nước, bất khuất, mưu trí,

(5) Lê-Duẩn : *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 24.

kiên cường, không sợ gian khổ hy sinh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, biết cách chiến đấu và chiến thắng *Chính cuộc đấu tranh lâu dài, bền bỉ đó đã tạo nên bản lĩnh cách mạng và khoa học của dân tộc và thế hệ trẻ Việt-nam ta.*

Cách mạng nước ta bước sang giai đoạn mới đòi hỏi mọi người, trước hết và đặc biệt là thế hệ trẻ sẵn sàng xả thân bảo vệ Tổ quốc và phấn đấu hết sức xây dựng đất nước thân yêu của chúng ta. Để thế hệ trẻ chúng ta có đầy đủ khả năng hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, bên cạnh việc tạo điều kiện phát huy đầy đủ phẩm chất cách mạng và khoa học, — là mặt cơ bản của họ, — cần giúp đỡ họ khắc phục tính thụ động, sự thiếu bền lòng vững chí trong lao động sáng tạo: đồng thời khắc phục những nhân tố tiêu cực và những mặt còn yếu kém thể hiện ở từng nơi, từng lúc cũng như ở từng bộ phận, tầng lớp nhất định của thế hệ trẻ. Những nhược điểm đó cần được nhìn nhận, xem xét với thái độ khách quan, phân tích một cách khoa học để thấy rõ nguyên nhân phát sinh và tồn tại. Những nhược điểm đó phải được khắc phục bằng sự nỗ lực vươn lên với tinh thần cách mạng tiên công của chính bản thân thế hệ trẻ và sự giúp đỡ đầy tình thương yêu và có hiệu lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, các đoàn thể quần chúng khác và toàn xã hội trong tinh thần cộng đồng trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng.



Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của nước ta trong giai đoạn mới.

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình đối với hiện tại và tương lai của

đất nước như Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IV đã chỉ: «Tiền đồ rạng rỡ của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa nằm trong tay thanh niên, thiếu niên và nhi đồng» (6), thế hệ trẻ Việt-nam quyết tâm rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng và khoa học, phấn đấu trở thành một khối thép được tôi luyện trong lò-lửa đấu tranh của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, thế hệ trẻ chỉ xứng đáng là đội quân xung kích cách mạng trung thành và xuất sắc khi chính bản thân họ vừa có nhiệt tình và tinh thần cách mạng tiên công lại vừa có trình độ khoa học tự nhiên và khoa học xã hội cùng năng lực tổ chức thực hiện. Và phẩm chất cách mạng, bản lĩnh khoa học đó chỉ có thể hình thành, phát triển, nâng cao qua rèn luyện bền bỉ trong thực tế đấu tranh cách mạng. «cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong» (7). Chính vì thế, trong giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ, Đảng ta coi việc đưa họ vào thực tiễn hoạt động cách mạng để rèn luyện là biện pháp giao dục quan trọng bậc nhất. Những phong trào hành động cách mạng như «*Ba sẵn sàng*» và «*Năm xung phong*» sáng chói chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã đi vào lịch sử phong trào thanh niên Việt-nam như những thiên anh hùng ca bất hủ, là trường học rộng lớn bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ trẻ không chỉ về tinh thần cách mạng kiên cường mà cả về năng lực hoàn thành bất kỳ nhiệm vụ nào mà Tổ quốc giao phó. Các phong trào đó đã

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 156.

(7) Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962, trang 210.

tập hợp dưới ngọn cờ lãnh đạo quang vinh của Đảng hàng triệu thanh niên thuộc đủ mọi tầng lớp, sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì Tổ quốc cần đến, xung phong vào những nơi khó khăn, đảm đương những mũi nhọn mở đường ra tiền tuyến, vận chuyển vũ khí, gia nhập các lực lượng vũ trang, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, góp phần đắc lực làm nên chiến thắng lịch sử vẻ vang trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc. Phong trào *« Ba xung kích làm chủ tập thể »* do Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh phát động từ đầu năm 1978 với việc tổ chức lực lượng thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đáp ứng đúng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và nguyện vọng của thế hệ trẻ trong tình hình mới, chỉ trong một thời gian ngắn thu hút gần tám triệu thanh niên (tới cuối 1978), đã thật sự trở thành trường học cách mạng rộng lớn bồi dưỡng thế hệ trẻ nước ta về tinh thần và năng lực làm chủ tập thể, tạo cho thế hệ trẻ có điều kiện thuận lợi nhất để cống hiến và rèn luyện, trưởng thành trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Phong trào đó đang tiếp tục phát triển thành cao trào cách mạng, nhất là từ sau ngày 17-2-1979 khi bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh phát động chiến tranh xâm lược nước ta, tàn sát dã man đồng bào ta, phá hoại và cướp bóc tài sản của nhân dân ta

Trong rèn luyện, nâng cao nhiệt tình và tinh thần cách mạng tiến công, thế hệ trẻ cần xây dựng và củng cố tinh thần làm chủ tập thể, không sợ gian khổ hy sinh, sẵn sàng cống hiến tất cả sức lực, tài năng, một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ sự nghiệp cách mạng; rèn luyện tinh thần bền bỉ táo bạo, dám nghĩ dám làm, dám phụ trách trước công việc, dũng cảm khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ,

không chùn bước, nản chí trước khó khăn chống chọi; bồi dưỡng tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa trong nghiên cứu tìm tòi, phát huy sức mạnh tập thể để phục vụ lợi ích của cách mạng.

“ Lửa thử vàng, gian nan thử sức ”, thời gian qua trong giữ gìn trật tự an ninh, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trừng trị bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry xâm phạm biên giới tây – nam nước ta cũng như trong việc đánh bại quân Trung-quốc xâm lược ở phía bắc, đã xuất hiện trong thế hệ trẻ hàng trăm hàng nghìn tấm gương tập thể và cá nhân sáng chói chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Bí quyết chiến thắng của họ là vừa có tinh thần quyết chiến quyết thắng cao, vừa có bản lĩnh vững vàng, biết đánh và biết thắng trong chiến đấu. Đó là những gương tuyệt vời của anh hùng liệt sĩ Lê-Đình-Trình; của Đặng-Hồng-Quân mới 20 tuổi đời, chỉ trong hai ngày đêm với một khẩu đại liên, đã một mình diệt 32 tên giặc; của thanh niên tự vệ khu phố Duyên-hải, thị xã Lao-cai, chỉ trong mấy ngày đêm chiến đấu đã diệt 300 tên địch, bắn cháy 4 xe tăng; của thiếu úy Đàm-Trung-Hồng, trợ lý thanh niên của lực lượng công an nhân dân vũ trang Cao-bằng, chỉ trong một trận chiến đấu ở đồn biên phòng Tà-lùng đã bắn gục 4 xe tăng giặc, diệt gần hai chục tên địch; của 6 dân quân dân tộc Dao Tiên, huyện Hòa-an nổi tiếng về thành tích chủ động xuống núi tìm địch, mưu trí, dũng cảm, dùng vũ khí thô sơ đánh úp địch, diệt hơn 40 tên, lấy sống đạn của giặc trang bị đủ cho cả lực lượng dân quân trong bản; của các chiến sĩ đồn biên phòng Pắc-nậm-cúm (Lai-châu) tuy bị địch bao vây, đã mưu trí, kiên cường, anh dũng đánh địch, có mũi chiến đấu chỉ 3 chiến sĩ đánh suốt một ngày ròng rã diệt tới 150 tên giặc... Trên thao trường chăm chỉ rèn luyện thì ngoài mặt trận sẽ đạt hiệu suất chiến đấu cao. “ Luyện hay

tất đánh giặc », lò-gịch này lại một lần nữa thể hiện rõ trong cuộc đổ sức với quân Trung-quốc xâm lược. Như trung đội trưởng Dương-Trung-Kiên, đại đội 3 bộ đội địa phương Lao-cai, do tập luyện tốt, sử dụng thành thạo nhiều loại vũ khí bị thương gãy chân phải còn tựa người vào thành công sự nã tiêu liên vào quân giặc và nhanh tay bắt thủ pháo giặc liệng vào, ném trả tiêu diệt chúng; như chiến sĩ trẻ Nguyễn-Văn, đại đội 1, bộ đội Lang-son, bắn xuyên tảo rất giỏi, với ít đạn mà tiêu diệt được nhiều địch, có trận chỉ bằng bắn xuyên tảo đã tiêu diệt hàng chục tên giặc; như nữ đoàn viên tự vệ Phạm-Thị-Thanh-Thủy, vốn là học sinh ở An-hải, Hải-phòng, tình nguyện đi xây dựng kinh tế ở lâm trường Móng-cái, trong chiến đấu vừa làm y tá, vừa chuyển đạn, vừa nấu ăn cho đơn vị tự vệ trên chốt, vừa sử dụng tốt súng trường bắn tỉa từng tên khi giặc cho lực lượng nhỏ vào trinh sát, vừa dùng súng AK quét từng loạt đạn khi chúng ào ạt xung phong, khi pháo thủ ta bị thương lại đã cùng đại đội phó sử dụng cối 60 bắn cấp tập vào từng cụm địch; như liệt sĩ Hoàng-Thị-Hồng-Chiêm, nhân viên của hàng bách hóa Pô-hên (Quảng-ninh) sau khi sơ tán hết hàng, đã cùng chiến đấu với cán bộ, chiến sĩ đồn biên phòng cả ngày 17-2-1979, bắn thân dùng tiêu liên, súng ngắn, lựu đạn diệt hơn 20 tên giặc, góp sức cùng các đồng chí công an nhân dân vũ trang giữ vững trận địa chốt và đã anh dũng hy sinh. v.v.

Trên mặt trận sản xuất công nghiệp, trong năm 1978, phát huy phẩm chất cách mạng và khoa học, thanh niên công nhân, mặc dù gặp khó khăn rất lớn vì thiếu vật tư, đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, tìm nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng thay thế, nhận khẩu yêu, việc khó về mình, lao động sáng tạo, hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Chỉ riêng

Hà-nội, Hải-phòng, Bắc-thái, Vinh-phủ, Quảng-ninh, Hà-nam-ninh đã có 4 262 tập thể chi đoàn, phân đoàn và 118 171 cá nhân đoàn viên và thanh niên hoàn thành kế hoạch cả năm trước thời hạn từ 10 ngày tới 6 tháng.

Thế hệ trẻ cần hăng say và bền bỉ học tập, nghiên cứu để nắm vững những quy luật của thiên nhiên và xã hội, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ; rèn luyện nâng cao những phẩm chất, kỹ năng mới, trình độ tổ chức, quản lý, trình độ làm chủ các tư liệu sản xuất và quy trình công nghệ mới, các phương pháp kỹ thuật hiện đại. Cần rèn luyện tinh thần, thái độ, phương pháp, tác phong khoa học; xây dựng tác phong đại công nghiệp, khắc phục những thói quen do nền sản xuất nhỏ lâu đời để lại còn ảnh hưởng vào thế hệ trẻ chúng ta như cách làm ăn tản mạn, thiếu đầu óc tổ chức, bảo thủ không cải tiến, luẩn quẩn với lối suy nghĩ và cách làm ăn cũ kỹ...

Với tính cách là một lực lượng sản xuất, người lao động bao giờ cũng là đại diện trung tâm của khoa học và cách mạng trong mọi thời đại như Lê-nin đã nói: *"Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là người công nhân, là người lao động"* (8). Thế hệ trẻ Việt-nam với tư cách là người chủ của xã hội hiện tại và là người chủ tương lai của đất nước có trách nhiệm và quyền lợi học tập để nâng cao năng lực, bản lĩnh của người làm chủ tập thể, nâng cao phẩm chất cách mạng và khoa học để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và tiến lên xây dựng chủ nghĩa cộng sản, thực hiện lý tưởng cách mạng cao đẹp của mình. *Học tập phải trở thành bản năng cách mạng của thế hệ trẻ nước ta.* Hơn ai hết, thế hệ trẻ phải ra sức học tập vì là lớp người đang ở vào

(8) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 29, trang 414.

tuổi có thể học được nhiều, ở vào tuổi học rồi còn có nhiều thời gian để áp dụng những gì mình đã học, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Đồng chí Lê-Duẩn đã căn dặn thế hệ trẻ: « Thanh niên Việt-nam ta phải ra sức phấn đấu để tiến lên đỉnh cao của khoa học kỹ thuật hiện đại trong vòng hai ba mươi năm tới. Thanh niên phải làm cho kỹ được nhiệm vụ đó và phải tin tưởng rằng nhất định chúng ta có thể làm được như thế » (9).

Phong trào « tuổi trẻ sáng tạo, luyện tay nghề thi thợ giỏi » tác động trực tiếp vào việc nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật của thanh niên công nhân, là một phong trào quần chúng có tính cách mạng và khoa học cần tiếp tục phát triển. Trên 22 000 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất có giá trị của thanh niên, nảy sinh từ phong trào, đã được áp dụng trong sản xuất, làm lợi cho Nhà nước hàng chục triệu đồng. Ba vạn thợ giỏi trẻ tuổi cấp xi nghiệp được công nhận trong năm 1978 qua phong trào luyện tay nghề thi thợ giỏi thu hút gần một triệu thanh niên, là những kết quả tích cực đáng biểu dương, cổ vũ. Việc xuất hiện nhiều thợ giỏi trẻ tuổi đã khẳng định tiềm năng to lớn, khả năng vươn lên của tuổi trẻ trong việc làm chủ kỹ thuật tiên tiến, mở ra triển vọng tốt đẹp mới chẳng những góp phần tích cực hoàn thành kế hoạch Nhà nước, nâng cao năng lực làm chủ tập thể của thế hệ trẻ mà còn tích cực góp phần tăng cường đội ngũ giai cấp công nhân. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, những hoạt động của tuổi trẻ trong năm 1978 như làm 4 200 cánh đồng tăng sản và cánh đồng kiêu mẫu với diện tích 100 000 héc-ta... là những hoạt động thâm canh có tính cách mạng và khoa học rất đáng khuyến khích. Những mũi tiến công vào thủy lợi, khai hoang với 6 000 « công trình thanh niên xung kích làm thủy lợi » và 1 242 « công trình thanh niên xung kích khai hoang » nói lên tinh

thần cách mạng tiến công, khí phách làm chủ tập thể, cách làm ăn mới của thế hệ trẻ cần được cổ vũ và giúp đỡ phát triển.

Chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta có khả năng phát huy đầy đủ phẩm chất cách mạng và khoa học của thế hệ trẻ. Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, các tổ chức chính quyền, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và các thành viên khác trong hệ thống chuyên chính vô sản phát huy chức năng và thực hiện vai trò, trách nhiệm trực tiếp của mình, cùng nhau phối hợp, tích cực tạo cho thế hệ trẻ những điều kiện thuận lợi nhất để phát huy phẩm chất cách mạng và khoa học, đáp ứng lòng mong muốn của Đảng như Hồ Chủ tịch đã dặn lại trước khi Người đi xa: « Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết » (10).



Thế hệ trẻ Việt-nam được Đảng ta và Hồ Chủ tịch vũ trang lý tưởng cách mạng bách chiến bách thắng và thường xuyên rèn luyện nâng cao phẩm chất cách mạng và khoa học, đã tỏ ra xứng đáng với lòng tin cậy đó như đồng chí Lê-Duẩn đã đánh giá: « Hiện nay, trên khắp nẻo đường của đất nước, trên mọi trận tuyến cách mạng, hàng triệu thanh niên đang lao vào những nơi khó khăn gian khổ nhất, mang hết nhiệt tình của tuổi trẻ cống hiến cho Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội » (11). Ngày nay, trong giai đoạn mới của cách mạng,

(Xem tiếp trang 88)

(9) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 136-137.

(10) Di chúc của Hồ Chủ tịch.

(11) Lê-Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 190.

PHONG TRÀO THI ĐUA ĐUỔI KỊP VÀ VƯỢT HỢP TÁC XÃ VŨ-THẮNG Ở TỈNH THÁI-BÌNH

PHẠM-NGỌC-ĐÁP



THÁI-BÌNH là một tỉnh trọng điểm về sản xuất lúa và chăn nuôi lợn của cả nước, tỉnh đầu tiên đạt 5 tấn, rồi 6 tấn, 7 tấn thóc/ha...

Vũ-thắng là sản phẩm của phong trào hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp của Thái-bình theo đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng. Có sản phẩm ấy là do sự nỗ lực của đảng bộ và nhân dân Vũ-thắng, sự lãnh đạo của tỉnh ủy, huyện ủy, sự đóng góp của các cấp, các ngành, và có sự tác động của công nghiệp. Vì vậy, trước hết Thái-bình phải biết sử dụng những kinh nghiệm quý báu của Vũ-thắng để mau chóng đưa các hợp tác xã trong tỉnh tiến lên đuổi kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng. Đồng thời phải tiếp tục xây dựng Vũ-thắng, tạo ra mô hình của một đơn vị tiên bước vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, để rút kinh nghiệm cho các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh.

Từ những chặng đường phát triển nông nghiệp của điển hình Vũ-thắng trong 14 năm qua, nhìn lại tình hình

phát triển nông nghiệp của Thái-bình trong năm năm gần đây, chúng tôi thấy:

Từ năm 1974 đến năm 1978 năng suất lúa toàn tỉnh thường không ổn định.

- 1974 = 70,20 tạ/ha
- 1975 = 53,08 tạ/ha
- 1976 = 65,21 tạ/ha
- 1977 = 48,62 tạ/ha
- 1978 = 58,00 tạ/ha

Tính bình quân trong 5 năm chưa đạt được mức 6 tấn/ha một cách ổn định vững chắc. Trong khi đó, hợp tác xã Vũ-thắng đã vượt mức 6 tấn năm 1966 và qua được mốc 7 tấn từ năm 1967. Năm 1973 đạt mức 9 tấn, năm 1974 đạt 10 tấn, hiện nay đang phấn đấu để đạt 11 — 12 tấn héc-ta. Năm 1978 trong toàn tỉnh Thái-bình, đạt năng suất lúa 64 tạ trở lên có 85 hợp tác xã, đạt năng suất 50 tạ — 64 tạ có 130 hợp tác xã, dưới 50 tạ còn 62 hợp tác xã.

Số đầu lợn trên 1 héc-ta gieo trồng của toàn tỉnh trong 5 năm qua, năm cao đạt 2,5 con/ha, năm thấp nhất chỉ đạt 1,9 con/ha, với trọng lượng xuất chuồng khoảng 40 kg; còn đàn

lợn Vũ-thắng đạt bình quân 2,8 con/ha, với trọng lượng xuất chuồng khoảng 60kg, năm 1977 đạt 6,2 lợn/1 ha gieo trồng

Vũ-thắng tuy chưa tăng diện tích gieo trồng được bao nhiêu nhưng do chuyên dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, sinh đẻ có kế hoạch, và phân bố lao động làm chăn nuôi và phát triển ngành nghề, cho nên đến năm 1978, đã đạt 0,65 ha/1 lao động, trong khi bình quân chung của tỉnh chỉ được 0,44 ha/1 lao động.

Sản lượng lương thực bình quân đầu người của tỉnh Thái-bình năm được mùa đạt 400kg, năm bình thường đạt khoảng 350 kg, năm thời tiết không thuận chỉ đạt 300 kg. Còn hợp tác xã Vũ-thắng đã vượt mức 300 kg từ 1965, mức 400kg trong những năm 1966 - 1969 và từ 1970 đến nay đạt mức 500kg rồi 600kg.

Về mức cung cấp sản phẩm cho Nhà nước, tính bình quân trên 1 ha canh tác ở Thái-bình năm cao mới đạt 1 tấn thóc/ha và khoảng 1 tạ thịt/ha. Còn Vũ-thắng đã đạt 2 tấn thóc (năm cao 2,4 tấn) và 3 tạ thịt lợn (năm cao tới 3,5 tạ) tính trên 1 héc-ta.

Đạt được những thành tích như ngày nay, hợp tác xã Vũ-thắng đã phần đầu từng bước đi lên vững chắc. Sau khi giải quyết được ủng và hạn, hợp tác xã Vũ-thắng đã đạt 5 tấn thóc/ha vào năm 1965. Bước sang giai đoạn hai (1966 - 1969) Vũ-thắng đã đi vào cải tạo đồng ruộng, đưa thâm canh vào nền nếp, đạt năng suất từ 5 lần lên 7 tấn/ha một cách vững chắc. Trên cơ sở giải quyết một cách ổn định và vững chắc vấn đề lương thực, Vũ-thắng bước vào giai đoạn ba (1970 - 1976), tiến hành phân công lao động một cách hợp lý giữa trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề, đi sâu vào chuyên môn hóa và hiệp tác hóa, mở rộng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trên cơ sở đó Vũ-thắng

nâng cao đời sống cho xã viên, tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày một nhiều, tăng nhanh mức đóng góp cho Nhà nước. Trong khi đó trình độ phát triển kinh tế nông-nghiệp của Thái-bình hiện nay mới ngang mức mà Vũ-thắng đã đạt được từ năm 1966 đến năm 1967. Vì vậy, việc phát động, tổ chức cho các hợp tác xã trong toàn tỉnh học tập, đuổi kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng là biện pháp cần thiết giúp cho Thái-bình tiến nhanh trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, tạo cơ sở cho việc chuyển biến mạnh mẽ tình hình kinh tế chung của tỉnh.

Đối với Thái-bình, Vũ-thắng không chỉ là niềm tự hào, mà còn là phương hướng hành động, là tương lai gần gũi cho toàn tỉnh vươn tới. Vì vậy tỉnh ủy Thái-bình chúng tôi xác định phong trào thi đua học tập, làm theo, đuổi kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng phải quán triệt ý nghĩa và mục đích sau đây:

1 - Đây là một phong trào cách mạng rộng lớn và sâu sắc về nhiều mặt: kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng nhằm xoay chuyển tình hình kinh tế của tỉnh, biến đổi tình hình nông nghiệp và nông thôn Thái-bình trong những năm tới.

Cuộc vận động học tập, thi đua làm theo Vũ-thắng, thực chất là cuộc vận động cách mạng sâu sắc, triệt để, đưa nông nghiệp và nông thôn tiến lên toàn diện, tạo ra một cơ cấu kinh tế mới, một nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Những bài học ở Vũ-thắng đã chứng minh: muốn đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phải chú trọng phát triển tất cả các mặt, thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn. Phải xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Thi đua với Vũ-thắng, đuổi kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng, là thi đua đuổi kịp cả về kinh tế, xã hội, cũng như về chính trị, tư tưởng. Tất cả các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đều thi đua theo hướng đó, nhằm góp phần xoay chuyển tình hình kinh tế của Thái-bình, làm biến đổi tình hình nông nghiệp và nông thôn Thái-bình trong những năm tới. Vì thế phong trào thi đua này không đứng riêng mà nằm ngay trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ và nhân dân Thái-bình; mọi ngành, mọi cấp, mọi cán bộ, đảng viên ở Thái-bình đều có vị trí và trách nhiệm trong cuộc vận động này, ngay trong công tác hằng ngày và bằng các hoạt động thường xuyên của mình. Thực tiễn phong trào thi đua học tập, làm theo Vũ-thắng của Thái-bình trong năm qua đã chỉ rõ, những hợp tác xã như Quỳnh-trang, Thụy-chính, Thái-sơn, v.v. có những chuyển biến mạnh mẽ chính là nhờ cấp ủy, cán bộ, đảng viên và nhân dân ở đây đã nhận thức rõ được mục đích, ý nghĩa này của việc học tập, làm theo điển hình Vũ-thắng, họ không chỉ học tập những bài học kinh nghiệm của Vũ-thắng về mặt sản xuất mà còn thảo luận học tập những bài học về tổ chức đời sống, xây dựng nông thôn mới, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, những bài học về tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực tự cường, tinh thần chủ động sáng tạo của đảng bộ và nhân dân Vũ-thắng.

Song cũng trong phong trào thi đua với Vũ-thắng còn có khá nhiều cấp ủy từ huyện đến cơ sở vì chưa nắm vững ý nghĩa và mục đích của cuộc vận động cho nên còn dừng lại ở công tác tuyên truyền, hô hào chung chung, chưa làm cho mọi ngành, mọi người thật sự thấm suốt những bài học kinh nghiệm của Vũ-thắng. Có những cấp ủy chưa quán triệt những bài học toàn diện của Vũ-

thắng, cho nên khi chỉ đạo vận động thiếu phương hướng toàn diện, chưa huy động được các ngành dưới quyền mình đi vào cuộc vận động này, thiếu những chỉ tiêu, biện pháp cụ thể đối với từng loại tổ chức cơ sở, để họ biết rõ phải thi đua học tập, đuổi kịp hợp tác xã Vũ-thắng như thế nào và bằng cách nào?

2 - *Lãnh đạo, chỉ đạo thi đua học tập, làm theo điển hình Vũ-thắng là một phương thức lãnh đạo, chỉ đạo quan trọng của các cấp, các ngành, làm cho đời ngũ cán bộ đảng viên, qua cuộc vận động này trưởng thành hơn lên, tăng thêm năng lực công tác, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng.*

Phong trào có được chỉ đạo sâu sát, đúng đắn và có kết quả hay không, qua phong trào, trình độ kiến thức và năng lực chỉ đạo thực hiện của cán bộ, có tăng lên hay không, điều đó phụ thuộc một cách quyết định vào chỗ người lãnh đạo có biết nắm điển hình, rút kinh nghiệm của điển hình, và nhân điển hình hay không. Chúng ta thường tự hỏi: vì sao đường lối, chủ trương thì đúng, nhưng khi thực hiện thì đạt kết quả kém? Có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân quan trọng là do trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ta không biết nắm và rút kinh nghiệm của điển hình tiến tiến để nhân điển hình ra diện. Vì vậy mà kiến thức cụ thể trong tổ chức thực hiện của ta nghèo nàn, không sinh động, sự chỉ đạo mang tính chất chung chung, thiếu cụ thể, những kinh nghiệm hay, việc làm tốt không được nhân ra, chủ trương đường lối của Đảng không biến thành hiện thực được.

Vì vậy, một trong những cái đích mà cuộc vận động thi đua với Vũ-thắng ở Thái-bình lần này là phải cải biến tác phong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, dồn công sức lãnh đạo chỉ đạo của mình hướng về cơ sở, dốc sức dốc lòng vì cơ sở.

Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo lần này của chúng tôi là nắm vững điển hình, tổng kết kinh nghiệm của điển hình, và nhân điển hình để tạo ra năng lực mới trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng. Các cấp ủy, nhất là huyện ủy cần nắm vững những bài học kinh nghiệm của Vũ-thắng, đích thân đi vào chỉ đạo cuộc vận động này

Trong quá trình chỉ đạo phong trào thi đua trong nông nghiệp, sẽ dựa vào 5 chỉ tiêu kinh tế (10 tấn thóc/ha canh tác, 6 con lợn/ha gieo trồng, 1 lao động làm 1 ha gieo trồng, 600 ki lô gam lương thực/dầu người 1 năm, 1000 đồng cho 1 lao động) để phân các hợp tác xã thành ba loại khác, trung bình, yếu kém. Từ đó có chủ trương, phương hướng thi đua cho từng loại, hướng dẫn cách vận dụng làm theo Vũ-Thắng cho từng loại. Trong việc chỉ đạo vận dụng những bài học kinh nghiệm của Vũ-thắng, cần giúp cho từng loại hợp tác xã không chỉ vận dụng những bài học kinh nghiệm tổng quát, mà còn phải biết vận dụng những bài học kinh nghiệm cụ thể ở từng giai đoạn trong quá trình tiến lên của Vũ-thắng. Giai đoạn một của Vũ-thắng áp dụng cho những hợp tác xã yếu kém còn nhiều khó khăn. Giai đoạn hai của Vũ-thắng áp dụng cho các hợp tác xã trung bình. Còn giai đoạn ba của Vũ-thắng thì áp dụng cho những hợp tác xã khá hiện đang phấn đấu để đến năm 1980 đuổi kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng.

Bài học kinh nghiệm này đã được thể hiện bước đầu ở huyện Thái-thụy. Hợp tác xã Thụy-chính thuộc loại khá, hợp tác xã Thái-son thuộc loại trung bình, và hợp tác xã Mỹ-lộc thuộc loại yếu kém. Quá trình học tập, làm theo Vũ-thắng của các hợp tác xã này đã bước đầu có kết quả tốt. Kết quả đó chứng minh rằng, từng loại hợp tác xã cần vận dụng những bài học kinh nghiệm của hợp tác xã Vũ-thắng một cách khác nhau cho phù hợp với điều

kiện thực tế của mình. Có làm như vậy mới có tác dụng thiết thực trong học tập, vận dụng những bài học kinh nghiệm của Vũ-thắng.

Sau khi đã chỉ ra nội dung, phương pháp cho từng loại hợp tác xã thi đua với Vũ-thắng, huyện ủy cần xây dựng ở những loại hình hợp tác xã khác nhau một hợp tác xã làm điển hình chỉ đạo của mình, để từ trong thực tiễn rút kinh nghiệm nhân điển hình của từng loại, dứt điểm từng khâu. Có như vậy việc nhân điển hình mới đạt kết quả rõ rệt ở từng nơi, từng hợp tác xã.

3 - Việc học tập, làm theo điển hình Vũ-thắng cần gắn liền với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Cuộc vận động thi đua với Vũ-thắng thực chất là cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp từ cơ sở đến huyện, gắn cơ sở với huyện thành một cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp. Bước đi lên của các hợp tác xã theo điển hình Vũ-thắng đề ra yêu cầu cấp bách đầy mạnh xây dựng cấp huyện và tăng cường cấp huyện theo chỉ thị của Bộ chính trị và nghị quyết của Hội đồng Chính phủ.

Trước hết các huyện nắm và sắp xếp đội ngũ cán bộ đưa đi học tập chương trình 7 bài về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông nghiệp và những bài học kinh nghiệm của Vũ-thắng. Tùy theo từng đối tượng, những cán bộ này được đến học ở trường đảng tỉnh (nếu là huyện ủy viên, bí thư và ủy viên thường vụ đảng ủy xã, trưởng ngành, giới ở huyện), trường nông nghiệp tỉnh (nếu là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và cán bộ các ban chuyên môn trong các hợp tác xã), trường đảng huyện (nếu là bí thư chi bộ, chi ủy viên, đội trưởng các đội sản xuất), trường đảng xã (nếu là đảng viên thường ở các xã) để đến hết năm 1979, toàn huyện đã có đội ngũ cán bộ đồng đạo có kiến

thức và kinh nghiệm về tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, và nắm được những bài học kinh nghiệm của Vũ-thắng.

Đồng thời huyện lấy quy hoạch sản xuất của mình làm cơ sở cho việc xác định phương hướng sản xuất và phân công lao động của từng hợp tác xã, từng bước xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung trên địa bàn huyện mà từng hợp tác xã không làm được, hoặc nếu làm thì hiệu quả kinh tế thấp.

Hiện nay Thái-bình đã xây dựng quy hoạch sơ bộ của các huyện và đang giải quyết một bước việc phân cấp quản lý các cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện, cho tất cả 8 huyện, thị xã trong tỉnh. Trong năm 1979 các huyện phải thật sự quản lý các cơ sở đó, và đi vào làm quy hoạch cụ thể các vùng nhỏ trong huyện, sắp xếp và hình thành các cụm kinh tế kỹ thuật, dùng hệ thống đó mà tác động và giúp đỡ các hợp tác

xã trong huyện học tập và làm theo Vũ-thắng. Các ngành của tỉnh xây dựng bộ máy và tăng cường công tác chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện giải quyết nhanh và kịp thời những yêu cầu của cơ sở và cấp huyện đặt ra đối với tỉnh.

Với ý nghĩa sâu sắc và rộng lớn của nó, phong trào thi đua với Vũ-thắng đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn tỉnh. Các tổ chức Đảng và chính quyền, các tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ, đều tập trung sức vào việc phục vụ nông nghiệp, giúp cho các hợp tác xã nông nghiệp có thêm điều kiện vươn lên nhanh chóng. Từng ngành trong tỉnh đều phải thi đua cải tiến công tác và lề lối làm việc của mình, phát huy sáng kiến phục vụ tốt nhất cho nông nghiệp. Thái-bình phấn đấu đến năm 1980 không còn hợp tác xã yếu kém như hiện nay, và có nhiều hợp tác xã tiến lên đuổi kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng.

Ra sức thực hiện cải cách giáo dục...

(Tiếp theo trang 24)

cần được luật pháp bảo đảm và biến thành những mục tiêu phấn đấu của toàn thể xã hội.

Đề tiến hành sự nghiệp cải cách giáo dục, trước mắt chúng ta đang có nhiều khó khăn do chiến tranh lâu dài để lại, do nền kinh tế nghèo nàn, do thiên tai, dịch họa gây nên. Song trong giai đoạn mới của cách mạng, thuận lợi rất to lớn, nền kinh tế sẽ từng bước phát triển, các mặt văn hóa, xã hội ngày càng tiến bộ, quan hệ giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và loài người tiến bộ trên thế giới đang được tăng cường. Hơn nữa, sự nghiệp giáo dục ở nước ta ngày nay đã đạt tới một trình độ phát triển đáng kể khiến cho chúng ta có thể vươn tới một trình độ cao

hơn trong tương lai. Chúng ta đã có một hệ thống giáo dục phát triển rộng khắp bao gồm mọi ngành học cần thiết, một đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đông đảo tận tụy với sự nghiệp và có kinh nghiệm, phong trào nhân dân xây dựng giáo dục đã thành truyền thống, v.v. Đặc biệt là những kinh nghiệm tiên tiến đã được tổng kết, những điển hình tiên tiến về giáo dục đang mở ra những con đường độc đáo để phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, để vận dụng những thành tựu hiện đại của khoa học giáo dục thế giới cho phù hợp với thực tiễn cách mạng của nước ta.

Cùng với thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, công cuộc cải cách giáo dục nhất định sẽ thành công.

NGHỀ RỪNG

trên địa bàn huyện

LÂM-CÔNG-ĐỊNH

TRÊN địa bàn huyện, việc xây dựng cơ cấu kinh tế được thể hiện dưới các dạng nông - công nghiệp, nông - lâm - công hay lâm - nông - công nghiệp, hoặc nông - ngư - lâm - công nghiệp, v.v. Điều đó đòi hỏi mỗi huyện, dù ở vùng nào, cũng cần xem xét những đặc điểm tự nhiên, tạo nên tiềm năng vật chất của đơn vị huyện, trong đó tính chất lâm nghiệp hay là tiềm năng nghề rừng, thể hiện cụ thể trong những mặt nào, với mức độ giá trị ra sao. Từ đó, xác định đúng mức vị trí, vai trò của nghề rừng cũng như mối quan hệ hữu cơ giữa lâm nghiệp với các mặt nông, ngư, công nghiệp trong cơ cấu kinh tế tổng hợp của huyện. Có như vậy chúng ta mới chỉ ra được những nội dung hoạt động và điều kiện cần thiết để phát huy hết giá trị của nghề rừng trong tiềm năng kinh tế chung, tùy theo đặc điểm riêng của từng huyện cụ thể.

Xác định tính chất lâm nghiệp trong cơ cấu kinh tế của một huyện không thể thoát ra khỏi những yếu tố tự nhiên, kinh tế, kỹ thuật, dân sinh, văn hóa, xã hội và quốc phòng, v.v. của huyện đó. Đối với từng huyện, cần xem xét và cân nhắc: tất cả những mặt đó, sao cho phù hợp với đặc trưng riêng của mỗi huyện và gắn chặt với yêu cầu xây dựng kinh tế chung của cả nước. Trên địa bàn từng huyện cụ thể, tính chất lâm nghiệp quan trọng

đến mức độ nào, là tùy thuộc vào cả hai mặt. Một là, tùy thuộc vào yêu cầu của ngay bản thân huyện đó đối với nghề rừng. Hai là, tùy thuộc vào giá trị rừng của huyện ấy đối với yêu cầu chung của vùng kinh tế hoặc của cả nước.

Một huyện ở miền núi cao, như Mường-tè (tỉnh Lai-châu) chẳng hạn, có thể núi lớn, 95% diện tích là đồi núi, lại ở vị trí chi phối trực tiếp đầu nguồn sông Đà. Chỉ riêng điều kiện tự nhiên đó cũng đã nói lên tầm quan trọng tuyệt đối của tính chất lâm nghiệp ở huyện này. Ở đây, rừng không những quyết định thế sống lâu dài của nhân dân trong huyện (dựa vào nghề rừng để xây dựng kinh tế phồn vinh), mà còn quyết định một phần an toàn cho sản xuất và đời sống (trước hết cho nông nghiệp về mặt phòng chống lũ lụt, xói mòn, khô hạn) của đồng bằng Bắc-bộ. Việc phát triển kinh tế ở Mường-tè, do đó, không thể không lấy kinh tế rừng làm cơ sở, để tận dụng tiềm năng tự nhiên của gần 1/2 triệu héc-ta đất núi dốc lớn. Hiện nay, Mường-tè chỉ còn khoảng 40 000 héc-ta rừng, trong đó chỉ có độ 1 000 héc-ta rừng thật sự có giá trị kinh tế. Như vậy, vốn tự nhiên làm nền tảng mạnh của nghề rừng ở đây hầu như đã kiệt. Muốn thật sự biến huyện này thành một đơn vị kinh tế lâm - nông - công nghiệp không có cách nào khác là tập trung sức phát triển nghề rừng.

Nhất là trong điều kiện rừng đã kiệt như hiện nay, rõ ràng quá trình xây dựng kinh tế huyện ở đây phải đồng thời là quá trình xây dựng lại vốn rừng trên quy mô lớn, trải rộng trên 60-70% tổng số đất đai của huyện, bằng những biện pháp cơ bản như: bảo vệ và duy trì bằng được vốn rừng quá ít ỏi hiện còn sót lại, và trồng thêm rừng mới theo tốc độ cao một cách có hiệu quả.

Một huyện ở vùng trung du, như Tân-lạc (tỉnh Hà-sơn-binh) chẳng hạn, đồi núi chiếm 63% diện tích của huyện. Trong đó chỉ có khoảng 21% diện tích chuyên làm nông nghiệp, và có đến 72% diện tích để phát triển rừng. Về mặt giao lưu kinh tế, huyện này có quan hệ trao đổi hàng hóa (nhất là củi, tre, gỗ, các lâm sản khác) với các địa phương khác ở đồng bằng. Về mặt tự nhiên, hệ thống khe nguồn trong huyện đổ nước vào sông Đà, và hệ thống rừng của huyện góp phần điều tiết khí hậu, giữ độ ẩm cho đất đai nông nghiệp những vùng tiếp cận. Riêng những đặc điểm ấy cũng đã cho ta thấy rõ tiềm lực kinh tế tổng hợp của huyện này do rừng quyết định một phần quan trọng. Rừng ở đây không chỉ góp phần làm cơ sở cho sự phát triển kinh tế trong huyện, mà còn có tác dụng tích cực đối với yên cầu phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, và phòng, chống lũ lụt, xói mòn, khó hạn cho miền xuôi. Nhưng vốn rừng hiện nay của Tân-lạc đã giảm sút nhiều về mặt diện tích, và nghèo về mặt phẩm chất. Muốn xây dựng Tân-lạc thành huyện nông-lâm-công nghiệp thì phải có sự đầu tư toàn diện về vốn, lao động, phải trang bị kỹ thuật tương xứng với tính chất lâm nghiệp nói trên, để vừa đẩy mạnh việc bảo vệ, tu bổ, cải tạo, trồng rừng nhằm tăng nhanh vốn rừng, vừa tận dụng mọi giá trị lâm nghiệp của huyện bằng cách khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ do rừng sinh ra để làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Có như

vậy mới phát huy được toàn bộ tiềm năng đất, nước, rừng ở đây để xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, đồng thời góp phần vào việc phòng và chống thiên tai, cải thiện môi trường sống, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, đời sống của nhân dân trong huyện cũng như nhân dân nhiều tỉnh đồng bằng.

Một huyện ở vùng đồng bằng, như Lý-nhân (tỉnh Hà-nam-ninh) chẳng hạn, có 11 514 héc-ta đất canh tác, 3 136 héc-ta đất ở và tha ma, 1 151 héc-ta ao đầm, 1 701 héc-ta đất hệ thống thủy lợi, giao thông, 206 héc-ta đất xây dựng cơ bản. Qua 16 năm (từ 1960 đến 1976) thực hiện phong trào trồng cây theo lời Bác Hồ dạy, cả huyện đã trồng được gần 18 triệu cây (gồm 1 212 dai chắn gió với gần 8 triệu cây bảo vệ cho 85% diện tích ruộng đất, gần 90 vạn bụi tre làm thành hệ thống bảo vệ đê dài 62 km, trên 6,6 triệu cây lấy gỗ, và trên 1 triệu cây lấy quả). Bình quân mỗi người có 123 cây; riêng năm 1976 đã trồng trên 1,6 triệu cây, bình quân 11,5 cây/dầu người. Với vốn mới tạo ra đó, Lý-nhân đã khai thác được 1174 000 cây gỗ, hàng triệu cây tre. Với số gỗ và tre đó, huyện đã làm mới và sửa chữa được 13 856 ngôi nhà với 62 785 gian (trong đó có 2 558 gian trường học, 1 212 gian nhà trẻ và mẫu giáo, 806 gian bệnh xá, trụ sở, 756 gian chuồng chăn nuôi, 9 620 gian nhà chế biến phân, 740 gian nhà kho) và đóng được 8 620 bộ bàn ghế học sinh, làm 59 000 bắp cây, 200 khung dệt thảm day; ngoài ra còn cung cấp được 19 153 tấn củi cho nhân dân địa phương. Huyện Lý-nhân thu được 10 triệu đồng do trồng cây đem lại, và thu nhập ngày công trồng cây của các hợp tác xã là 3,95 đồng. Rõ ràng ở đây không có đất lâm nghiệp, nhưng với vốn cây xanh do mình tạo nên, Lý-nhân đã thật sự phát huy được tiềm năng lâm nghiệp, góp phần làm giàu thêm cho huyện. Trên cùng một vốn đất, nhờ biết làm ăn, không

những tầng được năng suất nông nghiệp, bảo vệ được mùa màng, mà còn có thêm nhiều gỗ, tre, mây, củi, hoa quả; điều đó chứng minh tiềm năng nông - lâm nghiệp của ngay cả những huyện đồng bằng cũng rất lớn. Về mặt lâm nghiệp, tiềm năng ấy được phát huy qua những phong trào trồng cây xanh, theo đúng ý nghĩa đầy đủ của «Tết trồng cây» như Bác Hồ dạy. Hệ thống cây xanh trồng ở vùng đồng bằng không xâm phạm đất canh tác nông nghiệp, hơn nữa còn phát huy tại chỗ hai tác dụng cơ bản của rừng là «cung cấp» và «phòng hộ». Làm được như vậy là do Lý-nhân biết tận dụng tiềm năng tự nhiên, chủ yếu theo chiều đứng: bên trên cây vươn lên cao tận dụng các tầng không khí và ánh sáng mặt trời, bên dưới rễ cây đâm sâu tận dụng những tầng đất dưới mà nông nghiệp không dùng đến. Giá trị lâm nghiệp trong một huyện đồng bằng, chính là giá trị của hệ thống cây xanh được tạo nên. Phát huy giá trị ấy sẽ làm cho tiềm lực kinh tế nông - công nghiệp huyện càng thêm phong phú.

Một huyện miền ven biển, như huyện Cà-mau (tỉnh Minh-hải) chẳng hạn, có một phần lãnh thổ quan trọng đang còn là rừng ngập mặn, gồm các cây đước, vẹt, mọc trên đất sinh lầy ngấm nước biển hoặc nước thủy triều lên xuống hằng ngày. Rừng ấy là nguồn cung cấp lớn về gỗ, củi, than, v.v. cho đồng bằng sông Cửu-long, đặc biệt cho thành phố Hồ-Chí-Minh, đồng thời cũng là địa bàn tự nhiên phát triển phong phú nguồn lợi sinh vật: bên trên là ong mật, bên dưới là hải sản. Như vậy, rõ ràng giá trị kinh tế tổng hợp ở đây là vừa từ rừng, vừa từ biển mà tích lũy nên. Mặc dù là vùng ven biển, nhưng tính chất lâm nghiệp trong nội dung kinh tế ở vùng này là không thể thiếu được và càng không được xem nhẹ. Vốn rừng ngập mặn là một tiềm năng tự nhiên quý, góp phần đáng kể vào nền kinh

tế lâm-ngư-nông nghiệp, kết hợp chặt chẽ với công nghiệp chế biến hải sản, lâm sản của vùng. Đầu tư đúng mức vào việc phát triển lâm nghiệp ở đây thì sẽ lợi dụng được điều kiện tự nhiên thuận lợi đề tận dụng và phát huy tiềm năng nhiệt đới phong phú, độc đáo của nước, đất, sinh vật ở nơi đang luôn luôn trong thế lấn biển này.

Thực tế nói trên chỉ ra rằng trong hoàn cảnh nước ta, ở nhiều nơi, các mặt nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp thường quyện vào nhau, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Đối với từng huyện cụ thể, dù ở miền núi, miền đồng bằng hay miền ven biển, khi xét đến nội dung xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp, cần tìm rõ và xác định đúng mức tính chất lâm nghiệp trong tổng hợp đó, nhằm tận dụng tiềm năng của tự nhiên.



Các huyện có thể rất khác nhau về đặc điểm tự nhiên và yêu cầu kinh tế, nhưng quá trình phát triển nghề rừng của từng huyện không ra ngoài chức năng cơ bản của rừng là «phòng hộ» và «cung cấp». Phát huy chức năng đó là phát huy đến mức cao nhất vai trò sinh thái và tiềm lực vật chất to lớn của rừng, thiết thực phòng và chống thiên tai, dịch họa và bảo vệ, cải thiện môi trường sống, cung cấp liên tục nhiều lâm sản (chủ yếu là gỗ, ngoài ra là những sản phẩm của động vật sống ở rừng, những loại chất bột, chất dầu, hoa quả, v.v.) mà đất rừng có thể sản sinh ra theo phương thức sản xuất nông - lâm kết hợp. Trên địa bàn huyện, hai mục tiêu ấy được cụ thể hóa trong cả hai mặt, tức là vừa thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của bản thân địa phương, vừa phục vụ lợi ích chung trên quy mô rộng của cả một vùng kinh tế hoặc của cả nước. Ví dụ, việc bảo vệ rừng

va trồng rừng ở một huyện miền núi trước hết nhằm lợi ích thiết thân là giữ nước, giữ đất cho sản xuất và đời sống của huyện đó; đồng thời tăng thêm cơ sở tự nhiên vững chắc cần thiết cho yêu cầu phòng và chống lũ lụt, khô hạn cho miền xuôi. Một khu rừng khai thác gỗ xuất khẩu của trung ương trên lãnh thổ huyện, đồng thời có thể và nên kết hợp giải quyết một phần nhu cầu củi, gỗ nhỏ cho huyện, bằng cách tận dụng các loại cành, ngọn, v.v. theo chế độ Nhà nước đã quy định. Việc phát triển hệ thống cây xanh ở những huyện đồng bằng, trước hết là nhằm phục vụ lợi ích phòng và chống gió bão, thiên tai, bảo vệ sản xuất trên đồng ruộng, trực tiếp cung cấp tại chỗ củi, tre, mây... cho nhu cầu hằng ngày; đồng thời đó cũng là biện pháp cơ bản thiết thực nhất để miền đồng bằng góp phần tích cực bảo vệ rừng ở miền núi, do bớt phải chặt quá nhiều cây rừng đưa về miền xuôi làm đống, chất đốt.

Điều hành công việc phát triển kinh tế rừng trên địa bàn huyện theo đúng những mục tiêu trên thì sẽ tránh được mâu thuẫn giữa lợi ích cục bộ của địa phương và lợi ích chung của cả nước. Tuy nhiên, trong điều kiện cụ thể từng huyện, yêu cầu «cung cấp» và «phòng hộ» mỗi nơi có khác nhau. Do đó, phương thức tận dụng tiềm năng tự nhiên để đạt những mục tiêu ấy, lại phải tùy nơi mà chọn cho sát hợp. Ví dụ: huyện còn rừng tốt phải trên cơ sở bảo đảm duy trì và phát triển vốn rừng tốt ấy bằng mọi biện pháp quản lý, bảo vệ, tu bổ, cải tạo, tái sinh và trồng rừng, mà xây dựng công nghiệp khai thác, chế biến lâm sản thích hợp nhằm làm ra được nhiều hàng hóa có giá trị cao. Ngược lại, huyện đã hết rừng, hoặc huyện không có nguồn cây xanh, trước hết phải đẩy mạnh sự nghiệp trồng rừng, trồng cây, đề từ vốn gây dựng mới đó mà có tiềm lực phát triển dần các

ngành nghề liên quan đến sản phẩm do rừng trồng và cây xanh đem lại.

Thực hiện những mục tiêu nói trên của nghề rừng, mỗi huyện cần xây dựng và giữ vững một vốn rừng ổn định trên lãnh thổ do mình phụ trách. Rừng nói chung, cây xanh nói riêng, là vốn cơ bản để phát triển nghề rừng. Tiềm lực kinh tế rừng của một huyện mạnh hay yếu, trước hết là do vốn rừng và vốn cây xanh nhiều hay ít. Một huyện miền núi, dù đất rộng núi nhiều với tính chất lâm nghiệp tuyệt đối, nhưng nếu đã kiệt rừng, trọc cây, chắc chắn tiềm lực nghề rừng không thể sánh được với một huyện đồng bằng, tuy không có đất rừng, nhưng lại đã biết lợi dụng tiềm năng tự nhiên tổng hợp tạo nên một hệ thống cây xanh phong phú có tác dụng vừa điều tiết môi trường sống, vừa làm nguồn dự trữ cung cấp gỗ, củi, tre, mây... tại chỗ cho nhu cầu sản xuất và đời sống hằng ngày. Mặt khác, vốn rừng, vốn cây xanh của một huyện là một thành phần cấu tạo nên hệ thống rừng và cây xanh hoàn chỉnh của cả nước. Xây dựng và giữ vững vốn rừng ổn định trên từng địa bàn huyện, chính là cơ sở để hình thành và giữ vững hệ thống vốn rừng chung của cả nước. Do đó, đối với bất cứ huyện nào, hoạt động có ý nghĩa cơ bản nhất về mặt lâm nghiệp, là bảo đảm xây dựng và duy trì được một vốn rừng và cây xanh đủ diện tích, đúng tỷ lệ, hợp thành phần, chất lượng tốt, đủ khả năng trước mắt và lâu dài đáp ứng được mục tiêu «phòng hộ» và «cung cấp» của nghề rừng. Ở những huyện có đất quy hoạch dành riêng cho lâm nghiệp, cần nhanh chóng tiến tới ổn định vốn rừng bằng cách giữ vững số rừng hiện còn, phòng và chống các nạn phá rừng, trước hết là phòng và chống cháy rừng định kỳ, chăm dứt nạn chặt bừa bãi, giảm dần, đi đến thanh toán hẳn nạn đốt nương rẫy du canh; đồng thời tạo thêm rừng

mới, đủ diện tích, chất lượng tốt bằng cách tu bổ, cải tạo và trồng rừng. Từ vốn đất, vốn rừng đã được ổn định lâu dài đó, tiến lên từng bước tìm cách bồi dưỡng, nâng cao chất lượng rừng, làm cho mỗi đơn vị héc-ta rừng ngày càng cung cấp được nhiều sản phẩm tốt hơn, có giá trị cao hơn, đến mức cao nhất mà tiềm năng tổng hợp của đặc điểm khí hậu, tính chất đất đai, đặc tính loài cây cho phép đạt được ở mỗi nơi nhất định. Ở những huyện đồng bằng, không có đất dành cho lâm nghiệp, có thể triệt để lợi dụng những phần đất đai không dùng cho canh tác và xây dựng, trồng thành hệ thống cây xanh, biến mỗi bờ đường, bờ đê, bờ mương, bờ rào, mỗi góc đất thừa thặng..., thành một vốn cây cho gỗ, củi, quả, dầu, hoa nuôi ong, che mát chắn gió, phòng độc, v.v.

Mỗi huyện cần nhanh chóng phát triển những ngành nghề liên quan đến lâm nghiệp, xây dựng công nghiệp địa phương trên cơ sở tận dụng và phát triển những loại nguyên liệu do vốn rừng, vốn cây xanh tại chỗ sản sinh ra, biến thành hàng hóa có giá trị. Lâm sản đưa ra thị trường có hai dạng: dạng nguyên hình nguyên chất như gỗ súc, tre cây, hoa quả, hạt, củ, lá tươi, v.v. và dạng đã chế biến thành sản phẩm công nghiệp như gỗ lang, bần ghè đóng sẵn, đồ đan bằng tre, mây, tinh dầu, tinh bột, v.v. Tận dụng vốn nguyên liệu rừng; nếu chỉ dừng lại ở chỗ khai thác rừng lấy gỗ, củi, tre... dưới dạng nguyên hình đưa thẳng về nơi tiêu thụ như lâu nay, thì hiệu quả sử dụng nguyên liệu sẽ thấp, giá thành cao, giá trị sản phẩm kém, công sức bị lãng phí, năng suất lao động thấp, thu nhập thấp. Do đó, từng huyện cần có những cơ sở gia công, chế biến lâm sản phù hợp với khả năng và đặc điểm vốn rừng trong huyện. Ví dụ, huyện có nhiều rừng tre trúc, cần phát triển nghề đan lát các loại hàng xuất khẩu,

và có thể tổ chức ngành sản xuất bột giấy hoặc giấy nếu điều kiện cho phép. Huyện có vốn gỗ quý, nên phát triển ngành mỹ nghệ gỗ xuất khẩu hoặc ngành đồ mộc tinh xảo. Huyện có nhiều loại cây cho dầu cần tổ chức ngành chế biến tinh dầu. Huyện có vốn rừng cho quả, hạt ngon và bổ (như dê Trùng-khánh ở Cao-bằng), cần nghĩ đến việc sản xuất tinh bột có giá trị cao, v.v. Nhìn về lâu dài, tiềm năng lâm nghiệp trong một huyện có mang lại hiệu quả kinh tế cao hay không là còn tùy thuộc khá lớn vào khâu gia công, chế biến lâm sản thành hàng hóa công nghiệp có được chú ý xây dựng và phát triển phù hợp với những loại lâm sản mà huyện có ưu thế hay không. Một trong những biện pháp để công nghiệp hóa nghề rừng trên địa bàn huyện, có thể là từ các mặt sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đó mà đi dần lên, vừa phù hợp với trình độ kỹ thuật và nhu cầu đời sống hiện tại, vừa tạo điều kiện tích lũy để trang bị ngày càng nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại cho sự nghiệp công nghiệp hóa nghề rừng.

Là một đơn vị hành chính trong bộ máy Nhà nước, huyện có trách nhiệm quản lý tốt và bảo đảm duy trì, phát triển vốn rừng trong phạm vi huyện. Về mặt này, huyện cần phải luôn luôn đứng trên lợi ích chung của Nhà nước, thay mặt Nhà nước thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quản lý rừng trong địa bàn mình phụ trách. Huyện không được lấy lợi ích cục bộ của mình đối lập với lợi ích chung của Nhà nước. Ví dụ: huyện không thể tự ý để rừng chỗ này, bỏ rừng chỗ nọ. Việc đó do Nhà nước quyết định. Việc quản lý rừng của các huyện phải theo đúng chế độ, pháp luật mà Nhà nước đã ấn định, dưới sự hướng dẫn và kiểm tra trực tiếp của tỉnh (cơ quan thay mặt là ty lâm nghiệp), và theo đúng điều lệnh của Chính phủ (mà ngành đại diện là

Bộ lâm nghiệp). Vốn rừng trong huyện là vốn chung của cả nước. Huyện là cấp thay mặt Nhà nước quản lý vốn rừng của Nhà nước trên địa bàn cụ thể từng huyện. Quyền chủ quản của Nhà nước đối với rừng là tập trung, việc phân cấp quản lý cho huyện là để Nhà nước sát rừng và giữ được rừng trên từng địa bàn cụ thể, hoàn toàn không phải là giao rừng cho huyện sử dụng theo lợi ích cục bộ của mình.

Là một đơn vị kế hoạch, huyện có trách nhiệm và quyền hạn tổ chức và quản lý mọi hoạt động sản xuất theo sự phân cấp cho huyện. Tuy nhiên, riêng trong vấn đề sử dụng vốn rừng, huyện phải tuân theo một nguyên tắc cơ bản về quản lý rừng tiến bộ, tức là chỉ được phép sử dụng số lượng gỗ và lâm sản hằng năm trong chừng mực khả năng sinh sản của rừng cho phép, tuyệt đối không được ăn phạm vào vốn rừng, hơn thế nữa, còn phải tích lũy thêm cho vốn đó. Ví dụ: một loại gỗ tốt phải mất 60 năm mới hình thành được giá trị sử dụng. Muốn có được một cây gỗ tốt như vậy (tức là đủ 60 tuổi) để khai thác đều đặn hằng năm thì bắt buộc phải có đủ một chuỗi cây nối tiếp nhau từ tuổi 1, 2, 3, v.v. đến tuổi 58, 59. Tổng số chuỗi cây từ tuổi 1 đến tuổi 59 đang còn tiếp tục lớn lên ấy, là vốn rừng. Vốn rừng gồm cả vốn đất bên dưới và vốn cây rừng bên trên cho gỗ, lâm sản, dược liệu, kể cả những chim thú sinh sống trong đó. Mục tiêu quản lý rừng tiến bộ là duy trì và phát triển được mãi những vốn quý ấy, nghĩa là không để cho những hành động trái quy luật tự nhiên của rừng làm mất độ phì nhiêu của đất rừng, làm mất giống cây quý và con thú quý, làm mất cân bằng sinh thái rừng nên giá trị môi sinh của rừng. Từ giá trị của vốn đất, vốn cây, vốn con ấy, mà tìm cách lợi dụng tổng hợp tiềm năng tự nhiên bằng cách phát triển sản xuất theo phương thức nông - lâm kết hợp, tạo

ra nhiều sản phẩm thỏa mãn các nhu cầu ăn, ở, mặc, học, xuất khẩu, làm giàu cho huyện, theo nguyên lý *duy trì rừng tốt để nuôi dưỡng đất tốt, nuôi dưỡng đất tốt để phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp, với năng suất cao*. Đó là con đường đi lên của nghề rừng được tổ chức lại trên cơ sở khoa học, với tiến bộ kỹ thuật phù hợp với đặc điểm của rừng.

Phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp kết hợp trên địa bàn huyện, trước hết cần làm tốt quy hoạch nông - lâm, nhằm bảo đảm phân chia đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp được đúng đắn, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất ngay trên từng địa bàn huyện. Do đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý, mối quan hệ trong môi sinh, có những loại đất mang tính hướng lâm, những loại đất mang tính hướng nông, và những loại đất mang tính chuyển tiếp giữa hai loại đó. Cách làm hợp lý nhất là, sử dụng đất hướng nông theo phương thức thâm canh nông nghiệp là chủ yếu, có kết hợp thêm lâm nghiệp trong những trường hợp cần thiết: sử dụng đất hướng lâm theo phương thức lâm nghiệp là chủ yếu, có kết hợp thêm nông nghiệp trong những trường hợp có khả năng. Đất chuyển tiếp thì nông - lâm nghiệp luôn luôn liên kết chặt chẽ. Như vậy, trên địa bàn phân cho lâm nghiệp để xây dựng vốn rừng, phát triển nghề rừng là chính, nhưng vẫn tận dụng khả năng nông nghiệp cho phép. Và trên địa bàn phân cho nông nghiệp chuyển canh cũng cần coi trọng việc tận dụng giá trị lâm nghiệp tại chỗ.

Ngoài ra, những vấn đề về trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho nghề rừng, về chế độ, chính sách, thể lệ quản lý rừng và nghề rừng toàn diện, về tổ chức chuyên trách lâm nghiệp ở huyện, cần được giải quyết một cách có hiệu lực và có sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng và chính quyền huyện.

TRUYỀN THỐNG CHỐNG XÂM LƯỢC TRONG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VIỆT-NAM

NGUYỄN-ĐÌNH-BUU

TRUYỀN thuyết dân gian Việt-nam là một bộ phận quan trọng trong kho tàng văn học dân gian Việt-nam, phản ánh tập trung và sâu sắc những truyền thống dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Chủ đề đánh giặc giữ nước, chiến đấu cho nền độc lập của dân tộc là chủ đề lớn nhất trong truyền thuyết dân gian Việt-nam. Có thể nói chúng ta có một hệ thống truyền thuyết dân gian chống xâm lược hay hệ thống *truyền thuyết dân gian yêu nước*, mà điểm nổi bật là những truyền thuyết chống bành trướng bá quyền Trung-quốc.

Truyền thuyết dân gian cho chúng ta biết ngay từ thời kỳ Nhà nước Văn-lang mới ra đời, nhân dân ta đã phải liên tục chống lại các thế lực xâm lược Trung-quốc. Thánh-Giống là một thiên anh hùng ca mà không một người Việt-nam nào không biết. Song trước Thánh-Giống và cùng với Thánh-Giống, còn biết bao nhiêu những tấm gương hào hùng khác nữa. Đó là Thạch-Linh tướng quân (Tiên-lát, Việt-yên, Hà-bắc), Thạch-Cương tướng quân (Đồng-ky, Tiên-sơn, Hà-bắc), hai anh em Rắn và Đất (Vĩnh-ninh, Thanh-tri, Hà-nội), hai anh em Dục và Minh (Hà-lỗ, Đông-anh, Hà-nội),

Cốt-Tung tướng quân (Hà-lôi, Mê-linh, Hà-nội)... đã đánh tan bọn giặc Mũi-dỏ. Đó là những người anh hùng đã giao chiến với giặc Ân nhiều trận rồi hợp quân với Thánh-Giống giành lấy thắng lợi cuối cùng như hai anh em Dục và Minh, Cốt-Tung tướng quân, Lý-Tiến (nội thành Hà-nội, trại Tiên-ngư), năm anh em làng Nira (thị xã Bắc-ninh, Hà-bắc). Đó là những người dân thường một lòng theo Thánh-Giống lập nên chiến công như : người đi cầu, người thợ săn, lũ trẻ chăn trâu ở làng Hội-xá (Gia-lâm, Hà-nội), người nông dân đập đất trên cánh đồng Gènh (Gia-lâm Hà-nội), chàng Trầu làng Phù-dục, ông Trần-Quốc làng Phù-dồng, tướng Bạch-Sam thôn Hiệp-phủ đều ở vùng quê Thánh-Giống, và hai anh em làng Ngườm (Nghiêm-xá, Quế-vô, Hà-bắc), ba mẹ con Hồng-Thị (Đại-thần, Gia-lương, Hà-bắc) v.v.

Hình tượng Thánh-Giống là hình tượng kỳ vĩ nhất, tập trung sức mạnh và ước mơ của nhân dân Văn-lang muốn quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi nước nhà. Tuy nhiên, hình tượng Thánh-Giống không phải là hình tượng anh hùng duy nhất, và hơn nữa cũng không phải là người anh hùng chiến đấu đơn độc. Những truyền thuyết

thời kỳ này đậm màu sắc thần thoại nhưng *tu tưởng yêu nước thương nòi, tinh thần đoàn kết đánh giặc* đã sớm được xác định, đề cao. Không phải ngẫu nhiên các truyền thuyết đều vạch rõ từ bọn giặc Mũi-dỏ, Ó-lư, Ma-lôi, Hồ-quảng đến bọn giặc Ân đều từ phương Bắc tràn xuống. Trong ý thức của nhân dân ta, những chiến công của Nhà nước Văn-lang có ý nghĩa mở đầu cho truyền thống đánh giặc hàng nghìn đời sau của con cháu vua Hùng: những chiến công của Nhà nước Văn-lang luôn luôn có sức cổ vũ to lớn đối với các thế hệ tiếp theo mỗi khi dân tộc đứng trước nạn ngoại xâm.

Nếu như chiến công của người anh hùng làng Gióng gắn bó với từng cánh đồng, bụi tre, bờ chuôm, bên sông, bãi cát, miệng giếng, sườn đồi, ngọn núi vùng đồng bằng và trung du Bắc-bộ thì sự tích những người anh hùng khác cũng ghi sâu trong trí nhớ nhân dân, sống mãi trong đời sống văn hóa tinh thần của làng xóm, để lại nhiều dấu tích không thể nào phai mờ trên quê hương đất nước. Hội làng phần ảnh hưởng về truyền thống sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán của nhân dân ta. Nhưng *chủ đề yêu nước* là chủ đề chính trong hội làng và gắn với chiến tích các vị thần anh hùng của làng, với truyền thống anh hùng của làng. Dân gian muốn hiểu và cần hiểu như thế. Chúng ta có thể kể đến Thạch-Cương tướng quân — còn gọi là đực thành làng Cời — dẹp tan lũ giặc Mũi-dỏ trong một trận đánh dữ dội. Chiến công của tướng quân vang dội như tiếng sấm nhá trời, và do đó hội làng tưởng niệm người anh hùng là *hội thi pháo lớn nhất* của vùng đồng bằng trung du Bắc-bộ, và có lẽ cả nhiều vùng khác nữa. Ngày hội mừng 4 tháng giêng hàng năm của làng Đồng-kỵ là ngày hội rước pháo, thi pháo, tổ chức thi đấu vật không những giữa các chàng trai trong làng mà còn giữa các bộ lão trong làng, một hội vật rất độc đáo trong sinh hoạt văn hóa

dân gian, đầy tinh thần thương võ. Năm anh em làng Nưa cùng nhau đánh giặc Ân nhưng chưa thành công, họ liền hội quân với Thánh-Gióng. Thắng trận trở về, năm anh em chia ra ở hai làng Y-na và Bò-sơn. Đời đời hai làng ấy kết chạ với nhau, tổ chức sinh hoạt *ca hát quan họ* đầm thắm, nồng đượm tình người. Chiến tích chàng Trâu là niềm vui chung của ba làng Phù-dực, Lê-chi, Phù-ninh. Chàng Trâu đi thuyền sắt đánh giặc trên sông Giặc tan, cả đoàn quân chia nhau ăn chung cùi dừa, uống chung nước dừa cho đỡ cơn khát. Từ đấy, hội làng hằng năm tổ chức cho các chàng trai đua sức *cướp một quả dừa* trên cột cao rơi xuống để cùng nhau ôn lại chiến thắng của ông cha thuở xa xưa. Cũng trên dòng sông ấy, ba mẹ con Hồng-Thị bảo nhau gọi các cô gái làng ra ngân sông, tát cạn nước để đoàn quân khắp vùng lội qua, theo cho kịp ngựa sắt của Thánh-Gióng giết giặc lập công, truy kích bọn giặc Ân rút chạy tán loạn. Hội làng cũng là ngày hội của những cô gái, bà mẹ — những người phụ nữ giàu lòng yêu nước, góp công sức xứng đáng vào kỳ tích anh hùng bậc nhất trong sự nghiệp cứu nước thời đại các vua Hùng.

Truyền thuyết dân gian thời kỳ Văn-lang đã khắc họa tinh thần đánh giặc dữ phương Bắc thật hào hùng, sôi nổi. Tinh thần ấy là: *giặc đến là đánh, đánh nhất định thắng*. Đoàn quân này đánh không thắng thì đoàn quân kia đánh tiếp, nhiều đoàn quân các nơi tập hợp lại cùng đánh. Kỳ lạ và đẹp đẽ biết bao khi truyền thuyết dân gian của ta đã phác họa ra những đường nét chiến tranh của toàn dân trong thời kỳ dựng nước, giữ nước: già, trẻ, gái, trai cùng đánh giặc, cả dân tộc cùng đoàn kết đánh giặc. Từ em bé chẵn trâu đến các bà mẹ, chàng trai, cô gái đều bằng cách này, cách khác góp phần vào chiến thắng chung. Họ đi đánh giặc rất tự nhiên, không một chút suy tính: trẻ chẵn trâu,

người đi câu, người đi săn, người đập đất, thấy đoàn quân đi qua liền gia nhập ngay. Những chàng trai đang đánh cá trên sông thấy đoàn thuyền chèo Trâu lướt sóng, liền buông chèo nhảy lên thuyền theo đi. Những cô gái đang làm việc trên đồng thấy đoàn quân đuổi giặc tới, liền tay tiếp tay tát nước, nổi đôi bờ cho các dũng sĩ vượt qua. Truyền thuyết miêu tả nhân dân nô nức đi đánh giặc như đi trăng hội vậy. Họ đánh giặc bằng bất kỳ vũ khí gì có trong tay. Người thợ thủ công nỗ lực làm ngựa đá, gậy đá cho Thạch-Linh tướng quân đánh giặc Mũi-dũ. Họ cũng làm ngựa sắt, nón sắt, roi sắt cho Thánh-Gióng lên đường dẹp giặc Ân, làm thuyền sắt, trùy sắt cho chàng Trâu phủ Gióng... Người nông dân đập đất cầm ngay chiếc vó cỏ sắn, người thợ săn vác ngay chiếc nỏ trong tay, người đi câu cầm luôn cần câu làm roi xông ra chiến trường. Roi sắt bị gãy, Thánh-Gióng liền nhổ tre đánh vào mặt giặc, chàng Trâu văng mất trùy sắt, liền cầm xác giặc quật lên đầu giặc. Hơn nữa, hầu như truyền thuyết dân gian nào cũng có chi tiết: *vua Hùng phải cho sứ đi tìm người anh hùng trong làng quê xóm vắng*. Thạch-Linh tướng quân, Thạch-Cương tướng quân hay Thánh-Gióng, chàng Trâu đều là con em dân thường. Những người anh hùng đó thật gần gũi với cuộc sống của người nông dân Việt-nam. Nếu như trước khi đi đánh giặc, Thánh-Gióng ăn cơm với cá mà lớn bổng lên thì sau khi dẹp giặc, chàng Trâu cùng bạn bè nấu nồi cơm độn khoai ăn cho đỡ đói. Truyền thuyết dân gian thời kỳ Văn-lang nêu bật tinh thần khắc phục mọi khó khăn gian khổ đánh giặc cứu nước đã thấm sâu tới mọi nhà. Hai anh em Dục và Minh, hai anh em Rắn và Đất, năm anh em làng Nưa, hai anh em làng Ngừm, ba mẹ con Hồng-Thị, phải chăng là những gia đình tiêu biểu đã góp nhiều sức người vào những cuộc kháng chiến

liệt sử mà tư tưởng chủ đề của truyền thuyết dân gian muốn khẳng định? Chắc chắn đề bảo vệ lãnh thổ trong những ngày đầu dựng nước, các vua Hùng đã phải tổ chức nhiều cuộc chống ngoại xâm và việc đó trở nên vô cùng cấp bách đối với vận mệnh nước Văn-lang non trẻ. Do đó, không riêng gì Thánh-Gióng, các nhân vật trong truyền thuyết dân gian thời kỳ này thường là những con người vụt lớn lên không lồ từ những đứa trẻ thơ ngây và khi đánh giặc xong, hoàn thành nghĩa vụ thiêng liêng của người dân Lạc-Việt thì họ liền bay lên trời hay biến vào núi non, sông nước của quê hương. Những con người đó hầu như sinh ra chỉ để làm nhiệm vụ giữ gìn bờ cõi, biên cương khi nước nhà có giặc ngoại xâm. Đó là một đặc điểm chung của truyền thuyết về các anh hùng giữ nước ở thời kỳ này, và tinh thần ấy đã trở thành một truyền thống của dân tộc ta.

Nước Âu-lạc bị rơi vào tay Triệu-Đà. Sai lầm của An-Dương-Vương trong quan hệ riêng tư đã dẫn đến chỗ nước mất, nhà tan, mặc dù nhà nước Âu-lạc có những tướng giỏi như Nồi-Hầu, Cao-Lỗ và có « nỏ thần » linh thiêng. Truyền thuyết ca ngợi nhân dân ta thời kỳ này đã đẩy lui nhiều đợt xâm lược của quân Triệu-Đà. Đánh mãi không được, Triệu-Đà thương lượng cầu hòa, An-Dương-Vương đồng ý. Nhưng An-Dương-Vương đã mất cảnh giác, không thấy rõ bản chất của quân xâm lược, đến nỗi mắc mưu Triệu-Đà, đưa gián điệp (Trọng-Thủy) vào nắm bí mật quốc gia, cho nên « cơ đồ đắm biển sâu ».

Một nghìn năm bị phong kiến phương Bắc dò họ là một nghìn năm nhân dân ta đấu tranh chống xâm lược, chống chủ nghĩa bá quyền phong kiến Trung-quốc. Truyền thuyết dân gian đã ca ngợi những người con anh hùng của dân tộc một lòng hy sinh vì nền độc lập nước nhà. Họ là những người ít thấy ghi

tên tuổi trong sử sách, nhưng sống mãi trong ký ức của nhân dân. Ý thức dân tộc ở những con người anh hùng này ngày càng sâu sắc hơn. Tinh thần chiến đấu hy sinh của họ hòa làm một với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ dẻo dai của làng quê Việt-nam, dân tộc Việt-nam. Nổi bật trong lịch sử chiến tranh giải phóng của dân tộc vào thế kỷ I là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Sử sách thường chỉ ghi sự tích Hai Bà Trưng, còn trong dân gian thì lại ghi nhớ rất nhiều những vị tướng của Hai Bà chống giặc Tô-Định và Mã-Viện. Sơ bộ thống kê, riêng ở Hà-nội sưu tầm được sự tích 27 vị, ở Hà-bắc 41 vị, trong đó số nữ tướng là 27 vị. Tương truyền từ đây, nhân dân ta có câu tục ngữ: «Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh».

Qua truyền thuyết, chúng ta còn thấy bên cạnh hai chị em bà Trưng là ba anh em ruột họ Đào (gồm hai anh trai Hiền-Hựu, Quý-Minh và một cô em gái là Phương-Dung), ba anh em, có cháu ruột Quách-Lãng, Đinh-Bạch-Nương, Đinh-Tĩnh-Nương, ba anh em Đô, Hiền, Lương, hai anh em Đống và Hựu, vợ chồng Đào-Kỷ - Phương-Dung, vợ chồng Doãn-Công - Đào-Nương, hai anh em Thủy-Hải - Dăng-Giang, ba anh em Đông-Quân, hai cậu cháu Thánh-Thiên, hai mẹ con Diệu-Tiên, Pháp-Hải, chị em Á-Tắc, Á-Dị, chị em Á-Lã, Rồng-Nhị v.v. Truyền thuyết dân gian còn nói về sự tích hai anh em Bà Triệu đánh giặc Ngô, hai anh em Trương-Hồng, Trương-Hát đánh giặc Lương, ba anh em Phùng-Hưng, Phùng-Hải, Phùng-Dĩnh cùng ba chị em người cháu đánh giặc Đường, hai chị em Hồng và Quế đánh giặc Tống, hai chị em Bảo và Ngọc đánh giặc Nguyên, hai anh em Dương-Trực, Tô-Quang đánh giặc Minh, hai chị em cô gái làng Quan-nhân đánh giặc Thanh v.v. Không phải ngẫu nhiên truyền thuyết dân gian kể về hàng loạt những gia đình như thế. Và điều

đó rất bình thường, rất dễ hiểu với nhân dân ta mỗi khi đất nước có giặc ngoại xâm, cả nhà đi đánh giặc, cả làng, cả nước đánh giặc. Truyền thống này càng thấy rõ trong những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống bọn hành trưởng Bắc-kinh xưa qua.

Những người anh hùng trong truyền thuyết thuộc đủ các tầng lớp trong xã hội: Nổi-Hầu là thợ thủ công nặn nổi đất, Nguyễn-Tam-Trình làm nghề dạy học, Vinh-Huy làm vườn, Nàng-Tía làm ruộng, Hồng-Nương và Quế-Nương chăn tằm, dệt vải, cô gái làng Đào-dặng làm nghề hát ả đào, bà lão làng Chuế-cầu bán hàng nước v.v. Ở Kha-lâm (Kiến-an, Hải-phong) còn có truyền thuyết Vua Vô đại vương, đánh xong giặc Nguyên lại trở về với công việc chài lưới hằng ngày, sống với bà con dân làng cho đến trọn đời. Những tên tuổi hiền lành, bình dị như Thanh-Gióng, chàng Trâu (Gia-lâm, Hà-nội) hay Cây Nhội đại vương, Vua Vô đại vương, Chàng-Uất đại vương (Kiến-an, Hải-phong) v.v. thật gần gũi với nhân dân, với làng xóm quê hương. Những ai có công lao trong sự nghiệp chống ngoại xâm, nhân dân đều ghi nhớ không quên.

Truyền thuyết Trương-Hồng, Trương-Hát — hai vị tướng giúp Triệu-Quang-Phục — còn lưu giữ ở hơn 300 làng suốt hệ thống sông Cầu, sông Thương, nơi tưởng vọng hai ông lại là nơi xuất xứ bài thơ bất hủ của Lý-Thường-Kiệt trên chiến tuyến sông Cầu lịch sử hơn 500 năm sau.

Truyền thuyết hai chị em Hồng-Nương, Quế-Nương giúp Trần-Lục-Tích, một vị tướng cầm quân đánh giặc Tống dời Lê-Dại-Hành, được diễn lại trong ngày hội hàng năm ở làng Nghè (Tứ-liêm, Hà-nội). Đoàn quân vượt qua ngã ba sông Tô-lich và sông Thiên-phủ bằng chiếc cầu do dân quanh vùng vác tre, gỗ xuống. Chính chiếc cầu ấy ngăn sông dữ đưa đoàn

quân kịp thời đánh đuổi giặc phía sông Hồng. Hào khí đánh giặc giữ nước đã tạo nên sức mạnh kỳ lạ. Về sau đề tưởng nhớ sự tích này, mỗi lần lễ rước sang bãi Cơm-thị, dân làng không kể già trẻ lớn bé vừa hò reo vừa vớt cành rào, ngọn cây lấp một đoạn sông tạm thời làm cầu, gọi là cầu Cồn.

Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai ở thời Lý cũng có nhiều truyền thuyết dọc tuyến sông Cầu. Sang thời Trần, ba lần đánh quân Nguyên, nhân dân quanh vùng ngã ba Hạc-tri (Vĩnh-phú), Ba-vì (Hà-nội) có truyền thuyết ông Lân-Hồ đánh giặc nổi tiếng « Nam phương tráng khí, Bắc khấu hàn tâm » (khí thế mạnh mẽ của phương Nam khiến bọn giặc phương Bắc run sợ đến lạnh cả người). Nhân dân quanh vùng Hà (Lục-ngạn, Hà-bắc) mở hội trận diễn lại quá trình một trận tập kích quân Nguyên của tướng Vũ-Thành, trận đánh bất ngờ mang lại thắng lợi to lớn cho quân dân nhà Trần. Nhân dân vùng Đa-mai (Bắc-giang, Hà-bắc) còn ghi nhớ công lao hai chị em Bảo-Nương, Ngọc-Nương thà hy sinh thân mình, không chịu ô nhục, đánh đắm thuyền giết tướng giặc, tạo thời cơ cho quân ta tiêu diệt đạo quân địch trên sông Thương. Các truyền thuyết đó tô đẹp thêm những trang sử dân tộc thế kỷ 13.

Trong hai mươi năm giặc Minh đô hộ nước ta (1407—1427), nhân dân ta ghi sâu tội ác của chúng và cảnh cáo những kẻ đầu hàng, làm tay sai cho giặc: « Muốn sống sót đi ẩn rừng, ẩn rú, muốn chết rũ ra làm quan triều Ngô ». Ở làng Đào-đặng, tỉnh Hưng-yên (Hải-bưng) hay làng Chuế-cầu tỉnh Nam-định (Hà-nam-ninh), có chuyện người con gái hát ả đào và bà hàng nước dùng cầm mưu trí dùng túi thít chặt miệng để giết bọn giặc Minh. Dân làng Lỗ-khe (Đông-anh, Hà-nội) truyền tụng anh em Dương-Trực và Tô-Quang-Duyên tổ chức nhiều trận phục kích giặc Minh, trừ diệt cả một

đạo quân kỵ mã thiện chiến của địch, góp phần đáng kể vào chiến thắng Chi-lăng, chém chết tướng giặc Liễu-Thăng trước trận tiền. Ở làng Sặt (Tiên-sơn, Hà-bắc) có truyền thuyết bà Tân-Thị-Thắm cầm quân đánh giặc Minh thay chồng, lập được nhiều công lao. Nhân dân địa phương còn ca ngợi bà trong câu ngạn ngữ « Gan Sặt, mặt Báng, đáng Phù-lưu » cái đẹp ở đây là cái đẹp dũng cảm đánh giặc, giữ nước, và nó còn đẹp hơn cả vẻ đẹp của khuôn mặt, hình dáng các cô gái làng Báng, làng Phù-lưu (Tiên-sơn, Hà-bắc).

Trên đất nước ta, địa phương nào cũng có truyền thuyết dân gian chống bọn bánh trưởng bá quyền Trung-quốc trong mọi thời kỳ lịch sử. Có thể nói hầu như không có một cuộc xâm lược nào của bọn phong kiến phương Bắc vào nước ta là không bị rơi vào vòng vây của cuộc chiến tranh toàn dân thần kỳ. Bọn xâm lược đi đến đâu cũng vấp phải sức sống chống trả quyết liệt. Khắp các nẻo đường, dòng sông, khe núi đều có thể trận đánh địch, diệt địch. Những chiến thắng oanh liệt chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc ta không thể tách rời những đóng góp phi thường của nhân dân mà truyền thuyết dân gian là một kho tàng trữ bất diệt, giữ gìn, truyền lại, nhắc nhở muôn đời con cháu về sau. Truyền thuyết dân gian Việt-nam đã tồn tại một cách sinh động như chính cuộc sống của nhân dân Việt-nam.

Tiếp tục truyền thống chiến đấu chống ngoại xâm cực kỳ oanh liệt và vẻ vang của dân tộc được thể hiện một phần trong truyền thuyết dân gian, nhân dân ta ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đang đoàn kết triệu người như một, nêu cao tinh thần cảnh giác, ra sức chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu dũng cảm chống chủ nghĩa bánh trưởng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc, để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Thảo luận

NỀN VĂN HÓA MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẦN ĐẦU CHO MỘT LỐI SỐNG TỐT ĐẸP NHẤT CỦA CON NGƯỜI LÀM CHỦ TẬP THỂ

VŨ - KHIÊU

1 - **C**ÁCH mạng tư tưởng và văn hóa trên đất nước ta đang cùng với cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật đẩy mạnh sự phát triển về mọi mặt của xã hội ta. Trong quá trình ấy, một lối sống mới đang hình thành, vừa là động lực thúc đẩy ba cuộc cách mạng, vừa là kết quả của ba cuộc cách mạng ấy.

Lối sống được hình thành trên cơ sở của những điều kiện kinh tế — xã hội nhất định nhưng không phải hình thành một cách tự phát. Trong lịch sử loài người, các giai cấp thống trị luôn luôn chủ động xây dựng một lối sống xã hội phù hợp với lợi ích của mình. Vì thế, mỗi cuộc cách mạng xã hội đều dẫn đến một cuộc cách mạng trong lối sống. Đấu tranh giai cấp, cũng vì thế, luôn luôn diễn ra trên lĩnh vực tư tưởng chung quanh những vấn đề của lối sống. Không phải ngẫu nhiên mà lối sống đang là vấn đề được bàn cãi hằng ngày trong thế giới ngày nay.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở những thành tựu ngày một to lớn về kinh tế và văn hóa, giới lý

luận đang hướng về tương lai cộng sản chủ nghĩa, dự báo về một lối sống phù hợp nhất với những con người của ngày mai.

Trong các nước tư bản, trước sự sụp đổ tất yếu của xã hội bất công và thối nát, các nhà lý luận tư sản cũng đang bàn rất nhiều về lối sống, nhằm bảo chữa cho lối sống hiện hành ở nước họ và xuyên tạc lối sống mới trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Trên đất nước ta, nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đang được thực hiện rộng khắp. Cái đẹp đang đi vào cuộc sống hằng ngày. Những đặc điểm của văn hóa mới, con người mới đang ngày một rõ nét. Vấn đề lối sống vì thế đang lôi cuốn sự quan tâm của tất cả mọi người.

Vậy lối sống là gì, theo quan điểm của chúng ta? Và làm thế nào để xây dựng trên đất nước ta một lối sống đẹp nhất?

2 - Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và bằng thực tiễn cách mạng của mình, chúng ta duyệt lại những quan điểm khác nhau về lối sống trên thế giới ngày nay và làm sáng tỏ những quan điểm cơ bản của

Đảng ta chung quanh những vấn đề về lối sống.

Đã từ lâu các nhà lý luận tư sản đã làm lẫn lộn khái niệm *Mức sống* và khái niệm *Lối sống*. Họ đánh giá mức sống của một nước căn cứ vào giá trị sản lượng hàng tiêu dùng tính theo đầu người. Lối tinh toán đó đã xóa mờ ranh giới các giai cấp trong một xã hội, che giấu mức thu hoạch hết sức chênh lệch giữa một nhà tư bản và một người công nhân.

Trong những năm gần đây, khái niệm *chất lượng sống* lại được dùng rất nhiều, và được đồng nhất với khái niệm *lối sống*. Các nhà lý luận tư sản thường do *chất lượng sống* bằng số lượng những phương tiện sử dụng hằng ngày như điện tích nhà ở, thực phẩm, xe hơi, máy thu hình, tủ lạnh, v.v.

Các nhà lý luận của các nước xã hội chủ nghĩa đã phê phán những quan niệm ấy về chất lượng sống, và khẳng định chất lượng sống của con người không thể chỉ hạn chế ở những nhu cầu vật chất. Chất lượng sống còn phải được đánh giá ở mặt thỏa mãn những nhu cầu văn hóa và tinh thần của con người, đặc biệt là những vấn đề học tập, phát triển tài năng và nhân cách, xây dựng những quan hệ tốt đẹp giữa người và người. Tuy nhiên, khái niệm *chất lượng sống* vẫn có những hạn chế nhất định không thể thay thế cho phạm trù *lối sống*. Lối sống là một phạm trù xã hội học rộng lớn hơn, hoàn chỉnh hơn để chỉ ra toàn bộ xu hướng, thái độ và hành vi của con người trong cuộc sống hằng ngày. Chính vì thế mà chúng ta cần đi sâu vào phạm trù lối sống và gắn liền lối sống với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta, để chủ động xây dựng lối sống trên cơ sở khoa học.

3 - Lối sống của chúng ta là lối sống của con người làm chủ tập thể. Làm chủ tập thể là một khái niệm triết học vô cùng sâu sắc và phong

phú mà Đảng ta đã đặc biệt nhấn mạnh trong Đại hội lần thứ IV của mình. Làm chủ tập thể là đặc điểm cơ bản nhất của con người mới, con người chiến đấu cho lý tưởng "không có gì quý hơn độc lập, tự do", sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, con người đã đứng lên xóa bỏ mọi xiềng xích đè từ người nô lệ trở thành người làm chủ toàn bộ cuộc sống của mình. Con người mới cũng là con người đã dứt bỏ những ý nghĩ và tình cảm nhỏ bé của chủ nghĩa cá nhân để sống với tâm hồn rộng lớn, tràn đầy tình yêu thương, hòa mình vào vận mệnh chung của giai cấp, của dân tộc, của toàn thể nhân dân lao động. Làm chủ tập thể là xu hướng tất yếu của nhân loại, là tiêu điểm cao nhất của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chủ nghĩa. Lối sống mới vì thế phải là lối sống của con người sống với niềm kiêu hãnh chính đáng, với trách nhiệm về vang, với ý thức và năng lực đầy đủ của con người làm chủ tập thể. Lối sống ấy được toàn thể nhân dân ta xây dựng một cách tự giác, sẽ đem lại sức mạnh vô tận thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của cả xã hội ta. Tuy nhiên lối sống mới của chúng ta không phải dễ dàng một mai một chiều hình thành và hoàn thiện được. Quá trình đầy mạnh ba cuộc cách mạng cũng là quá trình từng bước hình thành lối sống mới trong xã hội ta, lối sống của con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân.

4 - Cách mạng về quan hệ sản xuất triệt để xóa bỏ sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, đặt nền tảng mới cho sự gắn bó mật thiết giữa người và người trong xã hội ta. Chủ nghĩa cá nhân, sản phẩm của chế độ chiếm hữu tư nhân sẽ ngày một tàn lụi và lui dần về quá khứ. "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người", lối sống ấy sẽ ăn sâu vào ý thức của nhân dân ta, tạo nên vinh dự và niềm vui cao nhất của con người là

gắn bó với tập thể, là hiến dâng trí tuệ, tài năng cho Tổ quốc và nhân loại, là đấu tranh cho hạnh phúc của mọi người và của mỗi người. Lễ sống ấy sẽ tạo ra một kiểu người hoàn toàn đối lập với kiểu người phổ biến trong xã hội tư bản, kiểu người chỉ sống cho bản thân mình, kiểu người đang ngày một lún sâu xuống vũng bùn của cô đơn và tuyệt vọng.

Cách mạng về khoa học và kỹ thuật đang là then chốt để biến đổi toàn bộ xã hội ta, cũng là then chốt để biến đổi mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Lao động đã trở thành nghĩa vụ, vinh dự và niềm vui cao nhất. Từ lao động làm thuê đến lao động làm chủ, từ sản xuất nhỏ đến sản xuất lớn, từ lao động thủ công đến lao động cơ giới, con người trong xã hội ta đang tiếp thu nhanh chóng những thành tựu mới nhất của nhân loại, dần dần làm chủ kỹ thuật, làm chủ thiên nhiên. Tác phong công nghiệp và hiện đại không chỉ đi vào lao động mà còn nổi lên trong toàn bộ cuộc sống hằng ngày. Tất cả những lối làm ăn cũ kỹ, thái độ lẽ mề, bảo thủ, tác phong quan liêu sẽ bị quét đi một cách kiên quyết và triệt để, nhường chỗ cho một lối sống khàn trương, hoạt bát, khoa học và sáng tạo.

Cách mạng tư tưởng và văn hóa đang mạnh mẽ xóa bỏ những thành

kiến mê tín, lối suy nghĩ cũ kỹ trong đầu óc con người, tạo điều kiện cho toàn thể nhân dân không ngừng nâng cao trình độ kiến thức, phát triển mọi năng khiếu của cá nhân, thay đổi lại toàn bộ tư tưởng và tình cảm, trở thành những thành viên xứng đáng của xã hội mới, đồng thời là những chủ thể có ý thức đối với toàn bộ đời sống cá nhân của mình. Trên cơ sở của sự phát triển cá nhân về mọi mặt, con người đang tìm thấy lễ sống và niềm vui.

5 - Lối sống mà chúng ta đang xây dựng chính là lối sống của con người mang bản chất chân chính nhất của con người, là tình thương, lao động và sáng tạo. Tự do, hạnh phúc và vinh dự của con người gắn liền với lối sống ấy. Nhân dân ta đang lao động quên mình để nhanh chóng xây dựng lại đất nước, đem lại cho mình một đời sống vật chất và tinh thần ngày càng tốt đẹp.

Trải qua những ngày gian khổ, vượt qua muôn ngàn thử thách, chúng ta vẫn tràn đầy tin tưởng và lạc quan, bởi tâm hồn chúng ta chứa ngời lễ sống chân chính của con người, chúng ta vươn tới lối sống cực kỳ phong phú của tình thương, lao động và sáng tạo, lối sống ấy đang ngày một rõ nét trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đưa cái đẹp vào cuộc sống

LÊ - ANH - TRÀ



ÁC nhà nghiên cứu thẩm mỹ thế giới thường hay nhắc đến câu nói bất hủ của Mác về đặc trưng của

hành động con người. « Động vật nhào nặn vật chất chỉ phù hợp với kích thước và nhu cầu của giống loài mà nó thuộc vào, trong khi đó con người

biết sản xuất theo kích thước của bất kỳ giống loài nào, và ở khắp nơi họ biết áp dụng cho đối tượng một kích thước phù hợp; do đó con người nhào nặn vật chất cũng theo cả những quy luật của cái đẹp nữa!» (1).

Qua ý của Mác, chúng ta có thể hiểu rằng trong mỗi loài, mỗi đối tượng, sự vật, có một «kích thước», một «thước đo» khách quan, nội tại, hình thành nên bởi sự vận động của sự vật được tổ chức theo một mục đích bên trong, mà chỉ có con người mới nắm được trong quá trình đồng hóa thế giới. Đó chính là quy luật điều khiển mọi sự hài hòa, phát triển, mà có làm chủ được chúng thì con người mới đi vào vương quốc của chân lý, của sự sáng tạo và cái đẹp.

Theo từng bước tiến của lịch sử, con người phát hiện dần chân lý và cái đẹp, và trong khi cải tạo thiên nhiên và xã hội, trong đó có cả bản thân mình, con người cũng nâng cao dần trình độ của chân lý và cái đẹp. Nhưng cho đến nay, con người gặp rất nhiều trở lực. Trong các chế độ áp bức bóc lột cũ, con người, tuy có tiếp cận dần với các quy luật của cái đẹp, cũng khó có được điều kiện để áp dụng theo như mong muốn. Hoặc nếu có một số người phát hiện hay sáng tạo được những cái đẹp nào đó, thì cũng chỉ để cho một tầng lớp đặc quyền hưởng thụ. Cái đẹp — lúc nào cũng do nhân dân tạo nên — bấy giờ còn là một cái gì quá xa xỉ, không thiết thực và cũng quá lăm tay sử dụng của con người lao động. Do những sự bất công và hành động bóc lột của giai cấp thống trị, cho nên lúc bấy giờ cái xấu thống trị trong xã hội.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, với những điều kiện kinh tế, xã hội ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao cả về hai mặt vật chất và tinh thần, cái xấu mất dần đi, cái đẹp ngày càng nảy nở, và con người ngày càng hiểu cái đẹp, càng tạo thêm cái đẹp và hưởng

thụ cái đẹp. Cái đẹp, một phẩm chất của cuộc sống mới, đã trở thành một nhu cầu của đời sống nhân dân như cái có ích — cái đẹp và cái có ích đã trở thành đôi bạn chí thân. Không chỉ là nhu cầu cho đời sống văn hóa, cái đẹp còn là một đòi hỏi của lao động, sản xuất và chiến đấu. Vì vậy mà một trong những nhiệm vụ của chúng ta là không ngừng đưa cái đẹp vào cuộc sống, làm cho cuộc sống ngày càng tươi đẹp mãi lên...

Cái đẹp của chúng ta ngày nay là những giá trị tinh thần, văn hóa, hình thành bằng sự kết tinh những truyền thống thẩm mỹ ưu tú của đất nước, được phong phú hóa trong quá trình hấp thụ những tinh hoa thẩm mỹ của nhân loại, của thời đại.

Đưa cái đẹp vào cuộc sống, cụ thể là như thế nào? Chúng ta không nghĩ rằng có thể tiêu chuẩn hóa cái đẹp thành những quy phạm cố định, mà mọi người phải theo, bất chấp những đòi hỏi uyên chuyển khách quan của thực tiễn. Chúng ta cũng không thể chỉ lấy ý muốn chủ quan để đặt ra phong tục, tập quán, lễ lối ứng xử. Sự phát triển của cuộc sống sẽ tìm kiếm những hình thức mới, chúng ta cần theo dõi sự phát triển đó, nắm được sâu sắc các biến đổi tâm lý xã hội, khái quát được những hình thức mới mà cuộc sống đem lại. Tất nhiên ở đây, có sự lãnh đạo và uốn nắn của hệ tư tưởng cách mạng của giai cấp công nhân, đối với mọi lệch lạc, hoặc bảo thủ, khép kín hoặc quá trốn. Đưa cái đẹp vào cuộc sống là vấn đề rộng lớn và phức tạp. Tuy vậy, chúng ta có thể nêu lên một số lĩnh vực và biện pháp có tính chất đặc trưng sau đây:

— Có một kế hoạch giáo dục thẩm mỹ sâu rộng nhằm mục đích giáo dục quan niệm về cái đẹp mới của dân tộc, giáo dục lý tưởng thẩm mỹ Mác —

(1) C. Mác và F. Ăng ghen: *Từ những tác phẩm thời kỳ đầu* (bản tiếng Nga), Nhà xuất bản Mát-xcơ-va, 1956, trang 560.

Lê-nin và những thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ. Lĩnh vực cái đẹp là lĩnh vực của sự tự do cảm thụ, của những xúc cảm sâu kín, và chỉ khi mỗi người có nhận thức thẩm mỹ đúng hướng, thì mới có hành động tốt.

Việc giáo dục thẩm mỹ này đòi hỏi xây dựng một hệ thống tổ chức, cơ quan, và có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, vườn trẻ, trường học, xã hội, đoàn thể, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Nhà nước. Trong khi xây dựng những thị hiếu thẩm mỹ mới, tích cực, cần mạnh mẽ và kiên trì chống các tàn tích văn hóa và thẩm mỹ phong kiến, tư sản, tiền tư sản và thực dân mới.

— Thông qua việc đẩy mạnh thực hiện nếp sống mới văn minh, mà xây dựng những tập quán mới tốt đẹp trong quan hệ đối xử, trong lời ăn tiếng nói, cách xưng hô, cách ăn mặc, đi đứng, vui chơi và làm việc. Cần xây dựng và hướng dẫn noi theo những gương mẫu về cái đẹp mới trong các lĩnh vực trên, nhưng không biến chúng thành những khuôn mẫu cứng nhắc, cố định, cũng không để quần chúng chạy theo các «mốt» luôn thay đổi như ở các nước tư bản. Cần có sự nghiêm cấm thích đáng tâm lý và thị hiếu của lứa tuổi thanh niên, kết hợp cái đẹp và cái có ích, cái đẹp và đạo đức xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp xúc với cái đẹp của thế giới, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, hết sức tránh bảo thủ, chủ quan, đồng thời tránh lai căng, lố lằng và xa xỉ.

Nếp lao động khoa học, có kế hoạch, có phương pháp, có năng suất cao và sáng tạo chính là cái đẹp cao cả của phẩm chất con người. Nó cũng có tác dụng rèn luyện ý chí của con người làm chủ tập thể.

— Phát triển mỹ thuật công nghiệp, tăng thêm sự chú ý của những cơ quan chuyên trách về văn đề thẩm

mỹ trong lao động sản xuất (kể cả ở lĩnh vực nông nghiệp). Các nhà mỹ thuật cố gắng kết hợp những hình thức hiện đại nhất với những truyền thống về tạo dáng, tạo hình, về màu sắc — đặc trưng cái đẹp Việt-nam — thiết lập một thể giới đồ vật Việt-nam, hài hòa, đẹp đẽ.

— Về việc làm đẹp cho cơ thể con người, thì ngoài tác động của lao động hợp lý, cũng cần nhấn mạnh đến các hoạt động thể dục, thể thao, những hoạt động này khi phát triển cao cũng trở thành một loại hình nghệ thuật (thể thao nghệ thuật) đạt đến những động tác tài ba, đồng thời làm cho cơ thể con người phát triển hài hòa, đẹp đẽ, đem lại sức khỏe dẻo dai cho con người.

— Cần chú ý đến các hoạt động du lịch, tham quan với chức năng thỏa mãn nhu cầu của nhân dân được hưởng thụ cái đẹp của đất nước, thiên nhiên và những công trình tiêu biểu cho bàn tay lao động sáng tạo của con người, trên Tổ quốc ta, và nếu có điều kiện thì trên thế giới nữa. Việc tiếp xúc này giúp phát triển ý thức thẩm mỹ của con người, mở rộng tâm mắt và giáo dục những phẩm chất nhân đạo chủ nghĩa rộng lớn, tình yêu đất nước, yêu thiên nhiên, tình thân đoàn kết quốc tế.

— Phát triển một nền văn nghệ có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có chất lượng cao, trên quy mô rộng lớn là biện pháp rất quan trọng để đưa cái đẹp vào đời sống tinh thần, tư tưởng và tình cảm của quần chúng nhân dân.

Tóm lại, bản chất hành động của con người là vươn tới cái đẹp, và không một lĩnh vực nào của cuộc sống hiện tại mà không có cái đẹp, không một nơi nào, một địa bàn, nhóm cư dân nào lại không có nhu cầu và quyền được hưởng thụ cái đẹp, để cái đẹp tô điểm cuộc sống và tác động tích cực đến mọi hoạt động

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Công việc này hết sức phức tạp và khó khăn, những biện pháp cũng hết sức đa dạng và phong phú. Và công việc này cũng sẽ mãi mãi tiếp diễn vì sự hoàn thiện của con người, và

cái đẹp cũng không có giới hạn. Không ngừng tìm cách thỏa mãn nhu cầu về cái đẹp, chính là cái bước cao nhất của việc xây dựng con người mới toàn diện, con người xã hội chủ nghĩa, và xây dựng lối sống mới, xây dựng xã hội tốt đẹp nhất mà tâm hồn và trí tuệ ta mơ ước.

CÓ MỘT NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THẾ GIỚI

PHONG - CHÂU

TRƯỚC Cách mạng tháng Tám, ánh sáng của nền văn hóa xô-viết đã được một số chiến sĩ công sản nước ta tiếp thụ và bí mật truyền về nước. Người Việt-nam đầu tiên từ đất nước của Lê-nin vĩ đại đem ánh sáng ấy về cho nhân dân ta chính là Hồ Chủ tịch kính yêu.

Ngày nay, Việt-nam là một thành viên của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Nền văn hóa mới Việt-nam là một bộ phận của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thế giới. Sự tác động qua lại và sự làm phong phú lẫn nhau của nền văn hóa các nước xã hội chủ nghĩa (1) đã trở thành một quy luật của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cho nên, để xây dựng một nền văn hóa mới Việt-nam có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, việc tìm hiểu, nghiên cứu nền văn hóa các nước xã hội chủ nghĩa anh em là một điều kiện không thể thiếu được. Việc giao lưu và trao đổi văn hóa theo cả hai chiều **học tập và đóng góp** là một nhiệm vụ tất yếu.

Khi bàn về vấn đề dân tộc, Lê-nin đã nêu ra luận điểm nổi tiếng về hai dòng văn hóa. Người khẳng định: "Trong mỗi nền văn hóa dân tộc, đều

có những yếu tố văn hóa dân chủ và xã hội chủ nghĩa, — dù rằng những yếu tố ấy ít phát triển đến đâu chăng nữa, — bởi vì trong mỗi dân tộc, đều có quần chúng lao động và bị bóc lột mà những điều kiện sinh hoạt tất nhiên phải làm phát sinh ra một hệ tư tưởng dân chủ và xã hội chủ nghĩa". (2) Phong trào cách mạng càng lên thì yếu tố văn hóa dân chủ và xã hội chủ nghĩa ấy càng phát triển. Nhưng phải đợi đến cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, yếu tố ấy mới giành được địa vị thống trị trong xã hội và phát triển thành một nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa.

Về nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thế giới, có thể chia ra làm hai thời kỳ: — Thời kỳ 1917 — 1945, nền văn hóa xô-viết hình thành và phát triển mạnh mẽ, đặt nền móng cho nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thế giới sau này. Lăn đầu tiên trong lịch sử loài người, ở Liên-xô, nhân dân

(1) Cuối tháng 12-1978, ở Ma-xcơ-va, có một hội nghị văn hóa của các nước xã hội chủ nghĩa thảo luận về chuyên đề này.

(2) V. Lê-nin: *Bàn về văn học và nghệ thuật*, Nhà xuất bản Sự thật, 1960, Hà-nội, trang 171.

lao động đứng lên làm chủ tập thể nền văn hóa, xây dựng cho mình một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, một nền văn hóa mới có tính đảng vô sản và tính nhân dân sâu sắc.

—Thời kỳ từ 1945 đến nay: hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa ra đời ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ, châu Phi. Vườn hoa văn hóa xã hội chủ nghĩa thêm nhiều hoa đẹp với hương, sắc mới. Nền văn hóa ở các nước này đang lớn mạnh trong sự tác động lẫn nhau, trong sự hợp tác tích cực, giúp đỡ lẫn nhau. Khái niệm “nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thế giới” chỉ những nền văn hóa trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa bắt đầu thông dụng.

Trong nhiều năm nay, bằng nhiều con đường, văn hóa các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã đến khắp miền đất nước Việt-nam và đã được sự chú ý của mọi người. Bạn đọc Việt-nam rất yêu thích những tác phẩm văn học tiêu biểu của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Chúng ta đã làm quen với ô-pê-ra và ba-lê Liên-xô, điện ảnh Cộng hòa dân chủ Đức, Ba-lan, múa rối Tiệp-khắc, xiếc ngựa Mông-cô, kiến trúc Cu-ba, điêu khắc Bun-ga-ri, Hung-ga-ri...

Ngược lại, ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhiều người cũng thích nghe tiếng đàn bầu, đàn tơ-rưng, đánh giá cao nghệ thuật tranh lụa, tranh sơn mài của Việt-nam... Những bài thơ trong “Nhật ký trong tù” của Hồ Chủ tịch, những bài thơ của Tố-Hữu... được nhiều người ca ngợi.

Sinh ra trong lò lửa cách mạng, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa luôn luôn rực rỡ ánh sáng của cách mạng. Đó là ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, của chân lý thời đại, của tư tưởng nhân đạo vô sản, của tình hữu nghị giữa các dân tộc. Nhân vật trung tâm của những tác phẩm văn nghệ không còn là những ông vua, ông hoàng, bà chúa, bọn giàu có, mà là những người lao động. Nhiều công

trình sáng tạo nghệ thuật đã miêu tả lao động như một nhu cầu chân chính, một lẽ sống của con người, đã ca ngợi sức mạnh cải tạo và niềm vui trong lao động, đồng thời lên án lối sống ăn bám, bóc lột, chủ nghĩa cá nhân, phê phán tệ tham ô, ăn cắp của công, thói bàng quan ích kỷ đối với người khác... Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa không đơn giản là một phức hợp hiện tượng phản ánh thụ động các quá trình hiện thực mà còn là một sức mạnh tích cực ảnh hưởng tới đời sống xã hội, tới nội tâm con người. Nó có đầy đủ khả năng, sức mạnh, tư cách công bố *thất độ mới* đối với trật tự xã hội, đối với thế giới và đối với con người. Lịch sử hơn 60 năm nay của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thế giới, từ khi Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, chứng minh hùng hồn rằng các nền văn hóa được sự lãnh đạo của các đảng cộng sản chân chính, đều đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng nhiều thể hệ con người mới sống theo phương châm: Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người, và biến đổi xã hội cũ thành xã hội mới trong đó người với người là đồng chí, là bạn. Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa không những giải thích thế giới mà còn góp phần to lớn vào việc cải tạo thế giới.

Nền văn hóa nào cũng được xây dựng trên một cơ sở kinh tế xã hội nhất định, trong những điều kiện lịch sử nhất định. Tình hình phát triển kinh tế xã hội và điều kiện lịch sử ở các nước xã hội chủ nghĩa không giống nhau. Do đó, nền văn hóa ở mỗi nước có những đặc sắc dân tộc khác nhau và có những chức năng, nhiệm vụ chính trị khác nhau phù hợp với tình hình thực tế của mỗi nước. Việc học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau trên lĩnh vực văn hóa cần thực hiện có kế hoạch, xuất phát từ tình hình cụ thể và yêu cầu của từng nước, trên nguyên tắc bình đẳng, tin cậy lẫn nhau, độc lập, tự chủ và tự nguyện tự giác. Mọi

biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản sô vanh nước lớn cũng như mọi khuynh hướng bất chước mù quáng nước ngoài đều xa lạ đối với chúng ta.

Cơ sở thuận lợi và có tính nguyên tắc của việc học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn hóa trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là tính thống nhất về thế giới quan của những người xây dựng chủ nghĩa xã hội: lấy hệ tư tưởng Mác - Lê-nin làm nền tảng, lấy việc thực hiện chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản làm mục đích, lấy việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa làm mục tiêu, lấy phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa làm phương pháp biểu hiện chính. Tính thống nhất của các nền văn hóa các nước xã hội chủ nghĩa không hạn chế tính đặc sắc của nền văn hóa của từng dân tộc, không làm cho nền văn hóa của từng dân tộc nghèo nàn, mất bản sắc của mình. Mỗi nền văn hóa đều có những truyền thống tốt đẹp và độc đáo về cả hai mặt nội dung tư tưởng và hình thức biểu hiện, đó là những giá trị hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử của mỗi dân tộc. Có những giá trị tinh thần đặc sắc vượt ra khỏi biên giới của một nước và trở thành tinh hoa của nền văn hóa thế giới.

Muốn học tập và đóng góp vào nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thế giới, chúng ta phải tiếp cận với nền văn hóa ấy, phải làm quen với các tác giả, những nhà hoạt động văn hóa, những nhà văn, nghệ sĩ nổi tiếng của các nước anh em, phải làm quen với những tác phẩm, những sáng tạo nghệ thuật trên nhiều lĩnh vực như văn học, điện ảnh, sân khấu, hội họa, điêu khắc. Trình độ thẩm mỹ của người đọc, người nghe, người xem cũng cần

được luôn luôn bồi dưỡng, nâng cao. Những nhà hoạt động văn hóa, nhà văn, nghệ sĩ của chúng ta hơn ai hết phải đầy mạnh công tác nghiên cứu, sáng tác. Chúng ta cần có kế hoạch lâu dài trong sự hợp tác và tương trợ giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa về nhiều mặt: từ việc thông tin văn hóa, trao đổi văn hóa đến việc đào tạo cán bộ văn hóa, giúp đỡ những phương tiện, kỹ thuật về văn hóa. Trong những năm qua, đã có nhiều hình thức sáng tạo: phối hợp biên dịch, xuất bản và phát hành những tác phẩm văn hóa, văn nghệ có giá trị, trao đổi những đoàn ca, múa, nhạc, thể dục, thể thao, tổ chức liên hoan điện ảnh, trưng bày tranh, ảnh giới thiệu nền văn hóa các nước anh em, mở hội nghị hằng năm trao đổi kinh nghiệm của các cơ quan văn hóa, các viện nghiên cứu, v.v. Giới thiệu nền văn hóa của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác cho nhân dân ta rõ ràng là một việc làm cần thiết. Ngược lại, việc giới thiệu nền văn hóa Việt-nam với các nước anh em, cũng cần được quan tâm hơn nữa.

Sự hợp tác chặt chẽ giữa các nước xã hội chủ nghĩa về mặt văn hóa có một ý nghĩa đặc biệt trong tình hình thế giới hiện nay. Nó nêu cao tính thần quốc tế vô sản, giáo dục cho mọi người các quan điểm quốc tế chủ nghĩa. Nó tạo nên một mặt trận văn hóa văn nghệ xã hội chủ nghĩa quốc tế, thống nhất về tư tưởng Mác - Lê-nin, phong phú, đa dạng về tính dân tộc, đấu tranh vì hạnh phúc của những con người châu chính trên trái đất, đồng thời chống lại tất cả những gì là phản cách mạng, phản văn hóa, loại trừ những nọc độc của các nền văn hóa tư sản và phản động trên thế giới.

CHỌN MẶT GỬI VÀNG

BẦU cử các cấp ủy vốn là một vấn đề quen thuộc trong sinh hoạt của Đảng. Đại hội lần này của đảng bộ các cấp từ cơ sở đến huyện, tỉnh có tầm quan trọng đặc biệt. Trung ương Đảng đã có chỉ thị hướng dẫn việc tổ chức Đại hội các cấp. Theo chỉ thị của Trung ương Đảng và với những kinh nghiệm trong các lần bầu cử trước, chúng ta cần hết sức quan tâm đến việc chọn người bầu vào các cấp ủy Đảng để tránh những thiếu sót, khuyết điểm về mặt này hay mặt khác.

Thực tiễn cho thấy, qua mỗi nhiệm kỳ công tác, trong mỗi cấp ủy đều có những đồng chí dày dặn thêm kinh nghiệm lãnh đạo, có thể tiếp tục phát huy tác dụng của mình trong cấp ủy khóa sau. Song, cũng có những đồng chí vì lý do này hoặc lý do khác, không phát huy được tác dụng. ít được tin nhiệm, thậm chí tỏ ra bất lực hoặc có những biểu hiện sút kém về phẩm chất, cần được thay thế. Cuộc sống và phong trào cách mạng lại không ngừng phát triển, mỗi thời kỳ mới của cách mạng đòi hỏi ở những người được lựa chọn vào cấp ủy những phẩm chất chính trị mới. Có người khóa trước tuy làm được việc, nhưng trước những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị mới, có thể không cần thiết ở lại khóa sau. Việc thay đổi một số đồng chí trong cấp ủy cũ là việc làm hợp với quy luật phát

triển của Đảng, là rất cần thiết nhằm không ngừng tăng thêm chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, làm cho cấp ủy luôn luôn đủ trí tuệ và sức mạnh lãnh đạo phong trào cách mạng không ngừng phát triển ở địa phương. Điều đó, ai cũng thấy. Song, khi thực hiện, thì nhiều khi lại có những mắc mứu.

Có người tuy biết rằng một số đồng chí trong cấp ủy cũ không đảm đương tốt nhiệm vụ, nhưng lại nghĩ dù sao những đồng chí đó cũng đã có quá trình thế này thế khác, nay nếu đề ra khỏi cấp ủy thì không những bản thân mình có phần «nuối tiếc» mà còn có thể làm cho các đồng chí đó thất vọng, ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ. Cách nghĩ như vậy là không đúng. Việc tham gia hay không tham gia cấp ủy là chuyện bình thường trong sinh hoạt của Đảng. Tham gia cấp ủy là để trực tiếp góp phần vào công việc lãnh đạo tập thể của đảng bộ, đâu phải để «thăng quan, tiến chức». Biết đồng chí mình không thể làm tốt nhiệm vụ nhưng vì sợ đồng chí phiền lòng, muốn giữ lại một cách gượng ép, tức là đã vì những tình cảm nhỏ hẹp mà quên lợi ích chung. Điều đó vừa gây khó khăn cho công tác lãnh đạo chung của cấp ủy, vừa gây khó khăn ngay cho đồng chí mình, bởi vì, phải tiếp tục một nhiệm vụ mà mình không đảm đương nổi thì khó tránh khỏi

những vấp vấp, những khuyết điểm trong công tác. Cách giải quyết tốt nhất cho đồng chí mình trong trường hợp này là, tập thể nên sắp xếp một công tác thích hợp để đồng chí ấy tiếp tục cống hiến được tốt hơn. Đối với những đồng chí trong cấp ủy cũ, khi sức làm việc đã không ngang tầm nhiệm vụ, hoặc có những mặt hạn chế khác, thì tự nguyện ra khỏi cấp ủy, dành chỗ cho lực lượng mới là một điều cần thiết. Điều đó biểu hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và bản lĩnh của người cán bộ của Đảng. Càng có quá trình công tác lâu năm, có trình độ nhận thức cao, thì càng cần chăm lo cho lợi ích của Đảng, thật lòng vun vén cho những người có thể thay thế mình, để suốt đời trọn nghĩa, vẹn tình với Đảng.

Một số đồng chí tuy thấy việc thay một số cấp ủy viên cũ là cần thiết, song do không quán triệt những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đang đặt ra trong công tác lãnh đạo ở địa phương, không nắm vững cơ cấu cần thiết để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, cho nên cũng dễ lạc hướng khi chọn người đề bầu vào cấp ủy. Những đồng chí này thường muốn chọn những người đã có quá trình công tác, có những cống hiến nào đó để đưa vào cấp ủy, ngại ngần không muốn chọn những cán bộ trẻ, những cán bộ nữ, những cán bộ khoa học kỹ thuật, lo rằng những cán bộ này chưa được thử thách vững vàng, hoặc chưa có kinh nghiệm lãnh đạo. Thậm chí có người còn nghĩ rằng đề cán bộ trẻ và cán bộ nữ lãnh đạo thì "không tiện". Nghĩ như vậy là không đúng. Đảng ta đã nhiều lần phê phán tư tưởng phong kiến, bảo thủ của một số đồng chí trong việc nhận xét, đánh giá cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật. Với tất cả sự chân thành, chúng ta khẳng định rằng những đồng chí có quá trình công tác lâu năm, đã có cống hiến, là những vốn quý của Đảng, rất xứng đáng

được chúng ta kính trọng, tin yêu. Song, không phải tất cả các đồng chí đó đều có kiến thức cần thiết, nhất là những kiến thức về khoa học kỹ thuật, về tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý xã hội để làm tốt trách nhiệm. Một số không ít đồng chí sức khỏe kém. Nếu không có những đồng chí có kiến thức, có năng lực để lãnh đạo, chỉ đạo những mặt công tác quan trọng trong lĩnh vực tổ chức, quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, tổ chức đời sống, v.v. thì thử hỏi cấp ủy làm sao lãnh đạo được toàn bộ phong trào cách mạng ở địa phương?

Có nơi, có người lại nghĩ rằng "đất dàu, anh hùng dầy", công tác lãnh đạo ở từng địa phương phải do cán bộ ở địa phương đó gánh vác, có thể mới sát. Thế rồi, họ chỉ chọn đề đưa vào cấp ủy những đồng chí ở địa phương, gác ra một bên những đồng chí ở địa phương khác có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, kể cả những đồng chí đã cùng họ công tác, chiến đấu lâu năm. Đương nhiên trong công tác lãnh đạo, mỗi cấp ủy phải hiểu sáu sắc tình hình thực tế mọi mặt của địa phương. Song, giữa công tác lãnh đạo của từng địa phương với công tác lãnh đạo chung trong cả nước có mối quan hệ chặt chẽ, thể hiện mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Việc trao đổi, bổ sung, tăng cường cán bộ cho nhau giữa các cấp, các địa phương là cần thiết để làm giàu cho tri tuệ lãnh đạo tập thể. Những cán bộ đã kinh qua cấp ủy ở nơi khác, nay mang những kinh nghiệm tốt ở các nơi đó góp sức với các đồng chí tại chỗ xây dựng sự lãnh đạo ở địa phương mới, chắc chắn sẽ mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho phong trào, bớt cho phong trào những bước đường vòng vò ích. Hơn nữa, ở địa phương mà không sáng mắt, sáng lòng thì cũng không thể sâu sát tình hình, thậm chí có khi vì khoảng không gian nhỏ hẹp của mình mà quên mất

(Xem tiếp trang 82)

CON ĐƯỜNG NÔNG NGHIỆP BUN-GA-RI ĐI TỪ SẢN XUẤT NHỎ LÊN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HỒNG - GIAO

BUN-GA-RI đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa kém phát triển. Năm 1939, công nghiệp chủ yếu là công nghiệp nhẹ chiếm 24% giá trị tổng sản lượng công - nông nghiệp. Nông nghiệp là nền kinh tế (tiền nông; chủ nghĩa tư bản bước đầu phát triển trong nông nghiệp.

Xuất phát từ tình hình đó, sau ngày cách mạng thắng lợi (9-1941), Đảng cộng sản Bun-ga-ri, đứng đầu là đồng chí Đê-mi-trốp, (tại Đại hội thứ V - 1948) đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong đó nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hợp tác hóa nông nghiệp được đặt vào vị trí chủ yếu. Đảng khẳng định trước hết phải dựa vào sức của chính mình, khai thác có hiệu quả tiềm lực của đất nước, đồng thời dựa vào sự giúp đỡ và hợp tác quốc tế, đặc biệt là với Liên-xô để tiến hành công nghiệp hóa và hợp tác hóa nông nghiệp. Trên cơ sở đó, Đảng chủ trương tiến hành ngay hợp tác hóa nông nghiệp không chờ xây dựng xong công nghiệp rồi mới hợp tác hóa mà kết hợp hợp tác hóa nông nghiệp với công nghiệp hóa, kết hợp phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp từ thấp đến cao và cùng tiến lên sản xuất lớn hiện đại.

Hợp tác hóa nông nghiệp.

Quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Bun-ga-ri tiến hành từng bước từ thấp đến cao trên cơ sở tôn trọng sự tự nguyện của nông dân, tôn trọng nguyên tắc bảo đảm lợi ích vật chất và

dựa vào sự giúp đỡ có hiệu lực về mọi mặt của Nhà nước. Đảng chủ trương không quốc hữu hóa ruộng đất của nông dân mà để nông dân tự nguyện đưa ruộng đất vào hợp tác xã để kinh doanh tập thể. Trên cơ sở ruộng đất tập trung, lao động tập thể, và trong quá trình tổ chức lại sản xuất, áp dụng kỹ thuật mới, phát triển sản xuất mà cải biến dần chế độ sở hữu. Sau khi nông dân gia nhập hợp tác xã, quyền sở hữu ruộng đất của họ vẫn được duy trì, - điều đó thể hiện ở mức hoa lợi cố định được chia căn cứ vào diện tích và chất lượng ruộng đất của nông dân đưa vào hợp tác xã. Trong quá trình tổ chức lại và phát triển sản xuất với sự giúp đỡ của Nhà nước, tài sản của hợp tác xã ngày càng tăng, do đó làm giảm tương đối phần tài sản do xã viên đóng góp lúc đầu; đồng thời thu nhập của hợp tác xã ngày càng tăng, phần phân phối theo lao động ngày càng lớn, do đó làm giảm tương đối phần chia theo ruộng đất. Đến một trình độ nhất định thì việc chia hoa lợi theo ruộng đất mất hết ý nghĩa của nó và do đó quyền sở hữu ruộng đất của cá nhân cũng không còn nội dung thực tế nữa. Lúc đầu mức hoa lợi chia theo ruộng đất chiếm 30% tổng thu nhập của hợp tác xã, sau đó giảm dần: 22,7% năm 1951; 15,9% năm 1953; 9,3% năm 1956; 5,8% năm 1957 và 1,9% năm 1958. Từ năm 1960 trở đi, nông dân tự nguyện xóa hẳn phần thu nhập theo ruộng đất, và hoàn toàn thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Chế độ sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa được xác lập hoàn toàn, trên cơ sở tự nguyện và

bảo đảm lợi ích của nông dân. Việc xã hội hóa sở hữu ruộng đất trở thành tất yếu do chính quá trình xã hội hóa sản xuất nông nghiệp quy định.

Quá trình hợp tác hóa như vậy tất nhiên phải tiến hành *từng bước từ thấp đến cao*. Trong những năm đầu, người ta tập hợp đông đảo nông dân cả thể vào các hợp tác xã mua bán, nhằm đấu tranh xóa bỏ quan hệ lũng đoạn và bóc lột của tư bản thương nghiệp, thiết lập mối quan hệ giữa nông dân với Nhà nước trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa, hướng dẫn và giúp đỡ nông dân đi vào sản xuất theo yêu cầu của Nhà nước. Trên cơ sở những hợp tác xã mua bán, dần dần xuất hiện các tổ chức sản xuất tập thể với ruộng đất và vốn do nông dân góp lại để kinh doanh chung; khi có đủ điều kiện, các tổ chức này tách ra và trở thành hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Việc xây dựng các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong những năm đầu được tiến hành như vậy nhằm rút kinh nghiệm, chuẩn bị cho việc triển khai việc hợp tác hóa trên phạm vi rộng lớn. Cuối năm 1944, có 110 hợp tác xã, đến năm 1948 có 1100 hợp tác xã được thành lập, thu hút 11,2% tổng số hộ nông dân và 6% diện tích canh tác. Từ năm 1949, khi các điều kiện đã được chuẩn bị, việc xây dựng hợp tác xã được tiến hành rộng rãi, trước hết là ở vùng đồng bằng sản xuất lương thực. Đến năm 1952, cả nước có 2793 hợp tác xã, thu hút 52% tổng số hộ, 60,5% diện tích canh tác. Riêng ở vùng đồng bằng, việc xây dựng hợp tác xã căn bản hoàn thành. Tiếp đó, việc hợp tác hóa được đẩy mạnh ở miền núi. Đến năm 1958, việc tập thể hóa nông nghiệp trong cả nước hoàn thành với 3290 hợp tác xã, bao gồm 97% tổng số hộ, 93,2% diện tích canh tác của nông dân.

Quá trình xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp ở Bun-ga-ri là quá trình tổ chức lại nông nghiệp, bước đầu tập trung hóa sản xuất. Dường nhiên khi

cơ sở vật chất kỹ thuật còn non yếu, trình độ quản lý còn thấp, thì quy mô tập trung sản xuất không thể vượt quá giới hạn cho phép. Vì vậy, các hợp tác xã được xây dựng trong giai đoạn này có quy mô diện tích canh tác trung bình là 4034 héc-ta (trồng một vụ trong năm các loại cây trồng cạn) với 533 lao động, tương đương với số dân một làng (trung bình trên 200 hộ). Cơ cấu tổ chức sản xuất của hợp tác xã mang tính chất tổng hợp bao gồm các ngành trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản, công nghiệp phục vụ. Sau khi các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được củng cố vững chắc thì người ta sáp nhập các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã thủ công nghiệp (vốn gắn liền với nông nghiệp) vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; các xưởng công nghiệp nhỏ được giao cho hợp tác xã sản xuất nông nghiệp quản lý, nhằm kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với lưu thông ngay tại cơ sở.

Bên cạnh kinh tế hợp tác xã, có *kinh tế phụ của gia đình xã viên*, Diện tích đất dành cho kinh tế phụ gia đình xã viên chiếm 9,1% tổng diện tích canh tác. Trung bình mỗi hộ có 0,5 héc-ta, chưa kể đồng cỏ. Trong nền nông nghiệp hợp tác hóa, kinh tế phụ của gia đình xã viên đóng vai trò không kém phần quan trọng: khai thác những đối tượng sản xuất phân tán không thể và không cần tập trung sản xuất, đồng thời sử dụng hết thời gian lao động trong năm của xã viên và mọi khả năng lao động của gia đình xã viên mà sản xuất tập thể không thể nào sử dụng hết.

Trong việc thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn và xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn, khu vực kinh tế Nhà nước trong nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng. Trước hết là hệ thống *nông trường quốc doanh* được xây dựng trên cơ sở quốc hữu hóa các cơ sở kinh doanh nông nghiệp của Nhà nước

tư sản và phần đất tịch thu của giai cấp bóc lột không chia cho nông dân. Ở miền núi, nơi điều kiện sản xuất khó khăn đòi hỏi vốn đầu tư lớn và trang bị kỹ thuật hiện đại, việc xây dựng các nông trường được mở rộng trên cơ sở thu hút các hợp tác xã nông nghiệp và nông dân vào nông trường. Đến năm 1957, các nông trường trong cả nước hợp nhất lại thành 49 nông trường, bình quân mỗi nông trường có 3 426 héc-ta đất canh tác và 698 lao động. Các nông trường quốc doanh chỉ chiếm 13% tổng diện tích đất canh tác cả nước, song đó là những trung tâm kinh tế quan trọng ở nông thôn. Đối với các hợp tác xã, đó là kiểu mẫu về tổ chức nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa hiện đại. Khối lượng sản phẩm của các nông trường chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ so với khối lượng sản phẩm của các hợp tác xã, song đó lại là phần rất quan trọng trong khối lượng nông sản hàng hóa cung ứng cho nhu cầu của Nhà nước.

Thành phần kinh tế Nhà nước trong nông nghiệp còn có hệ thống các *trạm máy kéo và máy nông nghiệp*. Với sự giúp đỡ của Liên-xô và việc nhập khẩu máy móc, từng bước tự chế tạo máy móc trong nước, các trạm máy kéo và máy nông nghiệp đã được xây dựng nhanh chóng. Trước cách mạng, Bun-ga-ri chỉ có 3 350 máy kéo, trong quá trình tổ chức lại nông nghiệp, số lượng máy kéo đã tăng lên: 5 231 máy kéo năm 1948, rồi 12 995 máy kéo năm 1952, đến năm 1958, khi xây dựng xong các hợp tác xã, có 21 263 máy kéo. Trung bình mỗi hợp tác xã có 7 máy kéo (15 CV) phục vụ. Các trạm máy kéo và máy nông nghiệp đóng vai trò là những trung tâm kỹ thuật trong nông nghiệp, là điểm tựa của Nhà nước để tiến hành tổ chức lại nông nghiệp trên cơ sở máy móc. So với tổng diện tích canh tác, năm 1952, khi diện tích ruộng đất hợp tác hóa chiếm 60,5% thì diện tích cây bừa bằng máy

chiếm 61,5%; năm 1956 khi diện tích ruộng đất hợp tác hóa chiếm 77,4% thì diện tích cây bừa bằng máy chiếm 84,6%. Quá trình chuyển biến từ sản xuất cá thể lên sản xuất tập thể gắn liền với quá trình chuyển biến từ sản xuất thủ công lên sản xuất cơ khí hóa trong nông nghiệp.

Vào cuối thời kỳ hợp tác hóa, Nhà nước đã nâng giá mua các loại nông sản. Đồng thời Nhà nước bãi bỏ chế độ thu mua nông sản theo nghĩa vụ đối với hầu hết các loại nông sản và thay vào đó là chế độ mua nông sản theo hợp đồng. Sự thay đổi về chính sách giá và chính sách mua nông sản có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc thiết lập mối quan hệ mới giữa Nhà nước và hợp tác xã trên cơ sở kinh tế, đem lại lợi ích cho hợp tác xã và cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Để khắc phục tình trạng lưu thông hàng hóa qua nhiều khâu trung gian, gây ra lộn xộn, Nhà nước tổ chức lại mạng lưới thương nghiệp. Ở các địa phương, tổ chức thương nghiệp là chất kết dính các đơn vị sản xuất với nhau và với Nhà nước, là một khâu hết sức quan trọng trong quá trình tái sản xuất nông nghiệp và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp.

Tập trung hóa và chuyên môn hóa nông nghiệp.

Sau khi cải tạo nền nông nghiệp cá thể thành nền nông nghiệp tập thể, bước đầu tập trung sản xuất dưới hình thức các đơn vị hợp tác xã, một vấn đề mới đặt ra là thực hiện *tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất*. Tại Đại hội thứ 8 của Đảng cộng sản Bun-ga-ri (1960), đồng chí Tô-đô Gíp-cốp, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng, đã chỉ ra phương hướng tiến lên của nền nông nghiệp sau khi hợp tác hóa: "Hiện nay, ở nước chúng ta, những điều kiện để giải quyết một vấn đề cơ bản khác của nông nghiệp đã chín muồi, đó là vấn đề tập trung hóa và chuyên môn

hóa nông nghiệp». Đảng coi đó là vấn đề có tính quy luật để thực hiện xã hội hóa sản xuất nông nghiệp đi đôi với hiện đại hóa nông nghiệp, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

Quá trình tập trung hóa nông nghiệp diễn ra dưới hình thức *hợp nhất các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhỏ thành các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp quy mô lớn* và đạt tới trình độ cơ khí hóa cao. Trong vòng hai năm 1959 — 1960, 3 290 hợp tác xã nhỏ đã hợp nhất lại thành 932 hợp tác xã lớn có quy mô diện tích canh tác bình quân là 4 300 héc-ta. Sự hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã nông nghiệp lớn cho phép tập trung lực lượng về kinh tế và tài chính, mở rộng quy mô sản xuất, tạo điều kiện cho việc xây dựng cơ sở kỹ thuật mới quy mô lớn. Với số vốn của mình, các hợp tác xã lớn mua lại máy kéo và máy nông nghiệp của Nhà nước và tự mình quản lý lấy. Các trạm máy kéo của Nhà nước được giải tán hoặc chuyển thành các cơ sở sửa chữa máy móc nông nghiệp. Số thợ máy của các trạm máy kéo chuyển sang làm việc trong các hợp tác xã Nhà nước còn tăng cường cán bộ quản lý có trình độ cao và chuyên viên kỹ thuật cao cấp cho các hợp tác xã này.

Kết quả của sự tập trung đó là kết hợp một cách hợp lý các yếu tố sản xuất: đất — máy — lao động, phát triển mạnh mẽ các lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và áp dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp.

Quá trình tập trung hóa sản xuất đi đôi với quá trình *chuyên môn hóa nông nghiệp theo vùng và theo đơn vị sản xuất* dựa trên sự phân công lao động trên lãnh thổ. Trong những năm 60, các vùng sản xuất trên lãnh thổ đi vào chuyên môn hóa sản xuất một số cây trồng hoặc chăn nuôi một số gia

súc nhất định. Trong các hợp tác xã lớn với cơ cấu sản xuất nhiều ngành, việc chuyên môn hóa thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ của những ngành sản xuất chính phù hợp với phương hướng chuyên môn hóa sản xuất của vùng.

Trên cơ sở tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất, nông nghiệp chuyên từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, thực hiện *thâm canh hóa*. Vốn cố định của nông nghiệp tăng từ 1,94 tỷ lê-va(*) năm 1960 lên 3 tỷ năm 1965 và 4,35 tỷ năm 1970. Số lượng máy kéo (15CV) tăng từ 40 309 cái năm 1960 lên 66 424 cái năm 1965 và 100 000 cái năm 1970. Các quá trình sản xuất thuộc các ngành chính được cơ khí hóa toàn bộ. Phân hóa học tăng từ 156 000 tấn năm 1960 lên 639 000 tấn năm 1970. Công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp và ứng dụng vào sản xuất của 60 viện và trạm nghiên cứu đạt tới trình độ tiên tiến của thế giới. Số cán bộ kỹ thuật và quản lý được đào tạo nhanh chóng: năm 1960 mới có 7 493 cán bộ cao cấp, đến năm 1970 đã có 15 709 người. Những thành tựu mới về sinh học được áp dụng rộng rãi tạo nên năng suất cao trong trồng trọt và chăn nuôi.

Trong vòng 11 năm (từ 1956 đến 1967) trong khi tổng sản lượng nông nghiệp của thế giới tăng 43%, của các nước xã hội chủ nghĩa tăng 67%, thì của Bun-ga-ri tăng 92%. Sản lượng lương thực bình quân đầu người năm 1970 đạt 872 kg, thịt 67 kg, sữa 194 kg. Giá trị nông sản xuất khẩu (cả chế biến và tươi sống) tăng từ 496 triệu lê-va năm 1960 lên 1 tỷ lê-va năm 1970. So với năm 1960, năng suất lao động nông nghiệp năm 1970 tăng gấp đôi, do đó số người làm nông nghiệp so với tổng số lao động xã hội từ 54,7% năm 1960 giảm xuống còn 35,2% năm 1970. Dựa trên sự phát triển của nông

(*) Lê-va là đơn vị tiền tệ của Bun-ga-ri tương đương với đồng Rúp của Liên-xô.

· nghiệp và sự phân công hợp tác quốc tế, công nghiệp phát triển với tốc độ nhảy vọt. So với năm 1939, sản lượng công nghiệp năm 1960 tăng gấp 12 lần, năm 1967 tăng gấp 27 lần. Từ một nước nông nghiệp, Bun-ga-ri đã trở thành một nước có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại; tỷ trọng giữa công nghiệp và nông nghiệp thay đổi một cách căn bản: từ chỗ trước đây công nghiệp chiếm 24,7%, nông nghiệp 75,3%, nay công nghiệp chiếm 75,7%, nông nghiệp 24,3%.

Liên hợp nông — công nghiệp.

Từ năm 1970, một vấn đề mới được đặt ra đối với sự phát triển cao hơn nữa của nông nghiệp Bun-ga-ri, phù hợp với bước tiến của cách mạng khoa học kỹ thuật và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển là sự liên kết nông nghiệp với công nghiệp trong một cơ cấu thống nhất.

Vào cuối năm 1970, các hợp tác xã lớn và các nông trường đã được hợp nhất thành 170 *Tổ hợp nông — công nghiệp*, (APK) trung bình mỗi tổ hợp có từ 26 000 đến 30 000 héc-ta đất canh tác và 6 200 công nhân nông nghiệp thường xuyên. Các tổ hợp nông — công nghiệp lúc đầu được tổ chức theo nguyên tắc liên kết các đơn vị sản xuất nông nghiệp trên lãnh thổ khớp với một đơn vị vùng nhỏ. Đó là sự liên kết theo *chiều ngang*. Trong tổ hợp nông — công nghiệp, lúc đầu các đơn vị tổ chức thành viên vẫn giữ nguyên tính độc lập về pháp lý. Song do tập trung lực lượng sản xuất trên quy mô lớn trong từng tổ hợp cho nên sản xuất được chuyên môn hóa cao hơn. Mỗi tổ hợp nông — công nghiệp tùy theo điều kiện tự nhiên và kinh tế tập trung sản xuất vào một số đối tượng sản xuất chính theo vùng. Trong mỗi tổ hợp hình thành những khu lớn chuyên canh từng loại cây với quy mô hàng nghìn héc-ta và những trại lớn chăn nuôi hàng vạn con lợn. Các tổ hợp nông — công nghiệp, với quy

mô tập trung lớn, trang bị kỹ thuật cao và chuyên môn hóa sâu, cho phép sử dụng hợp lý với hiệu suất cao các máy móc nông nghiệp và cho phép sử dụng cả những máy móc có công suất lớn và máy bay trong địa bàn của mình. Đồng thời phương pháp công nghiệp, phương pháp tiêu chuẩn hóa các biện pháp kinh tế — kỹ thuật và chất lượng sản phẩm có điều kiện dễ được áp dụng rộng rãi.

Trong buổi đầu, các tổ hợp nông — công nghiệp có quan hệ hợp đồng với các *Liên hợp kinh tế của Nhà nước* (DCO) là những tổ chức thống nhất quản lý theo ngành trên quy mô cả nước, đảm nhận việc mua nguyên liệu nông sản, chế biến và tiêu thụ, kể cả xuất khẩu. Thông qua các Liên hợp kinh tế, Nhà nước đầu tư và trang bị kỹ thuật mới cho các tổ hợp nông — công nghiệp.

Trong quá trình đi lên, các tổ hợp nông — công nghiệp không ngừng lớn lên, các xí nghiệp chung của tổ hợp được xây dựng, các đơn vị thành viên trong tổ hợp đạt tới trình độ phát triển ngang nhau và có quan hệ kinh tế với nhau ngày càng chặt chẽ. Trong điều kiện đó, các tổ hợp nông — công nghiệp dần dần trở thành đơn vị kinh tế thống nhất về pháp lý, chuyển từ tổ chức sản xuất theo lãnh thổ sang tổ chức sản xuất *theo ngành*. Quá trình đó tạo điều kiện cho việc thực hiện sự *liên kết theo chiều dọc* giữa nông nghiệp và công nghiệp, thống nhất các tổ hợp nông — công nghiệp với liên hợp kinh tế của Nhà nước trong từng ngành thành một tổ chức thống nhất là *Liên hợp nông — công nghiệp toàn quốc*.

Năm 1975 sau khi thực hiện sự liên kết nông — công nghiệp trong một cơ cấu thống nhất, lao động nông nghiệp chiếm 86,2%, lao động công nghiệp chế biến 10,4%, lao động thuộc các ngành công nghiệp phục vụ 3,4%. Cơ sở vật chất — kỹ thuật của các tổ hợp nông — công nghiệp tăng

lên nhanh chóng trên cơ sở công nghiệp hóa nông nghiệp. Vốn cố định tính cho một lao động nông nghiệp năm 1970 là 2 876 lê-va, đến năm 1974 là 4 204 lê-va. Cách mạng khoa học-kỹ thuật trong nông nghiệp được thực hiện rộng rãi trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và tổ chức sản xuất.

Lao động nông nghiệp đã trở thành lao động kiểu công nghiệp. Hai hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất-toàn dân và tập thể-hòa nhập thành một hình thức sở hữu duy nhất: sở hữu toàn dân.

Trên cơ sở những thành tựu đó, mới đây, Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bun-ga-ri đã ra quyết định về việc hoàn thiện công tác quản lý liên hợp nông-công nghiệp toàn quốc phù hợp với yêu cầu của điều kiện kinh tế mới. Theo quyết định đó, *Liên đoàn nông-công nghiệp toàn quốc* được thành lập, thay thế vai trò của Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm nay giải tán. Hội đồng trung ương các liên đoàn là cơ quan Nhà nước và xã hội hình thành qua bầu cử. Chính phủ giao cho Hội đồng trung ương của Liên đoàn chức năng và quyền hạn Nhà nước mà trước đó do Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm thực hiện. Việc thành lập Liên đoàn nông-công nghiệp toàn quốc là nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc phát triển cơ cấu liên hợp nông-công nghiệp toàn quốc, phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của các tổ chức kinh tế.

Hệ thống nông thôn mới hình thành trên cơ sở cơ cấu nông-công nghiệp trở thành một tổ chức kinh tế-xã hội thống nhất theo đơn vị vùng dân cư. Hệ thống nông thôn mới tạo điều kiện cho sự phát triển tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất theo lãnh thổ và theo ngành, cho việc kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ. *Ranh giới của tổ hợp nông-công nghiệp phù hợp với*

ranh giới của hệ thống nông thôn mới, tạo nên sự thống nhất giữa công tác lãnh đạo nông thôn và công tác lãnh đạo các tổ chức nông nghiệp, thống nhất về hoạt động sản xuất và hoạt động xã hội và giao thông trong mỗi vùng dân cư, do đó khả năng phát triển nền kinh tế nông thôn và xây dựng đời sống phong phú, đồng đều giữa các vùng đã được mở ra.



Quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đồng thời là quá trình *xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa*. Ngày nay, nông thôn Bun-ga-ri đã có sự đổi mới về mọi mặt. Từ chỗ lao động nông thôn chiếm trên 80% lao động xã hội, ngày nay lao động nông nghiệp chỉ còn chiếm 29,6% lao động xã hội, 2 phần 3 lao động nông thôn đã chuyển sang làm công nghiệp ở thành thị. Người nông dân cả thế trước đây đã trở thành người nông dân tập thể và ngày nay đang trở thành công nhân nông nghiệp, không khác gì công nhân trong công nghiệp. Trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật của người lao động nông nghiệp được nâng cao. Những người lao động nông nghiệp trẻ tuổi đều đã qua giáo dục trung học và được huấn luyện về nghề nghiệp; một bộ phận có trình độ đại học, như những kỹ sư và chuyên viên cao cấp hình thành lớp trí thức ở nông thôn. Các làng ở nông thôn được xây dựng lại theo kiểu đô thị; hệ thống đường nông thôn rất phát triển, phần lớn là rải nhựa; gần 100% dân cư nông thôn có điện thắp sáng và nấu bếp, có nước máy. Hệ thống dịch vụ thương nghiệp phát triển rộng khắp ở nông thôn, làng nào cũng có các cửa hàng ăn và giải khát, cửa hàng bách hóa, cửa hàng thực phẩm, hiệu giặt là, cắt tóc, phòng tắm...

Mức thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn ngang với mức của dân cư thành thị; thu nhập bình

quần mỗi nhân khẩu nông thôn là 1240 lè-va so với thu nhập bình quân chung của dân cư là 1246 lè-va (1975). Sau 21 năm, (1952 - 1973), quỹ tiêu dùng cá nhân ở Bun-ga-ri tăng gấp 4,5 lần (trong khi quỹ tích lũy chiếm 30% thu nhập quốc dân). Sản phẩm tiêu dùng tính theo đầu người năm 1975 đạt tới mức khá cao: 220kg bánh mì và các loại bánh; 56,5 kg thịt và sản phẩm từ thịt; 18 kg dầu, mỡ; 142 lít sữa; 145 quả trứng, 34 kg đường, 118 kg quả các loại, 26,5 mét vải bông, 4,9 mét len... Những phương tiện sinh hoạt trong gia đình như máy thu thanh, máy thu hình trở thành phổ biến, năm 1976, cứ 5,1 người dân ở nông thôn có một máy thu hình, nhiều gia đình có ô tô du lịch riêng.

Đi đôi với việc nâng cao mức tiêu dùng cá nhân, Đảng và Nhà nước Bun-ga-ri đặc biệt quan tâm đến việc phát triển quỹ tiêu dùng xã hội. Trong vòng 21 năm (1952 - 1973) quỹ xã hội ở nông thôn tăng 11,5 lần. Quỹ xã hội được dùng vào việc chăm sóc trẻ em và trợ cấp cho phụ nữ khi sinh đẻ, trả phụ cấp hưu trí, trợ cấp

cho người già hoặc người mất sức lao động, thương tật, xây dựng mạng lưới y tế, vệ sinh phòng bệnh, tổ chức nghỉ dưỡng sức, du lịch, nghỉ mát... Các cơ sở văn hóa như thư viện, rạp chiếu bóng, nhà hát, các đoàn nghệ thuật phát triển rộng rãi ở nông thôn. Việc tăng nhanh quỹ phúc lợi xã hội đã có tác dụng to lớn trong việc khắc phục sự chênh lệch về mức sống giữa các cá nhân và cùng với việc tăng nhanh quỹ tiêu dùng cá nhân đã đưa mức sống của nông thôn lên ngang với thành thị.

Trải qua 35 năm, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, ngày nay, Bun-ga-ri đã trở thành một nước tiên tiến trên thế giới. Những thành tựu rực rỡ về xây dựng nền nông nghiệp lớn và xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn Bun-ga-ri nổi bật lên như một "sự tích thần kỳ". Đảng cộng sản Bun-ga-ri đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Bun-ga-ri, vạch một con đường đúng đắn đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, và đưa nông thôn tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chọn mặt 'gửi vàng'

(Tiếp theo trang 75)

cảnh trời cao biển rộng! Ngược lại, từ nơi khác đến, nếu có tâm nhìn, cách nghĩ đúng, thì sau một thời gian công tác vẫn có thể nhanh chóng nắm chắc tình hình địa phương. Thực tế đã nhiều lần chứng minh điều đó. Lối phân biệt « kẻ cư người quán » trong việc chọn người đưa vào cấp ủy không những sẽ gạt bỏ những tài năng, không nâng cao được năng lực lãnh đạo của cấp ủy, mà còn có thể tạo ra bệnh biệt phái, hẹp hòi, địa phương, không lành mạnh. Một khía cạnh khác của đầu óc địa phương trong việc chọn người đưa vào cấp ủy còn biểu hiện ở chỗ muốn cho một số đồng chí ở địa phương mình được bầu vào cấp ủy, để trong công tác lãnh đạo có thể đánh « tru tiên » về mặt này, mặt khác

cho người « đồng hương ». Chẳng nói, chúng ta đều biết đó là một tư tưởng hết sức sai trái.

Một điều rất cơ bản nữa trong việc lựa chọn người đưa vào cấp ủy là việc đánh giá con người sao cho đúng. Cần tránh tình trạng yêu nên tốt, ghét nên xấu, thích ai thì chỉ thấy những mặt mạnh, những ưu điểm, những thành tích, không thích ai thì chỉ thấy những mặt yếu, những khuyết điểm. Đồng thời cần chống cách lựa chọn người không theo tiêu chuẩn, thiếu căn cứ khoa học, chỉ theo cảm tính chủ quan. Với những cách lựa chọn hồ sơ ấy thì bỏ sót những người có đủ tiêu chuẩn thật sự xứng đáng, và đưa vào cấp ủy những người yếu, kém, là chuyện khó tránh khỏi.

TRUNG-THIANH

SỰ SUY YẾU CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC THỜI KỲ «SAU VIỆT-NAM»

NGUYỄN-VĂN-THỌ

Hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới đang suy yếu không thể nào cưỡng nổi. Quá trình này diễn ra nhanh chóng, toàn diện và sâu sắc sau khi Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, bị thất bại nặng nề trong chiến tranh xâm lược Việt-nam. Từ tình hình thực tế đó đã hình thành khái niệm thời kỳ «Sau Việt-nam» được nhân dân thế giới xác nhận như một cái mốc thời gian đánh dấu hướng phát triển mới ngày càng mạnh mẽ của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, và hướng đi gần vào đêm tối trong buổi chiều tà của chủ nghĩa đế quốc. Thời kỳ «Sau. Việt-nam», chủ nghĩa đế quốc đứng trước những tai họa gì?

Thời kỳ «Sau Việt-nam» là thời kỳ cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc bị lung lay và rối loạn nghiêm trọng. Nếu đi ngược trở lại lịch sử, ta thấy rằng, từ năm 1950 đến năm 1966, nghĩa là trước khi Mỹ phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, nhờ có một số nhân tố kích thích tạm thời như cuộc cách mạng khoa học -

kỹ thuật hiện đại, sự can thiệp của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước vào đời sống kinh tế và một khối lượng lớn tiền viện trợ và tư bản xuất khẩu của Mỹ, v.v., nền kinh tế của thế giới tư bản chủ nghĩa tạm thời phát triển tương đối nhanh và ổn định.

Thế nhưng, thời kỳ «Sau Việt-nam», tình hình đã khác hẳn. Cả thế giới tư bản chủ nghĩa bị ngập sâu vào những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế sâu sắc những năm 1973 - 1975, chưa bao giờ các nước tư bản chủ nghĩa lại phải trải qua một giai đoạn phục hồi dài dằng và gian khổ như hiện nay. Từ giữa năm 1975, sản xuất công nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu đã bắt đầu tăng trở lại và các nước tư bản chủ nghĩa phải cần từ 14 đến 36 tháng mới dần dần chuyển sang giai đoạn phồn vinh. Cho đến đầu năm nay, nghĩa là đã trên 5 năm, sản xuất công nghiệp ở Mỹ so với mức cao nhất trước khủng hoảng mới tăng được 11,5%, Ý tăng 7,1%, Tây Đức tăng 6,1%, Nhật-bản tăng 4,1%, Anh tăng 1,2%, còn Pháp thì hầu như giảm chân tại chỗ.

Nếu so với các chu kỳ kinh tế trước đây thì hoạt động kinh tế trong giai đoạn phồn vinh hiện nay thật yếu ớt. Sản xuất lúc tăng, lúc giảm, lúc đình trệ và tình hình đó đã trở thành phổ biến và thường xuyên. Cao trào đầu tư vào tư bản cố định và tăng nhanh chi phí tiêu thụ là hai yếu tố quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển trong các giai đoạn phồn vinh trước kia thì hiện nay đã không xuất hiện. Nhịp độ phát triển mậu dịch quốc tế chậm lại rõ rệt, phản ánh thị trường tiêu thụ của thế giới tư bản chủ nghĩa co hẹp lại một cách tương đối.

Lạm phát và thất nghiệp là hai vấn đề gay gắt nhất trong giai đoạn phồn vinh hiện nay. Tỷ lệ lạm phát bình quân của các nước tư bản chủ nghĩa thuộc tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) vẫn trên 8%, đặc biệt nghiêm trọng ở Mỹ, Pháp, Ý, Ca-na-da và Anh, v.v. Đội quân thất nghiệp hoàn toàn của các nước tư bản chủ nghĩa tăng lên tới trên 17 triệu người nhiều gấp hai lần con số thất nghiệp trong giai đoạn phồn vinh năm 1972 - 1973, thậm chí ở nhiều nước Tây Âu và Nhật-bản còn cao hơn cả thời gian khủng hoảng những năm 1973 - 1975. Lạm phát và thất nghiệp đã làm mất hiệu lực của các biện pháp can thiệp, điều chỉnh kinh tế của các Nhà nước tư bản lũng đoạn.

Cuộc khủng hoảng cơ cầu, đặc biệt là khủng hoảng năng lượng lại đang bùng lên dữ dội gây những tác động mạnh làm sôi động thế giới tư bản chủ nghĩa. Đây cũng là một chứng bệnh kinh tế hiểm nghèo chưa từng xảy ra trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Hiện nay tình trạng thiếu dầu mỏ ở các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng trầm trọng. Trong năm 1978 tiêu thụ dầu mỏ của thế giới tư bản chủ nghĩa tăng 3% nhưng khai thác dầu mỏ của các nước này lại bị trì trệ, riêng các nước Ả-rập giảm

4,9%. Theo tính toán của ủy ban Thị trường chung châu Âu thì trong 6 tháng đầu năm nay nhu cầu về dầu mỏ vượt cung cấp 9% và trong 6 tháng cuối năm tình hình này còn càng thẳng hơn.

Đề bù vào những tổn thất do lạm phát ở các nước tư bản chủ nghĩa gây nên cho tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) (năm 1977 là 17 tỷ đô-la, năm 1978 20 tỷ đô-la), nên từ cuối năm ngoái đến nay tổ chức các nước này đã nhiều lần tăng giá dầu mỏ xuất khẩu của mình: ngày 1-1-1979 tăng 5%, ngày 1-4-1979 tăng 9,05% và ngày 1-7-1979 lại còn tăng lên. Trên thực tế các nước nói trên còn nâng giá dầu mỏ xuất khẩu của mình lên cao hơn nhiều so với mức giá quy định chính thức. Tăng giá dầu như vậy càng làm gay gắt thêm nạn thiếu dầu mỏ ở Bắc Mỹ, Tây Âu, Nhật-bản và Ô-xtrây-li-a, Niu-Di-lon. Dư luận báo chí và các cơ quan nghiên cứu ở phương Tây đều cho rằng cuộc khủng hoảng năng lượng hiện nay sẽ kéo dài và trầm trọng hơn nhiều so với năm 1974. Đứng trước tình hình đó, các nước tư bản chủ nghĩa buộc phải với vớ hạn chế khắt khe việc tiêu thụ dầu mỏ bằng hai cách: một là, tăng giá dầu nội địa, đặc biệt, ở Mỹ, tổng thống Ca-tơ đã đề nghị quốc hội hủy bỏ chế độ kiểm soát giá dầu nội địa làm cho giá dầu nội địa trước đây là 5,8 đô-la/thùng sẽ tăng dần lên ngang mức giá dầu của tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) Hai là, thi hành các biện pháp cưỡng bức hạn chế cung cấp xăng cho người tiêu thụ cũng như hạn chế sử dụng năng lượng. Ở Mỹ nhiều trạm bán xăng dầu đã phải đóng cửa và giảm giờ bán xăng dần, các công ty hàng không đã phải giảm các chuyến bay quốc tế. Nhật-bản và Tây Âu giảm sử dụng xe ô tô, thang máy, hạn chế tốc độ ô tô, tiết kiệm các phương tiện thấp sáng, giảm giờ phát vô tuyến truyền hình. Ô-xtrây-

li-a thì hành chế độ phân phối xăng dầu theo định suất, v.v..

Tình hình trên gây nhiều khó khăn cho các ngành sản xuất, làm tăng thêm lạm phát, tăng số hụt trong cán cân mậu dịch và cán cân thanh toán, tăng thêm tình trạng không ổn định trên thị trường tiền tệ, rồi cuộc sẽ thúc đẩy cuộc khủng hoảng kinh tế sớm nổ ra. Theo nhận định của cơ quan kế hoạch Nhật-bản ngày 10-7-1979 thì «do cuộc khủng hoảng năng lượng hiện nay, các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây sẽ lâm vào tình trạng trì trệ về kinh tế gắn liền với lạm phát triển miên» (AFP 10-7-1979).

Cả thế giới phương Tây đang đứng trước nguy cơ của một cuộc khủng hoảng kinh tế mới. Trong 4 tháng đầu năm nay sản xuất công nghiệp của 6 nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu chỉ tăng có 0,7% so với 2,7% cùng thời gian này năm 1978. Tình hình ở Mỹ là đen tối hơn cả. Theo dự kiến của Nhà trắng, năm 1979 tốc độ phát triển kinh tế của Mỹ sẽ giảm 0,5% so với năm ngoái, lạm phát tăng lên 10,6% và tỷ lệ thất nghiệp sẽ vượt 6,6%. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà từ đầu năm tới nay, giới cầm quyền Mỹ đã nhiều lần phải thú nhận: «Nước Mỹ đang ở bên miệng hố khủng hoảng». Cái gọi là «kỷ quan kinh tế» đã lui về quá khứ. Những thuyết kinh tế tư sản như «chủ nghĩa tư bản mới», «chủ nghĩa tư bản nhân dân», «chủ nghĩa tư bản không có khủng hoảng» đã bị thực tế làm cho phá sản hoàn toàn.



«Thời kỳ «Sau Việt-nam» là thời kỳ đế quốc Mỹ bị suy yếu nhanh chóng kéo theo toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới

vào những chứng bệnh kinh tế hiểm nghèo, những mâu thuẫn gay gắt. Mặc dù đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn mạnh nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa, nhưng Mỹ đã tỏ ra không thể chịu đựng nổi những tổn phí khổng lồ và những hậu quả do chiến tranh xâm lược Việt-nam gây ra. Nền kinh tế và xã hội Mỹ bị rối loạn sâu sắc. Nhiều kế hoạch trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ bị đảo lộn nghiêm trọng.

Trước đây, trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, nhờ đóng vai trò một tên lái súng quốc tế, đế quốc Mỹ đã lợi dụng chiến tranh mà làm giàu và những năm sau đó vẫn còn phát tài to do bán được nhiều lương thực, thiết bị và hàng hóa khác cho các nước tư bản chủ nghĩa Tây Âu và Nhật-bản. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế, tiền tệ, mậu dịch và trung tâm phản động của thế giới tư bản chủ nghĩa. Với mộng tưởng làm bá chủ thế giới, đế quốc Mỹ đã phát triển nền kinh tế của nó theo hai khuynh hướng rõ rệt: chạy đua vũ trang, quân sự hóa nền kinh tế và diễn cường bành trướng thế lực kinh tế ra ngoài. Trong thời kỳ những năm 50, Mỹ cung cấp viện trợ, vốn đầu tư và thiết bị kỹ thuật rất quan trọng cho các nước tư bản chủ nghĩa. Đó là một trong các yếu tố chủ yếu giữ cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới tạm thời chưa có những xáo động lớn.

Ngược lại, những khó khăn nghiêm trọng hiện nay ở Mỹ lại là những tai họa lớn cho thế giới tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ «Sau Việt-nam», Mỹ bị suy yếu nhanh chóng, trở thành nơi phát sinh ra nhiều chứng bệnh kinh tế hiểm nghèo không thể cứu chữa nổi và đang làm lung lay cơ sở kinh tế của chủ nghĩa đế quốc.

Chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam đã làm bùng lên nạn lạm

phát vốn âm i ở Mỹ và nhanh chóng lan khắp thế giới tư bản chủ nghĩa. Khác nào con nặng truyền đi những bệnh hiểm nghèo, nạn lạm phát ác tính và có tính chất quốc tế này đã sinh ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, làm phá sản mọi biện pháp và chính sách kinh tế của các Nhà nước tư bản lũng đoạn. Không phải ngẫu nhiên mà giới cầm quyền các nước tư bản chủ nghĩa đã phải công khai thú nhận «lạm phát là một chứng bệnh ung thư đang hủy hoại cơ thể kinh tế của thế giới tư bản chủ nghĩa». Trong ba tháng đầu năm nay, tỷ lệ lạm phát ở Mỹ lại tăng lên trên 13%, đã gây nên mối lo ngại mới trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Cuộc khủng hoảng sâu sắc của đồng đô-la đã đưa thị trường tiền tệ thế giới tư bản chủ nghĩa vào tình trạng hỗn loạn khủng khiếp, rồi cuộc chế độ bản vị vàng hồi đoái do đồng đô-la Mỹ làm trụ cột đã bị sụp đổ. Vị trí độc tôn của đồng đô-la hiện nay không còn nữa, nhưng các nước tư bản chủ nghĩa vẫn còn phải chịu đựng những hậu quả do nó để lại. Từ năm 1975 trở lại đây, đồng đô-la Mỹ lại càng bị suy yếu nhanh chóng hơn các đồng tiền chủ yếu khác, làm cho tỷ giá giữa các đồng tiền rất không ổn định, gây nhiều khó khăn cho các nước tư bản chủ nghĩa khác và ảnh hưởng rất xấu đến việc phát triển các quan hệ mậu dịch, tiền tệ và hệ thống tín dụng trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Trong 83 năm, mậu dịch Mỹ có truyền thống xuất siêu rất lớn, phần ảnh hưởng thế kinh tế và kỹ thuật của Mỹ trên thị trường thế giới, nhưng thời kỳ «Sau Việt-nam», Mỹ lại trở thành nước nhập siêu lớn nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Cán cân mậu dịch của Mỹ năm 1976 bị hụt 6 tỷ đô-la, năm 1977 hụt 26 tỷ đô-la và năm 1978 lại hụt tới 28,5 tỷ đô-la. Thời kỳ hàng Mỹ là tốt nhất và rẻ nhất đã qua rồi. Thị trường thế giới tư bản

chủ nghĩa ngày trước bị Mỹ lũng đoạn nay phân liệt thành ba trung tâm mậu dịch (Mỹ, Tây Âu và Nhật-bản) cạnh tranh gay gắt với nhau. Đứng trước nguy cơ bùng nổ những cuộc chiến tranh mậu dịch khốc liệt, gây tổn thất lớn cho tất cả các bên, các nước tư bản chủ nghĩa đã phải có những thỏa thuận «dùng thương lượng thay cho cạnh tranh». Thế nhưng làm sao mà tránh được cạnh tranh — một quy luật kinh tế khách quan của chủ nghĩa tư bản.

Trong cuộc cạnh tranh sống mái đó, Mỹ đã dẫn đầu thi hành các biện pháp bảo hộ và đã làm cho chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch trên thế giới tư bản chủ nghĩa ngóc đầu dậy — đây là một hiểm họa đối với mậu dịch quốc tế và kinh tế tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch là một trong các nguyên nhân làm cho mậu dịch quốc tế phát triển chậm lại rõ rệt. Năm 1976 khối lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường thế giới so với năm trước tăng 10,2%, năm 1977 giảm xuống chỉ còn tăng 4%, năm 1978 lại chỉ còn 3,5%.



Thời kỳ «Sau Việt-nam» là thời kỳ đối sánh lực lượng trên thế giới thay đổi nhanh chóng, có lợi cho các nước xã hội chủ nghĩa và không có lợi cho các nước tư bản chủ nghĩa. Trong khi chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ngày càng tỏ ra bất lực trong việc can thiệp vào đời sống kinh tế thì các Nhà nước xã hội chủ nghĩa vận dụng được đúng đắn các quy luật kinh tế khách quan, do đó nền kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa đã phát triển ổn định và với nhịp độ cao, thể hiện rõ rệt tinh thần hăng của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong vòng 20 năm từ năm 1951 — 1970, nhịp độ tăng sản xuất công nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa chỉ bằng một nửa so với các nước xã hội chủ nghĩa nhưng trong

7 năm gần đây, từ năm 1971 - 1977, lại giảm xuống chỉ còn bằng một phần ba (37,3%). Các nước xã hội chủ nghĩa hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế (COMECON) hiện nay đã sản xuất trên một phần ba tổng giá trị sản lượng công nghiệp của toàn thế giới.

Mỹ đã thua kém Liên-xô về sản lượng nhiều mặt hàng quan trọng như than, dầu mỏ, quặng sắt, thép, gang, máy kéo, máy liên hợp gặt đập, đầu máy xe lửa, gia công gỗ, xi-măng, vải bông, len dệt, dầu ô liu, v.v.

Thời kỳ «Sau Việt-nam», hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới càng bị chia năm xẻ bảy, nội bộ lục đục và quyền lợi xung đột sâu sắc, nhất là trên lĩnh vực tiền tệ và mậu dịch. Ngược lại các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng đoàn kết và nhất trí trong Hội đồng nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tổ chức này đã lớn lên nhanh chóng cả về mặt số lượng và chất lượng. Số nước hội viên đã tăng từ 6 lên 10 nước, ngoài ra còn có một số nước tham gia với tư cách quan sát viên. Trong những năm đầu, hoạt động chủ yếu của nó là hợp tác trong lĩnh vực sản xuất và trên cơ sở đó, năm 1971, thi hành chương trình tổng hợp mở rộng và cải thiện hơn nữa việc nhất thể hóa kinh tế xã hội chủ nghĩa nhằm đưa sự phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa lên mức cao hơn, tăng cường mối quan hệ nội tại hợp lý và ổn định, tạo nên một cơ cấu kinh tế hiện đại có hiệu quả cao. Đây là một nhân tố rất quan trọng làm cho tiềm lực kinh tế và kỹ thuật của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tăng lên nhanh chóng.

Về mặt chính trị và xã hội, trong khi nội bộ các nước tư bản chủ nghĩa đối峙 chưa từng có và khó gỡ rối thì ở các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, ngày càng được củng cố vững

chắc, giá trị về đạo đức và nhân phẩm cao quý của con người ngày càng được tôn trọng và phát huy mạnh mẽ.

Đối sánh lực lượng thay đổi không có lợi cho các nước tư bản chủ nghĩa, còn được biểu hiện ra ngày càng rõ rệt trong lĩnh vực tiềm lực quân sự. Theo Tuần báo Mỹ *Tin Mỹ và Thế giới* ra đầu tháng 11-1977 thì Mỹ đã thua kém Liên-xô về nhiều loại vũ khí chiến lược cũng như vũ khí thông thường.

Năm 1972, Mỹ phải chấp nhận chính sách bình thường hóa quan hệ Đông Tây, đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của chiến lược bao vây kinh tế của các nước đế quốc chủ nghĩa đối với các nước xã hội chủ nghĩa từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Mỹ đã phải ký hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược với Liên-xô đợt 1 (ngày 26-5-1972) và đợt 2 (ngày 18-6-1979).



Thời kỳ «Sau Việt-nam» là thời kỳ phá sản ngày càng nghiêm trọng của chủ nghĩa thực dân mới, thời kỳ bao vây cách mạng ngày càng sôi sục ở châu Phi, châu Á và châu Mỹ la-tinh.

Thời kỳ «Sau Việt-nam» chủ nghĩa đế quốc tiếp tục bị đẩy lùi ở nhiều nơi trên thế giới, ngay cả ở những nơi là «sân sau» của nó. Hàng loạt nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh đã vùng lên giành độc lập, trong đó cách mạng ở những nước như Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích, Ê-ti-ô-pi-a, Nam Yê-men, Ăp-ga-ni-xtan... đã phát triển theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng ở I-ran đã giành một đòn nặng nề vào chủ nghĩa đế quốc ở Trung - Cận-Đông. Cách mạng thắng lợi ở Ni-ca-ra-goa làm cho tình thế ở châu Mỹ la-tinh thay đổi sâu sắc. Trong cao trào cách mạng đó, các thuộc địa nhỏ bé ở các quần đảo Thái-bình-

dương cũng đã lần lượt giành được quyền độc lập dân tộc.

Trên đà thắng lợi của tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) năm 1973, các nước đang phát triển càng đoàn kết chặt chẽ trong các tổ chức khu vực và quốc tế, thống nhất hành động, kiên quyết đấu tranh đòi xóa bỏ mọi hình thức bóc lột và cướp đoạt của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, tiến lên thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới, dựa trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Vì quyền lợi ích kỷ của mình, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, đã tìm cách phá hoại, cản trở cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển. Nhưng tình hình «Sau Việt-nam» đã không cho phép nó làm đảo ngược hoặc ngăn chặn thế tiến công của phong trào giải phóng dân tộc.

Phạm vi bóc lột và cướp đoạt ở nước ngoài của chủ nghĩa đế quốc đang co hẹp lại nhanh chóng, khiến cho chủ nghĩa đế quốc càng bị suy yếu toàn diện và khủng hoảng sâu sắc. Đó là một xu thế phát triển khách quan của thời đại. Đó là kết quả tất yếu của sự phát triển của các mâu thuẫn sẵn có trong lòng chủ nghĩa tư bản, đồng thời cũng là kết quả của thế tiến công cách mạng trên toàn thế giới mà điển hình là thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt-nam đã đánh bại cuộc chiến tranh thực dân vô cùng dã man và tàn khốc của tên đế quốc đầu sỏ Hoa-kỳ.



Trong khi chủ nghĩa đế quốc bị suy yếu như vậy thì **tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại càng kết chặt chẽ với các nước tư bản chủ nghĩa để**

chống lại chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng hồng thực hiện âm mưu bành trướng và bá quyền của chúng ở Đông Nam Á và trên thế giới. Chúng giả danh chủ nghĩa xã hội để chống phá chủ nghĩa xã hội, nấp dưới chiêu bài chủ nghĩa Mác - Lê-nin để chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chúng là kẻ phản bội lớn nhất của thời đại.

Nhưng dù tập đoàn phản động Bắc-kinh tỏ ra là đồng minh trung thành đến mấy của chủ nghĩa đế quốc thì cũng không cứu vãn nổi sự suy yếu nhanh chóng và toàn diện của chủ nghĩa đế quốc. Và dù chủ nghĩa đế quốc có hùa hơi tiếp sức cho tập đoàn phản động Bắc-kinh thì giắc mòng bành trướng và bá quyền của bọn này cũng không bao giờ thực hiện được. Đó là quy luật khách quan của thời đại.

Con đường trau dồi...

(Tiếp theo trang 49)

thế hệ trẻ Việt-nam, với lòng tin tưởng vô bờ bến vào Đảng cộng sản Việt-nam vĩ đại và kinh yêu của mình, càng quyết tâm rèn luyện, biến phẩm chất cách mạng và khoa học của tuổi thanh xuân thành sức mạnh «đào núi, lấp biển», góp phần tích cực làm cho cả nước ta và mỗi địa phương, mỗi đơn vị, đâu đâu cũng «tràn ngập khí thế cách mạng tiến công, tràn ngập chủ nghĩa anh hùng cách mạng» (12) trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(12) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 94.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 9—1979 г.

ПЕРЕДОВАЯ: Придерживаться курса партии на проведение реформы в области просвещения, ★★ ★ — Борьба за дальнейшее предвхождение в жизнь священного завещания президента Хо Ши Мина. **ТО ХЫУ:** Цель реформы просвещения — формирование нового человека Социалистического Вьетнама. **СУАН ТХЮЙ:** Конституция и право трудового народа быть коллективным хозяином. **ФУК КЫОНГ:** Экспансионистская и гегемонистская стратегия Пекина. **НГУЕН ВАН ТХО:** Ослабление империализма в «послевьетнамский» период.

REVIEW OF COMMUNISM

№ 9 — 1979

Editorial — Firmly grasp the Party's policy on educational reform. ★ ★ ★ Let us keep up our efforts to implement the sacred Testament of President Hồ-Chí-Minh. **TỔ-HỮU** — Strive to carry out the educational reform in order to form new generations of socialist Vietnamese men and women. **XUÂN-THỦY** — The Constitution and the working people's right to collective mastery. **PHÚC-CƯƠNG** — Peking's strategy of hegemony and expansionism. **NGUYỄN-VĂN-THỌ** — The decline of imperialism in the post-Vietnam period.

REVUE DU COMMUNISME

№ 9 — 1979

Éditorial — Bien saisir la politique du Parti sur la réforme de l'enseignement. ★ ★ ★ Poursuivons nos efforts dans la réalisation du Testament sacré du Président Hồ-Chí-Minh. **TỔ-HỮU** — S'efforcer de réaliser la réforme de l'enseignement pour former de nouvelles générations de Vietnamiens socialistes. **XUÂN-THỦY** — La Constitution et le droit de maître collectif du peuple travailleur. **PHÚC-CƯƠNG** — La stratégie hégémoniste et expansionniste de Pékin. **NGUYỄN-VĂN-THỌ** — Le déclin de l'impérialisme dans la période de l'après — Vietnam ».

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 9 — 1979

Editorial — Proseguir el procedimiento de reforma educacional del Partido. ★ ★ ★ Seguimos dando esfuerzos por cumplir el sagrado Testamento del presidente Hồ-Chí-Minh. **TỔ-HỮU** — Desplegar grandes esfuerzos por materializar la reforma educacional a fin de formar las nuevas generaciones de hombres nuevos, socialistas de Viet-nam. **XUÂN-THỦY** — La Constitución y el derecho de ser dueño colectivo del pueblo trabajador. **PHÚC-CƯƠNG** — La estrategia de hegemonismo y expansionismo de Pekín. **NGUYỄN-VĂN-THỌ** — El debilitamiento del imperialismo en el periodo «posterior a Việt-nam».

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 9

1979

NĂM THỨ XXV (285)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận - Năm vững chủ trương của Đảng về cải cách giáo dục	1
★★★ - Tiếp tục phấn đấu thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch	9
TỔ-HỮU - Ra sức thực hiện cải cách giáo dục để đào tạo những thế hệ con người mới Việt-nam xã hội chủ nghĩa	15
XUÂN-THỦY - Hiến pháp và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động	25
PHÚC-CƯƠNG - Chiến lược bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh	34
VŨ-THANH - Con đường trau dồi phẩm chất cách mạng và khoa học của người chủ tập thể trẻ tuổi Việt-nam	43
PHẠM-NGỌC-ĐÁP - Phong trào thi đua đua kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng ở tỉnh Thái-bình	50
LÂM-CÔNG-ĐÌNH - Nghề rừng trên địa bàn huyện	55
NGUYỄN-ĐÌNH-BUU - Truyền thống chống xâm lược trong truyền thuyết dân gian Việt-nam	61
Thảo luận - Về nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa ★ VŨ-KHIẾU - Phấn đấu cho một lối sống tốt đẹp nhất của con người làm chủ tập thể ★ LÊ-ANH-TRÀ - Đưa cái đẹp vào cuộc sống ★ PHONG-CHÁU - Có một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa thế giới	66
Sinh hoạt tư tưởng ★ TRUNG-THÀNH - Chọn mặt gửi vàng	74
HỒNG-GIAO - Con đường nông nghiệp Bun-ga-ri đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa	76
NGUYỄN-VĂN-THO - Sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc thời kỳ « Sau Việt-nam »	83

TOÀN DÂN THAM GIA THẢO LUẬN
DỰ THẢO HIẾN PHÁP

Tìm đọc:

LÊ-DUẬN

- Phát huy quyền làm chủ tập thể, xây dựng Nhà nước vững mạnh
- Phát động quần chúng xây dựng quyền làm chủ tập thể
- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân
- Máy vấn đề về công tác kiểm tra của Đảng

VÕ-NGUYỄN-GIÁP

- Cả nước một lòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



10

10.1979

SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG — MỘT NHIỆM VỤ KINH TẾ CẤP BÁCH VÀ QUAN TRỌNG

TÍNH quan trọng cấp bách của sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương thể hiện ở chỗ: có phát triển hàng tiêu dùng mới cải thiện được đời sống nhân dân, tái sản xuất sức lao động, góp phần thực hiện tái sản xuất mở rộng, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng nhanh tích lũy vốn cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Có phát triển công nghiệp địa phương mới thúc đẩy được kinh tế địa phương phát triển, giải quyết hậu cần tại chỗ, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Do kế quả thực hiện các nghị quyết của Đảng, cho đến nay, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương trong cả nước đã có gần 200 xí nghiệp trung ương, 1700 xí nghiệp địa phương, 3000 hợp tác xã, 7000 lò sản xuất và nhiều hộ cá thể tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp bao gồm 2 triệu lao động. Đến năm 1978, giá trị sản lượng hàng tiêu dùng đã chiếm hơn 60 % giá trị sản lượng công nghiệp, giá trị sản lượng công nghiệp địa phương còn lớn hơn giá trị sản lượng công nghiệp trung ương. Công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương đã sản xuất được nhiều mặt hàng thông thường thiết yếu phục vụ đời sống, sản xuất, chiến đấu và xuất khẩu.

Cần khẳng định rằng trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, làm được như trên là một thành tích to lớn. Điều đó chứng tỏ đường lối, chủ trương của Đảng

về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương là đúng, đồng thời cũng thể hiện sự cố gắng của tất cả cán bộ, công nhân và hàng triệu người lao động trong các ngành sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

Tuy nhiên, so với yêu cầu và khả năng thì việc phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm. Tốc độ phát triển sản xuất còn chậm. Hàng xuất khẩu còn ít. Một hàng và chất lượng nói chung còn kém. Công suất thiết bị, máy móc chỉ được sử dụng khoảng 50 — 60 %.

Khó khăn lớn nhất của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương hiện nay là thiếu nguyên liệu. Nguyên liệu trong nước phát triển chậm. Nguyên liệu nhập khẩu ngày càng bị hạn chế. Việc thu hồi, sử dụng phế liệu phế phẩm nói chung làm chưa tốt.

Chúng ta thừa nhận rằng, trong điều kiện nông nghiệp còn độc canh và sản xuất nhỏ, công nghiệp nặng còn nhỏ bé, chưa cung ứng được nhiều nguyên liệu, năng lượng, thiết bị, thì công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương chưa thể phát triển với tốc độ cao. Nhưng mặt khác, cần phải thấy rằng, có những mặt hàng thông thường thiết yếu, ta có khả năng sản xuất được hoặc phát triển nhanh hơn, nhưng lại dễ thiếu kéo dài thì không thể bảo là tại khách quan được, mà phải thấy rõ những khuyết điểm của chúng ta.

Về lãnh đạo và chỉ đạo, chúng ta năm không vững và thực hiện chưa tốt đường lối của Đảng về xây dựng kinh tế, phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương; các ngành, các cấp còn coi nhẹ công nghiệp hàng tiêu dùng, đặc biệt là rất coi nhẹ thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp, chưa thấy rõ vai trò của công nghiệp địa phương trong sản xuất hàng tiêu dùng.

Sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhưng các ngành, các cấp, từ trung ương đến địa phương và cơ sở, chưa đứng trên lợi ích chung mà thực hiện sự phân công và hợp tác xã hội chủ nghĩa để giải quyết đồng bộ và triệt để.

Nguyên liệu là vấn đề sống còn đối với sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nhưng chưa được đặt ra đúng mức và giải quyết đến nơi đến chốn.

Công tác kế hoạch hóa chưa xuất phát từ thực tiễn, chưa phát huy được hai thế mạnh của ta là lao động và tài nguyên, phần nào còn ỷ lại vào bên ngoài. Kế hoạch còn tập trung quan liêu, chưa kết hợp được kế hoạch hóa với sử dụng quản hệ thị trường, chưa tính toán đầy đủ đến khả năng thực tế.

Chính sách, chế độ nói chung còn gò bó, cứng nhắc, không có tác dụng thúc đẩy sản xuất. Trong chính sách giá cả, thu mua, v.v. có những chỗ bất hợp lý hoặc lạc hậu nhưng chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Phương thức quản lý còn nặng về hành chính bao cấp, dẫn đến tình trạng làm ăn không tính toán, không chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh tế. Việc phân công, phân cấp chưa thật rõ ràng, hợp lý, nội dung kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ chưa được xác định cụ thể. Việc tổ chức hệ thống quản lý công nghiệp chưa thật phù hợp, bộ máy quản lý cồng kềnh, kém hiệu lực.



Đường lối kinh tế của Đảng đã xác định vị trí và chức năng của công nghiệp hàng tiêu dùng là : bảo đảm nhu cầu đời sống nhân dân và quân đội, góp phần tăng mặt hàng xuất khẩu và tích lũy; thông qua chế biến, làm tăng thêm giá trị sử dụng và giá trị của nông, lâm, hải sản, cùng với nông nghiệp, làm cơ sở cho việc « ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý ».

Đường lối kinh tế của Đảng cũng xác định rõ vai trò quan trọng của công nghiệp địa phương là : tận dụng mọi nguồn tài nguyên và lao động ở các địa phương, sản xuất ra nhiều hàng hóa phục vụ nhu cầu từng địa phương, góp phần phục vụ nhu cầu cả nước và xuất khẩu; kết hợp ngay từ đầu và từ cơ sở giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa kinh tế và quốc phòng, góp phần làm cho kinh tế trong cả nước phát triển đồng đều, miền núi mau tiến kịp miền xuôi, nông thôn nhích lại gần thành thị, thực hiện tốt chính sách liên minh công nông, chính sách dân tộc và đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân của Đảng.

Từ đường lối của Đảng, các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương phải nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của công nhân và lao động, khai thác triệt để những tài nguyên trong nước, ra sức làm tròn nhiệm vụ phục vụ đời sống, xuất khẩu và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phục vụ sản xuất, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc.

Công nghiệp hàng tiêu dùng nói chung phải phát triển toàn diện nhằm tạo nên một cơ cấu hoàn chỉnh, bao gồm các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, khai thác và chế biến hải sản, sản xuất chè

và các loại nước giải khát, được phẩm, dệt da may mặc, giấy, gỗ, sành sứ thủy tinh, kim khí tiêu dùng, gia công cao su và nhựa, văn hóa phẩm... Nhưng trong thời gian trước mắt, cần tập trung sức phát triển những ngành có nhu cầu cấp bách hoặc nguyên liệu tương đối dễ khai thác; đồng thời phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực như tôm, mực, chè, dừa, cà phê, cao su, tơ tằm, hàng dệt, may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ v.v.

Phải tận dụng cả ba thành phần kinh tế : quốc doanh, tập thể và cá thể; kết hợp các quy mô lớn, vừa, nhỏ; kỹ thuật thủ công, nửa cơ khí và cơ khí; kết hợp trung ương với địa phương và cơ sở; tận dụng mọi lực lượng lao động xã hội, mọi nguồn tài nguyên của đất nước và mọi năng lực sản xuất của các ngành kinh tế, văn hóa, quốc phòng để sản xuất hàng tiêu dùng.

Công nghiệp địa phương phải phát triển trong cơ cấu kinh tế địa phương, gắn chặt với các ngành kinh tế địa phương, nhất là nông nghiệp, để hợp thành cơ cấu công - nông nghiệp của tỉnh, thành phố và cơ cấu nông - công nghiệp của huyện. Mặt khác, công nghiệp địa phương phải phát triển gắn chặt với công nghiệp trung ương, hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật thống nhất cả nước.

Trong từng địa phương, công nghiệp địa phương phải hết sức cố gắng tận dụng mọi khả năng, đáp ứng nhiều nhu cầu, nhất là nhu cầu về đời sống, nhưng không phải vì thế mà phát triển tất cả các ngành và các loại hàng theo hướng khép kín, tự túc, tự cấp; trái lại cần có sự phân công hợp tác hợp lý giữa các địa phương, giữa các tỉnh và thành phố nhằm phát huy thế mạnh về tài nguyên, lao động kỹ thuật của từng địa phương để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Công nghiệp địa phương cần được phát triển rộng khắp trong cả nước, sắp tới chủ trọng phát triển ở các tỉnh miền Nam, Tây-nguyên, các tỉnh miền núi và biên giới phía bắc, đặc biệt chú ý phát triển ở thủ đô Hà-nội và thành phố Hồ-Chí-Minh.

Về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng cũng như công nghiệp địa phương, cần chú ý kết hợp sử dụng cơ sở cũ với xây dựng cơ sở mới, nói chung chỉ xây dựng cơ sở mới khi đã sử dụng hết năng lực sản xuất của cơ sở cũ; kết hợp số lượng với chất lượng, tuyệt đối không được làm bừa, làm ẩu, ảnh hưởng đến tiêu dùng xã hội, gây lãng phí nguyên liệu và tạo thói quen xấu về lâu dài.

Mục tiêu phấn đấu trong 5 - 7 năm tới của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương là về ăn, bảo đảm đủ khẩu phần lương thực, trong đó có màu được chế biến tốt; tăng thêm chất đạm, đủ nước giải khát cho người lao động nặng nhọc. Về mặc, bảo đảm tiêu chuẩn vải từ 4 đến 5 mét một người, đáp ứng đủ nhu cầu về chiếu,

chăn, màn, đép, mũ, nón làm bằng nguyên liệu trong nước. Về **ô** và **đồ dùng trong nhà**, đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng của từng địa phương để giải quyết nhà ở cho nhân dân; bảo đảm cung ứng các đồ dùng thiết yếu làm bằng nguyên liệu trong nước: đồ sành sứ, thủy tinh, đồ gỗ thông dụng; cố gắng sản xuất đáp ứng một phần nhu cầu về quạt điện, đồng hồ bàn, máy thu thanh, v.v. Về **đi lại**, tăng thêm phương tiện đi lại công cộng ở các thành phố, khu công nghiệp; đẩy mạnh sản xuất xe đạp, nhất là phụ tùng. Về **văn hóa, giáo dục**, bảo đảm giấy viết và các đồ dùng học tập thông thường cho học sinh các trường phổ thông; cố gắng trang bị các phương tiện giảng dạy, thí nghiệm cho các trường cấp 3 và trường dạy nghề, đáp ứng một phần quan trọng dụng cụ về thể dục, thể thao; cố gắng có đủ đồ chơi thông thường cho các cháu bé. Về **y tế**, đẩy mạnh việc trồng cây thuốc, sản xuất dược liệu và chế biến thuốc, bảo đảm đủ thuốc chữa các chứng bệnh thông thường và một số thuốc bổ cho nhân dân.

Về **tư liệu sản xuất**, bảo đảm nhu cầu của địa phương về công cụ lao động và một số máy móc, thiết bị thông thường, vật liệu xây dựng thông thường, sửa chữa máy móc, thiết bị của kinh tế địa phương.

Về **xuất khẩu**, đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu để bảo đảm nhập đủ nguyên liệu và thiết bị cần thiết cho công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, đồng thời bảo đảm một phần nhu cầu nhập khẩu của nền kinh tế.



Để thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu kể trên, cần giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, tích cực giải quyết vấn đề **nguyên liệu vật tư** theo hướng vừa đẩy mạnh sản xuất trong nước là chính, vừa tranh thủ nhập khẩu các loại nguyên liệu cần thiết, vừa sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn nguyên liệu chính, vừa tận thu, tận dụng các loại nguyên liệu thứ yếu, phế liệu, phế phẩm.

Vấn đề cấp bách là phải quy hoạch và đầu tư đồng bộ để xây dựng một số vùng cây công nghiệp tập trung chuyên canh, thâm canh, có năng suất cao, sản lượng hàng hóa lớn. Phát triển mạnh chăn nuôi, sớm đưa chăn nuôi cân đối với trồng trọt để cung cấp ngày càng nhiều thịt, sữa, trứng, da... cho công nghiệp chế biến.

Về **làm nghiệp**, phải có kế hoạch trồng rừng cho các nhà máy giấy, cung cấp đủ gỗ tròn và tận dụng gỗ cành ngọn cho sản xuất đồ

mộc, bảo đảm mây, tre, nứa, lá cho chế biến hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Từng bước khai thác, sản xuất, cung cấp các loại nguyên liệu khoáng sản, kim loại, nguyên liệu hóa học và các hóa chất cơ bản, trước hết là sợi hóa học cho ngành dệt, và các loại hóa chất thay cho nguyên liệu nhập khẩu.

Các địa phương và cơ sở sản xuất phải tìm mọi cách khai thác, sử dụng các loại nguyên liệu có sẵn trong địa phương, các loại vật tư ứ đọng, tận thu, tận dụng đến mức cao nhất các loại phế liệu phế phẩm, các loại bao bì cũ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng, tuyệt đối không để ứ đọng hoặc hủy hoại.

Hai là, cải tiến các chính sách kinh tế nhằm khuyến khích đẩy mạnh sản xuất. Phải lập trung giải quyết bốn loại chính sách quan trọng là chính sách nguyên liệu, chính sách xuất khẩu, chính sách đối với công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, một số chính sách về lưu thông — phân phối. Tinh thần chung mà các chính sách phải thấm suốt là tận dụng tốt các thành phần kinh tế, kết hợp đúng đắn lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, mở rộng quyền chủ động cho các ngành, các địa phương và cơ sở trong sản xuất — kinh doanh, làm thế nào cho sản xuất «bung ra» theo đúng đường lối của Đảng và phương hướng của kế hoạch Nhà nước để có nhiều hàng hóa cho xã hội, đồng thời bảo đảm cho Nhà nước làm chủ thị trường, thu mua được hàng hóa.

Cung cấp đủ lương thực cho các vùng trồng cây công nghiệp lập trung, chuyên canh, đồng thời nghiên cứu phân phối lại tích lũy giữa hai khâu sản xuất nguyên liệu và chế biến sản phẩm cho hợp lý như tăng thêm giá nguyên liệu một cách thỏa đáng, bán lại cho người trồng cây nguyên liệu một tỷ lệ sản phẩm thích đáng, ổn định mức bán nguyên liệu trong một thời hạn nhất định và cho lưu thông tự do phần còn lại để khuyến khích hợp tác xã và nông dân trồng và bán nhiều nguyên liệu cho công nghiệp.

Để khuyến khích làm hàng xuất khẩu, chính sách giá cả phải bảo đảm cho các cơ sở làm hàng xuất khẩu không những không bị thiệt mà còn có lợi hơn làm hàng bán trong nước. Mặt khác, cho các cơ sở sản xuất, các ngành, các địa phương được sử dụng một phần ngoại tệ trong kim ngạch xuất khẩu của mình vào việc nhập nguyên liệu, vật tư cần thiết.

Chính sách quan trọng nhất đối với công nghiệp địa phương là trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và kế hoạch Nhà nước, các

địa phương được lựa chọn và quyết định các phương án kinh tế kỹ thuật, xây dựng các chính sách cụ thể, sử dụng các biện pháp cần thiết, kể cả việc định giá cả, hợp tác kinh tế giữa các địa phương nhằm khai thác mọi khả năng của địa phương, cải thiện đời sống nhân dân địa phương và góp phần làm giàu cho đất nước.

Đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đi đôi với việc phát huy tinh thần tự lực tự cường của các hợp tác xã, Nhà nước cần quan tâm và có chính sách thỏa đáng về các mặt đầu tư, tín dụng, trang bị kỹ thuật, cung cấp vật tư, cải tiến chính sách thuế và giá cả, cải tiến chế độ gia công đặt hàng... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã phát triển sản xuất, phục vụ tiêu dùng.

Ba là, cải tiến tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý. Tổ chức sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương phải thật rộng rãi, từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ tỉnh thành, huyện, xã đến cơ sở, từ công nghiệp lớn với kỹ thuật hiện đại đến công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp với kỹ thuật thô sơ, từ các xí nghiệp quốc doanh đến các hợp tác xã, tổ sản xuất, thợ thủ công cá thể và nghề phụ gia đình. Trên nguyên tắc lấy thành phần kinh tế quốc doanh làm chủ đạo, phải rất coi trọng phát triển kinh tế tập thể và chú trọng sử dụng kinh tế cá thể. Cái gì quốc doanh chưa có điều kiện làm hoặc chưa thể làm tốt thì để cho hợp tác xã làm, không nên vội vàng phát triển quốc doanh để thay thế. Cái gì tập thể (hợp tác xã hoặc tổ sản xuất) chưa có điều kiện làm hoặc chưa thể làm tốt thì để cho cá thể làm, không nhất thiết phải đưa ngay cá thể vào tập thể. Đối với địa phương cũng vậy, cái gì địa phương làm được thì giao cho địa phương làm, trung ương không nên giữ.

Trong tổ chức sản xuất, vấn đề chính là phải tổ chức tốt sản xuất ở cơ sở: tổ sản xuất, hợp tác xã, xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh của cơ sở.

Về tổ chức quản lý, vấn đề cơ bản nhất là phải thay đổi phương thức quản lý: xóa bỏ phương thức quản lý hành chính bao cấp, thực hiện phương thức quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm bắt buộc mọi người, mọi tổ chức làm ăn phải tính toán hiệu quả kinh tế, phải chịu trách nhiệm về vật chất. Phải cải tiến công tác kế hoạch hóa theo tinh thần cách mạng và khoa học, kế hoạch phải vươn lên đáp ứng đến mức cao nhất các nhu cầu, nhưng không vì thế mà thoát ly khả năng thực tế; trái lại, phải xuất phát từ thực tế, cân đối khả năng và nhu cầu với tinh thần tích cực và vững chắc. Kế hoạch phải kết hợp và sử dụng tốt các yếu tố lao động, tài nguyên và phương tiện kỹ thuật để làm ra nhiều hàng hóa cho xã hội. Trung ương chỉ

nền cân đối một số chỉ tiêu cơ bản, một số mặt hàng chủ yếu có ảnh hưởng quyết định đến toàn bộ kinh tế và đời sống, còn nói chung nền giao cho các địa phương và cơ sở, kể cả quốc doanh, tập thể và cá thể, chủ động cân đối để giải quyết các nhu cầu, các mặt hàng thông thường, thứ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu muôn hình muôn vẻ của đời sống nhân dân.

Cải tiến việc phân công, phân cấp quản lý hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nhằm phát huy quyền chủ động của các ngành sản xuất, các địa phương và cơ sở. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Tò chức lại hệ thống quản lý từ trung ương đến cơ sở một cách hợp lý, bảo đảm quan hệ từ dưới lên, từ trên xuống một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác và có hiệu lực.

Bốn là, có quy hoạch và kế hoạch đào tạo đồng bộ, cân đối các loại **cán bộ, công nhân** cho các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Về cán bộ, cần đào tạo một cách **đồng bộ** các cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ **nghiệp vụ**. Trước mắt, cần thay thế ngay những cán bộ không làm được việc, lựa chọn và bồi dưỡng gấp một số cán bộ có năng lực, có triển vọng phụ trách các công ty, các liên hiệp xí nghiệp sản xuất các mặt hàng quan trọng. Hết sức coi trọng đào tạo công nhân kỹ thuật **đề sớm có** một đội ngũ công nhân lành nghề cho các ngành công nghiệp **nặng**.



Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân là nhân tố **quyết định** thắng lợi của việc phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

Phải tăng cường lãnh đạo tư tưởng, làm cho cán bộ các cấp, các ngành thấm suốt đường lối chính sách và nghị quyết của Trung ương Đảng về phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, chủ ý khắc phục những khuynh hướng, tư tưởng sai lầm như coi nhẹ công nghiệp hàng tiêu dùng, coi nhẹ công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, không tìm mọi cách khai thác nguyên liệu trong nước, trong địa phương để sản xuất hàng tiêu dùng; ỷ lại, trông chờ vào nguyên liệu và vật tư nhập khẩu; cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, không xuất phát từ lợi ích kinh tế chung, ít quan tâm đến yêu cầu chung của đất nước.

Phát đặc biệt coi trọng lãnh đạo chính sách và cải tiến quản lý. Soát xét lại đề thay đổi kịp thời những chính sách và chế độ quản lý hiện hành; chống quan liêu, bảo thủ.

Các cấp ủy địa phương, trước hết là các tỉnh ủy, thành ủy, phải tăng cường lãnh đạo công nghiệp địa phương, kết hợp chặt chẽ công nghiệp địa phương với nông nghiệp, làm cho hai ngành này thật sự gắn bó chặt chẽ với nhau ngay từ đầu, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Phải làm cho mọi người nhất trí về vai trò và vị trí của liêu công nghiệp và thủ công nghiệp, từ đó mà có chủ trương và thái độ đúng đắn đối với liêu công nghiệp và thủ công nghiệp, ra sức phát triển liêu công nghiệp, thủ công nghiệp với tốc độ cao.

Các đảng ủy xí nghiệp và hợp tác xã phải tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân và xã viên; chăm lo công tác xây dựng Đảng, đồng thời lãnh đạo tốt và kiểm tra chặt chẽ mọi mặt hoạt động của đơn vị, bảo đảm cho đơn vị hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước.

Phải kiện toàn ban công nghiệp trung ương và tổ chức ban công nghiệp ở các thành phố và các tỉnh có nhiều cơ sở công nghiệp để giúp Trung ương và các cấp ủy nghiên cứu chính sách, kiểm tra tình hình và quản lý cán bộ trong các ngành công nghiệp hàng liêu dùng và công nghiệp địa phương.

Các cơ quan quản lý Nhà nước phải căn cứ vào nghị quyết của Trung ương để xây dựng những chính sách, chế độ cụ thể, những phương án kinh tế – kỹ thuật đầy đủ. Đặc biệt đối với vấn đề chính sách phải làm thật khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm đầy đủ.

Các bộ và tổng cục có sản xuất hàng liêu dùng, phải nắm chắc ba khâu: nguyên liệu, sản xuất và liêu thụ, tăng cường các mặt quản lý, làm tròn trách nhiệm đối với địa phương và cơ sở, từ đó mà thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ đời sống, xuất khẩu và tích lũy của công nghiệp sản xuất hàng liêu dùng.

Tất cả các ngành tùy theo chức năng của mình mà góp phần tích cực vào việc phát triển hàng liêu dùng và công nghiệp địa phương. Các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp phải phát triển và cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu nông sản, lâm sản cho công nghiệp. Các ngành công nghiệp nặng phải có kế hoạch và biện pháp bảo đảm yêu cầu về nguyên liệu, năng lượng và trang bị kỹ thuật. Các ngành lưu thông – phân phối phải phối hợp chặt chẽ với các ngành sản xuất

hàng tiêu dùng, làm cho lưu thông gắn với sản xuất, thật sự thúc đẩy sản xuất phát triển.

Phải thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng bằng cách xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, đổi mới quản lý và chính sách nhằm bảo đảm quyền chủ động của quần chúng, chú ý thích đáng đến lợi ích của người sản xuất. Đồng thời, phải lãnh đạo, giáo dục quần chúng chấp hành đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh, phê phán, xử lý nghiêm khắc những việc làm không chính đáng, những hành vi sai trái với pháp luật, các tệ tham ô, lãng phí...



Sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương là một nhiệm vụ cấp bách và quan trọng. Tuy trước mắt còn nhiều khó khăn nhưng khả năng phát triển rất lớn. Nếu coi trọng đúng mức vai trò của công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, giải quyết tốt các vấn đề về chính sách và quản lý thì nhất định chúng ta sẽ tạo ra được một sự chuyển biến mạnh mẽ, đẩy mạnh phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu của đời sống và xuất khẩu, tăng cường năng lực chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

MẤY VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

LÊ - DUÂN

 Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cùng một lúc chúng ta phải thực hiện ba nhiệm vụ chiến lược, đáp ứng ba yêu cầu cơ bản: cải thiện đời sống nhân dân; củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Làm thế nào để trong điều kiện chưa có đại công nghiệp cơ khí, có thể bắt đầu thực hiện quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội: thỏa mãn — cố nhiên còn ở mức tối thiểu — nhu cầu ăn, mặc, ở, học hành, đi lại và các nhu cầu khác của người lao động; giữ vững độc lập, tự do và lãnh thổ toàn vẹn của đất nước; đồng thời thúc đẩy được sự ra đời của đại công nghiệp cơ khí, của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phù hợp với cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay?

Đó là bài toán kinh tế tổng quát nhất, cơ bản nhất và khó khăn nhất đặt ra cho chúng ta.

Không thể gạt bỏ hoặc tạm gác lại bất kỳ nhiệm vụ nào trong ba nhiệm vụ chiến lược này, là những nhiệm vụ không phải do ý muốn chủ quan đặt ra, mà được quyết định bởi chính cuộc sống, bởi bản chất của chế độ, bởi những điều kiện và đặc điểm của đất nước, bởi quyền lợi và nguyện vọng sâu xa của nhân dân lao động.

Khi câu hỏi do chính cuộc sống, chính nền kinh tế đặt ra, thì lời giải đáp cũng nằm ngay trong quy luật của cuộc sống, trong quy luật phát triển của nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vấn đề là phát hiện và nắm vững những quy luật ấy, định đường lối kinh tế và cách làm kinh tế hợp lý, kết hợp được việc thực hiện các nhiệm vụ với

nhau, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng.

Dại hội lần thứ IV của Đảng đã vạch ra đường lối đó trên những nét chính. Đó là đường lối mang tính cách mạng triệt để và tính khoa học sâu sắc, mà nội dung chủ yếu là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng; xây dựng cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp hiện đại, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với hoàn thiện quan hệ sản xuất; kết hợp kinh tế với quốc phòng; kết hợp phân công lao động trong nước với phân công và hợp tác quốc tế.

Đứng về cơ cấu tổng quát mà nói, toàn bộ nền kinh tế sẽ lớn lên dựa trên hai khâu then chốt: một là, các ngành kinh tế – kỹ thuật thống nhất cả nước; hai là, kinh tế địa phương.

Hai khâu then chốt này không tách rời nhau, mà kết hợp chặt chẽ với nhau, thâm nhập vào nhau, nương tựa lẫn nhau để phát triển.

Là tổ chức cơ bản của sản xuất lớn hiện đại, các ngành kinh tế –

kỹ thuật có vai trò cực kỳ quan trọng là chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí, tạo ra máy móc, công cụ và vật liệu mới, thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp sản xuất, nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật, tăng năng suất lao động, làm ra sản phẩm với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Tích cực và chủ động xây dựng sớm các ngành kinh tế – kỹ thuật là một chủ trương chiến lược trước mắt và lâu dài.

Các ngành kinh tế – kỹ thuật ra đời trong một quá trình bao gồm hai mặt: một là, phát triển nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) theo hướng sản xuất lớn; phân công lại lao động nông nghiệp để sử dụng hết đất, rừng, biển và các tài nguyên khác; mở mang ngành, nghề làm hàng tiêu dùng phục vụ đời sống và xuất khẩu; hình thành các ngành công nghiệp chế biến nông sản. Hai là, xây dựng các ngành công nghiệp nặng then chốt, tiêu biểu nhất cho nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đủ sức trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Hai mặt của quá trình này quan hệ hữu cơ với nhau, vì việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng phải dựa trên cơ sở phát triển của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; các cơ sở công nghiệp nặng phải gắn liền với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ thành một cơ cấu, nhằm trước hết thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp nhẹ tiến lên.

Kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương đều gồm có công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp. Song, kinh tế trung ương chủ yếu là những cơ sở quan trọng nhất trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống then chốt trong công nghiệp nặng; còn kinh tế địa phương chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, dính liền với lao động, tài nguyên và ngành, nghề ở địa phương. Kinh tế trung ương được xây dựng lớn mạnh, các ngành kinh tế — kỹ thuật được hình thành nhanh chóng, thì kinh tế địa phương càng có điều kiện

phát triển mạnh. Và phát triển mạnh kinh tế địa phương là nhằm bảo đảm đời sống nhân dân, đồng thời góp sức xây dựng kinh tế trung ương.

Các quá trình kinh tế nói trên là những tất yếu khách quan hợp quy luật, đồng thời là những khả năng thực tế do có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; chế độ này cho phép thực hiện sớm sự tập trung lực lượng trên quy mô lớn để xây dựng các cơ sở kinh tế then chốt, đồng thời mở rộng quyền dân chủ, phát huy sức chủ động, sáng tạo của các địa phương trong việc phát triển sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế mới.

I — VAI TRÒ CỦA KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Trong toàn bộ sự vận động của cơ cấu kinh tế tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vai trò chiến lược của kinh tế địa phương thể hiện trong những điểm chính sau đây:

1 — Có phát triển mạnh kinh tế địa phương, mới **dùng được hết lao động, đất, rừng, biển và mở mang được ngành, nghề**, bởi vì, lao động cũng như tài nguyên tồn tại trên từng địa phương, gần bó trước hết với việc phát triển sản xuất, mở mang ngành, nghề của từng địa phương dựa trên đường lối và quy hoạch chung của cả nước. Đi từ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ mà ưu tiên phát triển công nghiệp

nặng một cách hợp lý thì tất yếu phải thừa nhận rằng địa phương là địa bàn quan trọng để tổ chức sản xuất, phân công lao động, khai thác các nguồn tài nguyên của đất nước, tăng nhanh năng suất lao động xã hội. Thông qua việc nắm vững, bảo vệ và sử dụng hợp lý đất, rừng, biển cùng những nguồn của cải thiên nhiên khác, kinh tế địa phương góp phần giữ gìn, cải tạo và tô điểm môi trường sống của nhân dân từng địa phương và của cả dân tộc.

Sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa chỉ có thể ra đời khi tích lũy được một khối lượng lớn tiền đủ biến thành tư bản để mua tư liệu sản xuất và sức lao động, sản xuất ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản.

Khối lượng tiền tệ đó có được là do kinh doanh thương nghiệp, tước đoạt nông dân, cướp bóc thuộc địa, thôn tính trong cạnh tranh tự do, đúng như Mác nói chủ nghĩa tư bản ra đời mình đầy « máu và bùn ».

Ở những nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đại công nghiệp cơ khí do lịch sử để lại, là « cơ sở vật chất », là chỗ dựa cơ bản để chuyển lên chủ nghĩa xã hội. Còn ở nước ta, một nước sản xuất nhỏ là phổ biến, cơ sở vật chất — kỹ thuật thấp kém, muốn tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một quá trình vừa phát triển sản xuất, vừa bảo đảm đời sống nhân dân, thì ở trong nước không có chỗ dựa cơ bản nào khác ngoài **lao động tập thể**. Đó là cái vốn quý dồi dào nhất, đồng thời là lực lượng sản xuất to lớn nhất hiện nay. Vì vậy, ngay từ đầu, phải nắm vững lao động, nhanh chóng tổ chức và phân công lại lao động, đề tạo ra lực lượng sản xuất mới và năng suất lao động cao, nhằm khai thác tài nguyên, mở mang ngành, nghề, làm ra nhiều của cải. Bằng mọi cách, kết hợp cho được và sử dụng cho hết, càng sớm càng tốt, lao động và đất, rừng, biển, mở mang nhanh ngành, nghề; đó là chìa khóa mở ra thể mới về kinh tế, đưa sản xuất xã hội vượt qua những « cửa ải » ban đầu, tạo ra sự cân đối mới, tích cực, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa tiêu dùng và tích lũy. Trong điều kiện công nghiệp

lớn chưa phát triển thì địa phương là địa bàn hợp lý để kết hợp lao động với tài nguyên, đặc biệt là với đất, rừng, biển. Vì vậy, phát triển kinh tế địa phương trở thành một khâu mấu chốt trong việc sử dụng lao động và tài nguyên, từng bước đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không những tiêu biểu cho quan hệ sản xuất mới, mà còn là một lực lượng sản xuất vô cùng quan trọng, nhất là trong điều kiện kỹ thuật thủ công. Thực tế của Định-công và của nhiều điển hình tiên tiến khác cho phép kết luận: với lao động thủ công là chính, nếu biết làm chủ tập thể, biết tổ chức và phân công lại lao động, đồng thời có sự đầu tư cần thiết, thì thông qua việc đẩy mạnh kinh tế địa phương gắn liền với các cơ sở sản xuất, có thể thâm canh trồng trọt, phát triển chăn nuôi, mở mang ngành, nghề, vừa cải thiện được đời sống nhân dân, vừa xây dựng được cơ sở vật chất — kỹ thuật mới, bước đầu tạo lập một chế độ mới thật sự, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

2 — Kinh tế địa phương chính là nơi công nghiệp và nông nghiệp gắn bó với nhau từ đầu thành cơ cấu nông — công nghiệp (huyện) hoặc cơ cấu công — nông nghiệp (thị trấn). Nắm vững và xây dựng tốt kinh tế địa phương thì khắc phục được sự tách rời giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn.

Không có sự phát triển trước hết của nông nghiệp, sản xuất được nhiều lương thực, thực phẩm và nguyên liệu nông sản thì công nghiệp không thể phát triển. Nhưng không có tác động của công nghiệp thì sản xuất nông nghiệp không thể trở thành sản xuất lớn, hiện đại. Theo kinh nghiệm của các nước phát triển, phải có hàng trăm ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp; số lao động trong các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp nhiều hơn hẳn số lao động trực tiếp làm nông nghiệp.

Ở nước ta, chúng ta chủ trương kết hợp công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu ngay từ buổi đầu xây dựng kinh tế. Dựa ra chủ trương đó, chúng ta xuất phát từ sự tổng kết kinh nghiệm của bản thân nước ta và các nước anh em, từ những thành tựu mới của thế giới về xây dựng kinh tế và phát triển khoa học, kỹ thuật, từ chế độ làm chủ tập thể đối với cả công nghiệp lẫn nông nghiệp, từ khả năng thực tế của nền kinh tế nước ta. Do gần với công nghiệp, nông nghiệp có thể thâm canh, mở rộng diện tích, áp dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, phát triển cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, mở mang nhiều ngành, nghề. Do gần với nông nghiệp, công nghiệp có cơ sở về lao động và lương thực, thực phẩm cho người lao động, có nguồn vốn để nhập thiết bị, vật tư, có nguyên liệu và thị

trường, có hướng phục vụ lợi nhất, vì phục vụ nông nghiệp phát triển chính là tạo điều kiện để mở rộng công nghiệp hơn nữa.

Sự kết hợp công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu được thực hiện trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, song **trực tiếp là trong kinh tế địa phương**, trên địa bàn tỉnh, huyện.

3—**Kinh tế địa phương là một khâu tích tụ và tập trung** sản xuất, thúc đẩy hình thành cơ cấu kinh tế của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Kinh tế địa phương càng phát triển thì càng có điều kiện mở rộng tích tụ sản xuất, do đó càng có điều kiện tập trung và cung cấp cho trung ương nguồn tập trung ngày càng lớn. Phát triển mạnh kinh tế địa phương, mở nhanh sản xuất trên từng địa bàn, thì càng bảo đảm được nhiều nhu cầu đời sống, và trung ương càng có thể dành một phần quan trọng lực lượng của cả nước để xây dựng những công trình lớn, những cơ sở vật chất—kỹ thuật then chốt. Đó là cách đi hợp lý phù hợp với quá trình phát triển của sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa diễn ra một cách khách quan vừa ở từng địa phương, vừa trong phạm vi cả nước. Với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quy mô kinh tế trong từng địa phương không ngừng lớn lên, mà quy mô kinh tế trong cả nước cũng không ngừng mở rộng. Nó khác hẳn quá trình sản xuất nhỏ phát triển thành sản xuất lớn từ bản chủ

nghĩa, vì quá trình này diễn ra trước hết chỉ trong từng địa phương, sau đó mới hình thành thị trường dân tộc bao trùm cả nước; và trải qua «tự do cạnh tranh» trong một thời gian lịch sử dài mới dẫn đến sự tập trung có tính độc quyền.

Ở vào vị trí bản lề của nền kinh tế quốc dân, kinh tế địa phương, thông qua hoạt động tích tụ và tập trung, vừa giúp cho các đơn vị cơ sở phát triển mạnh mẽ, vừa thúc đẩy hình thành các ngành kinh tế—kỹ thuật. Như vậy, phát triển kinh tế địa phương một cách đúng đắn, là tạo điều kiện thuận lợi làm nảy nở sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

4 — Dựa vào lao động, tài nguyên và ngành, nghề sẵn có, kinh tế địa phương là một nguồn **xuất khẩu** quan trọng, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi nguồn xuất khẩu chủ yếu của ta là sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nông sản đã chế biến và hàng tiêu dùng. Nhà nước cần có những quy định thỏa đáng, khuyến khích và bắt buộc các địa phương phải làm xuất khẩu, phải kết hợp sự phân công lao động trong nước với sự phân công, hợp tác và trao đổi quốc tế, nhằm trực tiếp xây dựng và phát triển kinh tế ở địa phương, đồng thời đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà.

Mạnh bạo thực hiện điều này là mở ra những khả năng mới

cho hoạt động kinh tế của các địa phương, buộc mỗi địa phương phải tính toán khả năng xuất khẩu và nhập khẩu của mình, phải phát huy hết các năng lực sản xuất và nâng cao chất lượng mặt hàng; tạo thời cơ cho các địa phương tiến bộ nhanh qua sự tiếp xúc với thị trường thế giới, với nền kinh tế, kỹ thuật của các nước.

Thời đại mà sản xuất nhỏ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, là thời đại mà đặc điểm nổi bật là chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới, một cộng đồng quốc tế nằm trong tay một khối lượng lớn công nghiệp hiện đại và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, và lực lượng sản xuất đã vượt ra khỏi khuôn khổ một nước, hình thành vô số mối quan hệ kinh tế, khoa học, kỹ thuật giữa nhiều nước, hình thành thị trường chung toàn thế giới, hai hệ thống thị trường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa cùng các thị trường khu vực.

Đó chính là những điều kiện khách quan thuận lợi mà không có nó, sản xuất nhỏ không thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, mở rộng kinh tế đối ngoại, **trước hết và chủ yếu với Liên-xô và Hội đồng tương trợ kinh tế**, phải là bộ phận hợp thành của đường lối, của chiến lược kinh tế là chỗ dựa cực kỳ quan trọng để đưa nền kinh tế nước ta tiến nhanh lên sản xuất lớn, hiện đại; phải đưa một phần

lao động và tài nguyên của nước ta tham gia vào sự phân công, hợp tác kinh tế trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, tiếp xúc và mở rộng trao đổi với thị trường thế giới. Xuất khẩu và nhập khẩu là vấn đề chiến lược đối với mọi nền kinh tế, càng trở nên bức thiết đối với việc phát triển kinh tế ở nước ta.

Để thực hiện cho được quyết định đúng đắn là dành hàng triệu lao động, hàng chục vạn héc-ta đất và nhiều tài nguyên khác phục vụ cho xuất khẩu, phải có một loạt chủ trương mạnh mẽ từ kế hoạch hóa, chính sách đến tổ chức, trong đó, một hướng rất quan trọng là **đẩy mạnh xuất khẩu từ kinh tế địa phương**.

5 — Chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, từ việc ăn, ở trước mắt đến hạnh phúc tương lai của mọi người, là trách nhiệm chung của trung ương và địa phương, của tất cả các ngành, các cấp. Về sản xuất, đi đôi với phát triển sản xuất trên từng địa phương, phải hết sức coi trọng phát triển các ngành kinh tế — kỹ thuật vừa đi sâu vào chuyên môn hóa, vừa mở rộng hiệp tác, sớm đạt trình độ khoa học, kỹ thuật hiện đại, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Còn về phân phối của cải vật chất, thì trung ương phải thông qua địa phương, lấy địa phương làm địa bàn trực tiếp thực hiện. Có như vậy mới sát nhu cầu tiêu dùng nhiều mặt của các

tầng lớp nhân dân, mới thỏa mãn được đời sống chung của xã hội cũng như đời sống riêng của từng gia đình, từng người. Kinh tế địa phương là một bộ phận của sản xuất xã hội, của cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp thống nhất cả nước, đồng thời là **đơn vị cơ bản của trung ương** để phân phối của cải vật chất nhằm thỏa mãn nhu cầu đời sống nhân dân, là nơi kết hợp chặt chẽ sản xuất với phân phối, thể hiện sáng tỏ mục đích của các hoạt động kinh tế trong xã hội ta.

Chính trên địa bàn từng địa phương và từng cơ sở, chúng ta có điều kiện thực hiện một sự phân phối thể hiện rõ chế độ làm chủ tập thể, một sự phân phối của dân, do dân và vì dân, gần bó riêng với chung, cá nhân với tập thể; không chỉ phân phối theo giá trị mà điều cơ bản là phân phối giá trị sử dụng; không chỉ thông qua tiền lương hoặc thu nhập cá nhân mà còn coi trọng phúc lợi tập thể và phúc lợi xã hội. Sự phân phối như vậy có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ đối với sản xuất, trở thành một động lực cả về vật chất và tinh thần.

6 — Theo quy luật chung của lịch sử, chủ nghĩa xã hội ra đời sau khi đã có lực lượng sản xuất phát triển cao, nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và tính chất tư nhân của chế độ chiếm hữu và phân phối của cải. Còn nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa

trong khi lực lượng sản xuất còn thấp kém. Do đó, phải **kết hợp** làm **một ngay từ đầu** việc xây dựng quan hệ sản xuất mới với việc phát triển lực lượng sản xuất. Cải tạo quan hệ sản xuất không chỉ vì bản thân quan hệ sản xuất, mà chính là để phát triển lực lượng sản xuất. Muốn thế, phải tìm hình thức và bước đi thích hợp, áp dụng linh hoạt những hình thức cải tạo có tác dụng duy trì và thúc đẩy sản xuất, kiên quyết gạt bỏ những hình thức cải tạo có ảnh hưởng tiêu cực đối với sản xuất.

Trong việc cải tạo quan hệ sản xuất và tổ chức lại sản xuất, phải tùy từng đối tượng mà áp dụng những hình thức thích hợp. Trong nông nghiệp, cần xác định hợp lý trình độ và quy mô của hợp tác xã, gắn hợp tác xã với huyện và đứng trên địa bàn huyện để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh sản xuất tập thể là hình thức sản xuất chính, cần tạo điều kiện cho kinh tế gia đình phát triển đúng hướng nhằm tận dụng lao động nhàn rỗi, lao động phụ, tăng thêm của cải cho xã hội. Trong công nghiệp, bên cạnh những xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh, cần phát huy năng lực của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, đồng thời tận dụng kinh tế cá thể của thợ thủ công và của tư nhân, liên kết các đơn vị lớn, vừa và nhỏ, các thành phần kinh tế thành hệ thống, thành tổ chức sản xuất hợp lý. Cách làm đó cho

phép khai thác hết mọi khả năng, đi sâu vào chuyên môn hóa lao động để phát triển sản xuất với chất lượng và hiệu quả cao.

Muốn củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, không những phải củng cố chế độ sở hữu, cải tiến chế độ quản lý và phân phối, mà còn phải ra sức xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất, tăng thêm của cải và thu nhập của người lao động. Ngược lại, muốn phát triển lực lượng sản xuất, không những phải mở mang xây dựng cơ bản, áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến, mà còn phải không ngừng cải tiến chế độ quản lý và phân phối nhằm kích thích người lao động hăng hái sản xuất, quản lý tốt lao động, máy móc, vật tư, tiền vốn để làm ra nhiều của cải với chi phí ít nhất.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất phải được thực hiện trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trên phạm vi cả nước cũng như trong từng ngành, từng địa phương và từng cơ sở. Kinh tế địa phương có đủ các yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, gồm các khâu sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng, là nơi quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất quyện chặt với nhau một cách trực tiếp theo quan hệ nhân — quả hai chiều, là nơi các thành phần quốc doanh, hợp tác xã và cá thể, đình

liên với nhau theo một sự phân công hợp lý, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát huy được mọi khả năng kinh tế — kỹ thuật và quản lý của các thành phần khác. Như vậy, kinh tế địa phương là một khâu thể hiện cụ thể mối quan hệ qua lại giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; phát triển kinh tế địa phương thì làm cho lực lượng sản xuất được bung mạnh ra, và quan hệ sản xuất mới được tổ chức hợp lý, được củng cố vững chắc.

7 — Kinh tế địa phương là một trong những địa bàn quy tụ và thể hiện quyền làm chủ tập thể về kinh tế của nhân dân lao động. Cả ba cấp cơ bản làm chủ tập thể (1) gặp nhau trong kinh tế địa phương, bằng sức mạnh từ dưới vươn lên, sức mạnh từ trên tỏa xuống, và sức mạnh bung ra ngay tại chỗ.

Kinh tế địa phương là một khâu bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích toàn xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích cá nhân người lao động, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giá trị sử dụng và giá trị, kết hợp tốt kế hoạch hóa với vận dụng thị trường.

Sản xuất nhỏ phát triển thành sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa là kết quả tự phát của quá trình theo đuổi mục đích lợi nhuận. Còn chúng ta đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là nhằm thỏa mãn nhu cầu vật

chất và văn hóa của nhân dân, và những nhu cầu ấy chỉ có thể thỏa mãn bằng giá trị sử dụng.

Không nắm vững mục đích đó, không thấy rõ tác dụng cơ bản của **giá trị sử dụng** trong chế độ ta, không tìm hiểu kỹ các nhu cầu của nhân dân để cố gắng đáp ứng bằng cách tạo ra nhiều giá trị sử dụng thích hợp, mà chỉ đơn thuần tính toán lời lỗ một cách hẹp hòi theo lối kinh doanh của tư nhân, thì sẽ đi đến hạn chế sản xuất, làm rối loạn cơ cấu kinh tế và cơ cấu mặt hàng, trái với quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và trong cả giai đoạn xã hội chủ nghĩa, **giá trị và quy luật giá trị** là một tồn tại khách quan, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và quản lý kinh tế. Đó là thước đo tính toán, công cụ kiểm tra và đòn bẩy kích thích có hiệu lực. Được vận dụng đúng đắn trong hệ thống các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, quy luật giá trị có tác dụng tích cực, bổ sung cho quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển có kế hoạch nền kinh tế quốc dân, gắn liền với quy luật phân phối theo lao động. Trên tinh thần đó, tài chính, ngân hàng, tiền tệ, giá cả, tiền lương là những đòn bẩy mạnh mẽ và nhanh, nhạy để tổ chức

(1) Ba cấp cơ bản làm chủ tập thể : cả nước, địa phương và cơ sở.

lao động và khai thác tài nguyên, thúc đẩy sản xuất phát triển. Coi thường tính toán giá trị, không chú trọng hiệu quả kinh tế, coi thường lợi ích vật chất của người lao động, không giải quyết đúng các vấn đề giá cả, tiền lương, thu mua, khen thưởng và xử phạt vật chất, không bảo đảm nhất trí giữa lợi ích chung với lợi ích riêng, sẽ gây hậu quả xấu đối với tinh thần hăng hái của người lao động, gây tâm lý ỷ lại, dung thứ thái độ chây lười, vô trách nhiệm.

Trong nền kinh tế của chúng ta, giá trị sử dụng và giá trị không tách rời nhau, càng không đối lập nhau, mà thống nhất làm một, và đều nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân. Là địa bàn gắn liền sản xuất với phân phối một cách trực tiếp, **kinh tế địa phương có điều kiện thể hiện đầy đủ mối quan hệ đúng đắn nói trên giữa giá trị sử dụng và giá trị.**

Sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa là quá trình tự phát, vô chính phủ, thông qua sự điều tiết của thị trường và quy luật giá trị. Còn sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là quá trình tự giác, có tổ chức, có kế hoạch. Do đó, kế hoạch trở thành công cụ chủ yếu của tổ chức và quản lý kinh tế.

Trong từng thời kỳ, phải tùy theo trình độ phát triển của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất mà xác định nội dung, phạm vi và phương pháp kế hoạch hóa

thích hợp. Trong giai đoạn hiện nay của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế hoạch hóa ba cấp cơ bản (trung ương, địa phương và cơ sở). Trung ương phải nắm một số cân đối cơ bản và chỉ tiêu chủ yếu để điều khiển nền kinh tế quốc dân phát triển theo kế hoạch. Đó là quyền tập trung của trung ương về kinh tế mà cơ chế quản lý của Nhà nước phải bảo đảm, và mọi ngành, mọi cấp phải tôn trọng. Trên cơ sở nắm vững quyền tập trung ấy, cần mạnh dạn mở rộng quyền hạn và tăng thêm trách nhiệm cho các địa phương và các cơ sở, bảo đảm cho các địa phương làm chủ được kinh tế và đời sống của mình, chủ động thực hiện cân đối sản xuất và tiêu dùng trong khuôn khổ phương hướng, mục tiêu chung của kế hoạch Nhà nước; bảo đảm cho các cơ sở phát huy hết năng lực sản xuất, chủ động được trong sản xuất và kinh doanh.

Trong công tác kế hoạch (xây dựng, thực hiện, kiểm tra, đánh giá), phải sử dụng rộng rãi các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, hình thành kế hoạch hiện vật đi đôi với kế hoạch giá trị, trong đó kế hoạch hiện vật là cốt lõi. Phải khéo kết hợp công cụ kế hoạch là chính với công cụ thị trường như là những bộ phận hợp thành của cơ chế quản lý, để vừa giữ vững tính thống nhất, vững chắc của kinh tế, vừa bảo đảm tính

linh hoạt, nhanh nhậy và đa dạng của sản xuất và đời sống xã hội. Ôm đồm, tập trung quan liêu, biến công tác kế hoạch và quản lý kinh tế thành những công việc hành chính đơn thuần, muốn kế hoạch hóa tất cả mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh trong xã hội, không mạnh dạn sử dụng, trong một mức độ nhất định, sự tự điều chỉnh của xã hội thông qua hoạt động của thị trường, là xa rời thực tế kinh tế của nước ta hiện nay, gò bó khả năng sản xuất, kìm hãm tài năng sáng tạo của đông đảo quần chúng, làm khó khăn thêm việc thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu hằng ngày của nhân dân.

Cần thấy rằng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không phủ định các quan hệ hàng hóa — tiền tệ, thị trường, mà đem lại cho chúng những nội dung mới nhằm thỏa mãn nhu cầu của nhân dân, tạo cho chúng một phương thức vận động mới: có tổ chức, có kế hoạch. Chúng ta không đề cho thị trường chỉ phối sản xuất một cách tự phát như trong chủ nghĩa tư bản, mà phải làm chủ thị trường, hiểu rõ nhu cầu xã hội đề tác động vào sản xuất, làm chủ sản xuất và phân phối.

Tổ chức và xây dựng các quan hệ thị trường kiểu mới là một bộ phận hợp thành của việc xây dựng nền kinh tế mới, là tạo một đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy sự

ra đời và phát triển của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong cả nước cũng như trên từng địa phương.

Về cơ cấu thị trường, một mặt, phải ra sức xây dựng thị trường cả nước, nối liền các ngành sản xuất và kinh tế các địa phương thành nền kinh tế quốc dân thống nhất. Mặt khác, phải chủ động mở rộng các thị trường địa phương, bộ phận hợp thành của kinh tế địa phương, nối liền sản xuất với đời sống, thúc đẩy sự phân công và hiệp tác trong địa phương và giữa các địa phương với nhau trên cơ sở phương hướng và kế hoạch kinh tế của trung ương.

Trong một thời gian khá dài, bên cạnh thị trường có tổ chức, có kế hoạch, còn tồn tại một cách khách quan thị trường ngoài kế hoạch. Về sản xuất, đã có sản phẩm phụ do xí nghiệp quốc doanh chủ động làm thêm sau khi hoàn thành kế hoạch Nhà nước, có kinh tế phụ gia đình của nông dân xã viên trên đất 5% và các nghề phụ trong nông thôn, có sản xuất của thủ công nghiệp cá thể ở thành phố, v.v. thì tất nhiên, về lưu thông cần có thị trường ngoài kế hoạch. Thị trường đó bổ sung cho thị trường có kế hoạch và do thị trường có kế hoạch chi phối về tính chất và quy mô phát triển.

Trong việc xây dựng và quản lý thị trường, một công tác cực kỳ

quan trọng và cấp bách hiện nay là tập trung sức thực hiện cho được hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, kết hợp làm một mua với bán, trao đổi trực tiếp giữa hàng hóa, vật tư của Nhà nước với sản phẩm của nông dân. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, thắt tay trừng trị những phần tử phá hoại thị trường, làm rối loạn giá cả, nhất là ở miền Nam.

Phát triển kinh tế địa phương là xây dựng quyền làm chủ của địa phương đối với sản xuất và thị trường, tạo điều kiện bảo đảm nhu cầu của nhân dân một cách vững chắc và chủ động, loại trừ hiện tượng bấp bênh, vô tổ chức trong đời sống, tạo nên sự phấn khởi và củng cố lòng tin của quần chúng.

8 – Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế là một chủ trương chiến lược lâu dài, càng nổi bật lên trong tình hình hiện nay của đất nước. Sự kết hợp này diễn ra trên phạm vi cả nước, trong từng địa phương và từng cơ sở.

Là địa bàn sản xuất và đơn vị tổ chức đời sống xã hội, kinh tế địa phương cần được phát triển mạnh để trở thành cơ sở hậu cần trực tiếp tại chỗ của quốc phòng. Phải biến mỗi địa phương thành

một đơn vị kinh tế giàu mạnh, đồng thời là một pháo đài vững chắc; kết hợp nghĩa vụ lao động với nghĩa vụ quân sự, sản xuất với chiến đấu và phục vụ chiến đấu; kết hợp xây dựng kinh tế, xây dựng Tổ quốc với bảo vệ kinh tế, bảo vệ Tổ quốc.

9 – Kinh tế địa phương vừa là kết quả, vừa là cơ sở của ba cuộc cách mạng đồng thời phát triển. Ba cuộc cách mạng là hoạt động hằng ngày của mọi ngành, mọi cấp, nhưng nơi diễn ra cụ thể, sôi nổi nhất là ở các cơ sở và các địa phương. Mọi cơ sở sản xuất và kinh doanh (của địa phương cũng như của trung ương) đều đặt tại địa phương; nơi hằng ngày Nhà nước trực tiếp với nhân dân là địa phương; vì vậy, địa phương là địa bàn diễn ra mọi hoạt động cách mạng nhằm xây dựng cuộc sống mới, thực hiện làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân. Chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xuất hiện cụ thể trước hết trong từng cơ sở và từng địa phương. Đây mạnh xây dựng kinh tế địa phương chính là đẩy mạnh ba cuộc cách mạng một cách sinh động và cụ thể trên từng địa phương, tạo cơ sở cho việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

II — NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tất yếu phải có cơ sở vật chất — kỹ thuật phù hợp với nó là đại công nghiệp cơ khí. Xây dựng đại công nghiệp cơ khí là trách nhiệm chung của cả trung ương lẫn địa phương. Phát triển mạnh kinh tế địa phương vừa nhằm thỏa mãn nhu cầu đời sống của nhân dân địa phương, vừa góp phần xây dựng các công trình kinh tế then chốt do trung ương trực tiếp quản lý.

Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương cùng nằm trong cơ cấu thống nhất của nền kinh tế quốc dân. Không có cơ sở nào trực thuộc trung ương lại không nằm trên một địa phương nhất định, do đó lại không có những quan hệ kinh tế nhất định với kinh tế địa phương. Ngược lại, các cơ sở kinh tế trực thuộc địa phương đều nằm trong ngành này hay ngành khác, đều gắn liền với các cơ sở kinh tế trực thuộc trung ương thành những ngành kinh tế — kỹ thuật thống nhất cả nước. Mỗi bước tiến lên của kinh tế địa phương cũng là một bước tiến lên của các ngành, và mỗi bước tiến lên của các ngành cũng là một bước tiến lên của kinh tế địa phương. Kinh tế địa phương càng lớn mạnh thì càng tạo điều kiện phát triển cho kinh tế trung ương; và kinh tế trung ương càng vững

chắc thì càng tạo được nền tảng cho kinh tế địa phương lớn lên nhanh chóng.

Là một bộ phận hợp thành khăng khít của nền kinh tế quốc dân, kinh tế địa phương vừa là của địa phương, vừa là của cả nước, do trung ương (Hội đồng Chính phủ và các bộ) cùng địa phương xây dựng và quản lý, theo sự phân công, phân cấp hợp lý. Không nên cho rằng kinh tế địa phương chỉ là của riêng địa phương, chỉ thuộc quyền hạn và trách nhiệm của địa phương. Phải thấy rằng, chính quyền địa phương, người trực tiếp xây dựng và quản lý kinh tế địa phương, là một tổ chức không chỉ của nhân dân địa phương, mà còn là của Nhà nước trung ương tại địa phương. Nó xây dựng và quản lý kinh tế địa phương không chỉ vì lợi ích riêng của nhân dân địa phương mà còn vì lợi ích chung của nhân dân cả nước, thể hiện quyền làm chủ tập thể vừa trong cả nước, vừa trong từng địa phương.

Nhiệm vụ của kinh tế địa phương là :

1 — Ruộng đất, tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp, đều nằm ở các địa phương; sản lượng nông nghiệp của cả nước chủ yếu do các địa phương làm ra. Do đó,

địa phương là người đại diện đầy đủ nhất của trung ương về nông nghiệp, có trách nhiệm trực tiếp đối với sản xuất nông nghiệp. Để phát triển sản xuất nông nghiệp, cần kết hợp xây dựng với cải tạo, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; tổ chức và phân công lại lao động nông nghiệp; sử dụng tốt đất đai; phát triển cân đối trồng trọt và chăn nuôi; kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và công nghiệp; đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ đi đôi với mở rộng diện tích.

2 — Phát triển công nghiệp địa phương, nhất là công nghiệp hàng tiêu dùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nhu cầu của đời sống và của xuất khẩu.

3 — Tổ chức tốt lực lượng xây dựng và phát triển mạnh vật liệu xây dựng, nhằm bảo đảm xây dựng các cơ sở kinh tế, nhà ở, các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, phúc lợi công cộng ở địa phương, và góp sức xây dựng một số công trình của trung ương đặt tại địa phương.

4 — Xây dựng và bảo dưỡng hệ thống giao thông ở địa phương, tổ chức và quản lý tốt lực lượng vận tải, bảo đảm vận chuyển hàng hóa và hành khách phục vụ sản xuất và đời sống ở địa phương, và đảm nhận một phần công việc vận chuyển cho nhu cầu của trung ương.

5 — Xây dựng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tổ chức

và quản lý tốt thị trường địa phương, nhằm phục vụ sản xuất và đời sống ở địa phương, đồng thời làm đầy đủ nhiệm vụ thu mua, chủ yếu bằng hợp đồng hai chiều, bảo đảm cho trung ương nắm được số lượng nông sản, hải sản và lâm sản cần thiết.

6 — Vận dụng các công cụ ngàn hàng, tài chính, giá cả, nhất là tín dụng, để tổ chức lao động, phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu và nhập khẩu của địa phương.

7 — Tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa, thỏa mãn nhu cầu của nhân dân địa phương, đồng thời làm tốt nghĩa vụ đóng góp cho cả nước. Phải thông qua hoạt động và thành quả cụ thể của kinh tế địa phương, thể hiện rõ mối quan hệ khăng khít giữa trung ương và cơ sở, giữa Nhà nước và nhân dân, làm cho mỗi người dân đều thấy rõ mình thật sự là người làm chủ tập thể.

Để thực hiện những nhiệm vụ ấy, mỗi địa phương cần có một cơ cấu kinh tế thích hợp bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp (nhất là công nghiệp hàng tiêu dùng), xây dựng, giao thông vận tải và lưu thông, phân phối, trong đó bộ phận nông nghiệp có tính phổ biến là nông nghiệp và công nghiệp địa phương. Sản xuất nông nghiệp, địa phương nào cũng có; ngoài việc tuân theo quy hoạch chung, mỗi địa phương cần căn cứ vào

điều kiện đất đai, lao động, khí hậu, thời tiết... của mình mà đặt ra và giải quyết vấn đề sản xuất nông nghiệp cho phù hợp. Địa phương nào cũng cần có công nghiệp với cơ cấu ngành, nghề thích hợp, đề tác động vào sản xuất nông nghiệp, để làm hàng tiêu dùng phục vụ đời sống và xuất khẩu.

Trên địa bàn của mỗi địa phương, ngoài kinh tế địa phương ra, còn có những cơ sở kinh tế lớn của trung ương. Từ những cơ sở đó, đặt ra những yêu cầu về lao động và nguyên liệu, tỏa ra sức hút về kinh tế, kỹ thuật và quản lý tạo nên những mối quan hệ về phân công, hợp tác sản xuất và lưu thông, phân phối, làm xuất hiện những khả năng mới để phát triển kinh tế địa phương, có khi làm thay đổi hẳn bộ mặt của kinh tế địa phương.

Để phát triển kinh tế địa phương, phải ra sức củng cố các cơ sở trong địa phương, làm cho mỗi cơ sở (hợp tác xã, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, công trường, cửa hàng) thật sự là một tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa, một đơn vị hạch toán kinh tế; phải mở rộng quan hệ kinh tế giữa địa phương này với địa phương khác về phân công và hợp tác sản xuất, về cung ứng nguyên liệu cho nhau và tiêu thụ sản phẩm của nhau, phải kết hợp địa phương với ngành; gắn liền kinh tế địa phương với kinh tế trung ương.

Để khuyến khích các địa phương tích cực sản xuất, phát huy mọi khả năng sáng tạo, chúng ta không chủ trương cào bằng mức sống giữa các địa phương, mà địa phương nào sản xuất giỏi hơn có thể có mức sống phong phú hơn; nhưng mỗi địa phương phải làm thật tốt nghĩa vụ đối với toàn xã hội, góp phần lớn nhất của mình vào việc thỏa mãn nhu cầu đời sống của nhân dân cả nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và tiến hành công nghiệp hóa nước nhà. Phải chống triệt để lối tập trung quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, gò bó, hẹp hòi; đồng thời kiên quyết đập phá tư tưởng cục bộ, địa phương chủ nghĩa, thái độ biệt phái, không nghĩ đến sự nghiệp chung của cả nước.

Kinh tế địa phương ở mỗi tỉnh, huyện có cơ cấu cụ thể, phù hợp với điều kiện lao động, tài nguyên và ngành, nghề của mỗi địa phương. Điều đó có nghĩa là, ngoài nông nghiệp³ và những cơ sở công nghiệp mà địa phương nào cũng cần có, mỗi địa phương phải dồn sức phát huy thế mạnh kinh tế của mình, không nên rải ra cái gì cũng làm để có đủ ngành, nghề, tự túc một cách sai lầm theo kiểu cát cứ, kim hãm kinh tế trong vòng sản xuất nhỏ, manh mún; kết quả là hại cho mình và cho cả nước.

Phải đặc biệt chú trọng xây dựng kinh tế ở các tỉnh, huyện biên giới, ở miền núi Việt-bắc, Tây-bắc và Tây-nguyên, là nơi

của đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, là những địa bàn chiến lược về kinh tế và những vùng xung yếu về quốc phòng. Ở những nơi đó, cần đẩy mạnh sản xuất lương thực phù hợp với điều kiện đất đai, phát huy khả năng phong phú về chuyên canh cây công nghiệp, về chăn nuôi đại gia súc đi liền với mở mang lâm nghiệp và khai thác lâm sản, vừa đáp ứng nhu cầu của địa phương, đưa kinh tế và đời sống của đồng bào miền núi tiến nhanh, vừa tạo nguồn xuất khẩu lớn, góp phần quan trọng vào nền kinh tế cả nước. Muốn mở mang kinh tế địa phương, các tỉnh, huyện vùng biên giới và miền núi phải cố gắng vươn lên mạnh mẽ, đồng thời phải phát huy cho được sự giúp đỡ của trung ương, của các ngành và các địa phương khác, trước hết là tiếp thu tốt nhân lực bổ sung từ đồng bằng lên, theo kế hoạch phân bố lại lực lượng lao động trong phạm vi cả nước.

Thủ đô Hà-nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, là khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất có kỹ thuật cao, làm ra sản phẩm cho cả nước và cho xuất khẩu. Xây dựng và phát triển cơ cấu kinh tế của thủ đô, cung ứng lương thực, thực phẩm và nguyên liệu, bảo đảm việc làm và đời sống cho nhân dân thủ đô, là nhiệm vụ trực tiếp của đảng bộ và chính quyền Hà-nội, đồng thời là nhiệm vụ chung của các ngành trung ương, của các

địa phương trong cả nước, trước hết là của các tỉnh ở miền Bắc.

Thành phố Hồ-Chí-Minh là một thành phố lớn, một trung tâm kinh tế có sức tỏa rộng rãi và sức hút mạnh mẽ, tiếp xúc với thị trường nhiều nước, là một đầu mối lưu thông quan trọng đối với trong nước cũng như giữa nước ta với nước ngoài. Xây dựng và phát triển kinh tế của thành phố Hồ-Chí-Minh, bảo đảm đời sống của nhân dân thành phố, là nhiệm vụ trực tiếp của thành phố, đồng thời là nhiệm vụ của các ngành trung ương, của các tỉnh miền Tây, và miền Đông Nam-bộ.

Thủ đô Hà-nội và thành phố Hồ-Chí-Minh phải có những quan hệ hai chiều về sản xuất và lưu thông rất phong phú với các tỉnh, phải phát huy khả năng công nghiệp của mình, cùng các ngành trung ương, tích cực giúp các tỉnh phát triển kinh tế theo một sự phân công hợp lý, vừa có lợi cho kinh tế từng tỉnh, vừa có lợi cho sự phát triển của hai thành phố và cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Do địa lý kinh tế của nước ta, nhiều tỉnh và nhiều huyện vừa có đất ruộng ở đồng bằng, vừa có rừng và có biển. Đó là điều kiện đặc biệt thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương một cách phong phú, đa dạng.

Từ hơn mười năm nay, chúng ta đã mở mắt, thử nghiệm để xác định các địa bàn kinh tế địa

phương với quy mô và nội dung thích hợp. Đó là tỉnh, thành phố công — nông nghiệp chừng vài ba triệu dân và huyện nông — công nghiệp chừng 20 vạn dân.

Tỉnh, thành phố phải ra sức phấn đấu xây dựng **cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp**; di dời với coi trọng mặt trận nông nghiệp, phải nắm vững nhiệm vụ phát triển công nghiệp, động viên mọi khả năng của công nghiệp phục vụ đắc lực cho việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; phải tập trung sức cùng các ngành trung ương xây dựng nhanh các huyện.

Nhiệm vụ cơ bản quan trọng nhất của huyện là **đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp**, xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thâm canh, chuyên canh, trồng trọt và chăn nuôi cân đối, và **xây dựng nông thôn mới**. Để phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, một mặt, phải dựa vào sức công nghiệp của trung ương và của tỉnh, thành phố; mặt khác, phải xây dựng ngay một số cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa, gắn liền với nông nghiệp để hình thành từng bước cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp.

Nắm vững đường lối kinh tế ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, gắn công nghiệp với nông nghiệp thành cơ cấu ngay từ đầu, thì tất yếu đi đến nhận

thức về vị trí quan trọng của **huyện**, về vai trò lịch sử của đơn vị kinh tế nông — công nghiệp huyện.

Huyện là địa bàn trực tiếp kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, sở hữu toàn dân với sở hữu tập thể, địa bàn trực tiếp xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Như vậy, huyện là mô hình sản xuất lớn ở nông thôn, mô hình xây dựng đời sống mới trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể.

Mỗi huyện là một đơn vị kinh tế cơ bản bao gồm nhiều tổ chức sản xuất và kinh doanh hạch toán độc lập, nhưng liên kết với nhau thành một cơ cấu, làm nền móng cho kinh tế tỉnh và trung ương.

Huyện là nơi thể hiện trực tiếp quyền làm chủ tập thể về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân. Trong từng cơ sở và trên địa bàn huyện, người lao động có thể nhận thấy bằng hoạt động sản xuất và phân phối, bằng việc xây dựng và sử dụng các công trình văn hóa, giáo dục, y tế và phúc lợi công cộng, bằng cả cuộc sống của mình, sự gắn bó giữa lợi ích riêng với lợi ích chung, giữa cá nhân và tập thể, làm cho mình và làm cho nhau, nghĩa vụ gắn với quyền lợi.

Vì những lẽ nói trên, ra sức xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp là một nhiệm vụ chiến lược góp phần mang lại nhiều đổi mới sâu xa trong nền kinh tế quốc dân, thiết thực đưa

nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tạo ra chế độ mới và cuộc sống mới ở nông thôn.

Bắt tay ngay xây dựng kinh tế của từng huyện, gắn liền với xây dựng cơ cấu công – nông nghiệp tỉnh và các ngành kinh tế – kỹ thuật, kiện toàn và củng cố ngay bộ máy lãnh đạo và quản lý của từng huyện, đó là một công tác then chốt trên mặt trận kinh tế hiện nay. Nội dung xây dựng kinh tế huyện bao gồm những gì? Xây dựng huyện gắn với xây dựng hợp tác xã như thế nào? Những vấn đề đó đã được trình bày tương đối kỹ trong chỉ thị số 33 của Bộ chính trị. Đề biên nghị quyết thành hiện thực, các ngành và các

địa phương, tùy theo chức năng và nhiệm vụ của mình, phải có chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể, phải tích cực, chủ động lao vào việc, hết sức tránh hô hào chung chung. Thông thường đối với một việc lớn và mới như việc xây dựng huyện, trong lúc đầu không tránh khỏi vấp vấp, khó khăn, không tránh khỏi có những điều cụ thể chưa thật rõ. Nhưng đề giải quyết tình hình đó, không có cách nào khác hơn là dựa vào những phương hướng lớn đã được vạch ra chính xác, «hãy bắt tay làm đi, sự vật sẽ cho chúng ta biết thêm», hãy lăn xả vào mà làm thì mới sáng tỏ hơn, mới giải đáp được những khúc mắc trong thực tiễn.

III. CẢI TIẾN QUẢN LÝ KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Là những bộ phận hợp thành của một tổng thể, kinh tế địa phương cũng như kinh tế ngành và từng đơn vị cơ sở đều chịu ảnh hưởng của tình hình quản lý kinh tế nói chung. Vì vậy, cải tiến quản lý kinh tế địa phương trước nhất và cơ bản nhất có nghĩa là cải tiến quản lý toàn bộ nền kinh tế trong cả nước. Đồng thời, trong khuôn khổ chung ấy, cần tiến hành một số công việc cải tiến quản lý riêng đặt ra – và do đó, có tác động trực tiếp nhất – đối với kinh tế địa phương.

Như chúng ta đều biết, có năm vùng được nội dung xây dựng cơ cấu kinh tế sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có thấu suốt được phương hướng, nhiệm vụ kinh tế trong từng thời kỳ, mới tạo được nền tảng vững chắc, vạch rõ được quỹ đạo đúng cho các hoạt động quản lý kinh tế, cho việc giải quyết chính xác các vấn đề kế hoạch hóa, chính sách kinh tế, bộ máy và cán bộ.

Nói một cách tổng quát, những khuyết điểm của chúng ta về lãnh đạo và quản lý kinh

tê có thể quy về ba điểm sau đây:

Một là, chưa nắm vững đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng. Một số vấn đề trong đường lối như xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp, xây dựng kinh tế trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương, v.v. chưa được nhận thức sáng tỏ trong nhiều cán bộ, đảng viên.

Hai là, chưa nắm vững thực tế của nền kinh tế nước ta về các mặt lao động, tài nguyên, ngành, nghề, thiết bị, máy móc... về khó khăn và thuận lợi, về những mặt trì trệ cũng như những nhân tố tích cực.

Ba là, chưa từ sự thấu suốt đường lối mà vạch rõ được đầy đủ và cụ thể những chủ trương đúng đắn về phát triển kinh tế của từng ngành, từng địa phương và từng cơ sở. Thiếu những biện pháp thực hiện có hiệu lực, trong đó quan trọng nhất là biện pháp về tổ chức, về các chính sách kinh tế. Trong cơ chế tổ chức và quản lý, có nhiều sai sót: hành chính quan liêu, gò bó cứng nhắc; chưa biết kết hợp kế hoạch hóa với vận dụng thị trường; tổ chức bộ máy không dựa trên yêu cầu của cơ cấu kinh tế; đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề chưa được đào tạo, bồi dưỡng đồng bộ, chưa được bố trí tốt để phát huy hết năng lực; chế

độ thực hiện quá lỏng lẻo, kém kỷ luật, thiếu trách nhiệm.

Vì vậy, việc cải tiến quản lý kinh tế phải được đặt ra một cách toàn diện và đồng bộ.

Nhiệm vụ cơ bản của quản lý kinh tế là trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, quy luật xã hội và quy luật tự nhiên, nắm vững các khả năng về lao động, tài nguyên và ngành, nghề, xác lập chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở ba cấp cơ bản, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý trong cả nước cũng như trong từng ngành và từng địa phương, phù hợp với quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải áp dụng những hình thức tổ chức, phương thức quản lý và chính sách, chế độ thích hợp, để đạt cho được mục đích sử dụng tốt lao động, đất, rừng, biển, thiết bị, máy móc và các năng lực sản xuất khác; mở mang các ngành nghề, gắn công nghiệp với nông nghiệp; kết hợp ngành, địa phương với cơ sở; tận dụng khả năng của các thành phần kinh tế; bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích của xã hội, của tập thể và của cá nhân; đẩy mạnh công tác khoa học, kỹ thuật; kết hợp phân công lao động trong nước với phân công và hợp tác quốc tế; kết hợp kế hoạch hóa với vận dụng thị trường, giải quyết tốt các vấn đề giá cả, tiền lương; đạt năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ

kinh tế cơ bản : cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Về **phương thức quản lý**, phải bảo đảm sự ăn khớp nhất quán giữa đường lối của Đảng với kế hoạch và chính sách kinh tế của Nhà nước; khấn trương khắc phục những mặt lỗi thời trong kế hoạch hóa và chính sách kinh tế.

Quan trọng nhất là phải thực hiện đúng chế độ kế hoạch hóa ba cấp cơ bản, xây dựng kế hoạch từ cơ sở, xuất phát từ lao động, đất, rừng, biển và các thiết bị, máy móc, các năng lực sản xuất hiện có; khéo kết hợp kế hoạch hóa với vận dụng thị trường ở quy mô toàn bộ nền kinh tế, trong từng ngành, từng địa phương và trong từng cơ sở.

Các chính sách kinh tế phải thật sự có tác dụng thúc đẩy sản xuất, gây được lòng hăng hái, phấn khởi của từng người lao động, gắn bó làm một lợi ích riêng với lợi ích chung, cá nhân với tập thể, mạnh dạn mở rộng quyền hạn, trách nhiệm và khuyến khích lợi ích của người lao động, của cơ sở, của địa phương và của ngành.

Về **tổ chức quản lý**, phải xác định cho được cách tổ chức và chế độ làm việc đúng giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý, làm cho hệ thống tổ chức quản lý sát quần

chúng, sát thực tế, có sức mạnh tổng hợp lớn và có hiệu lực cao.

Bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước phải được chấn chỉnh và kiện toàn một cách cơ bản, dựa trên yêu cầu của các quy luật kinh tế, xuất phát từ cơ cấu kinh tế, từ tổ chức sản xuất và phục vụ cho sản xuất. Phải cắt bỏ những bộ phận thừa, giảm nhẹ những bộ phận quá nặng, phân biệt rõ và kết hợp chặt giữa quản lý hành chính — kinh tế với quản lý sản xuất — kinh doanh, phân công hợp lý giữa các bộ chuyên ngành và tổng hợp, phân cấp mạnh dạn giữa trung ương và địa phương, mở rộng quyền cho đơn vị cơ sở được tự chủ về tài chính, thực hiện hạch toán kinh tế.

Về **công tác cán bộ**, phải đổi mới việc lựa chọn, sắp xếp, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ. Không quá câu nệ vào tuổi tác, lương bậc hay chức vụ trong quá khứ, mà căn cứ chủ yếu vào phẩm chất và năng lực thực tế hiện hành, đề tạo nguồn cán bộ mới, mau chóng kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt của các ngành, các địa phương, các cơ sở, theo một cơ cấu đồng bộ, gồm những người đáp ứng được các tiêu chuẩn cụ thể của từng vị trí. Phải tạo ra một nền nếp bình thường là cán bộ « có lên, có xuống », làm được thì đề, không làm được thì thay thế.

Về chế độ công tác. phải đề cao trách nhiệm cá nhân, xiết chặt kỷ luật, tăng cường kiểm tra, thưởng phạt nghiêm minh và kịp thời đối với bất cứ ai.

Đi đôi với những chủ trương, biện pháp chung về quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phải đi sâu nghiên cứu, kiện toàn tổ chức và cải tiến công tác của các ngành tổng hợp giữ vai trò rất quan trọng, như: kế hoạch, tài chính, ngân hàng, vật giá... phải tìm ra cách tổ chức và quản lý thích hợp đối với từng ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thương nghiệp..., đối với từng địa phương tỉnh, thành phố, huyện, quận...

Phải hết sức coi trọng cải tiến tổ chức và quản lý các loại đơn vị **cơ sở**; hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, các tập đoàn sản xuất, các loại xí nghiệp quốc doanh, công ty, liên hiệp xí nghiệp... Quản lý tốt các cơ sở là nền tảng để quản lý tốt các địa phương, các ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Riêng đối với kinh tế địa phương, một hướng cải tiến quản lý vừa cơ bản vừa cấp bách là **Trung ương phải quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của cấp tỉnh, thành phố về các mặt: kế hoạch hóa, hợp tác sản xuất và trao đổi sản phẩm giữa các địa phương, xuất khẩu và nhập khẩu, quản lý lao động, vật tư,**

tiền vốn, điều hành sản xuất, tổ chức thị trường và quyết định giá cả có tính chất địa phương, bảo đảm việc làm và đời sống cho toàn bộ dân cư trong địa phương.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, mỗi ngành trung ương, mỗi tỉnh, thành phố đều phải coi việc **xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện** là công tác trung tâm trước mắt của mình. Phải làm sáng tỏ nội dung và phương pháp công tác của ngành mình, cấp mình trên địa bàn huyện, thông qua việc phục vụ, giúp đỡ, chỉ đạo, kiểm tra các huyện và các cơ sở, mà xây dựng cơ cấu hợp lý và cách thức quản lý tốt nhất của ngành mình, cấp mình. Phải thấy rằng xây dựng được các đơn vị kinh tế nông - công nghiệp huyện là tạo lập được nền móng cho cơ cấu kinh tế tỉnh, thành phố và cả nước; xây dựng được chế độ mới ở từng huyện là tạo lập được nền móng của chế độ mới trong cả nước.

Để cải tiến quản lý kinh tế địa phương, các cơ quan trung ương (Hội đồng Chính phủ và các bộ) có trách nhiệm giúp các địa phương về những mặt chủ yếu như sau:

1 — **Xây dựng quy hoạch** phát triển từng ngành kinh tế — kỹ thuật trong cả nước, và cùng với từng địa phương, xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế địa

phương. Trong các quy hoạch đó, đề bảo đảm hiệu quả kinh tế cao nhất, phải vạch rõ mỗi ngành xây dựng những cơ sở gì ở những địa phương nào, mỗi địa phương xây dựng những cơ sở gì thuộc những ngành nào, và mỗi cơ sở phải trực thuộc cấp nào, cấp trung ương, cấp tỉnh hay cấp huyện? Chậm trễ trong việc làm quy hoạch là kéo dài tình hình nhập nhằng, không rõ ràng, thậm chí lộn xộn, vướng mắc, giữa ngành với địa phương, cũng như giữa các địa phương với nhau.

2 — Tổ chức cơ cấu sản xuất và tiêu dùng ở địa phương, củng cố và kiện toàn các cơ sở, thiết lập các mối quan hệ kinh tế đúng đắn với các địa phương khác và với các ngành kinh tế — kỹ thuật.

3 — Xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế của địa phương (bao gồm phần trực thuộc địa phương và phần nhiệm vụ của địa phương đối với các cơ sở trung ương đặt tại địa phương), chú trọng xây dựng cho được kế hoạch từ cơ sở, ổn định cho được quan hệ hai chiều giữa trung ương và địa phương, trong đó xác định số lượng đầu tư của trung ương cho địa phương và nghĩa vụ giao nộp của địa phương cho

trung ương trong từng thời hạn; bảo đảm cân đối cho được giữa chỉ tiêu và biện pháp, giữa nghĩa vụ và phương tiện.

4 — Quy định danh mục sản phẩm và các mặt quản lý lao động, vật tư, tài chính, tín dụng, giá cả...; trung ương trực tiếp quyết định những gì và chính quyền địa phương được quyền quyết định những gì.

Ban hành và thực hiện những chính sách kinh tế, những hình thức tổ chức thích hợp, khiến cho mỗi bộ bị bắt buộc và được khuyến khích chăm lo toàn ngành sản xuất — kỹ thuật mà mình được giao, chứ không phải chỉ chăm lo những đơn vị trực thuộc bộ, và cấp chính quyền địa phương bị bắt buộc và được khuyến khích chăm lo toàn bộ kinh tế trên địa bàn địa phương, kể cả những đơn vị kinh tế trực thuộc trung ương, chứ không phải chỉ chăm lo những đơn vị trực thuộc địa phương.

5 — Tăng cường cán bộ cho địa phương, giúp địa phương đào tạo cán bộ và xây dựng bộ máy đủ năng lực giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế và khoa học, kỹ thuật ở địa phương, đưa kinh tế địa phương phát triển mạnh mẽ và vững chắc.



Đề phát triển kinh tế địa phương mạnh mẽ và đúng hướng.

bản thân từng địa phương phải vươn lên, tiến bộ vượt bậc về

mọi mặt, đón nhận những quyền hạn và trách nhiệm mới, rộng rãi hơn và nặng nề hơn, xứng với tầm quan trọng chiến lược của kinh tế địa phương trong quá trình đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phải nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể ở địa phương; phát động quần chúng nhân dân đứng lên làm chủ sản xuất, phân phối và đời sống, đẩy lên phong trào lao động sản xuất sôi nổi và bền bỉ, quét sạch mọi hiện tượng tiêu cực, phát huy mọi nhân tố tích cực, tạo khí thế mới ở các địa phương.

Các tổ chức Đảng và Nhà nước phải được gấp rút củng cố, đề trở thành những trung tâm vững mạnh đủ sức lãnh đạo và quản lý các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở địa phương, kiên quyết loại ra khỏi bộ máy Đảng và Nhà nước những phần tử ưc hiếp quần chúng, ăn cắp của công, hối lộ, móc ngoặc... Mạnh dạn đưa vào bộ máy Đảng và Nhà nước những lực lượng trẻ có hiểu biết kinh tế và khoa học, kỹ thuật, được thử thách trong thực tiễn. Phải hình thành sớm những tổ chức chuyên gia về kinh tế và kỹ thuật làm tham mưu cho các cấp Đảng và chính quyền; và đề tránh những sai sót về kinh tế kỹ thuật, các cấp phải có chế độ và phương pháp làm việc thích hợp để lắng nghe, thu thập hết ý kiến của tổ chức tham mưu.

Phải biết thông qua từng công tác cụ thể về xây dựng kinh tế,

tổ chức đời sống nhân dân mà kiểm tra, sàng lọc cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy phải nhạy cảm với những nhân tố mới, đề kịp thời bồi dưỡng, đề bạt; đồng thời mạnh dạn thay thế những người kém năng lực, không đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Phải cải tiến chế độ đãi ngộ để thật sự khuyến khích những người sản xuất giỏi và công tác giỏi.

Các ban tổ chức và tuyên huấn, các trường Đảng và Nhà nước phải xuất phát từ yêu cầu và nội dung củng cố các tổ chức lãnh đạo và quản lý địa phương mà xây dựng chương trình học tập và kế hoạch đào tạo thích hợp, đề sau một thời gian nhất định, tạo ra được những «kíp» đồng bộ đủ năng lực và phẩm chất phù hợp với từng địa phương.

Phải phát triển kinh tế, tổ chức đời sống, xây dựng bộ máy Đảng và Nhà nước, v.v. không chỉ là công việc riêng của người lãnh đạo, mà phải biến thành **phong trào cách mạng của đông đảo quần chúng**. Các đoàn thể công đoàn, nông hội, thanh niên, phụ nữ, mặt trận phải đi sâu vào từng giới, từng lứa tuổi, tìm ra phương thức hoạt động thích hợp để làm cho mọi người đều đánh giá đúng tình hình, nhận rõ nghĩa vụ phải đóng góp và quyền lợi được hưởng. Các cấp ủy Đảng và các cấp chính quyền phải xây dựng thành chế độ việc quần chúng tham gia thiết thực vào các hoạt

(Xem tiếp trang 79)

Mấy vấn đề cơ bản cần giải quyết để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương

NGUYỄN - LAM

TRUNG ương Đảng ta vừa họp hội nghị lần thứ 6 chuyên bàn về công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Đây không những là một vấn đề có tầm quan trọng lâu dài trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà còn là một yêu cầu rất cấp bách trong tình hình hiện nay. Với một nền kinh tế vốn lạc hậu, chúng ta đã phải đương đầu với những thử thách nặng nề suốt 30 năm chiến tranh liên tục. Vừa giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ, chúng ta lại phải đối phó ngay với những cuộc chiến tranh xâm lược mới của bọn phản động bành trướng trong giới cầm quyền Bắc-kinh đang cầu kết chặt chẽ với những thế lực đế quốc và mọi loại phản động trên thế giới.

Trong tình hình như thế, đời sống của nhân dân ta bị giảm sút đến mức rất thấp, đòi hỏi trong một thời gian ngắn phải tạo ra được một khối lượng hàng tiêu dùng đủ để ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân ta. Để biến nghị quyết Trung ương lần này thành hiện thực, trước

hết chúng ta cần quán triệt tinh thần cơ bản của nghị quyết.

Sau khi nêu rõ những thành tích và kiểm điểm những nhược điểm, khuyết điểm trong việc phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương trong thời gian qua, nghị quyết Trung ương đã nhấn mạnh nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm của chúng ta là về mặt chủ quan, chưa nắm vững và thực hiện chưa tốt đường lối xây dựng kinh tế đã được vạch ra tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, và các mặt tổ chức sản xuất, kế hoạch hóa, chính sách và tổ chức quản lý có nhiều thiếu sót. Chúng ta cần đi sâu làm sáng tỏ tinh thần việc kiểm điểm những thiếu sót đó và những bổ khuyết mới về hai mặt cơ bản trên đây.

I

Đường lối kinh tế của Đảng đã xác định vị trí và chức năng của công nghiệp hàng tiêu dùng là: bảo đảm nhu cầu đời sống nhân dân, tận dụng

lao động xã hội, đẩy mạnh sự phân công lao động mới; thông qua chế biến, làm tăng giá trị sử dụng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; cùng với nông nghiệp làm cơ sở cho việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý.

Trong thực tiễn chỉ đạo xây dựng kinh tế thời gian qua, chúng ta chưa quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng là công nghiệp hàng tiêu dùng phải cùng với nông nghiệp làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp nặng. Chúng ta chưa xây dựng một cơ cấu kinh tế trong đó nông nghiệp và công nghiệp nhẹ gắn bó mật thiết với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp đòi hỏi và tạo điều kiện cho công nghiệp nhẹ phát triển, ngược lại công nghiệp nhẹ phát triển lại tạo điều kiện và thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Hai ngành công nghiệp nhẹ và nông nghiệp có vị trí quyết định trực tiếp trong việc tạo ra sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, tái sản xuất và phát triển sức lao động của xã hội. Việc hai ngành này thúc đẩy nhau phát triển mạnh mẽ sẽ trực tiếp nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm trong công nghiệp và nông nghiệp, dẫn tới kết quả là rút ngắn thời gian lao động tất yếu, kéo dài thời gian lao động thặng dư trong tất cả các ngành sản xuất vật chất, tạo điều kiện dễ nâng cao năng suất lao động xã hội một cách phổ biến và đó là điều kiện quyết định để tích lũy ngày càng nhiều cho tái sản xuất mở rộng trong phạm vi toàn xã hội mà vẫn thực hiện được mục tiêu bảo đảm và từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Chỉ có trên cơ sở đó, công nghiệp nặng mới được phát triển thuận lợi. Vượt qua do còn coi nhẹ công nghiệp hàng tiêu dùng, ý lại vào hàng nhập khẩu, do các địa phương ý lại vào hàng của trung ương, cho nên sản

phẩm của nông, lâm, ngư nghiệp chưa được chế biến tốt để đáp ứng kịp thời cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Mặt khác, nông nghiệp chậm phát triển theo hướng thâm canh, chuyên môn hóa, lại không bảo đảm được nguồn nguyên liệu từ nông, lâm, ngư nghiệp cho công nghiệp hàng tiêu dùng, không bảo đảm được lương thực, thực phẩm cho các khu công nghiệp và thành phố. Do đó, đã hạn chế khả năng phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp hàng tiêu dùng nói riêng. Kết quả là hàng tiêu dùng thiếu nghiêm trọng, đời sống nhân dân không được bảo đảm vững chắc, xuất khẩu và tích lũy đều rất thấp.

Công nghiệp nặng có nhiệm vụ trang bị kỹ thuật mới cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, đồng thời giữ vai trò ngày càng to lớn trong việc tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, nhưng nếu không dựa trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ mà tính toán chặt chẽ cơ cấu, quy mô và tốc độ phát triển công nghiệp nặng cho phù hợp thì sẽ dẫn tới tình trạng không phát huy kịp thời tác dụng của vốn đầu tư đang còn rất khó khăn của chúng ta, gây ra lãng phí không ít về tiền vốn và công sức mà nông nghiệp và công nghiệp nhẹ vẫn thiếu công cụ sản xuất, thiếu nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu... dẫn đến có trường hợp phải ngừng sản xuất, ảnh hưởng không ít đến tốc độ phát triển của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Càng ngày thực tiễn càng chỉ cho chúng ta thấy rõ việc quán triệt đường lối *«ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ»* phải được thể hiện ở chỗ: với một khối lượng vốn, tư liệu sản xuất và sức lao động nhất định, chúng ta phải biết tính toán cần thận để xác định một cơ cấu kinh tế tối ưu xuất phát từ nhu cầu thực tiễn

của sản xuất và đời sống trong cả nước cũng như trong từng địa phương, trong cơ cấu này có sự cân đối giữa nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng để cả ba ngành này liên hệ mật thiết với nhau, thúc đẩy nhau cùng tiến lên. Nếu coi nhẹ bất cứ ngành nào trong ba ngành này thì đều dẫn đến việc kìm hãm sự phát triển của kinh tế. Coi nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng sẽ lập tức tác động đến đời sống nhân dân, và trong hoàn cảnh nước ta từ sản xuất nhỏ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, coi nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng cũng tác động đến xuất khẩu và tích lũy vốn, từ đó mà cản trở sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp nặng.

Trong quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cùng với việc xây dựng công nghiệp trung ương, phải ra sức phát triển công nghiệp địa phương vì cơ cấu kinh tế của chúng ta là cơ cấu thống nhất cả nước bao gồm kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Riêng đối với vấn đề sản xuất hàng tiêu dùng thì công nghiệp địa phương (bao gồm cả tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp) giữ vai trò rất quan trọng. Với đặc điểm của nước ta, công nghiệp địa phương có khả năng tận dụng mọi nguồn tài nguyên phân tán và sức lao động dồi dào của mọi vùng đất nước để sản xuất ra nhiều hàng hóa đáp ứng đời sống nhân dân và phục vụ xuất khẩu. Mỗi địa phương có những đặc điểm riêng của mình về tài nguyên và sức lao động mà chỉ có phát triển mạnh mẽ công nghiệp địa phương mới khai thác được một cách có hiệu quả nhất, mang lại sự phong phú, đa dạng cho nền kinh tế chung của cả nước. Công nghiệp địa phương, nhất là tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đã ăn sâu bắt rễ trong đời sống nhân dân địa phương, một phần quan trọng của nó gắn với nông nghiệp, gắn với nông dân, cho nên phát triển công nghiệp

địa phương cũng là kết hợp ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp, tạo điều kiện sớm hình thành một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp.

Đề làm sáng tỏ hơn nữa vấn đề này, ở hội nghị Trung ương lần thứ 6, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: Kinh tế địa phương là một trong những địa bàn quy tụ và thể hiện quyền làm chủ tập thể về kinh tế của nhân dân lao động. Cả ba khâu làm chủ tập thể gặp nhau trong kinh tế địa phương, bằng sức mạnh từ dưới vươn lên, sức mạnh từ trên tỏa xuống, và sức mạnh bùng ra ngay tại chỗ. Kinh tế địa phương là một khâu bảo đảm sự nhất trí giữa lợi ích toàn xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích cá nhân người lao động, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giá trị sử dụng và giá trị, kết hợp tốt kế hoạch hóa với vận dụng thị trường.

II

Sau khi quán triệt đường lối kinh tế của Đảng và hình thành được một cơ cấu kinh tế phù hợp trong bước đầu của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cũng tức là công tác kế hoạch hóa và đầu tư đã có sự tính toán đúng đắn và hợp lý, thì việc tổ chức quá trình sản xuất, tổ chức quản lý, quy định những chính sách cụ thể về phân phối, lưu thông, tiêu dùng đóng vai trò rất quan trọng làm cho sản xuất có thể phát triển mạnh mẽ.

Sản xuất là một quá trình thống nhất bao gồm các khâu: sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng có quan hệ hữu cơ với nhau, nếu một trong bốn khâu đó không được giải quyết thỏa đáng thì đều có ảnh hưởng trực tiếp đến cả quá trình.

1 — Về tổ chức sản xuất. Để có thể sản xuất được, trước hết cần có

sự phân phối hợp lý các yếu tố của sản xuất: sức lao động và tư liệu sản xuất, cho nên theo Mác thì phân phối không chỉ đi sau mà còn đi trước quá trình sản xuất trực tiếp.

Muốn đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, chúng ta có thể dựa vào nguồn lao động nào? Do đặc điểm của công nghiệp hàng tiêu dùng ở nước ta hiện nay, chúng ta có thể huy động được những nguồn lao động rất dồi dào để làm ra nhiều loại sản phẩm cho xã hội, từ lao động có kỹ thuật đến lao động thủ công đơn giản, từ quy mô tập trung lớn đến quy mô nhỏ, phân tán từng tổ sản xuất, từng gia đình, từng cá nhân, thậm chí cả những lao động phụ, lao động nhàn rỗi ở nông thôn...

Trong chính sách tổ chức sản xuất, nếu chúng ta chỉ chú trọng đến khu vực quốc doanh và tập thể, mà coi nhẹ hoặc thậm chí đi đến hạn chế, bóp nghẹt nguồn lao động cá thể, phân tán, là không phù hợp với tình hình nền kinh tế nước ta hiện nay đang trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cho nên nghị quyết lần này nhấn mạnh phải có chủ trương và biết sử dụng các thành phần kinh tế; kết hợp quy mô lớn với quy mô vừa, nhỏ; kết hợp kỹ thuật thủ công với nửa cơ khí, và cơ khí; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương và cơ sở; tận dụng mọi khả năng về lao động, tài nguyên và năng lực sản xuất của các ngành kinh tế, văn hóa, quốc phòng để sản xuất hàng tiêu dùng. Nghị quyết còn nêu rõ: phải tùy từng ngành nghề, từng mặt hàng và xuất phát từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức tập trung và phân tán, quốc doanh, tập thể và cá thể, nghề phụ, thủ công trong gia đình để tổ chức sản xuất.

Để có thể sản xuất được, người lao động nhất thiết phải có tư liệu sản xuất bao gồm trước hết là công cụ lao động và nguyên liệu, vật liệu. Tư

liệu sản xuất càng được bảo đảm đầy đủ và càng có chất lượng cao thì sản xuất càng có hiệu quả. Do đó, để có thể huy động được mọi lực lượng lao động trong tất cả các thành phần kinh tế trong xã hội vào sản xuất có hiệu quả, chúng ta phải chủ động tính toán làm sao cho mọi lực lượng lao động đều có được công cụ lao động và nguyên liệu, vật liệu cần thiết để sản xuất, tránh những thủ tục gò bó, gây phiền hà, khó khăn, làm cản trở sản xuất.

Công cụ lao động cho công nghiệp hàng tiêu dùng rất phong phú, có nhiều chủng loại từ đơn giản đến phức tạp, gắn chặt với đặc điểm lao động của từng ngành nghề, của từng vùng. Chúng ta có thể đáp ứng được yêu cầu về công cụ lao động nếu có một quy hoạch hợp lý huy động cả công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp để sản xuất. Riêng những thứ trong nước chưa sản xuất được nhưng nếu xét thấy có hiệu quả lớn đối với sản xuất thì cần tranh thủ nhập khẩu để đẩy mạnh sản xuất nhằm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Hiện nay, nguyên liệu đang là vấn đề sống còn đối với công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, do đó phải có kế hoạch giải quyết một cách toàn diện và có chính sách cụ thể để khai thác các nguồn nguyên liệu từ nông sản, lâm sản, hải sản, nguồn nguyên liệu từ khoáng sản và công nghiệp nặng, nguồn nguyên liệu từ phế liệu phế phẩm. Cần có kế hoạch toàn diện từ khâu sản xuất đến lưu thông phân phối, bảo quản, sử dụng, và huy động được mọi lực lượng tham gia thì mới giải quyết được tốt vấn đề nguyên liệu cho sản xuất.

2 - Cải tiến các chính sách kinh tế.

Có được những yếu tố cơ bản của sản xuất nói trên, chúng ta còn phải

tạo ra một nguồn động lực bên trong để thúc đẩy mọi người lao động đem hết nhiệt tình ra lao động sản xuất. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một động lực cơ bản để đưa nền kinh tế nước ta tiến lên. Chế độ đó được hình thành từng bước trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong bước đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải xây dựng được một cơ chế làm chủ hợp lý cho phép phát huy mạnh mẽ sức mạnh to lớn của tập thể, đồng thời tận dụng được khả năng của từng người lao động để phát triển mạnh mẽ nền sản xuất xã hội. Lê-nin đã chỉ rõ, việc này chỉ có thể đạt được « không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng vĩ đại gây ra, bằng cách kích thích hứng thú cá nhân, sự quan tâm thiết thân của mỗi cá nhân, bằng cách áp dụng nguyên tắc hạch toán kinh tế » (1).

Các chính sách kinh tế của ta lâu nay chưa có tác dụng thúc đẩy sản xuất, trái lại nhiều khi còn ràng buộc, kìm hãm sản xuất, chưa phản ánh đúng tình hình đặc điểm trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nghị quyết lần này nhấn mạnh rằng phải vận dụng những quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải biết vận dụng đúng đắn quy luật giá trị hiện còn có tác dụng quan trọng trong nền sản xuất hàng hóa ở nước ta để cải tiến các chính sách kinh tế theo phương hướng chung là kết hợp đúng đắn ba loại lợi ích: lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người sản xuất, chú ý thích đáng đến lợi ích của tập thể và của người sản xuất, nhất là người sản xuất làm ra nguyên liệu, làm cho người sản xuất vì lợi ích thiết thân của chính mình đồng thời cũng vì lợi ích của toàn xã hội mà phấn khởi, hăng hái sản xuất. Phải xóa bỏ ngay những chế độ, chính sách bất hợp lý, gây trở

ngại cho sản xuất. Mở rộng quyền chủ động trong sản xuất — kinh doanh của các ngành, các địa phương và cơ sở, làm cho sản xuất có thể « bung ra » được theo đúng đường lối của Đảng và kế hoạch Nhà nước, làm ra nhiều hàng hóa cho xã hội.

Cần xây dựng nhiều loại chính sách. Chính sách phân phối thu nhập phải bảo đảm cho những người hăng hái lao động, các tổ chức hợp tác xã làm ăn tốt có thu nhập thực tế đủ bù đắp chi phí sản xuất, tái sản xuất sức lao động và có phần tích lũy. Chính sách lưu thông phân phối phải bảo đảm gắn nơi sản xuất với nguồn cung cấp nguyên liệu, nơi sản xuất với người tiêu dùng bằng con đường ngắn nhất, tránh những khâu trung gian không cần thiết, gây phiền hà, cản trở cả sản xuất lẫn tiêu dùng. Chính sách về tiêu dùng trong thời gian trước mắt đã được xác định là: tiêu dùng của xã hội phải dựa trên cơ sở sản xuất trong nước, chống tư tưởng ỷ lại vào viện trợ bên ngoài: ăn no, mặc ấm, dễ cao tính thần cần kiệm giản dị; khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, trong địa phương là chính, dành hàng tốt cho xuất khẩu.

Phương hướng trên phải được xây dựng thành các chính sách cụ thể. Trước mắt cần tập trung giải quyết ngay một số chính sách trọng yếu như:

Chính sách về nguyên liệu.

Để khuyến khích phát triển nguyên liệu từ nông sản, cần giải quyết đồng thời nhiều chính sách có quan hệ chặt chẽ với nhau. Cần tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho vùng trồng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh. Bảo đảm cung cấp lương thực một cách đầy đủ, kịp thời, thuận tiện cho các vùng trồng cây công

(1) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1970, tập 33, trang 73—74.

ngiệp tập trung chuyên canh theo tiêu chuẩn có mức ăn bằng người trồng cây lương thực ở các vùng sản xuất lương thực. Nghiên cứu và ban hành chính sách ổn định nghĩa vụ bán nguyên liệu nông sản cho Nhà nước trong một thời gian nhất định tùy theo từng loại cây. Phần sản xuất vượt kế hoạch do tăng năng suất lao động thì người sản xuất được bán cho Nhà nước theo giá thỏa thuận hoặc trao đổi ở thị trường.

Cần phân phối lại phần tích lũy giữa khâu sản xuất nguyên liệu và khâu chế biến sản phẩm, giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bằng nhiều hình thức như: tăng giá mua nguyên liệu một cách thỏa đáng, bán lại cho người trồng cây nguyên liệu một tỷ lệ sản phẩm nhất định. Các địa phương cung cấp nguyên liệu nông sản cho công nghiệp trung ương sẽ được trung ương phân vào ngân sách địa phương một khoản thu khuyến khích giao nộp nông sản, và bán lại cho địa phương một số sản phẩm chế biến để cung cấp cho nhân dân địa phương tiêu dùng rộng hơn tiêu chuẩn chung.

Chính sách đối với phế liệu và phế phẩm nói chung phải linh hoạt, rộng rãi như mua bán trực tiếp, giá cả thỏa thuận, miễn thuế, giảm thuế, để cho cơ sở sản xuất hưởng toàn bộ hoặc phần lớn lợi nhuận đưa vào quỹ xí nghiệp và quỹ phúc lợi.

Có chính sách khen thưởng thích đáng về tiết kiệm nguyên liệu và dùng nguyên liệu thay thế, đồng thời trừng phạt nghiêm khắc những hành động ăn cắp hoặc lãng phí nguyên liệu.

Chính sách khuyến khích làm hàng xuất khẩu.

Giá hàng xuất khẩu phải theo hệ thống giá chung trong nước (có thu quốc doanh), nhưng vì hàng xuất khẩu đòi hỏi tiêu chuẩn phẩm chất cao hơn, đẹp hơn, bao bì đóng gói kỹ hơn, cho nên khi định giá phải xét

đầy đủ các yếu tố này trong giá thành. Ngoài ra, cần nghiên cứu ban hành thêm một số chính sách khác như: do làm hàng xuất khẩu khó hơn cho nên định mức lợi nhuận xí nghiệp cao hơn hàng bán trong nước, các địa phương và cơ sở được sử dụng một tỷ lệ ngoại tệ nhất định trong kim ngạch xuất khẩu của mình để nhập nguyên liệu, vật tư cần thiết cho việc làm hàng xuất khẩu.

Chính sách đối với công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Các địa phương được sử dụng phần sản phẩm vượt kế hoạch và ngoài kế hoạch để phục vụ tiêu dùng ở địa phương mình. Đối với những sản phẩm không thuộc diện trung ương thống nhất quản lý, các địa phương được quyền quyết định việc sản xuất và tiêu dùng trong địa phương hoặc trao đổi với các địa phương khác. Cần có những chính sách khuyến khích đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp như: cùng với việc cho vay tín dụng là chính, Nhà nước đầu tư một phần qua ngân sách để xây dựng một số cơ sở vật chất Kỹ thuật cần thiết, nhất là các cơ sở làm hàng xuất khẩu mà các hợp tác xã không đủ sức làm; Nhà nước có kế hoạch bán cho hợp tác xã một số thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, vật tư kỹ thuật mà hợp tác xã không thể có được; thu hợp những mặt hàng gia công và cải tiến chế độ gia công đặt hàng nhằm phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của các hợp tác xã; điều chỉnh giá gia công và giá thu mua đối với một số mặt hàng cần khuyến khích sản xuất; thực hiện chế độ đăng ký kinh doanh đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp một cách rộng rãi và đơn giản hơn trước; bảo đảm cung cấp lương thực, thực phẩm, dụng cụ phòng hộ lao động và một số nhu yếu phẩm nhằm bảo đảm đời sống bình thường của thợ thủ công và gia đình họ; xây dựng và ban hành sớm

điều lệ hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, quy định thống nhất chế độ phân phối nội bộ theo hướng tăng phần thu nhập thực tế cho xã viên, chú ý thích đáng việc xây dựng quỹ bảo hiểm xã hội của hợp tác xã.

Ngoài ra các chính sách về đầu tư, tín dụng, tiêu thụ, giá cả... cũng cần có những cải tiến nhằm khuyến khích sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng, tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp hàng tiêu dùng phát triển.

3 — Đổi mới công tác kế hoạch hóa.

Cần đổi mới cả nội dung và phương pháp kế hoạch hóa. Trong điều kiện nước ta đang từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp, trung ương chỉ có thể nắm và cần đổi mới một số mặt hàng chủ yếu, một số chỉ tiêu cơ bản có ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và đời sống nhân dân. Phần còn lại nên giao cho các địa phương và cơ sở dựa vào nguồn tài nguyên và sức lao động của mình, kết hợp kế hoạch hóa và sử dụng quan hệ thị trường để chủ động cần đổi việc sản xuất và tiêu thụ những mặt hàng thông thường, đáp ứng những yêu cầu muôn màu muôn vẻ của đời sống nhân dân địa phương.

4 — Phân công, phân cấp quản lý và cải tiến bộ máy quản lý.

Việc phân công, phân cấp quản lý công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương cần quản triệt nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Các bộ hay tổng cục, ngoài việc quản lý toàn diện các xí nghiệp trực thuộc, phải thống nhất quản lý hành chính — kinh tế đối với tất cả các cơ sở thuộc ngành kinh tế — kỹ thuật từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ các cơ sở quốc doanh đến các cơ sở tập thể, cá thể (không

kê cơ sở đó thuộc ngành nào, địa phương nào quản lý) về các mặt: xây dựng quy hoạch và kế hoạch dài hạn, thực hiện việc phân công và hợp tác nội bộ ngành, giữa các ngành và giữa các địa phương, hướng dẫn về mặt khoa học kỹ thuật, định mức kinh tế — kỹ thuật, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, xây dựng chính sách, chế độ quản lý theo ngành, kiểm tra sự hoạt động của toàn ngành.

Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố, ngoài việc quản lý các cơ sở công nghiệp do địa phương trực tiếp quản lý, cần quản lý các xí nghiệp trung ương nằm trên lãnh thổ về các mặt tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm hậu cần, chăm lo đời sống công nhân và cán bộ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và các chính sách, chế độ, luật pháp của Nhà nước.

Trong từng địa phương cũng cần có sự phân cấp hợp lý giữa tỉnh và huyện, dần dần giao cho huyện quản lý những xí nghiệp quy mô nhỏ phục vụ nhu cầu trong huyện, nhằm từng bước thực hiện yêu cầu xây dựng cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện.



Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương là một nhiệm vụ kinh tế quan trọng và cấp bách. Tuy trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn, nhưng khả năng tiềm tàng của chúng ta cũng rất lớn. Nếu chúng ta quán triệt đầy đủ tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng, mạnh dạn cơ những đổi mới về chính sách, tạo được một chuyên biến mạnh mẽ về tư tưởng và hành động trong cán bộ và nhân dân ta thì công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương của chúng ta nhất định sẽ có một bước phát triển mới, mạnh mẽ và vững chắc.

CHIẾN LƯỢC BÁ QUYỀN VÀ BÀNH TRƯỚNG CỦA BẮC-KINH *

PHÚC - CƯƠNG

Á, PHI, MỸ LA TÍNH VÀ ĐÔNG NAM Á TRONG CHIẾN LƯỢC BÁ QUYỀN VÀ BÀNH TRƯỚNG CỦA BẮC-KINH

Một trong những nhân tố quan trọng nhất trong chiến lược đối ngoại của Bắc-kinh là chính sách đối với các nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Ở khu vực này diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt của lực lượng độc lập dân tộc chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ yếu là chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Bắc-kinh ra sức lợi dụng tình hình này. Ở khu vực này, Bắc-kinh có nhiều điều kiện thuận lợi hơn là ở châu Âu, Bắc Mỹ và châu đại dương. Cũng như các nước Á, Phi, Mỹ la tinh khác, Trung-quốc cũng chung một cảnh ngộ là bị đế quốc thực dân thống trị trước đây và ngày nay cũng có một nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn. Trung-quốc có nhiều đặc điểm gần gũi với các nước Á, Phi, Mỹ la tinh, cho nên thắng lợi của cách mạng Trung-quốc cổ vũ các nước này rất mạnh mẽ.

Bắc-kinh rất coi trọng chính sách đối với khu vực này. Họ đề cao Á, Phi, Mỹ la tinh là « nơi tập trung bão táp cách mạng », cho rằng chiến lược

cách mạng thế giới phải lấy nông thôn bao vây thành thị, nghĩa là coi Á, Phi, Mỹ la tinh là lực lượng chủ lực để tiến công các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Từ đầu những năm 70, họ đưa ra thuyết « ba thế giới », coi thế giới thứ ba là lực lượng chủ lực trong cuộc đấu tranh chống hai siêu cường quốc Mỹ và Liên-xô, mà chủ yếu là chống Liên-xô. Đồng thời Bắc-kinh tuyên bố Trung-quốc thuộc thế giới thứ ba nhằm tập hợp thế giới thứ ba dưới sự lãnh đạo của Bắc-kinh cũng để chủ yếu chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Trong 30 năm qua, chiến lược của họ đối với các nước Á, Phi, Mỹ la tinh có nhiều thay đổi, từ chỗ tranh thủ các lực lượng đấu tranh cho độc lập chống đế quốc đến chỗ công khai cầu kết với đế quốc, phản bội và chống lại phong trào cách mạng ở khu vực này. Trong những năm 50, họ tranh thủ có quan hệ với các nước châu Á trên cơ sở 5 nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và đóng một vai trò quan trọng trong Hội nghị Á-Phi lần thứ nhất họp ở Băng-dung năm 1955 nhằm chống lại chính sách thù địch

* Tiếp theo kỳ trước.

của Mỹ đối với Trung-quốc. Từ cuối những năm 50 đến giữa những năm 60, họ ra sức tập hợp lực lượng Á, Phi, Mỹ la tinh dưới sự lãnh đạo của họ để Trung-quốc trở thành một cường quốc ngang hàng với Liên-xô và Mỹ. Họ vận động hợp Hội nghị Á-Phi lần thứ 2 và thành lập lực lượng mới trở lại đây nhằm mục đích chống Mỹ đồng thời không cho Liên-xô tham gia. Họ chống lại việc Nam-tur và Ấn-độ khởi xướng ra phong trào không liên kết. Phong trào này không có Trung-quốc tham gia, ngày càng phát triển mạnh mẽ và có tiếng nói quan trọng trên thế giới. Phong trào ấy đã trở thành trở ngại chủ yếu ngăn cản Bắc-kinh tập hợp lực lượng theo ý đồ riêng của họ. Đến năm 1965, mưu đồ tập hợp lực lượng của Bắc-kinh đã bị thất bại hoàn toàn, vì lợi ích của Bắc-kinh không phù hợp với lợi ích của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Từ giữa đến cuối những năm 60, Bắc-kinh tiến hành cuộc « cách mạng văn hóa » với đường lối đối ngoại bề ngoài cực tả và đã thúc đẩy các đảng thân Bắc-kinh ở Đông Nam Á và các nhóm thân Bắc-kinh khác dùng đấu tranh vũ trang chống lại chính quyền các nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Từ đầu những năm 70, lợi dụng việc Mỹ muốn dùng con bài Trung-quốc để duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt-nam và để làm suy yếu Liên-xô, chống cách mạng thế giới, Bắc-kinh đã đi vào con đường công khai phản bội nhân dân Việt-nam, chống lại sự nghiệp độc lập của nhân dân Á, Phi, Mỹ la tinh, chống Liên-xô và chống nhân dân thế giới. Từ năm 1978, những yêu cầu to lớn của Bắc-kinh về vốn và kỹ thuật từ các nước phương Tây cho kế hoạch « bốn hiện đại hóa » của họ đưa họ đi sâu hơn nữa vào con đường cân kết với đế quốc chống lại nhân dân Á, Phi, Mỹ la tinh. Dưới chiêu bài chống bá quyền, chống hai siêu cường quốc, họ đã cấu kết với đế quốc, và các loại phản động chống

lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân Á, Phi, Mỹ la tinh. Từ chỗ chống lại trong những năm 60, đột nhiên gần đây Bắc-kinh hết lời ca ngợi phong trào không liên kết, tranh thủ Nam-tur, Ấn-độ, Sơ-ri Lan-ca và ra sức hoạt động đưa phong trào này đi vào quỹ đạo của Bắc-kinh chống hai siêu cường quốc mà chủ yếu là chống Liên-xô và từ bỏ mục tiêu của phong trào là chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc.

Trước sau, Bắc-kinh luôn luôn coi các nước Á, Phi, Mỹ la tinh là công cụ rất quan trọng trong chiến lược bá quyền và bành trướng của họ. Trong giai đoạn đầu, họ muốn trở thành người lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh để họ có vị trí cường quốc ngang hàng với Liên-xô và Mỹ và để họ dùng cuộc đấu tranh đó làm con bài mặc cả với chủ nghĩa đế quốc trên lưng các nước Á, Phi, Mỹ la tinh vì lợi ích của họ và lợi ích của chủ nghĩa đế quốc, như họ đã làm ở Việt-nam. Trong giai đoạn hiện nay, chủ nghĩa đế quốc đã suy yếu và cách mạng ở Á, Phi, Mỹ la tinh đang phát triển như vũ bão, đe dọa lợi ích của chủ nghĩa đế quốc và của Bắc-kinh, thì Bắc-kinh công khai cấu kết với chủ nghĩa đế quốc chống lại các nước Á, Phi, Mỹ la tinh vì lợi ích bá quyền và bành trướng của họ.

Trong các châu Á, Phi và Mỹ la tinh, thì châu Á là nơi Bắc-kinh có nhiều điều kiện hơn cả để trực tiếp thực hiện bá quyền và bành trướng, vì lực lượng của Trung-quốc hiện nay chỉ mới tạo cho Trung-quốc tầm vóc của một cường quốc châu Á. Các nước châu Á, trừ Trung Cận Đông, đều có biên giới chung với Trung-quốc hoặc đều ở trong tầm tay của Bắc-kinh.

Nhưng ở châu Á, thì Đông Nam Á là khu vực có tầm quan trọng bậc nhất đối với âm mưu bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh. Ở các vùng khác của châu Á, đều có những

cường quốc lớn có khả năng cản trở chủ nghĩa bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh: ở phía Bắc và phía Tây của Trung-quốc có Liên-xô, ở phía Đông Bắc Á có Nhật-bản, ở Nam Á có Ấn-độ. Ở Đông Nam Á chỉ có những nước loại vừa và nhỏ. Đông Nam Á lại là khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc ở Á, Phi, Mỹ la tinh. Từ chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Đông Nam Á là khu vực duy nhất đã xảy ra đấu tranh vũ trang chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc ở tất cả các nước trong vùng và cuộc đấu tranh đó đã kéo dài liên tục từ 40 năm nay. Chủ nghĩa thực dân Pháp cũng như đế quốc Mỹ đã bị thất bại nặng nề nhất và những thất bại này đã đưa đến sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân Pháp và đã là chất xúc tác đưa đến cuộc khủng hoảng toàn diện của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Đông Nam Á có tầm quan trọng chiến lược trên thế giới. Đông Nam Á kiểm soát đường hàng hải quốc tế từ Đông Bắc Á, Thái-bình-dương sang Trung Cận Đông, châu Âu và châu Phi; Đông Nam Á có trữ lượng quan trọng về dầu mỏ và cung cấp cho thế giới một số lượng nguyên liệu rất quan trọng. Do đó, từ chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, ở đây đã diễn ra sự tranh giành gay gắt giữa các đế quốc. Ở Đông Nam Á, Trung-quốc có nhiều thuận lợi hơn các cường quốc khác. Trung-quốc là nước láng giềng gần gũi, có quan hệ lịch sử và văn hóa lâu đời với các nước này. Các nước Đông Nam Á đều là chư hầu của các triều đại phong kiến Trung-quốc ngày trước và khu vực này là hướng bành trướng chủ yếu trong mấy nghìn năm của phong kiến Trung-quốc. Đông Nam Á là khu vực di cư chủ yếu của người Trung-quốc ra nước ngoài. Ở khu vực này có 20 triệu trong số 25 triệu Hoa kiều ở trên thế giới. Hoa kiều chiếm tỷ lệ cao trong số dân nhiều nước Đông Nam Á: 75% ở Xin-ga-po, 40% ở Ma-

lai-xi-a. Hoa-kiều kiểm soát nền kinh tế của nhiều nước Đông Nam Á; ở các nước này đều có tổ chức chính trị thân Bắc-kinh khá mạnh.

Bắc-kinh luôn luôn sử dụng Đông Nam Á làm lực lượng nòng cốt cho chiến lược bá quyền và bành trướng của Trung-quốc. Năm 1963, Trung-quốc chủ trương triệu tập Hội nghị 11 đảng để thành lập một quốc tế riêng rẽ do Trung-quốc lãnh đạo. Trong 11 đảng này có 8 đảng ở Đông Nam Á. Trong nửa đầu những năm 60, Bắc-kinh ra sức thành lập trục Bắc-kinh-Hà-nội-Gia-các-ta-Nông-pênh làm chỗ dựa cho việc triệu tập Hội nghị Á-Phi lần thứ 2 và cho việc thành lập lực lượng mới trở dậy đối lập với Liên-hợp-quốc, phong trào không liên kết và các tổ chức dân chủ thế giới. Trong 20 năm qua, Trung-quốc ra sức đề cao chủ nghĩa Mao-Trạch-Đông, áp đặt chủ nghĩa Mao trong phong trào cộng sản quốc tế. Giữa những năm 60, đã hình thành những nhóm thân Trung-quốc ở một số nước. Bắc-kinh chia rẽ và phá hoại nhiều đảng cộng sản, nhưng riêng ở Đông Nam Á, Bắc-kinh đã áp đặt được chủ nghĩa Mao cho sáu đảng thân Bắc-kinh. Các đảng này là bộ phận chủ yếu của lực lượng thân Bắc-kinh trên thế giới.

Trong 30 năm qua, Bắc-kinh đã lợi dụng sự khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc ở Đông Nam Á, đặc biệt lợi dụng cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia để thực hiện hòa hoãn với chủ nghĩa đế quốc và giành được vị trí cường quốc trên thế giới. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và nhất là cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân Việt-nam và ba nước Đông-dương có ý nghĩa rất lớn đối với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới, đồng thời thất bại của thực dân Pháp

và của đế quốc Mỹ ở các nước này có ảnh hưởng to lớn đến vị trí của chủ nghĩa đế quốc nói chung. Do Trung-quốc có vị trí lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân ba nước Đông-dương, cho nên Pháp cũng như Mỹ đã đàm phán với Trung-quốc để đạt được một giải pháp trên lưng nhân dân các nước này có lợi cho Trung-quốc, cho Pháp cũng như cho Mỹ. Chính vì lẽ đó, Trung-quốc đã giành được địa vị là một trong 5 cường quốc thế giới để giải quyết vấn đề Đông-dương năm 1954, giải quyết vấn đề Lào năm 1961—1962, trong khi Mỹ đang thực hiện chính sách bao vây, cô lập Trung-quốc và cái gọi là Cộng hòa Trung-hoa của Tưởng-Giới-Thạch là một trong năm cường quốc thường trực của Hội đồng bảo an Liên-hợp-quốc. Trong những năm 60, Trung-quốc muốn nắm độc quyền ngọn cờ chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam để hạ uy thế Liên-xô. Năm 1971, do chính quyền Ních-xon âm mưu dùng con bài Trung-quốc để duy trì chế độ bù nhìn của Mỹ ở miền Nam Việt-nam, đồng thời làm suy yếu Liên-xô, Trung-quốc đã phân lại lợi ích của nhân dân Việt-nam, và tiến hành chính sách chống Liên-xô điên cuồng. Do đó Bắc-kinh đã trở thành một cường quốc trong thế ba cực trên thế giới.

Trong 30 năm qua, Trung-quốc ra sức tìm mọi cách để nắm bằng được Đông Nam Á. Trong những lời tuyên bố của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, trong nhiều văn kiện của Đảng cộng sản Trung-quốc, trong các sách giáo khoa và trong các bản đồ do Trung-quốc xuất bản, Bắc-kinh đã nói rõ rằng các nước Đông Nam Á là chư hầu của các triều đại phong kiến Trung-quốc ngày trước và ngày nay Bắc-kinh coi Đông Nam Á là vùng ảnh hưởng của họ. Để thực hiện giấc mơ bá quyền và bành trướng ở Đông Nam Á, trước hết họ tìm cách

độc chiếm biển Đông vì kiểm soát được biển Đông có tầm quan trọng quyết định cho việc kiểm soát toàn bộ Đông Nam Á, tìm cách chiếm đóng quần đảo Hoàng-sa, đưa ra những yêu sách về quần đảo Trường-sa và vùng biển Nam-hải cho đến sát vùng biển của Việt-nam, In-dô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

Từ những năm 50, Bắc-kinh tìm mọi cách nắm độc quyền các nước Đông-dương và hy vọng dùng Đông-dương làm bàn đạp để bành trướng ra Đông Nam Á. Trở ngại cho chính sách bá quyền và bành trướng đó là đường lối độc lập và tự chủ của Việt-Nam. Muốn cho Việt-nam phải phụ thuộc vào họ, họ ra sức làm cho Việt-nam suy yếu, ngăn cản Việt-nam thống nhất đất nước và chia cắt lâu dài Việt-nam. Đồng thời, họ dùng Pôn Pốt — lừng Xa-ry làm tay sai phá hoại sự đoàn kết của ba nước Đông-dương và chống phá Việt-nam.

Từ đầu những năm 70, sau khi không thể khuất phục được Việt-nam, họ tranh thủ các nước trong khối Đông Nam Á (ASEAN) và tìm cách chia rẽ giữa các nước này với Việt-nam, Lào và với Cam-pu-chia sau này. Đây là chính sách chia để trị của Bắc-kinh nhằm kiểm soát cả Đông Nam Á.

Đối với các nước Đông Nam Á nói chung, họ dùng các đảng thân Bắc-kinh và Hoa kiều làm công cụ để làm suy yếu các nước này và buộc các nước này phải phụ thuộc vào họ. Trong những năm 50, họ dùng các đảng đó và Hoa kiều chống lại chính quyền các nước Đông Nam Á. Trong những năm 60 và từ giữa những năm 70, họ lại khuyến khích các đảng thân Bắc-kinh và Hoa kiều ở Đông Nam Á chấm dứt chính sách chống đối, đi vào hợp tác với chính phủ các nước Đông Nam Á. Sự thay đổi đó nhằm phục vụ lợi ích từng lúc của họ. Họ đã dùng cả đảo chính quân sự của một đảng thân Bắc-kinh để kiểm soát In-dô-nê-xi-a, dùng bọn tay sai Pôn Pốt —

lòng Xa-ry gây ra chiến tranh chống Việt-nam và thậm chí dùng chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Rõ ràng là với lực lượng của bản thân, Bắc-kinh chưa có khả năng riêng họ chống phong trào cách mạng ở Đông Nam Á và áp đặt bá quyền của họ lên vùng này. Bắc-kinh đã phải tạm thời hợp tác với các nước đế quốc và lực lượng phản động để khống chế vùng này.

NHỮNG THỦ ĐOẠN CHIẾN LƯỢC CỦA BẮC-KINH

Bắc-kinh cũng như bọn đế quốc và phản động khác đều áp dụng những biện pháp và chiến lược cơ bản giống nhau vì Bắc-kinh cũng như bọn đế quốc và phản động khác đều nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược giống nhau là thống trị các nước khác, thực hiện bá quyền và bành trướng chống lại lợi ích của nhân dân các nước khác và lợi ích của nhân dân nước họ. Những thủ đoạn của Bắc-kinh là *lợi dụng mâu thuẫn giữa các đối thủ và giữa các nước khác, lừa dối và bịp bợm, hoạt động lật đổ, lập các chính quyền tay sai và các nước chư hầu phụ thuộc, và dùng cái gây và củ cà rốt.*

Có điều rõ ràng là tham vọng của Bắc-kinh rất lớn nhưng lực lượng bản thân về kinh tế và quân sự thì rất hạn chế. Đồng thời Bắc-kinh thực hiện tham vọng bá quyền và bành trướng giữa lúc ba dòng thác cách mạng phát triển mạnh mẽ, sâu sắc và rộng khắp thế giới. Do đặc điểm đó, Trung-quốc không có nhiều khả năng thực hiện chính sách dùng tay sai và chư hầu cũng như chính sách cái gây và củ cà rốt là biện pháp chủ yếu như bọn đế quốc khác. Cho nên cái mà Bắc-kinh sử dụng nhiều nhất là chính sách lợi dụng mâu thuẫn, chia rẽ, chính sách lừa dối và bịp bợm và chính sách hoạt động lật đổ. Tình hình này sẽ có thể thay đổi, nếu Trung-

quốc tăng cường được mạnh mẽ lực lượng của họ và phong trào cách mạng thế giới gặp khó khăn lớn.

Lợi dụng mâu thuẫn là thủ đoạn chiến lược hàng đầu của Bắc-kinh. Chủ yếu là lợi dụng mâu thuẫn giữa Liên-xô và Mỹ. Vấn đề này đã được nói rõ ở phần trên, chỉ cần nói thêm rằng Bắc-kinh đặt hy vọng vào một cuộc chiến tranh lớn giữa Liên-xô và Mỹ là điều không thực tế. Liên-xô là nước xã hội chủ nghĩa, chiến tranh là điều xa lạ với bản chất của chế độ xã hội xô viết. Mỹ là nước đế quốc chủ nghĩa, và chiến tranh gắn liền với bản chất chủ nghĩa đế quốc. Hiện nay đế quốc Mỹ đang bị xâu xé nghiêm trọng bởi những cuộc khủng hoảng sâu sắc không có lối thoát của chủ nghĩa tư bản, nếu chúng liều lĩnh gây ra chiến tranh thế giới thì cuộc chiến tranh đó sẽ xóa bỏ chủ nghĩa đế quốc trên thế giới. Vả lại ba dòng thác cách mạng trên thế giới đang phát triển như vũ bão cho nên bọn đế quốc không còn có thể làm mưa làm gió như 30 năm về trước nữa.

Chính sách lừa dối và bịp bợm được coi như quốc sách đối nội và đối ngoại của Bắc-kinh.

Cuối những năm 50 và trong những năm 60, Bắc-kinh có những lời chống đế quốc và chống « xét lại » rất mạnh mẽ, đặc biệt là trong nửa cuối những năm 60, họ có những lời nói cực tả nhất nhưng ngay sau đó, họ lại có những lời nói phản động nhất, họ câu kết chặt chẽ với đế quốc và chống phá kịch liệt phong trào cách mạng thế giới. Những năm 70, họ đã bộc lộ bản chất phản động của họ. Từ năm 1958, họ kêu gọi nhân dân thế giới tiến hành đấu tranh mạnh mẽ chống Mỹ và chống « xét lại », nhưng trên hành động họ đã làm trái lại. Từ năm 1958, họ rút quân chi nguyện Trung-quốc khỏi Triều-tiên để tránh một cuộc đụng độ giữa Mỹ và Trung-quốc. Ở biên giới phía Nam, họ không muốn có xung đột vũ trang giữa lực

lượng cách mạng Đông-dương với Mỹ. Họ khuyến Việt-nam không nên tiến hành đấu tranh vũ trang ở miền Nam Việt-nam mặc dù Mỹ và Diệm đã tàn sát trên 50 vạn người, và họ khuyến Pa-thét Lào không nên đấu tranh vũ trang và tiếp tục trở lại chính phủ liên hiệp mặc dù các lãnh tụ Pa-thét Lào đã bị chính quyền Viên-chấn bắt giam và một nửa lực lượng vũ trang của Pa-thét Lào đã bị tước vũ khí và giải tán. Chính trong lúc đó, họ lớn tiếng phê phán luận điểm về quá độ hòa bình. Trong khi họ lên án việc Liên-xô đàm phán với Mỹ, thì họ lại thúc dục đàm phán giữa Trung-quốc và Mỹ ở Vác-xô-vi. Từ giữa đến cuối những năm 60, Trung-quốc thúc dục Việt-nam tiến hành một cuộc chiến tranh chống Mỹ kéo dài và đánh Mỹ đến cùng, chống lại khả năng Việt-nam giành thắng lợi sớm hoặc kết thúc chiến tranh bằng đàm phán. Trong khi đó Trung-quốc và Mỹ đều hết sức tránh một cuộc đụng độ về quân sự giữa hai bên. Tướng Mỹ Tay-lo đã phải nhận định: Trung-quốc quyết đánh Mỹ đến người Việt-nam cuối cùng. Từ những năm 70, Trung-quốc ra sức chống Liên-xô, dư luận Tây Âu đã vạch trần chính sách của Trung-quốc là quyết tâm đánh Liên-xô đến người Tây Âu cuối cùng.

Chính sách lừa dối và bịp bợm của Bắc-kinh thực hiện ở trong nước có thể làm chúng ta hiểu rõ hơn chính sách lừa dối và bịp bợm của Bắc-kinh trên thế giới. Trước hết, họ đã giương cao chiêu bài cuộc « đại cách mạng văn hóa » để tiến hành một cuộc tranh giành quyền bính dã man và đẫm máu nhất trong lịch sử với 5 triệu người bị tàn sát. Họ đã lật đổ nhau bằng cách gán cho nhau cái tội là « đi theo con đường tư bản chủ nghĩa ». Lật đổ lẫn nhau rồi lại phục hồi nhau cũng bằng cách đó. Nếu họ có thể gán cho nhau những tội phản động để lật đổ lẫn nhau và phục hồi lẫn nhau,

thì họ cũng không từ bỏ những thủ đoạn tàn bạo và bịp đặt trắng trợn để chống lại những nước khác.

Từ những năm 70, Trung-quốc đưa ra luận điểm chống hai siêu cường quốc và chống bá quyền Liên-xô và Mỹ. Trung-quốc đã ký với Mỹ và Nhật-bản những điều khoản về chống bá quyền. Làm như vậy Trung-quốc đã tỏ son tráit phần cho chúng, che giấu bản chất đế quốc của chúng, lừa dối nhân dân thế giới. Ý đồ của Trung-quốc là câu kết với Mỹ và Nhật-bản để chống Liên-xô, Trung-quốc ký với Mỹ và Nhật-bản điều khoản chống bá quyền, nhưng lại kêu gọi Mỹ không nên rút quân đội khỏi châu Á nhằm duy trì sự chiếm đóng quân sự của Mỹ chống lại nhân dân châu Á, phê phán Mỹ đã mềm yếu trong việc đề cho nước Cu-ba cách mạng tồn tại ở cửa ngõ của Mỹ. Ngay sau khi ký với Mỹ và Nhật-bản điều khoản chống bá quyền, Trung-quốc đã tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam và uy hiếp nghiêm trọng độc lập và chủ quyền của Lào. Bọn cầm quyền Bắc-kinh đã nhắc lại những luận điệu sen đầm quốc tế của Mỹ là đe dọa trừng phạt Việt-nam, dạy cho Việt-nam một bài học, và huênh hoang giương cái ô bảo hộ về quân sự đối với các nước Đông Nam Á. Rõ ràng, Trung-quốc lớn tiếng chống bá quyền là nhằm che giấu việc Trung-quốc thực hiện chính sách bá quyền và hành tướng, Trung-quốc huênh hoang tuyên bố bảo vệ các nước Đông Nam Á, nhưng mọi người đều rõ Trung-quốc đã không thực hiện nghĩa vụ của Trung-quốc theo hiệp định ký kết với Việt-nam năm 1965 là bảo vệ thủ đô Hà-nội bằng không quân Trung-quốc; năm 1971 Trung-quốc cũng đã làm ngơ khi Pa-ki-stan, đồng minh gần gũi của Trung-quốc, bị thất bại trong cuộc chiến tranh giữa Ấn-độ với Pa-ki-stan và buộc phải chấp nhận sự ra đời của Bang-la-đét; năm 1979, Trung-quốc cũng đã không cứu bọn Pôn

Pót — Iêng Xa-ry, tay sai đặc lực của Trung-quốc bị sụp đổ hoàn toàn.

Trung-quốc đang ra sức thực hiện chính sách bá quyền và bành trướng, nhưng bọn chó sói lại muốn dõn lột con cừu. Trung-quốc lại tự nhận mình thuộc thế giới thứ 3 mà theo định nghĩa của Trung-quốc thế giới đó bao gồm các nước nhỏ, vừa và nghèo. Sự thật là Trung-quốc đang cầu kết với Mỹ chống lại các nước thế giới thứ ba.

Để dễ lừa bịp dư luận, Bắc-kinh đã đưa ra những học thuyết về chính trị và triết học bề ngoài rất hấp dẫn. Họ dùng phương pháp siêu hình và lô-gích hình thức để lừa dối dư luận. Họ kích động các tầng lớp trung gian và lợi dụng xu thế độc lập dân tộc chống đế quốc bằng những luận điệu cực tả và chủ nghĩa dân tộc tự sủn. Học thuyết « ba thế giới » của họ nêu lên vấn đề chống bá quyền của hai siêu cường quốc, cho rằng toàn bộ sự phát triển của tình hình thế giới là sự tranh giành giữa hai siêu cường quốc. Thuyết này rõ ràng nhằm chống lại sự nghiệp của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh đang đấu tranh chống đế quốc vì hòa bình và độc lập dân tộc, và nhằm hướng cuộc đấu tranh chống đế quốc thành cuộc đấu tranh chống Liên-xô. Những học thuyết và luận điểm của Bắc-kinh hoàn toàn trái với sự thật của tình hình diễn ra trên thế giới. Những luận điểm của Bắc-kinh đưa ra trong những năm 60 hoàn toàn mâu thuẫn với học thuyết mà Bắc-kinh đưa ra những năm 70. Những điều mà Bắc-kinh lên án về chủ nghĩa xét lại những năm 60 lại chính là những điều mà Bắc-kinh ca ngợi trong những năm 70. Đầu những năm 70, Bắc-kinh đã đưa ra luận điểm « thiên hạ đại loạn » để biện hộ cho sự thay đổi đột ngột và nhanh chóng trong những luận điểm và chính sách của họ.

Do lực lượng của Bắc-kinh về kinh tế và quân sự còn hạn chế, nhưng họ

lại có những công cụ của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng trên lãnh thổ các nước khác, cho nên *chính sách hoạt động lật đổ* là một trong những thủ đoạn chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu của Bắc-kinh.

Trước hết, ở Đông Nam Á, Bắc-kinh có lực lượng Hoa kiều rất đông đảo và giữ địa vị không chế nền kinh tế ở nhiều nước, có các đảng thân Bắc-kinh với lực lượng khá mạnh, và họ lợi dụng quan hệ huyết thống với các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới gần Trung-quốc. Họ đã nhiều lần dùng Hoa kiều chống lại chính quyền nhiều nước ở Đông Nam Á, đặc biệt là trong thời gian « cách mạng văn hóa » và nhất là gây ra vấn đề người Hoa ở Việt-nam phối hợp với việc phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam. Họ đã đứng đằng sau các đảng thân Bắc-kinh cầm súng lật đổ chính quyền ở các nước Đông Nam Á, như ở In-dô-nê-xi-a năm 1965. Họ cũng đã ủng hộ cuộc đảo chính của Lon Non lật đổ Xi-ha-núc ở Cam-pu-chia năm 1970. Ở Lào, họ cũng đã nuôi dưỡng các nhóm và thành lập đảng thân Bắc-kinh nhằm lật đổ ban lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào.

Họ đã dùng bọn tù trưởng các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới gần Trung-quốc thành lập lực lượng vũ trang chống lại chính quyền nhiều nước như ở Ấn-độ, Miến-điện, Lào, Việt-nam, v.v.

Các lực lượng tay sai của Bắc-kinh trên đây đều có chỗ dựa là lãnh thổ Trung-quốc. Chúng được huấn luyện trên đất Trung-quốc, có đài phát thanh đặt trên đất Trung-quốc. Trong những lúc khó khăn chúng rút về Trung-quốc để bảo toàn lực lượng và nghỉ ngơi.

Các hoạt động lật đổ do Bắc-kinh tiến hành ở các nước Đông Nam Á đều được phối hợp với những sức ép của Bắc-kinh về quân sự, chính trị, kinh tế đối với chính phủ các nước này.

Thủ hành chính sách thực dân mới: lập chính quyền tay sai và chư hầu cũng là một thủ đoạn chiến lược thông thường của Bắc-kinh. Sau khi chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, chủ nghĩa bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh chỉ có thể thực hiện dưới hình thức thiết lập chính quyền tay sai và chư hầu, tức là dưới hình thức của chủ nghĩa thực dân mới. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã lợi dụng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa thực dân cũ để gạt bỏ các đế quốc khác khỏi các thuộc địa và dưới danh nghĩa ủng hộ độc lập của các dân tộc chống chủ nghĩa thực dân để thay thế các đế quốc khác bằng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Trong những năm 50 và 60, bọn cầm quyền Bắc-kinh đi theo con đường của đế quốc Mỹ, ủng hộ cuộc đấu tranh của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh chống chủ nghĩa thực dân cũ, cũng nhằm để biến các nước này thành công cụ cho chủ nghĩa bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh. Đi dôi với âm mưu về chính trị, Bắc-kinh đã viện trợ cho một số nước về kinh tế và quân sự, đưa cổ vũ vào các ngành then chốt của bộ máy kinh tế, chính trị, quân sự, đưa đội quân làm đường vào để đi sâu xuống tận cơ sở. Bắc-kinh tìm cách duy trì các nước này luôn luôn phụ thuộc vào họ. Trong 30 năm qua, Trung-quốc không bao giờ tán thành Việt-nam thống nhất. Họ luôn luôn thỏa thuận với đế quốc chia cắt lâu dài Việt-nam. Đồng thời họ tìm cách buộc các nước này chỉ phụ thuộc vào viện trợ của họ và không nhận viện trợ của các nước khác. Năm 1964, họ ép Việt-nam chỉ nhận viện trợ của Trung-quốc, và từ chối viện trợ của Liên-xô. Từ sau khi Cam-pu-chia thoát khỏi sự lệ thuộc vào đế quốc Mỹ, họ độc quyền viện trợ cho bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry và bọn này không nhận viện trợ của các nước ngoài khác. Họ lợi dụng mâu thuẫn

dân tộc, chia rẽ các nước, thực hiện chính sách cô truyền của bọn đế quốc là chia để trị. Bọn cầm quyền Bắc-kinh thù địch với sự đoàn kết giữa ba nước Đông-dương. Họ luôn luôn tìm cách chia rẽ ba nước Đông-dương. Từ năm 1965, họ đã sử dụng bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry để phá hoại tình đoàn kết Đông-dương trong cuộc chiến tranh chống xâm lược Mỹ. Từ năm 1975, họ đã dùng bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry gây ra chiến tranh chống nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào. Ở Đông Nam Á, trước đây họ dùng các nước Đông-dương làm bàn đạp chống các nước khác ở Đông Nam Á, từ những năm 70 họ tranh thủ và chia rẽ các nước này với các nước Đông-dương. Ở Nam Á, họ tranh thủ các nước láng giềng của Ấn-độ chống lại Ấn-độ. Ở châu Phi họ ủng hộ Xô-ma-li chống lại Ê-ti-ô-pi-a. Ở trong mỗi nước, bọn cầm quyền Bắc-kinh cũng sử dụng nhiều con bài cùng một lúc để có thể kiểm soát nước đó một cách dễ dàng. Ở nhiều nước Đông Nam Á, trong lúc họ tranh thủ nhà cầm quyền, họ vẫn tiếp tục sử dụng đảng thân Bắc-kinh và Hoa-kiến ở đó làm áp lực với nhà cầm quyền. Ở Cam-pu-chia, đầu những năm 70, bọn cầm quyền Bắc-kinh sử dụng năm con bài một lúc: Xi-ha-núc, bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, Lon-non, Son-San và Hoa-kiến.

Trong mấy chục năm qua, bọn phản động Bắc-kinh đã có nhiều cố gắng lập ra nhiều chính quyền tay sai và chư hầu. Họ đã thất bại ở nhiều nơi. Thành công lớn nhất của họ là tạo ra bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry ở Cam-pu-chia trong một thời gian.

Chính sách cái gậy và củ cà rốt mà Bắc-kinh thi hành là chính sách vừa dọa nạt vừa mua chuộc. Về mặt này, Bắc-kinh có nhiều hạn chế. Nhưng Bắc-kinh sử dụng lực lượng vũ trang đóng đảo, lợi dụng số dân đông để đe dọa các nước láng giềng. Ngay từ khi thành lập nước Cộng hòa nhân

dân Trung-hoa. Bắc-kinh đã lao vào việc xây dựng lực lượng hạt nhân chiến lược làm cái gậy to hỗ trợ cho chính sách bá quyền và bành trướng của họ. Vũ khí hạt nhân của Trung-quốc không phải là nhằm đe dọa các cường quốc hạt nhân khác, vì Trung-quốc xếp thứ 5 trong hàng ngũ 5 cường quốc hạt nhân trên thế giới, mà chủ yếu nhằm khống chế các nước châu Á khác. Song cuộc chiến tranh của Trung-quốc xâm lược Việt-nam vừa qua đã bộc lộ rõ những nhược điểm của cái gậy mà Trung-quốc đang vung lên đe dọa các nước châu Á.

Viện trợ của Trung-quốc cho các nước còn kém xa viện trợ của các nước khác về số lượng và về chất lượng, và không đáp ứng được yêu cầu của các nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Cho nên viện trợ của Trung-quốc chỉ tập trung cho một số ít nước trọng điểm. Để hạn chế viện trợ của các nước khác và để bù vào nhược điểm của Trung-quốc về viện trợ, Trung-quốc đưa ra những điều kiện viện trợ để dài hơn nhiều nước khác, khuyến các nước nên tự lực cánh sinh và không nên nhận nhiều viện trợ của nước ngoài: về kinh tế, Trung-quốc khuyến họ nên lấy nông nghiệp làm cơ sở của nền kinh tế quốc dân, nên xây dựng công nghiệp với quy mô nhỏ và vừa; về quân sự, nên thực hiện chiến tranh nhân dân.

Viện trợ của Trung-quốc có thể lừa bịp được nhiều nước nhưng khi Trung-quốc dùng việc cắt viện trợ chống lại Việt-nam và An-ba-ni, nhiều nước phải suy nghĩ đến mục đích chính trị của Bắc-kinh trong việc viện trợ cho các nước.

CHIẾN LƯỢC CỦA BẮC-KINH TRONG TƯƠNG LAI

Về chiến lược của Bắc-kinh trong tương lai, có thể có những khả năng sau đây:

— Bắc-kinh hy vọng sẽ có chiến tranh lớn giữa Mỹ với Liên-xô, Trung-quốc sẽ lợi dụng sự suy yếu của Mỹ và Liên-xô trong cuộc chiến tranh đó để vươn lên trở thành cường quốc mạnh nhất thế giới;

— Hiện nay Trung-quốc đứng hàng thứ 7 trên thế giới về sản xuất công nghiệp. Theo ước lượng của nhiều giới am hiểu trên thế giới, nếu thuận lợi, Trung-quốc có thể cố gắng nhảy lên hàng thứ 5 và nếu nhìn bằng con mắt lạc quan nhất, Trung-quốc có thể nhảy lên hàng thứ 3;

— Bắc-kinh bị thất bại lớn trong những cuộc phiêu lưu bên ngoài và bị suy yếu vì những hỗn loạn bên trong, do đó Bắc-kinh thất bại lớn trong việc thực hiện « bốn hiện đại hóa » như tình hình đã diễn ra trong 20 năm qua;

— Những thất bại to lớn sẽ đưa đến thay đổi về đường lối hoặc thay đổi về lãnh đạo ở Trung-quốc.

Để đánh giá những khả năng trên đây, chúng ta cần phải đánh giá những thành công và thất bại của Bắc-kinh trong việc thực hiện chiến lược bá quyền và bành trướng vừa qua:

Đến nay nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa vừa tròn 30 tuổi. Trong 8 năm đầu kể từ khi thành lập nước này (1949 — 1957), chủ nghĩa bá quyền và bành trướng chưa trở thành chính sách cơ bản của Bắc-kinh. Do đó có những thắng lợi to lớn về mặt đối nội cũng như đối ngoại của nhân dân Trung-quốc. Uy tín của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa rất to lớn trên thế giới, mặc dù trong thời gian này cũng đã có những biểu hiện của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng. Trong 22 năm sau (1958 — 1979), chủ nghĩa bá quyền và bành trướng đã ngày càng trở thành mục tiêu chủ yếu của Bắc-kinh nhưng chính sách đó đã gặp nhiều thất bại to lớn. Từ cuối những năm 50 đến cuối những năm 60, những luận điệu đấu tranh

mạnh mẽ chống đế quốc Mỹ và chống « xét lại » và tiếp sau là những luận điệu cực tả đã tạm thời lừa bịp được một bộ phận các tầng lớp trung gian và một bộ phận các nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Đó là thắng lợi lớn nhất mà Bắc-kinh đã giành được từ trước đến nay. Tuy vậy họ đã thất bại không đạt được mục tiêu chiến lược là kéo lực lượng cách mạng trên thế giới vào quỹ đạo của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng của họ đề Trung-quốc giành vị trí cường quốc ngang hàng với Liên-xô và Mỹ. Trong 10 năm từ 1970 đến 1979, chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Bắc-kinh đã đi vào con đường công khai phản động câu kết với chủ nghĩa đế quốc chống lại phong trào cách mạng thế giới. Đặc biệt là cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam vừa qua đã lộ trần bộ mặt phản động của Bắc-kinh, làm cho Bắc-kinh không còn khả năng giả danh cách mạng lừa bịp được nữa. Do đó chủ nghĩa Mao trên thế giới bị khủng hoảng trầm trọng. Sự đoàn kết của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào cách mạng thế giới được tăng cường. Một thất bại to lớn nữa là chủ nghĩa bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh bị đẩy ra khỏi các nước Đông-dương là nơi họ muốn biến thành căn cứ chủ yếu đề bành trướng ra Đông Nam Á. Nhưng thất bại to lớn nhất trong 22 năm qua là chính sách bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh trên thế giới và sự tranh giành quyền lực cá nhân giữa các tập đoàn phản động trong nước đã làm cho nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa suy yếu nghiêm trọng về kinh tế và quân sự, hỗn loạn về tư tưởng và chia rẽ sâu sắc về chính trị. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam vừa qua là chất xúc tác đã làm cho Bắc-kinh lâm vào một cuộc khủng hoảng về lãnh đạo trầm trọng. Thất bại trong việc xây dựng lực lượng kinh tế, chính trị, quân sự của Trung-quốc làm cho mâu thuẫn giữa tham vọng quá lớn về bá quyền và bành

trướng với lực lượng bản thân quá hạn chế càng thêm sâu sắc.

Nguyên nhân của những thất bại to lớn của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Bắc-kinh trong 22 năm qua là :

Bắc-kinh triển khai chiến lược bá quyền và bành trướng giữa lúc ba dòng thác cách mạng phát triển mạnh mẽ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ và chủ nghĩa thực dân mới khủng hoảng trầm trọng, chủ nghĩa đế quốc ngày càng suy yếu. Rõ ràng chủ nghĩa bá quyền và bành trướng ấy đã trở thành lỗi thời và Bắc-kinh cũng như chủ nghĩa đế quốc đều cùng chung một số phận.

Chiến lược bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh đi ngược lại lợi ích của nhân dân Trung-quốc. Nó đã gây ra bao nhiêu tai họa cho nhân dân Trung-quốc. Đời sống nhân dân Trung-quốc đã cực khổ, nhưng tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại dùng một phần quan trọng thu nhập quốc dân vào những việc như xây dựng lực lượng hạt nhân chiến lược, viện trợ cho bọn phản động Pi-nô-chê, nuôi dưỡng bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry và các bọn phản động khác chống nhân dân nhiều nước và tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược chống các nước láng giềng. Bọn phản động Bắc-kinh đã tìm cách che giấu nhân dân Trung-quốc về cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam vì cuộc chiến tranh đó là trái với lợi ích của nhân dân Trung-quốc. Nhân dân Trung-quốc nhất định sẽ nổi dậy chống lại bọn cầm quyền phản động.

Tham vọng bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh quá lớn, nhưng lực lượng chính trị, kinh tế và quân sự của Trung-quốc thì hạn chế. Trong 22 năm qua, mâu thuẫn này chẳng những không được khắc phục, mà càng bị các cuộc phiêu lưu của Bắc-kinh ở bên ngoài và những hỗn loạn do nó gây ra ở bên trong khoét sâu thêm.

Bắc-kinh câu kết với đế quốc chống lại phong trào cách mạng thế giới, chống Liên-xô và hy vọng dựa vào chủ nghĩa đế quốc để thực hiện «bốn hiện đại hóa». Bọn đế quốc, hy vọng dùng con bài Trung-quốc để chống phong trào cách mạng thế giới và làm suy yếu Liên-xô. Thực tế trong mấy năm qua chúng tỏ rằng Bắc-kinh câu kết với bọn đế quốc cũng không làm thay đổi được lực lượng đối sánh trên thế giới và không đảo ngược được xu thế phát triển tất yếu của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Ngay ở châu Á, sự câu kết Mỹ - Trung có khả năng phát huy hiệu quả trực tiếp nhất, nhưng sự phát triển của tình hình Đông-dương, Á-pa-ga-ni-stan, I-ran và Trung Cận Đông chứng tỏ rằng con bài Trung-quốc không có tác dụng như bọn đế quốc mong muốn. Bọn đế quốc vẫn tiếp tục dùng con bài Trung-quốc, nhưng ảo tưởng trước đây của chúng muốn dùng con bài này để chống phong trào cách mạng thế giới và làm suy yếu Liên-xô đã tan vỡ. Mặt khác, chúng có thể muốn có một nước Trung-quốc mạnh nhưng không trở thành nguy cơ đe dọa lợi ích của chúng ở châu Á và trên thế giới. Với việc bọn cầm quyền Bắc-kinh theo đuổi chính sách bá quyền và bành trướng, một nước Trung-quốc có 1000 triệu dân và hoàn thành được «bốn hiện đại hóa» sẽ là một nguy cơ không thể tưởng tượng được đối với các nước đế quốc chủ-nghĩa. Cho nên năm 1978 và đầu năm 1979 đã chứng kiến một cuộc chạy đua của các nước đế quốc chủ nghĩa đến Bắc-kinh, nhưng từ sau cuộc chiến tranh của Bắc-kinh xâm lược Việt-nam, bọn đế quốc cũng đang phải tính toán lại việc đầu tư vào con bài Trung-quốc.

Những nguyên nhân của những thất bại to lớn của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Bắc-kinh nói trên cũng sẽ là những nhân tố quyết định sự phát triển của chiến lược bá

quyền và bành trướng của Bắc-kinh trong tương lai.

Ngày nay, những điều kiện giúp cho Bắc-kinh thực hiện tham vọng bá quyền và bành trướng ngày càng giảm. Lực lượng của bản thân Trung-quốc về kinh tế, chính trị và quân sự vững mạnh nhất là trong thời gian từ 1950 đến 1957, nhưng tình hình kinh tế, chính trị và quân sự của Trung-quốc hiện nay là không thuận lợi, đặc biệt là tình hình hỗn loạn do hậu quả lâu dài của những đảo lộn của «cách mạng văn hóa» và sự khủng hoảng về lòng tin, sự khủng hoảng về lãnh đạo nhất là từ sau cuộc chiến tranh của Bắc-kinh xâm lược Việt-nam. Khả năng thực hiện mục tiêu «bốn hiện đại hóa» vào cuối thế kỷ này đã bị đẩy lùi. Kế hoạch 10 năm từ 1976 đến 1985 là kế hoạch có ý nghĩa quyết định cho mục tiêu «bốn hiện đại hóa» đã phải cắt giảm 30%. Từ những năm 50 đến giữa những năm 60, uy tín của Trung-quốc trên thế giới là cao nhất trong 30 năm qua, khả năng lừa bịp và tập hợp lực lượng trên thế giới của Bắc-kinh cũng là lớn nhất. Nhưng từ những năm 70, Bắc-kinh đã tự lột mặt nạ cách mạng giả hiệu, uy tín và khả năng lừa bịp của Bắc-kinh tụt xuống thấp nhất từ sau cuộc chiến tranh của Bắc-kinh xâm lược Việt-nam. Quan hệ Xô - Mỹ cũng càng thẳng thắn nhất là trong thời kỳ chiến tranh lạnh của những năm 50 và 60. Hiện nay Liên-xô vững mạnh hơn trước nhiều, ngược lại Mỹ đang ngày càng lún sâu trong cuộc khủng hoảng trầm trọng, kéo dài và không lối thoát. Quan hệ Xô - Mỹ hiện nay là vừa đấu tranh, vừa hòa hoãn. Bọn đế quốc có ảo tưởng về con bài Trung-quốc, nhưng sự phát triển của tình hình nhiều nơi trên thế giới đã chứng tỏ rằng con bài Trung-quốc không thể đảo ngược được xu thế phát triển tất yếu của cách mạng thế giới. Ba dòng thác cách mạng ngày càng có bước phát

triển mới. Bắc-kinh đã thất bại lớn trong chính sách cầu kết với chủ nghĩa đế quốc. Thất bại của Bắc-kinh ở Đông-dương mà họ coi là sản sau của họ, là thất bại lớn nhất của chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Bắc-kinh.

Bon đế quốc Anh và Pháp phải qua hai cuộc chiến tranh thế giới mới suy yếu và từ cường quốc thế giới. Anh, Pháp trở thành cường quốc châu Âu. Đế quốc Mỹ đã được hai cuộc chiến tranh thế giới đưa lên thành cường quốc mạnh nhất. Nhưng thời kỳ hùng mạnh nhất của Mỹ cũng chỉ kéo dài trong 20 năm. Từ những năm 60, Mỹ đã bắt đầu suy yếu trước hết là do cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, sự lớn mạnh của ba đồng trục cách mạng và nhất là do cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam.

Cũng như chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền và bành trướng Bắc-kinh đang gặp nhiều khó khăn hơn trước. Có thể khẳng định rằng không có khả năng Trung-quốc thực hiện được « bốn hiện đại hóa » và trở thành cường quốc số một cuối thế kỷ này. Nếu thuận lợi, Trung-quốc có khả năng nhảy lên cường quốc thứ

năm hoặc thứ ba trên thế giới. Nhưng cũng có khả năng nữa là Bắc-kinh bị thất bại lớn ở bên trong và bên ngoài như tình hình đã diễn ra trong 20 năm qua. Bắc-kinh có thể vẫn tiếp tục những tham vọng lớn và những phiêu lưu nguy hiểm, mặc dù điều kiện bên trong và bên ngoài ngày càng xấu đối với Bắc-kinh. Càng ngoan cố-Bắc-kinh càng thất bại lớn.

Trước mắt, chúng ta chưa thấy xuất hiện khả năng những thất bại rất to lớn ở bên trong và bên ngoài sẽ đưa đến việc thay đổi đường lối và thay đổi lãnh đạo của Bắc-kinh. Nhưng chúng ta tin rằng cuối cùng nhân dân Trung-quốc nhất định sẽ nổi dậy lật đổ được bọn phản động cầm quyền ở Bắc-kinh vì nhân dân Trung-quốc đã làm nên lịch sử vĩ đại của Trung-quốc và nhân dân Trung-quốc vốn có truyền thống đấu tranh cách mạng, vì thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Khai thác tiềm năng nông nghiệp ở Hải-hưng

NGÔ-DUY-ĐÔNG

Bí thư Tỉnh ủy Hải-hưng

I - XUẤT PHÁT TỪ ĐẶC ĐIỂM ĐẤT HẸP, NGƯỜI ĐÔNG, TÌM ĐƯỜNG KHAI THÁC TIỀM NĂNG NÔNG NGHIỆP TRONG TỈNH



ÀM bên tả ngạn sông Hồng, thuộc vùng trung tâm đồng bằng Bắc-bộ, Hải-hưng là tỉnh có đặc điểm đất hẹp, người đông, với mật độ 812 người/km². Dân số lại phát triển khá nhanh, từ 1,61 triệu người năm 1968 lên 2,05 triệu người năm 1977, trung bình mỗi năm tăng trên 5 vạn dân. Song, Hải-hưng có những thuận lợi tự nhiên quan trọng. 85% đất đai của Hải-hưng là do phù sa của các sông lớn bao quanh tỉnh bồi tụ lên từ bao đời nay. Đến nay, chúng tôi đã xác định có 23 loại đất chính được quy thành 6 vùng địa lý thổ nhưỡng khác nhau, trong đó, trên 40% là loại đất tốt. Khoảng 65% là đất nhẹ, pha cát, đất thịt nhẹ và trung bình. Hải-hưng nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa với 2 mùa rõ rệt. Mùa đông khô, gió lạnh. Mùa hè nóng, mưa nhiều. Khí hậu nhiệt đới tạo cho

Hải-hưng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp toàn diện, quay vòng ruộng đất nhanh, có khả năng sản xuất ra nhiều của cải trên một đơn vị diện tích trong năm.

Nhưng với đặc điểm ấy, những năm trước đây, do tổ chức sản xuất và cải tạo đồng ruộng, chống thiên tai chưa tốt, úng lụt, hạn là mối đe dọa thường xuyên cả hai vụ chiêm, mùa. Trong khi đó, sản xuất chỉ độc canh lúa, năng suất không những thấp, lại bắp bênh. Số diện tích bị úng năm 1960 là 31 600 ha, năm 1965 là 42 900 ha, năm 1968 là 75 972 ha (úng và lụt), năm 1972 là 41 507 ha (mất trắng khoảng 13 816 ha), năm 1973 là 42 302 ha (mất trắng khoảng 9 577 ha). Việc cải tạo cơ cấu giống lúa, tiếp thu lúa xuân làm chậm. Năm 1970 diện tích lúa xuân mới chiếm 16,5% diện tích lúa vụ chiêm xuân, năm 1972 cũng mới đạt 63%. Năng suất lúa từ năm 1971 trở về trước, chưa bao giờ đạt được mục tiêu 5 tấn/ha, có huyện chỉ đạt trên 30 tạ/ha. Vụ đông hầu như chưa có gì. Sản xuất tản mạn và phân tán, không quy vùng chuyên canh, đất chuyên làm màu lại đem cấy lúa và ngược lại.

Giá trị nông sản hàng hóa không đáng kể. Đời sống nhân dân ở nhiều nơi rất khó khăn. Mỗi năm cứ đến kỳ giáp hạt lại phải đề nghị Nhà nước cứu tế hoặc cho vay.

Đó là hậu quả của lối sản xuất nhỏ, phân tán, mang nặng tính chất tự cấp tự túc, của phương hướng sản xuất không rõ ràng, của việc chưa khắc phục được thiên tai; và tình trạng đó khiến cho không thể khai thác được khả năng tiềm tàng trong nông nghiệp ở địa phương.

Để khắc phục tình trạng đó, những năm gần đây, Hải-hưng kiên quyết quy vùng sản xuất nông nghiệp, thực hiện chuyên canh, thâm canh, từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào tình hình đất đai, tình hình nông hóa, thổ nhưỡng của địa phương, Hải-hưng đã được chia thành 5 vùng chuyên canh như sau: vùng lúa chiếm đại bộ phận diện tích trong tỉnh; vùng đay, ngô khoảng 20 000 ha thuộc các huyện ven sông Hồng; vùng lạc, đậu tương khoảng 1 500 ha thuộc huyện Chí-linh; vùng còikhoảng 1 000 ha thuộc huyện Nam-thanh; vùng rau chuyên canh khoảng 2 000 ha thuộc thị xã Hải-duy, khu công nghiệp Nhị-chiều (Kim-môn), Phả-lại (Chí-linh). Các vùng chuyên canh này được định hình từ mấy năm trước, hiện nay và những năm tới chúng tôi đang và sẽ tiếp tục hoàn chỉnh, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để khai thác đến mức tối đa thế mạnh của từng vùng.

Từ việc quy vùng sản xuất, Hải-hưng xác định được phương hướng sản xuất là *thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng bằng phát triển vụ đông với tốc độ cao, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính, bắt đầu quay vòng nhiều lượt trong một năm để tạo ra nhiều cửa cái cho xã hội.*

Đó là sự vận dụng cụ thể chủ trương của Đảng và Nhà nước về

phát triển nông nghiệp nhằm ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm cho người lao động có việc làm, có đủ ăn, đủ mặc, tận dụng hai thế mạnh trong tỉnh là lao động và đất đai cùng các tư liệu sản xuất khác, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, nhất là lương thực, thực phẩm.

Do đó, trong điều kiện của Hải-hưng, để tăng nhanh nguồn lương thực, bảo đảm mức sinh hoạt của nhân dân, phát triển chăn nuôi và bảo đảm mức đóng góp cho Nhà nước, đồng thời tăng nhanh nông sản hàng hóa và nông sản xuất khẩu, chúng tôi thấy cần thiết phải *thâm canh thật tốt hai vụ lúa* và các loại cây công nghiệp, đồng thời *phát triển mạnh vụ đông*, chủ yếu là hoa mầu lương thực và các cây thực phẩm khác.

II — KẾT QUẢ CỦA QUÁ TRÌNH THÂM CANH VÀ TĂNG VỤ TRÊN ĐỒNG RUỘNG HẢI-HƯNG

Đề *thâm canh tốt hai vụ lúa*, Hải-hưng vẫn coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu, chủ yếu là khắc phục được hạn, chống được úng, mở rộng diện tích tưới, tiêu theo phương pháp khoa học. Úng và hạn nghiêm trọng thường dẫn đến tình trạng mất mùa ở Hải-hưng. Do đó, những năm gần đây, Hải-hưng đã tập trung cao độ vào việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đặc biệt là thủy lợi, nhằm vào việc hoàn chỉnh hệ thống thủy nông, xây dựng các công trình lớn trên hạn ngạch đề ngân lù và tiêu úng.

Với những công trình thủy lợi đã xây dựng, hàng năm Hải-hưng có thể tưới cho 137 000 ha và tiêu cho 116 200 ha. Như vậy là đã cơ bản giải quyết được khâu chống hạn và chống úng (trừ những năm mưa đột xuất hoặc có sự cố về điện). Việc tưới tiêu nước theo phương pháp khoa học ngày càng

được mở rộng. Diện tích tưới tiêu khoa học từ 25 300 ha năm 1976 tăng lên 70 000 ha năm 1978.

Đi đôi với công tác thủy lợi, Hải-hưng đã chú ý đúng mức đến các biện pháp kỹ thuật thâm canh khác như cải tạo giống, đưa tỷ lệ lúa xuân lên trên 90%, xác định cơ cấu giống thích hợp đối với từng vụ, từng vùng, mở rộng cơ giới hóa nông nghiệp trong điều kiện cho phép, kết hợp cả loại lớn, loại vừa và loại nhỏ; tăng phân bón, cải tạo đất; coi trọng khâu thời vụ và từng bước mở rộng việc gieo thẳng thay cho cấy lúa.

Kết quả của những cố gắng đó là từ năm 1972 đến nay, Hải-hưng luôn luôn giữ vững năng suất 5 tấn thóc/ha, có những năm đã đạt xấp xỉ 6 tấn/ha (1971, 1976). Hàng chục huyện, thị xã có năm đã đạt từ 60 tạ đến 77 tạ/ha và nhiều hợp tác xã đã đạt từ 80 tạ đến 100 tạ/ha. Năm 1978 vừa qua là một trong những năm có thiên tai nghiêm trọng, nhưng do có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, chống úng thẳng lợi, Hải-hưng vẫn đạt năng suất lúa 54,52 tạ/ha. Riêng vụ mùa đạt 27,8 tạ/ha là năng suất cao nhất từ trước tới nay. Năm 1978 cũng là một trong 3 năm (1974, 1976, 1978) có sản lượng lúa lớn nhất, Toàn tỉnh có 10 huyện, thị xã (tính theo đơn vị cũ) đạt trên 5 tấn/ha, trong đó có 5 huyện, thị xã đạt trên 6 tấn/ha, 7 hợp tác xã đạt từ trên 8 tấn đến xấp xỉ 9 tấn/ha. Có những khu đồng thí nghiệm đạt năng suất lúa khá cao, như khu đồng 20 ha của hợp tác xã An-bình (Nam-thanh) đạt 14 tấn/ha, khu đồng 19 ha của hợp tác xã Thăng-long (Kim-môn) đạt 12,6 tấn/ha.

Những kết quả đó nói lên tính vững chắc trong quá trình thâm canh lúa ở Hải-hưng, đồng thời cũng chứng minh rằng khả năng tiềm tàng thâm canh lúa còn rất lớn.

Quá trình thâm canh lúa ở Hải-hưng còn làm nổi lên một vấn đề là mở rộng diện tích gieo thẳng, đề

tiến tới thực hiện cơ giới hóa khâu gieo, thay cấy. Đây là một sự thay đổi phương pháp canh tác, đồng thời cũng là một biện pháp thâm canh, vì lúc gieo thẳng thì chủ động về thời vụ hơn, nhất là vụ xuân, không sợ mạ già, mạ óng, đỡ tốn chi phí sản xuất, vụ mùa hạn chế được sâu bệnh ở trà lúa sớm. Xu thế gieo thẳng lúa ở Hải-hưng đang có chiều hướng phát triển tốt.

Việc phát triển vụ đông, ở Hải-hưng làm từ 7 năm nay, đã có những bước đi vững chắc đạt kết quả ngày càng lớn. Năm 1972 Hải-hưng mới làm vụ đông được 9 392 ha, chiếm 7,8% diện tích canh tác; năm 1974 lên 9,8%, năm 1976 lên 14,5%, và năm 1978 đã lên tới xấp xỉ 30%. Đó là một tiến bộ khá nhanh, một cố gắng lớn của giai cấp nông dân tập thể trong tỉnh, mặc dù vụ đông năm 1978 có rất nhiều khó khăn do thiên tai gây nên.

Qua nhiều năm phát triển vụ đông ở Hải-hưng, có thể thấy những lợi ích thiết thực sau đây:

1— Sản lượng màu (quy thóc) của vụ đông ở Hải-hưng năm 1972 là 12 587 tấn, năm 1971 lên 15 914 tấn, năm 1976 lên 38 780 tấn và năm 1978 đạt tới 95 000 tấn. Nhờ có vụ đông phát triển, mấy năm gần đây Hải-hưng đã xóa được nạn giáp hạt tháng 3 (trước đây, năm nào Nhà nước cũng phải giúp đỡ). Đời sống nhân dân được ổn định rõ rệt. Một số nơi có thu nhập lớn về vụ đông. Giá trị tổng sản lượng cây vụ đông của Hải-hưng năm 1972 là 20,3 triệu đồng, năm 1974 là 30,1 triệu đồng, năm 1976 lên 63,6 triệu đồng, năm 1978 đạt tới 111,1 triệu đồng, (gấp 2,2 lần năm 1976, và bằng 7 lần năm 1972) chiếm 32,7% tổng sản lượng nông nghiệp toàn tỉnh.

2— Trong khi năng suất lúa vẫn chỉ ở mức 5 tấn/ha, đàn lợn của Hải-hưng hằng năm tiếp tục tăng thêm (năm 1977 có 46 vạn con, năm 1978 lên 49 vạn con, tăng 5,6%). Riêng đàn lợn tập thể từ 46 800 con lên 58 800 con, tăng

25%). Điều đó rõ ràng là nhờ có tác động mạnh mẽ của vụ đông.

3— Do nhiều năm làm vụ đông, lại phát triển nhiều loại cây trồng trên nhiều vùng khác nhau, nhân dân đã có được ít nhiều kinh nghiệm về đề giống khoai tây, trồng dưa hấu mùa đông và tỏi xuất khẩu.

4— Do phát triển vụ đông, đất ở nhiều vùng được cải tạo, tăng độ mùn và tăng thêm dinh dưỡng cho đất.

5— Phát triển vụ đông chính là khai thác thế mạnh tiềm tàng về đất đai và lao động trong tỉnh, thực hiện phân công lao động tại chỗ để làm ra nhiều của cải vật chất cho xã hội.

Trước đây mùa đông ở Hải-hưng, ruộng đất bỏ không, lao động nhàn rỗi, trong khi đó đời sống nhân dân gặp khó khăn mà không có cách gì giải quyết. Ngày nay, vụ đông đã chiếm xấp xỉ 30% diện tích canh tác toàn tỉnh (ở nhiều hợp tác xã, vụ đông đã chiếm từ 50 đến 70% diện tích). Do đó, trong mùa đông, người nông dân có nhiều việc làm, hơn nữa còn phải lao động khẩn trương. Vụ đông hiện nay là một vụ đem lại nhiều hy vọng cho những hợp tác xã dám làm và biết làm, vì nếu làm tốt, vụ đông còn mang lại giá trị sản lượng lớn hơn cả hai vụ lúa. Một số hợp tác xã tiên tiến có ý đồ từng bước làm giàu cho xã viên bằng con đường phát triển vụ đông. Ví dụ: hợp tác xã Thăng-long (Kim-môn), đơn vị làm vụ đông giỏi, năm 1976 đã làm vụ đông 51% diện tích canh tác, năm 1978 đưa lên 72%. Do phát triển vụ đông, Thăng-long đã đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2,78 lần. Giá trị sản lượng vụ đông năm 1978 đạt 1 486 000 đồng, chiếm 58% tổng giá trị sản lượng của toàn hợp tác xã. Riêng về giá trị nông sản hàng hóa chiếm 1260000 đồng, bình quân cho một héc-ta canh tác được 3 767 đồng, bình quân cho một lao động (dã quy đổi) là 784 đồng và bình quân cho mỗi

người là 253 đồng. Trong đó, giá trị hàng xuất khẩu chiếm 854 000 đồng, bình quân cho một lao động là 514 đồng. Bình quân một héc-ta làm 3 vụ (2 vụ lúa + 1 vụ đông) ở đây đã đạt 8600 đồng với công thức 2 lúa + 1 khoai tây, và đạt 16600 đồng với công thức 2 lúa + 1 tỏi. Ở hợp tác xã An-bình (Nam-thanh) năm 1978 diện tích vụ đông đã chiếm tới 68% diện tích canh tác. Giá trị sản lượng vụ đông đạt 1 350 000 đồng, trong khi 2 vụ lúa chỉ thu có 812 000 đồng. Bình quân thu nhập vụ đông cho mỗi người là 250 đồng. Nhờ có vụ đông, hợp tác xã đã đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 2,7 lần. Đặc biệt An-bình đã thực hiện công thức luân canh 4 vụ trong phạm vi 24,4 ha, bình quân mỗi ha trong năm thu được 395 tạ sản phẩm trị giá 14 660 đồng (với 2 vụ lúa đạt 111 tạ = 4 440 đồng, dưa hấu vụ đông đạt 85 tạ = 4 250 đồng, và su hào muộn đạt 199 tạ = 5 970 đồng).

Thắng lợi của vụ đông trên đồng ruộng Hải-hưng đã được khẳng định. Nhiều địa phương trong tỉnh đã coi vụ đông thật sự là một vụ sản xuất chính, đúng với chủ trương của trung ương.

Qua thực tiễn của mình, Hải-hưng đã rút ra được những kết luận cần thiết để mở rộng vụ đông:

Một là, muốn tăng vụ, phải có một cơ cấu cây trồng thích hợp, để bảo đảm cho việc phát triển vụ đông chẳng những không làm tụt năng suất và sản lượng lúa, mà ngược lại, còn tạo điều kiện tăng năng suất và sản lượng lúa. Hiện nay ở Hải-hưng có loại giống lúa mùa sớm, thời gian sinh trưởng chỉ có 85 ngày, có loại trên dưới 100 ngày, nếu thâm canh tốt đều cho năng suất cao không kém lúa chính vụ. Những giống lúa mùa ngắn ngày như vậy cho phép vụ đông kéo dài 4—5 tháng, có thể phát triển thêm một số cây trồng có hiệu quả kinh tế lớn hơn, nhưng lại cần thời gian dài hơn, hoặc lượng tổng tích ôn cao hơn, nghĩa là cần trồng sớm hơn từ trung

tuần tháng 9 trở đi, làm cho tập đoàn cây vụ đông thêm phong phú. Từ đó, Hải-hưng đã rút ra kết luận là muốn làm vụ đông lớn phải mở rộng diện tích lúa mùa sớm, với những giống lúa ngắn ngày thích hợp đã thuần hóa ở địa phương.

Hai là, từng hợp tác xã phải quy vùng sản xuất cho từng loại cây trồng vụ đông, trên cơ sở đó, bố trí gieo cấy giống lúa gì trong vụ mùa để bảo đảm thời vụ của cây trồng vụ đông. Làm như vậy sẽ tiện cho việc chỉ đạo thống nhất của hợp tác xã từ việc tưới nước, tiêu nước, sử dụng máy kéo, đến việc chỉ đạo kỹ thuật, chăm sóc cây trồng, phòng trừ sâu bệnh. Đó chính là thực hiện chuyên canh, thâm canh, từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kiên quyết xóa bỏ lối sản xuất phân tán.

Ba là, thực hiện cơ giới hóa khâu làm đất cho vụ đông. Công việc lao động trong lúc này rất căng thẳng, chi phí về lao động trên một đơn vị diện tích vụ đông cao hơn làm lúa. Do đó, nếu không sử dụng cơ giới trong khâu làm đất thì lao động sẽ vất vả, nặng nhọc, hơn nữa không có khả năng làm lớn, không thể mở rộng diện tích vụ đông, không thể làm kịp thời vụ.

Bốn là, chủ động về giống cây trồng vụ đông theo kế hoạch đã định. Từng hợp tác xã phải chuẩn bị từ vụ trước cho vụ sau thì mới đủ giống và mới có giống tốt. Huyện có trách nhiệm điều hòa giống giữa nơi thừa và nơi thiếu trong phạm vi huyện.

Năm là, chuẩn bị đủ phân bón. Tàng vụ tất nhiên phải tăng phân bón hữu cơ trong khi phân hóa học còn rất thiếu và bị đọng. Cân đối về nhu cầu phân bón, có kế hoạch tận dụng mọi nguồn phân của địa phương, tăng cường chế biến để bảo đảm số lượng và chất lượng phân bón. Chuẩn bị củ phân ủ mục và đất bột khô để phòng phải trồng khoai tây trên nền đất ướt.

Sáu là, có hệ thống thủy nông hoàn chỉnh, có nguồn nước chủ động, khi

cần thì tưới, khi không cần thì tiêu được dễ dàng. Cây vụ đông tuy cần ít nước hơn lúa, nhưng nếu dễ thiếu nước tưới trong từng thời kỳ sinh trưởng của cây trồng thì sẽ ảnh hưởng không tốt đến năng suất. Nhất là thiếu nước cho cây trồng trong mùa khô hanh sẽ ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sự phát triển của cây.

Bảy là, bảo đảm làm đúng thời vụ. Gieo trồng không đúng thời vụ là phá vỡ mối quan hệ giữa sự phát triển sinh lý của cây với hoàn cảnh bên ngoài, đi ngược lại quy luật tự nhiên. Lịch thời vụ của tỉnh được xây dựng qua một quá trình nghiên cứu, tổng kết nhiều năm, vì vậy, cần coi việc thực hiện đúng lịch thời vụ là một vấn đề kỷ luật trong sản xuất.

III — CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Khi đã xác định được phương hướng sản xuất đúng, Hải-hưng tập trung cao độ sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, của các cấp, các ngành có liên quan, tạo mọi điều kiện thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, giúp cơ sở sản xuất tốt. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư và trang bị cơ giới trong điều kiện cho phép, đào tạo và bố trí cán bộ kỹ thuật một cách hợp lý đối với từng vùng sản xuất để phát huy thế mạnh và khả năng tiềm tàng của mỗi vùng.

Trong công tác chỉ đạo, Hải-hưng đã đặc biệt chú ý xây dựng và nhân điển hình tiên tiến chỉ đạo các hợp tác xã học tập và thi đua với các điển hình tiên tiến, kể cả điển hình nhiều mặt và điển hình từng mặt. Có những hợp tác xã giỏi về vụ đông, thâm canh lúa và chăn nuôi như: Thăng-long, An-bình, Đức-hợp; hoặc giỏi về thâm canh lúa bằng phương pháp gieo thẳng như Cẩm-dịnh, Kim-giang. Có nhiều hợp tác xã thực hiện hạch toán kinh tế chặt chẽ với phương châm: giảm chi phí sản xuất, hạ giá

thành, tăng thu nhập cho tập thể và xã viên. Tiêu biểu là hợp tác xã Nghĩa-hưng (Tứ-lộc) có thu nhập ngày công là 1,83 đồng và tỷ lệ chi phí chỉ có 32%. Hợp tác xã Đặng-lễ (Kim-thị) có thu nhập ngày công 1,80 đồng và tỷ lệ chi phí 35,2%, chi phí để sản xuất ra một tạ thóc là 10 công + 10 đồng. Điển hình về thâm canh cấy có hợp tác xã Phùng-hưng (Châu-giang). Điển hình về nuôi cá giỏi có hợp tác xã Thuần-hưng (Châu-giang). Điển hình về tổ chức vườn cây, nuôi dưỡng các cụ già, các bố mẹ liệt sĩ, hoặc những người có đơn không nơi nương tựa có hợp tác xã Tân-dân (Chí-linh). Điển hình về mức đóng góp lương thực cho Nhà nước là hợp tác xã Đặng-lễ, hằng năm đóng góp trên 1000 tấn thóc, bình quân 2040 kg/ha canh tác.

130 hợp tác xã tiên tiến, chiếm 32% tổng số hợp tác xã trong tỉnh có thể đại diện cho đủ các vùng và huyện nào cũng có. Những hợp tác xã tiên tiến này không được thiên nhiên ưu đãi gì hơn. Nhà nước cũng không đầu tư gì nhiều so với các hợp tác xã khác. Chỉ có khác là có đảng bộ mạnh, có cốt cán vững, có quyết tâm cao, biết làm và dám làm. Với bình quân diện tích 500 - 600m²/đầu người, các hợp tác xã tiên tiến không những sản xuất đủ ăn, mà còn đóng góp cho Nhà nước bình quân 2 tấn thóc và 2 tạ thịt trên một héc-ta canh tác. Thu nhập của tập thể và xã viên ngày càng tăng, sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, công tác quản lý kinh tế ngày càng tiến bộ và quan hệ sản xuất mới ngày càng được củng cố vững chắc, các phong trào sản xuất, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng lực lượng quân sự, rừng cổ quốc phong đều được tiến hành thuận lợi.

Sự ra đời và phát triển của những điển hình tiên tiến trên đây đánh dấu sự chuyển biến bước đầu của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong

tỉnh. Những kết quả và tiến bộ đạt được tuy còn thấp so với yêu cầu và so với tiềm lực của địa phương, song trong phạm vi từng địa phương, từng đơn vị, các điển hình tiên tiến đã mang lại nhiều hiệu quả rõ rệt tiêu biểu cho xu thế phát triển của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, mở ra triển vọng mới để đưa phong trào tiến lên mạnh mẽ. Từ kết quả của các điển hình tiên tiến, chúng tôi rút ra được một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, muốn vươn lên thành hợp tác xã tiên tiến, phải có đảng bộ mạnh, có đội ngũ cốt cán vững, dám làm và biết làm, có quyết tâm cao, có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu lao động và nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Hai là, hợp tác xã tiên tiến phải quản trịet được đường lối và quan điểm của Đảng, xác định được phương hướng, mục tiêu và biện pháp đúng. Ba là, hợp tác xã tiên tiến phải coi trọng việc xây dựng cơ sở vật chất và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi. Bốn là, công tác quản lý ở hợp tác xã tiên tiến phải luôn luôn được cải tiến để theo kịp yêu cầu của phát triển sản xuất. Năm là, hợp tác xã tiên tiến phải biết gắn chặt lợi ích của cá nhân và tập thể với lợi ích của Nhà nước, lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, gắn sự hoạt động của hợp tác xã với sự điều hành chung của cấp huyện. Sáu là, hợp tác xã tiên tiến không chỉ quan tâm đến sản xuất và phân phối đến đời sống vật chất của quần chúng, đến công tác phúc lợi, mà còn quan tâm đến công tác văn hóa xã hội, đến việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Chúng tôi đang mở rộng việc vận dụng những bài học kinh nghiệm trên đây trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Hải-hưng để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp trong toàn tỉnh.

Hòa - an

BÁM TRỤ KIÊN CƯỜNG

THANH - TÂM

TRONG cuộc chiến đấu vừa qua chống bọn Trung-quốc xâm lược, huyện Hòa-an (tỉnh Cao-bằng) tuy có chuẩn bị trước về nhiều mặt nhưng khi địch đánh tới không khỏi không có những khó khăn, nhất là lúc ban đầu, và có những khó khăn tưởng chừng không sao vượt nổi. Ý thế quân đông lại có xe tăng, pháo lớn mở đường, bọn địch đã đánh vào Hòa-an bằng nhiều mũi, chiếm các điểm cao, bao vây bốn phía khu căn cứ của huyện, cắt đứt giao thông liên lạc giữa huyện với nhiều xã cũng như giữa huyện với tỉnh. Trong hoàn cảnh chiến đấu khó khăn như vậy, cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương ngay từ đầu đã chủ động tổ chức và lãnh đạo cuộc chiến đấu với quyết tâm cao để vừa có thể bám trụ vững chắc và bảo vệ được dân vừa tiêu diệt được nhiều địch.

Phát huy kết quả của đợt sinh hoạt chính trị về tình hình và nhiệm vụ mới theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ IV của Trung ương Đảng, ban lãnh đạo của huyện đã nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng bọn bành trướng Bắc-kinh. Các đồng chí đã chỉ cho đảng bộ và nhân dân thấy rõ rằng cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc chống lại nước ta là một bằng chứng

hùng hồn tỏ rõ tập đoàn phản động Bắc-kinh là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm của nhân dân Việt-nam, của nhân dân các nước Đông-dương. Đứng trước âm mưu xâm lược của kẻ thù tàn bạo đó, nhân dân ta không có con đường nào khác là đoàn kết chặt chẽ quyết tâm chiến đấu đến cùng để bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu. Do dự, lùi bước lúc này là có tội với Tổ quốc, là khuyên khích kẻ thù lấn tới. Nhiệm vụ của quân và dân Hòa-an là phải làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để bảo vệ quyền làm chủ, bảo vệ quê hương, bảo vệ gia đình mình, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Hòa-an phải bám trụ vững chắc trên địa bàn huyện với khẩu hiệu "mỗi xã là một trận địa, cả huyện là một pháo đài" và với quyết tâm "giặc đến nhà, trẻ già đều đánh", đánh thắng địch ngay trên đất Hòa-an lịch sử để xứng đáng với truyền thống cách mạng bất khuất của căn cứ địa Việt-bắc anh hùng, xứng đáng với quê hương nơi mà Bác Hồ đã một số đồng chí lãnh đạo chủ yếu khác của Đảng đã hoạt động trong thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám.

Sau khi phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, ban lãnh đạo của huyện

đã khẳng định rằng quân và dân Hòa-an nhất định đánh thắng địch trên địa bàn huyện, vì các dân tộc ở đây vốn có truyền thống đoàn kết, truyền thống cách mạng kiên cường, một lòng chiến đấu chống địch dưới sự lãnh đạo của Đảng, có sức mạnh của chế độ mới xã hội chủ nghĩa, có địa thế hiểm trở với thế trận chiến tranh nhân dân địa phương được bày sẵn. Vấn đề đặt ra là phải tổ chức cuộc chiến đấu như thế nào để bảo đảm biến ý chí quyết chiến quyết thắng thành hiện thực, nói cách khác là bảo đảm thực hiện thắng lợi quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng trên địa bàn của huyện mình.

Trên cơ sở xác định quyết tâm như vậy, huyện ủy chủ trương phải khẩn trương tăng cường lực lượng chiến đấu. Nhưng lực lượng đó lấy ở đâu? Huyện ủy quyết định phải động viên cấp tốc mọi người có khả năng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bao gồm những cán bộ, công nhân viên trong huyện, những cán bộ và chiến sĩ quân đội chuyển ngành hoặc về hưu ở địa phương và cả những người ở nơi khác sơ tán đến. Hưởng ứng lời kêu gọi của ban lãnh đạo huyện, hàng trăm cán bộ, công nhân, giáo viên, bộ đội chuyển ngành và phục viên trong huyện đã tích cực tham gia các tổ chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Chỉ tính đại đội tự vệ Lam-sơn mới được thành lập cũng đã thu hút gần 100 chiến sĩ thuộc 9 binh chủng, phần lớn là bộ đội phục viên, công nhân, giáo viên. Do phát triển thêm lực lượng cho nên đã có điều kiện không những đề bổ sung các đơn vị dân quân tự vệ và công an địa phương mà còn có điều kiện để lập những đơn vị độc lập, cơ động (ở huyện một đại đội, ở mỗi xã một trung đội hoặc chỉ ít cũng một tiểu đội). Những đơn vị độc lập cơ động này đã có tác dụng rất tốt trong việc chủ động đánh địch: tìm địch mà đánh; đánh địch từ xa và góp phần dắc lực phá thế bao vây

và chiến thuật vu hồi của địch. Riêng đại đội tự vệ Lam-sơn — một đơn vị cơ động trực thuộc Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện đã chiến đấu liên tục, đánh giỏi thắng lớn, tiêu diệt nhiều địch và thu nhiều vũ khí, đạn dược.

Đi đôi với việc xây dựng lực lượng, ban lãnh đạo địa phương đã đề ra những biện pháp *kiện toàn các ban chỉ huy quân sự thống nhất và các ban phụ trách an ninh từ huyện xuống cơ sở*. Một mặt, tăng cường cho các ban đó những cán bộ có kinh nghiệm chỉ huy chiến đấu, có kiến thức chuyên môn, chủ yếu là những cán bộ đã hoạt động trong các lực lượng vũ trang nhân dân, có phẩm chất, có năng lực: mặt khác kiên quyết thay thế những cán bộ chủ chốt ở các cấp xét thấy không đảm đương nổi nhiệm vụ do sức khỏe hay năng lực bị hạn chế. Kết quả là qua những trận thử lửa với quân thù, các cấp ủy và các ban chỉ huy của các lực lượng vũ trang và công an địa phương nói chung đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân địa phương, hoàn thành tốt nhiệm vụ, lập công xuất sắc. Chỉ riêng lực lượng an ninh đã diệt hàng trăm tên Trung-quốc xâm lược, hàng chục tên thám báo, chỉ điểm, góp phần dắc lực vào việc bảo vệ tổ chức Đảng, chính quyền và nhân dân.

Khi cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra ngày càng gay gắt quyết liệt, các đồng chí lãnh đạo huyện Hòa-an lại ra sức củng cố và mở rộng khu căn cứ và không ngừng bổ sung, hoàn chỉnh các phương án chiến đấu. Xuất phát từ yêu cầu của cuộc chiến đấu chống lại một kẻ thù có quân đông được trang bị vũ khí khá mạnh, lại ở sát ngay biên giới nước ta và đề đối phó có hiệu quả hơn với chiến thuật “biên người” và chiến thuật vu hồi của chúng, huyện ủy Hòa-an đã chủ trương mở rộng khu căn cứ Lam-sơn thành *khu căn cứ liên hoàn*, coi

đó là một biện pháp rất quan trọng để tạo điều kiện bám trụ lâu dài và chiến đấu có hiệu quả. Khu căn cứ liên hoàn dài khoảng 5km, rộng 2km, gồm 3 xã với số dân độ 2 vạn người. Khu căn cứ liên hoàn do Ban thường vụ huyện ủy và Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo. Dưới cơ quan lãnh đạo và ban chỉ huy thống nhất còn thành lập một ban chuyên lo công tác hậu cần gồm một số cán bộ của các ngành lương thực, thực phẩm, y tế, tài chính, ngân hàng... Chính do tập hợp thêm được lực lượng và kiện toàn được các cấp ủy, và mở rộng được khu căn cứ. Hòa-an đã có thể bám trụ vững chắc, đánh lùi hàng chục lần tiến công của gần một sư đoàn địch, bảo vệ được dân, bảo toàn được khu căn cứ.

Từ khi địch chiếm đóng một số nơi ở Hòa-an và cuộc chiến đấu tại đây diễn ra ở thế càn rãng lược thì vấn đề xây dựng khu căn cứ lại đặt ra những yêu cầu cấp bách mới. Vấn đề lớn nhất đặt ra lúc này là phải làm sao bảo đảm sự lãnh đạo và chỉ đạo cuộc chiến đấu một cách linh hoạt nhất, sắc bén nhất, kể cả trong trường hợp kẻ thù chia cắt địa bàn, khó giữ vững được sự chỉ huy thống nhất.

Xuất phát từ yêu cầu và tình hình cụ thể lúc ấy, Ban thường vụ huyện ủy và Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện lại quyết định chia khu căn cứ liên hoàn thành 4 tiểu khu để tiện việc lãnh đạo, chỉ đạo cuộc chiến đấu. Chia tiểu khu chủ yếu là dựa trên cơ sở địa bàn xã. Trong mỗi tiểu khu, ngoài tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền còn lập thêm Ban chỉ huy quân sự thống nhất gồm từ 5 đến 7 người chuyên lo việc tổ chức và chỉ đạo tác chiến. Tùy theo vị trí của tiểu khu, mỗi tiểu khu do một đồng chí huyện ủy viên hoặc thường vụ huyện ủy trực tiếp làm trưởng tiểu khu hoặc chính trị viên. Ở mỗi tiểu khu còn lập ra các tiểu ban giúp việc. *Tiểu ban chính trị tư tưởng* chăm lo công tác

chính trị tư tưởng trong quần chúng. Nhiệm vụ cụ thể của tiểu ban này là hàng ngày theo dõi tin tức qua đài tiếng nói Việt-nam để kịp thời thông báo tin chiến thắng... phổ biến, giải thích chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời dựa vào dân tìm biết những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch để kịp thời chống lại, góp phần đánh bại chiến tranh tâm lý của chúng. *Tiểu ban tham mưu tác chiến* có trách nhiệm giúp đồng chí phụ trách quân sự của tiểu khu xây dựng và bổ sung các phương án đánh địch. *Tiểu ban an ninh chính trị, an toàn xã hội* phụ trách việc giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. *Tiểu ban hậu cần* chuyên lo việc phục vụ chiến đấu, bảo đảm đời sống của lực lượng vũ trang, của cán bộ công nhân viên và nhân dân.

Dưới mỗi tiểu ban lại có những tổ chuyên trách. Ví dụ dưới tiểu ban an ninh có các tổ an ninh, dưới tiểu ban hậu cần có các tổ tiếp phẩm, tổ nấu bếp, tổ chăm lo đời sống nhân dân, tổ y tế, tổ tài thương, tổ chôn cất tử sĩ, khắc phục hậu quả chiến tranh... Các ban, các tiểu ban và các tổ kể trên đã hoạt động rất tích cực và có những đóng góp quan trọng phục vụ cuộc chiến đấu một mất một còn chống quân thù. Ví dụ các tổ tiếp phẩm được lực lượng vũ trang và lực lượng an ninh bảo vệ, đã lườn ra phía ngoài chuyển hàng chục tấn gạo, hàng chục tấn thực phẩm các loại về khu căn cứ để kịp thời phục vụ quân và dân ta ăn no đánh thắng. Hàng ngày các tổ này cử người đem cơm, đem nước lên tiếp tế cho các lực lượng chiến đấu ở các chốt, các trận địa. Các tổ nấu bếp cũng hoạt động rất sôi nổi, khẩn trương. Mỗi tiểu khu đều tổ chức một bếp ăn tập thể với hàng chục người phục vụ gồm phần lớn là phụ nữ. Các bếp này mỗi ngày phục vụ binh quân 600—800 suất ăn, đợt xuất có ngày lên tới

1000—1200 suất. Nhiều cụ bà trên dưới 70 tuổi tự nguyện chuyên lo việc nấu ăn và luôn luôn bảo đảm cơm ngon, canh ngọt...

Một vấn đề nữa cần giải quyết tốt trong quá trình bám trụ và diệt địch là *vận dụng cách đánh* sao cho thích hợp và đạt hiệu quả cao. Quán triệt quan điểm của Đảng về lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương, xuất phát từ đối tượng tác chiến cụ thể, căn cứ vào địa thế của huyện và lực lượng của ta, ngay từ khi địch tiến vào địa giới Cao-bằng, Ban thường vụ huyện ủy và Ban chỉ huy quân sự thống nhất đã nêu cao khẩu hiệu “quân bám địch, cán bộ bám dân, dân bám đất để chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quê hương, bảo vệ gia đình”. Ban lãnh đạo huyện đã ra lệnh cho các lực lượng vũ trang của huyện phải giữ vững trận địa, giữ vững các chốt, đồng thời phải chặn địch và diệt địch từ xa. Được tin địch tiến vào huyện Thông-nông, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện đã lập tức cho bố trí lực lượng bộ đội địa phương và một số đơn vị dân quân du kích cơ động đón đánh xe tăng và bộ binh địch trước khi chúng đánh vào Hòa-an. Kết quả là các lực lượng vũ trang địa phương đã chặn đánh cánh quân bộ binh và cơ giới của địch, diệt hàng chục tên, phá hủy một số xe tăng và làm chậm bước tiến của chúng. Khi địch tiến sâu vào nội địa Hòa-an, các đồng chí lãnh đạo huyện lại đề ra yêu cầu cho ba thứ quân phải “chủ động diệt địch”, “lấy súng địch diệt địch, lấy súng địch để trang bị cho mình”. Thực hiện yêu cầu đó, dân quân nhiều xã đã đánh giỏi, thắng lớn, riêng dân quân xã Hoàng-tung đã chiến đấu rất ngoan cường: đánh tất cả 29 trận, diệt 220 tên địch, bắt 20 tên trong đó có 4 sĩ quan, thu 2 đại liên, 3 trung liên, 16AK, 25 CKC, 7 K54, 1 súng cối 60, 1 súng cối 82, 1 B10 và hơn nửa tấn đạn các loại. Các lực lượng vũ trang địa phương

đã chặn đánh địch khắp nơi không cho chúng nống ra và tiến công chúng mạnh mẽ ở nhiều nơi, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Bộ đội địa phương và dân quân du kích luôn luôn giữ thế cài răng lược, liên tục đánh địch trên các tuyến đường giao thông số 3, số 4... và đánh mạnh cả vào phía sau đội hình của chúng, diệt hàng trăm tên, buộc chúng phải co cụm lại để chống đỡ.

Qua chiến thắng trận đầu và kịp thời rút kinh nghiệm của các đợt chiến đấu chống địch, Ban thường vụ huyện ủy và Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện đã nêu ra được những cách đánh ngày càng thích hợp để đáp ứng yêu cầu bám trụ lâu dài và diệt nhiều địch, để bảo vệ dân, bảo vệ khu căn cứ. Ngoài cách đánh thông thường là đánh vu mạt, ban lãnh đạo và ban chỉ huy quân sự còn nêu ra cách đánh phục kích, đánh tập hậu, đánh ngang sườn, đánh bằng nhiều mũi, nhiều hướng, đánh bằng nhiều lớp, nhiều tầng, nhiều tuyến. Chính với tinh thần đó, cách đánh đó mà quân và dân Hòa-an đã có thể cầm chân cả tiểu đoàn, trung đoàn địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề, phá được vòng vây của địch bao quanh khu căn cứ. Một trong những điển hình tiêu biểu cho các lối đánh nói trên là đơn vị công an huyện Hòa-an. Với quyết tâm bảo vệ khu căn cứ, đơn vị này đã độc lập tác chiến và phối hợp chiến đấu 10 trận lớn nhỏ chống kẻ địch từ nhiều hướng tiến tới. Dựa vào địa hình hiểm trở và vận dụng lối đánh linh hoạt đơn vị đã bám sát địch, diệt hàng trăm tên, thu 2 ĐKZ, 1 cối 60 ly, 2 trung liên, 20 súng trường, 1 súng ngắn cùng nhiều quân trang quân dụng.

Với quyết tâm “một tổ cũng đánh, một người cũng đánh, đánh địch bằng mọi phương tiện sẵn có, bằng nhiều cách linh hoạt”, nhiều địa phương đã xuất hiện nhiều gương chiến đấu dũng cảm: 3 đồng chí dân quân Hòa-an

trên đường đưa thương binh về huyện, gặp địch đã chiến đấu mưu trí, diệt 3 tên, thu 1 AK, 2 CKC và một số đạn súng cối. Một tiểu đội dân quân chốt ở đồi Phéc-via đã phục kích một đại đội địch hành quân về phía bản Tuấn, diệt 22 tên và buộc chúng phải rút lên núi.

Cùng với tinh thần trên dân quân xã Hồng-việt đã chủ động bố trí diệt địch ngay trên đường tiến quân của chúng vào khu căn cứ Lam-sơn, buộc chúng phải phơi xác dọc các bờ ruộng, bờ khe ở đầu cửa ngõ bản Lam-sơn và số còn lại đã phải rút chạy... Trên đây là một vài ví dụ về những lời đánh sáng tạo, sinh động của quân và dân Hòa-an, những bằng chứng về sức mạnh chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Một yêu cầu rất quan trọng nữa đề tổ chức tốt cuộc chiến đấu là phải *tổ chức chu đáo việc sơ tán, ổn định đời sống nhân dân*. Vấn đề này đã được đặt ra từ trước và đã có phương án sơ bộ, chẳng hạn như các tầng lớp nhân dân đều được tập hợp theo đơn vị sản xuất và được hướng dẫn cụ thể trước đề khi cần thì có thể sơ tán ngay vào khu căn cứ. Đề chuẩn bị chiến đấu lâu dài, ban lãnh đạo huyện không những cho chuyển một số lương thực, thực phẩm mà còn chủ trương cho đưa cả cối xay, cối giã vào khu sơ tán và tổ chức lực lượng xay xát gạo phục vụ khu căn cứ. Huyện ủy còn chủ trương vận động mỗi đội sản xuất luôn luôn chuẩn bị sẵn một tạ gạo và một con lợn từ 50 kg trở lên, đề khi có chiến sự xảy ra sẽ có ngay lương thực, thực phẩm cung cấp cho các lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Ngoài ra, còn vận động nhiều hợp tác xã trích tiền và kêu gọi nhân dân góp thêm tiền để mua thuốc và bông băng dự trữ. Các đội cứu thương xã cũng được huấn luyện cấp tốc và sẵn sàng phục vụ các lực lượng vũ trang, phục vụ nhân dân. Ngay sau khi địch tiến vào các tỉnh biên giới, Ban chỉ huy

quân sự thống nhất huyện đã ra lệnh cho nhân dân thị trấn và nhân dân các xã dọc các đường cái lớn sơ tán theo kế hoạch định trước. Một số cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ, chiến sĩ của lực lượng an ninh đã được phân công phụ trách việc tổ chức, hướng dẫn và bảo vệ cho gần hai vạn người sơ tán về khu căn cứ an toàn. Công tác này được tiến hành hết sức khẩn trương và chỉ trong vòng một ngày, một đêm đã hoàn thành. Mặc dù gặp không ít khó khăn, đời sống của cán bộ, công nhân viên và nhân dân ở khu sơ tán sớm được ổn định và được chăm sóc khá chu đáo về các mặt: tiếp tế lương thực, thực phẩm, y tế, vệ sinh phòng bệnh, bảo mật phòng gian... Ngay cả những cán bộ và nhân dân ở các địa phương khác đến cũng được tạm cấp một số gạo và một số thực phẩm tối thiểu. Đặc biệt là số cán bộ, công nhân viên; bộ đội đi qua địa phương mà thiếu lương thực thì đều được cấp cho một số lương thực đủ ăn trong ba ngày để có điều kiện liên hệ với cơ quan, đơn vị công tác của họ.

Ban phụ trách công tác sơ tán còn vận động đồng bào ai có điều kiện thì góp tiền, góp vật liệu để giúp nhân dân sơ tán làm lán trại, tổ chức chỗ ăn, chỗ ở theo tinh thần thương yêu đùm bọc lẫn nhau, «lá lành đùm lá rách». Đồng bào không những đã góp công góp sức để bảo vệ quê hương mà còn sốt sắng ủng hộ gạo, lợn, gà, trứng, rau, tiền, quần áo, vải vóc... để cung cấp cho các lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu và giúp đỡ những người neo đơn, đời sống có nhiều khó khăn trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.

Khi địch đánh vào Hòa-an và tiến công bao vây khu căn cứ, ban lãnh đạo huyện vẫn kiên quyết chủ trương bám trụ, đánh địch và bảo vệ dân chứ không cho dân đi sơ tán thật xa, bỏ đất, bỏ làng. Ban thường vụ huyện ủy còn giao cho đồng chí chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện và một đồng chí thường vụ huyện ủy là những đồng chí được phân công phụ trách công tác sơ tán phải lập trung mọi lực lượng củng cố khu sơ tán và ổn định đời sống của đồng bào sơ tán.

Để bảo đảm ổn định đời sống nhân dân trong khu căn cứ, các đồng chí lãnh đạo huyện, một mặt, giáo dục tinh thần đoàn kết tương trợ trong cán bộ và nhân dân và phê phán tư tưởng cục bộ, địa phương, mặt khác, định rõ mức cấp phát lương thực, đối tượng được cấp phát, quy định thủ tục xuất kho. Để ngăn ngừa tình trạng lãng phí, mất mát, ban lãnh đạo huyện Hòa-an đã sớm xác định rõ: sơ tán cũng phải có sổ sách đầy đủ, phân minh, ghi chép rõ ràng, tuyệt đối không được vì có chiến tranh mà làm sai nguyên tắc, chế độ. Chẳng hạn khi mua lợn của dân phải có biên lai để sau này tiện việc thanh toán song phẳng với dân.

Việc tổ chức tốt khu sơ tán và ổn định đời sống nhân dân không những đã cổ vũ những người chiến đấu an tâm bám đất, giữ vững trận địa mà ngay cả đồng bào sơ tán cũng đã có những đóng góp tích cực vào việc phục vụ chiến đấu và bảo đảm an ninh ở khu căn cứ. Nhiều đồng bào đã tham gia các tổ phục vụ tùy theo khả năng của mình. Nhiều người đã phát hiện bọn thám báo, bọn chỉ điểm, bọn lưu manh, tạo điều kiện cho cơ quan an ninh kịp thời trừng trị bọn chúng và quản lý chặt các đối tượng cần thiết.

Chính nhờ nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng và đề ra được những biện pháp tổ chức thực hiện cụ thể, sát hợp nói trên mà Hòa-an đã phá được thế bao vây của địch, biến khó khăn thành thuận lợi và chiến thắng oanh liệt. Hòa-an không những bám trụ vững chắc và bảo vệ

được dân mà còn tiêu diệt được địch trên địa bàn huyện: đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, bắt nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh, góp phần củng cố quân và dân các tỉnh biên giới phía bắc đánh thắng bọn phản động Trung-quốc xâm lược.

Thắng lợi của Hòa-an chỉ rõ rằng nếu quân triệt tinh thần Nghị quyết của Trung ương Đảng, có quyết tâm cao và có những biện pháp tổ chức thực hiện cụ thể, thiết thực thì mỗi huyện có thể xây dựng thành một pháo đài chiến đấu, một pháo đài vững chắc về quốc phòng và an ninh.

Hiện nay đảng bộ và nhân dân Hòa-an đang ra sức đẩy mạnh sản xuất với khí thế chiến thắng, đồng thời khăn trương khắc phục những hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân và tích cực chuẩn bị mọi mặt để triệt để thực hiện Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Nhà nước. Đảng bộ đã kịp thời rút kinh nghiệm của một tháng tổ chức và lãnh đạo cuộc chiến đấu chống bọn Trung-quốc xâm lược để bố trí lại đội ngũ cán bộ, trước hết là số cán bộ chủ chốt, sắp xếp lại lực lượng chiến đấu, tổ chức lại sản xuất, hoàn chỉnh bộ máy, nhằm làm cho mọi mặt công tác sản xuất, sẵn sàng chiến đấu tiến triển tốt hơn, đáp ứng mọi yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong thế trận chiến tranh nhân dân đã bày sẵn, quân và dân Hòa-an đang luôn luôn cảnh giác sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động thâm độc của kẻ thù và kiên quyết đánh thắng bọn Trung-quốc xâm lược ngay trên đất Hòa-an nếu chúng dám phát động chiến tranh chống lại nhân dân ta một lần nữa, để xứng đáng với lòng tin yêu của Đảng và của nhân dân.

Tổ chức đời sống văn hóa và tinh thần cho nhân dân ở Nghĩa-bình

THANH-BÌNH

NGHĨA-BÌNH trước đây là một tỉnh nghèo, đã vươn lên tạo cho mình một đời sống vật chất tương đối ổn định, một đời sống văn hóa và tinh thần phát triển nhanh. Một trong những nguyên nhân quan trọng, tạo nên sự biến đổi sâu sắc ấy, là Nghĩa-bình đã *ra sức phát huy truyền thống cách mạng và truyền thống văn hóa* của mình.

Sau khi được giải phóng, Nghĩa-bình đã tiếp thu một cơ sở văn hóa nghèo nàn, lạc hậu và phân động. Nhiệm vụ xây dựng sự nghiệp văn hóa mới rất nặng nề. Đứng trước những khó khăn to lớn lúc đầu không ít cán bộ có thái độ bần khoản và tư tưởng bị quan. Đảng bộ Nghĩa-bình đã sớm tìm ra cái đòn bẩy dễ xeo «*khởi đả nặng nề*» ấy. Đó là việc phát huy truyền thống cách mạng, tạo nên ưu thế chính trị, sức mạnh tư tưởng và biến thành hành động.

Nghĩa-bình là một tỉnh có truyền thống văn hóa tương đối phong phú, là một mảnh đất có nền văn hóa Sa-huỳnh, là cái nôi của nghệ thuật sân khấu tuồng, của dân ca bài chòi, có phong trào thượng võ, có thơ «*Thông Tầm*», có vè «*Chàng Lía*» nổi tiếng...

Nhưng, 21 năm dưới thời Mỹ - nguy hầu như các truyền thống đó bị hủy hoại. Để đáp ứng nhu cầu thưởng thức và sáng tạo văn hóa của quần chúng, bên cạnh việc phát triển các bộ môn văn nghệ mới, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc phục hồi và phát triển các bộ môn văn hóa, nghệ thuật sở trường của địa phương. Được sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ văn hóa, một nhà hát tuồng đã bắt đầu hoạt động. Công tác sưu tầm, nghiên cứu một cách có hệ thống, những cuộc hội nghị khoa học về tuồng được tiến hành tốt. Chúng tôi đã tổ chức việc nghiên cứu về Đào-Tấn, nhà nghệ sĩ lớn về tuồng, người Bình-dịnh cũ, nhằm rút ra những bài học, giúp ích cho sự phát triển của bộ môn này. Vừa qua đoàn tuồng của Nghĩa-bình đã xây dựng và trình diễn nhiều vở mới như «*Khởi nghĩa Ba-tơ*», «*Tây-sơn tự nghĩa*», «*Dại phá quân Thanh*»... và đã gây được tác dụng tốt. Việc khôi phục và phát triển dân ca bài chòi đã được tiến hành, loại hình này đã, đang và sẽ được khuyến khích và phát triển rộng rãi trong phong trào văn nghệ quần chúng với tính chất phổ cập của nó.

Chúng tôi đã làm sống lại loại tình mùa dân gian địa phương như múa kiếm, thể hiện truyền thống thượng võ, múa sắc bùa, chèo bà trạo. Mùa cần được phục hồi nhanh chóng, vì hiện nay ở vùng đồng bằng vốn cũ dân tộc về mùa chưa được khai thác mấy.

Truyền thống văn hóa phong phú của các dân tộc ít người trong tỉnh như: Ba-na, Ê-đê, Hre, Cor, Gia-rai, Chăm, Cà-dong... bước đầu được khôi phục. Những bản trường ca dân gian nổi tiếng, những truyện cổ tích, ca dao tục ngữ, hò vè, nhạc kịch, các điệu múa vui, khỏe, đẹp, nhiều loại nhạc cụ dân tộc, những tác phẩm về mỹ thuật, âm nhạc, kiến trúc, khảo cổ, các kỹ thuật nhuộm, đan lát, trang trí, đồ tạo tác, các hình thức vui chơi lành mạnh trong ngày lễ, ngày mừng được mùa, đang được sưu tầm và phục hồi trong hoạt động văn hóa. Thích ca múa tập thể là một đặc điểm quý báu, đang được chú ý phát huy sâu rộng để góp phần duy trì và phát triển truyền thống lạc quan, hồn nhiên, yêu đời của các dân tộc ít người và để làm đa dạng mạnh phong trào ca múa tập thể trong toàn tỉnh.

Ngoài ra, đã tiến hành một cách liên tục việc phát động trong quần chúng nhân dân phong trào sưu tầm thơ ca, hò vè về thời Cần vương, về phong trào đòi dân chủ, chống thuế, về giai đoạn xây dựng căn cứ địa cách mạng, sưu tầm ca dao kháng chiến, những mẫu chuyện và di tích lịch sử về thời Tây-sơn, về chiến khu Ba-tơ, chiến thắng Vạn-tường, về vụ thảm sát Sơn-mỹ, về văn hóa Sa-huỳnh để làm phong phú thêm cho truyền thống cách mạng và truyền thống văn hóa của địa phương.

Quá trình tiến hành những việc làm này đã cung cấp cho chúng tôi một bài học: nếu biết kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa của địa phương thì hoạt động văn hóa mới có điều kiện để phát triển tốt và vững chắc,

vì ở đây có bề rộng và chiều sâu của chất liệu, có đông đảo quần chúng nuôi dưỡng và tham gia thật sự.

« *Cải tạo di đối với xây dựng* » là một phương châm quen thuộc, có tính chất kinh điển, khiến ai cũng dễ thừa nhận, song thực tiễn đã cho chúng tôi thấy: không phải bất cứ lúc nào và ở mọi nơi đều quán triệt được phương châm đó trong hành động. Lúc đầu ở tỉnh chúng tôi, có tình trạng « cải tạo suông ». Xóa bỏ cái cũ, song không thay bằng cái mới tiến bộ, cái cũ được phục hồi, gây ra phiền phức. Cho nên khi tiến hành cải tạo cái gì, thì phải tổ chức, xây dựng ngay cái thay thế mang tính chất ổn định hơn. Chẳng hạn như chúng tôi đã tiến hành cải tạo hệ thống phát hành sách báo, văn hóa phẩm chuyển những người đủ tiêu chuẩn sang làm đại lý sách báo cho Nhà nước. Đi đôi với việc làm ấy, sách báo và xuất bản phẩm cách mạng được đưa ngay vào các thị xã, thị trấn và thôn xóm bằng các tổ chức phát hành lưu động, tiếp theo đó các cửa hàng sách, các thư viện ở các huyện, thị xã, thị trấn được thành lập. Để đáp ứng nhu cầu xem phim của nhân dân đi đôi với việc cải tạo các rạp chiếu bóng tư nhân, chúng tôi đã cố gắng xây dựng các rạp chiếu bóng quốc doanh ở một số huyện và thị trấn, cùng với việc thành lập nhiều đơn vị chiếu bóng. Ở nhiều khu vực rộng lớn, chiếu bóng đã về đến tận thôn, 80% số xã đã có hai điểm chiếu bóng. Vì vậy, tính riêng năm 1978, bình quân mỗi người dân ở nông thôn được xem chiếu bóng 6,72 lần, tỷ lệ này càng được đạt cao hơn ở vùng đồng bào dân tộc ít người (7,24 lần). Chúng tôi đã xóa được điểm trắng về chiếu phim và chiếu không thu tiền đối với đồng bào các dân tộc ít người. Tất cả các gánh hát tư nhân (ở thành thị và nông thôn) với nghệ thuật lai căng, đồi trụy, và mục đích kinh doanh kiếm lời, đã được cải tạo, và nhiều đội trở thành đội văn nghệ

nghiệp dư, đặt dưới sự chỉ đạo và quản lý của chính quyền địa phương.

Tranh thủ sử dụng được nhiều lực lượng, nhiều biện pháp, *tạo nên sức mạnh tổng hợp* là một cách làm quan trọng để đẩy nhanh tốc độ phát triển về đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân ở tỉnh chúng tôi.

Điều kiện và nhân tố bảo đảm thắng lợi cho việc tổ chức đời sống văn hóa và tinh thần cho nhân dân Nghĩa-bình trước tiên là sự quan tâm và lãnh đạo của tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng ở các cơ sở. Từ việc đẩy mạnh và phát triển giáo dục phổ thông, bồi đắp văn hóa, thanh toán nạn mù chữ đến phong trào xây dựng nếp sống mới, phong trào văn nghệ quần chúng, việc phục hồi và phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống ở địa phương luôn luôn được sự chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời của thường vụ tỉnh ủy. Thực tiễn hoạt động văn hóa ở tỉnh chúng tôi đã chỉ ra một bài học: nơi nào cán bộ văn hóa, thông tin bám sát nhiệm vụ chính trị, nơi nào hoạt động văn hóa phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị thì nơi ấy dù gặp nhiều khó khăn, cấp ủy và chính quyền cũng tạo được mọi điều kiện thuận lợi để cho hoạt động văn hóa đạt kết quả tốt. Nếu chỉ đòi hỏi sự quan tâm của Đảng và chính quyền mà những người trực tiếp làm công tác văn hóa ở cơ sở không tích cực, năng nổ hoạt động và tổ chức quần chúng thực hiện thì hoạt động văn hóa không thể đạt kết quả tốt được.

Sức mạnh tổng hợp trong nội bộ ngành văn hóa, thông tin được sử dụng triệt để. Khi thực hiện những công tác lớn đều có sự tập trung cao độ lực lượng sức mạnh của toàn ngành. Ví dụ như chiến dịch đem ánh sáng văn hóa cho quần chúng nhân dân trong phong trào xóa nạn mù chữ đã huy động hàng nghìn giáo viên, học sinh, giáo sinh, học viên bồi đắp văn hóa, thanh niên tại chỗ với nhiều phương tiện hoạt động và đã nhanh

chóng triển khai lực lượng đến tận các vùng rừng núi, hẻo lánh, giải quyết dứt điểm từng nơi. Vì vậy, việc xóa nạn mù chữ cho nhân dân toàn tỉnh đã hoàn thành vượt xa thời hạn quy định. Những đợt hội diễn văn nghệ, những đợt phát động, triển khai phong trào xây dựng nếp sống mới cũng được tiến hành bằng biện pháp tập trung sức lực và các phương tiện hoạt động văn hóa của toàn ngành, dứt điểm từng việc, từng đợt, từng nơi.

Đối với việc phục vụ cho những đợt công tác lớn, hoặc đợt xuất của địa phương cũng được tiến hành bằng biện pháp đó và bằng chức năng của ngành văn hóa. Duy trì và triển khai thực hiện biện pháp này ra khắp mọi nơi trong tỉnh cũng là một quá trình đấu tranh để được khẳng định. Vì lúc đầu, ở một số nơi, khi huy động lực lượng phục vụ cho những đợt công tác lớn như đi làm công tác thủy lợi, chống hạn..., sợ mất lực lượng trực tiếp đào mương, tát nước, một số ban chỉ huy đã quyết định cán bộ văn hóa, văn nghệ phải gác lại chức năng hoạt động chính của mình, trực tiếp tham gia lao động như những người khác.

Các đợt huy động lực lượng phục vụ cho công tác tuyên truyền, sản xuất Đông xuân... đã thu được kết quả tốt, trong đó có phần đóng góp đáng kể của hoạt động văn hóa được tập trung. Chẳng hạn như những người làm công tác thư viện phát hành sách báo đã tìm tòi cung cấp cho những đối tượng những loại sách, tài liệu hay và phù hợp. Những người làm công tác văn nghệ đã sáng tác kịp thời những vở kịch ngắn, thơ ca, hò vè phục vụ cho chủ đề đang đòi hỏi. Các đoàn văn công chuyên nghiệp và văn nghệ nghiệp dư đã tranh thủ biểu diễn phục vụ. Những bộ phim truyện hay, những phim khoa học phục vụ cho sản xuất, những buổi sinh hoạt câu lạc bộ, những hình thức tập trung cổ động

rầm rộ đã có tác dụng cõ vũ rất lớn đối với các đối tượng trực tiếp làm những công tác ấy.

Sự hiệp đồng chặt chẽ giữa ngành văn hóa với các ngành khác, với các tổ chức quần chúng được sử dụng thành một sức mạnh to lớn, tác dụng tích cực đến hoạt động văn hóa. Nếu không có sự nỗ lực, cố gắng của ty lương thực, ty tài chính, ty thương nghiệp, của các nhà trường và các cơ quan chính quyền, các tổ chức quần chúng thì các chế độ về bồi dưỡng diễn viên, các hoạt động văn hóa, xây dựng cơ sở vật chất về văn hóa không thể đạt kết quả tốt được.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Chăm lo, chỉ đạo việc tổ chức xây dựng đời sống văn hóa và tinh thần cho quần chúng nhân dân là trách nhiệm của toàn Đảng, song người làm chủ của sự nghiệp này là quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa vào cơ quan chính quyền và các tổ chức đoàn thể, quần chúng đã vươn lên, ra sức trực tiếp thực hiện việc tổ chức đời sống cho mình. Trong khi Nhà nước còn chưa dồi dào về tiền bạc và vật tư, quần chúng ở địa phương chúng tôi đã ra sức đóng góp công của, xây nên nhiều trường học, nhà trẻ, câu lạc bộ, hệ thống truyền thanh, tượng đài Quang-Trung, nhà chứng tích Sơn-mỹ, sân vận động, cải tạo lại chợ và bãi biển. Bên cạnh việc ra sức phát huy truyền thống dựa vào sức mình là chính, Nghĩa-bình đã tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương

và của các tỉnh bạn. Với mục đích học tập, chúng tôi đã mạnh dạn «đăng cai» một số hội nghị của các ngành Trung ương. Những cuộc hội nghị khoa, học về Quang-Trung, về Đào-Tấn, về Vạn-tường, Sơn-mỹ tổ chức tại địa phương đã thu được nhiều ý kiến quý báu đóng góp của các đại biểu ở Trung ương và các tỉnh bạn.

Đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân Nghĩa-bình có những biến chuyển rõ rệt. Nhưng, chúng tôi thấy hiện nay còn nhiều mặt yếu: phong trào thi đua về hoạt động văn hóa chưa thật đều, chưa sâu, chưa toàn diện, nhất là ở các huyện miền núi và một số xã, thôn xa thị trấn. Cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động văn hóa còn ít ỏi, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, đội ngũ cán bộ của ngành văn hóa chưa đồng bộ, trình độ nghiệp vụ của các cán bộ ở huyện và xã còn yếu. Sự quan tâm của lãnh đạo có nơi có lúc chưa đúng mức, sự chỉ đạo có lúc chưa đầy đủ và kịp thời, cho nên đã ảnh hưởng đến chất lượng và kết quả của công tác.

Khắc phục những mặt yếu, tranh thủ học tập các tỉnh bạn, phát huy khả năng tiềm tàng của địa phương và năng lực to lớn của quần chúng, chúng tôi quyết tâm nâng cao hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng Nghĩa-bình thành một tỉnh vững mạnh về chính trị, kinh tế và quốc phòng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đảng bộ xã Cảnh-thụy từ yếu kém vươn lên

HÀ-PHƯƠNG



ACHI dày sáu, bảy năm. Cảnh-thụy còn là một xã yếu kém của huyện Yên-dũng, tỉnh Hà-bắc. Ở vào vị trí gần thị trấn, gần đường giao thông, ruộng đất ít, nhân dân có tập quán buôn bán, chạy chợ, Cảnh-thụy gặp không ít khó khăn trong việc quản lý hợp tác xã, phát triển sản xuất. Suốt từ năm 1965 đến năm 1973, không năm nào hợp tác xã ở đây thực hiện được kế hoạch gieo cấy 370 héc-ta với sản lượng 1000 tấn lương thực. Có năm chỉ đạt 500 tấn. Mức lương thực bình quân cho một người ăn trong một tháng thường chỉ được 8kg. Năm khá nhất là năm 1972 cũng chỉ có 10 kg. Làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước thường chỉ đạt 60 - 70% yêu cầu. Thậm chí có năm không có lương thực phải đóng thuế bằng tiền. Năm 1972 do gặp một số khó khăn về quản lý và đoàn kết nội bộ, hợp tác xã Cảnh-thụy phải chia thành một số hợp tác xã nhỏ, nhưng vẫn không quản lý được. Sản xuất vẫn trì trệ, đời sống nhân dân vẫn khó khăn. Các đội sản xuất mạnh ai nấy làm, tiếp tục ăn chia riêng và chia màu khoán hộ. Những hiện tượng lấn chiếm ruộng

đất công, vay nợ hợp tác xã rồi để dây dưa, nhập nhằng, giấu thóc, tiền để chia riêng hoặc «liên hoan» chè chén... xảy ra khá phổ biến. Trước tình hình sản xuất và đời sống khó khăn, quần chúng hoang mang, dao động. Nhiều người xin ra hợp tác xã. Hợp tác xã có nguy cơ bị tan vỡ.

Sau một thời gian củng cố, đến nay tuy còn có những điểm yếu cần tiếp tục khắc phục, nhưng đảng bộ xã Cảnh-thụy đã vươn lên thành một đảng bộ vững mạnh, có đủ sức lãnh đạo và chỉ đạo các mặt công tác ở địa phương. Hợp tác xã Cảnh-thụy nay đã trở thành lá cờ đầu của toàn tỉnh Hà-bắc. Các mặt phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước của hợp tác xã đều có tiến bộ vượt bậc. So với năm 1973, năm 1978 Cảnh-thụy có tổng giá trị thu nhập tăng hơn ba lần (1 600 000đ so với 567 000đ), sản lượng lương thực tăng 2,5 lần (2 300 tấn so với 919 tấn), năng suất lúa tăng gần hai lần (7,2 tấn/một héc-ta so với 4 tấn/một héc-ta), mức lương thực bình quân cho một người ăn trong một tháng tăng gần hai lần (25 kg so với 13 kg), làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà

nước tăng 3,6 lần (550 tấn so với 154 tấn), nghĩa vụ thực phẩm tăng 5,5 lần (39 tấn so với 7 tấn). Hợp tác xã đã xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống tương đối khá. Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Vì sao Cảnh-thụy trước kia yếu kém và ngày nay có những biến chuyển tốt như vậy?

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trước đây là do tổ chức Đảng của Cảnh-thụy quá yếu, không đủ sức lãnh đạo sản xuất, củng cố hợp tác xã, bảo đảm đời sống nhân dân. Trong nhiều năm, nội bộ đảng bộ lũng củng, mất đoàn kết. Đảng viên, cán bộ, ai biết phận nấy. Một số người buông xuôi, vô trách nhiệm. Một số người kèn cựa, bè cánh, nói xấu lẫn nhau, đả kích, kiện cáo nhau; thôn này đổ lỗi cho thôn kia, bộ phận này bảo tại bộ phận khác. Thậm chí đã có đảng viên mượn tay kẻ xấu viết khẩu hiệu đả kích cán bộ, vu cáo tổ chức Đảng. Có phần tử xấu đã bỏ thuốc độc xuống giếng nhà bí thư đảng ủy, ngang nhiên bắt trói cán bộ của hợp tác xã. Nhiều đảng viên chán nản, bỏ đi buồn. Một số đảng ủy viên cũng xin ra hợp tác xã. Những năm 1972 - 1973, huyện ủy Yên-dũng đã cử gần 20 cán bộ. Trong đó có cả các đồng chí là Bí thư Huyện ủy, Thường vụ Huyện ủy, và giúp Cảnh-thụy củng cố lại phong trào, kiện toàn tổ chức Đảng, nhưng vì chưa có cách làm phù hợp, chưa phát động và dựa chắc vào các nhân tố tích cực ở địa phương cho nên chưa mang lại kết quả. Huyện ủy đã mấy lần định đề nghị giải tán một chi bộ Đảng ở đây.

Đứng trước những khó khăn tưởng chừng như không có lối thoát ấy, một số đồng chí cán bộ và đảng viên có tâm huyết ở Cảnh-thụy (nhất là một số đồng chí trong đảng ủy, một số đồng chí là bộ đội phục viên) không khỏi có những day dứt suy nghĩ.

Không lẽ đảng bộ Cảnh-thụy, một đảng bộ có hơn 100 đảng viên, có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, với hơn 90% là bộ đội phục viên, hai anh hùng quân đội, lại cam chịu bất lực trước tình hình như vậy? Không lẽ là cán bộ, đảng viên, là những người đã từng lăn lộn, sống chết với quần chúng, với quê hương, bây giờ lại thoái chí, trốn tránh trách nhiệm để đổ vỡ cả sự nghiệp cách mạng của địa phương mà chính mình và đảng bộ mình đã dày công xây dựng? Các đồng chí đó đã tìm gặp nhau bàn bạc, quyết tâm đấu tranh xây dựng lại phong trào. Được sự giúp đỡ của huyện ủy, các đồng chí ở Cảnh-thụy thấy rằng, từ một đơn vị kém nạt nghiêm trọng và kéo dài, bây giờ muốn vươn lên thì phải cố gắng rất nhiều mặt, phải làm rất nhiều việc, nhưng trước hết phải *ra sức củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng*, làm cho tổ chức Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo, là tổ chức chiến đấu, có đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.



Nhận thấy vấn đề gai góc nhất, khó khăn nhất trong việc củng cố tổ chức Đảng ở địa phương mình là phải *kiện toàn cho được một đội ngũ cốt cán có phẩm chất, có năng lực, có khả năng tập hợp, đoàn kết được các đảng viên trong đảng bộ*, các đồng chí ở Cảnh-thụy đã tập trung gỡ vấn đề này. Cùng với việc mở một đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình sâu rộng trong đảng bộ, kiểm điểm sâu sắc trách nhiệm của đảng bộ nói chung và của từng cán bộ, đảng viên nói riêng, kêu gọi lại truyền thống cách mạng của địa phương, đấu tranh làm rõ đúng sai, xác định trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trước yêu cầu của nhiệm vụ chính trị mới, các đồng chí ở Cảnh-thụy đã tiến hành một số biện pháp về mặt tổ chức. Các đồng

chỉ đã nghiên cứu, thảo luận và nhất trí với nhau là, trong hoàn cảnh địa phương đang có nhiều khó khăn, phải biết phát động và dựa vào những đồng chí tích cực, nhanh chóng kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Những đồng chí giữ cương vị chủ chốt phải là những đồng chí có tính dăng cao, có tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ dám làm, được quần chúng tin nhiệm. Đối với những đồng chí không đảm đương được nhiệm vụ, bẻ phái, bạc nhược, vi phạm kỷ luật của Đảng và Điều lệ của hợp tác xã, bị quần chúng chê trách thì kiên quyết thay thế hoặc xử lý. Bốn đảng ủy viên (trong đó có một là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và một là phó chủ nhiệm hợp tác xã), hai bí thư chi bộ (kiêm đội trưởng sản xuất), một đảng viên là ủy viên thường trực Ủy ban nhân dân xã đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; bí thư đảng ủy xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và chủ nhiệm hợp tác xã cũ đã được thay thế. Có hai trường hợp do chi bộ quá yếu, không đấu tranh và quyết định nổi kỷ luật đối với cán bộ chủ chốt ở đó, đảng ủy đã báo cáo với Huyện ủy và đề nghị Huyện ủy trực tiếp ra quyết định.

Trong việc sắp xếp, bố trí lại cán bộ, các đồng chí ở Cảnh-thụy đã cố gắng nhằm theo phương hướng tập trung cho chỉ đạo sản xuất, quyết tâm dầy mạnh sản xuất. Các đồng chí ở đây cho rằng, từ yếu kém vươn lên, nếu không nhanh chóng đưa sản xuất lên thì không thể thuyết phục được đảng viên, lấy lại lòng tin của quần chúng. Đảng ủy đã phân công một số đảng ủy viên và bí thư chi bộ trực tiếp làm đội trưởng sản xuất, yêu cầu mọi cán bộ phải nêu cao tinh thần chịu khó, chịu khổ, bám đội, lội đồng, gương mẫu lao động, khắc phục tình trạng cán bộ buông lỏng lãnh đạo sản xuất, chạy quanh hợp tác xã. Trong thời gian đầu, đề động viên cán bộ, đảng viên bám sát sản xuất, đồng chí Bí thư đảng ủy xã cũng trực tiếp phụ

trách một đội sản xuất, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm đội phó một đội sản xuất. (Hiện nay, trong số 11 đảng ủy viên thì 6 đồng chí được bầu vào Ban quản trị hợp tác xã; trong số 11 đội sản xuất thì 10 đội do các đồng chí bí thư chi bộ làm đội trưởng). Các cán bộ trưởng các ngành và đoàn thể quần chúng của xã cũng trực tiếp làm một số việc cụ thể trong các khâu chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

Việc kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở Cảnh-thụy không phải đã diễn ra một cách thuận buồm xuôi gió. Đây thật sự là một cuộc đấu tranh gay gắt của những nhân tố tích cực chống lại những mặt tiêu cực, của tư tưởng tiền tiến chống lại tư tưởng bảo thủ. Khi Cảnh-thụy bắt đầu kiện toàn tổ chức, thay đổi và xử lý một số cán bộ, thì một vài cán bộ, đảng viên xấu đã phản ứng và chống lại. Một số người lợi dụng quan hệ anh em, họ hàng, trấn áp, khống chế những đảng viên hăng hái đấu tranh. Có người kích động, chia rẽ cán bộ địa phương với cán bộ cấp trên về giúp cũng có tổ chức. Thậm chí có người nói trắng trợn rằng ở Cảnh-thụy không còn tổ chức Đảng, xúi giục một số phần tử xấu phá rau xanh, đốt các đồng rơm của gia đình cán bộ, ném gạch đá vào nhà cán bộ, nhằm gây khó khăn về đời sống và uy hiếp tinh thần của họ. Trước tình hình đó, đảng ủy Cảnh-thụy đã tổ thái độ rất kiên quyết và có biện pháp rất tích cực, một mặt trừng trị nghiêm khắc những hành động phá hoại, gây rối trật tự an ninh; mặt khác, có kế hoạch tích cực giúp đỡ những đồng chí bị thiệt hại. Đảng ủy tuyên bố công khai rằng nếu cán bộ nào bị kẻ xấu đốt nhà thì sẽ được hợp tác xã trích quỹ công làm cho nhà khác đảng hoàng hơn, bị phá hoại hoa màu thì được tập thể bồi thường. Thái độ cứng rắn và biện pháp mạnh mẽ đó đã làm cho cán bộ yên tâm công tác, đồng viên quần chúng bảo vệ cán bộ, đấu

tranh chống những hoạt động tiêu cực, và chặn đứng được những hành động quấy rối. Đối với những cán bộ, đảng viên vẫn tiếp tục những hành động sai lầm, không chấp hành nghị quyết và kỷ luật của đảng bộ thì đảng ủy kiên quyết xử lý. Đảng ủy chỉ rõ mọi cán bộ, đảng viên phải "nói và làm theo đúng nghị quyết và nắm chắc nghị quyết để làm". Ai chống lại nghị quyết thì bị thi hành kỷ luật một cách nghiêm minh. Ví dụ: một đảng ủy viên đã bị thi hành kỷ luật hạ tầng công tác vì không chấp hành nghị quyết của đảng bộ về điều chỉnh lại ruộng đất, khi về làm bí thư một chi bộ vẫn tiếp tục chống lại nghị quyết của đảng bộ, đồng tình với một số người lạc hậu, ăn cắp thóc của hợp tác xã; đảng bộ đã thi hành kỷ luật lần thứ hai, nặng hơn lần trước: khai trừ ra khỏi Đảng. Một bí thư chi bộ và một đảng ủy viên khác cũng bị khai trừ khỏi Đảng vì chống lại nghị quyết của đảng bộ. Do đó kỷ luật của Đảng được giữ vững, các chủ trương, nghị quyết của đảng bộ từng bước được thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả.

Cùng với việc đấu tranh nhằm kiện toàn đội ngũ, đảng bộ Cảnh-thụy đã tích cực cử một số cán bộ đi học kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến. Các đồng chí lãnh đạo ở đây nhận thức rằng, sau nhiều năm buông lỏng lãnh đạo, buông lỏng quản lý, thiếu nghiêm trọng các kiến thức và kinh nghiệm công tác, bây giờ muốn vươn lên thì không có cách nào khác là phải chịu khó học tập, ra sức học tập, học tập bằng mọi cách. Nhưng cách học thiết thực nhất là học kinh nghiệm thực tế của các điển hình tiên tiến. Những năm 1973-1974, đảng bộ Cảnh-thụy đã cử một số đồng chí đi học kinh nghiệm cũng có tổ chức Đảng của xã Tân-hồng (huyện Tiên-sơn, Hà-bắc), kinh nghiệm cải tạo đồng ruộng, mở rộng sản xuất của hợp tác xã Minh-sinh (huyện Thanh-oai,

Hà-sơn-bình), kinh nghiệm tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý của hợp tác xã Đồng-hải (huyện Đông-hung, Thái-bình)... Tiếp sau đó, ở đâu có kinh nghiệm tốt là Cảnh-thụy tìm đến học. Đồng chí nào phụ trách công tác gì thì đi học kinh nghiệm làm công tác đó. Học rồi suy nghĩ, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, không giáo条 và cứng không bắt chước một cách máy móc. Khẩu hiệu của các đồng chí Cảnh-thụy là "lấy đổi chân thay cho cái đổi", "nhanh chóng bù đắp lại vốn hiểu biết của mình". Các đồng chí vào cả Định-công (Thanh-hóa), Quỳnh-giang, Quỳnh-hồng (Nghệ-tĩnh), xuống cả Vũ-thăng (Thái-bình), Phúc-lễ (Hải-phòng)... để nghiên cứu học tập. Và chính qua những cuộc tham quan học tập này, các đồng chí ở Cảnh-thụy đã mở rộng được tầm hiểu biết của mình, thu nhận được nhiều kinh nghiệm tốt để lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt công tác ở địa phương.

Mặt khác, để chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho lâu dài, đảng bộ Cảnh-thụy còn tích cực cử cán bộ đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng do tỉnh và huyện tổ chức, tiến hành giáo dục lý luận cơ bản cho đảng viên, mở lớp "vừa học vừa làm" tại xã, gửi một số đồng chí đi học các lớp do Bộ công nghiệp nặng và Bộ công nghiệp nhẹ mở. Tính ra, đến nay đã có hàng chục đồng chí học trường Đảng tỉnh và huyện, 33 đồng chí học các lớp trung học và đại học về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, quản lý kinh tế và chuyên môn nghiệp vụ. Đảng bộ đang cố gắng phấn đấu để trong một tương lai không xa tạo ra được một đội ngũ cán bộ tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ.

Trong việc nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên, đảng bộ Cảnh-thụy đặc biệt chú trọng làm tốt việc phân công, quản lý đảng viên, khắc phục tình trạng trước đây đảng bộ tuy có số lượng đảng viên đông nhưng sức chiến đấu kém. Các đồng

chỉ ở Cảnh-thụy nhận thức rằng, từ một đơn vị yếu kém vươn lên, nếu không làm tốt việc phân công, quản lý đảng viên thì không thể tạo ra được sức mạnh, không làm chuyển biến được phong trào, và mặt khác, không thể giáo dục, rèn luyện được đảng viên. Do đó trong suốt quá trình củng cố tổ chức, các đồng chí Cảnh-thụy đã kết hợp chặt chẽ với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, tiến hành phân công đảng viên, bố trí đảng viên vào những khâu công tác quan trọng. Trong số 155 đảng viên, trừ một vài đồng chí già yếu, ốm đau, tất cả đều được giao công tác cụ thể, bảo đảm đội sản xuất nào, khâu công tác quan trọng nào cũng có đảng viên. Từ các đội sản xuất cơ bản đến các đội chuyên khâu, chuyên ngành (làm đất, trồng nông, chế biến phân...), đội chiến đấu cơ động, đều có đảng viên. Mỗi đội sản xuất có một chi bộ. Chi bộ đông nhất có 14 đảng viên. Chi bộ ít nhất có ba đảng viên. Các đảng viên về hưu cũng tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe mà được phân công làm những công tác thích hợp (như công tác mặt trận, trồng cây, tham gia bạch đầu quân, vận động con cháu tòng quân, chấp hành chính sách hậu phương quân đội...). Mặt khác, đề giáo dục, kiểm tra, quản lý chặt chẽ đảng viên, đảng bộ Cảnh-thụy cũng có các chế độ sinh hoạt Đảng, nhất là cải tiến sinh hoạt chi bộ, đưa sinh hoạt chi bộ đi dần vào nề nếp, bảo đảm chấp hành nghiêm túc kỷ luật của Đảng. Đảng bộ đề ra lịch sinh hoạt hằng tháng của chi bộ, yêu cầu mọi đảng viên phải thực hiện đầy đủ các quy định về sinh hoạt Đảng.

Đối với những người không đủ tư cách đảng viên, đảng bộ Cảnh-thụy kiên quyết xử lý theo tinh thần chỉ thị 192 và thông tri 22 của Ban bí thư Trung ương Đảng. Sau khi tổ chức học tập, thảo luận nhằm làm cho toàn đảng bộ thấu suốt yêu cầu phải xây dựng

tổ chức Đảng trong sạch và vững mạnh và nâng cao chất lượng đảng viên, đảng ủy và các chi ủy tiến hành nghiên cứu, phân loại đảng viên, từ đó có kế hoạch và biện pháp xử lý một cách đúng đắn.

Đối với những người thoái hóa, biến chất, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng (chống lại nghị quyết của đảng bộ, gây chia rẽ mất đoàn kết, tham ô, đánh bạc, gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng...), đảng bộ kiên quyết khai trừ ra khỏi Đảng. Từ năm 1974 đến nay, đảng bộ Cảnh-thụy đã khai trừ 16 người, trong đó có gần 40% là cán bộ chủ chốt, từ chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đến bí thư chi bộ, đội trưởng sản xuất.

Đối với những đảng viên trình độ, năng lực quá kém, thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, đảng ủy và chi ủy gặp riêng tìm hiểu hoàn cảnh cụ thể từng người, có kế hoạch giúp đỡ cụ thể, động viên họ cố gắng vươn lên. Nếu sau một thời gian mà họ vẫn không tiến bộ thì chi bộ khuyên họ xin ra Đảng và chi bộ xóa tên họ trong danh sách đảng viên. Từ năm 1974 đến nay, đảng bộ Cảnh-thụy đã xóa tên 32 người khỏi danh sách đảng viên. Như vậy, từ năm 1974 đến nay, đảng bộ Cảnh-thụy đã đưa ra khỏi Đảng tất cả 48 người. (bằng gần 24% số đảng viên của đảng bộ). Đây là một việc làm mạnh mẽ, tích cực của đảng bộ, được đảng viên và quần chúng hoan nghênh.

Quá trình tiến hành việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng ở Cảnh-thụy là một quá trình đấu tranh nội bộ không đơn giản. Đảng bộ chẳng những phải đấu tranh kiên quyết với những người có chức, có quyền làm điều sai trái, mà còn phải đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc trong một số cán bộ, đảng viên, như nề nạng, né tránh, sợ bị thù oán, sợ ảnh hưởng đến quan hệ anh em, họ hàng, không

muốn làm đến nơi đến chốn; hoặc chỉ nhấn mạnh một chiều việc đưa người ra khỏi Đảng, không coi trọng đúng mức việc giáo dục, nâng cao chất lượng đảng viên trong đảng bộ. Qua quá trình đấu tranh đó, đảng bộ đã quán triệt hơn chủ trương và yêu cầu của Trung ương, vừa kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, vừa góp phần giáo dục nâng cao trình độ nhận thức của đảng viên, thúc đẩy mọi cán bộ, đảng viên vươn lên mạnh mẽ. Đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ qua đấu tranh, ngày càng tiến bộ, trưởng thành. Mối quan hệ giữa đảng bộ, đảng viên và quần chúng được tăng cường rõ rệt. Năm 1978, đảng bộ Cảnh-thụy không còn đảng viên trung bình và yếu kém. Cán bộ, đảng viên đều phát huy được vai trò lãnh đạo, gương mẫu trong lao động sản xuất. 7 trong số 11 đảng ủy viên đã được Đại hội xã viên bầu là chiến sĩ thi đua. Phần đông đảng viên là lao động tiên tiến.

Đề tăng thêm sinh lực mới cho Đảng, đảng bộ xã Cảnh-thụy đã có những cố gắng trong công tác phát triển Đảng. Từ năm 1974 đến nay, đảng bộ đã kết nạp 11 người vào Đảng và đang chuẩn bị kết nạp 10 người nữa. Trong số 11 đảng viên mới, có 10 đồng chí dưới 30 tuổi, 4 nữ, 6 người trực tiếp sản xuất, 3 cán bộ Đoàn. Thi hành chỉ thị 72 của Ban bí thư Trung ương Đảng, đảng bộ Cảnh-thụy đang đấu tranh khắc phục tư tưởng hẹp hòi, biệt phái, đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, đáp ứng yêu cầu tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Đi đôi với việc củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng, Cảnh-thụy còn củng cố chính quyền hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng, coi đây là những yêu cầu không thể thiếu trong việc củng cố, kiện toàn cơ sở. Các đồng chí ở Cảnh-thụy đã nghiên cứu, thảo luận, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, trên cơ sở đó, kiện

toàn đội ngũ cán bộ của từng tổ chức, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa đảng ủy, chi ủy và Ủy ban nhân dân. Ban quản trị hợp tác xã, ban chấp hành các đoàn thể quần chúng, cố gắng khắc phục tình trạng hoạt động chồng chéo trước đây.

Trong việc kiện toàn đội ngũ cán bộ của các tổ chức, các đồng chí ở Cảnh-thụy luôn luôn chú ý bảo đảm chất lượng và có cơ cấu hợp lý, tránh tình trạng hình thức. Ủy ban nhân dân xã hiện nay có 7 đồng chí thì 2 đồng chí dưới 30 tuổi. Đồng chí chủ tịch xã 37 tuổi. Đồng chí xã đội trưởng 26 tuổi. Ban chấp hành Đoàn xã có 13 người thì 4 là đảng viên, số còn lại hầu hết là đối tượng kết nạp Đảng. Mặt trận Tổ quốc xã do một đồng chí trước đây đã liên tục 10 năm là Bí thư đảng ủy xã, nay về hưu, làm Chủ tịch. Đại đội « Bạch đầu quân » do một đồng chí anh hùng quân đội nay đã phục viên, làm đại đội trưởng, hai đồng chí nguyên là trung úy và chuẩn úy Quân đội nhân dân làm đại đội phó, v.v.

Trong việc củng cố hợp tác xã, đảng bộ Cảnh-thụy đặc biệt chú trọng cải tiến công tác quản lý của hợp tác xã, từ việc quản lý lao động, quản lý ruộng đất đến việc quản lý phân phối sản phẩm, nhằm tạo điều kiện đề cán bộ, đảng viên và nhân dân ngày càng gần bó với hợp tác xã, với lối làm ăn tập thể. Cuối năm 1974, sau khi nghiên cứu kinh nghiệm của hợp tác xã Đồng-hải, Cảnh-thụy tiến hành tổ chức lại sản xuất, quy hoạch lại đồng ruộng, bố trí lại đất đai, cây trồng theo phương hướng chuyên canh, thâm canh, từng bước tiến lên sản xuất lớn, trên cơ sở đó tổ chức phân công lại lao động. Từ 23 đội sản xuất, hợp tác xã tổ chức lại thành 9 đội sản xuất cơ bản, 2 đội chăn nuôi, ngành nghề và tổ chức một số đội chuyên, đồng thời chia lại ruộng đất cho các đội sản xuất theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho việc ở và

làm việc của xã viên. Từ 350 định mức lao động, Cảnh-thụy tiến lên xây dựng 1204 định mức lao động, đưa công tác quản lý lao động đi dần vào nền nếp. Đề khắc phục tình trạng lấn chiếm ruộng đất công, phát triển không đúng hướng kinh tế phụ gia đình, đảng bộ Cảnh-thụy chủ trương quản lý chặt chẽ ruộng đất, chia lại đất 5% và quy định lại mức đất ở cho các hộ xã viên. Kiên quyết thu hồi những ruộng đất bị lấn chiếm trái phép. Trong việc quản lý sản phẩm, đảng bộ Cảnh-thụy chủ trương thực hiện thống nhất kinh doanh, thống nhất quản lý, phân phối, xóa bỏ hoàn toàn tình trạng khoán hộ và ăn chia theo đội sản xuất; xử lý nghiêm khắc những trường hợp tham ô, lợi dụng, ăn cắp của công, xâm phạm thóc lúa, tài sản của hợp tác xã.

Chính bằng cách tăng cường công tác quản lý của hợp tác xã mà đảng

bộ Cảnh-thụy có điều kiện quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên, làm cho việc củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng đạt được những kết quả tốt.

Hiện nay, trước yêu cầu mới của cách mạng, đảng bộ xã Cảnh-thụy đang tích cực chuyển hướng lãnh đạo và chỉ đạo theo phương hướng vừa đẩy mạnh mọi mặt sản xuất và xây dựng, vừa sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Với những cơ sở vật chất kỹ thuật đã được xây dựng, với một đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách và ngày càng trưởng thành, với mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa đảng bộ và quần chúng, và với những kinh nghiệm đã tích lũy được trong những năm qua, đảng bộ xã Cảnh-thụy chắc chắn sẽ lãnh đạo mọi mặt công tác của địa phương tiếp tục tiến lên một cách vững chắc, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

TÌNH ĐỒNG CHÍ

LÒÀI người đã được chứng kiến tình bạn vĩ đại và cảm động, có một không hai, giữa Mác và Ăng-ghe-n, đó cũng là một biểu tượng tuyệt vời về tình đồng chí giữa những người cộng sản.

Ở nước ta, trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, đã xuất hiện không biết bao nhiêu câu chuyện cảm động về tình đồng chí mà không sách vở nào có thể ghi hết được. Cùng hoạt động, cùng đấu tranh cho mục đích, lý tưởng của Đảng, những người cộng sản, những người cách mạng thương yêu nhau tha thiết, chân thành. Thương yêu nhau đến mức chăm sóc, lo lắng cho đồng chí hơn cả cho bản thân mình. «chết còn trút áo cho nhau»; chịu đòn tra tấn thay cho đồng chí; hút hỏa lực của địch về phía mình để giải vây đồng chí; sẵn sàng hy sinh cả tính mạng mình để chở che cho đồng chí... Đúng như lời một bài hát ca ngợi :

Sông biển nào rộng bằng tình đồng chí
chúng ta
Núi non nào cao bằng tình đồng chí
chúng ta !

Tình chúng ta đẹp hơn núi sông
Tình đồng chí sắt son một lòng!

Có người cho rằng, chỉ có trong hoàn cảnh đấu tranh cách mạng như

trước đây mới có tình đồng chí thật sự sâu sắc, chân thành, bởi vì hồi đó, khi thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng, người cộng sản không có gì hết ngoài tình thân ái sẵn sàng chịu đựng gian khổ, hy sinh. Trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, luôn luôn bị kẻ thù rình mò, khủng bố, dẫn thân vào con đường cách mạng "là phải chịu tù đầy, là gươm kề tận cổ, súng kề tai, là thân sống chỉ coi còn một nửa", những người cộng sản nhất thiết phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Không như thế không thể nào trụ lại được. Trong những năm kháng chiến trường kỳ gian khổ, nhiều lắm gia tài riêng của mỗi người cũng vụn vụn chỉ có một chiếc ba lô, mọi sự dãi ngộ đều giống nhau tất cả, cho nên sống với nhau chan hòa, thoải mái lắm. Chứ còn ngày nay, Đảng ta đã trở thành người lãnh đạo chính quyền: các cán bộ, đảng viên phần đông đều có chức, có quyền, có tiêu chuẩn hưởng thụ, dãi ngộ khác nhau, mỗi người lại có một gia đình riêng, cuộc sống riêng, vì thế không còn tình thương yêu đồng chí như trước, do đó không còn có tình đồng chí (!) Điều khẳng định đó là hoàn toàn sai lầm.

Quả thật là trong hoàn cảnh đấu tranh bí mật trước khi giành được chính quyền, giữa những người cộng

sản Việt-nam đã có tinh đồng chí thâm thiết. Nhưng như thế không có nghĩa là từ khi giành được chính quyền, giữa những người cộng sản không còn có tinh đồng chí nữa, hoặc tinh đồng chí đã phai nhạt. Khi đã giành được chính quyền cũng như khi chưa giành được chính quyền, mối tinh đồng chí giữa những người cộng sản chân chính trước sau như một

Tinh đồng chí giữa những người cộng sản không phải là tình cảm bông bột, nhất thời của những người cùng hội cùng thuyền. Tinh đồng chí cũng không phải là sự thông cảm, cư mang giữa những người có hoàn cảnh đau khổ, hoặc nghèo túng giống nhau. Cao hơn thế rất nhiều, tinh đồng chí là tình bạn chiến đấu của những chiến sĩ cách mạng giặc, ngộ lý tưởng cộng sản, có cùng chí hướng đấu tranh và được thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng. Nó tồn tại và phát triển qua tất cả các thời kỳ, và trở thành một trong những truyền thống quý báu của Đảng, là vật bảo đảm quan trọng cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tạo ra sức mạnh vô địch của Đảng. Kể từ đây từng hết sức kinh ngạc, khâm phục và run sợ trước tình thương yêu đồng chí của những người cộng sản, cam chịu bất lực trước sức mạnh đoàn kết nhất trí của những người cộng sản. Đối xử với nhau theo tinh đồng chí là một biểu hiện quan trọng thuộc về phẩm chất của người cộng sản, là tư cách, là lương tâm của người cộng sản, cũng như lòng nhân ái, vị tha, chiến đấu hy sinh vì nhân dân, vì cách mạng là đạo đức lớn nhất, cao nhất, quán xuyến suốt cuộc đời của người cộng sản. Không thể có một đảng viên cộng sản chân chính mà không có tinh cảm sâu sắc, chân thành đối với đồng chí, hoặc chỉ thương yêu đồng chí lúc này, trong hoàn cảnh này, còn lúc khác, hoàn cảnh khác lại dửng dưng, nhạt nhẽo

Trong giai đoạn Đảng lãnh đạo chính quyền xây dựng chủ nghĩa xã hội, chẳng những tinh đồng chí của những người cộng sản không giảm sút, không mai một, mà trái lại, với những cơ sở chính trị, kinh tế và xã hội mới đã được thiết lập, nó càng có điều kiện vật chất và tinh thần nảy nở và phát triển mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc, bền chặt hơn. Cụ thể là, hiện nay, tinh đồng chí của những người cộng sản là tinh đoàn kết chiến đấu cho sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những người cộng sản công tác ở cùng một lĩnh vực hoặc ở các lĩnh vực khác nhau, dù trẻ hay già, có cương vị công tác cao hay thấp, luôn luôn đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với nhau, giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, phấn đấu thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Ai cũng biết rằng, phấn đấu thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, là nhiệm vụ trung tâm, là lý do tồn tại của những người cộng sản, là tiêu chuẩn số một để đánh giá phẩm chất và năng lực của mỗi cán bộ, đảng viên. Tinh đồng chí của những người cộng sản được xây dựng trên cơ sở cùng có chung lý tưởng cách mạng và nhằm mục đích phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Nó hoàn toàn không là quan hệ giữa các cá nhân: nó không dựa trên cơ sở tình cảm cá nhân tiêu tư sản.

Tinh đồng chí giữa những người cộng sản được xây dựng trên cơ sở thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Nó được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc tư tưởng và tổ chức của Đảng cộng sản.

Tinh đồng chí của những người cộng sản là tình thương yêu trong sáng, chân thành, tôn trọng, quan tâm, thông cảm lẫn nhau, khiêm tốn, nhường nhịn nhau. Với thành quả của cách mạng, ngày nay, mỗi cán bộ,

đảng viên đều có cương vị, nhiệm vụ công tác riêng, có gia đình và phải quan tâm đến gia đình, nhưng không phải vì thế mà không quan tâm đến các đồng chí của mình. Đạo đức truyền thống của nhân dân ta là «thương người như thể thương thân», «lá lành đùm lá rách», đối xử với nhau có nghĩa, có tình; ngày nay, với quan hệ xã hội mới, đạo đức đó được phát triển và nâng lên thành đạo đức «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người». Những người cộng sản lấy việc phấn đấu hy sinh cho hạnh phúc của nhân dân làm lẽ sống lại thoát ly đạo đức đó sao? Những người cộng sản yêu thương tha thiết nhân dân, gần bó chặt chẽ với nhân dân, yêu thương, gần bó với những người đồng chí của mình. Người cộng sản trong bất cứ hoàn cảnh nào, ở bất kỳ cương vị nào cũng luôn luôn thương yêu sâu sắc, chân thành đồng chí, thông cảm, nhường nhịn đồng chí, biết lấy niềm vui, hạnh phúc của đồng chí làm hạnh phúc của mình.

Sự thương yêu đồng chí của những người cộng sản không có nghĩa là bao che, tha thứ lỗi lầm, khuyết điểm của đồng chí mình; trái lại, người cộng sản thường xuyên giúp đỡ đồng chí mình giữ vững phẩm chất cách mạng và nâng cao không ngừng trình độ hiểu biết và năng lực công tác. Với vũ khí tự phê bình và phê bình, người cộng sản bình tĩnh soi xét kỹ mình, đồng thời thật sự chân thành chỉ ra cho đồng chí mình những khuyết điểm, thiếu sót với tinh thương yêu đồng chí thật sự, để giúp đồng chí mình sửa chữa và tiến bộ, không dao to, búa lớn, dìm dập đồng chí, nhưng cũng không dung túng, bao che khuyết điểm của đồng chí mình. Nếu nê nang, né tránh, hoặc vì lý do nào đó mà không nghiêm khắc với khuyết điểm của đồng chí mình là làm hại đồng chí mình, đẩy đồng chí mình vào sự sa ngã và tội lỗi; như thế không phải là thương yêu đồng

chí một cách đúng đắn. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, cán bộ, đảng viên rất dễ mắc vào quan liêu, mệnh lệnh, xa rời thực tế, xa rời quần chúng (là những thứ làm xói mòn bản chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, dễ làm cho cán bộ, đảng viên thoái hóa, hư hỏng). Nếu những người cộng sản không sáng suốt, trung thực, không thẳng thắn vạch ra và giúp đỡ đồng chí mình sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm thì làm sao có thể giúp đồng chí mình giữ được phẩm chất của người cộng sản?

Nói rằng ngày nay không có tình đồng chí hoặc tình đồng chí đã giảm sút là vô tình hay cố ý xuyên tạc bản chất của người cộng sản, biện hộ cho những hành vi đối xử thiếu tình đồng chí của một số cán bộ, đảng viên. Phải thừa nhận rằng, gần đây, trong Đảng ta có những hiện tượng cán bộ, đảng viên đối xử với nhau không theo tình đồng chí, xúc phạm sự thiêng liêng, cao đẹp của tình đồng chí. Một số người choáng ngợp trước lợi lộc, địa vị, bo bo giữ gìn và thu vén cá nhân, chẳng những không đoàn kết, hợp tác với đồng chí, không thương yêu, quan tâm đến đồng chí, mà còn kèn cựa, bon chen, tranh giành địa vị, quyền lợi với đồng chí. Có người đã từng vào tù, ra tội, đã từng đấu tranh bất khuất chống quân thù, đã từng hết lòng hết sức quan tâm chăm sóc đồng chí mình, nhưng ngày nay, trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền, lại nảy sinh tư tưởng kèn cựa địa vị với đồng chí mình. Có người thấy đồng chí mình được giao những trách nhiệm cao hơn thì ăn không ngon, ngủ không yên, tìm mọi cách đả kích, hạ uy tín của đồng chí mình. Lại có người vì muốn giữ gìn hoặc mưu tính lợi ích cá nhân, có thái độ không thẳng thắn, trung thực, không dám đấu tranh chống những khuyết điểm, sai lầm của đồng chí mình, có khi còn kéo bè, kéo cánh, bênh che, dung túng cho nhau, làm cho việc thi

hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước không nghiêm túc... Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Chính những thói tệ này — chứ không phải sự khác nhau nghiêm trọng gì về quan điểm, về chủ trương công tác — nhiều khi lại là nguyên nhân chủ yếu gây nên những tình trạng mất đoàn kết nơi này, nơi kia trong Đảng ».

Chúng ta nghiêm khắc phê phán và kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng không lành mạnh đó. Có như thế mới phát huy được truyền thống đoàn kết quý báu của Đảng ta. Giữa những người cộng sản chúng ta cần phải « có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau » như Hồ Chủ tịch đã ân cần căn dặn trong Di chúc của Người.

TRONG-NHĨA

MẤY VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

(Tiếp theo trang 33)

động sản xuất, kinh doanh, tổ chức đời sống, xây dựng Đảng và Nhà nước, kiểm tra cán bộ và đảng viên. Thành công to lớn của chúng ta là làm thế nào cho mỗi người dân đều thật sự cảm thấy mình là người làm chủ, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Trước mắt, đề tạo nên sự phấn khởi trong quần chúng, đẩy lên khí thế thi đua lao động sản xuất, cần làm thật tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên; kịp thời sửa đổi một số mặt không hợp lý trong tổ chức quản lý, trong chính sách, chế độ; tôn trọng đầy đủ quyền làm chủ tập thể của quần chúng, chăm lo chu

đáo đời sống của người lao động, không để xảy ra những thiếu thốn không đáng có; kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong sản xuất, công tác, trong chấp hành chính sách và thực hiện lối sống tiết kiệm, giản dị, có quan hệ tốt với quần chúng.

Toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu đề trong thời gian ngắn, ổn định được đời sống nhân dân, tạo được một bước chuyển của nền kinh tế, làm cơ sở và làm đà tiến lên mạnh mẽ trong những năm sau.

Thảo luận

NỀN VĂN HÓA MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

SỨC MẠNH CỦA VĂN HÓA VIỆT

ĐINH-GIA-KHÁNH



VĂN hóa là tiến trình loài người nỗ lực không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của mình, đồng thời lại là những thành tựu đạt được trong tiến trình ấy. Xét theo một phương diện khác, văn hóa là tiến trình loài người tạo ra và không ngừng nâng cao tầm vóc của mình, đồng thời không ngừng cải tạo thế giới theo tâm vóc ấy.

Nói đến văn hóa là nói đến việc lý giải mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, tức là quá trình con người tách khỏi thiên nhiên và tiến lên cải tạo thiên nhiên theo yêu cầu của mình. Nói đến văn hóa lại là nói đến việc lý giải mối quan hệ giữa người và người, tức là quá trình chuyển biến từ quan hệ có tính chất sinh vật sang quan hệ có tính chất xã hội và sự phát triển ngày càng tốt đẹp hơn của quan hệ này. Như vậy,

văn hóa trước hết là quá trình con người thích nghi với môi trường thiên nhiên và thông qua lao động sáng tạo, bắt thiên nhiên phục vụ ngày càng tốt hơn cho những nhu cầu của bản thân. Có thể nói văn hóa chính là nỗ lực đi tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Sự hài hòa này luôn luôn đạt được ở mức tương đối trong từng giai đoạn lịch sử, nhưng cũng lại luôn luôn vươn lên mức cao hơn cùng với những bước tiến ngày càng nhanh của loài người. Quá trình trên không thể tách rời quá trình xây dựng và phát triển một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, tức là thích hợp hơn với yêu cầu ngày càng cao của sản xuất, với tầm vóc ngày càng lớn của loài người. Văn hóa vật chất và tinh thần của mỗi dân tộc cần phải được xem xét theo hai quá trình trên, hai quá trình xen kẽ, đan lồng với nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau.

Ở nước ta, từ cách đây bốn nghìn năm, tổ tiên ta đã đạt tới một trình độ văn hóa vật chất khá cao. Nền nông nghiệp lúa nước gắn với kỹ thuật luyện kim (đồ đồng rồi đồ sắt) khá tinh xảo, với nền thủ công nghiệp khá phong phú, là hiện thực trong nước Văn Lang thời các vua Hùng. Có thể nói trong thời kỳ Lạc Việt, tổ tiên ta đã ở một trình độ văn hóa vật chất tương đối cao so với trình độ chung của nhân loại lúc bấy giờ, khi mà ở rất nhiều nơi trên thế giới người ta vẫn còn sống bằng hái lượm và săn bắt. Trên cơ sở sản xuất nông nghiệp, người Lạc Việt đã sớm định cư thành làng xóm và xây dựng được cuộc sống xã hội có tổ chức cao. Liên minh các bộ lạc người Việt, tức nước Văn Lang thời các vua Hùng (và sau đó là nước Âu Lạc thời vua An-dương) là khởi cộng đồng tự nguyện gắn với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, khi công tác thủy lợi được tổ chức với quy mô lớn trên triền sông Hồng và các sông khác và gắn với yêu cầu đoàn kết để chống lại rất nhiều loại giặc xâm lược trong thời xa xưa của lịch sử. Liên minh bộ lạc ấy, khởi cộng đồng ấy lại càng vững chắc hơn trước nguy cơ xâm lược của đế quốc phong kiến Tần, khi ấy đã thôn tính cả vùng đất của các tộc Sở, Ngô, Việt, Mân, Ba, Thục, vùng đất mà ngày nay được gọi là Hoa Nam. Do lực lượng đối sánh và cũng do sai lầm của vua An-dương, nước Âu Lạc đã mất độc lập. Nhưng tinh thần cộng đồng vốn có truyền thống sâu xa trong lịch sử đã là một sức mạnh khiến cho người Việt không bao giờ chịu khuất phục. Đế quốc phong kiến Trung-hoa trong suốt một nghìn năm đặt ách thống trị ở nước ta đã không bao giờ có được một ngày bình an cả. Cái tên An-nam mà giặc Đường đặt cho nước ta chẳng qua chỉ phản ánh ước vọng hão huyền của các hoàng đế Trung-hoa, bởi vì nước Việt ở phương Nam chẳng bao giờ chịu "an" phận dưới

ách đô hộ. Từ Hán, Tấn đến Tùy, Đường, bọn xâm lược đã phải đối phó với hàng trăm cuộc khởi nghĩa, mà tiêu biểu nhất là các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bôn, Triệu-Quang-Phục, Mai-Thúc-Loan, Phùng-Hưng, v.v. Các cuộc khởi nghĩa ấy là những đỉnh cao của cuộc đấu tranh thường xuyên và lâu dài về nhiều mặt trong đó có mặt trận văn hóa. Tinh thần cộng đồng gắn với một nền văn hóa có bản sắc độc đáo của ông cha ta chính là một sức mạnh đề kháng mà đế quốc phong kiến không thể nào khuất phục được. Mặc dù dùng mọi cách đồng hóa thâm độc và xảo quyệt, đế quốc phong kiến Trung-hoa cũng không thể nào hủy diệt được nền văn hóa Việt. Và tuy có tạm thời chinh phục được nước Việt về mặt quân sự, nhưng nó không thể nào chinh phục được người Việt về mặt văn hóa. Cũng vì không chinh phục được về mặt văn hóa, cho nên nó không thể nào cũng có được sự chinh phục về mặt quân sự. Ngược lại, chính vì giữ vững được nền văn hóa độc đáo của mình, nhân dân ta vẫn duy trì được cuộc đấu tranh giải phóng. Giữ vững được nền văn hóa của mình, tức là bản sắc của mình, và do đó ranh giới giữa mình với kẻ ngoại xâm không bao giờ bị xóa mờ. Ranh giới giữa ta và địch còn, thì ý thức đề kháng không thể nào tắt được. Đó là một sự thực hiển nhiên và đơn giản.

Cuộc chiến đấu chống ngoại xâm cuối cùng đã giành được thắng lợi hoàn toàn vào thế kỷ X. Và nước Đại Việt, hậu thân của nước Văn Lang và nước Âu Lạc xưa, đã được thành lập. Kế thừa những thành tựu văn hóa của thời kỳ Văn Lang, Âu Lạc và thời kỳ chống ách Bắc thuộc, nhân dân Đại Việt đã tạo nên nền văn hóa Đại Việt. Nền văn hóa này không phải chỉ phát triển trong xây dựng hòa bình, mà cả trong chiến đấu quyết liệt để bảo vệ độc lập. Trong nước

Đại Việt, nền văn hóa bị chi phối bởi những quan hệ xã hội phong kiến. Tuy nhiên, những truyền thống lớn của nhân dân Đại Việt vẫn có ảnh hưởng quyết định đối với tinh thần của văn hóa Việt. Văn hóa vẫn là một sức mạnh gắn bó tất cả mọi người trên đất nước ta thành một dân tộc. Đồng thời văn hóa vẫn là một sức mạnh chống xâm lược. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn-Trãi trong bài "Bình Ngô Đại cáo" đã viết: « Nước Đại Việt ta là một nước văn hiến, cương vực núi sông đã riêng, phong tục bắc nam cũng khác. Tuy mạnh yếu giữa các thời không giống nhau nhưng hào kiệt đời nào cũng có. Cương vực núi sông, tức là đất nước, đã được đem gắn bó với phong tục tập quán, tức là văn hóa. Văn là văn hóa, văn minh, hiển là nhân tài, hào kiệt. Tất cả những thứ đó đã góp phần tạo nên dân tộc.

Khi ra quân đánh giặc Thanh, Nguyễn-Huệ đã tuyên cáo với toàn dân rằng:

« Đánh cho đề dài tóc
Đánh cho đề đen răng
Đánh cho nó chích luân bất phản
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn
Đánh cho sử tri Nam quốc anh
hùng chi hữu chủ »

Như thế là đánh cho giặc tan tác, không còn một bánh xe quay lui, không còn một mảnh giáp chạy về thì không những là đề cho chúng biết rằng nước Nam có người làm chủ, mà cũng lại còn là đề cho người Việt giữ được tập quán cổ truyền của mình không như người Trung-quốc bị giặc Thanh xâm lược bắt giặc tóc đề đuôi sam. Từ lâu ai cũng hiểu rằng đất nước bị xâm chiếm thì đời sống của nhân dân bị điều đứng, và văn hóa dân tộc bị phá hoại. Chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc cũng là để được sống làm người Việt, để giữ được nền văn hóa Việt. Sự gắn bó với văn hóa dân tộc quả là một động

lực to lớn trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.

Sức mạnh của văn hóa Việt không phải chỉ là ở chỗ có sức đề kháng mạnh mẽ trước mọi âm mưu phá hoại từ bên ngoài. Sức mạnh không chỉ thể hiện ở chỗ không bị đồng hóa vào nền văn hóa của giặc ngoại xâm thống trị, sức mạnh ấy lại còn là ở chỗ biết linh hoạt tiếp thu những thành tựu văn hóa của nước ngoài, và đồng hóa những thành tựu ấy theo yêu cầu của người Việt.

Sự giao lưu văn hóa là một điều thường thấy trong lịch sử các dân tộc. Phản ứng đối với sự giao lưu ấy là một thước đo sức mạnh của một nền văn hóa. Một nền văn hóa khép kín không phải là một nền văn hóa mạnh và dễ đi tới nguy cơ bị cắn cỏi và suy tàn. Một nền văn hóa *cởi mở* là một nền văn hóa mạnh, tràn trề tinh lực. Văn hóa Việt vì rất bền vững, cho nên, lại rất *cởi mở*. Văn hóa Việt *cởi mở* với hai ý nghĩa: thứ nhất là đối với những người nhập cư về sau, thứ hai là đối với các thành tựu văn hóa từ bên ngoài truyền vào. Trong lịch sử, đã có rất nhiều nhóm cư dân, đặc biệt là từ phương bắc, vào nhập tịch nước ta. Ví dụ tiêu biểu là dân Mã Lưu do Mã Viện đưa vào và tổ chức thành các cụm định cư ở nước ta nhằm kìm kẹp và đồng hóa người Việt trong thời Bắc thuộc. Một ví dụ tiêu biểu khác là dân Minh-Hương chạy chốn sang nước ta khi Trung-quốc bị mất nước trong các thế kỷ XVI, XVII. Những nhóm cư dân du nhập về sau ấy đều đã được đồng hóa vào người Việt, theo văn hóa Việt. Đó là một xu thế không thể nào cưỡng nổi. Điều này rất dễ hiểu. Những nhóm cư dân từ nơi khác đến nước ta gặp ở đây một nền văn hóa phong phú và bền vững. Đến sống ở nước ta họ phải thích nghi với môi trường mới. Việc đồng hóa vào văn hóa Việt của những cư dân từ nơi khác kéo đến rõ ràng đã chứng tỏ sức

manh của văn hóa Việt. Văn hóa Việt đã có một sức hấp dẫn và thuyết phục mạnh mẽ.

Văn hóa Việt đã cởi mở đối với con người, lại càng rất cởi mở đối với những thành tựu văn hóa từ bên ngoài. Những thành tựu ấy sau một thời gian du nhập đã được đồng hóa vào văn hóa Việt theo khuôn khổ của đời sống Việt. Xu thế không thể cưỡng lại được ấy có thể thấy rõ trong lịch sử ngôn ngữ, lịch sử văn học, lịch sử tư tưởng, lịch sử nghệ thuật. Từ kho từ ngữ Đông Nam Á, Hán, Ấn, Pháp đến các hệ tư tưởng triết học của Trung-quốc, Ấn-độ, phương Tây, từ các nếp sinh hoạt vật chất đến sinh hoạt tinh thần của nước ngoài, tất cả khi du nhập vào nước ta đã được người Việt tiếp thu theo khuôn khổ của văn hóa Việt, theo tinh thần của văn hóa Việt. Sự Việt hóa các thành tựu văn hóa của nước ngoài có cơ sở ở bản lĩnh vững chắc của văn hóa Việt. Sự Việt hóa các thành tựu văn hóa nước ngoài như thế đã tăng thêm sức mạnh cho văn hóa Việt trong sự không ngừng

tiến lên của dân tộc ta, trong sự không ngừng mở rộng quan hệ của nước ta với cộng đồng thế giới.

Từ khi Đảng cộng sản Đông-dương ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt-nam, cùng với những chiến thắng ngày càng lớn, nền văn hóa Việt-nam đã tiến lên với những bước ngày càng dài. Trong quá khứ, sức mạnh của văn hóa Việt-nam đã từng thể hiện qua cuộc đấu tranh của dân tộc để dựng nước và giữ nước. Trong hiện tại với những điều kiện càng thuận lợi hơn, sức mạnh của văn hóa Việt sẽ phát triển mạnh mẽ hơn, tốt đẹp hơn. Thấu suốt quan điểm kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và của nhân loại, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta đang phát huy tác dụng tích cực đối với sự nghiệp chiến đấu chống bọn Trung-quốc xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa thịnh vượng, trong đó nhân dân được ấm no, hạnh phúc, trong đó mọi người đều làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân.

Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hóa của một nước

HOÀNG-NGỌC-DI

GIÁO dục phổ thông là một ngành văn hóa. Theo nghĩa rộng, nó là một loại hình hoạt động xã hội nhằm cung cấp cho mọi người những hiểu biết cơ bản về tự nhiên, về xã hội và

về con người để làm cơ sở cho sự hình thành thế giới quan và cho việc đào tạo nghề nghiệp; theo nghĩa hẹp, nó là một thể chế xã hội có nhiệm vụ đào tạo thế hệ trẻ thành con người

của một chế độ xã hội trên những nét cơ bản về nhân cách. Do đó trường phổ thông xã hội chủ nghĩa có nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ thành con người phát triển toàn diện, cụ thể là :

— Có những kiến thức cơ bản có hệ thống về các môn khoa học chủ yếu làm cơ sở cho sự phát triển toàn diện và sự hình thành thế giới quan của giai cấp công nhân :

— Có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật và kinh tế, nắm được những nguyên lý của nền sản xuất hiện đại, những công cụ và máy móc phổ biến, các nguyên liệu và vật liệu thông dụng, cách tổ chức sản xuất và quản lý kinh tế, đồng thời cũng không loại trừ khả năng được đào tạo một nghề theo diện rộng :

— Phát triển đạo đức cộng sản, có ý thức làm chủ tập thể, có lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, có lòng yêu thương bạn bè và nhân dân lao động, có thái độ lao động cộng sản và ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức tôn trọng luật pháp về bảo vệ của công; có tác phong đại công nghiệp và những đức tính tốt cần thiết cho cuộc sống văn minh hạnh phúc :

— Có kỹ năng phát triển tư duy sáng tạo, vận dụng những điều đã học vào thực tiễn, có ý chí và khả năng tự học, khao khát đi sâu vào khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật; có xu hướng xã hội — chính trị đúng đắn và khả năng hoạt động xã hội; có kỹ năng lao động có tổ chức, có kỹ thuật và có năng suất cao :

— Có hiểu biết đúng đắn về thẩm mỹ và nghệ thuật, ham muốn tô điểm cuộc sống bằng cái đẹp; có thị hiếu lành mạnh về nghệ thuật và được bồi dưỡng về khả năng sáng tạo nghệ thuật :

— Có ý thức và thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện sức khỏe; có ý thức bảo vệ môi trường sống chung ;

có ý chí bảo vệ đất nước và được rèn luyện về quân sự.

Nói tóm lại, giáo dục phổ thông làm cho con người có được những phẩm chất cơ bản của con người mới để trở thành người lao động, người công dân và người chiến sĩ tốt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Giáo dục phổ thông còn có nhiệm vụ phát triển và bồi dưỡng năng khiếu đặc biệt của từng người, lấy đó làm chỗ mạnh để đẩy toàn bộ sự phát triển của con người.



Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hóa của một nước, vì ba lẽ :

Một là, văn hóa phổ thông là cái của đầu tiên mở cho nhân dân đi sâu vào chiếm lĩnh toàn bộ giá trị văn hóa.

Hai là, giáo dục phổ thông là phương tiện quan trọng nhất để hình thành con người mới, có nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Ba là, trong quá trình tiến hành giáo dục phổ thông chúng ta phải thúc đẩy tất cả các mặt hoạt động khác của văn hóa để bồi dưỡng nên chính sản phẩm của giáo dục.

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thành công khi quần chúng lao động có ý thức đầy đủ về những quy luật phát triển của xã hội. Ý thức làm chủ tập thể phải đi đôi với năng lực làm chủ. Lê-nin nói: “ Một người không biết chữ là người đứng ngoài chính trị ” (1). Văn hóa phổ thông là nền tảng cho mọi người có thể nhảy cao trong các lĩnh vực hoạt động xã hội. Nếu như giai cấp tư sản có thể tiến hành công nghiệp hóa nền kinh tế với một đội ngũ công nhân gần như mù chữ, thì nước ta chỉ có thể

(1) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33 trang 106.

hoàn thành tốt việc này với một giai cấp công nhân có trình độ phổ thông trung học, quan niệm với một nội dung hiện đại nhất. Vì đó là những người chủ sống trong một chế độ xã hội tiên tiến và một tình hình phát triển cực kỳ nhanh chóng của khoa học và kỹ thuật. Chỉ riêng các điều kiện sống của con người ngày nay cũng đòi hỏi một trình độ văn hóa tối thiểu như vậy.

Trước đây Lê-nin đã từng phản đối một sự chuyên môn hóa quá sớm và hẹp trong việc giáo dục thể hệ trẻ. Luận điểm đó ngày nay lại càng đúng, vì khoa học phát triển càng cao, thì đi đôi với sự phân hóa lại diễn ra một quá trình nhất thể hóa giữa các môn khoa học. Giữa khoa học và nghệ thuật cũng vậy, nghệ thuật có nhiệm vụ diễn tả con người trong những sự xung đột đạo đức và nhân đạo cũng cần đi sâu vào trí tuệ của con người, vào tính phức tạp của cơ chế xã hội mới. Huống chi, nhân dân ta hiện nay có trình độ văn hóa quá thấp, đại bộ phận người lao động mới thoát khỏi mù chữ. Trước mắt chúng ta, một nhiệm vụ nặng nề được đặt ra, không thể thoái thác, không thể làm khác, đó là nhiệm vụ bổ túc văn hóa phổ thông cho nhân dân lao động, trước hết cho cán bộ, đảng viên và những thanh niên ưu tú.

Giáo dục phổ thông có vai trò quyết định trong sự hình thành con người mới, vì nó *đặt nền tảng thế giới quan khoa học*. Thế giới quan của giai cấp công nhân là kết tinh của tinh hoa văn hóa nhân loại, và sự hình thành nó trong đầu óc con người cũng phải đi đôi với sự tiếp thụ những thành tựu văn hóa của nhân loại. Mức độ chiếm lĩnh văn hóa càng cao thì khả năng nâng cao giác ngộ về thế giới quan khoa học càng lớn. Ở đây có sự thống nhất giữa trí tuệ và tư tưởng. Các môn khoa học tự nhiên và xã hội dạy trong trường phổ thông đều vạch ra những quy luật đặc thù của từng

khía cạnh tồn tại của vật chất, mà sự tổng hợp tất yếu dẫn đến những kết luận về thế giới quan khoa học.

Một điều kiện thuận lợi nữa của trường phổ thông trong việc hình thành con người mới là công tác giáo dục được tiến hành có hệ thống đối với con người ngay từ thuở ấu thơ, tức là lúc mà con người dễ được giáo dục nhất và có tiềm lực phát triển cao. Cho nên những mầm mống của thế giới quan khoa học phải được bồi dưỡng cho các cháu ngay từ bé, khi các cháu có thể nhận biết thế giới khách quan tồn tại trong vận động của nó.

Tuy nhiên, vạch ra quy luật phát triển của tự nhiên và của xã hội chưa đủ, *vấn đề là phải cải tạo tự nhiên và xã hội* theo nhu cầu thỏa mãn hạnh phúc của con người. Vì thế, trong trường phổ thông phải kết hợp giáo dục với lao động sản xuất, phải tiến hành giáo dục kỹ thuật tổng hợp và có hướng dẫn về nghề nghiệp. Nhu cầu lao động vì xã hội phải được giáo dục thành thói quen từ tấm bé, và trở thành biểu hiện cao nhất của tình yêu người.

Con người là tổng hòa những quan hệ xã hội, là sản phẩm tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng, trong đó chính con người đóng vai trò chủ thể. Vì thế công tác giáo dục phải kết hợp chặt chẽ với các hoạt động văn hóa khác, hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả sự sáng tạo ra những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần. Nghị quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng về cải cách giáo dục có viết: « Về phương pháp giáo dục, cải cách là nhằm thực hiện tốt việc kết hợp hữu cơ quá trình giáo dục con người mới với quá trình cải tạo xã hội và cải tạo tự nhiên ». Vấn đề được đặt ra là cần giải quyết khéo léo cơ chế của sự kết hợp này để tránh sa vào khuynh hướng thực dụng chủ nghĩa dẫn đến hạn chế phát triển trí tuệ hoặc mất cân đối trong sự phát triển.

TIẾP THU NHỮNG TINH HOA TƯ TƯỞNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA LOÀI NGƯỜI QUA VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

HOÀNG-TRINH

GIAO lưu văn hóa và học hỏi nhau về mặt văn hóa là một tất yếu lịch sử, một quy luật trong đời sống của các dân tộc ở tất cả các nước và các thời đại. Đảng ta đã nhiều lần nêu lên những phương hướng cụ thể về vấn đề này.

Tinh hoa văn hóa, văn nghệ của loài người là tinh hoa về tư tưởng, tinh hoa về trí tuệ và tinh hoa về nghệ thuật, ba mặt đồng bộ hòa hợp với nhau trong một tổng thể, không thể thiếu mặt nào.

Tinh hoa về tư tưởng là trên các bình diện và thời kỳ khác nhau, văn hóa, văn nghệ đó đã đóng góp một cách xuất sắc vào tiến trình giải phóng con người, giải phóng xã hội khỏi sự kìm kẹp của thiên nhiên trong u tối và nhần nhục, khỏi sự thống trị của các giai cấp bóc lột và áp bức, khỏi những luân lý, đạo đức, lối sống tòn hạy đến nhân quần và tiến bộ xã hội. Tinh hoa về tư tưởng phải lấy sự giải phóng con người, giải phóng xã hội, lấy tinh thần đấu tranh cho quyền sống của con người làm chuẩn—quyền sống của con người hiểu theo xu thế tiến lên làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình theo các yêu cầu khác nhau của các thời đại khác nhau.

Tinh hoa về trí tuệ tức là kết hợp được tầm cao của tư duy và trí thức

với chiều sâu của thực tiễn, đạt được những khám phá mới về bản chất của sự vật, về thế giới con người, về cuộc sống, giúp con người nâng cao thêm nhận thức, năng lực suy nghĩ và sáng tạo, làm giàu thêm kiến thức và kinh nghiệm sống.

Tinh hoa về nghệ thuật là có những cống hiến mới về mặt quan điểm thẩm mỹ và phương thức biểu hiện: một mặt phản ánh được mối quan hệ sinh động giữa cái đẹp và chân lý khách quan, mặt khác cũng nói lên được bản chất không ngừng khai phá của nghệ thuật và khả năng tìm tòi cũng vô hạn của con người

Việc giao lưu và tiếp thụ văn hóa lẫn nhau giữa các dân tộc có những quy luật của nó.

Trước hết, người ta chú ý đến *những giá trị có tính cùng thời*. Cùng thời trước hết có nghĩa là văn hóa, văn nghệ đó được sản sinh giữa lúc các dân tộc đang sống trong cùng một thời đại; cao hơn nữa là cùng sống trong một thời đại lại có những nhiệm vụ lịch sử giống nhau; và cao nhất là vừa có những nhiệm vụ lịch sử giống nhau lại vừa có những lý tưởng chính trị và xã hội giống nhau.

Dương nhiên trong trường hợp này, khi tiếp thụ chúng ta vẫn phải xuất phát từ đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng ta, từ nhiệm vụ chính trị trong đó có nhiệm vụ văn hóa của

từng thời kỳ cách mạng, từ yêu cầu của công chúng nước ta, trong đó phải tính đến tâm lý, phong hóa và thị hiếu truyền thống và hiện đại của dân tộc ta.

Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, trong lao động sáng tạo nền sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa, trong tinh thần tiến công vào khoa học và kỹ thuật, con người mới, xã hội chủ nghĩa, trưởng thành trong đời sống xã hội, gia đình, cá nhân, qua cuộc đấu tranh cho lý tưởng sống tốt đẹp "mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người"... đó là những nội dung văn hóa, văn nghệ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em mà chúng ta cần dành ưu tiên trong việc tiếp thụ. Những công trình và tác phẩm lớn thuộc các xu hướng chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc ở các nước phương Tây và các nước Á - Phi - Mỹ la tinh cũng cần được kịp thời giới thiệu ở nước ta.

Thứ hai, người ta chú ý đến *những giá trị có tính lịch sử*. Những tri thức, những suy tư, những hứng thú do các giá trị đó đưa lại, đều có thể đóng góp vào vốn sống tổng hợp, vốn học thức tổng hợp và đời sống tinh thần tổng hợp rất cần thiết đối với con người mới, xã hội chủ nghĩa. Tổng hợp tức là tương đối toàn diện và có hệ thống, không bị gián đoạn, không rơi vào tình trạng biệt lập, địa phương lẻ, khu vực lẻ, xa rời cộng đồng xã hội lịch sử và quốc tế. Yêu Ra-pha-en, Mi-ken Lãng-giơ, thích Sếch-xpia, Mô-li-e, Gớt, Pê-tô-phi, quý trọng Bê-tô-ven, Mô-da, Sô-panh, ham đọc Tôn-xtôi, Sê-khốp... chắc hẳn sẽ làm cho con người xã hội chủ nghĩa của chúng ta lớn thêm, giàu thêm, ưu ái thêm về tâm hồn, tinh cảm, văn hóa, có thêm sự đồng cảm nhạy bén với những cuộc đấu tranh cho tự do, công lý, nhân phẩm, những cuộc đấu tranh cho sự sáng

tạo những của cải khoa học và nghệ thuật cần thiết cho cuộc sống của con người. Những tinh hoa này cần phải dần dần phổ biến đến tận cơ sở, tận quần chúng để cho trong chế độ ta, ai cũng có quyền làm chủ những kỳ đài văn hóa của loài người với ý thức cao nhất.

Việc tiếp thụ những tinh hoa văn hóa và văn nghệ loài người còn có tác dụng tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị chiến đấu giữa các dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và sô vanh nước lớn. Vì những tinh hoa văn hóa và văn nghệ của loài người, về bản chất mà nói (và dĩ nhiên ở các mức độ khác nhau) đều đứng về phía những khát vọng chân chính của con người từ xưa đến nay: tự do, độc lập, công lý, lòng nhân ái giữa con người và con người... Những kẻ chủ trương tiêu diệt văn hóa ở các nước, đều là bọn người muốn chuyển chế bằng bạo quyền, bằng sự ngu dốt và sự bất tài của bản thân chúng. Những tên phát xít độc tài và tự xưng bá chủ xưa nay đều rất sợ sự thật cho nên chúng phải diệt cả chữ lẫn nghĩa, « đốt sách, chôn học trò » Chúng căm thù con người cho nên cũng căm thù cả văn hóa của loài người. Trái lại, những người cách mạng chiến đấu cho chân lý cho nên rất trọng các giá trị tinh thần của dân tộc mình và của nhân dân mọi nước.

Nhưng do có chỗ khác nhau cũng rất căn bản giữa các thời đại trước và thời đại chúng ta, nhất là khác nhau về lập trường giai cấp, về thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng thẩm mỹ, việc tiếp thụ những giá trị nước ngoài ở các thời đại trước lại càng phải qua chọn lọc và phê phán theo quan điểm lịch sử và quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Nói chung đã là giá trị, đã là tinh hoa thì đều có thể tiếp thụ. Nhưng nên tiếp thụ từng bước, có trọng điểm

đối với từng ngành và cũng xuất phát từ yêu cầu của công tác chính trị, tư tưởng và sự nghiệp xây dựng văn hóa ở từng giai đoạn. Mặt khác cần chỉ ra những chỗ ấu trĩ, tiêu cực, của nền văn hóa hay văn nghệ các thời trước về mặt tư tưởng, về cách xử lý các vấn đề của con người và của xã hội, về cả phương pháp biểu hiện và phong cách nghệ thuật.

Tiếp thụ cuối cùng là *dề sáng tạo cái của chính mình*. Cần căn cứ vào sức sáng tạo của mỗi dân tộc để xem xét tinh thần tiếp thụ những tinh hoa văn hóa loài người của dân tộc đó.

Thời kỳ gọi là Phục hưng ở châu Âu phục hồi văn hóa Hy-lạp-La-mã cổ đại nhưng là để mở ra một vòm trời mới, vòm trời của văn hóa Ý, Pháp, Anh, Tây-ban-nha... với sức « tâm ăn lên » của giai cấp tư sản dân tộc đang muốn làm chủ xã hội và thống nhất quốc gia.

Ông cha ta trước đây đã có ý thức học hỏi ở nền văn hóa các nước láng giềng. Nhưng những áng văn thơ tiêu biểu của ta đều đậm đà tâm hồn, nhân cách và trí tuệ Việt-nam. Văn thơ đó chính là một phương thức làm chủ đất nước, làm chủ cuộc sống trong điều kiện phải thường xuyên

bảo tồn vận mệnh dân tộc và phát triển không ngừng.

Ngày nay, chúng ta đã có một nền văn hóa mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Chúng ta đang ra sức vun đắp, phát triển nền văn hóa đó nhằm phục vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng con người mới, xã hội chủ nghĩa, toàn năng, toàn diện. Những tinh hoa của văn hóa, văn nghệ loài người sẽ truyền thêm cho chúng ta vốn sống, vốn tư duy, kinh nghiệm, cả niềm tin và những chất dinh dưỡng tinh thần và thẩm mỹ quý báu do bao thế hệ đã góp sức tạo nên. Từ ta ra ngoài thế giới và từ thế giới lại trở về ta, để làm ra cái của chính mình, của mau thật mình, đó là quan điểm tiếp thụ đúng đắn nhất, theo tinh thần làm chủ. Quan điểm đó đối lập hoàn toàn với tinh thần tự ti, sùng ngoại và nô dịch, nó cũng hoàn toàn không phải là tinh thần « bòn rút » nước ngoài theo quan điểm thực dụng chủ nghĩa và số vanh lịch kỷ. Bởi vì chính bằng cuộc chiến đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bằng nền văn hóa, văn nghệ với đầy đủ tính chủ thể và bản sắc dân tộc, chúng ta mới có thể đóng góp vào sự phát triển chung của lịch sử và của văn hóa loài người.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 10—1979 г.

ПЕРЕДОВАЯ: Производство потребительских товаров и развитие местной промышленности - важная, злободневная экономическая задача.

ЛЕ ЗУАН: Некоторые вопросы местной экономики.

НГУЕН ЛАМ: Некоторые коренные вопросы, которые нужно решить в целях усиления производства потребительских товаров и развития местной промышленности.

ФУК КЫОНГ: Гегемонистская и экспансионистская стратегия Пекина.

Дискуссии о новой, социалистической культуре

...

REVIEW OF COMMUNISM

№ 10 - 1979

Editorial - To produce consumer goods and develop regional industry: an urgent and important economic task. *LÊ-DUÂN* - Some problems on regional economies. *NGUYỄN-LAM* - Some fundamental problems which should be solved in order to boost the production of consumer goods and develop regional industry. *PHÚC-CUÔNG* - Peking's hegemonist and expansionist strategy. **Debate on the new, socialist, culture.**

...

REVUE DU COMMUNISME

№ 10 - 1979

Éditorial - Produire des articles de consommation et développer l'industrie régionale - une tâche économique pressante et importante. *LÊ-DUÂN* - Quelques problèmes de l'économie régionale. *NGUYỄN-LAM* - Quelques problèmes fondamentaux à résoudre pour activer la production des articles de consommation et développer l'industrie régionale. *PHÚC-CUÔNG* - La stratégie hégémoniste et expansionniste de Pékin. **Débat sur la nouvelle culture socialiste**

...

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 10 - 1979

Editorial - Aumentar la producción de los artículos de consumo y desarrollar la industria regional - una tarea económica apremiante e importante. *LÊ-DUÂN* - Algunos problemas de la economía regional. *NGUYỄN-LAM* - Algunos problemas fundamentales por resolver a fin de acelerar la producción de los artículos de consumo y el desarrollo de la industria regional. *PHÚC-CUÔNG* - La estrategia hegemónica y expansionista de Pekín. **Debates acerca de la cultura nueva, socialista.**

...

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 10

1979

NĂM THỨ XXV (286)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần-Cao-Văn, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 22060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương — một nhiệm vụ kinh tế cấp bách và quan trọng	1
LÊ-DUẬN — Một vấn đề về kinh tế địa phương	11
NGUYỄN-LAM — Một vấn đề cơ bản cần giải quyết để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển công nghiệp địa phương	31
PHÚC-CƯƠNG — Chiến lược bá quyền và bành trướng của Bắc-kinh	41
NGÔ-DUY-ĐÔNG — Khai thác tiềm năng nông nghiệp ở Hải-hưng	53
THANH-TÂM — Hòa-an bám trụ kiên cường	59
THANH-BÌNH — Tô chức đời sống văn hóa và tinh thần cho nhân dân ở Nghĩa-bình	65
HÀ-PHƯƠNG — Đảng bộ xã Cảnh-thụy từ yếu kém vươn lên	69
Sinh hoạt tư tưởng ★ TRỌNG-NGHĨA — Tình đồng chí	76
Thảo luận — Về nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa ★ ĐÌNH-GIA-KHÁNH — Sức mạnh của văn hóa Việt ★ HOÀNG-NGỌC-DI — Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hóa của một nước ★ HOÀNG-TRINH — Tiếp thu những tinh hoa tư tưởng và nghệ thuật của loài người qua văn hóa, văn nghệ	80

8152-17

PHỤC VỤ CUỘC VẬN ĐỘNG CẢI CÁCH GIÁO DỤC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT - NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nghị quyết của Bộ chính trị về cải cách giáo dục



MÁC — ĂNG-CHEN — LÊ-NIN — XTA-LIN

Bản về giáo dục

HỒ - CHÍ - MINH

Bản về công tác giáo dục

LÊ-DUÂN — TRƯỜNG-CHINH —
PHẠM - VĂN - ĐỒNG — TỐ - HỮU

Về đường lối giáo dục xã hội chủ nghĩa

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Sự nghiệp giáo dục trong chế độ xã hội chủ nghĩa

★★★

Góp phần tìm hiểu Nghị quyết về cải cách giáo dục
(Loại sách phổ thông)



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



II.1979

NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH TRƯỚC MẮT CỦA CHÚNG TA



Ở sau chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975 đến nay, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhân dân ta đã ra sức phấn đấu và đã thu được những thắng lợi to lớn.

Quân và dân ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới tây nam và phía bắc nước ta do bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh chủ mưu và phát động, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với cách mạng hai nước Cam-pu-chia và Lào.

Sau khi giải phóng miền Nam, chúng ta đã nhanh chóng thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước và đang tiếp tục hoàn thành sự nghiệp thống nhất trên mọi lĩnh vực. Bản dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đang được toàn dân phấn khởi tham gia thảo luận.

Về quan hệ quốc tế, tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia được củng cố hơn bao giờ hết. Tình đoàn kết giữa nước ta với Liên-xô được tăng cường qua Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác Việt - Xô. Chúng ta đã chính thức gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế. Quan hệ ngoại giao và kinh tế giữa nước ta với nhiều nước trên thế giới đang được mở rộng. Chúng ta đã đóng vai trò tích cực trong nhiều hội nghị quốc tế quan trọng; nhiều âm mưu thâm độc của bọn bành trướng Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc hòng làm giảm uy tín và cô lập nước ta trên trường quốc tế đã bị vạch trần và đẩy lùi.

Về kinh tế, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thử thách và thiên tai dồn dập, nhân dân ta cũng đã thu được những thành tựu quan trọng trong việc hàn gắn những vết thương chiến tranh, chống thiên

ta, khôi phục sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, bảo đảm những yêu cầu tối thiểu của đời sống nhân dân và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Những thắng lợi to lớn nói trên đã góp phần tích cực bảo vệ và phát triển ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh phong trào độc lập dân tộc, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam châu Á và trên thế giới. Những thắng lợi đó đã chứng minh hùng hồn rằng nhân dân ta rất giàu lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, Đảng ta thật sự là một đảng Mác - Lê-nin vững mạnh.

Đề giành được những thắng lợi vĩ đại trên đây, nhân dân ta đã phải vượt qua biết bao khó khăn, thử thách, đã phải chịu đựng biết bao gian khổ, hy sinh, kể cả hy sinh xương máu của mình ! Đứng trước những âm mưu và hành động xâm lược và phá hoại của bọn bành trướng Bắc-kinh, của bọn đế quốc và phản động quốc tế khác, chúng ta vẫn đứng vững và không ngừng tiến lên. Tuy vậy, hiện nay chúng ta đang gặp nhiều khó khăn, nhất là những khó khăn trong kinh tế và đời sống : sản xuất phát triển chậm, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân thiếu thốn, nhất là đời sống của những người ăn lương ở thành thị và các khu công nghiệp. Nhiều lao động đến tuổi chưa có việc làm hoặc đã có việc nhưng phải tạm nghỉ vì thiếu nguyên liệu, vật liệu. Các hiện tượng tiêu cực trong xã hội có chiều hướng tăng lên.

Những khó khăn đó bắt nguồn từ những nguyên nhân khách quan sâu xa là chúng ta xây dựng kinh tế trong điều kiện đất nước trải qua mấy chục năm chiến tranh và hiện nay vẫn còn bị chiến tranh đe dọa, buộc nhân dân ta phải dành nhiều sức lực cho quốc phòng và luôn luôn sẵn sàng chiến đấu. Hơn nữa, nước ta từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải thực hiện cùng một lúc hai nhiệm vụ vừa cấp bách vừa cơ bản là thỏa mãn nhu cầu đời sống nhân dân và tích lũy vốn để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Nhưng mặt khác, cũng phải thấy những khuyết điểm chủ quan của chúng ta, nhất là trong công tác kinh tế.

Chúng ta chưa quán triệt đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra ; các ngành, các cấp, từ trung ương đến cơ sở chưa thật sự tập trung sức vào phát triển nông nghiệp ; còn coi nhẹ công nghiệp nhẹ, công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ; việc phát triển công nghiệp nặng chưa gắn chặt và phục vụ trước hết cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ ; chưa kết hợp cải tạo với xây dựng, cải tạo với tổ chức lại sản xuất.

Chúng ta chưa nhận thức sâu sắc đặc điểm của nước ta là đang trong bước đầu của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội, là thời kỳ còn nhiều thành phần kinh tế, còn nhiều loại quy luật tác động, còn sản xuất hàng hóa nhỏ... chứ chưa phải là thời kỳ chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện, do đó đã có những khuyết điểm về kế hoạch hóa, về xây dựng các chính sách cụ thể, về tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Kế hoạch thường tập trung quan liêu, không sát với thực tế, thiên về ý chí và nguyện vọng chủ quan, chưa chú ý kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường; chính sách cụ thể thì gò bó cứng nhắc, không kết hợp được ba loại lợi ích kinh tế (lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân), chưa thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động, chưa sử dụng tốt các thành phần kinh tế có lợi cho chủ nghĩa xã hội; chưa chú ý vận dụng quy luật giá trị. Về quản lý kinh tế thì nặng về hành chính cung cấp, không thực hiện đúng nguyên tắc quản lý sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa, dẫn đến tình trạng làm ăn không tính toán, không chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh tế, v.v



Để đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên những bước mới, Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương Đảng đã đề ra **ba nhiệm vụ cấp bách** cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là:

1 — **Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân.**

2 — **Tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.**

3 — **Kiên quyết đấu tranh nhằm khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.**

Ba nhiệm vụ trên có quan hệ mật thiết với nhau, phải thực hiện cùng một lúc, không được hoãn hoặc tạm gác một nhiệm vụ nào. Để thực hiện tốt ba nhiệm vụ đó, chúng ta phải tiếp tục quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra, nhận thức sâu sắc về đặc điểm của thời kỳ quá độ nước ta từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ đó mà sửa chữa các khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhất là phải đổi mới công tác kế hoạch hóa và các chính sách kinh tế nhằm làm cho sản xuất «bung ra» theo đường lối của Đảng và phương hướng kế hoạch Nhà nước.

Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là **đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp** nhằm trước hết bảo đảm vững chắc lương thực và thực phẩm, đồng thời cung cấp nhiều nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và tăng nguồn hàng xuất khẩu. Cần nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa rất quan trọng của vấn đề lương thực để lập trung sức giải quyết cho bằng được. Có lương thực mới có điều kiện để phát triển chăn nuôi và cây công nghiệp, phát triển nông nghiệp toàn diện, góp phần đẩy mạnh xuất khẩu. Nông nghiệp, công nghiệp nhẹ có phát triển thì mới tạo được cơ sở cho việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý.

Tập trung sức phát triển lương thực không có nghĩa là độc canh lương thực, mà phải luôn luôn nắm vững phương hướng phát triển nông nghiệp toàn diện bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi (kể cả nuôi cá), và phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp ở nông thôn. Tập trung sức phát triển một số cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị xuất khẩu cao với khối lượng lớn như cao su, cà phê, chè, thuốc lá, dầu dừa, đậu, mít, chuối, dưa... nhằm đẩy mạnh xuất khẩu để không những nhập khẩu nguyên liệu cho công nghiệp mà còn có thể nhập khẩu thêm một khối lượng lương thực ổn định. Nhanh chóng phát triển chăn nuôi để cung cấp thịt, sữa, trứng, da, lông cho công nghiệp chế biến.

Cần phải đẩy mạnh khai thác hải sản để giải quyết vấn đề thực phẩm cho nhân dân. củng cố các cơ sở quốc doanh, bảo đảm cân đối hậu cần với khai thác nhằm **tăng năng suất đánh bắt cá**. Củng cố các hợp tác xã nghề cá ở miền Bắc, tổ chức lại nghề cá ở miền Nam với các hình thức thích hợp theo phương châm **vững chắc và tích cực**.

Chăn chỉnh và quản lý tốt nghề rừng, củng cố các lâm trường quốc doanh và các hợp tác xã nghề rừng, kiên quyết ngăn chặn nạn phá rừng, cháy rừng, có quy hoạch và nhanh chóng thực hiện tốt kế hoạch trồng rừng nhằm sớm phủ kín các đồi trọc, tạo nên một hệ thống thâm rừng đủ sức làm hai nhiệm vụ phòng hộ và cung cấp. Đầu tư thích đáng cho việc làm đường lâm nghiệp và cơ khí hóa nghề rừng. Tổ chức tốt việc khai thác, vận chuyển và phân phối gỗ để phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Về công nghiệp, phải chỉ đạo chặt chẽ và khẩn trương việc sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, phát triển công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất trong các ngành than, điện. Chăn chỉnh toàn diện công tác giao thông vận tải. Các ngành công nghiệp phải tiến hành kiểm kê toàn bộ thiết bị, vật tư, lao động sẵn có, để có kế hoạch sử dụng tốt, nâng cao năng suất lao động, phát triển sản xuất.

Hợp tác quốc tế và đẩy mạnh xuất khẩu không những là công tác cấp bách mà còn là nhiệm vụ chiến lược trong cả quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Có thể nói, không có hợp tác quốc tế thì từ sản xuất nhỏ không thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội được. Tất cả các ngành, các địa phương và cơ sở (cả quốc doanh và tập thể) phải phấn đấu rất cao để đẩy mạnh xuất khẩu. Tăng cường đầu tư để mở rộng các cơ sở sản có và xây dựng một số cơ sở chuyên làm hàng xuất khẩu, nhất là những mặt hàng mà ta có thể mạnh như nông sản nhiệt đới, hải sản, lâm sản, cây dược liệu, khoáng sản và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống.

Trong quan hệ kinh tế đối ngoại, trước hết phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của ta trong việc hợp tác kinh tế với các nước anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với các nước khác.

Giải quyết những yêu cầu cấp bách về đời sống. Có cải thiện đời sống mới gây được phấn khởi để đẩy mạnh sản xuất. Phải khẩn trương giải quyết các vấn đề cấp bách về đời sống ở các thành phố, khu công nghiệp tập trung, ở các vùng biên giới phía bắc và một số vùng nông thôn mùa màng có khó khăn.

Tích cực chuẩn bị luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay nước ta đang ở trong tình hình vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh do bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc gây ra. Do đó, chúng ta phải luôn luôn kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Phấn đấu tốt công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ nhân dân, bảo đảm cho đất nước ta luôn luôn chủ động và sẵn sàng đập tan các cuộc tiến công xâm lược của địch.

Đẩy mạnh cuộc vận động « phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang » trong toàn quân. Triền khai việc thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự đối với mọi công dân đến tuổi nghĩa vụ.

Các cấp Đảng và chính quyền phải chỉ đạo chặt chẽ công tác quốc phòng và an ninh, tăng cường các biện pháp chuyên môn kết hợp với phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, kịp thời phát hiện và đập tan mọi âm mưu và hoạt động của bọn phản động, gián điệp, bọn gây bạo loạn..., giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đề phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, vẫn đề có tính chất quyết định là phải đổi mới công tác kế hoạch hóa

và cải tiến một cách cơ bản các chính sách kinh tế, nhất là các chính sách về lưu thông phân phối.

Công tác kế hoạch hóa phải đổi mới theo hướng chống tập trung quan liêu, bảo đảm quyền làm chủ tập thể về kinh tế của các ngành, các cấp, kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường. Nguyên tắc chung là cái gì các ngành sản xuất làm được, làm tốt thì các cơ quan lồng hợp không nên ôm đồm, ràng buộc. Cái gì địa phương có thể làm được, làm có hiệu quả thì giao cho địa phương làm. Cái gì cơ sở có thể giải quyết được thì cấp trên không nên nắm giữ; cái gì nhân dân có thể tự lo liệu được thì giúp đỡ cho nhân dân lo, Nhà nước không nên bao biện.

Phải chống chủ quan, bảo thủ, không nhìn thấy những thiếu sót trong một số chính sách đã ban hành, từ đó mà xóa bỏ ngay những chính sách lỗi thời không thể hiện được đường lối của Đảng, không phù hợp với thực tế sản xuất và đời sống. Đồng thời phải nghiên cứu kỹ khi xác định các chính sách mới để tránh sai sót. Tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá sự đúng đắn của các chính sách là tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Do đó, các chính sách phải kết hợp được lợi ích của toàn xã hội với lợi ích của tập thể và cá nhân, khuyến khích người lao động phấn khởi, hăng hái sản xuất.



Để làm tốt các nhiệm vụ và công tác trên đây, các ngành, các địa phương cần căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của mình mà phát động phong trào cách mạng của quần chúng sôi nổi liên tục nhằm đẩy mạnh sản xuất, tổ chức tốt đời sống, phát huy những nhân tố tích cực, đồng thời kiên quyết đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực, nhất là ăn cắp, hối lộ, ức hiếp nhân dân.

Phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, làm cho quần chúng tự giác, chủ động thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình cùng với các cơ quan có trách nhiệm đấu tranh mạnh mẽ chống các hiện tượng tiêu cực đó. Kết hợp các biện pháp kinh tế với các biện pháp hành chính, giáo dục để quản lý thị trường, kiên quyết trừng trị bọn phá hoại, đầu cơ nâng giá.

Người đứng đầu mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đơn vị chịu trách nhiệm và có tổ chức chặt chẽ để bảo vệ chu đáo những tài sản mà Nhà nước giao cho mình quản lý. Các đoàn thể quần chúng phát huy chức năng và tác dụng quan trọng của mình trong việc giáo dục chính

trị và phát động phong trào quần chúng đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Công tác tư tưởng có được làm tốt thì mới có thể giáo dục chỉnh trị một cách sắc bén và kịp thời. Một đợt công tác chỉnh trị, tư tưởng mạnh mẽ là cần thiết để làm cho mọi người thấy rõ những thắng lợi rất to lớn của cách mạng Việt-nam trong bốn năm qua, hiểu rõ những khó khăn không thể tránh khỏi trong hoàn cảnh vừa bảo vệ Tổ quốc chống bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, vừa bảo đảm đời sống nhân dân và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời cũng thấy rõ những khuyết điểm chủ quan trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội và các chủ trương biện pháp sửa chữa, từ đó mà nâng cao ý chí cách mạng, tinh thần tự lực tự cường, quyết tâm vượt mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cấp bách trước mắt.

Mỗi ngành, mỗi cấp chủ động làm những việc thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình, không chần chừ, chờ đợi. Đối với những công tác cấp bách trước mắt, phải kiểm tra đôn đốc ráo riết, và sau mỗi đợt kiểm tra phải có kết luận và xử lý cụ thể, biểu dương và phê bình kịp thời các gương tốt, uốn nắn những lệch lạc, thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với những người không thi hành nghị quyết.

Kiên quyết chấn chỉnh bộ máy chỉ đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở theo hướng gọn nhẹ, giảm trung gian, giảm các bộ phận thừa, tăng hiệu lực, đặc biệt chú trọng kiện toàn cấp huyện là khâu mấu chốt trong việc xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp.

Các ngành, các cấp phải làm tốt công tác cán bộ theo Nghị quyết 225 của Bộ chính trị, chú trọng làm cho đội ngũ cán bộ được đổi mới, thật sự có phẩm chất và năng lực. Thanh lọc những cán bộ thoái hóa, biến chất; thay thế những người không có năng lực, không đảm đương được nhiệm vụ; tích cực bồi dưỡng lớp kế thừa.



TUY trước mắt còn nhiều khó khăn, nhưng với lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân, quyết tâm nắm vững đường lối của Đảng, mạnh dạn đổi mới các chính sách kinh tế và kiên quyết cải tiến chỉ đạo thực hiện từ trên xuống dưới, chúng ta nhất định sẽ tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ, hoàn thành tốt những nhiệm vụ cấp bách trước mắt và đưa cách mạng nước ta tiến lên những bước mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Một số vấn đề về phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương

LÊ-THANH-NGHỊ

HỘI nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng bàn chuyên về công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương đã xác định những vấn đề cơ bản đối với sự phát triển của một ngành, một khu vực kinh tế rất quan trọng, đồng thời giải quyết những nhiệm vụ cấp bách về kinh tế và đời sống.

Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân và quân đội, đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần tận dụng lao động xã hội, tăng tích lũy để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; đồng thời việc phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương là một yếu tố rất quan trọng để tăng cường trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp, củng cố quan hệ giữa Nhà nước và nông dân, khắc phục tình trạng bội chi ngân sách, bội chi tiền mặt, góp phần làm cho nền kinh tế chuyển biến lành mạnh.

Mặt khác, việc phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương đòi hỏi phải giải quyết những vướng mắc, trực tiếp trong việc tổ chức sản xuất, phân cấp quản lý, cải tiến các chính sách và chế độ quản lý. Nói vắn tắt là phải đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế theo hướng quản trịet đường lối của Đảng, vận dụng tốt các quy luật kinh tế khách quan trên cơ sở nhận thức đúng đắn đặc điểm tình hình kinh tế nước ta hiện nay.

Đây là một quan điểm cơ bản của Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng mà chúng ta cần nắm vững để hiểu đúng và thực hiện tốt các quyết định mới về chính sách kinh tế nhằm giải quyết các nhiệm vụ cấp bách trước mắt cũng như đẩy mạnh việc phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

Đặc điểm lớn nhất của tình hình nước ta hiện nay, như Đại hội lần thứ IV của Đảng đã phân tích, là chúng ta

đang ở bước đầu của thời kỳ quá độ đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm này bao trùm cả hai miền nước ta, tuy có khác nhau về mức độ. Miền Bắc đã trải qua 20 năm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế, nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật còn nhỏ bé, phần lớn lao động còn là thủ công, nên vẫn đang ở bước đầu của quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, qua mấy năm tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế vẫn còn nằm thành phần, trong đó thành phần kinh tế tư bản tư nhân còn tồn tại ở một mức nhất định (thực chất là kinh tế của tư sản loại nhỏ), trong một số lĩnh vực nhất định. Nền kinh tế hiện nay còn nhiều thành phần là phù hợp với yêu cầu khách quan của sản xuất xã hội. Thực tiễn đã chứng minh quan điểm đúng đắn của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng: « Trên cơ sở phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, cần tận dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác để phát triển sản xuất, bảo đảm cung ứng tốt nhu cầu của xã hội ».

Nói nền kinh tế đang ở bước đầu của thời kỳ quá độ, còn tồn tại nhiều thành phần, tức là đặt ra yêu cầu phải vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế để xác định các chủ trương chính sách kinh tế, xây dựng cơ chế quản lý cho phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế. Do chưa nắm vững đặc điểm này, chưa quán triệt đầy đủ đường lối của Đảng và chưa coi trọng việc vận dụng đúng đắn các

quy luật kinh tế khách quan, đặc biệt là quy luật giá trị, quy luật phân phối theo lao động, nên trong thời gian qua, đã có những biểu hiện nóng vội trong một số chủ trương, chính sách cụ thể về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như những khuyết điểm kéo dài trong công tác quản lý.

Trong hoàn cảnh nước ta, việc vận dụng các quy luật kinh tế lại càng trở nên phức tạp vì chúng ta đang ở trong tình thế thường xuyên bị uy hiếp bởi chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng Trung-quốc. Yêu cầu động viên sức người, sức của cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đặt ra lâu dài và với mức cao hơn thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Tình hình đó càng đòi hỏi chúng ta phải nắm vững đường lối của Đảng, vận dụng một cách sáng tạo các quy luật kinh tế để đổi mới công tác quản lý, làm chuyển biến tình hình kinh tế theo các phương hướng chung sau đây:

— Phát huy tính ưu việt và vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, nắm vững kế hoạch hóa là khâu trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng tốt thị trường, khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác để tăng nhanh của cải vật chất, đáp ứng tốt các nhu cầu của xã hội.

— Gắn bó chặt chẽ lợi ích của Nhà nước với lợi ích của tập thể và của người lao động trong các chính sách kinh tế, các chế độ quản lý cũng như trong công tác giáo dục tư tưởng, nhằm khuyến khích và thúc đẩy mọi người hăng hái lao động sản xuất.

— Kiên quyết khắc phục lối quản lý hành chính bao cấp, mau chóng xây dựng nền nếp quản lý theo phương thức sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ đi đôi với nâng cao trách nhiệm đầy đủ của người lao động, của các đơn vị cơ sở, các ngành và các địa phương đối với kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả của mọi hoạt động kinh tế.

Những phương hướng nêu trên phải được quán triệt và thể hiện trong các chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm đổi mới phương thức quản lý, đổi mới công tác kế hoạch hóa, công tác tổ chức quản lý và cán bộ quản lý. Các chủ trương, biện pháp đó phải đem lại kết quả cuối cùng là :

— Sản phẩm xã hội tăng nhanh trên cơ sở tận dụng lao động xã hội, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sử dụng đất đai, vật tư, thiết bị, tiền vốn ;

— Quần chúng lao động hăng hái, phấn khởi sản xuất và công tác, các nhân tố tích cực phát triển mạnh mẽ, các hiện tượng tiêu cực trong xã hội bị đẩy lùi và ngăn chặn.

Đổi mới công tác quản lý kinh tế là một việc khó và phức tạp, do đó nó phải được tiến hành có hệ thống, đồng bộ để tạo nên chuyển biến cơ bản và mạnh mẽ. Mặt khác, phải khẩn trương giải quyết những vấn đề đã thấy rõ, đề tháo gỡ từng bước các vướng mắc, tạo điều kiện cho những bước đổi mới tiếp theo.

Theo tinh thần đó, Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng đã quyết định một số chủ trương về sửa đổi

các chính sách kinh tế nhằm mở đường cho sản xuất phát triển, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ kinh tế cấp bách, đẩy mạnh việc phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Các quyết định đó đã và đang được cụ thể hóa và thể chế hóa thành các văn bản pháp quy của Nhà nước như : chính sách tận dụng ruộng đất, chính sách khuyến khích chăn nuôi gia súc, chính sách khuyến khích tận dụng phế liệu, phế phẩm và nguyên liệu trong nước để sản xuất hàng tiêu dùng, chính sách và giá cả thu mua lương thực và các nông sản khác, chính sách khuyến khích xuất khẩu... Một số vấn đề lớn về chính sách kinh tế, chế độ quản lý như : chế độ kế hoạch hóa, chính sách tiền lương và giá cả... cũng đang được nghiên cứu để cải tiến một bước cơ bản.

Những sửa đổi nêu trên mới là bước đầu, chúng ta còn phải tiếp tục cải tiến trên nhiều mặt; có như vậy, chúng ta mới xây dựng được một cơ chế quản lý có hiệu lực và hiệu quả tốt, khắc phục được tình trạng vừa tập trung quan liêu, vừa lỏng lẻo, tùy tiện, tình trạng bao cấp nặng nề trong công tác quản lý hiện nay. Điều quan trọng là Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng đã nêu rõ tư tưởng chỉ đạo, và những quyết định về chính sách kinh tế mới ban hành bước đầu đã đem lại chuyển biến tích cực trên một số mặt.

Có năm vững tư tưởng chỉ đạo đó, chúng ta mới quán triệt và thực hiện được tốt nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng về các

nhệm vụ cấp bách cũng như về công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.

Dưới đây là một số vấn đề cần được làm rõ thêm dưới ánh sáng của tư tưởng chỉ đạo đó.

VỀ NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HÀNG TIÊU DÙNG VÀ CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

1. *Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của nhân dân, phù hợp với điều kiện kinh tế nước ta.*

Nhu cầu tiêu dùng của nhân dân rất đa dạng.

Trong chính sách tiêu dùng, xuất phát từ điều kiện kinh tế cụ thể của nước ta, một mặt Nhà nước phải chú trọng những nhu cầu cơ bản, cấp bách của đời sống nhân dân, nhưng mặt khác phải tích cực đáp ứng những nhu cầu muôn hình muôn vẻ khác mà ta có khả năng giải quyết.

Trách nhiệm của chúng ta đối với đời sống của nhân dân đòi hỏi phải thực hiện một nguyên tắc: *bất cứ một nhu cầu tiêu dùng nào của nhân dân, kể từ cái nhỏ nhất, mà điều kiện trong nước có thể đáp ứng được, thì chúng ta không được bỏ qua.*

Có ý kiến nói: « cái lớn, cấp bách lo còn chưa xong, nói gì đến những cái khác ». Tôi nghĩ rằng: tập trung giải quyết những cái lớn, cấp bách và cố gắng đáp ứng các nhu cầu muôn vẻ của đời sống nhân dân không đối lập nhau. Có khi cái lớn chưa có điều kiện giải quyết được, nhưng cái nhỏ có thể đáp ứng được thì chúng ta không được bỏ qua. Ví dụ: ta chưa bảo đảm được đủ vải mặc, nhưng vì sao lại để thiếu nón, mũ, dép, guốc? Vì sao hiện nay nhiều người ở các địa phương vẫn phải về Hà-nội và

một số thành phố để mua tăm tre, đũa, quạt nan...? Vì sao nhiều thị xã, khu công nghiệp chưa tổ chức được việc muối dưa, cà bán cho nhân dân? Vì sao nước chấm cũng không đủ cung cấp cho nhân dân? Chúng ta lo giải quyết loại nhu cầu chính của nhân dân như lương thực, thực phẩm, nhưng nếu không chú ý đến cái phụ như chất đốt chẳng hạn... thì cũng không được.

Phải khắc phục tư tưởng « coi thường cái nhỏ », vì tư tưởng này đã làm cho mặt hàng tiêu dùng của ta ngày càng nghèo nàn, nhân dân thiếu rất nhiều thứ không đáng thiếu, trong khi nhiều khả năng tiềm tàng về sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề phụ gia đình, chưa được khai thác tốt.

Phải có biện pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục tình trạng ấy.

Trước hết, cần điều tra, nghiên cứu tỉ mỉ mọi nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, đi sâu vào điều kiện lao động và sinh hoạt của nhân dân ở các môi trường khác nhau, thuộc các thành phần dân cư khác nhau, với lứa tuổi và giới tính khác nhau. Ví dụ: trong việc phục vụ bữa ăn của nhân dân, chúng ta vừa phải lo cho bữa cơm gia đình, vừa phải tính đến đặc điểm lao động và sinh hoạt tập thể ngày càng phát triển từ các cháu nhỏ đến

người lao động lớn tuổi. Từ đó, chúng ta suy nghĩ về phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm một cách toàn diện, với nhiều loại sản phẩm, đáp ứng cái "ăn", cái "uống", và tính đến các thứ phục vụ cho bữa ăn như chất đốt, đồ đun nấu, bát, đĩa, cốc, chén, v.v.

Các nhu cầu tiêu dùng khác như: mặc, ở, đi lại, học tập, bảo vệ sức khỏe... cũng đòi hỏi chúng ta phải điều tra nghiên cứu tỉ mỉ, phải chú ý cả thị hiếu tiêu dùng của mỗi tầng lớp nhân dân.

Như vậy, điều tra, nghiên cứu về nhu cầu tiêu dùng là một vấn đề lớn. Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng đã nêu vấn đề này, nhưng đến nay, công việc vẫn chưa được tiến hành đến nơi đến chốn; điều này chứng tỏ quan điểm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân còn rất phiến diện, đơn giản.

Chính phủ cần tổ chức tiến hành công tác này trong một thời hạn nhất định, cần lập danh mục chi tiết về các loại hàng tiêu dùng, phân công sản xuất giữa các ngành, các địa phương, tạo điều kiện khai thác tốt mọi năng lực sản xuất của tất cả các thành phần kinh tế, kể cả nghề phụ gia đình.

Trong việc này, các ngành sản xuất và lưu thông phân phối cần kết hợp chặt chẽ với nhau. Đặc biệt, ngành nội thương cần khắc phục tình trạng thụ động chờ hàng hoặc chỉ bó hẹp trong việc nắm nguyên liệu đưa gia công, phải chủ động nghiên cứu nhu cầu, thị hiếu của nhân dân, đề ra yêu cầu cho người sản xuất (kể cả xí nghiệp quốc doanh trung ương xi

nghiệp quốc doanh địa phương, hợp tác xã và người sản xuất cá thể). Phải mở rộng kinh doanh không chỉ những mặt hàng bán theo giá chỉ đạo mà cả những mặt hàng mua theo giá thỏa thuận với người sản xuất và bán theo giá bảo đảm kinh doanh.

Như vậy, thấu suốt quan điểm tích cực đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của nhân dân, chủ động đi sâu nghiên cứu mọi loại nhu cầu từ cái nhỏ nhất, khai thác mọi tiềm năng đề tổ chức, phân công sản xuất trên cơ sở chính sách được sửa đổi và bổ sung (như quyết định mới đây của Hội đồng Chính phủ về mở rộng sản xuất và tiêu thụ những mặt hàng không do Nhà nước quản lý và cung ứng nguyên liệu), chắc chắn chúng ta có thể sớm tạo nên mặt hàng tiêu dùng phong phú, không hề thiếu những mặt hàng không đáng thiếu.

2. Giải quyết một cách đồng bộ, đến nơi đến chốn những vấn đề thuộc một số mục tiêu quan trọng và cấp bách nhất.

Đi đôi với việc tích cực đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của nhân dân, chúng ta cần tập trung giải quyết một cách đồng bộ những vấn đề thuộc một số mục tiêu quan trọng và cấp bách.

Kinh nghiệm thực tế đã chỉ rõ: muốn thực hiện tốt mọi chủ trương kinh tế, phải xem xét và giải quyết một cách đồng bộ tất cả các yếu tố có liên quan, từ các điều kiện vật chất (cả kinh tế và kỹ thuật) đến các vấn đề về chính sách, chế độ quản lý, về tổ chức và cán bộ, công tác tư tưởng, công tác quần chúng. Trong điều kiện nền kinh tế còn mất cân đối lớn về

nhiều mặt, hệ thống quản lý còn trực trặc, tư tưởng địa phương, cục bộ, bản vị còn nặng, việc bảo đảm tính chất đồng bộ trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với kết quả thực hiện.

Trong phạm vi công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chúng ta có thể nêu mấy chương trình lớn, quan trọng nhất, cần có sự chỉ đạo tập trung của Chính phủ như:

- *Chương trình giải quyết vấn đề mặc*, nhằm mục tiêu trước mắt là bảo đảm mức cung cấp vải cho nhân dân theo tiêu chuẩn, đáp ứng đủ các yêu cầu về quần áo bảo hộ lao động, về vải cho người sinh đẻ, cho việc cưới xin, ma chay, về các hàng tiêu dùng khác bằng sợi như: vải màn, khăn mặt, bát tất, áo rết, chăn, chỉ khâu, v.v. tiến đến nâng mức tiêu dùng và bán bình thường các loại hàng dệt.

Đây là một chương trình lớn đòi hỏi phải giải quyết nhiều mặt, đặc biệt là:

+ *Nguồn nguyên liệu*: trước mắt là nguyên liệu từ nông nghiệp kể cả bông và tơ tằm, đây đề xuất khâu đòi lấy bông, sợi: tích cực khai thác các loại cây có sợi khác như xơ dừa, xơ chuối, xơ diêm thanh, sợi lá buong để thay thế sợi bông trong những mặt hàng thích hợp; đồng thời xây dựng cơ sở làm sợi nhân tạo, chuẩn bị cho việc làm sợi tổng hợp trong phương án xây dựng liên hợp chế biến dầu mỏ.

+ *Cơ sở chế biến từ khâu ươm tơ*, sơ chế bông, đây đến các khâu kéo sợi dệt, nhuộm, may nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và

tăng năng lực gia công cho nước ngoài.

+ *Giải quyết các vật liệu phụ* cho ngành dệt, may như thuốc nhuộm, chỉ, khuy áo...

+ *Xây dựng ngành cơ khí* đáp ứng từng bước nhu cầu trang bị cho công nghiệp ươm tơ, kéo sợi, dệt, may.

- *Chương trình giải quyết dứt điểm vấn đề chế biến lương thực*, chủ yếu là mì, màu. Đây là một bộ phận của chương trình giải quyết vấn đề lương thực trong vài ba năm trước mắt nhằm mục tiêu chế biến tốt số mì, màu đưa vào khẩu phần ăn của nhân dân dưới nhiều dạng thích hợp, có chất lượng, dễ ăn, đồng thời tận dụng phụ phẩm để chế biến thành thức ăn cho gia súc.

- *Chương trình phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực*, nhằm tăng nhanh khối lượng, bảo đảm chất lượng, tranh thủ được thị trường tiêu thụ ổn định và có lợi. Trước mắt, cần phát triển một số mặt hàng chính như: tôm, mực đông lạnh, cao su, cà phê, chè, thuốc lá, thầu dầu, rau quả v.v. Đối với mỗi mặt hàng xuất khẩu, đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ từ khâu trồng, khai thác, chế biến, vận chuyển đến khâu đóng gói, bao bì và xuất khẩu; do đó, phải có sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều địa phương, trong đó ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng giữ vai trò quan trọng trong khâu chế biến.

3. *Tập trung giải quyết vấn đề nguyên liệu.*

Đề dầy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, cần có nhiều yếu tố như: năng lượng, thiết bị, công cụ, lao động, v.v. và những yếu tố này cũng có những

vấn đề phải giải quyết. Song vấn đề quyết định nhất để phát triển sản xuất hàng tiêu dùng hiện nay là vấn đề nguyên liệu.

Nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng được cung cấp từ hai nguồn: từ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, và từ công nghiệp nặng, chủ yếu là từ công nghiệp hóa chất, luyện kim và một phần từ công nghiệp khai khoáng. Tuy chúng ta cố gắng phát triển một số cơ sở sản xuất hóa chất và khai khoáng để đáp ứng một phần nguyên liệu cho sản xuất hàng tiêu dùng, nhưng nói chung việc xây dựng công nghiệp nặng, đặc biệt là ngành luyện kim và hóa chất, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng lâu. Vì vậy, để sản xuất hàng tiêu dùng, hiện nay phải trông vào nguồn nguyên liệu chủ yếu là nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, trước hết là nông nghiệp.

Nguồn nguyên liệu đó lâu nay không ổn định, sản xuất tăng chập và thu nhập được ít; một nguyên nhân quan trọng là do chúng ta chậm xây dựng các vùng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh và thâm canh.

Hiện nay, trừ cao su, cà phê, chè, còn nói chung các cây công nghiệp khác đều trồng phân tán ở nhiều địa phương, với năng suất chênh lệch nhau rất xa. Những tỉnh có diện tích lớn, tương đối tập trung thường đạt năng suất cao hơn những tỉnh chỉ trồng lẻ tẻ, với mức chênh lệch về năng suất bông tới 5 lần, dứa 5 lần, cói 4 lần, lạc 2 lần, đỗ tương 4 lần...

Nhiều loại cây công nghiệp ở những vùng có đất đai thích hợp thu được giá trị trên một héc-ta cao hơn so với

lúa; nhưng do vấn đề cung cấp lương thực chưa được giải quyết tốt, và do quan điểm tự túc lương thực một cách máy móc, nên có địa phương thu hẹp diện tích cây công nghiệp để trồng cây lương thực với hiệu quả thấp hơn.

Chúng ta không nên vì khó khăn trước mắt về lương thực mà hạn chế tốc độ phát triển cây công nghiệp, nhất là đối với những cây không xâm phạm đến đất trồng cây lương thực và trên những diện tích trồng cây công nghiệp thì thích hợp hơn, có hiệu quả cao hơn so với cây lương thực.

Cần sớm quy hoạch cụ thể vùng tập trung, chuyên canh cây công nghiệp trên các địa bàn có điều kiện đất đai thích hợp với từng loại cây và xác định rõ diện tích gieo trồng. Khi quy hoạch, cần tính toán hiệu quả kinh tế, nhất là đối với những diện tích có thể trồng cây lương thực. Đi đôi với việc quy hoạch, cần giải quyết đồng bộ một loạt vấn đề nhằm thúc đẩy sự hình thành vùng chuyên canh và không ngừng tăng năng suất, tăng sản lượng thu hoạch và sản lượng hàng hóa của các vùng đó.

Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng đã đề ra các biện pháp cơ bản và toàn diện để giải quyết vấn đề nông sản nguyên liệu như các biện pháp về đầu tư; cung cấp lương thực, hàng hóa; chính sách thu mua, chính sách giá, chính sách thuế và thu tích lũy, v.v.

Hội đồng Chính phủ đã quyết định điều chỉnh giá thu mua một số hàng nông sản chủ yếu, trong đó có các nông sản nguyên liệu. Chính sách thu

mua nông sản nguyên liệu cũng đang được nghiên cứu sửa đổi dựa theo chính sách thu mua lương thực; đại thể như sau: nông dân vùng chuyên canh cây công nghiệp sẽ nộp thuế bằng hiện vật, với mức thuế ổn định trong 5 năm, bằng khoảng 10% sản lượng. Phần nông sản thu mua sẽ theo hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân với phương thức như sau: vật tư, hàng hóa của Nhà nước và nông sản của nông dân đều theo giá chỉ đạo, nhưng do chưa sửa được những bất hợp lý trong quan hệ tỷ giá, nên sự cân bằng giữa hai chiều sẽ không tính theo giá trị mà được quy định cụ thể bằng hiện vật. Ví dụ: tương ứng với một ki-lô-gam phân đạm, một ki-lô-gam lương thực, một lít xăng dầu... mua của Nhà nước, nông dân phải bán bao nhiêu ki-lô-gam nông sản. Quan hệ trao đổi này đang được nghiên cứu quy định cho

từng loại nông sản theo nguyên tắc bảo đảm cho nông dân trao đổi hai chiều với Nhà nước thì có lợi hơn là bán nông sản, mua hàng hóa ở thị trường "tự do". Trong hợp đồng hai chiều, Nhà nước có thể ứng trước vật tư, hàng hóa, đến vụ thu hoạch mới nhận nông sản. Đối với nông sản còn lại (ngoài phần nộp thuế và thực hiện hợp đồng hai chiều), Nhà nước mua thêm theo giá thỏa thuận và người sản xuất có thể trao đổi trên thị trường.

Để thực hiện tốt chính sách thu mua, cần phải thống nhất tổ chức và chỉ đạo để kết hợp chặt chẽ việc cung ứng vật tư hàng hóa và thu mua nông sản trên địa bàn huyện; chấn chỉnh tổ chức và quản lý để bảo đảm đưa được vật tư, hàng hóa của Nhà nước đến tay nông dân, không bị mất mát, tham ô, phân phối tùy tiện, không đúng đối tượng như hiện nay.

QUAN HỆ GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRONG LĨNH VỰC TỔ CHỨC QUẢN LÝ, CHỦ YẾU LÀ TRONG CÔNG NGHIỆP

Kết hợp ngay từ đầu việc xây dựng kinh tế trung ương và phát triển kinh tế địa phương là một quan điểm lớn, sáng tạo trong đường lối của Đảng ta về xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện đường lối của Đảng, bên cạnh quan hệ hợp đồng, thống nhất giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, chúng ta thường gặp không ít những hiện tượng tách rời, thậm chí đối lập hai mặt quản lý.

Bài phát biểu của đồng chí Lê-Duẩn trong Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng giúp chúng ta thống nhất nhận thức một cách sâu sắc về quan hệ gắn bó hữu cơ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương; từ đó mà giải quyết cụ thể các vấn đề tổ chức quản lý:

"Kinh tế trung ương và kinh tế địa phương là hai mặt của một cơ cấu kinh tế thống nhất. Không có cơ sở nào trực thuộc Trung ương lại không nằm trên một địa phương nhất định,

do đó lại không có những quan hệ kinh tế nhất định với kinh tế địa phương. Ngược lại, các cơ sở kinh tế trực thuộc địa phương đều nằm trong ngành này hay ngành khác, đều gắn liền với các cơ sở kinh tế trực thuộc trung ương thành những ngành kinh tế - kỹ thuật thống nhất cả nước... Kinh tế địa phương vừa là của địa phương, vừa là của cả nước, do trung ương cùng địa phương xây dựng và quản lý, theo sự phân công, phân cấp hợp lý.

Trách nhiệm quản lý của địa phương không chỉ đặt ra đối với các cơ sở trực thuộc mình, mà còn đặt ra đối với cả các cơ sở trực thuộc trung ương ở trên địa bàn của mình.

Ngược lại, khi nói đến kinh tế do trung ương quản lý, chúng ta không chỉ bó hẹp trong các cơ sở trực thuộc các Bộ, Tổng cục mà phải nhìn cả những cơ sở trực thuộc địa phương nhưng nằm trong ngành kinh tế - kỹ thuật mà Bộ, Tổng cục có trách nhiệm quản lý toàn ngành. Bộ, Tổng cục còn có trách nhiệm đối với kinh tế địa phương nói chung, bởi vì sự lớn mạnh của kinh tế địa phương luôn luôn đòi hỏi mức đáp ứng cao hơn về than, điện, sắt thép, máy móc, phụ tùng, phân bón, hóa chất, vật liệu xây dựng... do trung ương quản lý. Trung ương chăm lo phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật và giải quyết các cân đối chung trong phạm vi cả nước. Địa phương trực tiếp chăm lo bảo đảm đời sống nhân dân, đảm nhận lĩnh vực phân phối trên địa bàn của mình. Đó là phương hướng tổng quát trong quan hệ phân

công giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Đi sâu vào nội dung quản lý công nghiệp, thì bất cứ một xí nghiệp nào, dù trực thuộc trung ương hay địa phương, cũng chịu sự quản lý về mọi mặt của Nhà nước; có thể tạm chia ra mấy mặt chủ yếu như sau:

— Một là, quản lý về hành chính - kinh tế, đối với xí nghiệp thì chủ yếu là chấp hành các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh và các chính sách, chế độ về quản lý xí nghiệp của Nhà nước.

— Hai là, quản lý về sản xuất - kinh doanh, chủ yếu là căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước để xác định kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính của xí nghiệp và tổ chức thực hiện kế hoạch đó, bảo đảm kinh doanh có lãi theo nguyên tắc hạch toán kinh tế.

— Ba là, quản lý về đời sống vật chất và chính trị, tư tưởng, văn hóa của cán bộ, công nhân (bao gồm cả công tác Đảng, công tác quần chúng, phong trào thi đua trong xí nghiệp).

Những mặt kể trên, nhất là mặt quản lý về hành chính - kinh tế và mặt quản lý về sản xuất - kinh doanh, có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Về mặt quản lý hành chính - kinh tế, Chính phủ và các Bộ, Tổng cục có trách nhiệm chính trong việc nghiên cứu và ban hành các chính sách, chế độ quản lý thống nhất trong cả nước hoặc trong từng ngành kinh tế - kỹ thuật và tổ chức, kiểm tra sự thực hiện đối với tất cả các xí nghiệp trong cả nước. Các địa phương cũng có trách nhiệm nhất định trong việc nghiên cứu đề xuất hoặc cụ thể hóa các chính sách, chế độ quản lý trong

một phạm vi nhất định. Song, chức năng chính của các địa phương trong lĩnh vực này là tổ chức, kiểm tra, đôn đốc sự thực hiện các chính sách, chế độ quản lý trong các xí nghiệp địa phương cũng như kiểm tra, đôn đốc sự thực hiện trong các xí nghiệp trung ương đóng tại địa phương.

Trong lĩnh vực quản lý sản xuất — kinh doanh, quan hệ giữa trung ương và địa phương có phức tạp hơn. Về mặt này, trước hết cần nhấn mạnh một nguyên tắc là phải đề cao trách nhiệm và quyền hạn chủ động của xí nghiệp và của các liên hiệp sản xuất — kinh doanh trong việc quản lý sản xuất — kinh doanh theo phương thức hạch toán kinh tế. Các Bộ, Tổng cục cũng như Ủy ban nhân dân địa phương và Sở, Ty, Phòng công nghiệp tỉnh, huyện chủ yếu là làm chức năng quản lý hành chính — kinh tế, không phải là cơ quan hạch toán kinh tế. Lâu nay, có tình trạng các Bộ, Tổng cục và cơ quan chính quyền địa phương bị lôi cuốn vào việc giải quyết nhiều vấn đề thuộc phạm vi sản xuất — kinh doanh, nhưng vì không phải là cơ quan hạch toán kinh tế, nên không trực tiếp chịu trách nhiệm vật chất về hiệu quả kinh tế. Trong khi đó, chức năng quản lý hành chính — kinh tế có nội dung rất quan trọng và phức tạp, thì lại bị buông lỏng; công tác quy hoạch, kế hoạch làm yếu và chậm; nhiều chính sách, chế độ quản lý đã lỗi thời hoặc sơ hở không được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung kịp thời; việc tổ chức thực hiện và kiểm tra đôn đốc sự chấp hành các chính sách, chế độ quản lý bị coi nhẹ, dẫn đến

tình trạng làm ăn tùy tiện, kỷ luật lỏng lẻo. Đó là một nguyên nhân quan trọng làm kéo dài lối quản lý hành chính bao cấp.

Đề cho các Bộ và cơ quan chính quyền các cấp tập trung làm tốt chức năng quản lý hành chính — kinh tế, đi đôi với việc mở rộng quyền chủ động của các cơ sở trong sản xuất kinh doanh, phải xây dựng các tổ chức liên hiệp sản xuất — kinh doanh trong từng ngành kinh tế — kỹ thuật cụ thể, hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, dưới hình thức liên hiệp các xí nghiệp, công ty hoặc xí nghiệp liên hợp. (Trong lĩnh vực nông nghiệp gắn với công nghiệp, vấn đề then chốt về mặt tổ chức quản lý là xây dựng huyện thành một địa bàn kinh tế quan trọng bao gồm nhiều tổ chức sản xuất và kinh doanh hạch toán độc lập, nhưng liên kết với nhau thành cơ cấu nông — công nghiệp, bảo đảm được các cân đối cơ bản về đời sống của nhân dân trong huyện). Các tổ chức liên hiệp sản xuất phải có đủ quyền hạn chủ động trong sản xuất kinh doanh, đồng thời có trách nhiệm đầy đủ đối với kết quả sản xuất kinh doanh của tất cả các cơ sở trong tổ chức liên hiệp của mình.

Các liên hiệp sản xuất có quy mô toàn quốc hoặc trên một địa bàn rộng bao gồm nhiều tỉnh, thành phố, đương nhiên là phải do trung ương trực tiếp quản lý. Tuy nhiên, vẫn có những cơ sở sản xuất quốc doanh, tập thể và cá thể thuộc cùng ngành kinh tế — kỹ thuật, do địa phương quản lý. Các đơn vị sản xuất do địa phương quản lý phải có quan hệ gần bó với liên hiệp sản xuất cùng ngành, đặc biệt là

về quy hoạch và kế hoạch, về phân công sản xuất những sản phẩm chính, về nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, về cung ứng một số loại thiết bị, phụ tùng, vật tư, về đào tạo cán bộ, công nhân, v.v. Mỗi quan hệ đó là điều kiện cần thiết cho sự phát triển của các đơn vị sản xuất và phải được thực hiện bằng hình thức tổ chức thích hợp (như hình thức nhóm sản phẩm, liên hiệp công nghiệp...).

Vì lẽ đó, chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh của các xí nghiệp địa phương, tuy do cơ quan chính quyền địa phương duyệt và giao, nhưng phải bàn thống nhất với ngành quản lý của trung ương. Ngược lại, kế hoạch của các xí nghiệp trung ương phải có sự tham gia ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi mình đóng và trên một số mặt phải được sự đồng ý của địa phương, như: cung cấp lao động và vật liệu tại địa phương, xây dựng nhà ở, cơ sở phúc lợi cho cán bộ, công nhân xí nghiệp...

Về mặt quản lý đời sống, phong trào cách mạng của quần chúng, công tác Đảng, công tác quần chúng, cả trung ương và địa phương đều có trách nhiệm, song địa phương là người phụ trách trực tiếp mặt quản lý này đối với tất cả các xí nghiệp trên địa bàn của mình.

Sự phân tích các mặt quản lý đối với xí nghiệp như trình bày ở trên chỉ là những nét sơ lược, còn phải tiếp tục nghiên cứu cụ thể hóa. Song qua đó, có thể kết luận rằng: bất kể xí nghiệp nào cũng chịu sự quản lý của cả trung ương và địa phương, vì nền kinh tế quốc dân phải là một thể thống nhất, ngành kinh tế — kỹ thuật

phải thành một hệ thống thống nhất cả nước. Sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương chỉ có ý nghĩa xác định trách nhiệm chính thuộc về trung ương hay địa phương trên từng mặt quản lý.

Hiểu rõ mối liên hệ đó, thì sự quản lý của trung ương và sự quản lý của địa phương phải thống nhất với nhau thành một cơ chế chặt chẽ. Song trên thực tế, trong việc phân cấp quản lý xí nghiệp hiện nay, thường xảy ra tình trạng tranh chấp, co kéo: có thái độ phân biệt đối xử với các xí nghiệp trực thuộc hay không trực thuộc. Các Bộ, Tổng cục nói chung ít quan tâm đến các xí nghiệp cùng ngành nhưng do địa phương hoặc các Bộ, Tổng cục khác quản lý. Ngược lại, các địa phương, nhất là những nơi có nông sản nguyên liệu như thuốc lá, chè, dừa, mía... đều muốn xây dựng xí nghiệp của mình, muốn sản xuất « khép kín » ra sản phẩm hoàn chỉnh, không muốn cung cấp nguyên liệu cho xí nghiệp trung ương, mặc dù xí nghiệp của trung ương còn thừa công suất, chất lượng sản phẩm và việc tận dụng nguyên liệu của xí nghiệp trung ương cao hơn rõ rệt.

Tình trạng trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có vấn đề chính sách. Song, về mặt tổ chức quản lý, nguyên nhân chính là do:

— Chậm hình thành các tổ chức liên hiệp sản xuất theo ngành kinh tế — kỹ thuật. Một vài tổ chức đã hình thành thì chưa hoạt động đúng chức năng, chưa thành đơn vị hạch toán kinh tế đầy đủ và cũng chưa thành đơn vị quản lý thống nhất theo ngành kinh tế — kỹ thuật.

— Chưa làm rõ nội dung, trách nhiệm cụ thể của từng ngành, từng cấp đối với từng mặt công tác quản lý.

— Trong chế độ quản lý xí nghiệp, trách nhiệm và quyền lợi phải đi đôi với nhau, nhưng cần phải tránh đặc quyền, đặc lợi dẫn tới chủ nghĩa địa phương, cục bộ, bản vị. Chúng ta đã xóa bỏ sự phân biệt giữa xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương về mặt thu ngân sách. Còn phải tiếp tục giải quyết hợp lý về thu lợi nhuận giữa sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản. Việc quản lý sản phẩm còn nhiều sơ hở và không hợp lý. Sản phẩm của xí nghiệp địa phương sản xuất thường do địa phương nắm quyền chi phối, nhiều khi phân phối, sử dụng một cách tùy tiện, không theo kế hoạch và chính sách của Nhà nước. Đây là một thiếu sót trong công tác quản lý. Chúng ta phải chấn chỉnh lại tình trạng trên bằng một chế độ quản lý sản phẩm chặt chẽ và thống nhất. Những sản phẩm mà trung ương thống nhất quản lý, dù là của xí nghiệp trung ương hay xí nghiệp địa phương sản xuất, đều phải được thống nhất phân phối theo kế hoạch Nhà nước; địa phương phải chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch

giao nộp sản phẩm cho trung ương. Đối với phần sản phẩm mà trung ương phân phối cho địa phương cũng như những sản phẩm mà Nhà nước không thống nhất quản lý, thì địa phương có quyền phân phối, sử dụng, trao đổi, nhưng phải theo đúng chế độ tiêu thụ sản phẩm mà Chính phủ đã quy định trong điều lệ xí nghiệp quốc doanh. Bất cứ ai, kể từ giám đốc xí nghiệp cho đến cơ quan lãnh đạo địa phương, hay trung ương cũng không được tự ý lấy và tiêu dùng sản phẩm đó ngoài chế độ.

Nếu thống nhất nhận thức như trên và khắc phục những thiếu sót đã nêu, thì sự phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương sẽ tiến hành thuận lợi, giữa xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương sẽ không có sự đối lập mà trái lại giúp đỡ nhau và gắn bó với nhau, tạo điều kiện tốt cho các cơ sở tiến hành sản xuất kinh doanh và hợp thành một sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của tất cả các ngành công nghiệp, kể cả công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương, của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, kể cả kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

VỀ CẢI TIẾN CÔNG TÁC KẾ HOẠCH HÓA

Xuất phát từ các đặc điểm tình hình kinh tế hiện nay, và để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng, một vấn đề lớn được đặt ra cho công tác kế hoạch hóa là: phải kết hợp kế hoạch

với thị trường như thế nào để phát huy được tính chủ động và sáng tạo của các ngành, các cấp, nhất là của các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế. Đây cũng là mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ trong

việc phân công, phân cấp quản lý và kế hoạch hóa việc sản xuất và phân phối sản phẩm.

Cần nhận thức rằng kế hoạch và thị trường không đối lập nhau. Thị trường cũng phải được kế hoạch hóa, trong đó thị trường có tổ chức được kế hoạch hóa trực tiếp, còn thị trường không có tổ chức tuy không được kế hoạch hóa trực tiếp, nhưng cũng phải được tính đến khi tổng hợp, cần đối kế hoạch kinh tế quốc dân và phải có lãnh đạo. Kế hoạch đóng vai trò điều tiết đối với bộ phận lớn nhất, quan trọng nhất của nền kinh tế, nhằm đáp ứng những nhu cầu chủ yếu của sản xuất và đời sống nhân dân. Đối với những lĩnh vực sản xuất đáp ứng những nhu cầu rất linh hoạt, tuy không phải là chủ yếu, nhưng không thể thiếu được đối với nền kinh tế và đời sống nhân dân, mà Nhà nước không có khả năng quản lý, điều tiết sản xuất một cách tập trung, thì chúng ta có thể và cần phải dùng quan hệ thị trường, vận dụng quy luật giá trị để điều tiết. Ngay đối với các thành phần kinh tế được kế hoạch hóa trực tiếp, chúng ta cũng phải biết sử dụng quan hệ thị trường và quy luật giá trị để nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tinh thần tự chịu trách nhiệm trong sản xuất và kinh doanh của các cơ sở sản xuất, các tổ chức liên hiệp sản xuất kinh doanh, thông qua việc tăng cường hạch toán kinh tế, thực hiện tốt chế độ hợp đồng kinh tế.

Để kết hợp tốt kế hoạch với thị trường, có nhiều vấn đề phải sửa đổi trong công tác kế hoạch hóa và trong toàn bộ hệ thống quản lý.

Trước mắt, cần giải quyết các vấn đề dưới đây :

1. Xác định sự phân công, phân cấp giữa trung ương và địa phương, giữa Chính phủ và các Bộ, các ngành trong việc kế hoạch hóa sản xuất và phân phối đối với các loại vật tư, hàng tiêu dùng. Xác định loại vật tư, hàng hóa nào thì kế hoạch hóa tập trung, do trung ương nắm, loại nào thì để cho các địa phương, các cơ sở sản xuất được chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, và tiêu thụ.

- Hiện nay, các vật tư, hàng hóa thuộc phạm vi cân đối tập trung của kế hoạch Nhà nước ta còn rất hạn chế so với các nước xã hội chủ nghĩa khác, nhưng vẫn có tình trạng vừa quan liêu gò bó, vừa phân tán, lỏng lẻo trong công tác kế hoạch hóa và quản lý sản phẩm của nền kinh tế quốc dân. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng đó là lối quản lý « hành chính bao cấp » mà đặc trưng chủ yếu là : các nhu cầu về kinh tế, đặc biệt là vật tư, thiết bị, vốn đầu tư đều đưa lên cấp trên quyết định, ngân sách Nhà nước bao cấp. Cả đến lương thực, hàng tiêu dùng thông thường, địa phương cũng lên xin trung ương. Mặc nhiên, các cơ quan bên trên phải có bộ máy để nghiên cứu, giải quyết mọi nhu cầu của bên dưới, phải đề ra nhiều quy định, bày ra nhiều thủ tục, giấy tờ gây nên phiền hà, gò bó, tạo cơ hội cho tệ cửa quyền, móc ngoặc... phát triển. Mặt khác, lối quản lý hành chính bao cấp không ràng buộc trách nhiệm cụ thể về tinh thần và vật chất đối với hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vật tư, thiết bị, hàng hóa..., do đó cấp dưới luôn luôn đòi

nhiều mà không cần tính toán chặt chẽ. Đó là chưa kể tình trạng xin vốn, vật tư, thiết bị, hàng hóa vào việc này nhưng lại tùy tiện dùng vào việc khác, thậm chí không dùng đến, để hư hỏng, lãng phí, mất mát. Vì vậy, muốn thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của các ngành, các địa phương và cơ sở, phải kiên quyết xóa bỏ lối quản lý hành chính bao cấp, thay thế bằng cách quản lý kinh doanh hạch toán. Trong cơ chế quản lý hiện nay, công tác kế hoạch hóa cũng mang tính chất hành chính bao cấp, chưa bảo đảm được quyền làm chủ tập thể của các ngành, các địa phương và cơ sở; do đó, kế hoạch chưa thật sự được xây dựng tốt từ dưới lên. Vì vậy, việc cải tiến công tác kế hoạch hóa phải gắn liền với việc xóa bỏ lối quản lý hành chính bao cấp trong toàn bộ cơ chế quản lý.

— Nền kinh tế nước ta đang mất cân đối về nhiều mặt, các ngành sản xuất, đặc biệt là công nghiệp, còn phụ thuộc nhiều vào nước ngoài, trong khi khả năng cân đối ngoại tệ rất hạn chế. Vì vậy, ngay những sản phẩm quan trọng nhất cũng chưa được cân đối đồng bộ và vững chắc. Mặt khác, đối với các sản phẩm không do Nhà nước quản lý, các địa phương và cơ sở có thể giải quyết được nguyên liệu, nhưng còn nhiều vật liệu khác lại thuộc vào vật tư do Nhà nước quản lý, trong đó có những thứ phải nhập khẩu. Phần lớn các mặt hàng này ít nhiều đều có liên quan đến lương thực, điện, than, xăng dầu, gỗ, sắt thép, một số hóa chất... Hiện nay, nhiều địa phương, nhiều ngành cần nguyên liệu, vật liệu do các ngành

khác, địa phương khác cung cấp, trong đó có nhiều loại Nhà nước không quản lý, đều yêu cầu được cân đối trong kế hoạch Nhà nước để bảo đảm nhu cầu của mình. Do đó, việc phân công, phân cấp quản lý sản phẩm như thế nào để bảo đảm được yêu cầu cân đối đồng bộ cho sản xuất là một vấn đề cần được nghiên cứu một cách tỉ mỉ, khoa học, không thể quy định đơn giản.

— Việc phân công, phân cấp quản lý và cân đối sản phẩm trong kế hoạch phải gắn liền với việc phân công, phân cấp quản lý các mặt khác, đặc biệt là quản lý giá cả, quản lý thị trường, quản lý tiền mặt, quản lý tài chính, thuế khóa... các mặt này phải được giải quyết đồng bộ trong cơ chế quản lý.

Kế hoạch hóa là khâu trung tâm của cơ chế quản lý, do đó việc cải tiến khâu trung tâm này sẽ tạo cơ sở cho việc cải tiến các khâu khác. Phải xúc tiến xây dựng danh mục các sản phẩm (vật tư, hàng hóa) do trung ương quản lý, đề trên cơ sở đó, địa phương chủ động bố trí kế hoạch sản xuất và tiêu thụ những sản phẩm khác thuộc phạm vi quyền hạn của mình, theo nguyên tắc chung dưới đây :

Đối với các sản phẩm của nền kinh tế quốc dân, trung ương quản lý hai loại ở hai mức khác nhau :

Một số sản phẩm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của sản xuất và tiêu dùng trong cả nước hoặc nhiều ngành, nhiều địa phương, những sản phẩm xuất khẩu chủ lực, bất kể do kinh tế trung ương hay kinh tế địa phương

sản xuất, đều do trung ương thống nhất quản lý và phân phối.

Đối với những sản phẩm cần cho nhu cầu sản xuất của nhiều địa phương và một số sản phẩm tiêu dùng quan trọng mà địa phương này phải dựa vào địa phương khác, thì trung ương quản lý một phần bằng chỉ tiêu giao nộp sản phẩm của các địa phương sản xuất để điều động cho nhu cầu của các ngành, các địa phương khác. Đối với phần còn lại, địa phương được chủ động phân phối, sử dụng và trao đổi giữa các địa phương theo chế độ.

Ngoài hai loại sản phẩm quy định ở trên, các địa phương được chủ động bố trí kế hoạch sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng khác. Các cơ sở quốc doanh, tập thể và cá thể làm những mặt hàng bằng phế liệu hoặc bằng nguyên liệu tự khai thác, không do Nhà nước cung cấp, được bán sản phẩm cho thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán theo giá thỏa thuận hoặc bán trực tiếp cho người tiêu dùng, nếu thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán không mua.

2. Đi đôi với việc phân công, phân cấp quản lý sản phẩm, cần cải tiến hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh theo hướng tinh giản nó, tăng thêm tính chủ động và trách nhiệm của các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở; gắn chỉ tiêu nghĩa vụ với chỉ tiêu bảo đảm điều kiện vật chất cần thiết cho việc thực hiện nghĩa vụ ấy; khắc phục khuynh hướng tham giao nhiều chỉ tiêu kế hoạch vừa gò bó cơ sở sản xuất, vừa kém hiệu lực. Đặc biệt, phải nghiên cứu cải tiến việc giao chỉ tiêu kế hoạch đối với

các thành phần kinh tế không phải quốc doanh và đối với các địa phương ở miền Nam đang còn có nhiều thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

3. Để bảo đảm thực hiện tốt việc cải tiến kế hoạch hóa, phải chú trọng công tác tổ chức cán bộ trong hệ thống kế hoạch. Khâu mấu chốt hiện nay là kiện toàn tổ chức và công tác kế hoạch của cấp huyện và của các tổ chức liên hiệp sản xuất kinh doanh theo ngành kinh tế — kỹ thuật để thực hiện tốt việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch từ cơ sở lên. Điều quan trọng là kế hoạch xây dựng từ dưới lên phải thật sự được sự đóng góp ý kiến của cơ sở sản xuất, của người sản xuất, chứ không phải chỉ do cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý hành chính — kinh tế làm như lâu nay. Có như vậy, mới thật sự khai thác được các tiềm năng về lao động, đất, rừng, biển và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có.

Những việc nêu trên chưa phải là toàn bộ nội dung đổi mới công tác kế hoạch hóa nhưng là những khâu cấp bách, quan trọng nhất mà chúng ta cần cải tiến một cách khẩn trương để phục vụ tốt cho việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng.

Việc cải tiến này cùng với các quyết định mới về chính sách kinh tế nhằm vừa phát huy quyền làm chủ của các ngành, các địa phương và đặc biệt là của các cơ sở sản xuất kinh doanh, vừa tăng cường sự chỉ đạo tập trung của Trung ương đối với những vấn đề kinh tế then chốt, tăng cường

(Xem tiếp trang 35)

Tổ chức tốt hơn nữa đời sống văn hóa của nhân dân ta

TRẦN - ĐỘ

NHÂN dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội không phải chỉ cốt để có một đời sống vật chất đầy đủ, mà còn để có một đời sống văn hóa, tinh thần phong phú. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn chăm lo cả hai mặt đó, đã đề ra và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Người lao động nước ta, mặc dù trong hoàn cảnh còn hết sức khó khăn, đã bước đầu được bảo đảm về đời sống vật chất và có được một đời sống văn hóa ngày càng tốt đẹp.

Sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân được củng cố theo đà tiến lên của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Trước chính sách bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của bọn phản động trong giới cầm quyền ở Bắc-kinh, ngày nay sự nhất trí ấy càng biểu hiện rõ rệt trong việc khăn trương thực hiện các nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tinh thần làm chủ tập thể, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa thể hiện sinh động trong phong

trào thi đua bảo vệ Tổ quốc và lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng nước nhà. Quan hệ hợp tác thân ái giữa những người lao động nẩy nở và phát triển. Hàng năm, hàng chục vạn gia đình đạt danh hiệu « gia đình văn hóa mới ». Phong trào xây dựng nếp sống mới mở rộng ra cả nước, đến cả những miền núi xa xôi.

Trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật của nhân dân được nâng cao dần từng bước. Mới 3 năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã có thể công bố căn bản xóa xong nạn mù chữ trong cả nước. Con em các tầng lớp lao động đều được đi học. Chỉ riêng số học sinh phổ thông đã lên tới gần 12 triệu. Số học sinh trung học, đại học, cán bộ và công nhân kỹ thuật cũng tăng lên nhanh chóng. Dù mọi loại trường, lớp cho mọi đối tượng. Có thể nói cả nước đi học, vừa học vừa làm, vừa làm vừa học. Quần chúng đang vươn lên nắm lấy những tri thức mới, đi vào khoa học kỹ thuật.

Phong trào vệ sinh, y tế trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Bệnh viện, trạm y tế, nhà hộ sinh mọc lên khắp nơi, xóa bỏ mê tín, dị đoan, dầy

lùi các bệnh xã hội. Phong trào thể dục thể thao phát triển, trực tiếp góp phần tăng cường sức khỏe của nhân dân, phục vụ sản xuất, phục vụ quốc phòng.

Trong đời sống văn hóa, văn nghệ cũng luôn luôn xuất hiện những nhân tố mới. Ngày nay, sách báo, tranh ảnh, biểu diễn nghệ thuật, chiếu bóng, v.v. đã đến với mọi tầng lớp nhân dân ở cả những thôn cùng xóm vắng. Phần lớn các xã đều đã có đội văn nghệ của mình. Quần chúng tích cực góp công góp của xây dựng thêm nhiều công trình văn hóa ở cơ sở. Cả nước đã có 38 thư viện tỉnh và thành phố, 212 thư viện huyện và 506 thư viện xã. Những nhà bảo tàng, nhà truyền thống ở cơ sở góp phần đặc lực vào việc giáo dục, phát huy truyền thống tốt đẹp, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta. Mỗi năm, hàng chục vạn người lao động đi thăm, nghỉ ngơi ở các nơi danh lam thắng cảnh của Tổ quốc, các di tích lịch sử, cách mạng và kháng chiến.

Rõ ràng là ánh sáng của văn hóa mới chiếu rọi khắp mọi miền của Tổ quốc, đang đẩy lùi ảnh hưởng của văn hóa nô dịch của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, xóa bỏ tàn dư văn hóa phi vô sản khác, hăng ngày phục vụ chính trị và sản xuất, xây dựng trí tuệ và tinh cảm, làm đẹp đất nước và con người Việt-nam.



Tuy nhiên, những thành tích và tiến bộ đạt được chưa đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới và cũng còn thấp xa so với tiềm lực hiện có. Diễn hình tiến tiến về đời sống văn hóa mới toàn diện và từng mặt đều có cả nhưng vẫn chỉ là tốt lỗi. Giữa các miền, các địa phương tình hình còn chưa đồng đều. Chẳng hạn, ở miền Nam, các tỉnh Nghĩa-binh, Đồng-nai tổ chức đời sống văn

hóa của nhân dân tốt hơn các tỉnh khác; ở miền Bắc, tỉnh Hà-nam-ninh, huyện Hải-hậu, xã Định-công, v.v. có đời sống văn hóa phát triển nhanh hơn các tỉnh, huyện xã khác. Có khi hai huyện, hai xã kề nhau, điều kiện giống nhau mà đời sống văn hóa vẫn chênh lệch nhau khá nhiều. Không ít nơi còn coi nhẹ đời sống văn hóa của nhân dân. Chất lượng các sản phẩm văn hóa chưa cao. Đời sống văn hóa của nhân dân các dân tộc ở miền núi, ở vùng biên giới nói chung còn quá thấp so với các vùng khác (1).

Kinh nghiệm của những diễn hình tiến tiến và của những nơi yếu kém đều chứng tỏ muốn tổ chức tốt đời sống văn hóa của nhân dân, điều quan trọng trước tiên là thấu suốt quan điểm của Đảng về văn hóa mới, văn hóa trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Nhu cầu vật chất và nhu cầu văn hóa vốn không thể tách rời nhau trong sự phát triển bình thường của mỗi người cũng như của cả xã hội. Nhưng trong các chế độ tư hữu, giai cấp thống trị chỉ làm văn hóa của nó và cho nó mà thôi; còn nhân dân lao động thì bị tước đoạt tất cả, bị đầu độc và bị giam hãm trong nghèo đói dốt nát, họ phải chạy ăn từng bữa, nhu cầu văn hóa ở họ do đó bị đẩy lùi, bị gạt bỏ. Ngày nay trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động làm chủ tập thể toàn bộ đời sống xã hội của mình cả về vật chất lẫn văn hóa. Nhu cầu vật chất và nhu cầu văn hóa gắn bó với nhau, thống nhất với nhau ở mỗi người chủ tập thể của xã hội mới. *Đời sống vật chất và đời sống văn hóa xoắn xuýt với nhau, nương tựa lẫn nhau, tác động lẫn nhau, cùng phát triển và cùng nhằm mục đích chung*

(1) Chẳng hạn, mức hưởng thụ văn nghệ quần chúng trong năm 1978 bình quân đầu người ở thành phố Hồ-Chí-Minh là 3,93 lần, ở Hà-nam-ninh 1,7 lần ở Tiền-giang 1,44 lần, v.v. thì ở Bắc-thái chỉ là 0,24 lần, ở Lai-châu 0,14 lần và ở Cao-lạng 0,06 lần.

*của chủ nghĩa xã hội là người người
đam no, hạnh phúc, phát triển toàn diện
và hài hòa.*

Trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thỏa mãn một nhu cầu vật chất nào đó của nhân dân lao động không phải chỉ là một hành động kinh tế đơn thuần. Quy hoạch lại nơi cư trú, cải tạo và xây dựng hệ thống đường sá ở nông thôn là để sản xuất được nhiều hơn, ăn ở và đi lại thuận tiện hơn, đồng thời cũng làm cho bộ mặt nông thôn đổi mới. Xây dựng một nhà trẻ là để các bà mẹ có nơi gửi con mà đi lao động sản xuất, đồng thời cũng để giải quyết một nhu cầu tinh thần: làm cho các bà mẹ yên tâm, các cháu nhỏ được chăm sóc chu đáo như nhau. Hợp tác xã nọ sắm thêm cho mỗi chị xã viên một áo rét ngăn tay là để các chị vượt qua những cơn giá lạnh giữa đồng cấy nhanh kịp thời vụ; việc đó cũng thể hiện một khía cạnh tốt đẹp trong quan hệ mới giữa người và người. Ngược lại, xây dựng một hội trường để người nông dân tập thể có nơi đảng hoàng bàn bạc và quyết định công việc chung của hợp tác xã, một hệ thống truyền thanh để phổ biến kịp thời chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước, một thư viện, một trường tại chức để nâng cao trình độ hiểu biết của cán bộ và nhân dân, trang bị đồng phục cho học sinh để tăng cường ý thức tổ chức và kỷ luật, vận động tổ chức đám ma đám cưới theo nếp sống mới, bài trừ mê tín, dị đoan, v.v., cũng không phải chỉ đơn thuần nhằm giải quyết một nhu cầu văn hóa. Những việc làm đó đều gắn bó với sản xuất, do sản xuất thúc đẩy và phục vụ sản xuất, nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất của nhân dân. Đó là vì khác hẳn với xã hội tư bản chủ nghĩa coi con người lao động là công cụ làm ra lợi nhuận, là đối tượng bóc lột, xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta coi con người là đối tượng phục vụ, và làm tất cả vì hạnh phúc của con người lao động. Làm kinh tế

hay làm văn hóa cũng đều nhằm nâng cao đời sống của nhân dân lao động, một đời sống đầy đủ về vật chất và phong phú về tinh thần.

Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta lại đòi hỏi phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt). Ba cuộc cách mạng này phải gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động sâu sắc lẫn nhau để tạo nên sức mạnh tổng hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Làm kinh tế và làm văn hóa do đó lại càng không thể tách rời nhau. Đời sống văn hóa phản ánh của đời sống vật chất và góp phần thúc đẩy đời sống vật chất tiến lên. Chỉ có trên cơ sở một nền kinh tế sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong đó nhân dân lao động làm chủ tập thể về tư liệu sản xuất, về lao động, về quản lý và phân phối, mới có được một đời sống văn hóa xã hội chủ nghĩa thật sự phong phú. Nhưng văn hóa có tính năng động của nó. Văn hóa là giá trị cao quý nhất của một đất nước, một dân tộc, một con người. Văn hóa là một nhu cầu của đời sống con người, đồng thời là một nhân tố của sự phát triển sản xuất, của sự phát triển xã hội, là một mục tiêu đồng thời là một biện pháp của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Là biểu hiện của kinh tế, văn hóa trở thành một thước đo đời sống của nhân dân. Vì vậy, *phát triển văn hóa, nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân là một nhiệm vụ chính trị của cả nước, của mỗi địa phương.* Nhiệm vụ chính trị này phải được thể hiện thành các chủ trương, chính sách và nhất là thành các kế hoạch cụ thể. Một kế hoạch hoàn chỉnh phải là một kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa. Ở nông thôn chẳng hạn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp không tách rời xây dựng nông thôn mới, xây

dựng con người mới, văn hóa mới ở nông thôn.

Coi nhẹ đời sống văn hóa hoặc hiểu đời sống văn hóa một cách nông cạn không những hạn chế sự nghiệp phát triển văn hóa mà còn làm chậm cả tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung của nước ta trong giai đoạn mới.



Xây dựng đời sống văn hóa mới ở nước ta ngày nay là thực hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hóa. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «*Xây dựng chế độ làm chủ tập thể về văn hóa là tạo cho mọi người một cuộc sống tinh thần phong phú; là biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra các giá trị văn hóa; là làm cho các quan hệ đối xử giữa người và người thể hiện lẽ sống tốt đẹp: «Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người».* Nhằm mục đích ấy, cần ra sức xây dựng nền văn hóa mới, từng bước xây dựng nước ta thành *một xã hội văn hóa cao*» (2). Tùy tình hình cụ thể, mỗi địa phương có thể bắt đầu bằng một hoạt động văn hóa này hoặc một hoạt động văn hóa khác, nhưng tất cả đều phải hiểu sâu sắc và toàn diện thế nào là đời sống văn hóa mới và có kế hoạch chủ động từng bước xây dựng đời sống văn hóa mới của nhân dân địa phương mình theo những nguyên tắc chung của nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Nói đến đời sống văn hóa là nói đến *chính trị, tư tưởng, tình cảm, đạo đức, phong tục tập quán, v.v. phản ánh mối quan hệ giữa người và người, được thể hiện cụ thể, sinh động trong tổ chức đời sống hàng ngày.* Nơi nào nhân dân đoàn kết một lòng, hăng hái thực hiện mọi chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước với tư cách người làm chủ; sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. lao động tự nguyện tự giác, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao; ăn ở, đi lại và mọi mặt sinh hoạt đều thuận tiện, vệ sinh, trật tự, thoải mái; mọi người sống với nhau bình đẳng, có tình có nghĩa, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, gia đình hòa thuận, xóm làng yên vui; lịch thiệp trong giao tiếp, trật tự và văn minh nơi công cộng; hủ tục, mê tín, dị đoan bị bài trừ; cá nhân chăm lo cho cả tập thể, tập thể chăm lo cho từng cá nhân... — nơi ấy có đời sống văn hóa mới. Một đời sống được tổ chức như vậy chứng tỏ rằng ở đây thế giới quan Mác — Lênin chiếm ưu thế, tư tưởng của Đảng được phổ cập, quần chúng đã có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa người và người đổi mới, v.v. Tổ chức đời sống chính là một chỉ tiêu tổng hợp về văn hóa vậy.

Nói đến đời sống văn hóa mới cũng là nói đến *trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống.* Vì vậy, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng người lao động về mọi mặt, không ngừng nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân lao động, đẩy mạnh việc phổ biến và ứng dụng khoa học kỹ thuật là một biểu hiện cụ thể của đời sống văn hóa mới ở một địa phương. Muốn đưa văn hóa, khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, *tất phải có những tổ chức, cơ sở vật chất và phương tiện nhất định.* Đó là những cơ quan khoa học, từ các viện nghiên cứu và ứng dụng, các hội phổ biến khoa học kỹ thuật đến các tổ khoa học kỹ thuật ở từng đơn vị sản xuất. Đó là những cơ quan giáo dục, từ nhà trẻ, trường mẫu giáo đến hệ thống các trường

(2) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 23.*

học văn hóa. Đó là những cơ quan văn hóa nghệ thuật như thư viện, nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà bảo tàng, hệ thống truyền thanh và phát thanh, nhà hát, rạp chiếu bóng, công viên văn hóa... thực hiện chức năng giáo dục ngoài nhà trường. Đó là các cơ sở y tế, vệ sinh, nhà an dưỡng bảo vệ sức khỏe của người lao động. Đó là các công trình thể dục thể thao phục vụ việc rèn luyện, tăng cường thể lực của mọi tầng lớp nhân dân lao động, v.v.

Nói đến đời sống văn hóa mới cũng là nói đến *sinh hoạt văn hóa của nhân dân lao động, đến việc nhân dân lao động hưởng thụ văn hóa và trực tiếp sáng tạo ra các giá trị văn hóa.*

Hằng ngày, ngoài thời gian dành cho lao động, học tập, chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái và cho nhu cầu đời sống vật chất của cá nhân, thời gian còn lại của mỗi người là thời gian nhàn rỗi. Tỏ chức, hướng dẫn nhân dân lao động sử dụng tốt thời gian nhàn rỗi ấy vào các hoạt động xã hội, sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí lành mạnh, khoa học và bổ ích là một nhiệm vụ quan trọng. Chúng ta chẳng những đem văn hóa mới đến cho quần chúng, đáp ứng yêu cầu của quần chúng về sách báo, phim ảnh, ca nhạc, sân khấu, tranh tượng, v.v. mà còn ra sức phát triển mọi loại hình hoạt động văn hóa trong quần chúng: sáng tác và biểu diễn nghệ thuật, sinh hoạt câu lạc bộ, triển lãm, đèn chiếu, báo tường, báo liếp, hội vật, hội bơi, thể dục thể thao, du lịch, v.v. Mỗi tỉnh, mỗi huyện cần khai thác và phát triển những môn nghệ thuật đặc sắc, những hoạt động văn hóa truyền thống của mình. Tất cả các mặt sinh hoạt văn hóa nói trên tiến hành được tốt thu hút được đông đảo quần chúng sẽ có tác dụng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân lao động, bồi dưỡng cho họ cả về tư tưởng, trí tuệ và tình cảm, góp phần đắc lực vào việc xây dựng con người

mới và nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.



Xây dựng đời sống văn hóa mới, khiến cho nhân dân lao động thật sự làm chủ tập thể về văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lớn lao và lâu dài, là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp.

Mỗi cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền phải thật sự chỉ đạo sự nghiệp văn hóa ở địa phương mình bằng những kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa. Kế hoạch càng toàn diện và càng được thực hiện tốt càng chứng tỏ cấp lãnh đạo chăm lo chu đáo đến đời sống của nhân dân. Trong kế hoạch từng thời kỳ và kế hoạch hằng năm, phải chú ý sự phát triển cân đối giữa kinh tế và các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, v.v. Trong mỗi mặt hoạt động văn hóa, lại phải chú ý cả về tổ chức, cơ sở vật chất và phong trào quần chúng.

Ở nông thôn, huyện và xã là cấp trực tiếp, có vai trò rất quan trọng trong việc chăm lo đời sống văn hóa của nhân dân. Trung ương Đảng đã chỉ thị: « Cấp huyện là một cấp quản lý các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng trong huyện, là cấp quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách. Cấp huyện quản lý về mặt hành chính Nhà nước và về mặt sản xuất, kinh doanh, lưu thông, phân phối, về mặt hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế và tổ chức chăm sóc đời sống nhân dân trong huyện » (2). Cho nên, trong quy hoạch huyện, cần có cả các công trình kinh tế - kỹ thuật lẫn các công trình văn hóa. Nên có quy hoạch toàn diện ngay từ đầu và kế hoạch từng bước xây dựng các công trình văn hóa để hình thành trung tâm văn hóa trên địa bàn huyện.

(2) Chỉ thị số 33 CT/TƯ ngày 24-1-1978 của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt-nam về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố và trung tâm văn hóa của cả nước, hình thành hệ thống các trung tâm văn hóa của nước ta. Trước mắt, cần tận dụng và mở rộng các cơ sở vật chất sẵn có, không vì chưa có đủ cơ sở vật chất mà chờ đợi, xem nhẹ việc xây dựng và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ rộng rãi trong quần chúng. Các hoạt động văn hóa trên địa bàn huyện đều do trung tâm văn hóa huyện chỉ đạo, từ huyện đến xã hình thành hệ thống các thiết chế văn hóa phục vụ việc nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân nông thôn.

Các cơ quan văn hóa phải thật sự làm tham mưu đắc lực cho cấp ủy Đảng và hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho các ngành. Muốn vậy, các cơ quan văn hóa phải nắm chắc tình hình cơ bản các mặt công tác của các ngành, thấu suốt nhiệm vụ chính trị do cấp ủy đề ra, từ đó mà tích cực và chủ động góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị đó bằng công tác văn hóa, chứ không thụ động ngồi chờ các ngành đến yêu cầu phối hợp. Chỉ có như thế mới có thể có được kế hoạch hoạt động văn hóa thiết thực, sâu sát, khác phục được những hiện tượng không ăn khớp giữa hoạt động văn hóa và các mặt hoạt động khác.

Sau cùng là tổ chức tốt lực lượng làm công tác văn hóa. Phương châm của chúng ta là « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Nhà nước giữ vai trò quản lý toàn diện sự nghiệp phát triển văn hóa, bao gồm việc lập kế hoạch, ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động, vạch quy hoạch đào tạo cán bộ, kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất cho các ngành văn hóa. Nhưng trong các hoạt động văn hóa, lực lượng quần chúng là nền tảng. Những nơi có đời sống văn hóa tốt đều là những nơi biết tập hợp lực lượng quần chúng làm công tác văn hóa. Dựa vào các đơn vị sản xuất, các trường học, các đoàn thể quần chúng, v.v. mà tổ chức và hoạt động thì

có đội ngũ lớn mạnh, có điều kiện vật chất cần thiết, có phong trào. Nếu chỉ hạn chế hoạt động theo những quy chế tổ chức văn hóa do Nhà nước ban hành thì làm sao thỏa mãn được nhu cầu to lớn của nhân dân? Chỉ trông chờ lực lượng văn hóa của Nhà nước đến địa phương mình phục vụ cũng là sai lầm, cũng là chưa hiểu rõ tính nhân dân sâu sắc của nền văn hóa mới của chúng ta, chưa hiểu rõ chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa về văn hóa. Có huy động rộng rãi lực lượng tại chỗ mới có thể nhanh chóng tạo ra cho nhân dân một đời sống văn hóa mới phong phú. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động nước ta vừa là người hưởng thụ văn hóa, lại vừa là người có đầy đủ tư cách và khả năng tự tổ chức lấy đời sống văn hóa, tinh thần của mình.



Mục đích cao quý của chủ nghĩa xã hội là thỏa mãn ngày càng đầy đủ không những nhu cầu vật chất mà cả nhu cầu văn hóa của toàn xã hội. Hồ-Chủ-tịch đã suốt đời đấu tranh không mệt mỏi cho mục đích cao quý ấy. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: « Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân ». Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: « Các cấp ủy Đảng, các cơ quan chính quyền cũng như các đoàn thể công nhân, thanh niên, phụ nữ phải chăm sóc những hoạt động văn hóa, văn nghệ của quần chúng, coi đó là một công tác quan trọng của mình ». Từng bước xây dựng cho nhân dân ta một đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, « từng bước xây dựng nước ta thành một xã hội văn hóa cao », là trách nhiệm của mọi người chúng ta, của tất cả các ngành, các cấp. Chúng ta hãy cố gắng vươn lên hoàn thành xuất sắc trách nhiệm vẻ vang ấy.

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT-NAM—LIÊN-XÔ NGÀY Càng PHÁT TRIỂN

LÊ-KHẮC

TRẢI qua 62 năm đấu tranh và xây dựng, với các kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế—xã hội ngày càng lớn qua các thời kỳ, Liên-xô đã thể hiện một cách sâu sắc và sáng tạo những tư tưởng và lý luận của Lê-nin vĩ đại về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước kinh tế còn lạc hậu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản quang vinh do Lê-nin tổ chức và rèn luyện, nhân dân Liên-xô đã nhanh chóng vượt qua mọi thử thách, gian nan và đến nay, đã hoàn thành một cách thắng lợi việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và đang vững bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản.

Chỉ trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn, nhân dân Liên-xô đã biến nước mình từ chỗ nghèo nàn, lạc hậu thành một nước có tiềm lực kinh tế kỹ thuật hùng mạnh, với nền công nghiệp chiếm 25% sản lượng công nghiệp thế giới; với nền nông nghiệp phát triển toàn diện mà sản lượng tăng gấp bốn lần so với sản lượng 62 năm trước đây; với nền khoa học kỹ thuật tiên tiến đi đầu thế giới trong việc khai phá con

đường chinh phục vũ trụ và áp dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình; với nền quốc phòng vững mạnh đủ sức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và hòa bình trên toàn thế giới; với đời sống văn minh hạnh phúc... Về nhiều ngành sản xuất quan trọng như gang thép, dầu mỏ, khí đốt, than đá, quặng sắt, máy kéo, phân khoáng, xi măng... Liên-xô đã vượt hẳn Mỹ là nước phát triển nhất của thế giới tư bản chủ nghĩa. Những thành tựu hết sức to lớn nói trên của Liên-xô không những có ý nghĩa quan trọng đối với nhân dân Liên-xô mà còn có ý nghĩa quốc tế hết sức lớn lao. Trong việc mở đường cho những biến đổi cách mạng sâu sắc trong phạm vi toàn thế giới, Liên-xô đã nêu một tấm gương sáng chói về một chế độ xã hội mới trong lịch sử loài người hoàn toàn vì lợi ích của người lao động và do người lao động làm chủ. Với sức mạnh hùng hậu của mình, với chính sách đối ngoại yêu chuộng hòa bình, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các bọn phản động, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới theo tinh thần quốc tế vô sản chân

chính, Liên-xô đã trở thành chỗ dựa vững chắc, đáng tin cậy của các trào lưu cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Đối với nhân dân Việt-nam, Cách mạng tháng Mười đã có ảnh hưởng rất sâu sắc. Lý luận và thực tiễn của cuộc cách mạng đó đã chỉ cho những người cách mạng Việt-nam con đường đấu tranh cách mạng để giải phóng dân tộc mình thoát khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp. Đúng như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã nói: « Những người cách mạng Việt-nam đã tiếp thụ ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Điều đó tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn » (1).

Việc Liên-xô chiến thắng chủ nghĩa phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo điều kiện cho nhân dân ta vùng lên làm Cách mạng tháng Tám (1945) thắng lợi, thiết lập chính quyền nhân dân ở nước ta. Và từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam và của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, cách mạng Việt-nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, liên tiếp đánh bại nhiều tên đế quốc sừng sỏ: phát-xít Nhật, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, nhân dân Việt-nam luôn luôn được sự ủng hộ và giúp đỡ về nhiều mặt của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã có điều kiện thuận lợi để thiết lập và tăng cường các mối quan hệ trực tiếp về mọi mặt với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là với Liên-xô. Từ đó đến nay, về mặt kinh tế, quan hệ giữa nước ta và Liên-xô đã không ngừng phát triển, góp phần tích cực vào việc

củng cố và tăng cường tình hữu nghị và sự hợp tác anh em giữa nhân dân hai nước. Khác với mối quan hệ giữa các nước tư bản phát triển và các nước chậm phát triển, quan hệ kinh tế giữa nước ta và Liên-xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa khác bắt nguồn từ lý tưởng chung, từ bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, từ đường lối đối ngoại đúng đắn của các đảng mác-xít - lê-ni-nít, cho nên ngay từ đầu quan hệ kinh tế giữa Việt-nam và Liên-xô đã là mẫu mực của mối quan hệ kiểu mới, quan hệ giúp đỡ lẫn nhau một cách vô tư giữa những người anh em cùng giai cấp, dựa trên các nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính. Mối quan hệ trong sáng này đã trải qua mọi thử thách của thời gian, được kiểm nghiệm bởi cuộc sống thực tế và ngày càng trở thành sức mạnh vật chất.

Ngay từ những ngày đầu sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta đã nhận được sự giúp đỡ chí tình về mọi mặt của Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên-xô anh em. Ngày 18-7-1955, nhân dịp Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh dẫn đầu sang thăm hữu nghị Liên-xô, lần đầu tiên trong lịch sử quan hệ giữa hai nước, Chính phủ ta và Chính phủ Liên-xô đã ký hiệp định về việc Liên-xô viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho Việt-nam hàn gắn các vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

Liên-xô đã tập trung giúp nước ta mau chóng khắc phục những hậu quả nặng nề về nhiều mặt sau 9 năm kháng chiến chống Pháp, tạo những tiền đề vật chất cần thiết để khôi phục và từng bước phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp, bảo đảm những nhu cầu cần thiết nhất của nhân dân sau chiến tranh.

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 652.

Với sự giúp đỡ của Liên-xô, lần đầu tiên ở nước ta đã xuất hiện một loạt nông trường quốc doanh — những xí nghiệp quốc doanh xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong nông nghiệp —, với nhiệm vụ chủ yếu là nêu tấm gương về phương thức sản xuất mới, nhằm góp phần thúc đẩy phong trào hợp tác hóa ở nông thôn miền Bắc nước ta lúc bấy giờ.

Cũng trong thời gian này, với sự giúp đỡ của Liên-xô, đi đôi với việc khôi phục và mở rộng các cơ sở sản xuất cũ như Mỏ a-pa-tít Lao-cai, Mỏ thiếc Tĩnh-túc, Mỏ than Làng Cầm, chúng ta đã xây dựng một số cơ sở sản xuất mới trong công nghiệp nhằm tập trung phục vụ sản xuất nông nghiệp như Nhà máy xu-pe phốt-phát Lâm-thao, một loạt nhà máy điện cỡ vừa và nhỏ ở Lao-cai, Vinh, Việt-tri, Thanh-hóa, Phú-thọ; một hệ thống các trạm biến thế và đường dây dẫn điện 35kV cho các trạm máy bơm. Đồng thời với sự giúp đỡ của Liên-xô, nhân dân ta cũng bắt đầu xây dựng một số cơ sở công nghiệp nhằm chuẩn bị cho các bước phát triển sau này, đặc biệt trong đó có Nhà máy cơ khí Hà-nội, đưa con đầu lòng của ngành chế tạo máy ở nước ta.

Sự giúp đỡ của Liên-xô trong thời kỳ này không chỉ hạn chế ở các công trình kể trên. Chúng ta còn giữ mãi những kỷ niệm đẹp đẽ về những người xô-viết đầu tiên đến với nhân dân ta trong những năm tháng đầy khó khăn sau chiến tranh, giúp chúng ta đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế đầu tiên trong lúc chúng ta còn bỡ ngỡ do mới chuyển từ chiến tranh sang lao động hòa bình. Nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ hình ảnh đẹp đẽ của các đội chuyên gia y tế Liên-xô đã tận tụy chữa bệnh cho những người anh em Việt-nam, những nạn nhân của gần 100 năm đô hộ của bọn thực dân.

Bước vào kế hoạch năm năm thứ nhất (1961—1965), Việt-nam lại nhận được sự giúp đỡ to lớn hơn nữa về

nhều mặt của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên-xô anh em. Sự giúp đỡ đó tập trung trước hết vào việc giúp ta mau chóng phát huy các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, nhất là trong nông nghiệp, xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội phù hợp với đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa mà Đại hội lần thứ III của Đảng ta đã vạch ra, từng bước hình thành một số ngành công nghiệp chủ chốt và một số khu công nghiệp.

Trong nông nghiệp, với sự giúp đỡ của Liên-xô, hàng chục nông trường mới được trang bị hiện đại, đã ra đời, nhiều nông trường xây dựng trong các năm trước được cải tạo và hiện đại hóa. Một số xí nghiệp công nghiệp chế biến nông sản được xây dựng. Một loạt trạm bơm thủy lợi với công suất lớn ra đời đã góp phần giải quyết vấn đề tưới, tiêu chủ động trên một diện tích rộng lớn ở đồng bằng Bắc-bộ.

Trong công nghiệp, đi đôi với việc giúp ta tiếp tục mở rộng năng lực sản xuất của các ngành: điện, than bằng cách xây dựng thêm các cơ sở sản xuất mới như Nhà máy thủy điện Thác-bà, Nhà máy nhiệt điện Uông-bí, một số mỏ than... Liên-xô đã giúp ta hình thành từng bước ngành cơ khí chế tạo máy mà tiêu biểu là việc mở rộng Nhà máy chế tạo máy công cụ Hà-nội, xây dựng nhà máy sản xuất động cơ di-ê-zen và một loạt xí nghiệp cơ khí sửa chữa, sản xuất phụ tùng các loại, v.v.

Cũng trong thời kỳ này, chúng ta đã tăng cường thêm một bước năng lực của ngành giao thông vận tải và hệ thống kho tàng với sự giúp đỡ của Liên-xô.

Những năng lực sản xuất mới hình thành trong thời kỳ này đã góp phần tăng cường hơn nữa tiềm lực kinh tế của nước ta và đã tạo điều kiện để nhân dân ta có thêm sức mạnh vật

chất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và chiến tranh xâm lược của chúng được mở rộng ở miền Nam Việt-nam đã đặt ra cho nhân dân ta những nhiệm vụ chiến lược mới. Nền kinh tế quốc dân phải chuyển từ thời bình sang thời chiến. Miền Bắc trở thành hậu phương lớn của cả nước với nhiệm vụ giữ vững sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tích cực, chi viện cho tiền tuyến lớn để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Một lần nữa tinh đoàn kết chiến đấu và mối quan hệ keo sơn gắn bó nhân dân ta với nhân dân Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác lại càng tỏ rõ sức mạnh. Chính trong những năm tháng đầy thử thách quyết liệt này, Liên-xô đã không ngừng tăng cường viện trợ cho ta về mọi mặt. Điều đó thể hiện đầy đủ trong lời nói chỉ tỉnh của đồng chí Brê-giơ-nép, Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên-xô: « Đối với những người cộng sản Liên-xô, đoàn kết với Việt-nam là mệnh lệnh của trái tim và trí tuệ...; ủng hộ Việt-nam là nghĩa vụ quốc tế của chúng ta, là sự nghiệp của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa ». Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do chiến tranh gây ra, bất chấp đế quốc Mỹ tìm mọi cách phong tỏa các hải cảng Việt-nam, bất chấp bọn bành trướng Bắc-kinh lúc đó cản trở việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh cho Việt-nam, Liên-xô vẫn gửi đều đặn cho nhân dân ta những vật tư, hàng hóa cần thiết cho chiến đấu, sản xuất và đời sống.

Sự giúp đỡ rất to lớn, có hiệu quả và quý báu của Liên-xô trong thời kỳ này là nhân tố hết sức quan trọng giúp chúng ta đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và chi viện đắc lực cho đồng bào miền Nam đánh thắng đội quân viễn chinh to lớn của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Với sự giúp đỡ của Liên-xô, chúng ta đã bảo đảm được mạch máu giao thông suốt trong điều kiện bị địch đánh phá ác liệt. Một loạt xí nghiệp cơ khí sửa chữa vừa và nhỏ, hệ thống các trạm phát điện chạy đi-ê-zen cố định và lưu động... được xây dựng đã góp phần tăng cường lực lượng của công nghiệp địa phương, giải quyết yêu cầu về hậu cần tại chỗ và phục vụ việc sơ tán, phân tán các xí nghiệp. Những hàng tiêu dùng, trước hết là lương thực do Liên-xô cung cấp đã giúp giải quyết một phần quan trọng nhu cầu thiết yếu của nhân dân ta.

Ngay trong những năm tháng chiến tranh gian khổ và ác liệt nhất, các chuyên gia Liên-xô vẫn tiếp tục có mặt ở nước ta, kề vai sát cánh cùng nhân dân ta, chia sẻ khó khăn và niềm vui chiến thắng với đồng bào ta.

Sau khi hiệp định Pa-ri được ký kết và hòa bình được lập lại ở miền Bắc nước ta, Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên-xô anh em bắt tay ngay vào việc giúp ta hàn gắn các vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế. Các công trình bị đánh phá trong chiến tranh được khôi phục, đồng thời nhiều công trình mới, nhất là các công trình trong các ngành than, vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa... được chuẩn bị và tiến hành xây dựng nhằm tạo điều kiện cho các bước phát triển về sau với quy mô lớn hơn. Thông cảm với những khó khăn của ta, những người vừa mới ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài, Đảng và Chính phủ Liên-xô đã tuyên bố xóa bỏ toàn bộ số nợ trong các thời kỳ trước và tiếp tục viện trợ cho ta về kinh tế và kỹ thuật.

Việc giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất đất nước năm 1975 đã mở ra kỷ nguyên phát triển mới của nước ta, đồng thời tạo tiền đề cho những bước phát triển mới trong quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là với Liên-xô.

Mùa thu năm 1975, Chính phủ ta và Chính phủ Liên-xô đã ký một số văn kiện quan trọng nhằm thắt chặt hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác anh em về mọi mặt giữa nhân dân hai nước. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ký ngày 3-11-1978 cùng Hiệp định hợp tác kinh tế dài hạn 10 năm đánh dấu một bước phát triển mới về chất trong quan hệ về mọi mặt giữa nước ta và Liên-xô.

Trong năm năm 1976 — 1980, Liên-xô tiếp tục dành cho ta sự giúp đỡ rất to lớn trên nhiều mặt. Sự giúp đỡ này nhằm trước hết tạo điều kiện để ta sớm phát huy các thế mạnh tiềm tàng của ta về sức người, về đất đai, rừng, biển, khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác để thực hiện một bước quan trọng công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội theo phương hướng Đại hội lần thứ IV của Đảng ta đã vạch ra và thực hiện các mục tiêu lớn của kế hoạch năm năm thứ hai.

Với những công trình mà ta đang xây dựng và sẽ xây dựng với sự giúp đỡ của Liên-xô, ở Việt-nam sẽ hình thành một số ngành sản xuất mới rất cơ bản làm nền móng cho nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như ngành chế tạo máy kéo, ngành cơ khí nặng chế tạo máy công cụ rèn, ép, ngành hóa chất phân bón, hóa sợi và hóa cơ bản... với những xí nghiệp sản xuất quy mô tương đối lớn được trang bị kỹ thuật hiện đại. Ngành nhiên liệu năng lượng tiếp tục phát triển với việc xây dựng và đưa vào sản xuất những trung tâm phát điện công suất lớn như Nhà máy thủy điện Hòa-bình và Nhà máy nhiệt điện Phú-lai, một loạt mỏ than cùng với hệ thống sàng rửa và sửa chữa cơ khí... Trong tương lai không xa, nước ta sẽ có thêm các khu công nghiệp mới như khu hóa chất Hoa-lư, các khu cơ khí Long-bình và Triệu-sơn, khu công nghiệp vật liệu xây dựng Bình-sơn... là những khu công nghiệp tạo điều

kiện cho ta thực hiện một bước quan trọng sự phân bố lại lực lượng sản xuất và xây dựng cơ cấu kinh tế mới.

Việc xây dựng nhà máy phân đạm và mở rộng năng lực sản xuất phân lân, việc xây dựng nhà máy sợi vát-cô, Nhà máy xi măng Bình-sơn và một loạt xí nghiệp liên hợp bê-tông làm nhà.... sẽ góp phần quan trọng vào việc giải quyết vấn đề ăn, mặc, ở của nhân dân ta trong thời kỳ tới.

Giữa nước ta và Liên-xô cũng đã có quan hệ hợp tác kinh tế dài hạn theo tinh thần giúp đỡ lẫn nhau và cùng có lợi. Để tạo điều kiện cho ta sớm phát huy các khả năng tiềm tàng trong nước phục vụ công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Liên-xô đã cùng ta hợp tác trong việc trồng và chế biến một số cây công nghiệp nhiệt đới, làm hàng dệt, may mặc, thảm len, khai thác nguồn lợi về cá và các hải sản khác, khai thác và chế biến một số khoáng sản có ích... Qua việc hợp tác này, ta có điều kiện giải quyết một phần công ăn việc làm cho nhân dân trong giai đoạn hiện nay và tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu, đồng thời đáp ứng một số nhu cầu của bạn.

Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa nước ta và Liên-xô tiếp tục được mở rộng. Trong năm năm này, Liên-xô tiếp tục đáp ứng một phần rất quan trọng nhu cầu của ta về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thiết bị các loại và hàng tiêu dùng chủ yếu, qua đó giúp ta khắc phục được nhiều khó khăn trong những năm đầu sau chiến tranh. Ngay những năm bị mất mùa nặng, Liên-xô vẫn giúp ta lương thực để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Thông cảm với những khó khăn hiện nay của ta, trong quan hệ trao đổi hàng hóa giữa hai nước, Liên-xô đã dành cho ta những điều kiện ưu đãi như giữ nguyên giá hàng xuất khẩu và nhập khẩu hình thành từ năm 1957 trong khi giá thị trường

thế giới và giá trao đổi giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã tăng lên nhiều lần.

Tóm lại, trong hàng chục năm qua, dù trong hoàn cảnh nào, cùng với các mặt quan hệ khác, quan hệ kinh tế giữa nước ta và Liên-xô đã không ngừng được mở rộng.

Liên-xô, với nhiều hình thức phong phú và đa dạng, từ việc tăng cường viện trợ không hoàn lại, nhất là trong những năm tháng chiến tranh, đến việc đẩy mạnh trao đổi hàng hóa và hợp tác kinh tế, cho ta vay vốn với điều kiện ưu đãi để nhập kỹ thuật... đã cùng với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, giúp đỡ một cách có hiệu quả nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Chính với sự giúp đỡ to lớn này mà ngày nay chúng ta có được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế ngày càng trưởng thành; ở trên đất nước ta đã hình thành nhiều khu kinh tế công - nông nghiệp, nhiều ngành công nghiệp chủ chốt của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm cho ta khai thác các tiềm năng về tài nguyên và lao động sẵn có, tăng cường lực lượng kinh tế kỹ thuật của mình. Sự giúp đỡ đó là nhân tố có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với những thắng lợi mà nhân dân ta đã thu được. Vì vậy, như đồng chí Lê-Duẩn đã nói "Nhân dân Việt-nam hiểu sâu sắc rằng, mỗi bước đi lên, mỗi chặng đường thắng lợi của cách mạng Việt-nam từ trước đến nay đều gắn liền với những sự kiện lịch sử trọng đại diễn ra trên đất nước Liên-xô; đặc biệt thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không tách rời sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ nhiều mặt rất to lớn, quý báu và có hiệu lực của Liên-xô" (2). Nhân dân ta hết lòng biết ơn Đảng, Chính phủ, nhân dân Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em

khắc đã dành cho ta sự ủng hộ to lớn, đầy tinh thần quốc tế vô sản đó.

Đề tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, đập tan những hành động xâm lược và phá hoại của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với bọn đế quốc, bên cạnh những nhiệm vụ quan trọng khác, chúng ta cần phải ra sức khắc phục khó khăn, phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường của nhân dân ta, đồng thời không ngừng mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế giữa nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, xem đó như là một bảo đảm chắc chắn cho việc tổ chức và thực hiện mọi thắng lợi của chúng ta.

Trong việc phát triển mối quan hệ kinh tế giữa nước ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, mặc dù trước mắt ta còn có rất nhiều khó khăn về nhiều mặt, chúng ta cần phải cố gắng tận dụng mọi tiềm năng sẵn có của đất nước về tài nguyên và lao động, đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng mà ta có khả năng và bạn có nhu cầu để trao đổi với bạn, làm cho mối quan hệ kinh tế giữa ta với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em ngày càng mang tính chất hai chiều, cùng có lợi, vừa thực hiện nghĩa vụ quốc tế của ta, vừa tạo điều kiện thỏa mãn yêu cầu nhập khẩu kỹ thuật ngày càng to lớn của ta.

Như Lê-nin đã dạy: « Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiến tiến, các nước lạc hậu có thể tiến

(2) Lê-Duẩn: *Tiến lên dưới ngọn cờ Cách mạng tháng Mười vĩ đại*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 192.

tới chế độ xò-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa » (3). Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, với việc không ngừng mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, với sự nỗ lực phấn đấu tự lực tự cường của mình, nhân

dân ta, nhất định sẽ vượt qua được những khó khăn to lớn hiện nay, thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng kinh tế và những nhiệm vụ kinh tế mà Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

(3) V.I. Lê-nin: *Tồn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, trang 295.

Một số vấn đề về phát triển công nghiệp...

(Tiếp theo trang 22)

sự quản lý thống nhất theo ngành kinh tế — kỹ thuật trong cả nước. Phải nắm vững tinh thần cơ bản là: khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, gò bó phải đi đôi với chống phân tán, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Chúng ta cần đề phòng và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện lệch lạc do nhận thức phiến diện, chỉ nhấn mạnh một mặt dẫn tới những việc làm không đúng, gây rối thêm cho guồng máy kinh tế.



Tư tưởng chỉ đạo toát lên từ các quyết định mới của Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng về một số chính sách kinh tế cũng như về một số mặt trong công tác quản lý mang ý nghĩa một sự chuyển hướng, tạo nên một sức bật mới đề chuyển biến tình hình kinh tế. Nó không chỉ có ý nghĩa đối với việc phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương cũng như đối với các nhiệm vụ kinh tế cấp bách, mà còn

mở đường cho toàn bộ nền kinh tế vượt qua các khó khăn trước mắt, đáp ứng được những nhiệm vụ nặng nề trước tình hình mới. Chúng ta phải nắm vững tư tưởng chỉ đạo đó, đề thống nhất tư tưởng và hành động trong việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng, đưa tới những chuyển biến mới trong đời sống kinh tế — xã hội của nước ta.

THỰC CHẤT PHẢN ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA MAO

NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH

 Hủ nghĩa Mao, nguy trang dưới những khẩu hiệu cách mạng và những từ ngữ mác xít, đã thật sự lộ nguyên hình là một trào lưu tư tưởng và chính trị cực kỳ phản động, câu kết với chủ nghĩa đế quốc, công nhiên thù địch với chủ nghĩa Mác -

Lê-nin, với chủ nghĩa xã hội, với lợi ích chân chính của nhân dân Trung-quốc, với sự phát triển của ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Vạch trần bản chất phản động của chủ nghĩa Mao về mặt tư tưởng, lý luận là yêu cầu tất yếu của cuộc đấu tranh nhằm đánh bại nó.

I - NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CHỦ NGHĨA MAO

Chủ nghĩa Mao không phải là một hệ thống hoàn chỉnh, nhất quán, có lô-gích chặt chẽ. Nó chẳng qua là sự xào xáo theo lối chiết trung những quan niệm, những tư tưởng hết sức khác nhau, đôi khi đầy mâu thuẫn. Trong mớ hỗn tạp ấy, chủ nghĩa dân tộc tiêu tư sản và tư sản, từ nguồn gốc sô-vanh đại Hán phát triển thành chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn là thực chất, là hạt nhân trung tâm, xoay quanh nó được nhào nặn và liên kết một cách thực dụng chủ nghĩa tất cả những yếu tố vay mượn: còn cái vỏ bề ngoài thì được sơn phết bằng những từ ngữ Mác - Lê-nin.

Ở mỗi thời kỳ nhất định, chủ nghĩa Mao không khỏi có những biến dạng nhất định do hoàn cảnh thay đổi buộc nó phải thích ứng và do đặc tính thực dụng chủ nghĩa vốn có, nó cũng dễ dàng thích ứng. Song, đằng sau mọi biến dạng ấy, cái cốt lõi vẫn không thay đổi - đó là chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, bành trướng và bá quyền. Còn những người theo Mao thì không thuần nhất. Họ chia ra năm bè bảy phái với những màu sắc quan điểm ít nhiều có khác nhau. Ngay giữa tất cả các phe nhóm ấy với chính Mao cũng có những quan niệm khác biệt nhất định, thậm chí mâu thuẫn với Mao về mặt này hay

mặt khác. Mặc dù vậy, *cái mảnh dẻ chung* mà tất cả họ cùng đứng trên đó là chủ nghĩa dân tộc nước lớn, bành trướng và bá quyền. Cái cơ sở chung, thống nhất ấy được tập trung tiêu biểu ở Mao, lấy Mao làm biểu tượng, cho nên nhiều khi giữa các phe nhóm theo Mao dù mâu thuẫn nhau kịch liệt đến nỗi không thể cùng chung sống, thế mà khi tìm cách quật ngã nhau, tất cả đều nương là cờ Mao chống lại đối thủ của mình bị quy là phản Mao.

Sau khi lật đổ «bê-lư 4 tên», tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay tự tuyên bố mình duy nhất trung thành với chủ nghĩa Mao. Bằng những nghị quyết của Đại hội thứ XI Đảng cộng sản Trung-quốc (8-1977) và của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa V (2-1978), tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay xác định rằng chủ nghĩa Mao vẫn là cơ sở chính trị — tư tưởng của Đảng và Nhà nước Trung-quốc. Trong khi đó, dưới sức ép của tình hình, họ buộc phải điều chỉnh những mặt sai trái quá quắt nhất của thực tiễn thời Mao và «lũ 4 tên», hình thành quá trình có vẻ như «phi Mao hóa» trong các lĩnh vực đối nội. Vậy, phải chăng hiện nay họ đang làm cái việc giương cờ Mao xóa chủ nghĩa Mao? Lúc đầu, có người tưởng rằng bằng cách đó tập đoàn Hoa — Đặng dần dần trở lại con đường đúng, rằng lò-gích của đường lối đối nội rồi cuộc sẽ buộc họ phải sửa sai ngay cả đường lối đối ngoại. Nhưng thực tiễn sớm cho thấy đó là một dự đoán không có căn cứ.

Tất nhiên, không loại trừ khả năng có sự «phi Mao hóa» trên những mặt nhất định, ở những mức độ nhất định. Một loạt các sự kiện diễn ra ở Bắc-kinh ít lâu nay làm người ta nghĩ đến điều đó. Cuộc tranh luận về «thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất của chân lý»; việc xóa hàng loạt án oan, ân giảm hồi «đại cách mạng văn hóa vô

sân»; việc phục hồi và đưa vào Bộ chính trị, vào Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc một số nhân vật cũ; việc lật ngược lại sự đánh giá về vụ Thiên-an-môn; việc xuất hiện một số bài công kích đích danh Mao trong lần sóng báo tường, v.v. tất cả các sự kiện ấy chẳng phải đang làm trức đồ dần cái thần tượng Mao đó sao?

Đúng, lò-gích của cuộc đấu đá giữa các phe cánh hiện nay ở Bắc-kinh không sao tránh khỏi đụng đến chính Mao, đến cả một số giáo lý của Mao. Song, những giáo lý của Mao bị đặt lại thành vấn đề ấy dù sao vẫn chỉ có tầm quan trọng thứ yếu, còn về căn bản tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay vẫn là mao-ít; vì họ vẫn đứng trên nền tảng của chủ nghĩa Mao là chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, bành trướng và bá quyền.

Sự thật, ngay cả Đặng-Tiểu-Binh, mặc dù từng hai lần là nạn nhân của chính Mao, do đó về cá nhân mà nói, có lẽ ông ta mang nặng mối thâm thù với Mao, song về hệ tư tưởng mà nói, ông ta vẫn cứ là một người mao-ít, vì ông ta cùng với những người khác là linh hồn của «bốn hiện đại hóa» nhằm tạo cơ sở vật chất cho việc thực hiện tham vọng sô-vanh nước lớn và bá quyền. Bất kể lòng dạ ông ta thế nào — có thể hôm nay Đặng vẫn đội Mao trên đầu vì thế bất đắc dĩ và vì thấy vẫn «có lợi», ngày mai có thể Đặng vứt chiếc ô rách ấy vào sọt rác lịch sử — con người thực dụng chủ nghĩa điển hình ấy về khách quan vẫn cứ là mao-ít, bởi vì ông ta vẫn đứng trên chính cơ sở chủ nghĩa Mao.

Lê-nin đã từng nói: «Cố nhiên là chúng ta không cần cứ vào cá nhân hay nhóm, mà cần cứ vào việc phân tích nội dung *giáo cấp* của những *trào lưu xã hội* và việc nghiên cứu về mặt chính trị và tư tưởng, những nguyên

tắc căn bản, chủ yếu, của những trào lưu đó" (1).

Về mặt quán triệt những mục đích số vạn nước lớn và bá quyền—cát cốt lõi trong chủ nghĩa Mao —, có thể nói tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay còn mao-lí hơn cả chính Mao.

Chủ nghĩa Mao không phải là một hiện tượng có tính chất cá nhân hoặc ngẫu nhiên. Sự xuất hiện và quá trình tiến triển của nó gắn liền với những điều kiện xã hội — lịch sử Trung-quốc nửa đầu thế kỷ 20, với cơ cấu xã hội và trình độ phát triển của đất nước Trung-quốc, với những truyền thống tư tưởng và tâm lý — xã hội Trung-quốc.

Điều kiện quan trọng của sự phát sinh và tồn tại của chủ nghĩa Mao là sự lạc hậu về kinh tế, xã hội và chính trị của xã hội Trung-quốc, là tình trạng tối tăm, dốt nát, lòng mê tin và sự bạc nhược do chế độ chuyên chế phong kiến để lại trong quần chúng nhân dân Trung-quốc. Ta biết rằng lịch sử Trung-quốc là lịch sử ngự trị những mấy nghìn năm của chế độ phong kiến. Trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu và chế độ tông tộc gia trưởng, nó được phát triển đến mức điển hình của nền chuyên chế phương Đông. Cuối thế kỷ 19, ở Trung-quốc bắt đầu hình thành những quan hệ tư bản chủ nghĩa đầy nhanh quá trình tan rã của chế độ phong kiến, nhưng nền nông nghiệp lạc hậu có tính chất gia trưởng vẫn là ngành sản xuất chủ yếu. Thích ứng với tình trạng kinh tế lạc hậu ấy là một cơ cấu xã hội kém phát triển, là sự phân hóa giai cấp chưa đầy đủ. Năm 1919, với số dân 450 triệu, công nhân công nghiệp chỉ có từ 2,5 triệu đến 3 triệu. Giai cấp tiểu tư sản chiếm ưu thế áp đảo, đặc biệt là nông dân chiếm đến 90%, tiểu thương, thợ thủ công, những phần tử vô sản lưu manh thành thị cũng chiếm một tỷ trọng khá lớn. Giai cấp tư sản Trung-quốc thực tế mới lớn lên trong quá trình thâm nhập của tư bản nước ngoài, và cách mạng tư sản

đã nổ ra năm 1911 nhưng quá yếu ớt, không đủ sức công phá triệt để thành trì phong kiến kiên cố, vì vậy, sau cách mạng Tân Hợi, Viên-Thế-Khai lại xưng đế và bọn quân phiệt cát cứ mọc lên như nấm trên đất nước Trung-hoa mênh mông.

Cơ cấu kinh tế — xã hội lạc hậu đã kìm hãm quá trình phát triển của giai cấp công nhân, kìm hãm sự trưởng thành về ý thức giai cấp và tính độc lập về chính trị của nó. Mặc dù đã có những cuộc đấu tranh kiên cường những năm 20, mặc dù đã bắt đầu kết hợp với chủ nghĩa Mác — Lê-nin được ngọn gió Cách mạng tháng Mười thổi tới từ sau năm 1917, giai cấp công nhân Trung-quốc lúc đó vẫn là mới bắt đầu lịch sử của mình. Phong trào công nhân vẫn chưa đến độ chín muồi để có thể nắm ngọn cờ dân tộc khi mà chủ nghĩa dân tộc và phong trào dân tộc tư sản và, tiểu tư sản đã xuất hiện từ đầu thế kỷ và vẫn còn mạnh. G. Vôi-tin-sky, đại diện của Quốc tế cộng sản hồi đó (1923), viết: "Trong tình hình hiện nay ở Trung-quốc, phong trào công nhân còn xa mới trở thành một nhân tố to lớn đủ sức lôi kéo phong trào dân tộc đi theo mình chống chủ nghĩa đế quốc".

Trong những điều kiện ấy, Đảng cộng sản Trung-quốc ra đời với sự chuẩn bị lý luận chưa được chín muồi, chưa đủ sức chống lại và đánh bại những quan điểm tư tưởng dân tộc chủ nghĩa tư sản và tiểu tư sản, chưa có cương lĩnh chính trị độc lập rõ rệt của mình. Chính Mao-Trạch-Đông cũng tự nhận rằng: "Tư tưởng của tôi lúc bấy giờ là vật hỗn hợp kỳ quái bao gồm những quan điểm của chủ nghĩa tự do, của chủ nghĩa dân chủ cải lương, của chủ nghĩa xã hội không tưởng" (2). Mao còn nói:

(1) Lê-nin: *Tổng tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, trang 167.

(2) Lý-Duyệt: *Hoạt động cách mạng ban đầu của đồng chí Mao-Trạch-Đông*.

«Lúc đó..., tôi chưa biết Mác và cũng chưa biết gì về Lê-nin. Vì vậy chưa nảy ra ý nghĩ tổ chức Đảng cộng sản. Tôi đã tin vào chủ nghĩa duy tâm không giáo và nhị nguyên luận của Căng» (3).

Tuy vậy, Đảng cộng sản Trung-quốc ngay lúc đó đã có cái thế mạnh do tính tất yếu lịch sử đưa lại, tạo điều kiện khách quan cho cách mạng Trung-quốc chuyển sang bước ngoặt có tính thời đại — từ cách mạng dân chủ đi thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. «Tam đại chính sách» (liên Nga, dung cộng, ủng hộ công nông) của Tôn-Trung-Son là sự tự thú nhận khách quan sự bất lực của giai cấp tư sản và của con đường tư bản chủ nghĩa ở Trung-quốc. Sự phân bội của Tưởng-Giới-Thạch năm 1927 càng bộc lộ sự bất lực ấy. Những sự kiện đó, mặt khác, giúp khẳng định mạnh mẽ vị trí và vai trò của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Mao-Trạch-Đông vào Đảng cộng sản Trung-quốc ngay từ khi đảng này mới ra đời, nhưng về lập trường, quan điểm, Mao chưa hề là người mác-xít. Cả về sau, trọn đời, *Mao vẫn chưa bao giờ là người mác-xít*. Nhiều nhất chỉ có thể coi Mao là một nhà cách mạng tiểu tư sản, sống là một nhà cách mạng tiểu tư sản rất quý quý, nấp dưới chiêu bài cộng sản, tìm cách sống bám vào trào lưu khách quan của lịch sử và dựa cơ những nguyện vọng cách mạng và xã hội chủ nghĩa của quần chúng lao động để mưu đồ những tham vọng cá nhân. Do sự yếu ớt tương đối của hạt nhân mác xít trong Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc, do trình độ lý luận thấp kém chung trong toàn Đảng, do tình trạng rất phức tạp trong Đảng về thành phần xã hội cũng như về ý thức tư tưởng, do những thủ đoạn sỗ trường riêng của Mao, v.v. dẫn dà Mao ngồi lên được địa vị «lãnh tụ» Đảng cộng sản Trung-quốc, xây dựng và áp đặt được

«học thuyết» của mình — tư tưởng Mao-Trạch-Đông.

Tư tưởng Mao-Trạch-Đông về bản chất là chủ nghĩa dân tộc tiểu tư sản mang hình thức chủ nghĩa sô vanh nước-lớn và bá quyền. Nó là tư tưởng tiểu tư sản nhưng in đậm những sắc thái phong kiến và trong quá trình tiến triển, nó ngày càng chuyển sang lập trường dân tộc chủ nghĩa tư sản.

Chủ nghĩa Mao sinh trưởng chủ yếu trên mảnh đất xã hội tiểu tư sản, đặc biệt là nông dân, ở một nước Trung-hoa còn đượm màu trung cổ và bị đầu độc bởi truyền thống nặng nề của chủ nghĩa đại Hán. Lê-nin viết : «Một nước càng lạc hậu thì nền tiểu sản xuất nông nghiệp, phương thức sống gia trưởng và sự nghèo nàn về tư tưởng ở đó lại càng mạnh mẽ, tình trạng đó không thể không làm cho những thành kiến tiểu tư sản thâm căn cố đế nhất như tinh thần ích kỷ dân tộc, hẹp hòi dân tộc có một sức mạnh đề kháng lớn» (4).

Lòng căm thù cao độ của nhân dân Trung-quốc đối với bọn đế quốc, bọn địa chủ, bọn tư sản mại bản quan liêu là mảnh đất tốt cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin. «Con sư tử phương Đông» khi đã thức dậy, nếu được chủ nghĩa Mác — Lê-nin dẫn đường thì quả là vô địch. Song, chủ nghĩa cơ hội nảy nở rất sớm đã lái phong trào cách mạng của nhân dân Trung-quốc từng bước đi chệch khỏi quỹ đạo Mác — Lê-nin. Do chịu ảnh hưởng nặng nề của những thiên kiến cũ, do bị lừa bịp bởi những thủ đoạn cơ hội mị dân, nhất là do ranh giới giữa cách mạng với chủ nghĩa cơ hội còn khách quan bị che lấp bởi cao trào giải phóng rộng lớn kết hợp trong đó đủ thứ khuynh hướng dân tộc chủ

(3) Tọa đàm với những đại biểu của Đảng xã hội Nhật, 1964, ở Bắc-kinh.

(4) Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội 1969, tập 31, trang 182.

nghĩa, cho nên đồng đảo quần chúng nhân dân Trung-quốc đã không phân biệt được chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa Mao. Do đó, việc chủ nghĩa Mao tạm thời thắng thế ở Trung-quốc (dĩ nhiên không phải là một định mệnh) có những nguyên nhân sâu xa của nó.

Bên cạnh những nguồn gốc kinh tế, xã hội, chủ nghĩa Mao còn có những tiền đề lý luận và tư tưởng nhất định. Ở đây, ta thấy rõ dấu ấn những tư tưởng cổ truyền Trung-quốc. Từ những yếu tố hiện chứng nguyên thủy trong thuyết âm dương; trong « Đạo đức kinh » của Lão tử đến thuật ngũ biến của phái Trang Chu. Ta thấy trong chủ nghĩa Mao những ảnh hưởng khá rõ nét của đạo Khổng Mạnh với hệ tư tưởng tôn quân, với « tam cương » nghiêm ngặt và « ngũ thường » giả nhân giả nghĩa, với đường lối « tu, tề, trị, bình », với quan niệm « nội hạ ngoại di » lấy Trung-quốc làm trung tâm « thiên hạ ».

Trong chủ nghĩa Mao, ta cũng thấy những tia hồi quang nào đó của hệ tư tưởng chính trị của phái pháp gia mà hiện thân là nền chuyên chế tàn bạo của Tần-Thủy-Hoàng, một hệ tư tưởng của bạo lực đàn áp, của chủ nghĩa quân phiệt, của chiến tranh, của sự hủy diệt văn hóa và sự coi rẻ mạng con người. Trong hội nghị Bắc-dới-hà năm 1958, chính Mao đã nói đến việc « kết hợp chủ nghĩa Mác với Tần-Thủy-Hoàng » để quản lý xã hội Trung-quốc !

Đúng như Mao tự nhận, ông ta là « nhà triết học tại chỗ » (bản địa triết gia), Mao đã học tập chủ yếu ở lịch sử Trung-quốc; học từ những mẫu mực hoàng đế chuyên chế đến những mục tiêu đại Hán bá quyền, từ những thủ đoạn gian hùng, tàn bạo đến những sách lược quý quyết nhằm tranh bá đồ vương; nào « liên hoành hợp tung », nào « viễn giao cận công », nào « tọa sơn quan hổ đấu », v.v. và v.v., những « bài học » đó, như mọi người đều biết, đặc biệt phong

phú trong lịch sử hỗn chiến trường kỳ ở Trung-quốc.

Song, thật là sai lầm nếu coi chủ nghĩa Mao là hiện tượng thuần túy Trung-quốc. Là một kẻ thực dụng về chính trị, Mao rất biết « tùy thời »: biết bám chắc vào mảnh đất « hiện đại » để sử dụng những truyền thống xưa và không những Mao biết « lấy xưa phục vụ nay » mà còn rất biết « lấy ngoài phục vụ trong ». Do đó, hệ tư tưởng chính trị tư sản từ ngoài du nhập vào Trung-quốc đầu thế kỷ không hề xa lạ với Mao. Hơn nữa, Mao đã học được ở hệ tư tưởng đó dưới hình thức « Trung-quốc hóa » nghĩa là khi nó đã được nhào nặn theo tinh thần sô vanh đại Hán truyền thống qua chủ nghĩa dân tộc tư sản cải lương của Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu, Tôn-Trung-Sơn và qua cả chủ nghĩa dân tộc tư sản phản động của Đới-Quý-Đào, Tưởng-Giới-Thạch.

Điều quan trọng nhất là : chủ nghĩa Mao không chỉ là sản phẩm của những điều kiện xã hội-lịch sử Trung-quốc : nó đồng thời là một sản phẩm và biểu hiện quan trọng của cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới. Về nội dung, chủ nghĩa Mao đụng đến các vấn đề không chỉ liên quan tới Trung-quốc mà còn mang tính chất phổ biến, quốc tế. Chỉ riêng việc Mao và những người theo Mao phải khoác áo Mác - Lê-nin, khoác áo chủ nghĩa xã hội đủ nói lên rằng chủ nghĩa Mao không phải là hiện tượng thuần túy Trung-quốc. Thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, của chủ nghĩa xã hội buộc kẻ thù của nó phải dùng đến thủ đoạn « giương cờ hồng chống cờ hồng », đó cũng là một dấu hiệu có tính thời đại. Trong số những luồng tư tưởng từ bên ngoài Trung-quốc mà chủ nghĩa Mao tiếp thu còn có chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa tở-rớt-kít, v.v.

Toàn bộ những nhân tố tác động và những luồng ảnh hưởng khác nhau

trên đây, dù bắt nguồn từ lịch sử Trung-quốc hay từ bên ngoài, đều được Mao và những người theo Mao nhào nặn lại thành cái của bản thân mình dưới ảnh hưởng quyết định của lập trường giai cấp tiểu tư sản, qua lăng kính của chủ nghĩa dân tộc tiểu tư sản.

Chủ nghĩa Mao về cơ bản phản ánh địa vị và những đặc điểm vốn có của giai cấp tiểu tư sản. Tất nhiên nó không đại biểu và không thể đại biểu cho những lợi ích thật sự, chân chính của giai cấp tiểu tư sản nói chung, của nông dân nói riêng. Là giai cấp «ngồi giữa hai cái ghế» (Lê-nin), giai cấp tiểu tư sản tự mình không thể bảo vệ lợi ích giai cấp mình. Trong thời đại ngày nay, lợi ích thật sự, chân chính của giai cấp tiểu tư sản chỉ có thể là đi theo giai cấp công nhân. Chủ nghĩa Mao đối lập căn bản với lập trường giai cấp công nhân cho nên chẳng những không thể đại biểu lợi ích thật sự của nông dân, của giai cấp tiểu tư sản nói chung, mà còn đi ngược hẳn lợi ích các tầng lớp đó. Mối liên hệ giữa chủ nghĩa Mao với giai cấp tiểu tư sản chỉ ở chỗ nó phản ánh địa vị trung gian của giai cấp tiểu tư sản và những đặc điểm vốn có do địa vị giai cấp ấy sinh ra.

Địa vị trung gian của giai cấp tiểu tư sản được phản ánh rõ trong chủ nghĩa Mao qua sách lược lựa chiều giữa các giai cấp, «sách lược theo kiểu Bô-na-pác-tơ». Thật vậy, trong khi đi tìm các chỗ dựa xã hội, chủ nghĩa Mao có xu hướng lợi dụng các giai cấp, các tầng lớp khác nhau, khi thì tập đoàn này, khi thì tập đoàn kia và thường là dựa vào sự phối hợp đủ loại các lực lượng xã hội, đôi khi trực tiếp đối lập nhau, dưới chiêu bài lợi ích chung của cả dân tộc. Hy vọng mạo nhận lợi ích hẹp hòi của mình là lợi ích chung của toàn dân tộc, «đứng trên» các giai cấp, điều đó đặc trưng cho chính giai cấp tiểu tư sản.

Bản chất tiểu tư sản ở chủ nghĩa Mao, gắn liền với đặc điểm trên đây, là xu hướng đi tìm «con đường thứ ba». Đặc điểm này trước năm 1949 thể hiện ở «chủ nghĩa dân chủ mới». Bằng «chủ nghĩa dân chủ mới», Mao muốn «sáng tạo» một con đường riêng, độc đáo cho Trung-quốc, và đem lại «cống hiến mới» cho thế giới, khác hẳn con đường Cách mạng tháng Mười, khác với chủ nghĩa tư bản, cũng khác cả với chủ nghĩa xã hội. Ở đây, với «chuyên chính liên hiệp của mấy giai cấp», Mao muốn thực hiện ước mơ «có cơm mọi người cùng ăn» (lời của chính Mao), và như vậy, một lần nữa chúng ta lại bắt gặp cái ảo tưởng tiểu tư sản về «lợi ích toàn dân», «vượt lên trên» các giai cấp.

Lý tưởng chính trị cao nhất của Mao vốn là «chủ nghĩa dân chủ mới», thực chất là chủ nghĩa dân chủ tư sản được «đổi mới» để thích nghi với thời đại cách mạng vô sản (điều này sẽ được phân tích kỹ ở đoạn dưới). Song, khi «chủ nghĩa dân chủ mới» bị tất yếu lịch sử vượt qua, Mao bắt đầu dĩ phải chấp nhận con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì Mao lại không bằng lòng với «khuôn mẫu chủ nghĩa xã hội» mà con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra và, về cơ bản, được phản ánh trong những nghị quyết của Đại hội VIII (1956) Đảng cộng sản Trung-quốc. Mao gạt bỏ con đường ấy và đi tìm con đường «độc đáo» đưa Trung-quốc tiến lên chủ nghĩa xã hội: con đường «ba ngọn cờ hồng». Ở đây, với tất cả ảo tưởng tiểu tư sản, với tính bốc đồng cuồng nhiệt và chủ nghĩa phiêu lưu tiểu tư sản, Mao và những người theo Mao tưởng đâu có thể nhẩy phốc một cái lên «chủ nghĩa cộng sản» trước Liên-xô, còn về kinh tế thì trước hết vượt Anh, sau đó vượt Mỹ, và thế là thực hiện được giấc mơ bá chủ toàn cầu!

Song, đặc điểm tâm lý tiểu tư sản còn ở chỗ nó chuyển rất nhanh từ

cực nọ sang cực kia. « Ba ngọn cờ hồng » đồ rách tả tơi thì « tiếng kèn hào hùng tiến lên chủ nghĩa cộng sản » lập tức đổi điệu, biến thành tiếng kèn đưa ma. Nếu trước kia tưởng đâu ngày mai mở mắt là thấy chủ nghĩa cộng sản thì nay con đường đó bỗng thấy xa vời. Mao nói: hàng chục thế hệ nữa vị tất đã đến chủ nghĩa cộng sản.

Và, trong cơn tuyệt vọng, người tiêu tư sản bỗng điên tiết, nổi khùng. Nó vùng lên đập phá tứ tung. Nhân danh « văn hóa », nó gào thét « cách mạng! cách mạng! » « vô sản! vô sản! » để nói là « lật đổ phái đương quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa », thật ra là đập tan nát hầu như toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản. Với sự hỗn loạn vô chính phủ điên hình, với những lời lẽ ba hoa cách mạng « cực tả », với chỗ dựa là quân đội và các « tiểu tướng hồng vệ binh », với bầu không khí sô vanh dân tộc kết hợp với sùng bái Mao đến mức cuồng tín, v.v., thực tiễn mấy năm « đại cách mạng văn hóa vô sản » quả là tiêu biểu tập trung cho tâm lý cuồng loạn tiêu tư sản, có một không hai, mà chủ nghĩa Mao đã khuấy động lên trong xã hội Trung-quốc.

Hệ tư tưởng mao-ít phản ánh rất rõ tâm lý tiêu tư sản. Giai cấp tiêu tư sản không có hệ tư tưởng độc lập, điều này do địa vị trung gian của nó quyết định. Không có tính độc lập, hệ tư tưởng tiêu tư sản thường đứng chung với hệ tư tưởng tư sản, thường ngã sang hệ tư tưởng tư sản một cách

không tránh khỏi. Và điều đó thấy rõ ở chủ nghĩa Mao.

Thật vậy, « chủ nghĩa dân chủ mới » mà Mao có ý định dựng lên sau thắng lợi của cách mạng dân chủ coi như cả một giai đoạn lịch sử trước khi đi lên chủ nghĩa xã hội, nếu được thực hiện thì chắc chắn đó sẽ không phải là « con đường thứ ba » giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội mà chỉ có thể là con đường tư bản chủ nghĩa, là chế độ tư bản chủ nghĩa mà thôi. Học thuyết về « chủ nghĩa dân chủ mới », bất chấp ý định của Mao, trong thực tế chỉ có thể là hệ tư tưởng chính trị tư sản, không thể khác được.

Cũng vậy, mưu toan của chủ nghĩa Mao đi tìm một chủ nghĩa xã hội « Trung-quốc hóa », nghĩa là bên ngoài những quy luật phổ biến cho toàn thể giới, hơn nữa đối lập lại những quy luật đó, chỉ có thể là sự từ bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học; con đường ấy không tránh khỏi dẫn Mao và những kẻ theo Mao từng bước ngã sang lập trường phản động của giai cấp tư sản để quốc chủ nghĩa. Lô-gích ở đây là: chủ nghĩa Mao từ chỗ là chủ nghĩa dân tộc tiêu tư sản biến thành chủ nghĩa dân tộc tư sản thậm chí đến chủ nghĩa dân tộc tư sản phản động, đến mức câu kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc, công nhiên chống lại chủ nghĩa Mác - Lênin, chống chủ nghĩa xã hội, chống lại tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, quá trình đó bắt đầu từ Mao đã được hoàn thành với tập đoàn theo Mao trong giới cầm quyền Bắc-kinh hiện nay.

II - NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA MAO

Với cốt lõi là chủ nghĩa sô vanh nước lớn, bành trướng và bá quyền, chủ nghĩa Mao trước hết biểu hiện là hệ tư tưởng chính trị, là thực tiễn

chính trị. Còn triết học, lý luận nói chung, là công cụ phục vụ cho quan điểm và đường lối chính trị phản động của chủ nghĩa Mao, chỉ là

phương tiện nhằm chứng minh cho những ý đồ và tham vọng chính trị sô vanh đại Hán, bành trướng và bá quyền. Tất nhiên, mối quan hệ ở đây không hoàn toàn một chiều. Lý luận, triết học ở Mao - Mao sinh triết học hơn các lĩnh vực khác - không chỉ là công cụ, phương tiện chứng minh mà còn đóng vai trò nhất định làm cơ sở phương pháp luận cho đường lối và thực tiễn chính trị mao-ít. Song, nói chung thì mặt này không nổi bằng mặt kia. Vì vậy, phê phán chủ nghĩa Mao nếu coi nhẹ sự phê phán nó về tư tưởng chính trị và thực tiễn chính trị, và khi phê phán nó về triết học lại tách rời những ý đồ chính trị, thì sẽ không thể nào vạch đúng và vạch rõ được bản chất thật sự của chủ nghĩa Mao.

Với tính cách là hệ tư tưởng chính trị, chủ nghĩa Mao nổi bật trước hết ở chỗ ngoài miệng thì thừa nhận, còn trong thực tế thì *phủ nhận vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*, giai cấp tiên phong dẫn đầu sự nghiệp xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Mao-Trạch-Đông không phải từ người mác-xít trở thành phần tử phản bội, xét lại. Mao thật ra chưa bao giờ là mác-xít bởi vì, trong thực tế, Mao trước sau đều *phủ nhận «điểm căn bản nhất trong chủ nghĩa Mác»* (theo Lê-nin) là vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Mao đã tỏ ra không phải là mác-xít ngay từ những tác phẩm đầu tiên của ông ta, sau khi vào Đảng cộng sản Trung-quốc. Trong bài «Cuộc chinh biến ở Bắc-kinh và các nhà buôn» công bố hồi tháng 7-1923, Mao công nhiên coi giai cấp tư sản là «lãnh tụ» của cách mạng. Còn trong nguyên bản đầu tiên của tác phẩm «Phân tích các giai cấp xã hội Trung-quốc» đăng trong tạp chí «*Trung-quốc nông dân*» số tháng 2-1926, Mao coi giai cấp công nhân chỉ là «bạn của cách mạng»

cùng hàng với giai cấp tiểu tư sản và những người nửa vô sản. Khi đưa vào Tuyên tập xuất bản năm 1951, đoạn đó đã được sửa lại: chỉ có những người nửa vô sản và giai cấp tiểu tư sản là «bạn gần gũi nhất», còn giai cấp vô sản, bấy giờ đã được gọi là «giai cấp vô sản công nghiệp», là «lực lượng lãnh đạo cuộc cách mạng của chúng ta». Mặc dù đã được hiệu đính như vậy, tác phẩm «Phân tích các giai cấp xã hội Trung-quốc» về tính chất vẫn là phi mác-xít.

Tác phẩm «Báo cáo khảo sát phong trào nông dân Hồ-nam» (1927) cũng tương tự như vậy. Trong bản gốc tác phẩm này, vai trò nông dân được thổi phồng, còn vai trò giai cấp công nhân mà Mao gọi là «những người thành thị» không có ý nghĩa gì; sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng cộng sản Trung-quốc thì hoàn toàn không được nói đến. Những đoạn nhắc đến giai cấp công nhân, đến Đảng cộng sản thật ra chỉ được thêm vào sau này. Thậm chí, trong tác phẩm vào loại tiêu biểu nhất của chủ nghĩa Mao là «Bản về chủ nghĩa dân chủ mới» (1940), nguyên lý cơ bản của học thuyết Lê-nin về quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ tư sản ở thời đại đế quốc chủ nghĩa lúc đầu cũng không có, sau mới được thêm vào.

Trong lịch sử Đảng cộng sản Trung-quốc thời kỳ những năm 20, 30 có tình hình là: những người mác-xít - lê-ni-nít tuy chiếm ưu thế lúc đó, nhưng lại không thấy hết đặc điểm Trung-quốc, một xã hội mà nông dân chiếm tuyệt đại đa số. Họ chỉ chú ý đến công nhân, đến phong trào thành thị. Khuyết điểm của họ coi nhẹ nông dân và nông thôn bị Mao-Trạch-Đông nắm lấy và sử dụng vào cuộc đấu tranh giành quyền lực.

Coi trọng vai trò của nông dân và nông thôn, chủ trương xây dựng căn cứ địa ở nông thôn trong cách mạng dân tộc dân chủ ở một nước như

Trung-quốc vốn ra không những không sai lầm mà còn là điều tất yếu. Hoàn toàn là quan điểm mác-xít - lê-ni nít nếu hiểu rằng trong điều kiện lịch sử cụ thể nhất định (như ở Trung-quốc, như ở Việt-nam, v.v.), xây dựng cấu trúc địa cách mạng ở nông thôn là một hình thức cụ thể nhằm thực hiện sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nông dân, nhằm thiết lập khối liên minh công nông; rằng Hồng quân ở đây dù tuyển lựa chủ yếu từ nông dân, về bản chất chính trị vẫn là quân đội công nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân (chứ không phải giản đơn là «nông dân mặc áo lính» như quan niệm của Mao); rằng phong trào cảnh mạng ở nông thôn không phải chỉ là sản phẩm của riêng nông dân mà của cả hai giai cấp công nhân và nông dân: phong trào nông thôn, xét trong toàn bộ quá trình cách mạng, xét về nguồn gốc và về chung cục, không thể tách rời cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thành thị, rằng do đó cả hai giai cấp công nhân và nông dân đều là quân chủ lực của cách mạng, trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Luận điểm sau đây của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là tuyệt đối đúng trong mọi trường hợp: «phong trào cộng sản không bao giờ có thể xuất phát từ nông thôn mà luôn luôn chỉ xuất phát từ thành thị» (5). Bởi vì, chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể đẻ ra từ đại công nghiệp và từ giai cấp vớu là sản phẩm đặc biệt của đại công nghiệp, tức giai cấp công nhân.

Những kinh nghiệm chủ yếu của cách mạng Trung-quốc, nếu được phân tích và đánh giá một cách khách quan, đúng đắn, theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin có thể đóng góp tích cực vào kho tàng chung về lý luận và thực tiễn cách mạng. Song, những kinh nghiệm đó đã bị Mao và những người theo Mao nhào nặn trên lập trường của chủ nghĩa dân tộc tiêu tư sản, qua lăng kính của một thứ gọi là «chủ

nghĩa Mác Trung-quốc hóa», do đó, cái phở biến bị xem thường, còn cái đặc thù thì được nâng lên thành nguyên tắc, việc nhấn mạnh vai trò của nông dân và nông thôn, việc phá chủ nghĩa giáo điều đã trở thành phương tiện để Mao hạ thấp và phủ nhận những nguyên lý phở biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hạ thấp và phủ nhận vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Có vấn đề đặt ra: *trong điều kiện Mao phản mác-xít ở điểm căn bản nhất như vậy, tại sao cách mạng Trung-quốc vẫn thắng lợi năm 1949?*

Thật ra, sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa năm 1949 là thắng lợi vĩ đại của nhân dân Trung-quốc; là thắng lợi của sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Trung-quốc thông qua Đảng cộng sản Trung-quốc lúc đó về cơ bản còn là một đảng mác-xít - lê-ni-nít. Đó là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Trung-quốc, thắng lợi của trào lưu lịch sử ở Trung-quốc lúc đó phù hợp hoàn toàn với xu thế của thời đại. Một nhân tố rất quyết định nữa đưa lại thắng lợi ấy là sự giúp đỡ cực kỳ to lớn của Liên-xô, trước hết là việc Liên-xô, năm 1945, đánh tan đạo quân Quan-đồng của phát xít Nhật, giải phóng vùng đông bắc Trung-quốc và sau đó, Hồng quân Liên-xô đã để lại cho cách mạng Trung-quốc toàn bộ vũ khí và thiết bị quân sự của mình cũng như những thứ tịch thu được của Nhật.

Sự phát triển của cách mạng Trung-quốc những năm 30 - 40 dẫn đến thắng lợi vĩ đại năm 1949, về cơ bản đã diễn ra trái với những mục tiêu và ý đồ thâm kín nhất của Mao. Chính vì thế mới có thể cắt nghĩa được vì sao ngay khi hào quang của thắng lợi năm 1949 và sau đó của những thành tựu nổi bật của những năm đầu cách mạng xã hội chủ nghĩa đang tỏa sáng.

(5) C. Mác, F. Ăng-ghen: *Toàn tập*, tiếng Nga, 1955, tập 3, trang 350.

thì Mao lại bị đẩy lùi năm 1956 trong Đại hội VIII Đảng cộng sản Trung-quốc: tư tưởng Mao-Trạch-Đông bị xóa khỏi Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội VII năm 1945.

Không chỉ trong khi giải quyết các vấn đề của cách mạng Trung-quốc, chủ nghĩa Mao mới tuyệt đối hóa vai trò nông dân, phủ nhận vai trò giai cấp công nhân. Quan điểm phản mác-xít ấy cũng được Mao và những người theo Mao, kể cả tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay, quán triệt cả vào *lý luận của họ về quá trình cách mạng thế giới*. Luận điểm «nông thôn bao vây thành thị» được mở rộng thành «nông thôn thế giới bao vây thành thị thế giới». Còn những lý luận của họ về thời đại, về những mâu thuẫn của thời đại ngày nay, về «ba thế giới» cũng đều bắt nguồn từ một cái gốc căn bản phản mác-xít là phủ nhận sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

Quan điểm Mác - Lê-nin cho rằng giai cấp công nhân quốc tế mà thành quả chủ yếu của nó là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là trung tâm của thời đại ngày nay; rằng trong khối liên minh của các lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động thì vai trò lãnh đạo thuộc về giai cấp công nhân quốc tế và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Chỉ với điều kiện đó, các phong trào chống đế quốc mới có tính chất cách mạng triệt để, mới có thể đi tới hoàn thành các sự nghiệp giải phóng dân tộc và giai cấp theo hướng xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân quốc tế thông qua những đội ngũ của mình trong mỗi nước, thông qua chủ nghĩa xã hội thực tế đang tồn tại, bằng sự thể hiện và bảo vệ một cách kiên quyết và triệt để những lợi ích cơ bản sống còn của quần chúng lao động và các dân tộc bị áp bức, đang tập hợp một cách tự nhiên và tất nhiên chung quanh mình tất cả các lực lượng tiên bộ trên hành tinh chúng ta, làm cho

các phong trào đấu tranh của họ đi đúng hướng, lôi cuốn họ vào cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc - nguồn gốc cơ bản của sự bất công xã hội, của áp bức dân tộc, của các cuộc chiến tranh xâm lược và phi nghĩa trong thời đại chúng ta.

Đối lập căn bản với quan điểm Mác - Lê-nin, cái cốt lõi trong lý luận của chủ nghĩa Mao về quá trình cách mạng thế giới chính là sự phủ nhận sứ mệnh lịch sử có ý nghĩa toàn thế giới của giai cấp công nhân. Xác định thời đại chúng ta là «thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản», thực tế chủ nghĩa Mao «xóa bỏ» sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa, con đề chủ yếu của giai cấp công nhân quốc tế. Sự phủ nhận đó, nếu năm 1960 trong bài «Chủ nghĩa Lê-nin muôn năm», và năm 1963 trong «Kiến nghị về đường lối chung của phong trào cộng sản quốc tế», (cả hai văn kiện này đều đầy rẫy những luận điểm phản mác-xít - lê-ni-nít), còn được che giấu trong định nghĩa của họ về thời đại, thì năm 1974, Đặng-Tiêu-Binh đã công khai tuyên bố ở diễn đàn Liên hợp quốc.

Phủ nhận sự tồn tại của phe xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa Mao tất nhiên phủ nhận mâu thuẫn cơ bản nhất của thời đại chúng ta là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa đế quốc. Thay vào đó, họ nêu mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và trước hết là «chủ nghĩa đế quốc xã hội» (!) với các dân tộc bị áp bức. Từ đó đi đến cái thuyết «ba thế giới». Thế là, theo quan điểm của bọn phản động ở Bắc-kinh, Liên-xô, trên thực tế là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới nói chung, trở thành «kẻ thù chính». Chống lại nó là hai thế giới rưỡi trong đó «thế giới thứ ba là quân chủ lực»; «thế giới thứ hai» (xếp các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu - trừ Liên-xô - vào cùng một rọ với các nước tư bản phát triển ở Tây Âu, Nhật, Ca-na-da)

là khu vực trung gian có thể liên hiệp; còn 1/2 thế giới là Mỹ (vốn nằm trong «thế giới thứ nhất» gồm hai siêu cường) cũng có thể tranh thủ vì lẽ «kẻ thù của kẻ thù ta là bạn ta», mà đối với bọn phản động cầm quyền Bắc-kinh có nghĩa cụ thể là: ai chống Liên-xô, đối với họ, đều là bạn!

Với sự phân tích và phân chia như vậy về các lực lượng chính trị thế giới, chủ nghĩa Mao thực tế đứng trên lập trường các giai cấp phản động nhất, đứng về phía chủ nghĩa đế quốc chống lại giai cấp công nhân quốc tế và chủ nghĩa xã hội thế giới là lực lượng xã hội đang đứng ở trung tâm của thời đại chúng ta. Còn «thế giới thứ ba» được chủ nghĩa Mao coi là «quân chủ lực» của cách mạng thế giới» thì thực tế đó là một trò đại bịp, mị dân, lừa dối «thế giới thứ ba» làm hòn đá kê chân cho chủ nghĩa Mao bước lên giành quyền bá chủ thế giới.

Tóm lại, toàn bộ nội dung phản động của chủ nghĩa Mao được quyết định, xét cho cùng, ở điểm căn bản nhất là nó không những phủ nhận mà còn chống lại sự mệnh lịch sử có ý nghĩa toàn thế giới của giai cấp công nhân là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, và thay vào đó là chủ nghĩa dân tộc nước lớn và những mục tiêu bá quyền.

Một bộ phận quan trọng nhất trong hệ tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mao là «chủ nghĩa dân chủ mới».

Các nhà tuyên truyền Bắc-kinh khẳng định rằng trong tác phẩm «Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới», Mao-Trạch-Đông đã phát triển học thuyết Lê-nin về sự chuyển biến cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thật ra, đối chiếu với nguyên bản đầu tiên trong Tuyên tập Mao-Trạch-Đông xuất bản ở Đại-liên năm 1946 thì thấy «chủ nghĩa dân chủ mới» của Mao không có gì chung với chủ nghĩa Lê-nin cả.

Đứng trên lập trường giai cấp vô sản, chủ nghĩa Lê-nin coi cuộc cách mạng chống đế quốc để giải phóng dân tộc là một bộ phận của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản thế giới và là bước mở đường để chống chủ nghĩa tư bản bản xứ. Lê-nin viết: «Hoàn toàn rõ ràng là sau này trong những cuộc chiến đấu quyết định của cách mạng thế giới, phong trào của đa số nhân dân trên thế giới, thoát đầu là nhằm giải phóng dân tộc, sẽ quay sang chống chủ nghĩa tư bản...» (6). Nghĩa là, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là để chuẩn bị tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cũng như vậy, cuộc đấu tranh chống phong kiến không phải nhằm phát triển chủ nghĩa tư bản mà chính là để mở đường làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến càng triệt để chừng nào thì con đường tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa càng được dọn sạch chướng ngại. Chính vì thế chủ nghĩa Mác-Lê-nin cho rằng «sự kết thúc thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ cũng có nghĩa là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa» (Lê-Duân); giữa hai cuộc cách mạng ấy không hề có một thời kỳ trung gian ngăn cách.

Chủ nghĩa Mao, về thực chất, coi cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến là nhằm tạo nên những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Trung-quốc. Trong tác phẩm «Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới» được công bố năm 1940, Mao-Trạch-Đông, trong thâm tâm, đã phủ nhận bước chuyển biến cách mạng dân chủ tư sản Trung-quốc thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Còn trong tác phẩm «Cách mạng Trung-quốc và Đảng cộng sản Trung-quốc» (chương II, điểm 6), khi nói về những triển vọng của cách mạng Trung-quốc, ông ta viết: «Sau khi

(6) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 32, trang 626

cách mạng thắng lợi, vì cách mạng đã gạt bỏ những trở ngại trên con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản, cho nên nền kinh tế tư bản trong xã hội Trung-quốc sẽ khá phát triển. Điều đó thật dễ hình dung và không có gì đáng ngạc nhiên».

Sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa Lê-nin với tư tưởng Mao-Trạch-Đông còn thể hiện trên vấn đề về điều kiện quyết định khả năng chuyển biến cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa Lê-nin cho rằng điều kiện đó là : trong nước, có quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản ; trên trường quốc tế có sự giúp đỡ của chuyên chính vô sản ở nước đã làm cách mạng thắng lợi. Nhưng Mao-Trạch-Đông không khi nào thừa nhận hai điều kiện này. Mao phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thì đã rõ. Còn về điều kiện thứ hai thì, ngay từ đầu những năm 40, Mao đã ấp ủ ý đồ không muốn dựa vào sự giúp đỡ của Liên-xô mà lại muốn dựa vào Mỹ sau chiến tranh. Tháng 8-1944, khi nói chuyện với viên bí thư thứ hai của sứ quán Mỹ ở Trung-quốc, Mao nói : « Chúng tôi không mong đợi ở sự giúp đỡ của Nga... Còn lợi ích của Trung-quốc và của Mỹ đều giống nhau...chúng ta vẫn sẽ phải hợp tác với nhau ». Hồi đó, Mao cũng nói với nhà báo Mỹ H. Phơơc-man : « Chúng tôi không muốn đi lên chủ nghĩa cộng sản theo khuôn mẫu Liên-xô... ».

Tháng 4 năm 1945, trong báo cáo « *Bản về chính phủ liên hiệp* » tại Đại hội VII Đảng cộng sản Trung-quốc, Mao-Trạch-Đông tuyên bố : « chủ nghĩa tư bản ở nước ta còn quá nhỏ yếu », « cuộc đấu tranh cho nền dân chủ mới sẽ còn lâu dài ». Ông ta khẳng định : « Nếu không có sự phát triển của kinh tế tư bản tư nhân và của kinh tế khác thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội ». Tháng 3 năm 1949, tại hội nghị toàn thể lần thứ hai

Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc khóa 7, Mao-Trạch-Đông đã bảo lưu ý kiến rằng sau khi cách mạng dân chủ thắng lợi ở Trung-quốc, sẽ cần một thời gian dài nữa để xây dựng « xã hội dân chủ mới ». Trong quan niệm của Mao, « xã hội dân chủ mới » là cả một chế độ với một cơ cấu tổng thể bao gồm chính trị dân chủ mới, kinh tế dân chủ mới, văn hóa dân chủ mới. Kinh tế dân chủ mới, đó là một cơ cấu kinh tế bao gồm nhiều thành phần kể cả thành phần kinh tế tư bản. Còn chính trị dân chủ mới là gì ? Trong bài « Bàn về chuyên chính dân chủ nhân dân » công bố tháng 6 năm 1949, Mao khẳng định rằng đó không phải là nền chuyên chính vô sản mà là « nền chuyên chính liên hiệp của bốn giai cấp : công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc ».

Chủ trương đó có gì chung với chủ nghĩa Lê-nin ? Hoàn toàn không. Đừng tưởng nó là sự phát triển, sự mở rộng phạm trù của Lê-nin về chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân. Lê-nin từng khẳng định chuyên chính bao giờ cũng là chuyên chính của một giai cấp. Thật vậy, đường lối chính trị của giai cấp nào, bạo lực trong tay giai cấp nào thì chuyên chính là của giai cấp ấy, những thứ đó không chia sẻ được, không liên hiệp được. Chuyên chính công nông mà Lê-nin có nói đến phải được hiểu về thực chất là một hình thức tiền đề của chuyên chính vô sản để làm nhiệm vụ quá độ từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hết cuộc cách mạng thứ nhất thắng lợi là ngay lập tức chuyển sang cuộc cách mạng thứ hai chứ không có, không thể có và trong thực tế đã không có một thời kỳ chuyên chính công nông.

Cách mạng dân chủ tư sản một khi kết thúc thì hoặc là chuyển lên con đường xã hội chủ nghĩa với chuyên

(Xem tiếp trang 75)

QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG LƯƠNG THỰC HIỆN NAY

TRỊNH-XUÂN-TIẾN

NGOÀI việc nắm và chỉ đạo sản xuất lương thực, Nhà nước phải nắm, quản lý và chỉ đạo thị trường lương thực, tức là tổ chức và quản lý việc phân phối và tiêu dùng lương thực của xã hội một cách hợp lý. Có làm như vậy, Nhà nước mới nắm trọn vấn đề lương thực của đất nước, bảo đảm đời sống của nhân dân, bảo đảm các điều kiện cần bản để phát triển toàn bộ nền kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Ở nước ta hiện nay, việc phân phối lương thực được tiến hành theo hai hình thức: phân phối thông qua kế hoạch và phân phối thông qua thị trường.

Ở các tỉnh miền Bắc, phần rất lớn lương thực đã được phân phối theo kế hoạch. Số lương thực phân phối thông qua thị trường "tự do" chỉ còn ít, chiếm khoảng từ 5% đến 7% tổng số lương thực tiêu dùng xã hội. Số lương thực phân phối theo kế hoạch là số lương thực của hợp tác xã phân phối trực tiếp cho xã viên sau mỗi vụ thu hoạch, và số lương thực của Nhà nước do Nhà nước phân phối theo định lượng hằng tháng cho công nhân, bộ đội, cán bộ, viên chức ở các khu vực công nghiệp và thành thị. Ở

những nơi đã phân phối lương thực theo kế hoạch, đời sống nhân dân về cơ bản được ổn định.

Ở các tỉnh miền Nam, do nông thôn đang ở trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, lương thực Nhà nước nắm trong tay chưa nhiều, cho nên Nhà nước chưa có đủ cơ sở để mở rộng thị trường lương thực có kế hoạch. Vì vậy, thị trường "tự do" về lương thực tồn tại khá rộng, đang đáp ứng phần lớn nhu cầu lương thực của xã hội.

Sự hình thành và phát triển thị trường lương thực có tổ chức, có kế hoạch là do những điều kiện khách quan sau đây quyết định:

a) Bản chất nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế có kế hoạch, tư liệu sản xuất để làm ra lương thực là tư liệu sản xuất thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa theo hai hình thức toàn dân và tập thể.

b) Nhà nước xã hội chủ nghĩa coi lương thực là vật tư quan trọng số một của xã hội, do đó, lương thực phải được phân phối có kế hoạch, nhằm bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, bảo vệ đất nước. Điều kiện để bảo đảm cho lương thực được lưu thông có tổ chức, có kế hoạch là Nhà nước phải nắm được phần lớn

lương thực hàng hóa trong tay. Điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất lương thực, cũng như các chính sách thu mua, phân phối và tiêu dùng lương thực một cách hợp lý.

Cơ sở khách quan của sự tồn tại của thị trường "tự do" về lương thực là sự tồn tại của các thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội nước ta, nhất là ở các tỉnh miền Nam hiện nay, là nơi đang còn năm thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế cá thể của nông dân và thợ thủ công và kinh tế tư bản tư nhân.

Tuy nhiên, cơ cấu các nguồn lương thực trên thị trường "tự do" ở hai miền có khác nhau, về tính chất cũng như về quy mô và mức độ.

Ở các tỉnh miền Bắc, các nguồn lương thực trên thị trường "tự do" bao gồm:

a) Lương thực tiết kiệm được của xã viên và nông dân cá thể. Số lương thực tiết kiệm của xã viên bao gồm lương thực "ăn chia" trong hợp tác xã và lương thực tự sản xuất thêm trên diện tích 5% dành cho gia đình; ngoài ra, có một số xã viên và nông dân cá thể không thừa lương thực nhưng vì cần có tiền mặt để chi tiêu, cũng đem đem lương thực ra bán ở thị trường.

b) Lương thực trong khu vực Nhà nước bị lấy cắp, tham ô... đưa ra thị trường "tự do" bán.

Ngoài hai nguồn lương thực nói trên, cũng còn một số lương thực được đưa ra thị trường "tự do" trao đổi để tiêu dùng dưới những hình thức khác nhau như: bán mì, ngô để mua gạo, bán gạo xấu mua gạo tốt, đổi gạo, đổi mì lấy bún, bánh, v.v. Trong việc trao đổi này, đã nảy sinh một số người chuyên mua đi bán lại để kiếm lời và lấy đó làm nguồn sống.

Những người tiêu dùng lương thực trên thị trường "tự do" chia thành bốn loại chủ yếu sau đây:

a) Một số người không làm gì cho Nhà nước, cũng không tham gia một hợp tác xã nào, họ làm ăn sinh sống theo lối cá thể, không thuộc diện Nhà nước hay hợp tác xã nào phân phối lương thực, sống bằng lương thực ở thị trường "tự do".

b) Một số nông dân xã viên hợp tác xã tuy đã được phân phối lương thực trong hợp tác xã nhưng do lẽ này lẽ khác bị thiếu hụt lương thực cũng mua thêm lương thực ở thị trường "tự do".

c) Một số người ở thành thị, đã được Nhà nước phân phối lương thực theo khẩu phần, nhưng đôi khi trong gia đình có những nhu cầu bất thường như: ma chay, cưới xin, bà con khách khứa qua lại... cũng phải mua thêm một ít lương thực ở thị trường "tự do".

d) Một số người kinh doanh nhỏ được phép bán bánh, bún, cơm, phở cũng mua lương thực ở thị trường "tự do" về chế biến để bán.

Tất cả các nguồn lương thực và nhu cầu lương thực ở thị trường "tự do" trên đây là một tồn tại khách quan. Vì vậy, nhà nước cần cải tạo dần dần và sắp xếp lại cơ cấu thị trường này cho hợp lý, để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn. Trong bốn loại nhu cầu tiêu dùng nói trên, cần xem có những loại nhu cầu gì hợp lý và loại gì không hợp lý để có chủ trương thỏa đáng chứ không thể xóa bỏ tất cả theo ý muốn chủ quan của người lãnh đạo. Trong khi có những nhu cầu tiêu dùng chưa nên bỏ hoặc chưa thể bỏ ngay được, thì cũng có những nhu cầu rất có hại cho xã hội cần làm cho mọi người thấy rõ, để bỏ ngay. Đó là trường hợp một số người làm ăn không chính đáng, trong đó có cả bọn lưu manh, trộm cắp, "phe phây", một số người bỏ lao động hợp tác xã ra làm ngoài hoặc đi buôn... kiếm được nhiều tiền; số người này thường tiêu xài hoang phí, làm cho giá cả thị trường lên cao, ảnh

hưởng không tốt đến đời sống của nhân dân. Chính họ là những người mua bán của gian, hàng lậu, gây mất trật tự an ninh xã hội và nhiều tệ nạn khác, đặc biệt là làm yếu, nát một số hợp tác xã và làm hư hỏng một số cán bộ, nhân viên Nhà nước.

Giải quyết các vấn đề tiêu cực của thị trường «tự do» về lương thực là góp một phần đáng kể vào việc giải quyết các mặt tiêu cực của xã hội hiện nay.



Từ sau ngày giải phóng đến nay, miền Nam có năm thành phần kinh tế: quốc doanh, tập thể, cá thể, công tư hợp doanh, tư bản tư nhân. Quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa là quá trình biến đổi, chuyên hóa, sắp xếp lại các thành phần kinh tế ấy của nền kinh tế quốc dân, trong đó, kinh tế quốc doanh ngày càng lớn mạnh và giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể (hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp) ngày càng phát triển; kinh tế tư bản tư nhân ngày càng được hướng theo chủ nghĩa xã hội phục vụ đời sống nhân dân. Thị trường miền Nam đang chịu sự chi phối của những yếu tố xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế chung cả nước, và đang tiến lên thành thị trường có tổ chức về từng mặt. Trong quá trình chuyển biến ấy, sẽ hình thành từng bước thị trường lương thực có tổ chức và có kế hoạch. Tuy nhiên, cũng cần thấy rõ, trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhất là các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa nhỏ, đang còn phát huy tác dụng, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội tuy là quy luật của quan hệ sản xuất tiến bộ, nhưng vừa mới ra đời cho nên còn yếu, có những mặt chưa phát huy ngay được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ

nghĩa, với những quy luật riêng của chúng, đang tồn tại song song, xen kẽ nhau và tác động lẫn nhau, nhiều khi đấu tranh gay gắt với nhau. Quá trình ấy diễn ra rất phức tạp và đều thể hiện trên thị trường.

Trong hoàn cảnh ấy, tình hình phân phối lương thực ở các tỉnh miền Nam diễn ra như sau:

Số nhân khẩu phi nông nghiệp (hơn 9 triệu người), là những người phải mua lương thực để tiêu dùng. Số người này vừa mua lương thực của Nhà nước (thị trường có tổ chức), vừa mua lương thực ở thị trường «tự do». Do còn đang tiến hành cải tạo nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp, Nhà nước mới nắm được một phần lương thực của xã hội, chỉ cung cấp được lương thực cho một bộ phận nhân khẩu phi nông nghiệp, cho nên một bộ phận khác tương đối lớn trong số nhân khẩu phi nông nghiệp vẫn phải mua lương thực ở thị trường «tự do». Số nông dân thiếu ăn nhưng chưa vào hợp tác xã cũng phải mua lương thực ở thị trường «tự do». Như vậy là ở các tỉnh miền Nam, tồn tại song song hai thị trường lương thực: thị trường có tổ chức, có kế hoạch và thị trường «tự do», trong đó thị trường «tự do» về lương thực còn khá rộng. Vì vậy, vấn đề đặt ra là Nhà nước phải quản lý hai thị trường này một cách hợp lý, một mặt vừa tạo điều kiện cho Nhà nước thu mua năm nguồn lương thực hàng hóa được tốt hơn, giúp cho nhân dân mua lương thực ở thị trường một cách dễ dàng, thuận tiện, tránh được nạn đầu cơ tích trữ lương thực làm lũng đoạn thị trường lương thực; mặt khác, tổ chức nông dân cá thể vào hợp tác xã, tạo cơ sở cho việc hình thành thị trường lương thực có tổ chức, có kế hoạch ở nông thôn.

Do kinh tế các tỉnh miền Nam còn năm thành phần, cho nên phương thức lưu thông cũng còn phức tạp. Quá trình chuyển biến nền kinh tế

nắm thành phần thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần nhất cũng là quá trình mà thị trường có tổ chức, có kế hoạch ngày càng mở rộng, còn thị trường « tự do » ngày càng bị thu hẹp.

Từ nay đến lúc củng cố được thị trường lương thực xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước, chúng ta cần chấp hành thật tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về công tác tổ chức và quản lý thị trường lương thực.

Mục tiêu chung là Nhà nước xây dựng cho bằng được thị trường lương thực có tổ chức, có kế hoạch của chủ nghĩa xã hội để thay thế từng bước thị trường « tự do » về lương thực.

Trong trường hợp lực lượng kinh tế quốc doanh còn yếu, chưa đủ sức thay thế thị trường « tự do », nông dân còn làm ăn cá thể, chưa có sự phân phối của hợp tác xã, nếu không giải quyết hợp lý vấn đề thị trường « tự do » về lương thực thì sẽ gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống nhân dân, người sản xuất lương thực sẽ kèm phần khỏi sản xuất, người tiêu dùng cũng không yên tâm, và Nhà nước cũng không nắm được nhiều lương thực hàng hóa.

Khi bàn về thuế lương thực, Lê-nin đã nói « Vậy thì, trước thực trạng kinh tế ấy, giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa có thể theo chính sách nào? đòi cho tiêu nông tất cả những sản phẩm mà họ cần dùng, do nền đại công nghiệp xã hội chủ nghĩa cung cấp, để lấy lúa mì và nguyên liệu chẳng? Chính đó là chính sách hay nhất, « hợp lý » nhất; và đó chính là chính sách mà chúng ta đã bắt đầu thi hành. Nhưng chúng ta không thể đòi tất cả các sản phẩm, không hề như thế được, và cũng không thể làm như thế sớm được, dù sao cũng không thể làm được, khi mà chúng ta chưa hoàn thành được phần đầu tiên các công trình điện khí hóa xứ sở. Vậy thì làm thế nào bây giờ? Hoặc giả tìm cách ngăn cấm, bao vây đến cùng

mọi sự phát triển của sự trao đổi tư nhân, không phải là của Nhà nước, tức là của thương mại, tức là của chủ nghĩa tư bản, — bước phát triển tất nhiên phải xảy ra khi đã có hàng triệu người sản xuất nhỏ. Chính sách ấy là một sự đại đột và tự sát đối với đảng nào đã muốn áp dụng nó » (1)... « Trao đổi tức là tự do thương mại, tức là chủ nghĩa tư bản. Nó có lợi cho chúng ta trong chừng mực nó giúp chúng ta chống lại tình trạng phân tán của những người sản xuất nhỏ và chống lại bệnh quan liêu đến một mức nào đó. Mức độ nào thì kinh nghiệm và thực tiễn sẽ quy định. Ở đây không có gì nguy hiểm đối với chính quyền vô sản cả, chừng nào mà giai cấp vô sản còn nắm chắc chính quyền trong tay, chừng nào mà giai cấp vô sản còn nắm vững ngành vận tải và đại công nghiệp » (2).

Dựa vào những luận điểm trên đây của Lê-nin, căn cứ vào tình hình thực tế nước ta. Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nêu rõ: « Sau khi đã nộp đủ thuế và bán đủ lương thực cho Nhà nước theo hợp đồng, hợp tác xã và nông dân được lưu thông tự do số lương thực còn lại... Nhà nước cũng cho phép nhân dân trao đổi với nhau phần lương thực thừa này... » (Nghị quyết 12 ngày 19-9-1978). Trong lời kết luận ở Hội nghị lần thứ 6 khóa IV (tháng 8-1979) của Ban chấp hành trung ương Đảng, đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Nhà nước phải bằng mọi cách nắm cho được một khối lượng lương thực ngày càng lớn, để có thể bảo đảm lương thực cho những người không sản xuất lương thực. Để nắm lương thực, không phải dùng hình thức hành chính kiểm soát bắt buộc như cách làm vừa qua ở một số nơi, mà phải có chính sách đúng về thuế, về ổn định nghĩa vụ và hợp đồng hai

(1) V. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển 2, phần 2, trang 502.

(2) V. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 32, trang 473 — 474.

chiều, về giá cả để vừa bảo đảm cho Nhà nước nắm được lương thực, vừa khuyến khích nông dân hàng hải sản xuất và vui vẻ bán lương thực cho Nhà nước... Đối với bọn đầu cơ, buôn lậu lương thực thì phải kiên quyết trừng trị... Trong một thời gian nhất định, ngoài phần Nhà nước mua và bán lương thực, còn có lưu thông tự do giữa người sản xuất lương thực và người tiêu dùng lương thực». Đó là những ý kiến lớn, rất cơ bản về chủ trương giải quyết vấn đề thị trường lương thực. Quyết định số 286/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 16-8-1979 lại chỉ rõ thêm: «Không được ngăn cấm việc lưu thông các loại hàng hóa lương thực, thực phẩm... trong phạm vi được Nhà nước cho lưu thông tự do từ nơi này sang nơi khác... Việc kiểm tra kiểm soát để ngăn ngừa bọn gian thương đầu cơ phá rối thị trường, bọn làm ăn phi pháp, lấy cắp tài sản Nhà nước, v.v... vẫn phải tiến hành nghiêm túc, không được buông lỏng...».

Hiện nay, ở những nơi không làm tốt công tác lương thực, thường có hiện tượng buông lỏng việc thu thuế, tổ chức việc mua lương thực theo hợp đồng hai chiều kém, do đó chạy theo việc mua lương thực theo giá «thỏa thuận», tức là giá cao xấp xỉ giá thị trường «tự do». Ở những nơi này, công tác thu mua lương thực đạt ít kết quả, bọn gian thương và bọn xấu có nhiều cơ hội xuyên tạc chính sách và phá rối chúng ta. Cái gốc của vấn đề quản lý thị trường lương thực là phải thu thật tốt thuế nông nghiệp và tổ chức tốt việc thu mua lương thực theo hợp đồng hai chiều; cần bộ, đảng viên phải chấp hành chính sách thật nghiêm túc, đề hướng dẫn và thúc đẩy nông dân thi hành. Đó là nội dung chủ yếu và quan trọng nhất của vấn đề «quản lý thị trường lương thực từ gốc».

Để cho việc quản lý thị trường lương thực đạt hiệu quả thiết thực,

chúng ta cần làm tốt những việc chính sau đây:

— Ở các tỉnh miền Bắc, các ngành, các cấp quản lý tốt lao động, trên cơ sở đó có biện pháp, chính sách phục vụ đời sống nhân dân một cách thích đáng về mặt lương thực. Làm như vậy là củng cố thị trường có tổ chức, có kế hoạch về lương thực.

— Ở các tỉnh miền Nam, các ngành, các cấp chỉ đạo thật tốt đề thu cho đủ số thuế nông nghiệp và thu mua cho đủ số lương thực theo hợp đồng kinh tế hai chiều, tiếp đó mua thêm một số lương thực theo giá thỏa thuận. Làm tốt công việc thu mua này là một biện pháp tích cực nhất để quản lý tốt thị trường «tự do» về lương thực.

Đi đôi với việc mở rộng quyền tự do lưu thông cho người sản xuất, Nhà nước có biện pháp kiên quyết ngăn chặn những hoạt động đầu cơ tích trữ lương thực của tư thương, những luận điệu xuyên tạc chính sách, phá rối thị trường và gây hoang mang trong quần chúng. Việc quản lý thị trường lương thực từ gốc phải kết hợp với việc cải tạo tư thương, sắp xếp lại thị trường. Cơ quan Nhà nước quy định chính sách cụ thể về quản lý việc mua bán, vận chuyển, dự trữ lương thực, và công bố những chính sách này cho nhân dân và những người còn được phép buôn bán lương thực biết, đồng thời tổ chức, hướng dẫn việc chấp hành các chính sách này thật tốt. Đối với những thứ gì mà nhân dân có nhu cầu hợp lý thì Nhà nước có sự chỉ đạo và tổ chức phục vụ một cách thuận tiện, hoặc để tư nhân tổ chức phục vụ. Mục đích của việc quản lý thị trường «tự do» về lương thực là phục vụ tốt đời sống nhân dân. Vì vậy, thị trường lương thực phải được quản lý thống nhất, và việc quản lý thống nhất ấy phải nhằm phục vụ tốt đời sống nhân dân, xóa bỏ được nạn đầu cơ tích trữ lương thực, quản lý và sử dụng tốt lao động xã hội để đẩy mạnh sản xuất.

Ra sức phát triển công nghiệp địa phương phục vụ đời sống, sản xuất và chiến đấu

ĐỒNG - THẢO

PHÁT triển công nghiệp địa phương là một vấn đề chiến lược trong công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta vì nó có nhiều tác dụng: tận dụng mọi nguồn tài nguyên và lao động để làm ra nhiều hàng hóa cho xã hội; kết hợp công nghiệp với nông nghiệp ngay từ đầu và từ cơ sở; kết hợp kinh tế với quốc phòng, thực hiện hậu cần tại chỗ trong chiến tranh; phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân, huy động mọi người tham gia sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Thời gian qua, công nghiệp địa phương đã phát triển và đạt được những thành tựu đáng kể. Năm 1978, công nghiệp địa phương đã sản xuất hơn một nửa giá trị sản lượng công nghiệp trong cả nước. Công nghiệp địa phương đã sản xuất được nhiều mặt hàng thông thường phục vụ đời sống, sản xuất và chiến đấu. Để làm tốt hơn nữa việc phát triển công nghiệp địa phương trong tình hình mới, chúng ta cần xác định đúng đắn nhiệm vụ, cơ cấu công nghiệp địa phương và giải quyết tốt một số vấn đề về biện pháp và chính sách.

I - NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU CỦA CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

Công nghiệp địa phương dựa vào khả năng và nhu cầu của địa phương để sản xuất, cho nên trước hết phải phục vụ đời sống và sản xuất của địa phương. Nhưng ở từng địa phương lại có những tài nguyên đặc biệt mà các nơi khác không có, như cá, muối, gỗ, bông, đay, cối, dầu tằm... do đó, công nghiệp địa phương lại phải ra sức khai thác những tài nguyên này để phục vụ cho nhu cầu của cả nước và xuất khẩu.

Công nghiệp địa phương vừa phục vụ đời sống, vừa phục vụ sản xuất. Trừ những mặt hàng quan trọng phục vụ nhu cầu cả nước do công nghiệp trung ương sản xuất, công nghiệp địa phương phải tiến lên bảo đảm phần lớn nhu cầu hàng thông thường của nhân dân địa phương, từ chế biến lương thực, thực phẩm, đến may mặc và sản xuất các đồ dùng gia đình. Công nghiệp địa phương cần đi sâu nghiên cứu nhu cầu của từng địa phương, từng vùng.

từng đối tượng đề sản xuất nhiều mặt hàng phong phú đáp ứng nhu cầu muôn màu, muôn vẻ của đời sống nhân dân. Công nghiệp địa phương phải coi nông thôn là thị trường quan trọng, ra sức sản xuất nhiều hàng hóa trao đổi với nông dân để thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Về tư liệu sản xuất, công nghiệp địa phương chú trọng sản xuất các loại công cụ, máy móc, phụ tùng đơn giản và vật liệu xây dựng, góp phần trang bị kỹ thuật cho các cơ sở kinh tế ở địa phương, trước hết là các cơ sở nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Công nghiệp địa phương còn có nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, như chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất thuốc men, quần áo, sản xuất và sửa chữa các loại vũ khí thông thường nhằm giải quyết tốt hậu cần tại chỗ cho bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

Công nghiệp địa phương phải phát triển trong cơ cấu kinh tế địa phương và gắn chặt với nông nghiệp để thành cơ cấu công - nông nghiệp của tỉnh và cơ cấu nông - công nghiệp của huyện. Mặt khác, công nghiệp địa phương phải phát triển trong một quy hoạch thống nhất, kết hợp với công nghiệp trung ương, hình thành các ngành kinh tế - kỹ thuật của cả nước. Trong phạm vi từng địa phương, công nghiệp địa phương cố gắng đến mức cao nhất để tận dụng mọi khả năng, đáp ứng nhiều nhu cầu, nhưng không phải vì thế mà phát triển tất cả các ngành và các loại hàng theo hướng khép kín, tự túc, tự cấp; trái lại, cần có sự phân công hợp tác hợp lý giữa các địa phương, giữa các tỉnh và thành phố nhằm phát huy thế mạnh về tài nguyên, lao động kỹ thuật của từng địa phương để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Công nghiệp địa phương phải sử dụng tốt các thành phần kinh tế. Quốc doanh địa phương và hợp tác xã tiểu

công nghiệp, thủ công nghiệp cần được phân công phát triển theo hướng: công nghiệp quốc doanh phát triển những ngành nghề mà các hợp tác xã không có truyền thống về nghề nghiệp đó, hoặc không có khả năng đáp ứng được yêu cầu (như kỹ thuật phức tạp, hoặc đầu tư lớn). Còn đối với những ngành nghề và mặt hàng mà hợp tác xã đã đáp ứng hoặc vươn lên đáp ứng được yêu cầu thì cần tận dụng lực lượng hợp tác xã, trang bị cho hợp tác xã đầy mạnh sản xuất, không nên vội vàng phát triển quốc doanh để thay thế. Giữa tập thể và cá thể cũng cần xác định rõ: tập thể làm những cái mà cá thể không thể làm được; còn những cái gì cá thể có thể làm tốt, phục vụ tốt yêu cầu thì nên giúp đỡ cho cá thể làm, không vội vàng đưa ngay vào tập thể.

Công nghiệp địa phương phải biết kết hợp tận dụng các cơ sở sẵn có với xây dựng cơ sở mới, kết hợp sử dụng kỹ thuật thô sơ với kỹ thuật hiện đại. Hiện nay, cơ sở công nghiệp địa phương còn ít, nhưng do nhiều nguyên nhân, chưa sử dụng hết công suất và chưa sản xuất được nhiều sản phẩm tốt. Do đó, sắp tới cần tổ chức lại và hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý nhằm tận dụng và phát huy cao độ năng lực hiện có. Việc xây dựng thêm cơ sở mới chỉ tiến hành khi đã sử dụng hết năng lực các cơ sở cũ và phải có những điều kiện nhất định như: có nhu cầu rõ ràng, có nguyên liệu vững chắc, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết, nhất là về cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật để khi xí nghiệp đã được xây dựng là có thể hoạt động tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Công nghiệp địa phương sẽ từng bước đổi mới kỹ thuật để dần dần chuyển lên trình độ hiện đại. Nhưng trước mắt phải sử dụng cả kỹ thuật thủ công, kết hợp thủ công với nửa cơ khí và cơ khí. Công nghiệp địa phương sẽ phát triển rộng khắp trong cả nước với mức độ

phù hợp với từng địa phương, trước mắt chú trọng phát triển ở các tỉnh miền núi, các tỉnh biên giới phía bắc và các tỉnh miền Nam nhằm làm cho miền núi mau tiến kịp miền xuôi, kinh tế cả nước phát triển đồng đều, góp phần xây dựng hậu phương vững mạnh và bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, từ nay đến năm 1985, công nghiệp địa phương cần ra sức phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, đồng thời sản xuất một số tư liệu sản xuất cần thiết.

Về sản xuất hàng tiêu dùng, chú trọng phát triển các ngành nghề sản xuất các mặt hàng như xay sát thóc gạo, chế biến màu, bột mỳ, khai thác, chế biến hải sản, sản xuất muối, sản xuất đường, chè, bánh kẹo và các loại nước uống từ nguyên liệu địa phương, chế biến dược liệu, sản xuất dược phẩm, dệt vải các loại, khăn mặt, khăn tắm, dệt kim, uơ tơ, may mặc, dệt chiếu, thảm cói, thảm dày, thảm len, sản xuất đồ sành sứ, đồ thủy tinh dân dụng, kim khí thông thường, phụ tùng xe đạp, sản xuất giấy, chế biến gỗ, song, mây, tre, sản xuất đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, hàng thủ công mỹ nghệ, v.v.

Về tư liệu sản xuất, chú trọng sản xuất các loại công cụ thường và công cụ cải tiến, các máy móc và phụ tùng đơn giản, các loại vật liệu xây dựng thông thường, sản xuất a-pa-tít nghiền và một số hóa chất công nghiệp thông thường như phen chua, bột nhẹ, chế biến thức ăn gia súc. Ở các nơi có điều kiện, khai thác các mỏ than nhỏ, mỏ phốt-phát, xây dựng các nhà máy thủy điện nhỏ, v.v.

Trong việc phục vụ đời sống và sản xuất, công nghiệp địa phương cần hết sức coi trọng phát triển các ngành nghề phục vụ và sửa chữa. Yêu cầu này hiện nay rất cấp bách ngày càng to lớn mà công nghiệp địa phương

có điều kiện làm tốt; vì vậy cần tổ chức rộng rãi mạng lưới phục vụ, sửa chữa ở khắp các địa phương từ thành thị đến nông thôn bao gồm các ngành nghề phổ biến như sửa chữa máy móc, công cụ sản xuất, vũ khí, sửa chữa nhà cửa, điện nước, sửa chữa đồ dùng gia đình, giặt là, và mạng quần áo, trang trí, v.v. Đối với những việc này, các cơ sở quốc doanh có thể đảm nhận một phần nhu cầu lớn và tập trung, còn chủ yếu là tổ chức các hợp tác xã, các tổ sửa chữa, phục vụ, sử dụng thợ thủ công cá thể để có thể đi sát đến từng đường phố, từng thôn xóm, từng gia đình phục vụ kịp thời các yêu cầu cụ thể của sản xuất và đời sống.

Để phát triển công nghiệp địa phương đúng phương hướng, cần nghiên cứu để xác định cơ cấu của nó một cách hợp lý, vì có cơ cấu đúng mới thực hiện tốt nhiệm vụ. Với điều kiện cụ thể của nước ta, cơ cấu của công nghiệp địa phương bao gồm hai loại: cơ cấu phổ biến và cơ cấu đặc thù. Cơ cấu phổ biến là cơ cấu mà tỉnh và thành phố nào cũng cần và có thể phát triển như: chế biến lương thực, thực phẩm; chế biến dược liệu, sản xuất dược phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng thông thường; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; các ngành nghề phục vụ và dịch vụ; cơ khí sửa chữa và chế tạo công cụ, phụ tùng và thiết bị đơn giản; sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, v.v.

Cơ cấu đặc thù là cơ cấu mà mỗi địa phương tùy theo đặc điểm về tài nguyên, nhu cầu và truyền thống kỹ thuật của mình mà phát triển mạnh một số ngành này hoặc ngành khác, nhằm phát huy được khả năng, đáp ứng tốt nhu cầu và đạt hiệu quả kinh tế cao. Ở các tỉnh miền biên, chú ý phát triển các ngành khai thác, chế biến cá, muối, nước mắm, dệt chiếu, cói... Các tỉnh đồng bằng cần phát triển các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, uơ tơ, dệt vải thủ công,

chế biến đay, làm hàng thủ công mỹ nghệ. Các tỉnh miền núi chú ý phát triển các ngành chế biến màu, khai thác, chế biến lâm sản, dược liệu, dệt vải dân tộc... Các thành phố cần chú ý phát triển các ngành chế biến thực phẩm, sản xuất nước giải khát, dược phẩm, kim khí tiêu dùng, các ngành công nghiệp phục vụ, sửa chữa, v.v.

Riêng thủ đô Hà-nội và thành phố Hồ-Chí-Minh, đã sẵn có nhiều cơ sở sản xuất với kỹ thuật công nghệ tiên tiến, có nhiều trung tâm nghiên cứu khoa học và lao động có kỹ thuật, nhu cầu hàng hóa ở đây cũng nhiều và đa dạng, lại có mối quan hệ rộng rãi với các địa phương và cả với thị trường nước ngoài, vì vậy ở hai thành phố này, cần phát triển nhiều ngành nghề, nhiều xí nghiệp, nhiều mặt hàng để không những đáp ứng nhu cầu tại chỗ, mà còn phục vụ nhu cầu chung của cả nước và xuất khẩu.

Trong cơ cấu công nghiệp địa phương, cần đặc biệt chú ý phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và một số cơ sở quốc doanh cần thiết ở huyện để góp phần hình thành sớm cơ

cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện.

Công nghiệp huyện là một bộ phận hợp thành của kinh tế huyện, đồng thời cũng là một cơ cấu trong công nghiệp địa phương của tỉnh và thành phố, do đó cần được phát triển theo quy hoạch chung của công nghiệp địa phương và gắn chặt với nông nghiệp và các ngành kinh tế của huyện. Cơ cấu phổ biến của công nghiệp huyện là: các cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm, các cơ sở chế biến dược liệu, sản xuất dược phẩm, tinh dầu, các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng thông thường, các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng xuất khẩu, các cơ sở sửa chữa, dịch vụ, các cơ sở khai thác chế biến lâm sản, hải sản, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, các đội máy kéo và các trạm sửa chữa máy kéo, các đội xây dựng thủy lợi và các trạm bơm, các cơ sở chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp, các cơ sở sản xuất công cụ thông thường và cải tiến, các đội xây dựng nhà ở và công trình phúc lợi, các cơ sở vận tải, thông tin bưu điện.

II — BIỆN PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH

Để phát triển mạnh công nghiệp địa phương, cùng với việc xác định đúng nhiệm vụ và cơ cấu, cần kịp thời giải quyết tốt các vấn đề về biện pháp và chính sách, coi đây là chìa khóa mở ra sự chuyển biến của tình hình.

Một là, tiến hành quy hoạch sản xuất và phân công hợp lý giữa công nghiệp địa phương và công nghiệp trung ương, giữa công nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, định rõ những mặt hàng mà địa phương phải phụ trách sản xuất để cung cấp cho nhu cầu địa phương và nhu cầu chung, cũng như những mặt hàng mà hợp tác xã còn sản xuất ổn định lâu dài

để các địa phương và các hợp tác xã có kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất. Trong quy hoạch, cần định rõ những ngành nào phát triển công nghiệp trung ương là chính, đồng thời phát triển một phần công nghiệp địa phương như các ngành công nghiệp nặng; những ngành nào công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương cùng phát triển như một số ngành công nghiệp nhẹ; những ngành nào phát triển công nghiệp địa phương là chủ yếu, đồng thời có phát triển công nghiệp trung ương như các ngành chế biến lương thực, thực phẩm. Giữa công nghiệp quốc doanh và hợp tác xã cũng cần xác định

những nghề nào chỉ phát triển công nghiệp quốc doanh mà không phát triển hợp tác xã như ương tơ, thuốc da; những nghề nào chỉ tận dụng lực lượng hợp tác xã mà không phát triển lực lượng quốc doanh như thủ công mỹ nghệ, đan lát, và những nghề nào lực lượng quốc doanh và hợp tác xã cùng phát triển như may mặc, sản xuất đồ gỗ...

Hai là, tích cực giải quyết vấn đề nguyên liệu cho công nghiệp địa phương. Một mặt, Nhà nước nghiên cứu bổ sung và ban hành thêm các chính sách thích hợp, nhất là chính sách ổn định nghĩa vụ bán nông sản, chính sách cung cấp lương thực và chính sách giá cả để khuyến khích các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nhiều nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp địa phương. Mặt khác, cần có chính sách phân phối, cung cấp nguyên liệu cho hợp lý. Các loại nguyên liệu do công nghiệp trung ương sản xuất hoặc nhập khẩu, các ngành ở trung ương có trách nhiệm cung cấp cho công nghiệp địa phương theo kế hoạch. Các loại nguyên liệu sản xuất tại địa phương, nhưng do Nhà nước thống nhất quản lý như mía, chè, thuốc lá, v.v. thì cần quy định rõ loại nào, phần nào cung cấp cho công nghiệp trung ương và loại nào, phần nào để lại cho công nghiệp địa phương. Các loại nguyên liệu không thuộc diện Nhà nước quản lý thì các địa phương có kế hoạch phát triển để sử dụng trong địa phương mình hoặc trao đổi với các địa phương khác. Các địa phương vừa có nguyên liệu, vừa có cơ sở chế biến thì nói chung Nhà nước không thu mua nguyên liệu mà sẽ giúp cho địa phương làm tốt việc chế biến để thu mua sản phẩm và chỉ điều đi phần nguyên liệu mà địa phương không chế biến hết. Công nghiệp địa phương cần tìm mọi cách tận thu, tận dụng các loại phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông

và tiêu dùng để làm nguồn nguyên liệu bổ sung quan trọng cho công nghiệp địa phương.

Ba là, cải tiến một số chính sách đối với công nghiệp địa phương. Mở rộng quyền chủ động cho các địa phương, trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng và kế hoạch Nhà nước, các địa phương được lựa chọn các phương án kinh tế tối ưu, vận dụng các chính sách cụ thể, sử dụng các biện pháp cần thiết để phát triển công nghiệp địa phương. Đối với những sản phẩm do trung ương thống nhất quản lý, sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao nộp, địa phương được sử dụng phần còn lại để tiêu dùng trong địa phương. Đối với những sản phẩm không thuộc diện trung ương thống nhất quản lý, các địa phương được quyền quyết định sản xuất và tiêu dùng trong địa phương mình hoặc trao đổi với các địa phương khác.

Về giá cả, đề nghị nên phân cấp theo hướng: những mặt hàng sản xuất và tiêu dùng tại địa phương do địa phương quyết định giá. Giá hàng giữa các địa phương có thể khác nhau tùy theo điều kiện sản xuất, miễn là tiêu thụ được. Những mặt hàng tự sản, tự tiêu thì do hai bên mua và bán thỏa thuận về giá cả. Chỉ những sản phẩm sản xuất tại địa phương nhưng tiêu dùng cho cả nước thì do trung ương quyết định về giá cả.

Về tiêu thụ hàng của công nghiệp quốc doanh địa phương, nói chung phải bán qua thương nghiệp, nhưng cần giảm bớt các khâu trung gian, làm cho hàng hóa từ sản xuất đến tiêu dùng bằng con đường ngắn nhất. Nhưng có những trường hợp cá biệt nào đó, nếu thương nghiệp tiêu thụ chậm trễ, ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu dùng thì các cơ sở sản xuất có thể tổ chức tiêu thụ trực tiếp nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu, giải phóng sớm kho tàng, tiền vốn. Còn việc tiêu

(Xem tiếp trang 74)

Phát huy khả năng kinh tế cấp huyện trong việc đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu

MẠNH-TÂN

DẰNG đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu là trách nhiệm chung của các ngành, các cấp, trong đó có cấp huyện.

Cấp huyện có vai trò và khả năng to lớn trong việc sản xuất hàng xuất khẩu. Khoảng một phần ba tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước là do cấp huyện đóng góp. Trong quá trình xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, huyện trở thành đơn vị quản lý toàn diện, và khả năng của huyện trong việc sản xuất hàng xuất khẩu ngày càng lớn. Những khả năng ấy biểu hiện trên các mặt sau đây:

Một là, cấp huyện có khả năng trực tiếp tổ chức, xây dựng những vùng chuyên canh xuất khẩu.

Trong khi việc xây dựng những vùng chuyên canh xuất khẩu lớn của cả nước, với các cây dài ngày như: cao su, cà phê, chè... đang được khảo sát và quy hoạch, thì trước mắt, các huyện có khả năng dành ra một số diện tích đất đai canh tác hoặc tận dụng diện tích gieo trồng vụ đông, đất đai hoang hóa để xây dựng những vùng chuyên canh xuất khẩu quy mô nhỏ với các cây ngắn ngày như: đậu, lạc, đậu, kê,

vừng, tỏi, ớt, dâu tằm, cây tinh dầu như: sả, bạc hà, hương nhu, v.v. Việc xây dựng vùng chuyên canh xuất khẩu ở huyện có nhiều điều kiện thuận lợi là khai thác được đất đai sẵn có tại địa phương, sử dụng được sức lao động dồi dào tại chỗ và tập quán canh tác của nhân dân, do đó vốn đầu tư ít hơn, lại có hàng xuất khẩu nhanh hơn những vùng phải khai hoang để trồng cây dài ngày. Nếu được sự giúp đỡ của tỉnh và trung ương, cấp huyện có khả năng tổ chức chế biến hàng nông sản tại chỗ, kết hợp chặt chẽ sản xuất nguyên liệu với chế biến, tạo thành một tổ chức liên hiệp sản xuất với quy mô thích hợp tại huyện hoặc liên huyện. Việc này cũng nằm trong quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện.

Những năm qua, nhiều huyện từ vùng biên, đồng bằng đến trung du, miền núi, đã xây dựng nhiều vùng chuyên canh xuất khẩu đạt kết quả tốt.

Ở miền biển các tỉnh Thái-bình, Hà-nam-ninh, Thanh-hóa..., nhiều huyện đã lãnh đạo nhân dân cải tạo bãi biển, lấn biển để xây dựng vùng chuyên canh cói, tạo ra nguyên liệu tại

chỗ, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động, góp một khối lượng hàng cói khá lớn cho xuất khẩu. Ở ven biển miền Trung thuộc quần khu 4, khu 5 cũ, nhiều huyện cũng đang tận dụng dải đất cát chạy dài theo bờ biển, từ trước tới nay không trồng được cây lương thực, để tạo ra những vùng cây xuất khẩu thích hợp như: vùng lạc ở Diễn-châu, vùng kê ở Nghi-xuân (Nghệ-tĩnh), hành tây ở Thuận-hải và dứa ở nhiều nơi, v.v. Một số nơi đang thí nghiệm trồng cây cò dầu, đào lộn hột, dứa dại, hương bài, v.v. vừa có hàng xuất khẩu, vừa chống họa cát lấn đất ở những vùng ven biển này. Ở đồng bằng Bắc-bộ, Nam-bộ, nhiều huyện đã đẩy mạnh thâm canh lúa, dành một số diện tích canh tác hoặc phát triển diện tích vụ đông để chuyên canh cây xuất khẩu như: đậu, dâu tằm, ớt, tỏi, chuối, dứa, bạc hà, v.v. để tăng thêm nguồn thu nhập. Ở vùng trung du, miền núi, đặc biệt là ở miền đông Nam-bộ và Tây-nguyên, nhiều huyện đã tạo ra những vùng chè, dứa, cam, cà phê, đậu, lạc, sắn, hồ tiêu, cánh kiến, hồi, quế v.v. có giá trị kinh tế cao.

Dựa vào điều kiện thiên nhiên, đất đai và tập quán canh tác của mình, những huyện mới trên đã xây dựng những vùng chuyên canh xuất khẩu với quy mô từ vài ba trăm héc-ta tới vài ba nghìn héc-ta, trong đó phần lớn là những cây nông sản ngắn ngày. Nếu tất cả các huyện đều tiến hành xây dựng vùng chuyên canh như vậy, thì khối lượng hàng nông sản xuất khẩu của cả nước sẽ tăng lên nhanh và có tác dụng cải biến được cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay.

Hạt là, huyện là cấp trực tiếp quản lý phần lớn lực lượng lao động nông nghiệp, đang tổ chức và phân công lại lao động tại chỗ, có khả năng điều chuyển và tận dụng lực lượng lao động dồi dào đó vào phát triển sản xuất hàng xuất khẩu.

Phần lớn trong số 24 triệu lao động nước ta là lao động nông nghiệp nằm trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp do huyện quản lý. Nhưng bình quân diện tích canh tác tính theo đầu người rất thấp (chỉ có từ 600 m² đến 1 000 m²); do đó, dù có tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, bình quân thu nhập và tỷ suất hàng hóa cung cấp cho xã hội cũng còn nhỏ. Trong quá trình thủy lợi hóa và cơ giới hóa nông nghiệp, số lao động dôi ra ngày càng nhiều. Lao động nông nghiệp sẽ giảm dần đi để chuyển sang sản xuất công nghiệp hoặc phát triển các ngành nghề khác. Trong nhiều năm qua và những năm sắp tới, việc phân công lại lao động trong phạm vi cả nước vẫn được xúc tiến mạnh mẽ, một bộ phận dân cư ở thành thị và đồng bằng vẫn được tiếp tục chuyển đi ngày một nhiều hơn để xây dựng các vùng kinh tế mới. Song lực lượng lao động do các huyện quản lý vẫn còn dồi dào, nhất là lao động nữ. Hơn nữa, do trình độ sản xuất nông nghiệp của nước ta còn thấp, sản xuất nông nghiệp mới được cơ giới hóa một phần, lại chưa đồng bộ, cho nên lúc thời vụ, sản xuất thiếu lao động, nhưng sau thời vụ, lại có nhiều lao động nhàn rỗi. Tình hình ấy bắt buộc các hợp tác xã phải có lực lượng lao động dự trữ cho thời vụ. Những người ngoài độ tuổi lao động rất đông, rất cần việc làm thích hợp để tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Vì vậy, đi đôi với phân công lại lao động trong phạm vi cả nước, điều tất yếu là phải có phân công lại lao động tại chỗ trên địa bàn huyện và trong từng hợp tác xã

Hiện nay, trong việc phát triển ngành nghề ở các hợp tác xã nông nghiệp, mỗi huyện có khả năng chuyển một vài vạn người trong sản xuất nông nghiệp sang làm hàng xuất khẩu. Việc phát triển sản xuất hàng xuất khẩu ở các huyện Thượng-tín (Hà-sơn-bình), Vĩnh-bảo (Hải-phòng),

Kiến-xương, Tiên-hải (Thái-bình), Xuân-thủy, Kim-sơn (Hà-nam-ninh), Châu-giang (Hải-hung), Tiên-sơn (Hải-bác), v.v. đã cho ta thấy rõ huyện nào cũng có khả năng huy động được một vài vạn người làm các nghề thêu, dệt thảm len, đay, cối, bẹ ngô, nuôi tằm ươm tơ, sản xuất hàng mỹ nghệ, đan hàng mây tre, trồng và chưng cất tinh dầu, v.v. để xuất khẩu. Với số lao động sản xuất hàng xuất khẩu này, nhiều huyện đã tạo ra nguồn thu nhập hằng năm khá lớn (trên dưới 10 triệu đồng) chiếm khoảng 1/3 tổng thu nhập của huyện. Ở huyện Kiến-xương (Thái-bình), ngoài hàng nghìn người chuyên sản xuất hàng xuất khẩu trong 35 hợp tác xã nông nghiệp, huyện còn tổ chức được 14 hợp tác xã thủ công chuyên nghiệp, mỗi hợp tác xã có hàng trăm lao động, có cơ sở sản xuất khang trang, làm tiền đề cho sự ra đời của công nghiệp huyện.

Ba là, cấp huyện có điều kiện tổ chức thu mua hàng xuất khẩu thuận lợi.

Muốn có nguồn hàng xuất khẩu lớn phải có cơ sở sản xuất lớn. Trong trường hợp đó, các cơ sở sản xuất trực tiếp giao hàng xuất khẩu cho ngành ngoại thương theo hợp đồng kinh tế. Song, trong điều kiện nước ta hiện nay, một bộ phận quan trọng hàng xuất khẩu (bao gồm cả nông sản, lâm sản, hải sản và hàng thủ công mỹ nghệ do các cơ sở sản xuất nhỏ, phân tán đóng góp). Đặc biệt ở các tỉnh miền Nam hiện nay, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp đang tiến hành, phần lớn chuối, dưa, rau quả, cà phê, hồ tiêu, lạc, vừng, v.v. mà Nhà nước cần thu mua để xuất khẩu còn thuộc sở hữu cá thể. Để tập trung nguồn hàng phong phú nhưng còn phân tán này, phải tổ chức tốt công tác thu mua ở huyện.

Phần lớn đất canh tác và sức lao động hiện nay còn nằm trong khu vực

kinh tế tập thể. Khu vực này cung cấp cho Nhà nước một phần quan trọng hàng nông sản, lâm sản, hải sản, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Vì vậy, đi đôi với việc tổ chức những cơ sở sản xuất lớn, xây dựng nguồn hàng xuất khẩu chủ lực, Nhà nước cần tận dụng những khả năng sản xuất sẵn có của kinh tế tập thể, dựa vào huyện là cấp trực tiếp quản lý, chỉ đạo các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, phát huy mọi khả năng tiềm tàng của sản xuất trong khu vực kinh tế tập thể phục vụ cho công tác xuất khẩu.

Ở đầu, ngành ngoại thương biết dựa vào huyện, tranh thủ được sự chỉ đạo của cấp huyện trong việc tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu thì ở đó công tác thu mua hàng xuất khẩu đạt kết quả tốt.

Rõ ràng, cấp huyện có nhiều khả năng và điều kiện để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu. Việc tổ chức sản xuất, khai thác nguồn hàng xuất khẩu ở cấp huyện tác động trở lại đối với việc xây dựng huyện thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp. Kinh nghiệm ở nhiều huyện đã chỉ rõ công tác phát triển sản xuất hàng xuất khẩu đã thúc đẩy sản xuất đi vào chuyên canh, có khả năng kết hợp sản xuất với chế biến, tạo điều kiện cho sự phát triển ngành nghề và tiêu công nghiệp trên địa bàn huyện. Những vùng chè ở Vinh-phủ, Nghĩa-lộ, Bảo-lộc... vùng lạc ở Diễn-châu (Nghệ-tĩnh) và ở Việt-yên (Hải-bác), vùng ớt ở Quỳnh-phụ (Thái-bình), vùng tỏi ở Kim-môn (Hải-hung), các vùng cam, dưa, thuốc lá, đay, cối, v.v. ở nhiều huyện khác đã chứng minh điều này. Ở huyện Châu-giang (Hải-hung), từ ngày vùng đay được hình thành đến nay, mỗi năm huyện bán cho Nhà nước từ 4 000 đến 5 000 tấn đay, thu gần 5 triệu đồng. Lợi nhuận thu được trên một héc-ta đay so với lợi nhuận thu được trên một héc-ta

lúa là: 1 613 đồng/715 đồng, thu nhập ngày công trồng cấy so với thu nhập ngày công trồng lúa là: 2,31 đồng/1,9 đồng. Cái lợi lớn nhất của vùng chuyên canh cấy ở Châu-giang là huyện đã tạo được nguồn nguyên liệu tại chỗ để phát triển nghề dệt thảm, giải quyết việc làm cho trên 3 000 lao động, tăng thêm hơn một triệu đồng thu nhập một năm. Các huyện Hàm-yên, Chiêm-hóa (Hà-tuyên) tạo ra vùng chuyên canh sả, phát triển nghề chưng cất tinh dầu, không những đóng góp phần lớn lượng tinh dầu sả xuất khẩu của nước ta, mà còn nâng cao thu nhập cho các hợp tác xã và ổn định đời sống của những người miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới.

Việc phát triển sản xuất hàng xuất khẩu đã tạo điều kiện cho huyện đưa cơ giới vào nông nghiệp một cách vững chắc và nhanh hơn. Kinh nghiệm thực tế của các huyện vùng đồng bằng Bắc-bộ là cơ giới hóa nông nghiệp phải đi liền với tổ chức và phân công lại lao động, phát triển mạnh ngành nghề. Ở những hợp tác xã sản xuất nhiều hàng xuất khẩu như: Bình-minh (Châu-giang), Thăng-long (Kim-môn), Cồ-am (Vĩnh-bảo), v.v. thu nhập thực tế từ hàng xuất khẩu mỗi năm trên dưới một triệu đồng. Ngoài số tiền trang trải cho trạm máy kéo của huyện, các hợp tác xã này còn mua thêm được nhiều máy cày tay, thực hiện cơ giới hóa trên 80% diện tích canh tác và bảo đảm sức kéo cho việc phát triển vụ đông, gieo trồng ba vụ. Một khi sản xuất hàng xuất khẩu đã mang lại thu nhập ngày công cao (thông thường là gấp hai hoặc gấp ba lần thu nhập ngày công trồng trọt), thì hợp tác xã lại yêu cầu cơ giới hóa nhiều hơn để giảm bớt sức lao động trồng trọt đưa sang sản xuất hàng xuất khẩu; và dựa trên cơ sở đó mà ngày càng nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, nâng cao thu nhập ngày công chung trong hợp tác xã và cải thiện đời

sống xã viên. Hợp tác xã Bình-nguyên (huyện Kiến-xương), tỉnh Thái-bình) năm 1976 còn lo lắng làm thế nào có 10 000 đồng để trả tiền máy kéo trong khi thu nhập ngày công còn thấp. Nhưng sau khi kiên quyết chuyển 200 lao động sang sản xuất hàng xuất khẩu, năm 1978 hợp tác xã đã thu được 32 000 đồng, không những có đủ tiền để trả tiền máy kéo, mà còn nâng cao thu nhập ngày công lên gấp đôi. Năm nay, hợp tác xã Bình-nguyên muốn được cày máy nhiều hơn để rút bớt lao động trồng trọt thêm nữa, để tăng số lao động làm hàng xuất khẩu lên gấp hai lần. Hợp tác xã Xuân-phú (huyện Xuân-thủy, tỉnh Hà-nam-ninh) năm 1977 cũng mới chuyển hơn 200 lao động sang khai thác cỏ và phát triển nghề bện thảm cỏ, dệt chiếu xe đan xuất khẩu, đến nay đã trang trải hết nợ cũ với ngân hàng và có số dư trong tài khoản từ 14 đến 16 nghìn đồng hằng tháng, làm vốn lưu động để mua sắm vật tư cho sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi.

Phát triển sản xuất hàng xuất khẩu không những góp phần tích cực vào việc phân công lại lao động trên địa bàn huyện, góp phần vào việc quản lý lao động, giảm bớt người buôn bán «chạy chợ», mà còn góp phần ổn định trật tự an ninh, nâng cao phúc lợi công cộng và cải thiện đời sống nông dân. Mức sống của nhân dân ở các huyện làm nhiều hàng xuất khẩu như Thường-tín, Châu-giang, Kiến-xương, Kim-sơn, Xuân-thủy, v.v. khá hơn nhiều so với các huyện có cùng điều kiện và hoàn cảnh như vậy, nhưng chưa làm hàng xuất khẩu. Nhiều xã do có tiền thu nhập từ hàng xuất khẩu, cho nên đã xây dựng được hội trường, nhà văn hóa, trường cấp II, nhà trẻ, bệnh xá, xây dựng được hệ thống truyền thanh trong xã.



Kinh tế cấp huyện có nhiều khả năng phát triển sản xuất hàng xuất

khâu. Những khả năng ấy bắt nguồn từ tiềm năng về đất đai và lao động do cấp huyện quản lý. Tuy nhiên, những khả năng ấy còn có nhiều mặt hạn chế. Nhìn chung, bình quân diện tích canh tác của phần lớn các huyện là thấp, hầu như toàn bộ diện tích canh tác đó đều phải dành ưu tiên cho sản xuất lương thực. Diện tích dành cho cây làm nguyên liệu và cây để xuất khẩu còn quá ít. Lực lượng lao động do huyện quản lý dồi dào, song phần lớn số lao động này lại là lao động giản đơn, chưa có tay nghề. Huyện thiếu vốn, công cụ sản xuất, nguyên liệu, vật liệu và tư liệu sinh hoạt..., là những điều kiện cần thiết để sử dụng triệt để lực lượng lao động vào sản xuất.

Xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ, chủ yếu là tự cấp tự túc, huyện chưa có tập quán sản xuất hàng hóa, đặc biệt là sản xuất hàng xuất khẩu; kinh tế huyện chưa có quan hệ bao nhiêu với thị trường cả nước, nhất là chưa được cọ xát với thị trường quốc tế. Chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương, các huyện đã bước đầu quan tâm đến công tác xuất khẩu, đã ra nghị quyết về công tác này, song phần lớn các huyện còn có khó khăn và lúng túng trong tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu.

Để khắc phục những mặt hạn chế và khó khăn nhằm phát huy những khả năng của kinh tế cấp huyện trong việc đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, một số vấn đề chính sau đây cần được Nhà nước quan tâm giải quyết:

Một là, thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng về xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành cấp quản lý toàn diện. Để thúc đẩy quá trình xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện; biến những khả năng xuất khẩu của huyện thành hiện thực, cấp tỉnh phải thực hiện phân cấp quản

lý cho cấp huyện, tạo điều kiện để xây dựng cấp huyện thành *cấp quản lý toàn diện*. Ở Thái-bình, chính nhờ tỉnh đã thực hiện phân cấp quản lý cho cấp huyện, mạnh ^{đảm} giao cho huyện nhiệm vụ, quyền hạn, cơ sở vật chất kỹ thuật, cũng như việc tổ chức, quản lý và kinh doanh hàng xuất khẩu trên địa bàn huyện, cho nên việc sản xuất hàng xuất khẩu ở các huyện được phát triển, làm tăng thu ngân sách cấp huyện. Nhà nước có tạo cho cấp huyện những điều kiện cần thiết để trở thành một cấp quản lý toàn diện, thì huyện mới phát huy được khả năng của mình trong việc đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu.

Vì vậy, trong khi xây dựng kế hoạch từ cơ sở và từ cấp huyện, Nhà nước nên đề cho cấp huyện *thực hiện cân đối xuất nhập khẩu theo một tỷ lệ thích hợp* để một mặt, phát huy ý thức tự lực tự cường trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặt khác làm cho huyện quan tâm nhiều hơn nữa đến trách nhiệm xuất khẩu của mình, tạo điều kiện nhập khẩu vật tư kỹ thuật để xây dựng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

Hai là, thực hiện tốt các chính sách nhằm khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu. Nhà nước vừa ban hành « các chính sách và biện pháp khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu » và « những chính sách khuyến khích sản xuất và lưu thông những mặt hàng tiêu dùng không do Nhà nước quản lý và cung ứng vật tư, hoặc làm bằng nguyên liệu địa phương và phế liệu phế phẩm ». Hai loại chính sách này cũng được thực hiện tốt trên địa bàn huyện sẽ có tác dụng rất to lớn.

Kinh tế trên địa bàn huyện hiện nay bao gồm ba thành phần: quốc doanh, tập thể và tư nhân, trong đó thành phần kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Song ở huyện, những cơ sở sản xuất quốc doanh còn ít:

phần lớn các cơ sở sản xuất của huyện thuộc thành phần kinh tế tập thể và một phần nhỏ thuộc thành phần kinh tế tư nhân. Về quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với các hợp tác xã do huyện quản lý, không có quan hệ nào khác ngoài nghĩa vụ của hợp tác xã đóng góp cho Nhà nước, và quan hệ trao đổi hàng hóa. Hiện nay, Nhà nước mới cung ứng cho các hợp tác xã một số vật tư cần thiết, chủ yếu là để sản xuất lương thực và một số nông sản quan trọng khác. Để khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng trên địa bàn huyện, Nhà nước áp dụng những biện pháp, chính sách đòn bẩy để kích thích sản xuất phát triển như: giá cả, tín dụng, tiền tệ, đầu tư, hợp đồng kinh tế hai chiều.

Các chính sách và biện pháp nhằm khuyến khích các ngành, các địa phương đẩy mạnh sản xuất, tạo ra nhiều nguồn hàng xuất khẩu tuy đã được ban hành từ lâu, nhưng còn rời rạc, chưa hợp thành một hệ thống, trong đó có một số chính sách chưa cụ thể, rõ ràng, đưa đến những cách hiểu khác nhau và khó thực hiện, một số chính sách không còn phù hợp với tình hình mới.

Tình hình ấy đã dẫn đến tình trạng trì trệ trong sản xuất hàng xuất khẩu, làm cho nhiều mặt hàng, đặc biệt là hàng nông sản, lâm sản, hải sản bị giảm sút. Sản xuất hàng xuất khẩu đòi hỏi một quy mô lớn, với trình độ trang bị kỹ thuật cao, chất lượng hàng hóa tốt hơn hàng tiêu dùng nội địa, để bảo đảm yêu cầu của thị trường quốc tế. Nhưng do nhà nước chưa quan tâm thỏa đáng đến việc đầu tư cho sản xuất, chưa cung cấp đủ nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và những phụ tùng cần thiết cho sản xuất, chưa có chính sách giá cả và phương thức thu mua thích hợp để bảo đảm quyền lợi của người sản xuất, cho nên nhiều ngành, nhiều địa

phương, nhiều cơ sở sản xuất không có điều kiện phát triển sản xuất, không bảo đảm thực hiện được chỉ tiêu giao hàng xuất khẩu, làm cho nguồn vật tư xuất khẩu thiếu hụt nghiêm trọng.

Để khắc phục tình hình đó, Nhà nước vừa mới ban hành bản «Quy định về chính sách và biện pháp khuyến khích phát triển sản xuất hàng xuất khẩu», trong đó đề cập đến nhiều vấn đề cơ bản, hợp thành một hệ thống biện pháp đặc biệt có liên quan mật thiết với nhau, nhằm kích thích mạnh mẽ sản xuất hàng xuất khẩu. Các chính sách này bao gồm: chính sách đầu tư để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu; chính sách cung ứng nguyên liệu và vật tư nhập khẩu cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu; chính sách cung cấp lương thực đối với các hợp tác xã sản xuất hàng xuất khẩu; chính sách cho vay ngoại tệ tư bản để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu; chính sách khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với các hợp tác xã và các hộ sản xuất ở những vùng không chuyên canh và những vùng khai thác lâm sản ở tình trạng phân tán; chính sách giá thu mua sản phẩm xuất khẩu; chế độ thuế và bù lỗ đối với các sản phẩm xuất khẩu, chế độ thưởng khuyến khích sản xuất và giao hàng xuất khẩu. Tinh thần cơ bản của các chính sách này là nhằm bảo đảm cho người sản xuất những điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và có nguồn thu nhập thích đáng, cao hơn sản xuất hàng tiêu dùng nội địa. Các chính sách đó thể hiện sự kết hợp đúng đắn lợi ích của Nhà nước với lợi ích của người sản xuất, sự vận dụng các quy luật kinh tế và sử dụng rộng rãi các đòn bẩy kinh tế nhằm làm cho các ngành, các địa phương và mọi người lao động quan tâm tạo ra ngày càng nhiều hàng xuất khẩu với khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ. Rõ ràng, việc thực hiện tốt các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng xuất khẩu

nói trên sẽ làm cho kinh tế cấp huyện phát huy được tiềm lực to lớn của mình để phục vụ xuất khẩu.

Ngày nay, Nhà nước ta đang xây dựng huyện vừa trở thành một cấp quản lý toàn diện, vừa trở thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp. Với vị trí một cấp quản lý kinh tế, huyện cần áp dụng triệt để những chính sách đã ban hành đối với các cơ sở sản xuất để kích thích sản xuất phát triển mạnh mẽ. Trong việc sản xuất hàng xuất khẩu, cấp huyện được Nhà nước cho phép thu vào ngân sách huyện một tỷ lệ doanh lợi nhất định đối với hàng xuất khẩu của huyện; cấp huyện được hưởng một phần quyền sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu, v.v., nhằm bảo đảm mở rộng sản xuất và xây dựng các công trình phúc lợi công cộng trên địa bàn huyện.

Ba là, tăng cường tổ chức ngoại thương ở địa phương, trong đó có cấp huyện.

Xuất khẩu ở nước ta được đẩy mạnh trên cơ sở một nền sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng từ đầu các cơ sở sản xuất, tiến hành gia công, thu mua hàng xuất khẩu ở các địa phương có vai trò quan trọng. Vì vậy ngoài sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương và sự giúp đỡ của các ngành kinh tế trung ương đối với công tác xuất khẩu, cần có sự hoạt động tích cực của tổ chức ngoại thương tại địa phương. Trong thực tế những tổ chức này đã hình thành với chức năng nghiên cứu, làm tham mưu cho cấp tỉnh trong việc xác định phương hướng sản xuất, khai thác nguồn hàng xuất khẩu, đồng thời hướng dẫn, tổ chức sản xuất, tổ chức nguồn hàng và kinh doanh hàng xuất

khẩu. Tổ chức ngoại thương ở địa phương vừa là tổ chức kinh tế trực thuộc Ủy ban nhân dân địa phương, vừa chịu sự quản lý của Bộ ngoại thương về quy hoạch, kế hoạch, chế độ, chính sách, nghiệp vụ theo nguyên tắc quản lý kinh tế ngành.

Trong quá trình phát triển, ngày nay các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu đã tăng lên nhanh chóng, đặc biệt là càng ngày càng có nhiều hợp tác xã nông nghiệp tham gia sản xuất hàng xuất khẩu. Để quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở sản xuất và tập trung nguồn hàng, cần thành lập các tổ chức ngoại thương ở cấp huyện trực thuộc Công ty liên hợp xuất khẩu tỉnh.

Để có thể thực hiện thuận lợi chế độ hạch toán kinh tế, tổ chức ngoại thương ở cấp huyện cần gọn nhẹ, có đội ngũ cán bộ có năng lực nghiên cứu giúp huyện quy hoạch, chỉ đạo sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu. Tổ chức này nên đặt dưới sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện và chịu sự chỉ đạo về kế hoạch, nghiệp vụ của Công ty liên hợp xuất khẩu tỉnh.

Việc xây dựng và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp có quan hệ hữu cơ với việc đẩy mạnh sản xuất, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu. Cán bộ ngành ngoại thương nhận thức rõ mối quan hệ này và có chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức, chính sách, phương thức hoạt động ngoại thương ở địa phương, thì có thể phát huy được những khả năng tiềm tàng của kinh tế huyện trong việc đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Thảo luận

NỀN VĂN HÓA MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Về bản chất của nền văn hóa truyền thống Việt-nam

PHAN-HUY-LÊ

VĂN hóa vốn là một trong những cơ sở tồn tại quan trọng và là nguồn sức mạnh lớn lao của một dân tộc, kết tinh những giá trị vật chất và tinh thần mà dân tộc ấy đạt được trong lao động và đấu tranh. Nền văn hóa truyền thống Việt-nam ra đời và phát triển trong lịch sử lâu dài của đất nước, trong lao động chinh phục thiên nhiên cũng như trong đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Di sản vô giá của nền văn hóa đó cần được nghiên cứu kỹ để kế thừa và phát huy những tinh hoa của nó trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay.

Bản chất của nền văn hóa truyền thống Việt-nam là gì? Vấn đề lý thú nhưng rất phức tạp, còn phải dày công nghiên cứu. Ở đây tôi chỉ xin

nêu lên một số mặt cơ bản của vấn đề.

Văn hóa truyền thống Việt-nam là một nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước.

Những kết quả nghiên cứu khoa học gần đây cho thấy, khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt-nam, là một trong những trung tâm phát sinh sớm của nghề trồng trọt trên thế giới và là quê hương của nghề trồng lúa.

Kinh tế nông nghiệp lấy nghề trồng lúa nước làm chủ đạo từ sớm đã trở thành nền tảng của cuộc sống Việt-nam, của xã hội Việt-nam. Văn minh Sông Hồng cũng như văn minh Đại Việt thực chất là những nền *văn minh nông nghiệp trồng lúa nước*. Dĩ nhiên nghề trồng lúa nước ở đây được kết hợp với nhiều loại cây trồng khác

như các loại rau củ, bầu bí, cây ăn quả... và kết hợp với những nghề phụ như chăn nuôi, đánh cá, thủ công nghiệp gia đình...

Nói đến bản sắc của nền văn hóa truyền thống Việt-nam, trước hết về mặt kinh tế, là nói đến một nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước trong những điều kiện cụ thể của thiên nhiên nhiệt đới gió mùa ở nước ta. Đặc trưng đó in dấu sâu sắc trên toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta, ảnh hưởng rõ rệt đến nếp sống, phong tục tập quán và nhiều nghi lễ cổ truyền của dân tộc ta. Đất và nước là hai yếu tố cơ bản nhất của điều kiện thiên nhiên gắn liền với nghề trồng lúa nước, và cũng vì thế ĐẤT NƯỚC, NƯỚC trở thành những từ nói về quốc gia, xứ sở.

Trước khi văn minh công nghiệp ra đời từ thế kỷ XVIII—XIX với cuộc cách mạng công nghiệp, văn minh nông nghiệp là loại hình văn minh ổn định và bền vững nhất.

Nông nghiệp trồng lúa nước của ta ngày xưa gồm lối làm ruộng rẫy ở vùng đồi núi và lối làm ruộng nước ở đồng bằng. Hình thái canh tác thứ nhất còn ít nhiều mang tính chất du canh du cư. Hình thái canh tác thứ hai là chủ yếu, thì rất ổn định và bền vững. Cơ sở kinh tế này là một yếu tố quan trọng cấu thành tâm lý và ý thức bầm đất, bầm ruộng, bầm làng của người nông dân Việt-nam, ngay cả khi thiên tai, địch họa gây ra nhiều khó khăn, thử thách. Trong hơn nghìn năm Bắc thuộc hầu như không có hiện tượng người Việt di cư, phiêu bạt ra nước ngoài. Trường hợp bị bắn cùng phá sản, thì những người nông dân đó cũng men theo sông nước, tìm đến những vùng đất hoang để khai phá, làm ăn, xây dựng cuộc sống ổn định trên quê hương mới, góp phần mở mang đồng ruộng, xóm làng và đất nước.

Cơ sở nông nghiệp trồng lúa nước giải thích nhiều sắc thái và là một gốc

rễ của nền văn hóa truyền thống Việt-nam. Nhưng cũng phải nói thêm, sau khi nền đại công nghiệp cơ khí ra đời thì về trình độ phát triển, văn minh nông nghiệp cổ truyền dựa trên nền tảng sản xuất thủ công, cá thể, đã biểu thị tính chậm tiến và lạc hậu của nó. Điều đó bắt đầu xảy ra trong lịch sử nước ta từ thế kỷ XVIII—XIX vào giai đoạn tan rã của chế độ phong kiến và càng trở nên nghiêm trọng hơn nữa dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Ngày nay, bằng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền kinh tế mới, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa chúng ta mới có thể khắc phục được hậu quả nặng nề đó của lịch sử.

Văn hóa truyền thống Việt-nam mang tính nhân dân sâu sắc.

Xét theo bản chất giai cấp và xu thế lịch sử, luận điểm « hai thứ văn hóa trong mỗi nền văn hóa dân tộc » của Lê-nin là hoàn toàn đúng đối với nền văn hóa truyền thống Việt-nam. Mặt khác, nền văn hóa truyền thống Việt-nam có con đường phát triển đặc thù của nó, do những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử sau đây quy định :

Thứ nhất, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, trước hết là trong cuộc đấu tranh chế ngự thiên tai và chiến thắng giặc ngoại xâm, nổi bật vai trò chủ động và định đoạt của nhân dân.

Thứ hai, trong lịch sử Việt-nam, quan hệ nô lệ có tồn tại và phát triển mức độ nào đó dưới dạng chế độ nô tỳ, nhưng chưa bao giờ chiếm địa vị chủ đạo trong xã hội. Việt-nam không trải qua một thời kỳ thống trị của chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ bóc lột tàn bạo nhất, chà đạp một cách thô bạo nhất cuộc sống và phẩm giá con người.

Thứ ba, trong thời kỳ phong kiến. Việt-nam không có một giai đoạn thống trị của kinh tế lãnh địa với quan hệ lãnh chúa — nông nô như các nước

phương Tây. Ở ta, chế độ phong kiến tập quyền ra đời sớm gắn liền với yêu cầu thống nhất quốc gia, thống nhất dân tộc cho nên *khuyh hướng chuyên chế bị hạn chế và không nặng nề như ở nhiều nước phương Đông khác*.

Thứ tư, tuyệt đại đa số nhân dân ta ngày xưa là nông dân sống gắn bó trong *làng xã cổ truyền dựa trên kết cấu công xã nông thôn*, bảo tồn được nhiều tính tự trị và quan hệ dân chủ công xã. Vào giai đoạn suy tàn của chế độ phong kiến, cơ cấu công xã bị hủy hoại dần và trong đời sống làng xã nảy sinh nhiều yếu tố tiêu cực. Tuy vậy, những truyền thống đẹp đẽ của công xã vẫn được nông dân gìn giữ và phát huy trong lao động và đấu tranh.

Do những điều kiện và hoàn cảnh lịch sử như trên, nền văn hóa truyền thống Việt-nam có cội rễ sâu xa trong đời sống và vai trò của nhân dân, thể hiện *tinh thần dân sâu sắc*. Có thể nói, thực chất của văn hóa truyền thống và cơ sở chủ yếu của văn hóa dân tộc là văn hóa dân gian.

Nền văn hóa thời đại dựng nước mà tiêu biểu là văn hóa Đông-sơn, trong tinh hình phân hóa xã hội chưa gay gắt lúc đó, phản ánh sức vươn lên mạnh mẽ của con người. Ở đây chưa thấy rõ dấu ấn giai cấp và chưa thể phân biệt được hai dòng văn hóa: dân gian và chính thống.

Nền văn hóa Thăng-long thời Lý. Trần phát triển trong điều kiện thống trị của chế độ phong kiến, dĩ nhiên mang tính giai cấp, nhưng ở thời này cũng còn khó phân ranh giới rạch ròi giữa văn hóa chính thống và văn hóa dân gian. Văn hóa dân tộc lúc đó nở rộ trên nền tảng rộng lớn và phong phú của văn hóa nhân dân.

Từ thời Lê, nhất là từ đời Lê-Thánh-Tông trở đi, văn hóa chính thống của giai cấp phong kiến càng ngày càng tách ra và đối lập với văn

hóa dân gian. Nhưng cũng từ đó, văn hóa chính thống mất dần sức sống của nó, xa rời nhân dân, xa rời dân tộc và có xu hướng rập theo những mẫu hình giai cấp của phong kiến nước ngoài. Trong lúc ấy, văn hóa dân gian tuy có bị kìm hãm nhưng vẫn bảo tồn sức sống mãnh liệt của nó và tiêu biểu cho những giá trị chân chính của văn hóa dân tộc. Sự trỗi dậy của văn hóa dân gian cùng với những cơn bão táp đấu tranh của quần chúng, mà lúc bấy giờ chủ yếu là chiến tranh nông dân, là cơ sở có ý nghĩa quyết định của những thành tựu văn hóa dân tộc thời cuối Lê đầu Nguyễn.

Với tính nhân dân sâu sắc, nền văn hóa truyền thống vừa bám rễ vững chắc trong cuộc sống của nhân dân, vừa chung đúc nên nhiều *giá trị dân chủ và nhân đạo*. Đặc điểm này cũng ảnh hưởng đến một sắc thái của nền văn hóa truyền thống là bình dị, mộc mạc, tươi mát nhưng có phần yếu về mặt trừu tượng, khái quát, lý luận.

Văn hóa truyền thống Việt-nam có tính dân tộc đậm đà.

Tính dân tộc của nền văn hóa Việt-nam phát triển sớm và mạnh mẽ. Từ khi nước Văn-lang ra đời đến nước Việt-nam ngày nay, *dân tộc ta sinh tồn và phát triển trong hoàn cảnh phải chống ngoại xâm gần như thường xuyên*, phải đương đầu với những thế lực bành trướng lớn mạnh ở phương Đông và trên thế giới. Trong lịch sử, dân tộc ta đã từng trên hai chục thế kỷ đấu tranh liên tục chống nạn bành trướng của các triều đại phong kiến Trung-quốc, từ đế chế Tần đến triều Mãn Thanh. Tiếp theo đó, trên một thế kỷ vừa qua, dân tộc ta phải chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc, từ đế quốc Pháp, phát-xít Nhật đến đế quốc Mỹ. Ngày nay, dân tộc ta lại phải cầm súng đương đầu với bọn bành trướng xâm lược Bắc-kinh.

Cuộc chiến đấu vì độc lập tự do, đánh bại những kẻ thù lớn mạnh, đã tôi luyện nên nhiều phẩm giá dân tộc

và ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của nền văn hóa dân tộc.

Mặt khác, một đặc điểm lịch sử quan trọng nữa tác động đến tính dân tộc của nền văn hóa truyền thống là *sự hình thành sớm của dân tộc Việt-nam* do yêu cầu khắt khe quan và bức thiết của sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Có thể nói, trong lịch sử Việt-nam, quá trình dựng nước và giữ nước cũng là quá trình từng bước hình thành dân tộc, và đến thời Lý - Trần - Lê, Đại-việt không những là một quốc gia tập quyền, thống nhất, mà còn là một cộng đồng dân tộc đã trưởng thành về nhiều phương diện.

Tính dân tộc đậm đà là một đặc điểm lớn tạo thành nhiều giá trị của nền văn hóa truyền thống Việt-nam, tiêu biểu là: *chủ nghĩa yêu nước, linh thần độc lập tự chủ, truyền thống đoàn kết dân tộc...* Sự thống nhất trong tính đa dạng của nhiều thành phần dân tộc còn tạo nên sự *phong phú nhiều hình nhiều vẻ của nền văn hóa dân tộc.*



Nền văn hóa truyền thống Việt-nam, từ trong bản chất của nó, đã biểu hiện một sức sống bền bỉ có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử và cuộc sống của nhân dân ta. Đó là một *nền văn hóa có bản lĩnh, bản sắc rõ rệt, đúc kết được nhiều giá trị phản chiếu sức*

manh và đạo lý dân tộc. Nó vừa có khả năng đề kháng mạnh mẽ chống lại mọi mưu đồ đồng hóa của kẻ thù, vừa có thể hấp thụ dễ dàng những cái hay, cái đẹp của các nền văn hóa bên ngoài.

Nhưng mặt khác, nền văn hóa truyền thống của ta cũng bộc lộ những hạn chế của nó. Đó là những yếu tố phi nhân dân, phi dân tộc do giai cấp phong kiến vay mượn làm công cụ thống trị (hệ tư tưởng Nho giáo chẳng hạn) đã để lại những ảnh hưởng trong nhân dân. Đó còn là những yếu tố do chính kết cấu kinh tế - xã hội bên trong tạo nên và đến một bước phát triển nào đấy thì trở thành lỗi thời.

Nói chung, những giá trị văn hóa truyền thống của ta *chưa được tổng kết và nâng cao về mặt lý luận.*

Ngày nay, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và trên lập trường của giai cấp công nhân hiện đại, chúng ta *nghiên cứu lại toàn bộ di sản văn hóa dân tộc và làm công việc tổng kết đầu tiên trong lịch sử.* Qua đó, từ bản chất của nền văn hóa truyền thống, chúng ta thấy hết những mặt hạn chế để khắc phục, và chủ yếu là phát hiện những giá trị, những tinh hoa đã từng tạo nên phẩm giá và sức mạnh của dân tộc để kế thừa và phát huy, góp phần xây dựng nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Bàn thêm về cội nguồn lịch sử của đặc điểm văn hóa Việt-nam

HÀ-VĂN-TẤN

TRƯỚC hết, hãy nói về *đặc điểm.* Hiện nay, đã có nhiều người trong chúng ta nêu lên nhiều đặc

điểm của văn hóa truyền thống Việt-nam. Chẳng hạn: *giữa người và người, sống có tình nghĩa thủy chung;*

trong nhà, người mẹ, người vợ có vị trí quan trọng; trong xã hội, quan hệ họ hàng làng xóm được coi trọng, v.v. Người ta còn nói đến tính bình dị, chân chất hay thông minh, hóm hỉnh trong ca dao, trong tranh làng lữ hay trên những bức chạm gỗ dân gian, v.v. Và đề làm nổi bật các đặc điểm văn hóa Việt-nam, nhiều người đem so sánh nó với văn hóa Hán đã bao phen mưu toan đồng hóa, Hán hóa nó đi mà không được.

Vấn đề được đặt ra là cội nguồn của những đặc điểm văn hóa truyền thống Việt-nam được nêu lên đó là gì? Hiện đã có một số cách giải thích.

Chẳng hạn, một số người đã muốn gán các đặc điểm văn hóa truyền thống Việt-nam với nền nông nghiệp trồng lúa nước. Vì trồng lúa nước, làng ra đời sớm. Vì trồng lúa nước, vai trò người phụ nữ lớn, v.v. Cách giải thích như vậy, nhìn chung có nhiều điểm có thể chấp nhận, nhưng chỉ nhấn mạnh điều này, e rằng phiến diện. Ta không phủ nhận vai trò to lớn của các phương thức canh tác nông nghiệp — đó cũng là một phần của văn hóa nghĩa rộng — đối với sự hình thành đặc điểm văn hóa dân tộc. Nhưng nên nhớ rằng, giữa các dân tộc trồng lúa nước, đặc điểm văn hóa rất khác nhau. Sau nữa, những đặc điểm như vị trí xã hội của nam hay nữ gắn liền với điều kiện lịch sử xã hội hơn là điều kiện canh tác. Không phải ở cư dân trồng lúa nào, địa vị người phụ nữ cũng cao.

Theo tôi nghĩ, cần tìm cội nguồn các đặc điểm văn hóa truyền thống Việt-nam trong các điều kiện lịch sử của dân tộc.

Tất cả những đặc điểm độc đáo và ưu tú của văn hóa truyền thống Việt-nam thường được kết tinh ở đâu? Sẽ dễ dàng thấy rằng đó là ở nền văn hóa làng xóm và cũng là nền văn hóa dân gian. Cũng dễ hiểu thôi, trong một nền văn hóa thì văn hóa của

những người lao động mang nhiều yếu tố tiên bộ.

Nhưng cũng nên nhớ rằng, trong một thời gian dài của chế độ phong kiến Việt-nam, nền văn hóa cung đình cũng rất gần gũi với văn hóa làng xóm. Chẳng hạn, ngay đến thời Trần, sử vẫn chép là vua đi xem vật, xem múa rối, xem bơi chải; sau bữa yến ở cung đình, vua tôi đang tay nhau mà hát, bên cạnh người đội mo nang, tay cầm cái dùi làm tấu lệnh... Vì gần làng xóm cho nên có yếu tố dân chủ. Hội nghị Diên-hồng không phải ngẫu nhiên mà có. Sang thế kỷ XV, các «đường mới» do Nho giáo dựng lên mới đủ chặt chẽ và mới làm cho hai nền văn hóa trong một văn hóa thật sự cách biệt nhau. Nhưng tất nhiên cái văn hóa xóm làng kia vẫn sống mạnh mẽ, và cũng như trước, làm nơi bảo tồn các đặc điểm tiêu biểu của văn hóa dân tộc.

Đề hiểu văn hóa Việt-nam, phải hiểu được văn hóa làng xóm Việt-nam. Mà muốn hiểu được văn hóa làng xóm Việt-nam, phải hiểu được tính chất và cội nguồn làng xóm Việt-nam. Vấn đề này quá lớn, ở đây tôi chỉ xin trình bày một điểm.

Ái cũng biết công xã nông thôn không phải là công xã nguyên thủy nhưng bắt nguồn từ công xã nguyên thủy, mang nhiều tính chất của công xã nguyên thủy, như sự tồn tại của tính cộng đồng, và do đó, tính dân chủ. Lý luận chung là như vậy nhưng đặc điểm của công xã nông thôn, ở những nơi mà chúng còn tồn tại, không giống hẳn nhau, vì còn tùy thuộc các điều kiện lịch sử ở những vùng đó.

Ở Việt-nam, Nhà nước đã hình thành vào thời kỳ Hùng-Vương, hay cụ thể hơn, là vào giai đoạn văn hóa Đông-sơn. Nhưng Nhà nước đó mới ở dạng phôi thai. Giai cấp phân hóa chưa thật rõ ràng, các kết cấu của quan hệ cộng đồng nguyên thủy trong xã hội vẫn bảo lưu đậm nét. Nếu lịch sử Việt-nam trôi chảy bình thường,

thì những quan hệ cộng đồng đó hiển nhiên sẽ phân hủy hết. Nhưng ở đây lại không thế, Nhà nước mới hình thành, dân tộc mới kết tụ thì đã phải chống lại sự bành trướng của người Hán một cách dai dẳng, liên miên. Thế là, quan hệ cộng đồng đáng lẽ giải thể thì lại phải cố kết lại. Cố kết lại để sống. Nói rằng một nghìn năm Bắc thuộc, *mất nước nhưng không mất làng*, và sau đó, *ta lại là ta*, chính là nói cái sức mạnh cộng đồng này. Và vì cuộc đối đầu Việt - Hán vẫn tiếp tục, cho nên cái cộng đồng làng xóm đó vẫn phát huy tính tích cực của nó. Các làng chiến đấu và những đội dân binh nổi lên từ các hương ấp thời Trần trong cuộc kháng chiến chống Nguyên chẳng phải là minh chứng cho điều này đó sao?

Như vậy, nghĩ cho cùng, một bộ phận lớn các đặc điểm độc đáo và ưu tú của văn hóa truyền thống Việt-nam là có nguồn gốc từ cộng đồng nguyên thủy.

Ta ca tụng tính cộng đồng làng xóm, tính bình đẳng dân chủ, ca tụng sự đề cao vai trò phụ nữ, ca tụng cái chất phác tươi mát của tranh dân gian, v.v. mà lại không muốn dính líu đến những quan hệ nảy sinh từ thời nguyên thủy thì không được. Mà có gì đáng ngại! Ăng-ghe-nô nói: "Tổ chức thị tộc, ít nhất là trong những nước mà công xã mác-cơ còn được duy trì... đã chuyển dần dần, một cách không trông thấy, thành một tổ chức có tính chất địa vực, và do đó mà có cái khả năng thích ứng với Nhà nước. Tuy vậy, tổ chức thị tộc vẫn giữ được tính chất dân chủ đã được hình thành một cách tự nhiên, một đặc trưng của mọi chế độ thị tộc, và ngay cả về sau này, khi nó đã buộc phải mang một hình thức thoái hóa, nó vẫn bảo tồn được những yếu tố đầy sức sống của chế độ đó, cho mãi đến thời kỳ gần đây nhất, và do đó, nó vẫn còn là một vũ khí ở trong tay những người bị áp bức" (1).

Rõ ràng, sức sống của văn hóa làng xóm chính là thừa hưởng được của thời kỳ nguyên thủy, của chế độ thị tộc.

Nhưng mặt khác, vấn đề quan trọng là từ điều kiện lịch sử, nêu ra được đặc điểm của văn hóa - đồng thời đánh giá chính xác nó - để phục vụ cho việc xây dựng một nền văn hóa mới.

Trong công việc xây dựng một nền văn hóa mới, một nhiệm vụ quan trọng là loại trừ những nhược điểm và khuyết điểm của nền văn hóa đã có. Nhưng "vết hoen ố" này có nhiều nguồn gốc, hoặc xã hội, hoặc giai cấp, hoặc là cả hai. Các giai cấp thống trị cũ đưa vào văn hóa không biết bao nhiêu là thói xấu, tục xấu, tư tưởng xấu, kể cả những vũ khí tinh thần mà các giai cấp này mượn từ bên ngoài, đặc biệt là *Nho giáo*. Người lao động cũng bị ảnh hưởng không phải ít. Phương thức sản xuất cũ, chế độ tư hữu, sự phát triển chậm chạp của khoa học kỹ thuật cũng có dấu ấn lên văn hóa.

Đó là nói những cái xấu. Nhưng khi nói về những cái tốt, mà nhấn mạnh đến *nguồn gốc nguyên thủy*, là tôi muốn chúng ta chú trọng hơn đến phương pháp phát huy truyền thống. Nói đến *tính nguyên thủy* là muốn nói ngay trong cái hay, cái đẹp, cũng có một hạn chế của nó. Ví dụ, ta ca tụng vẻ đẹp tranh dân gian là đúng, nhưng phải thấy cái thô sơ, cái vụng về thậm chí ngô nghê của nó chứ. Giáo dục thẩm mỹ dân tộc nhưng cũng phải kết hợp giáo dục thẩm mỹ hiện đại. Một ví dụ khác: có người nói văn hóa phương Tây là duy lý, văn hóa Hán là duy lý, còn ta thì "duy" cả lý lẫn tình. Cả lý cả tình thì tốt quá, nhưng thực tế, nhiều khi ta quá nặng tình hơn lý. Hơn nữa, cái cách tư duy của

(1) Ăng-ghe-nô: *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, trang 251.

người Việt-nam ta, nhìn chung thiên về tư duy cụ thể, nhẹ về tư duy trừu tượng, phương pháp quy nạp thích hợp hơn là phương pháp diễn dịch... Cứ nhìn vào lịch sử lâu dài của ta, cũng thấy nhà hành động thì nhiều, nhà lý luận, nhà triết học thì ít... Những đặc điểm đó không phải không có nguyên nhân lịch sử.

Nói lịch sử của dân tộc ta, — ở đây là lịch sử văn hóa Việt-nam ta — trước hết và chủ yếu là nói đến những

truyền thống tốt đẹp, anh hùng của hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước. Những truyền thống ấy ngày nay vẫn đang cùng ta đánh giặc bành trướng Trung-quốc xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Nhưng đồng thời cũng phải thấy cả cái ảnh hưởng nặng nề của quá khứ trong hiện tại. Và nhìn vào cái cũ là đề xây dựng cái mới, xây dựng nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa, của Việt-nam.

Cội nguồn và bản sắc của văn hóa Việt-nam

TRẦN-QUỐC-VƯƠNG

CÓ nhiều loại hình văn hóa. Mỗi nền văn hóa có con đường khác nhau để vươn tới nền văn minh hiện đại. Chúng tôi hiểu *văn minh* là sự tiến bộ chung về vật chất và tinh thần của một xã hội, hay của chung toàn nhân loại, thể hiện trên ba phương diện mà Đảng ta đã vạch ra : làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân.

Còn *văn hóa* là sự biến đổi tự nhiên của từng cộng đồng người nhất định. Một môi trường thiên nhiên nhất định đặt ra trước một cộng đồng người những *thách thức*. Văn hóa là *phản ứng*, là sự *trả lời* của một cộng đồng người trước những thách thức đó. Văn hóa là *thề ừng xử tập thể* (hay công thể) (*comportement collectif*) của một cộng đồng người, là *lối sống* của một cộng đồng người, của một xã hội.

Giá trị của mỗi nền văn hóa là *giá trị nội tại*. Cho nên, chỉ có thể đánh giá một nền văn hóa dựa theo hiệu quả hay thất bại của nó trước những thách thức đặt ra trước nó. Không thể lấy một nền văn hóa này làm tiêu chuẩn để xét định một nền văn hóa khác. Quan điểm « dĩ hạ biến dĩ », chủ trương « giáo hóa » các « man tộc » bằng văn hóa Trung nguyên, thực chất chỉ là thứ chủ nghĩa « dân tộc trung tâm » (*ethnocentrisme*). Từ đó dễ ra chủ nghĩa bá quyền bành trướng và rất dễ đi tới chỗ diệt tộc (*génocide culturel*).

Nếu hiểu kỹ thuật và tiến bộ kỹ thuật là một biểu hiện của văn minh thì Việt-nam ta có câu ngạn ngữ mới rất có ý nghĩa : « *kỹ thuật là khóa, văn hóa là chìa* ». Chìa nào vừa khóa này !



Xưa nay, đây đó lưu hành một lối nhìn: văn hóa Việt-nam chỉ là một dạng địa phương của văn hóa Trung-quốc, Việt-nam nằm trong cộng đồng văn hóa và văn minh Trung-hoa! Thậm chí còn coi Việt tộc chỉ là « Hán tộc nam chi »!

Nhưng còn có một dòng chảy nhận thức vốn có từ nghìn xưa, chỉ ít là từ thời kỳ phục hưng của dân tộc, đã khơi nguồn với quan điểm « Nam quốc sơn hà » của Lý-Thường-Kiệt, và định hình nơi nhà trí thức lớn Nguyễn-Trãi: « vốn tự xưa bờ cõi đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác ».

Hãy tiếp nối khơi sâu dòng chảy nhận thức này bằng cách *đối chiếu* — chứ không hề là *đối chọi* — giữa hai nền văn hóa Việt-nam và văn hóa Trung-quốc để thấy sự khác nhau về cội nguồn và về bản sắc giữa hai nền văn hóa đó, giữa hai lối sống, hai thế ứng xử khác nhau.

Quê hương buổi đầu của người Việt là lưu vực sông Hồng thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa, ẩm ướt, đất phù sa màu mỡ.

Quê hương buổi đầu của người Hoa là lưu vực Hoàng-hà thuộc vùng khí hậu đại lục, đất hoang thổ.

Nông nghiệp Trung-hoa là nghề trồng khô. Cây lương thực chủ yếu là *tiêu mễ* (kê), cao lương, mạch,

Nông nghiệp Việt-nam là nghề trồng nước. Cây lương thực chủ yếu là *lúa nước* và các loại cây có củ (khoai).

Từ trời khác, đất khác cho nên người và văn hóa cũng khác!

Người Việt *ăn cơm* (từ đó đẻ ra *đôi đũa*). Người Hoa *ăn cháo kê* và *bánh* (màn thầu).

Người Việt *cổ chít khăn*, đóng khố, mặc váy, đi đất. Người Hoa *cổ đội mũ*, mặc quần, đi giày vải.

Người Việt *cổ ở nhà sàn*, sáng tạo *loạt hình nhà mái cong* cho toàn cõi Viễn-dông mô phỏng. Người Hoa *cổ ở nhà hầm*, đào xuống đất hay ở nhà đất bằng (chết).

« Nam Việt sào cư, Bắc sóc huyết cư » (*Bác vật chí*).

— Người Việt *cổ đào ao*, người Hoa *cổ đào giếng*.

— Người Việt *cổ ưa dùng thuyền bè, voi*. Người Hoa *cổ dùng xe cộ, ngựa*.

— Người Việt *cổ sáng tạo ra nô* và *ưa dùng nô*. Người Hoa *cổ dùng cung hai cánh*.

Người Việt *cổ ưa dùng trống đồng và cồng*, người Hoa *cổ ưa dùng chuông và khánh*.

— Người Việt *cổ thối sáo* (ngang) và *khèn*. Người Hoa *cổ thối liêu* (độc), v.v. và v.v.

Khi có Nhà nước thì văn hóa lỏng trong cơ cấu văn minh mà phát triển. *Cơ cấu văn minh Việt-nam và văn minh Trung-hoa cũng khác nhau về cơ bản*.

Cơ cấu văn minh Việt-nam là một cơ cấu văn minh thuần nông nghiệp trong đó *trồng trọt gắn liền với chăn cá* là căn bản, tuy cũng có *chăn nuôi nhô* (chó, lợn, gà...). Đại gia súc là *trâu* (có ít bò) và *voi* chỉ để kéo, cưỡi và tải đồ. Ít ăn thịt đại gia súc và thịt thà nói chung cũng như sữa, bơ. Cơ cấu bữa ăn của người Việt là *cơm* và *cá* (còn cha, ăn cơm với cá...).

Cơ cấu văn minh Trung-hoa, nhất là từ đời Chu trở đi, tuy cũng là văn minh nông nghiệp nhưng đã tập nhiễm mạnh và sâu *văn minh du mục*: phát triển *chăn nuôi đại gia súc* (ngựa, như Tẩn — Tẩn). Lấy *xe ngựa* làm độ số chỉ sức mạnh một quốc gia (nước trăm xe, nước nghìn xe...).

Văn minh Việt-nam dựa trên *xóm làng* là tế bào cơ bản. Văn minh làng xóm, *văn minh đình làng* mang tính thần chơn hòa, dân chủ chơn đình trung. Từ đó ý thức *dân chủ* và *nhân chủ*, được đề cao. Cho nên về mặt kỹ thuật, và văn hóa vật chất có thể là *thấp*, nhưng trên bình diện ý thức, tư tưởng lại là *cao*.

Văn minh Trung-hoa từ đời Thương và nhất là từ đời Chu tách bạch ra *thôn trang* và *thành thị*. Giai cấp thống

trị (vương, công, sau, là hoàng đế và công hầu) ở trong các thành thị, và xây dựng một nền văn hóa để vương. Văn minh đó đề cao vai trò *thủ lĩnh*, coi trọng chuyên chế, áp đặt, *bá quyền*. Cho nên về mặt kỹ thuật, văn hóa vật chất có thể là *cao*, song trên bình diện ý thức, tư tưởng như vậy lại là *thấp*.

Sau thời kỳ chống ách đô hộ phương Bắc và phục hưng độc lập dân tộc, trong gần một nghìn năm, chữ Hán — Việt chiếm vai trò thống trị trong nước Đại Việt. Các triều đại phong kiến Việt-nam không xây dựng nổi một nền văn hóa để vương Việt-nam. Sinh hoạt văn hóa cung đình hoặc là sự mô phỏng văn hóa xóm làng, hoặc có mặt mô phỏng văn hóa Trung-hoa. Bởi vậy chủ thể của văn hóa Việt-nam vẫn là văn hóa dân gian. Ở Việt-nam, *tinh dân tộc* (national) và *tinh dân gian* (populaire) của nền văn hóa gắn chặt với nhau.

Cũng từ khi có nước, Việt-nam và Trung-hoa có hai hướng đi lên khác nhau:

— Ở Việt-nam, nước bao trùm lên làng, làng bao trùm lên họ hàng; nhưng « họ hàng — làng — nước » xoắn xuýt với nhau trong một thể thống nhất hữu cơ, hòa hợp với nhau mà không phải là đồng nhất.

Làng Việt-nam cổ truyền có khía cạnh tương đối bình sản (ruộng công và chế độ quân cấp ruộng công), và tương đối bình quyền. Các « gia đình hạt nhân » ra đời sớm, hình thành hệ thống phe giáp theo bậc tuổi. Tuy làng Việt-nam cổ rất « trọng xỉ », song người già không nắm quyền quản trị phe giáp. « Lớn lão » là thời vai trò quản lý, « mũ ni che tai ». Linh hồn và trụ cột của làng xóm thuộc về trung niên (trước tuổi 40).

Mặt khác, xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, vai trò của phụ nữ tiếp tục được đề

cao. Nguyên lý *MẸ* xuyên suốt lịch sử lâu dài của văn minh Việt-nam.

Làng Trung-hoa cổ, từ đời Tần: tư hữu ruộng đất ra đời sớm. Địa chủ, hào cường xuất hiện sớm. Quyền quản trị làng thuộc về những người cao tuổi, thuộc lớp tộc trưởng và gia trưởng. Nguyên lý *CHA* lấn át nguyên lý *MẸ*.

« Phép vua thua lệ làng », « đất lề, quê thói » (Hương ước), làng Việt-nam như một « tiểu bang », nước là một « liên bang ». Tính tập quyền không cao và không lấn át được hẳn quyền dân chủ đình trung (démocratie paysanne). Bởi vậy văn hóa Việt-nam mang diện mạo, sắc thái *văn hóa xóm làng* (culture villageoise).

Ở Trung-quốc, từ Tần, Hán trở đi, hệ thống vua quan, chế độ quận huyện lấn át hẳn các thôn trang. Vương quyền, đề quốc được đề cao; tính chất tập quyền chuyên chế lấn át quyền dân chủ nông dân. Vì vậy, văn hóa Trung-quốc mang diện mạo, sắc thái *văn hóa để vương* (culture impériale).

— Ở Việt-nam, *nhà nước* gắn với *dân tộc*. Dân tộc Việt-nam, như đã nói, hình thành sớm và nhà nước cũng sớm khoác diện mạo dân tộc (Etat — Nation). Từ đó dựng nước đi đôi với giữ nước và cột trụ tư tưởng Việt-nam là lòng yêu nước, là ý thức độc lập, tự chủ, là ý thức dân tộc. *Hệ ý thức ấy là cốt lõi của văn hóa Việt-nam*.

Một mặt, đối nội, nó phải chống trả với tư tưởng bộ lạc sau chuyên hóa thành tư tưởng cát cứ, sứ quân. Mặt khác, đối ngoại, nó phải chống trả với tư tưởng bành trướng, bình thiên hạ, bá quyền nước lớn.

Ở Trung-quốc, Nhà nước trung ương tập quyền ra đời sớm và gắn với *để chế*. Từ Tần Hán trở đi, Trung-quốc là một đế chế chứ không phải là một dân tộc, và nhà nước sớm

mang diện mạo dễ quyền. Từ đó: *dựng nước đi đôi với bành trướng* và cội trụ tư tưởng Trung-quốc, hệ ý thức chiếm vai trò thống trị là *tư tưởng bành trướng hạ*, coi Trung-quốc là cả thiên hạ, ý thức Trung-quốc là trung tâm vũ trụ, trung tâm thế giới (中), người Hán là tinh hoa vũ trụ (华二花), còn các nơi khác, các dân tộc khác là thấp kém (man di, nhưng dịch)...

Chính từ đó ở Việt-nam, nền tảng tư tưởng văn hóa là *sự dung hóa*, là *sự hòa đồng* văn hóa, mà một biểu hiện là sự *khoan dung* về tín ngưỡng, tôn giáo. Lối sống tinh thần cũng như vật chất là một nếp sống *thâu hóa* (intégration) đậm nét dung nạp, thể nhập và tích hợp hơn là hủy diệt; là một lối sống có « nét gấp đôi » về văn hóa, một thứ lưỡng — nhất tính, một quan cảm « nước đôi » (theo nghĩa đẹp), song hành. Đó là sự hòa hợp giữa:

— Đất với nước (non sông, đất nước)

— Tiên với rồng (con rồng — cháu tiên)

— Nhà với nước (Nhà nước)

— Làng với nước (làng nước)

— Mẹ với cha (bố cái)

— Vợ với chồng (vợ chồng)

— Vương với tròn (vua tròn)

— Bánh chưng — bánh dày (đi cặp đôi)

— Tinh với lý (hợp tinh hợp lý, có lý, có tình), v.v.

Lối sống Việt-nam — tức là văn hóa Việt-nam — là một lối sống mềm dẻo, thích hòa hợp, biết mình biết

người, biết điều hòa trên các sắc thái, rất ghét lối sống « một cục, một đồng », cứng nhắc và lỗ bịch.

Nhân dân Trung-quốc có nền văn hóa Trung-quốc. Nhân dân Việt-nam có nền văn hóa Việt-nam: đối chiếu hai nền văn hóa dễ thấy sự khác nhau và dễ thấy rõ tính độc lập của văn hóa Việt-nam, hoàn toàn không nhằm mục đích so sánh bên nào hơn, bên nào kém.

Biết về một nền văn hóa Việt-nam, biết về một lối sống Việt-nam chính là dễ hiểu rõ « ta là ai » và dễ phát huy sức mạnh của cội nguồn, bản sắc văn hóa của ta.

Ra sức phát triển...

(Tiếp theo trang 57)

thụ hàng của hợp tác xã và kinh tế cá thể thì tùy theo tính chất của sản phẩm và nguồn cung cấp nguyên liệu của Nhà nước mà phân làm ba loại: loại tiêu thụ toàn bộ qua thương nghiệp, loại tiêu thụ một phần qua thương nghiệp và loại tự sản, tự tiêu



Trong tình hình hiện nay, làm tốt được các việc nói trên, nhất định chúng ta sẽ đưa công nghiệp địa phương phát triển lên một bước mới, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí F.N. Ra-di-ô-nốp không còn nữa !

Đồng chí F. N. Ra-di-ô-nốp, Vụ trưởng Bộ biên tập Tạp chí **Người cộng sản** (Liên-xô) sang thăm Việt-nam theo lời mời của Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản** từ ngày 13-10-1979. Trong thời gian ở thăm Việt-nam, đồng chí đã làm việc rất tích cực. Lúc sắp kết thúc đợt công tác ở Việt-nam, đồng chí lâm bệnh nặng. Mặc dù được các bác sĩ và y tá Việt-nam và Liên-xô hết lòng chăm sóc, cứu chữa, đồng chí đã từ trần hồi một giờ ba mươi phút ngày 26-10-1979 tại bệnh viện hữu nghị Việt — Xô.

Lễ truy điệu đồng chí F.N. Ra-di-ô-nốp đã được cử hành ngày 27-10-1979 tại Hà-nội.

Thực chất phản động của chủ nghĩa Mao

(Tiếp theo trang 47)

chính vô sản, hoặc là thiết lập chủ nghĩa tư bản với chuyên chính tư sản. Không thể có con đường thứ ba. Cái gọi là « xã hội dân chủ mới » của Mao-Trạch-Đông trong thực tế sẽ không thể là cái gì khác ngoài xã hội tư bản; còn « chuyên chính liên hiệp của bốn giai cấp », trong thực tế sẽ không thể là « hình thức Nhà nước thuộc loại thứ ba » như Mao nói mà chỉ có thể là chuyên chính tư sản. « Chủ nghĩa dân chủ mới » của Mao-Trạch-Đông thật ra không đi xa hơn « chủ nghĩa tam dân » của Tôn-Trung-Sơn, nó chưa ra khỏi khuôn khổ hệ tư tưởng chính trị tư sản. Hơn nữa, nếu như từ « chủ nghĩa tam dân » đi đến « tam đại

chính sách » (liên Nga, dung cộng, ủng hộ công nông), Tôn-Trung-Sơn vĩ đại ở chỗ ít nhiều thừa thời, tuyên bố (một cách gián tiếp và về khách quan) sự bất lực và lỗi thời của hệ tư tưởng chính trị tư sản và tính tất yếu phải nhường chỗ cho lập trường chính trị vô sản, thì, với « chủ nghĩa dân chủ mới » nguy trang bằng nhân hiệu Mác-Lê-nin, Mao-Trạch-Đông hết sức nguy hiểm và có thể nói phản động ở chỗ đã làm cái việc « treo đầu dê bán thịt chó », « mập mờ đánh lén con đen » hòng đánh tráo lịch sử, miệng nói đi con đường vô sản, thực tế đi con đường tư sản.

(Còn nữa)

Đảng bộ Nhà máy dệt Phong-phú làm công tác phát triển Đảng

THUẬN - BÌNH

Từ cuối năm 1977 đến nay, đảng bộ Nhà máy dệt Phong-phú (thành phố Hồ-Chí-Minh) đã có nhiều cố gắng trong công tác phát triển Đảng. Chưa đầy hai năm, đảng bộ đã kết nạp được 17 người vào Đảng. Những kết quả kiểm tra bước đầu cho thấy cả 17 đồng chí đó đều có đủ tiêu chuẩn đảng viên. Công tác phát triển Đảng, trong thực tế, đã góp phần tích cực vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ.

Dưới đây là những việc làm và kinh nghiệm chủ yếu của đảng bộ Phong-phú trong công tác phát triển Đảng.

I - Kiên trì phấn đấu tạo nên sự nhất trí cao trong đảng bộ về công tác phát triển Đảng.

Nhà máy dệt Phong-phú trước ngày giải phóng là nhà máy dệt Sicovina được thành lập từ năm 1967, do ngụy quyền Sài-gòn trực tiếp quản lý. Đây là một nhà máy quy mô lớn, trang bị hiện đại. Bốn Mỹ - ngụy đã cài vào nhà máy nhiều tay chân đặc lực, đã xây dựng trong nhà máy một số cơ sở của các tổ chức chính trị, đảng phái phản động. Đặc biệt chúng đã dùng tên Nguyễn-Dinh-Thời, một

tên phản bội cách mạng đứng ra tập hợp những phần tử xấu dựng nên một chi bộ cộng sản giả hiệu, lấy tên là « chi bộ F5 » để chống phá cách mạng, ngăn chặn mọi ảnh hưởng của cách mạng thâm nhập vào nhà máy. Do vậy, khi ta tiếp quản, nhà máy dệt Sicovina là một trong những nhà máy có tình hình chính trị rất phức tạp.

Về lực lượng Đảng, tháng 5 năm 1975, chỉ có ba đảng viên vào tiếp quản nhà máy. Trong quá trình phát hiện bộ mặt thật của « chi bộ F5 », đấu tranh để giải tán tổ chức phản động đó, nhà máy được tăng cường thêm một số đảng viên để thành lập chi bộ, và sau đó thành lập đảng bộ đưa tổng số đảng viên lên 34 đồng chí vào giữa năm 1977.

Trong quá trình lãnh đạo, đảng ủy thấy rằng tình hình nhà máy phức tạp, số lượng công nhân đông (khoảng 1800 người) mà số lượng đảng viên ít, xin thêm đảng viên ở các nơi khác về thì hoặc không có, hoặc nếu có thì do không hiểu biết về sản xuất và quản lý công nghiệp cho nên vẫn gặp khó khăn trong công tác lãnh đạo. Nếu cứ bằng lòng với số đảng viên quá ít hiện có thì không thể nào lãnh đạo tốt mọi mặt công tác

Nhưng, khi đưa vấn đề phát triển Đảng ra bàn trong đảng bộ thì nhiều đồng chí đã phản ứng gay gắt, cho rằng với tình hình phức tạp của nhà máy, với đội ngũ công nhân vừa mới được giải phóng, mà bàn đến việc phát triển Đảng là mất cảnh giác. Có lần đảng bộ họp suốt hai ngày liền, tranh luận rất gay go mà vẫn không đi đến nhất trí về công tác phát triển Đảng. Trước tình hình đó, đảng ủy đã nghiêm túc xem lại chủ trương của mình và thấy rằng chủ trương đó vẫn đúng. Bởi vì, nhìn lại quá trình đấu tranh của công nhân ở đây từ khi thành lập nhà máy đến ngày được giải phóng, thấy có nhiều mặt tích cực. Trong những năm sống dưới sự kìm kẹp khắc nghiệt của Mỹ - nguy, một số công nhân vấp tìm cách móc nối với cơ sở cách mạng bên ngoài, và đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ làm việc, cải thiện đời sống. Trước khi thành phố Sài-gòn được giải phóng, ngày 29-4-1975 anh chị em công nhân ở đây đã nổi dậy giành quyền làm chủ nhà máy, mặc dù lúc đó trong nhà máy địch còn một lực lượng vũ trang không nhỏ. Đặc biệt từ ngày nhà máy được giải phóng, số đông công nhân đã thật sự phấn khởi, hăng say sản xuất, công tác, hết lòng vì công việc chung. Có lúc kho bông của nhà máy bị cháy, xe cứu hỏa không vào được vì lối vào quá hẹp, nhiều công nhân đã đề nghị đề xe phun nước tưới người mình rồi nhảy vào kho chuyên bông ra. Người này nóng quá, bị ngắt thì người khác lại nhảy vào, cứu được rất nhiều kiện bông. Một lần khác, trong vụ ngộ độc do âm mưu của địch, đông đảo công nhân, tuy rất mệt, vẫn kiên quyết bám máy, có người bị choáng vừa tỉnh dậy lại tiếp tục sản xuất, quyết không để nhà máy ngừng hoạt động. Trước những vụ phá hoại của tay chân địch còn sót lại, anh chị em công nhân đã tỏ ra vững vàng, kiên quyết đánh địch,

phát hiện kịp thời với lãnh đạo những kẻ thủ mưu, bất chấp những sự đe dọa ngấm ngấm của chúng, v.v. Những thực tế đó đã khẳng định rằng, về cơ bản, đội ngũ công nhân của nhà máy là tốt. Trong các cuộc họp chi bộ, đảng bộ, đảng ủy đã đem những thực tế sinh động trong sản xuất và bảo vệ sản xuất của công nhân trong nhà máy và những bài nói của các đồng chí lãnh đạo của Đảng về công tác phát triển Đảng, về cách đánh giá đội ngũ công nhân ở những vùng mới giải phóng để trao đổi ý kiến. Qua nhiều lần tranh luận, những tư tưởng hẹp hòi, thành kiến, thiếu tin tưởng ở đội ngũ công nhân tại chỗ đã bị đẩy lùi từng bước.

Đề có thêm những kết luận đúng đắn, cụ thể, đảng ủy đã cùng với ban giám đốc nhà máy tiến hành việc đánh giá công nhân, viên chức. Việc đánh giá được tiến hành một cách nghiêm túc với sự tham gia của các tổ sản xuất, các đoàn thể quần chúng, các tổ bảo vệ trong nhà máy. Trước hết, từng tổ chức trong nhà máy như tổ sản xuất, tổ công đoàn, chi đoàn thanh niên, tổ bảo vệ, v.v. xem xét số người thuộc phạm vi quản lý của mình. Ban giám đốc và các đoàn thể trong nhà máy tổng hợp lại, bổ sung thêm những điều cần thiết, đưa sang đảng ủy nhà máy. Kết quả đánh giá cho thấy số công nhân, viên chức có lý lịch rõ ràng, không có liên quan với Mỹ - nguy, tích cực sản xuất và số công nhân, viên chức có chút ít liên quan với Mỹ - nguy nhưng thái độ chính trị sau ngày giải phóng là tốt, tích cực sản xuất, chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng số công nhân, viên chức.

Qua đánh giá và trao đổi ý kiến về kết quả của việc đánh giá, các đảng viên trong đảng bộ đã có chuyển biến rõ rệt về nhận thức đối với đội ngũ công nhân và bước đầu thấy rằng có thể tiến hành việc phát triển Đảng trong nhà máy.

II — Đưa đảng viên bám sát các phân xưởng: một biện pháp tích cực.

Đảng ủy nhà máy nhận thức rằng muốn làm tốt công tác phát triển Đảng, không thể chỉ hiểu biết chung chung về đội ngũ công nhân, mà phải hiểu biết kỹ về từng người, về yêu cầu của công tác lãnh đạo ở từng phân xưởng, từng ca, kíp để có hướng chọn người cho đúng. Phần lớn đảng viên lúc đó đều ở các bộ phận gián tiếp sản xuất, ít có điều kiện tiếp xúc với công nhân, cho nên tuy đã thấy công tác phát triển Đảng là cần, là có thể làm được, nhưng vẫn ngại làm. Trước tình hình ấy, đảng ủy chủ trương đưa các đảng viên trẻ xuống các phân xưởng để vừa tham gia sản xuất vừa có điều kiện gần gũi công nhân. Chủ trương này cũng gặp ngay sự phản ứng của nhiều đảng viên. Có đồng chí cho rằng mình chiến đấu đã nhiều năm; qua hết chiến trường này đến chiến trường khác, nay phải được giao một công tác thích hợp, nếu phải xuống phân xưởng sản xuất thì coi như đảng bộ đối xử với mình không đúng. Một số đồng chí khác ngại xuống phân xưởng sản xuất phải theo ca, theo kíp, phải lao động chân tay, suốt ngày lấm lem dầu, mỡ, thì tìm cách bàn lùi. Đảng ủy đã kịp thời làm rõ đây là một biện pháp tích cực không những để làm tốt công tác phát triển Đảng mà còn để làm tốt công tác lãnh đạo của đảng bộ đối với nhà máy nói chung. Bởi vì, muốn làm tốt công tác phát triển Đảng thì phải tìm hiểu kỹ từng công nhân, bồi dưỡng những người tốt để chuẩn bị cho việc kết nạp họ vào Đảng, và muốn lãnh đạo tốt sản xuất thì phải nắm được sản xuất. Đảng ủy cũng đã lấy gương các đồng chí cách mạng tiền bối của Đảng trong phong trào « vô sản hóa » hồi những năm 1920 — 1930 để giáo dục chung. Các đồng chí trong đảng ủy còn tự mình nêu gương bằng cách dành thì giờ đi sát các phân xưởng.

Kết quả là 20 đảng viên được đưa về bốn phân xưởng học nghề, sinh hoạt ở từng ca, kíp, với sự kèm cặp tay nghề của các thợ giỏi có kinh nghiệm. Trong quá trình học nghề, có lúc, có đảng viên tỏ ra chán nản, muốn xin thôi. Đảng ủy đã kịp thời, tìm hiểu nguyên nhân, tìm ra cách giúp đỡ thỏa đáng. Chẳng hạn, đối với các đồng chí thiếu sức khỏe, đảng ủy yêu cầu cử bám sát phân xưởng, lúc khỏe thì học, lúc mệt thì nghỉ. Đối với những đồng chí tiếp thu chậm do bố trí vào học nghề ở khâu không thích hợp thì chuyển các đồng chí đó sang học nghề ở khâu khác, hoặc sang phân xưởng khác để việc học tập được dễ dàng hơn. Cứ thế, chỉ ít tháng sau, hầu hết đảng viên đã từng bước trang bị cho mình những hiểu biết cần thiết. Cho đến nay, năm đồng chí đã có trình độ quản đốc và phó quản đốc, sáu đồng chí đã có trình độ trưởng ca, số còn lại có thể làm nhiệm vụ tổ trưởng sản xuất. Trong đại hội đảng bộ tháng 10-1977, ba đồng chí trong số đảng viên xuống các phân xưởng học nghề đã được bầu vào đảng ủy.

Cũng do gần gũi công nhân, cùng làm việc với công nhân, hầu hết đảng viên đã nhận thức được một cách sâu sắc bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, và thấy rõ trong nhà máy có nhiều công nhân ưu tú có thể bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng. Từ nhận thức đó, hầu hết các đảng viên ở Phong-phủ trước đây còn ngần ngại, nay đã tự giác tích cực tham gia công tác phát triển Đảng.

III — Cùng có nội bộ Đảng, xây dựng và cùng có các đoàn thể quần chúng tạo cơ sở cho công tác phát triển Đảng được tiến hành thuận lợi.

Đảng ủy nhà máy nhận thức rằng, muốn tiến hành tốt công tác phát triển Đảng thì đảng bộ phải mạnh, phải được quần chúng tin cậy vì có như vậy mới có thể thu hút những người

ưu tú kiên trì phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ Đảng. Mặt khác, đảng bộ có mạnh mới có đủ sáng suốt trong việc chọn lựa người để kết nạp vào Đảng.

Phân tích tình hình cụ thể, đảng ủy thấy rằng mặt mạnh chủ yếu của đảng bộ là phân đông đảng viên đã trải qua trực tiếp chiến đấu chống Mỹ — ngay trên các chiến trường, đã được rèn luyện, thử thách, tuổi lại còn trẻ cho nên có tinh thần cách mạng tiến công, có ý chí phấn đấu vươn lên và có tinh thần đấu tranh xây dựng Đảng.

Mặt yếu chủ yếu của đảng bộ là năng lực lãnh đạo, quản lý kinh tế, quản lý sản xuất còn yếu, lại không có đảng viên nào đã gắn bó lâu năm với nhà máy, hầu hết đảng viên từ ở nhiều nơi mới tập hợp về, cho nên sự hiểu biết về thực tế của nhà máy, về đội ngũ công nhân chưa thật sâu sắc. Căn cứ vào sự phân tích đó, ngoài việc dùng biện pháp đưa đảng viên xuống bám sát các phân xưởng, đảng bộ nhà máy đã thông qua các buổi thảo luận làm cho mỗi đảng viên thấy rõ những mặt mạnh, mặt yếu của đảng bộ, động viên mọi người ra sức phấn đấu phát huy những mặt mạnh, khắc phục những mặt yếu. Đảng ủy tiến hành một đợt tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong đảng bộ, kiểm điểm sâu sắc ý thức xây dựng Đảng và vai trò gương mẫu của từng đảng viên. Đảng ủy cũng đã tổ chức cho quần chúng ở từng phân xưởng, từng phòng, ban nhận xét, góp ý về công tác và tư cách của từng đảng viên. Qua đợt tự phê bình và phê bình này, ngoài việc xác định cho từng đảng viên hiểu rõ nhiệm vụ và vai trò của mình, đảng ủy đặc biệt nhấn mạnh đến ý thức gắn bó lâu dài với nhà máy, hết lòng chăm lo mọi mặt hoạt động của nhà máy, phê phán nghiêm khắc tư tưởng tạm bợ, không yên tâm công tác trong đảng viên.

Sau đợt tự phê bình và phê bình, những đảng viên gương mẫu, tích cực sản xuất, công tác và có tinh thần đấu tranh nội bộ đúng đắn đã được bổ sung vào đảng ủy và các chi ủy.

Đảng ủy cũng đã cải tiến sinh hoạt của các chi bộ, xác định rõ nội dung của các đợt sinh hoạt chi bộ, đồng thời giao trách nhiệm cho các chi bộ tăng cường giáo dục, quản lý đảng viên. Đảng ủy đã phân công ba đồng chí đảng ủy viên trực tiếp làm bí thư ba chi bộ phân xưởng và phân công các đảng ủy viên khác thường xuyên giúp đỡ các chi bộ còn lại.

Đảng ủy nhà máy cũng nhận thức rằng muốn tăng cường công tác phát triển Đảng thì ngoài việc củng cố tổ chức Đảng còn phải củng cố các đoàn thể quần chúng vì đó là nơi bồi dưỡng, chọn lọc, phát hiện những phần tử ưu tú để giới thiệu với Đảng. Đảng ủy đã giúp Đoàn thanh niên và Công đoàn xem xét lại tư cách các đoàn viên, kiên quyết xóa tên những phần tử xấu, đồng thời kết nạp thêm nhiều người mới. Tính cụ thể trong đợt này đã đưa một người ra khỏi Đoàn thanh niên, 12 người ra khỏi Công đoàn và kết nạp thêm 50 người vào đoàn thanh niên, khoảng 200 người vào Công đoàn. Công đoàn và Đoàn thanh niên đều tiến hành đại hội bầu lại ban chấp hành, cử lại các tổ trưởng, đưa những người tốt vào cương vị công tác thích hợp. Việc củng cố các đoàn thể quần chúng đã tạo những điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển Đảng của đảng bộ nhà máy.

IV — Có phương hướng và phương pháp đúng trong việc lựa chọn, thăm tra người để kết nạp vào Đảng.

Đảng ủy nhà máy nhận thức rằng một yếu tố quan trọng để tăng cường sự lãnh đạo của đảng bộ là các phân xưởng đều phải có chi bộ Đảng, có đủ số đảng viên lãnh đạo các khâu

công tác. Do vậy, phải chú trọng kết nạp vào Đảng những công nhân kỹ thuật đã qua thử thách trong sản xuất và công tác.

Trong quá trình bám sát các phân xưởng, các đảng viên ở đây, trong khi tiếp xúc với công nhân, đã đặc biệt theo sát những công nhân có thái độ tích cực trong sản xuất, công tác và chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Qua kết quả các đợt vận động chính trị, qua việc sơ kết, tổng kết thi đua hằng tháng, hằng quý và hằng năm và qua nhận xét của các đoàn thể quần chúng, các đảng viên lại chọn những người xuất sắc nhất trong số những công nhân ấy đưa ra chỉ bộ xem xét. Các chỉ bộ phân công người phụ trách bồi dưỡng, thử thách và tiến hành thăm tra lý lịch những người xét thấy xứng đáng có thể kết nạp vào Đảng. Qua thăm tra lý lịch, đối với những người có thể kết nạp vào Đảng thì đảng ủy, với sự giúp đỡ của cấp trên, tổ chức học tập các tài liệu cơ bản để nâng cao giác ngộ cho họ.

Trong số những đối tượng phát triển Đảng mà đảng bộ Phong-phủ phải thăm tra lý lịch, có những người quê ở các tỉnh xa như Hà-nam-ninh, Nghệ-tĩnh, có những người tuy quê ở các tỉnh gần, nhưng do hoàn cảnh thời Mỹ - ngụy, gia đình thường phải chuyển chỗ ở. Vì vậy, công việc thăm tra lý lịch thường gặp nhiều khó khăn. Thêm vào đó, đảng ủy Phong-phủ lại không có cán bộ chuyên trách công tác Đảng. Tuy nhiên, thấy rõ việc xác minh lý lịch của những đối tượng kết nạp Đảng ở vùng mới giải phóng là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, cho nên đảng ủy và ban giám đốc nhà máy đã quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, cố gắng làm tốt việc này.

Nói chung, đảng viên phụ trách đối tượng nào thì chịu trách nhiệm thăm tra lý lịch đối tượng đó, vì qua quá trình tìm hiểu, theo dõi, bồi dưỡng

đối tượng đã biết khá rõ về lý lịch, về hoàn cảnh gia đình và hoàn cảnh xã hội của đối tượng; khi đi thăm tra sẽ xác định rõ được những vấn đề, những yêu cầu phải xác minh. Trong trường hợp nhiều đối tượng cùng quê ở một địa phương thì các đảng viên thảo luận với nhau, nêu yêu cầu cần thăm tra đối với từng đối tượng và phân công một đảng viên đi thăm tra chung về các đối tượng đó để đỡ tốn sức người và thời gian. Khi có đảng viên đi thăm tra lý lịch thì anh chị em trong tổ, trong nhóm thay nhau đảm đương tốt công việc ở nhà máy để đồng chí đi thăm tra được yên tâm. Sau mỗi đợt thăm tra, đảng ủy và các chi ủy lại họp nghe các đồng chí đi thăm tra về báo cáo và rút kinh nghiệm cho các đợt thăm tra sau. Với cách làm đó, đảng bộ đã có hồ sơ lý lịch đầy đủ của từng đối tượng, tạo điều kiện cho cấp trên xét duyệt được nhanh chóng.

Đến cuối năm 1977, đảng bộ đã lựa chọn và bồi dưỡng được 40 đối tượng, trong đó có:

- 32 người là công nhân trực tiếp sản xuất.

- 2 người là chiến sĩ thi đua.

- 38 người là lao động tiên tiến.

- Binh quân tuổi đời: 25.

- Binh quân tuổi nghề: 5.

Trong năm 1978, đảng bộ đã kết nạp 17 người trong số đó vào Đảng, trong đó có:

- 13 nữ, 4 nam.

- 12 công nhân trực tiếp sản xuất, trong đó 6 đồng chí có 5 năm tuổi nghề trở lên, 2 đồng chí có 11 năm tuổi nghề trở lên, 2 đồng chí là tổ trưởng sản xuất.

- 1 phó giám đốc phụ trách kỹ thuật.

- 3 nhân viên các phòng, ban.

- 12 đồng chí đã ít nhiều có tham gia cách mạng trước ngày 30-4-1975.

Hiện nay, đảng bộ đang hoàn thành những thủ tục cần thiết để có thể kết

nạp thêm 10 người vào Đảng trong thời gian sắp tới.

Tất cả 17 người được kết nạp vào Đảng đều đang phát huy tác dụng tốt. Cuối năm 1978, cả 17 đồng chí đều được bầu là lao động tiên tiến.

V – Coi trọng việc bồi dưỡng, giáo dục, quản lý đảng viên mới.

Sau khi kết nạp người vào Đảng, đảng bộ nhà máy vẫn tiếp tục coi trọng việc giáo dục, bồi dưỡng, quản lý số đảng viên mới. Đảng bộ đã mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ, hoặc gửi các đồng chí đó theo học các lớp do cấp trên mở nhằm giúp các đồng chí đó hiểu thêm lý tưởng của Đảng, Điều lệ Đảng, nhiệm vụ đảng viên, v.v. Các chi bộ đã phân công cử hai đảng viên cũ thì theo sát giúp đỡ một đảng viên mới, thường xuyên góp ý kiến trong công tác, trong sản xuất. Đối với các đảng viên mới, đảng bộ thấy rằng mặt yếu thường là chưa có những kiến thức cơ bản, cần thiết về quá trình đấu tranh của Đảng, về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, về gương đấu tranh anh dũng hy sinh của đảng viên, về phương pháp lãnh đạo, vận động quần chúng. Những kiến thức này không phải chỉ bằng một vài lớp học mà có được. Các chi ủy đã phân công đảng viên cũ, qua những câu chuyện trao đổi hằng ngày, qua các buổi kiểm điểm công tác, và qua các sách, báo, bồi dưỡng những kiến thức đó cho đảng viên mới. Lối bồi dưỡng sinh động mà nhẹ nhàng này, được tiến hành thường xuyên, đã mang lại kết quả tốt.

Hằng tuần, các đồng chí bí thư chi bộ gặp riêng các đảng viên mới để nhận xét về công tác, về thái độ đối với quần chúng, về kết quả phấn đấu của từng người, và góp ý giải quyết những mắc mứu, khó khăn. Chi bộ cũng đã tạo mọi điều kiện để các đảng viên mới tham dự đầy đủ các cuộc họp chi bộ. Cứ vài tháng một lần,

đảng ủy lại họp các đảng viên mới để cùng nhau kiểm điểm kết quả phấn đấu của các đồng chí đó. Nhiều cuộc họp của đảng ủy đã đi sâu vào chuyên đề giáo dục, bồi dưỡng đảng viên mới. Các chi bộ cũng đã giới thiệu với anh chị em ngoài Đảng danh sách các đảng viên mới và động viên anh chị em thường xuyên theo dõi, góp ý kiến cho các đồng chí đó. Do vậy, khi đảng viên mới phạm sai lầm, thiếu sót, thì lập tức được góp ý bằng nhiều nguồn khác nhau (chi bộ, tổ sản xuất, người ngoài đảng, v.v.).

Do nhận thức được tầm quan trọng của việc bám sát sản xuất, bám sát các phân xưởng đối với việc rèn luyện, giáo dục đảng viên, đảng ủy vẫn đề các đảng viên mới sản xuất và công tác ở các phân xưởng, không điều động các đồng chí đó thoát ly sản xuất. Khi những đảng viên mới được quần chúng tin nhiệm bầu vào ban chấp hành các đoàn thể, đảng bộ cũng đề nghị các đoàn thể tạo điều kiện cho các đảng viên đó làm tròn nhiệm vụ được giao, không thoát ly sản xuất.



Trong khi cố gắng làm tốt công tác phát triển Đảng, đảng bộ Nhà máy dệt Phong-phú cũng phấn đấu làm tốt các mặt khác của công tác xây dựng Đảng, từng bước nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ. Do vậy mà từ năm 1977 đến nay, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về vật tư, nguyên liệu, năm nào nhà máy cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch. So với mức kế hoạch hằng năm thì: về giá trị tổng sản lượng, năm 1977 đạt 120,35%, năm 1978 đạt 112,17%. Về giá trị xuất khẩu, năm 1977 đạt 107,07%, năm 1978 đạt 114,4% mức kế hoạch.

Cùng với những cố gắng ấy, Nhà máy dệt Phong-phú còn có sự tiến bộ

(Xem tiếp trang 88)

Chúng hủy hoại văn hóa, tiêu diệt trí thức

MINH - SÂM

XÓA SẠCH DI SẢN VĂN HÓA

Đất nước Cam-pu-chia rất giàu di sản văn hóa, từ các đền chùa cổ kính đến các bài ca, điệu múa lưu truyền hàng nghìn năm nay. Dân tộc Khơ-me cần cù, sáng tạo đã cống hiến cho loài người nền văn minh Ăng-co nổi tiếng huy hoàng.

Trong cuộc chiến tranh năm năm (1970 - 1975) chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai Lon Non, một số cơ sở di tích không tránh khỏi bị hư hại vì bom đạn; nhưng thật ra sự thiệt hại đó cũng chưa to lớn bằng những thiệt hại trong bốn năm « hòa bình, độc lập » dưới ách thống trị của bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry. 50% công trình kiến trúc cổ đã bị phá hoại.

Hầu hết 3500 ngôi chùa trên khắp đất nước bị dọn làm nơi chứa phân cho công xã hoặc bị tháo dỡ để lấy vật liệu xây dựng chuồng trại chăn nuôi súc vật, 82.000 sư sãi, những trí thức Phật giáo, bị buộc bỏ áo cà sa và mất tích gần hết. Thắng tay triệt hạ chùa chiền, bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry không những muốn xóa bỏ đạo Phật là tôn giáo của 85% nhân dân

Khơ-me mà còn có ý đồ làm cho nhân dân mất hẳn nơi lui tới gặp gỡ, tụ tập, không có dịp trao đổi tâm tư, tình cảm.

Khu đền Ăng-co bị bỏ hoang phế sau chiến tranh, chỉ được dọn dẹp vào khoảng cuối năm 1978, sau khi Iêng Xa-ry móc nối với bọn tư sản Thái-lan thỏa thuận cùng nhau khai thác di tích này để kiếm đô-la của khách du lịch. Bản thân Pôn Pốt đã từng coi rẻ giá trị của đền Ăng-co, cho rằng đó chỉ là công trình của bọn vua chúa phong kiến không « vĩ đại, tuyệt vời » bằng công trình xây dựng thủy lợi, cải tạo đồng ruộng của chúng. Sự dốt nát của bọn chúng còn được biểu lộ qua nội dung giới thiệu rất lỗ bịch của các tên phụ trách hướng dẫn tham quan các di tích trong khu đền lịch sử. Hiếm có nước nào như Cam-pu-chia trải qua nhiều cuộc chiến tranh vẫn còn giữ được nhiều hiện vật cổ tiêu biểu cho nền văn hóa lâu đời của dân tộc. Nhưng Viện bảo tàng quốc gia Phnôm Pênh thành lập từ năm 1917, qua tay bọn Pôn Pốt - Iêng

Xa-ry, nay chỉ còn lại không được một nửa số hiện vật quý báu. Và người ta đã tìm thấy nhiều tượng đồng lớn nhỏ được đưa về một nơi tại nhà tù Tun Xleng để bắt tù nhân phá ra đúc tượng tên khát máu Pôn Pốt.

Đốt phá sách vở, công trình văn hóa, khoa học, nghệ thuật cũng là hành động quen thuộc của bọn ăng-ca không muốn nhân dân được hiểu biết hơn những bộ óc ngu xuẩn của chúng. Thư viện quốc gia Phnôm Pênh, trung tâm nghiên cứu của giới trí thức, sinh viên, với hơn 30 vạn cuốn sách chỉ còn lại vài trăm cuốn; nơi đây từ lâu biến thành chỗ chứa chén đĩa phục vụ tiệc tùng của bọn Pôn Pốt với các quan thầy cổ vấn Trung-quốc của chúng. Hơn một vạn cuốn sách của thư viện trường Viễn Đông của Pháp nghiên cứu chuyên đề Cam-pu-chia cũng bị đốt sạch.

Nền văn hóa, nghệ thuật Cam-pu-chia vốn rất phong phú, đậm đà màu sắc dân tộc đã tàn lụi nhanh chóng dưới ách thống trị của bọn đao phủ Pôn Pốt - lêng Xa-ry. 90% số nghệ sĩ và người làm công tác văn hóa bị tổng di lao động khổ sai và chết dần chết mòn. Bốn năm dài, đất nước Cam-pu-chia tắt hẳn lời ca, tiếng nhạc. Tất cả các bài hát dân gian, các điệu múa dân tộc đều bị cấm đoán vì đó là « sản phẩm tinh thần của xã hội cũ »! Hơn nữa, người dân bị cưỡng bức lao động mỗi ngày 14 - 15 tiếng đồng hồ, lại ăn đói, hằng tháng không có lấy một ngày nghỉ ngơi, thì còn nói gì đến sinh hoạt vui chơi giải trí nữa. Trong khi đó, các đội văn công, diện ảnh của bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry được lập ra không nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của nhân dân mà chỉ làm phương tiện tuyên truyền, phổ biến các chính sách « triệt đề cách mạng » cùng với việc đề cao « quyền uy tối thượng » của ăng-ca.

Đã tâm của bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry là bằng mọi cách cắt đứt hẳn mọi

quan hệ xã hội của nhân dân Cam-pu-chia, làm tê liệt hoàn toàn cuộc sống tinh cảm của họ, cô lập họ với thế giới bên ngoài để họ hoàn toàn lệ thuộc bọn chúng. Chỉ trong thời gian vài ba năm, người dân Khơ-me vốn rất vui tươi, hồn nhiên, yêu đời đã trở nên cần cỗi, lăm lỳ, gần như mất hẳn cảm xúc tự nhiên. Trong cái xã hội « Cam-pu-chia dân chủ », cuộc sống đã mất hết ý nghĩa, hạnh phúc cá nhân không còn, chỉ có đói rách, bệnh tật, khổ nhục, sợ hãi, chết chóc ngày đêm vây phủ. Điều đó giải thích vì sao khó tìm ra được một ánh mắt vui tươi, một nụ cười của người dân trong cái « xã hội xã hội chủ nghĩa » của bọn Pôn Pốt!

Cũng như văn hóa, nghệ thuật, nền giáo dục quốc dân dưới thời Pôn Pốt - lêng Xa-ry đã bị tổn thất nặng nề. Hệ thống giáo dục các cấp bị xóa bỏ ngay sau ngày 17-4-1975. Tất cả trường lớp lớn nhỏ đều được lệnh đóng cửa và lần lượt biến thành nhà kho, trại chăn nuôi súc vật, xưởng sửa chữa vũ khí, nơi giam cầm, tra tấn, hành quyết những người yêu nước và những người dân lương thiện. Học sinh, thầy giáo cũng chung số phận với các tầng lớp nhân dân thành thị, bị xua đuổi về nông thôn để lao động khổ sai. Số người có học thức ấy ngày nay còn sống sót được rất ít do kheo che giấu không để lộ tung tích. Ước tính có khoảng bốn phần năm số giáo viên bị giết hại. Chỉ riêng ngành đại học và trung học chuyên nghiệp của Cam-pu-chia có một hệ thống 7 viện với 40 khoa, hơn 1200 cán bộ giảng dạy, số học sinh có năm học lên tới 8000 người; nhưng hiện nay số người tốt nghiệp đại học chỉ còn lại dè vài trăm.

Trước đây, bản thân tên độc tài Pôn Pốt thường tỏ ra lúng túng khi phải giải thích về việc xóa bỏ hệ thống giáo dục. Y cho rằng chế độ « Cam-pu-chia dân chủ » cần quan tâm đến việc nâng cao dần trình độ văn hóa cho

90% nhân dân là nông dân mù chữ cho nên không thể lo việc học cho một bộ phận thuộc các tầng lớp trên như dưới chế độ cũ. Thực tế cho thấy những lời huênh hoang của bọn chúng về thành tích « căn bản xóa nạn mù chữ » chỉ là bịp bợm. Ở các địa phương thật ra chỉ có một vài lớp dạy chữ và số cho bọn cốt cán nắm quyền ở cơ sở. Nhân dân nói chung, đời sống vật chất cùng cực, thể xác bị dọa dẫm, tinh thần căng thẳng cực độ, còn thiết gì học tập và làm gì có điều kiện để học tập! Ngay cả trẻ em cũng mất quyền vui chơi, học hành ở trường lớp vì phải dành phần lớn thì giờ chăn bò, hái phân cho công xã.

Đối với bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, văn hóa giáo dục không có tác dụng trong cái « xã hội mới » mà chúng xây dựng. Theo chúng, biết chữ hay không biết chữ, trình độ văn hóa cao hay thấp đều là không cần thiết. Ví dụ: nghị quyết hội nghị đảng bộ khu miền đông tháng 7-1977, khi đề cập vấn đề đào tạo cán bộ ngành y tế, đã nhấn mạnh: « Phải tiêu diệt hết quan điểm, lập trường trước đây chỉ lựa chọn những người có trình độ văn hóa trong xã hội cũ. Nếu chọn như trước thì rõ ràng là tiếp tục nguy hại. Không biết chữ, không biết tiếng Pháp

cũng được, miễn là thành phần tốt, có ưu điểm là tốt rồi, bảo đảm rồi. Vấn đề trình độ văn hóa không phải là vấn đề cơ bản, vì không phải chúng ta đem trình độ văn hóa để chữa bệnh. Người không biết chữ cũng học nghề y được (...), quan trọng là vấn đề lập trường chính trị là cơ sở của kỹ thuật ». Khi truyền kinh nghiệm cho bọn mao-ít ở một số nước Đông Nam Á, chính Pôn Pốt cũng thường khoe là việc đào tạo nhân viên kỹ thuật của bọn chúng đạt kết quả nhanh chóng mà không cần đến trình độ văn hóa vì « đốt chữ cũng học được ». Y nêu ví dụ: Ở Việt-nam, học điện dài, ra đă, lái tàu biển, máy bay phải có trình độ lớp 10 phổ thông và mất 6 năm mới thành nghề, còn « nông dân chúng tôi học chỉ có 3 tháng » (!?). Y cũng tự đắc với việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật bằng « đường tắt » nghĩa là chỉ cho học qua loa rồi cứ đưa đi làm việc, vì không cần lý thuyết « học thực tế mới là cơ bản ». Mục đích của chúng là làm cho thế hệ trẻ Cam-pu-chia lớn lên thành những lớp người đốt nát, rất xa lạ với những tiến bộ văn hóa, khoa học kỹ thuật của loài người, và rốt lại chỉ là những động vật quen cuốc đất, bần sung cho bọn thống trị phản động.

TÌEÙ DIỆT CÓ HỆ THỐNG TẦNG LỚP TRÍ THỨC

Giới trí thức Cam-pu-chia đã phải trải qua một đoạn đời đắng cay tủi nhục, mất mát chưa từng có dưới chế độ thống trị man rợ của tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry đội lốt « trí thức cộng sản ».

Đồng dao trí thức yêu nước Khơ-me trước đây đã đứng vào hàng ngũ mặt trận thống nhất dân tộc Cam-pu-chia trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai Lon Non. Nhiều người trí thức sống trong vùng tạm bị địch chiếm vẫn hướng về cách mạng, mong được góp phần

cống hiến tài năng sau khi đất nước được giải phóng. Nhưng giới trí thức Cam-pu-chia bất kể người đã tham gia kháng chiến hay mới đến với cách mạng đều trở thành nạn nhân của một chính sách thù địch khủng khiếp sau ngày bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry lên cầm quyền.

Kể ra, không đợi đến lúc nắm toàn bộ quyền lực trong tay, ngay những năm kháng chiến, bọn phản động Pôn Pốt cũng đã lộ rõ bản chất lọc lừa của chúng trong việc tập hợp và sử dụng trí thức. Qua nội dung giới thiệu

«kinh nghiệm cách mạng Cam-pu-chia» cho các đảng mao-ít ở Thái-lan, Miến-điện.... Pôn Pốt đã không giấu giếm điều đó. Một mặt, y lưu ý đến sự cần thiết phải tập hợp rộng rãi lực lượng chống đế quốc và tay sai vào mặt trận, mặt khác y chỉ rõ phải coi các tầng lớp trung gian với số đông học sinh, trí thức chỉ là «lực lượng chiến thuật», phải có biện pháp ngăn cách không cho trí thức gần gũi, tiếp xúc với quần chúng nông dân, phân tán đề kiểm soát họ chặt chẽ, và chỉ giao cho họ các việc không quan trọng, không kể trình độ năng lực của họ như thế nào. Đối với những người đã từng phục vụ bộ máy chính quyền cũ, nhất thiết không được sử dụng họ.

Ngay sau ngày 17-4-1975, bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry đã nhanh chóng trở mặt đối với trí thức. Số trí thức cũ có chức vụ trong bộ máy «chính phủ vương quốc đoàn kết dân tộc Cam-pu-chia» trước đây đã sớm bị loại khỏi các ban, bộ và được quản chế nghiêm ngặt.

Đối với số đông học sinh, trí thức ở các thành thị mới giải phóng, thì ngay hồi đầu tháng 10-1975, trong một cuộc họp của cơ quan 870 (tức ban thường vụ của bọn Pôn Pốt) bọn phản động ăng-ca đã khẳng định: họ hầu hết là người thuộc «đường dây cũ của CIA» đang «sống bình thường trong nhân dân». Theo chúng, «số có học thức như kỹ sư đều là nhân viên CIA chính cống», và địch tổ chức cơ sở hoạt động «thường trong giới trí thức, quan trọng nhất là bọn chuyên môn kỹ thuật». Do đó, chúng quyết định «không cho thành phần trí thức, chuyên môn kỹ thuật tham gia hàng ngũ của ta», ra lệnh «tập trung bọn này lại để theo dõi».

Từ trung ương đến địa phương, sự nhận định, đánh giá của bọn ăng-ca đối với giới trí thức đầy rẫy những định kiến, thù ghét, chúng luôn luôn nhấn mạnh phải «nâng cao cảnh giác

cách mạng» đối với «nhân viên kỹ thuật, giáo viên, thầy thuốc, kỹ sư». Chỉ thị của khu ủy miền đông ngày 5-9-1977 nêu rõ: «chủ trương của đảng ta là không sử dụng bọn này». Tại hội nghị đảng-bộ hằng năm của cơ quan A33 (bộ thông tin của Pôn Pốt) vào tháng 1-1977, một tên đại diện ăng-ca cũng nói dứt khoát: «Kiến thức của trí thức tư sản đem xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa nhất định không được». Còn tầng lớp tiểu tư sản trí thức thì y cho rằng «có thể dùng ngay nhưng sa một thời gian nào đó, có thể dễ ra bất đồng». Tóm lại, không một người nào thuộc giới lao động trí óc được làm việc theo khả năng hiểu biết của họ. Tất cả đều bị tống đi lao động ở công xã và «dù muốn hay không muốn cũng bị bắt buộc nhận sự lãnh đạo của giai cấp nông dân».

Cơ quan SO 21 (tổ chức mật vụ của Pôn Pốt) lập danh sách những người trí thức cũ và mới và phân loại: nếu không xếp vào diện tay chân của CIA thì cũng được gán cho là phần tử hoạt động cho KBC (cơ quan tình báo của Liên-xô) hay thân Việt-nam. Như vậy không kể nguồn gốc xã hội hay thái độ chính trị, những người có học thức đều bị bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry kết tội và bắt giết lúc nào cũng được. Những ai may mắn không bị xam lá địch thì cuối cùng cũng mang tội «chống đảng» chỉ vì có thái độ không tán thành hành động của bọn ăng-ca ở địa phương. Báo cáo tháng 7-1977 của khu miền Đông nhận định: những phần tử chống đảng phần lớn là giai cấp trung gian, tiểu tư sản giáo viên, học sinh, «những tên có trình độ cao». Sau đó đã diễn ra nhiều cuộc lùng bắt, tàn sát hàng loạt người; ở các tỉnh Prây Veng, Svay Riêng, Công-pông Spu..., ước tính có đến 80% số người có học bị thủ tiêu. Những ai trót dề lộ cho bọn tay chân ăng-ca biết được vốn hiểu biết và trí thông minh của mình đều không tránh khỏi bị lôi đi

đập đầu, cắt gáy... Nói chung, ở đầu bốn tay chân của Pôn Pốt—lêng Xa-ry cũng có quyền giết người và giết bao nhiêu cũng được, càng giết được nhiều trí thức càng tốt. Một hồ sơ tìm thấy được của cơ quan SO 21 ghi rõ tên họ 337 người bị giết trong tháng 5-1976 ở trại giam Phnôm Pênh, trong đó có 64 trí thức gồm 15 kỹ sư, 6 bác sĩ, 16 giáo viên và những nhân viên kỹ thuật khác. Còn ở địa phương, số người bị giết không cần có danh sách cụ thể.

Không riêng gì số trí thức sống trong nước, cả những người trí thức Khơ-me sống ở nước ngoài nhiều năm cũng chịu chung số phận đó. Sau khi chiến tranh chấm dứt, các trí thức kiều dân Cam-pu-chia ở nhiều nước rất phấn khởi mong được trở về tổ quốc để đoàn tụ với gia đình và có cơ hội trực tiếp góp phần xây dựng đất nước. Nhiều người đã cả tin những lời lừa phỉnh, hứa hẹn đường mật của chính lêng Xa-ry khi tên này có dịp tiếp xúc với kiều dân Cam-pu-chia ở nước ngoài. Họ không hề nghĩ rằng chính họ là đối tượng đặc biệt của cơ quan công an, mật vụ của bọn Pôn Pốt vì bọn này cho rằng họ « đã nhiều năm nhiễm nặng tư tưởng tư sản, đế quốc ». Danh sách các bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, chuyên viên kỹ thuật... theo các chuyến bay từ Pháp sang Bắc-kinh về đến Phnôm Pênh vào những tháng đầu năm 1976 được tìm thấy khá đầy đủ trong hồ sơ các trại giam của bọn Pôn Pốt—lêng Xa-ry. Các cột ghi ngày « về nước », « bị bắt », « bị giết » cho thấy thời gian sống lâu lắm cũng chỉ được vài ba tháng.

Đầu năm 1976, nhiều trí thức công tác lâu năm trong ngành ngoại giao Cam-pu-chia được đột ngột triệu hồi về nước gấp để học tập « tình hình và nhiệm vụ mới ». Vừa mới về đến Phnôm Pênh, họ được đẩy ngay vào các trại tập trung ở các tỉnh, bị gọi bằng cái tên khinh miệt « bọn mặt trận ». Họ phải làm các công việc

nặng nhọc mỗi ngày 14-15 tiếng đồng hồ với bữa ăn hai mươi cháo loãng. Một số người không chịu nổi, đã thất cổ hoặc nhảy từ lầu cao xuống đất tự tử. Nhiều nhà ngoại giao cấp cao Cam-pu-chia như Huốt Xam-bát, Chia Xan... đã bị cầm tù và giết hại dã man.

Đến nay, chưa tổng kết được đầy đủ số liệu về tội ác của bọn Pôn Pốt—lêng Xa-ry đối với các tầng lớp lao động trí óc Cam-pu-chia. Nhưng các cuộc điều tra sơ bộ cũng cho thấy: ngành giáo dục Cam-pu-chia trước đây có 2300 giáo viên và 106 000 học sinh, nay chỉ còn sống sót 207 giáo viên và hơn 5 000 học sinh; riêng số 725 giáo sư và cán bộ giảng dạy đại học nay còn lại chỉ có 50 người; 10 550 học sinh đại học trong tổng số 11 000 đã bị mất tích. Ngành y tế (tính đến năm 1974) có 643 bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, nay chỉ còn 69 người. Ngành thể dục thể thao bị giết hại 300 huấn luyện viên và 2 000 vận động viên. Các bộ môn nghệ thuật chỉ còn chừng 10% số nghệ sĩ; trong số 190 nữ nghệ sĩ chỉ còn lại 40 người. Giới báo chí trước năm 1975 có 200 người, giờ đây chỉ có 5 người sống sót.

Đó là kết quả của những đợt tàn sát quy mô lớn của bọn Pôn Pốt—lêng Xa-ry diễn ra trong hai năm 1976-1977 và còn tiếp tục mấy năm sau này. Dịch thân tên đồ tể Pôn Pốt trong dịp bế kiến bọn quan thầy phản động Bắc-kinh ngày 29-9-1977 đã báo cáo một cách tự hào rằng: « Trên căn bản chúng tôi đã thanh toán xong, không còn xôn, không một vụ nổi sùng nào xảy ra cả ». Trong cuộc hội đàm với bộ trưởng ngoại giao Nhật Xônô-đa ngày 12-6-1978 tại Tô-kỳ-ô, khi được hỏi về tin tức các vụ thảm sát ở Cam-pu-chia, lêng Xa-ry nói quanh co rằng: « chuyện chém giết người là chuyện cũ », rằng « dân số chúng tôi ít, muốn chém giết nữa không có lợi gì ». Mặc dù tìm cách chối phăng không có các vụ tàn sát hàng loạt ở Cam

pu-chia nhưng trả lời phỏng vấn của hãng AFP tại Bắc-kinh ngày 18-6-1979, lêng Xa-ry buộc phải công nhận «cùng lắm, chỉ có khoảng vài nghìn, vài vạn người bị giết thôi» (1)

Hành động tội ác của bọn khát máu Pôn Pốt — lêng Xa-ry không chỉ hủy diệt vốn quý của dân tộc Khơ-me,

làm cho nền văn hóa dân tộc đổ nát, mà nó còn gây nên ấn tượng sai lạc trong những người trí thức Cam-pu-chia đối với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, đối với vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản mà bè lũ Pôn Pốt — lêng Xa-ry chỉ là những kẻ đội lốt.

KỂ CHỦ MUU TỘI ÁC

Dư luận tiến bộ trên thế giới có lúc chưa rõ được thực hư về các tin tức **khủng bố**, tàn sát **khó tưởng tượng** nổi do gặp nhiều trở ngại trong việc thu thập tình hình từ một «Cam-pu-chia dân chủ» đóng chặt biên giới. Nhưng sau ngày giải phóng 7-1-1979, nhiều tài liệu, văn bản của đám cầm quyền phản động bị lật đổ tháo chạy bỏ lại cũng như vô số các hồ chôn người tấp thể được phát hiện khắp nơi là những bằng chứng tội ác diệt chủng, hủy hoại văn hóa cực kỳ ghê tởm mà bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry không thể chối cãi.

Loại người yêu chuộng công lý phản nộ lên án bọn phản động khát máu, **đồng thời** muốn hiểu được nguồn gốc tội ác diệt chủng ở Cam-pu-chia mà giới văn hóa, trí thức là một trong các đối tượng chịu tai họa khủng khiếp nhất.

Có người không khỏi còn ít nhiều phân vân khi nghĩ rằng: bản thân bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry cũng là những trí thức, vì sao lại chủ trương tiêu diệt những người lao động trí óc? Kề ra cũng chẳng có gì khó hiểu khi nhớ lại những sự việc tàn bạo đã từng diễn ra trong thời kỳ «đại cách mạng văn hóa vô sản» ở Trung-quốc mà những người đề ra đường lối, chủ trương và trực tiếp điều khiển vốn không phải là bọn vô học, và thường vô ngực tự xưng là «mác-xít — lê-ni-nít» chính chăng!

Không ai còn lạ gì tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry gồm những kẻ xuất

thân từ các giai cấp bóc lột được bọn thực dân nuôi cho ăn học ở nước ngoài trở thành trí thức. Những phần tử cơ hội chủ nghĩa, mang nặng đầu óc sô-vanh ấy đã dùng nhiều thủ đoạn rất xảo quyệt để tiếm quyền lãnh đạo cách mạng và áp dụng các biện pháp phản động nhằm củng cố và duy trì quyền lực độc tài cá nhân của chúng. Giữa những năm 60, Pôn Pốt đã mở đến Trung-quốc, được yết kiến «người cầm lái vĩ đại» và có dịp chứng kiến cuộc «đại cách mạng văn hóa» long trời lở đất. Từ đó, Pôn Pốt cùng đồng bọn được sự tán tỉnh, mua chuộc của quan thầy, đã cam tâm bán rẻ linh hồn và thể xác cho Bắc-kinh, sẵn sàng làm công cụ thực hiện chiến lược phản cách mạng của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc ở Đông-dương và Đông Nam châu Á.

Trong thái độ đối với giới trí thức, «bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry rập khuôn theo các quan thầy của chúng ở Bắc-kinh. Những tội ác của chúng đối với giới trí thức bắt nguồn một phần từ việc chúng tiếp thụ và tôn thờ chủ nghĩa Mao. Chúng đã nhiều lần nói rõ chúng lấy tư tưởng Mao-Trạch-Đông làm kim chỉ nam cho việc hoạch định và áp đặt mọi đường lối, chính sách của chúng ở Cam-pu-chia. Rõ ràng, với lập trường, quan điểm giai cấp hoàn toàn rập theo chủ nghĩa Mao, bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã thẳng tay gạt bỏ vai trò của giới lao động trí óc trong xã hội. Chúng đã không ngăn ngại tiêu diệt tầng lớp

trí thức vì nhận định rằng những người có kiến thức văn hóa, biết suy luận khoa học thường là những người phản đối chế độ dã man của chúng. Thực tế cho thấy bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry đã không cho ai được quyền nghĩ khác, làm khác các phương án của chúng định sẵn. Ngay cả những người trí thức cao cấp có thời gian dài cộng tác chặt chẽ với bọn Pôn Pốt như Hu Yun, Hu Nim... cũng bị chúng thủ tiêu.

Mọi người có thể thấy được nếu không có Bắc-kinh là chỗ dựa về tư tưởng, chính trị và quân sự, thì tập đoàn thống trị của cái gọi là «Cam-pu-chia dân chủ» không thể tự do thi hành các chủ trương độc tài, phát xít đối với nhân dân Cam-pu-chia. Rất dễ hiểu vì sao trong khi cả loài người tiến bộ cực lực lên án tội ác diệt chủng của bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry thì những người cầm quyền Trung-quốc vẫn im hơi lặng tiếng. Trái lại, Bắc-kinh đã không tiếc lời ca ngợi bọn tay sai Pôn Pốt là đã «vạch ra một đường lối cách mạng đúng đắn», đã «rửa sạch những vết bùn nhơ-nhuộc của xã hội cũ», rằng «Cam-pu-chia dân chủ» đã có «gương mặt mới, rất rạng rỡ», «đang đứng hiên ngang ở phía đông của trái đất» v.v. và v.v. (trích thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc gửi trung ương đảng của Pôn Pốt ngày 29-9-1977). Tháng 11-1977, khi sang Cam-pu-chia, Trần-Vĩnh-Quý, phó thủ tướng Trung-quốc cũng tặng bốc bọn tay sai đèn mây xanh. Y ca tụng Pôn Pốt «đám làm những gì mà ông cha, những người thế hệ trước không dám làm và không bao giờ nghĩ đến, và đã đạt được thắng lợi vĩ đại».

Chính vì vậy mà bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry đã có lúc lớn tiếng huênh hoang, khoác lác rằng chế độ của chúng đã «đi đầu làm gương cho vùng Đông Nam Á và cho thế giới» (!).

Ngày nay, hai năm rưỡi 'mười, khi nhắc đến tấn thảm kịch diệt chủng ở Cam-pu-chia, dư luận chính trực trên thế giới đều nhận rõ bộ mặt ghê tởm của kẻ chủ mưu tội ác: đó là thế lực phản động đang ngự trị ở Trung-Nam-hải vẫn ngoan cố tiếp tục ra sức bao che, nuôi dưỡng bọn tội phạm Pôn Pốt - lêng Xa-ry đã bị Tòa án nhân dân cách mạng Cam-pu-chia kết án tử hình.

ĐẢNG BỘ NHÀ MÁY DỆT...

(Tiếp theo trang 81)

liên tục, vững chắc trong mọi mặt hoạt động, xứng đáng là một trong những lá cờ đầu của ngành công nghiệp dệt ở miền Nam. Đội ngũ công nhân ngày càng gắn bó với nhà máy, tin tưởng ở đảng bộ và đang ra sức vượt mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, đưa nhà máy tiến lên đạt những thắng lợi mới.

Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng ở đảng bộ Phong-phủ vẫn còn những khó khăn, những thiếu sót. Số đảng viên hiện có so với số công nhân viên chức của nhà máy mới chiếm tỷ lệ 2,7%. Sự tiến bộ về công tác phát triển Đảng giữa các chi bộ không đồng đều, ở chi bộ phân xưởng nhuộm còn có những mặt yếu so với các chi bộ khác.

Không chủ quan, thỏa mãn với những kết quả bước đầu, đảng bộ Nhà máy dệt Phong-phủ, trên cơ sở quán triệt chỉ thị số 72CT/TU của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác phát triển Đảng và kiện toàn, củng cố tổ chức Đảng, đang cố gắng làm tốt hơn nữa công tác phát triển Đảng và những yêu cầu khác của công tác xây dựng Đảng, nhằm bảo đảm cho sự lãnh đạo của đảng bộ ngày càng mạnh mẽ và vững chắc hơn nữa.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 11—1979 г.

ПЕРЕДОВАЯ — Наши первоочередные неотложные задачи.

ЛЕ ТХАНЬ НГИ — Некоторые вопросы развития производства потребительских товаров и местной промышленности

ЧАН ДО — Лучшие организовать культурную жизнь нашего народа.

ЛЕ КХАК — Экономические отношения между СРВ и СССР развиваются с каждым днем.

НГУЕН ДЫК БИНЬ — Реакционная сущность маоизма.

ЧИНЬ СУАН ТИЕН — Проблема управления продовольственным рынком в настоящее время.

ДОНГ ТХАО — Всемерно развивать местную промышленность, поставленную на службу быта, производства и обороны.

REVIEW OF COMMUNISM

№ 11 — 1979

Editorial — The urgent tasks facing us. *LÊ-THANH-NGHI* — Some problems on the development of consumer goods industry and regional industry.

TRẦN-ĐỖ — For a better advancement of our people's cultural life. *LÊ-KHẮC* — The ever-growing economic ties between Vietnam and the Soviet Union. *NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH* — The reactionary nature of Maoism. *TRINH-XUÂN-TIẾN* — The present management of the food market. *ĐỒNG-THẢO* — Strive to promote regional industry in order to serve life, production and combat.

REVUE DU COMMUNISME

№ 11 — 1979

Editorial — Nos tâches urgentes dans l'immediat. *LÊ-THANH-NGHI* — Quelques problèmes concernant le développement de l'industrie des articles de consommation et de l'industrie régionale. *TRẦN-ĐỖ* — Pour une meilleure organisation de la vie culturelle de notre peuple. *LÊ-KHẮC* — Les relations économiques entre le Vietnam et l'Union soviétique se développent sans cesse. *NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH* — La nature réactionnaire du maoïsme. *TRINH-XUÂN-TIẾN* — La gestion de l'actuel marché de vivres. *ĐỒNG-THẢO* — S'efforcer de développer l'industrie régionale au service de la vie, de la production et de la lutte.

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 11 — 1979

Editorial — Nuestras actuales tareas apremiantes. *LÊ-THANH-NGHI* — Unos problemas acerca del desarrollo de la industria de artículos de consumo y de la industria regional. *TRẦN-ĐỖ* — A mejorar la organización de la vida cultural de nuestro pueblo. *LÊ-KHẮC* — Las relaciones económicas entre Viet Nam y la Unión Soviética se desarrollan cada día más. *NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH* — La naturaleza reaccionaria del maoísmo. *TRINH-XUÂN-TIẾN* — Sobre la gestión del actual mercado de cereales. *ĐỒNG-THẢO* — A desarrollar la industria regional al servicio de la vida, la producción y el combate.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 11

1979

NĂM THỨ XXV (287)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần-Cao-Văn, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 22040, 25768

MỤC LỤC

Xã luận - Những nhiệm vụ cấp bách trước mắt của chúng ta	1
LÊ THANH-NGHI - Một số vấn đề về phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.	8
TRẦN-ĐỘ - Tỏ chức tốt hơn nữa đời sống văn hóa của nhân dân ta	23
LÊ-KHẮC - Quan hệ kinh tế Việt-nam - Liên-xô ngày càng phát triển	29
NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH - Thực chất phản động của chủ nghĩa Mao	36
TRỊNH-XUÂN-TIẾN - Quản lý thị trường lương thực hiện nay	48
ĐỒNG-THẢO - Ra sức phát triển công nghiệp địa phương phục vụ đời sống, sản xuất và chiến đấu	53
MẠNH-TÂN - Phát huy khả năng kinh tế cấp huyện trong việc đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu	58
Thảo luận - Về nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa ★ PHAN-HUY-LÊ - Về bản chất của nền văn hóa truyền thống Việt-nam ★ HÀ-VĂN-TẤN - Bàn thêm về cội nguồn lịch sử của đặc điểm văn hóa Việt-nam ★ TRẦN-QUỐC-VUÔNG - Cội nguồn và bản sắc của văn hóa Việt-nam	65
THUẬN-BÌNH - Đảng bộ Nhà máy dệt Phong-phú làm công tác phát triển Đảng	76
MINH-SÁM - Chúng hủy hoại văn hóa, tiêu diệt trí thức	82

J. S. A

KỶ NIỆM LẦN THỨ 62 CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI (1917 — 1979)

Tìm đọc:

HỒ - CHÍ - MINH

- Về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin
- Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc

LÊ - DUÂN

- Tiến lên dưới ngọn cờ Cách mạng tháng Mười vĩ đại
- Cách mạng tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam

TRƯỜNG - CHINH

- Kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười vĩ đại



L.I. BRÉ-GIƠ-NÉP

- Những bài nói và viết chọn lọc



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



12

12.1979

VỀ VẤN ĐỀ CAM-PU-CHIA

TRƯỜNG - CHINH



Ừ đầu năm nay, bọn đế quốc và bá quyền Trung-quốc cùng bẽ lũ tay sai của chúng la lối om sòm về cái gọi là « vấn đề Cam-pu-chia », ra sức vu cáo Việt-nam xâm lược Cam-pu-chia và đòi Việt-nam rút quân. Gần đây, chúng lại kêu la âm ỉ về nạn đói ở Cam-pu-chia, rõ những giọt nước mắt cá sấu và dựng lên cái gọi là « một cuộc diệt chủng mới » dưới chính quyền Heng Xom-rin. Ngày 14 tháng 11 vừa qua, Liên hợp quốc lại thông qua một nghị quyết sai trái về cái gọi là « tình hình Cam-pu-chia ».

Luận điệu tuyên truyền lừa bịp của bọn đế quốc và phản động

quốc tế làm cho một số người không am hiểu tình hình sinh ra hoài nghi, dao động, lẫn lộn trắng đen. Họ bị bức màn khói của kẻ thù che lấp sự thật.

Vậy thực chất vấn đề Cam-pu-chia là gì? Tình hình Cam-pu-chia thật sự ra sao? Bọn đế quốc và bá quyền Trung-quốc cùng các thế lực phản động khác đã và đang âm mưu những gì đối với Việt-nam, Cam-pu-chia, đối với cả bán đảo Đông-dương, một vị trí chiến lược quan trọng của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông-Nam châu Á? Lập trường chính nghĩa của Việt-nam như thế nào về vấn đề Cam-pu-chia?

I

Từ thế kỷ trước, Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia đều bị chủ nghĩa thực dân thống trị. Nhân dân ba nước cùng chung một cảnh

ngộ: làm nô lệ cho nước ngoài. Cuộc đấu tranh lâu dài của ba dân tộc vì độc lập, tự do thường liên quan chặt chẽ với nhau.

Từ năm 1945 đến năm 1975, nhân dân ba nước đoàn kết kháng chiến chống thực dân Pháp cướp nước, tiếp đến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Bã cơm sề nừa, hạt muối cắn đôi, nhân dân ba nước anh em đồng cam, cộng khổ, hy sinh xương máu chống kẻ thù chung. Họ sống chết có nhau, cùng chiến đấu và cùng chiến thắng.

Ngày 17 tháng 4 năm 1975, với sự giúp đỡ của lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam, cuộc kháng chiến của nhân dân Cam-pu-chia đã thắng lợi. Ngụy quyền Lon-non sụp đổ. Đế quốc Mỹ buộc phải rút khỏi Cam-pu-chia. Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã bị nhân dân Cam-pu-chia đánh bại. Đoàn kết chặt chẽ chống kẻ thù chung, cả ba dân tộc Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia giải phóng hoàn toàn Tổ quốc mình, và đáng lẽ đã có thể bắt tay vào hòa bình xây dựng đất nước mình theo con đường mà mỗi dân tộc lựa chọn.

Nhưng cách mạng Cam-pu-chia, cách mạng Đông-dương lại bị kẻ thù mới phá hoại. Với tham vọng bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã ấp ủ từ lâu giấc mộng chiếm Đông-Nam Á để từ đó mà «chinh phục thế giới». Do vị trí chiến lược của Việt-nam trên con đường Nam tiến của chúng, chúng rất chú trọng thôn tính Việt-nam. Ngay trong lúc nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia kháng chiến chống Pháp

và chống Mỹ, chúng đã thi hành chính sách giữ cho Việt-nam không thắng không bại, bị chia cắt lâu dài, làm nước đệm giữa Trung-quốc và chủ nghĩa đế quốc, luôn luôn suy yếu và lệ thuộc vào chúng.

Để thực hiện kế hoạch đánh chiếm Việt-nam trong âm mưu bành trướng và bá quyền của chúng, bọn phản động Bắc-kinh đã sớm chuẩn bị bàn đạp trên đất Cam-pu-chia.

Từ những năm 50, khi còn ở Pa-ri, bọn Pôn Pốt—lêng Xa-ry đã có chủ trương chống lại Việt-nam và tìm mọi cách xóa bỏ vai trò của Đảng cộng sản Đông-dương trong cách mạng Cam-pu-chia. Khi về nước hoạt động, chúng đã tìm mọi cách tiêu diệt những người cách mạng Khơ-me chân chính, đoạt quyền lãnh đạo cách mạng Cam-pu-chia. Năm 1965, sau khi đã nắm quyền lãnh đạo cao nhất trong Đảng, Pôn Pốt đã đến Bắc-kinh và được đón tiếp ân cần. Để đáp lại những lời phỉnh phờ của các nhà lãnh đạo Trung-quốc: «Cách mạng Cam-pu-chia là trung tâm của cách mạng ở Đông-Nam Á, Đảng Cam-pu-chia là đảng mác-xít lê-ni-nít chân chính», Pôn Pốt đã tặng bốc: «Trung-quốc có vị trí là trung tâm của phe cách mạng... Tư tưởng Mao-Trạch-Đông là chủ nghĩa Mác—Lê-nin ngày nay». Sự cầu kết giữa các nhà lãnh đạo Trung-quốc và bè lũ Pôn Pốt—lêng Xa-ry bắt đầu từ đó.

Đối với Việt-nam, bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry công khai nói hữu nghị, nhưng lại luôn luôn kích động hằn thù dân tộc trong nhân dân Cam-pu-chia chống nhân dân Việt-nam. Chúng tìm cách cô lập, giết hại bộ đội tình nguyện Việt-nam đang đổ máu, hy sinh vì độc lập của Cam-pu-chia ngay trên đất Cam-pu-chia trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

Sau khi nước Cam-pu-chia được hoàn toàn giải phóng, lợi dụng thắng lợi của cách mạng, bè lũ Pôn Pốt – lêng Xa-ry ráo riết thực hiện những mưu đồ của quan thầy chúng ở Bắc-kinh ra sức **biến Cam-pu-chia thành một thuộc địa kiểu mới của Trung-quốc, một căn cứ chiến lược để đánh Việt-nam và thôn tính Đông-dương, một bàn đạp để bành trướng xuống Đông – nam châu Á.**

II

Ta hãy xem bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry đã xây dựng «Cam-pu-chia dân chủ» theo mô hình của «cách mạng văn hóa» Trung-quốc như thế nào?

Về **đời nội**, chúng tuyên bố thực hiện «chủ nghĩa cộng sản độc đáo của Cam-pu-chia». Dưới sự chỉ đạo của các cố vấn Trung-quốc, chúng dựng lên một thứ «chủ nghĩa xã hội» kỳ quái nhất, phản động nhất, «chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính». Chúng ra sức thực hiện một xã hội không có thành thị, không có gia đình và trường học, không có chợ búa và tiền tệ, không có chùa chiền; chỉ có những trại tập trung gọi là «công xã lớn», ở đó nhân dân phải lao động khổ sai, dưới roi, vọt của ăng-ca. Trong «công xã», từ cụ già đến em nhỏ, ai nấy đều phải lao động như nô lệ, bị đánh đập như súc vật. Nhiều phụ nữ bị tuyệt đường sinh đẻ. Con người bị đập chết hàng loạt bằng

cuộc, xẻng, báng súng bất cứ lúc nào. Những người yêu nước, yêu tự do, công lý, có văn hóa, có tri thức đều «đáng tội chết»! Ngay những sĩ quan, binh lính trong quân đội của chúng, chỉ cần bị thoáng nghĩ ngờ, là lập tức bị thủ tiêu. Hàng chục vạn Việt kiều và cả Hoa kiều cũng không thoát khỏi cảnh dày ai, khủng bố, giết hại. Đảng cộng sản Cam-pu-chia bị phá tan tành và thay thế bằng một «đảng» mới kiểu mao-ít của Pôn Pốt. Cam-pu-chia lúc đó đã biến thành một địa ngục trần gian.

Chỉ trong ba năm dưới chế độ Pôn Pốt – lêng Xa-ry, trong tổng số bảy triệu nhân dân Cam-pu-chia, ba triệu đã bị tiêu diệt. Đó là tai họa khủng khiếp của một chế độ diệt chủng quái gở chưa từng có trong lịch sử loài người, lại mang danh «chủ nghĩa xã hội», «chủ nghĩa cộng sản» – đề bôi nhọ chủ nghĩa xã hội, chủ

nghĩa cộng sản! Bọn đồ tề Pôn Pốt – lèng Xa-ry đã bán cả linh hồn và thể xác cho chủ nghĩa bành trướng Bắc-kinh, rắp tâm thủ tiêu dân tộc Khơ-me trong một thời gian ngắn nhất để cho Trung-quốc di dân sang, biến Cam-pu-chia thành quận, huyện của Trung-quốc, do tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh nắm chặt hòng phục vụ cho chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền của chúng.

Thực chất chế độ Pôn Pốt – lèng Xa-ry là **một nền độc tài phát-xít đầm máu kết hợp với một nền độc tài phong kiến trung cổ, đội lốt chủ nghĩa xã hội.**

Về đối ngoại, theo gậy chỉ huy của Bắc-kinh, bè lũ Pôn Pốt – lèng Xa-ry hung hăng thực hiện chính sách xâm lược và hiếu chiến. Chúng phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, khiêu khích vũ trang đối với Lào và Thái-lan, từ chối mọi quan hệ và hợp tác quốc tế với các nước không liên kết, đóng cửa với thế giới bên ngoài trừ Trung-quốc. Cái gọi là « Cam-pu-chia dân chủ » đã trở thành hiểm họa đối với hòa bình và an ninh ở Đông – Nam Á và thế giới.

Với Việt-nam, bọn Pôn Pốt – lèng Xa-ry đã tổ thái độ cồng khai thù địch ngay sau khi hai dân tộc, cùng chung một chiến hào, vừa kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tháng 5 năm 1975, chúng cho quân đồ bộ lên đảo Phú-Quốc và

đảo Thổ-chu, **xâm phạm lãnh thổ Việt-nam từ Hà-tiên đến Tây-ninh.** Cuối năm 1975 và đầu năm 1976, chúng lần chiếm lãnh thổ Việt-nam thuộc các tỉnh Gia-lai – Công-tum và Đắc-lắc. Từ giữa năm 1976, chúng kích động trong nhân dân và quân đội của chúng tư tưởng sô-vanh, tâm lý chống Việt-nam, coi Việt-nam là « kẻ thù truyền kiếp », « kẻ thù số 1 ». Ngày 30 tháng 4 năm 1977, chúng dùng nhiều sư đoàn tiến công trên toàn tuyến biên giới tỉnh An-giang nước ta, mở rộng các cuộc xung đột vũ trang ở biên giới hai nước thật sự thành một cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Mục tiêu của chúng nằm trong ý đồ chung của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc là: xâm lấn lãnh thổ Việt-nam, phá hoại công cuộc lao động hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt-nam; gây hấn thù giữa hai dân tộc; lấy cớ thanh trừng nội bộ trong thời chiến để đánh lạc hướng dư luận trong nước và dư luận thế giới về những tội ác diệt chủng của chúng đối với nhân dân Cam-pu-chia. Chúng còn mưu đồ biến Cam-pu-chia thành một vị trí xuất phát cho cuộc chiến tranh xâm lược của Bắc-kinh chống Việt-nam với hai mũi tiến công: từ phía bắc đánh xuống bằng đại quân Trung-quốc và từ phía tây – nam đánh lên bằng quân đội của bọn tay sai Pôn Pốt – lèng Xa-ry. Mũi đánh vòng chiến lược ở phía tây – nam này

là một ngọn dòn ác hiểm giáng vào sườn nhân dân ta.

Cuộc chiến tranh xâm lược của bè lũ Pôn Pốt – lêng Xa-ry chống Việt-nam thực chất là một cuộc chiến tranh của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, do Bắc-kinh tổ chức, nuôi dưỡng và chỉ đạo. Nó nằm trong kế hoạch **từng bước kiểm chế, làm suy yếu và thôn tính Việt-nam**. Cuộc chiến tranh đó nhằm thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn của Bắc-kinh, nhưng lại núp dưới danh nghĩa một « cuộc phản công tự vệ » của Cam-pu-chia để « chống lại sự xâm lược của Việt-nam » ! Quân vừa ăn cướp vừa la làng. Thật là quỷ quyệt ! Nhân dân Việt-nam ta mình còn đầy thương tích sau 30 năm chiến tranh giải phóng chống Pháp và chống Mỹ, lại phải tiếp tục đổ máu trong một cuộc chiến tranh mới để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu của mình.

Như vậy là bọn dao phủ Pôn Pốt – lêng Xa-ry, tay sai của Bắc-kinh, đã đồng thời phạm hai tội ác liên quan chặt chẽ với nhau: diệt chủng chống nhân dân Cam-pu-chia và gây chiến tranh xâm lược chống nhân dân Việt-nam. Bằng hành động điên cuồng **diệt chủng và xâm lược**, chúng đã vi phạm nghiêm trọng những nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc. Người Cam-pu-chia nào phản đối chiến tranh xâm lược Việt-nam thì bị tiêu diệt. Những người khác đi lính cho bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry thì làm bia đỡ đạn cho bọn bành trướng Bắc-kinh và tay sai của chúng. Bọn dao phủ ở Phnôm Pênh gây hấn thù dân tộc đối với nhân dân Việt-nam hòng gạt mũi nhọn đấu tranh của nhân dân Cam-pu-chia ra ngoài nước. Chúng dùng kỷ luật thời chiến để đàn áp dẫm máu những người chống đối chế độ man rợ của chúng.

III

Song song với việc tiến hành chiến tranh giấu mặt chống Việt-nam ở biên giới tây-nam, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh ra sức phá hoại Việt-nam từ bên trong. Chúng đã dùng Hoa kiều làm **đội** quân thứ năm hoạt động gián điệp, chống phá nhiều chính sách của Chính phủ Việt-nam. Chúng đã thi hành

chính sách kiểm chế và **gây áp lực** trong khi viện trợ cho Việt-nam kháng chiến chống xâm lược, buộc Việt-nam phải phụ thuộc vào Trung-quốc.

Ngay từ năm 1975, sau thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ ở Việt-nam, không những chúng đã từ chối những yêu cầu viện trợ mới của Việt-nam, mà còn cố tình dấy

đưa, trì hoãn những công trình đã ký kết giúp Việt-nam và đang làm dở. Tháng 7 năm 1978, dùng một cái chùng đơn phương tuyên bố chấm dứt toàn bộ viện trợ kinh tế, kỹ thuật cho Việt-nam, gọi các chuyên gia và cán bộ kỹ thuật đang công tác ở Việt-nam về nước. Đó là lúc nhân dân ta vừa phải đối phó với chiến tranh xâm lược ở biên giới tây - nam, vừa phải khôi phục kinh tế bị chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ tàn phá, vừa phải khắc phục những hậu quả của thiên tai dồn dập. Cũng trong khoảng thời gian đó, chúng dựng lên một chiến dịch vu cáo Việt-nam « xua đuổi, bài xích và khùng bố người Hoa ». Sự thật là chúng đã sử dụng bộ máy tuyên truyền và hời giảo điệp cài sẵn ở Việt-nam hằng ngày tuôn ra những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt nhằm dọa dẫm lừa gạt, dụ dỗ người Hoa. Chúng làm cho người Hoa lo sợ chiến tranh Trung - Việt sắp nổ ra, nghi ngờ, oán ghét người Việt-nam, do đó bỏ sản xuất, bỏ làm ăn, kéo di Trung-quốc. Thực chất vấn đề « nạn kiều » chỉ là một chiến dịch của chúng cường bức người Hoa di cư di Trung-quốc hòng gây rối loạn, khó khăn cho Việt-nam về chính trị, kinh tế và xã hội; đồng thời, kích động, lừa gạt dư luận nhân dân Trung-quốc, chuẩn bị cho chiến tranh xâm lược chống Việt-nam.

Đề chuẩn bị chiến tranh xâm lược quy mô lớn, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-

kinh cổ, tình gây căng thẳng thường xuyên ở biên giới phía bắc, điều động binh lực, xây dựng công sự, làm sân bay, làm đường quân sự, đẩy mạnh khiêu khích và lấn chiếm lãnh thổ Việt-nam.

Ở phía tây - nam, theo lệnh quan thầy Bắc-kinh, bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ry đã ngoan cố chống lại thái độ thiện chí và hết sức kiên nhẫn của Chính phủ ta, từ chối đề nghị hợp tình hợp lý của phía Việt-nam nhằm giải quyết hòa bình quan hệ giữa hai nước (1). Ý đồ của chúng là duy trì cuộc chiến tranh ở biên giới tây - nam, chuẩn bị một cuộc xâm lược quy mô lớn phối hợp với cuộc tiến công của quan thầy từ phía bắc.

Ở phía tây, bọn phản động Bắc-kinh cũng tìm mọi cách uy hiếp, đe dọa nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nuôi dưỡng bọn phản động Lào và bọn phi người Mèo do Mỹ để lại, dùng cái gọi là « những lực lượng làm đường » để lũng đoạn tình hình chính trị, kinh tế, gây căng thẳng về quân sự ở Thượng Lào, nhằm uy hiếp Việt-nam từ phía

(1) Trong Tuyên bố ngày 5 tháng 2 năm 1978, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã đề nghị với chính quyền Pôn Pốt ba điểm tóm tắt như sau :

— Chấm dứt ngay mọi hoạt động quân sự thù địch ở vùng biên giới; lực lượng vũ trang của mỗi bên đóng sâu trong lãnh thổ của mình cách đường biên giới 5 ki-lô-mét ;

— Hai bên gặp nhau ngay để bàn bạc và ký một hiệp ước hữu nghị và không xâm lược nhau, và ký hiệp ước về biên giới;

— Thỏa thuận về một hình thức thích hợp bảo đảm quốc tế và giám sát quốc tế.

tây, đồng thời làm suy yếu hồng
khuất phục nhân dân Lào,

Nước Việt-nam ta đứng trước
nguy cơ bị xâm lược từ hai hướng
và bị kẹp giữa hai gọng kìm chiến
lược: một gọng kìm của quân đội
Pôn Pốt—lềng Xa-ry ở vùng biên
giới tây-nam; một gọng kìm từ
phía bắc của quân đội bành
trướng Trung-quốc đã ở trong
tư thế sẵn sàng tiến công, vượt
qua biên giới Việt-nam bất cứ
lúc nào.

Theo một quy luật của chủ
nghĩa bành trướng đại dân tộc
Trung-quốc đối với Việt-nam,
Bắc-kinh lặp lại chiến lược tiến
công Việt-nam của các triều đại
phong kiến Trung-quốc đã diễn
ra nhiều lần trong lịch sử: đánh
thẳng vào chính diện kết hợp với
danh vòng ở sau lưng. Thật vậy,
trong thế kỷ thứ XI, dưới đời nhà
Lý, bọn phong kiến nhà Tống ở
Trung-quốc đã cấu kết với vua

Chăm-pa, dùng quân Chăm-pa
quấy phá biên giới phía nam
Việt-nam để chuẩn bị cho quân
nhà Tống từ phía bắc đánh xuống.
Trong thế kỷ thứ XIII, dưới đời
nhà Trần, để xâm lược Việt-nam
lần thứ hai, giặc Nguyên lại dùng
một lực lượng khá mạnh do Toa-
Đô chỉ huy, liên minh với quân
Chăm-pa đánh vào miền Nam
nước ta, để phối hợp chiến lược
với đại quân do Thoát-Hoan thống
lĩnh từ phía bắc đánh xuống.
Nhưng nếu những lần đó **chiến
lược hai gọng kìm và chiến lược
đánh vòng** của quân Trung-quốc
đã thất bại thảm hại, thì lần này
những chiến lược đó cũng thất
bại nốt.

Ý đồ chiến lược của bọn bành
trướng Bắc-kinh mưu toan bóp
nghẹt Việt-nam đã quá rõ. Vấn
đề còn mất đối với dân tộc Việt
nam một lần nữa lại được đặt
ra.

IV

Hai dân tộc anh em Việt-
nam và Cam-pu-chia rõ ràng
cùng chung kẻ thù là bọn bành
trướng và bá quyền Bắc-kinh
cùng bè lũ Pôn Pốt—lềng Xa-ry,
tay sai của chúng. Cuộc đấu tranh
của nhân dân hai nước tự nhiên
có tác dụng hỗ trợ cho nhau và
trên thực tế đã kết hợp rất chặt
chẽ với nhau. Nhân dân Việt-nam
tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ
quốc chống bọn xâm lược Pôn
Pốt—lềng Xa-ry, tay sai của

Bắc-kinh. Nhân dân Cam-pu-chia
làm nội chiến cách mạng cũng
chống bọn đó. Cuộc nội chiến cách
mạng này vừa lật đổ chế độ Pôn
Pốt—lềng Xa-ry, vừa giải phóng
dân tộc khỏi ách nô dịch của bọn
bá quyền Trung-quốc. Tính chất
**vừa đối kẻ thù bên trong, vừa
đối kẻ thù bên ngoài** đó là một đặc
trưng của chiến tranh cách mạng
chân chính của nhân dân các
nước thuộc địa (nhất là thuộc địa
kiểu mới) trong thời đại ngày nay

Bè lũ đế quốc và bọn bá quyền Trung-quốc kêu: cách mạng Cam-pu-chia là « do Việt-nam dựng nên », chính quyền cách mạng Cam-pu-chia là « bù nhìn của Việt-nam » ! Nhưng có áp bức thì có đấu tranh, áp bức càng tàn bạo thì đấu tranh càng quyết liệt.

Năm 1973, nhân dân địa phương và những người yêu nước trong quân đội Pôn Pốt – lêng Xa-ry, từ Ra-ta-na-ki-ri đến Cô-công đã nổi dậy chống lại chúng. Ở Ra-ta-na-ki-ri, đó là cuộc nổi dậy của các dân tộc người Thượng. Ở Cô-công, là cuộc nổi dậy của dân tộc Thái, sau khi bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry giết mười tỉnh ủy viên người dân tộc Thái, và trong chiến đấu, một ủy viên trung ương Đảng cộng sản Cam-pu-chia đã hy sinh.

Từ năm 1975 đến năm 1978, khi bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry đẩy mạnh chính sách diệt chủng, tàn sát nhân dân, tăng cường những cuộc thanh trừng nội bộ cả trong và ngoài quân đội, gây chiến tranh xâm lược Việt-nam, thì phong trào nổi dậy của nhân dân và các cuộc binh biến, ly khai trong quân đội chống chính sách diệt chủng của bọn cầm quyền, chống chiến tranh xâm lược Việt-nam, đã phát triển mỗi ngày một rộng và lan dần ra cả nước. Tháng 3 năm 1976, đó là cuộc nổi dậy của nhân dân Chom-ca-luông và tháng 4 năm 1976, của nhân dân Xiêm-riệp. Tháng 1 năm 1977, nhân dân Bắc Xiêm-riệp và Bat-dôm-boong vũ trang

nổi dậy, được sư đoàn 1 bảo vệ Phnôm Pênh phối hợp. Như các cuộc nổi dậy khác, cuộc nổi dậy này đã bị đàn áp thẳng tay. Nhiều cán bộ cao cấp của sư đoàn bị thanh trừng, trong đó có cả ủy viên trung ương đảng của Pôn Pốt – lêng Xa-ry. Rồi đến các cuộc nổi dậy của nhân dân Công-pông Chàm và Môn-dun-ki-ri tháng 3 và tháng 4 năm 1977 và của nhân dân các tỉnh thuộc khu vực miền Đông tháng 5 năm 1978.

Các cuộc thanh trừng đẫm máu của Pôn Pốt – lêng Xa-ry đối với Quân khu Tây – Nam, Quân khu Bắc, đặc biệt là đối với Quân khu 203 tháng 5 năm 1978, càng kích động phong trào chống đối quyết liệt trong quân đội của chúng. Các đơn vị vũ trang ly khai chính quyền Pôn Pốt – lêng Xa-ry ngày càng nhiều. Cuộc đấu tranh của quân đội và nhân dân **phát triển dần thành một phong trào quần chúng rộng rãi gồm nhiều tầng lớp xã hội**. Những người yêu nước và các đơn vị ly khai đã vào rừng xây dựng các căn cứ kháng chiến. Phong trào đấu tranh ngày càng mang tính chất tự giác và có tổ chức, đã dẫn đến sự ra đời của **Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia** ngày 2-12-1978, do ông Hêng Xom-rin, nguyên ủy viên Ban chấp hành đảng bộ khu Đông, nguyên sư đoàn trưởng kiêm chính ủy sư đoàn 4, làm Chủ tịch.

Rõ ràng cách mạng của một nước không thể nhập khẩu từ ngoài vào. Cuộc nội chiến cách

mạng của nhân dân Cam-pu-chia nảy sinh và lớn lên ngay trong đất nước của nền văn minh Ang-co, do những nguyên nhân bên trong, từ những mâu thuẫn đối kháng trong nội bộ cái xã hội quái gở mà bọn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry đã dựng lên ở Cam-pu-chia dưới sự chỉ đạo của Bắc-kinh. Trong cuộc đấu tranh cách mạng này, nhân dân Cam-pu-chia đã kết hợp chặt chẽ việc vùng lên đánh đổ chế độ của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry với việc đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt-nam do bọn bành trướng Bắc-kinh và bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry gây ra. Nhiều cán bộ và chiến sĩ trong quân đội của Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, bị bọn đầu sỏ thúc ép đi gây tội ác ở Việt-nam, đã phản chiến, chống lệnh ra trận. Họ đã bỏ ngũ và quay súng bắn lại bọn ác ôn, chạy về với nhân dân, vào rừng lập chiến khu hoặc lánh nạn sang Việt-nam, cùng nhân dân ta chống bọn bán nước Pôn Pốt — Iêng Xa-ry và quan thầy của chúng.

Cuộc diệt chủng của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry đối với dân tộc Cam-pu-chia và cuộc chiến tranh của chúng xâm lược Việt-nam đã làm cho nhân dân hai nước một lần nữa lại cùng chiến đấu chống kẻ thù, chung Bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry dốc lực lượng ra biên giới đây mạnh chiến tranh xâm lược Việt-nam, bị quân và dân Việt-nam tiêu diệt ngày càng nhiều. Tình hình ấy đã tạo ra biết bao kẻ hở ở hậu phương và cả

trong sào huyệt cuối cùng của chúng. Đó là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân Cam-pu-chia vùng lên quyết liệt đánh đổ ách thống trị của chúng.⁶

Cuối tháng 12 năm 1978, theo lệnh Bắc-kinh, với 19 trong tổng số 23 sư đoàn đã được điều lên biên giới Cam-pu-chia — Việt-nam, bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry mở một cuộc tiến công xâm lược quy mô lớn vào vùng biên giới tây — nam của Tổ quốc ta. Nhiều sư đoàn tinh nhuệ của chúng đã tiến công Bến-sỏi (Tây-ninh) với mục tiêu nhanh chóng chiếm thị xã Tây-ninh, mở đường cho các bước phiêu lưu quân sự tiếp theo vào sâu nội địa ta, uy hiếp nghiêm trọng thành phố Hồ-Chí-Minh.

Sự kiên nhẫn của quân và dân Việt-nam là có giới hạn. Các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam đã lập tức cùng nhân dân ở vùng biên giới tây — nam đánh trả mạnh mẽ, phản công quyết liệt, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch trên lãnh thổ Việt-nam; sau đó, nhanh chóng chuyển sang tiến công vào đất địch, tiêu diệt quân địch từ nơi xuất phát của chúng. Chiến tranh xâm lược ở biên giới tây — nam được loại trừ.

Lợi dụng thời cơ bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry dốc lực lượng quân sự ra biên giới để mở rộng chiến tranh xâm lược Việt-nam và bị quân và dân Việt-nam tiêu diệt nặng, không đủ sức đàn áp cách mạng ở hậu phương nữa, nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết

Dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, đã **đồng loạt đứng lên, đòi chiến tranh xâm lược Việt-nam ra nội chiến cách mạng, tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, kết hợp với cuộc tiến công quyết liệt của Quân đội nhân dân Việt-nam, nhanh chóng đánh sập chế độ thống trị của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry.**

Ngày 7 tháng 1 năm 1979, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt chủng của Pôn Pốt – Iêng Xa-ry và họa thực dân mới của bọn bành trướng Trung-quốc.

Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt-nam và cuộc nội chiến cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia đã phối hợp với nhau quật đổ kẻ thù chung một cách mau lẹ. Kẻ thù bị đánh trước mặt, đánh sau lưng. Chúng không thể nào chống đỡ nổi. Hàng nghìn cổ vấn Trung-quốc phải rút chạy bán sống bán chết sang Thái-lan. Hàng vạn

quân Pôn Pốt – Iêng Xa-ry phải bỏ các thành phố, thị xã, thị trấn, trốn vào rừng, bị tiêu diệt, đầu hàng hoặc tan rã...

Làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình, quân và dân Việt - nam đã giúp quân và dân Cam-pu-chia lần lượt giải phóng nhiều thành phố khác và vùng nông thôn rộng lớn. Cuộc tiến công và nổi dậy của nhân dân Cam-pu-chia, phối hợp với cuộc chiến tranh tự vệ của lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam, đã toàn thắng.

Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia thành lập.

Nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ra đời.

Nhân dân Cam-pu-chia hồi sinh, vươn lên làm chủ vận mệnh của mình.

Tình hữu nghị anh em lâu đời giữa hai dân tộc Việt-nam – Cam-pu-chia được khôi phục.

Gọng kìm chiến lược của Trung-quốc uy hiếp Việt-nam từ phía Cam-pu-chia bị bẻ gãy.

V

Không cam tâm chịu thất bại, bọn bành trướng Bắc-kinh, vẫn thực hiện kế hoạch đã chuẩn bị từ trước. Ngày 17 tháng 2 năm 1979, chúng huy động gần 60 vạn quân Trung-quốc trực tiếp xâm lược Việt-nam từ phía bắc. Lực lượng xâm lược của chúng gồm 11 quân đoàn chủ lực và hơn 20 sư đoàn bộ binh, nhiều

binh chủng kỹ thuật, gần 600 xe tăng và xe bọc thép, hàng nghìn khẩu pháo, hàng trăm máy bay các loại. Chúng đã huy động cả những lực lượng tinh nhuệ nhất từ các đại quân khu Vũ-hán, Thành-dô, Bắc-kinh để chuẩn bị mở rộng quy mô chiến tranh xâm lược. Nếu không bị quân và dân ta chặn đứng, thì nhất định,

với chiến lược «biên người», chúng đã tiến sâu hơn nữa trên đất nước ta.

Đây là một cuộc chiến tranh xâm lược của bọn hành trưởng và bá quyền Bắc-kinh, bóc lột hoàn toàn bộ mặt phản động của chúng trong âm mưu chống độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa xã hội, phản bội chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phá hoại tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân hai nước Việt – Trung. Cuộc chiến tranh đó đã được bọn đế quốc đứng đầu là Mỹ bật đèn xanh cho làm, trong dịp Đặng-Tiêu-Binh đi Mỹ và đi Nhật (đầu tháng 2 năm 1979).

Đề đối phó với dư luận trong và ngoài nước nghiêm khắc lên án, chúng lại dùng thủ đoạn vừa ăn cướp và la làng, và nói bừa rằng: đây là «cuộc phản công tự vệ» của bộ đội biên phòng, «một cuộc hành quân hạn chế về không gian và thời gian». Chúng còn ngạo mạn tuyên bố: «đánh sập huyền thoại bách chiến bách thắng của Việt-nam», «dạy cho Việt-nam một bài học». Thật là khôi hài. Kẻ vừa phải nhận một bài học thấm thía ở Cam-pu-chia lại muốn cho người ta một bài học!

Dư luận phương Tây nói: Trung-quốc đánh Việt-nam là đề gở thế diện, đề cứu nguy cho bè lũ tay sai ở Cam-pu-chia. Nhưng ta chớ quên thực chất của vấn đề. Bọn hiếu chiến Trung-quốc đánh Việt-nam là vì Việt-nam đã anh dũng giương cao ngọn cờ chống chủ nghĩa bành trướng

và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc, vì Việt-nam là trở lực lớn nhất trên con đường Nam tiến của bọn hành trưởng và bá quyền Bắc-kinh, Việt-nam có một vị trí chiến lược rất quan trọng trong kế hoạch của chúng thôn tính Đông – Nam Á. Bằng chiến tranh xâm lược Việt-nam, bọn Trung-quốc xâm lược muốn «trở tài» là đối xung kích phản cách mạng chống chủ nghĩa xã hội và phong trào độc lập dân tộc; chúng muốn tăng cường với bọn đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, hồng cầu xin Mỹ giúp đỡ để mau chóng thực hiện «bốn hiện đại hóa» nhằm «chinh phục thế giới» sau này.

Phát huy truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm của mình, quân và dân ta trên các tỉnh biên giới phía bắc, được sự chi viện của cả nước và sự cổ vũ của nhân dân Liên-xô, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa khác và nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, đã tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu. Cuộc chiến tranh xâm lược của Bắc-kinh đã thất bại thảm hại, thất bại toàn diện, thất bại rất nặng nề, cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Kẻ thù không đạt được những mục tiêu chủ yếu đã đề ra. Cuộc chiến tranh đã bóc lộ những nhược điểm của quân đội Trung-quốc xâm lược đụng đầu với một đối phương thiện chiến. **Rõ ràng quân đội Trung-quốc đông mà không mạnh.** Nhân

dàn ta hoàn toàn có khả năng đánh bại mọi cuộc phiêu lưu quân sự của chúng trong mọi tình huống.

Bọn hành trưởng Bắc-kinh cũng thất bại cay đắng về mặt chính trị và ngoại giao. Bộ mặt cách mạng giả hiệu của chúng đã bị bóc trần trước nhân dân trong và ngoài nước.

Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược Việt-nam xuất hiện ở nhiều thành phố Trung-quốc. Nhiều binh sĩ Trung-quốc bỏ ngũ để khỏi phải ra trận đánh Việt-nam. Làn sóng phản nộ chống Trung-quốc xâm lược nổi lên mạnh mẽ trên khắp thế giới. Liên-xô, nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh nhất, chỗ dựa vững chắc của cách mạng và hòa bình thế giới, đã dành cho nhân dân ta sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, kịp thời, có hiệu quả, theo tinh thần của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô. Các nước xã hội chủ nghĩa khác, các lực lượng hòa bình, tiến bộ, tất cả những người có lương tri trên thế giới đều kịch liệt lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa của bọn hành trưởng Bắc-kinh. Hội nghị quốc tế khẩn cấp ủng hộ Việt-nam (2) tại Hen-xanh-ki, thủ đô Phần-lan,

đã ra tuyên bố lên án nghiêm khắc cuộc chiến tranh xâm lược, đòi « Trung-quốc phải rút ngay lập tức và không điều kiện tất cả các lực lượng, cho đến người cuối cùng khỏi đất nước Việt-nam ». Các khẩu hiệu « Toàn thế giới đứng bên cạnh Việt-nam ! », « Bọn xâm lược Trung-quốc cút khỏi Việt-nam ! », « Không được đụng đến Việt-nam ! » do Hội nghị Hen-xanh-ki đưa ra đã được hô vang tại các cuộc mít-tinh quần chúng ở rất nhiều nơi trên thế giới và biến thành hành động thiết thực ủng hộ nhân dân Việt-nam chống Trung-quốc xâm lược.

Trong khi nhân dân Việt-nam ủng hộ và giúp đỡ nhân dân Campuchia đấu tranh để tự giải phóng khỏi họa diệt chủng, chính những giới đã nhao nhao lên án « Việt-nam là kẻ xâm lược Campuchia » thì lúc đó lại im miệng hèn trước hành động xâm lược trắng trợn của Trung-quốc đối với Việt-nam hoặc chỉ đưa đây một vài câu mị dân cho qua chuyện.

Ai là bạn, ai là thù của nhân dân Việt-nam và nhân dân Đông-dương đã rõ.

Ai là bạn, ai là thù của hòa bình và công lý trên thế giới cũng đã rõ.

VI

Ta xem đó, cuộc chiến tranh xâm lược của Pôn Pốt - lêng Xa-ry, tay sai của bọn bá quyền Bắc-kinh, và cuộc chiến tranh xâm

lược của bọn bá quyền Bắc-kinh đối với Việt-nam đều là **phi nghĩa**.

(2) Hội nghị Hen-xanh-ki [hợp ngày 6-3-1979.

Cuộc thảm sát diệt chủng của Pôn Pốt – lêng Xa-ry đối với nhân dân Cam-pu-chia cũng là **phi nghĩa**. Còn hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt-nam, chống quân Trung-quốc và quân Pôn Pốt – lêng Xa-ry xâm lược đều là **chính nghĩa**. Cuộc nội chiến cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia, mà đỉnh cao là cuộc tiến công và nổi dậy đầu năm 1979 đánh đổ bè lũ diệt chủng Pôn Pốt – lêng Xa-ry là **chính nghĩa**. Đương nhiên, hành động giúp đỡ của quân và dân Việt-nam đối với cuộc tiến công và nổi dậy đó của quân và dân Cam-pu-chia cũng là **chính nghĩa**.

Đã là chính nghĩa thì nhân dân Việt-nam, nhân dân Cam-pu-chia có quyền và có nghĩa vụ phải làm. Đã là phi nghĩa thì nhân dân Việt-nam, nhân dân Cam-pu-chia có quyền và có nghĩa vụ chống lại. Bọn đế quốc và thực dân, bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc cùng bè lũ tay sai của chúng không thể đổi trắng thay đen, xáo trộn phải trái được.

Sau bao năm đấu tranh gian khổ mới giành được độc lập, tự do, nhân dân Việt-nam không có nguyện vọng nào thiết tha hơn là được sống trong hòa bình để băng bó các vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc của mình, xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị với các nước láng giềng, các dân tộc khác. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh nói: « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ». Chúng ta càng thiết tha

với độc lập, tự do của Tổ quốc ta bao nhiêu càng chân thành tôn trọng độc lập, tự do của các dân tộc khác bấy nhiêu. Lịch sử dân tộc Việt-nam là lịch sử đấu tranh kiên cường, bất khuất vì độc lập, tự do. Sự xâm lược và nô dịch nước khác hoàn toàn xa lạ với bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa Việt-nam và đối với con người Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Quân và dân Việt-nam tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tiêu diệt quân địch ở biên giới tây-nam của nước mình, đánh bại chiến tranh xâm lược của bọn Pôn Pốt – lêng Xa-ry, lại đánh bại chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc ở biên giới phía bắc. **Đó là quyền tự vệ chính đáng của một dân tộc độc lập, có chủ quyền.**

Nhân dân Cam-pu-chia tiến hành nội chiến cách mạng mang tính chất chiến tranh giải phóng, lật đổ ách thống trị diệt chủng của bọn tay sai Bắc-kinh, thoát khỏi nanh vuốt của bọn bá quyền Trung-quốc, giành lại quyền làm chủ vận mệnh của mình, làm lại cuộc cách mạng đã bị phản bội, tiếp tục đưa đất nước Ăng-co tiến lên trên con đường độc lập, dân chủ và chủ nghĩa xã hội chân chính. **Đó là quyền tự quyết thiêng liêng của một dân tộc, không ai có quyền can thiệp vào.**

Quân và dân Việt-nam giúp đỡ anh em Cam-pu-chia chiến đấu chống bọn diệt chủng, tay sai của

Bắc-kinh, giành độc lập, tự do thật sự. Bằng cuộc chiến đấu thắng lợi của mình, nhân dân Cam-pu-chia góp phần thủ tiêu họa xâm lược từ đất Cam-pu-chia, thiết thực giúp đỡ nhân dân Việt-nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. **Đó là những hành động chính đáng thể hiện quyền của các dân tộc đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau chống kẻ thù chung, vì lợi ích chính đáng của mình.**

Vì vậy, chúng ta coi nghị quyết mới đây của Đại hội đồng Liên hợp quốc về Cam-pu-chia là vô giá trị, vì nó phủ nhận chính nghĩa, trái với đạo lý, không đếm xỉa đến tình hình khách quan của Cam-pu-chia. Nghị quyết đó đã đi ngược lại tuyên bố của Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 25 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 Ngày thành lập Liên hợp quốc (2-11-1970) nói rằng các nước và các dân tộc có quyền «trong cuộc chiến đấu chính nghĩa của mình, yêu cầu và chấp nhận tất cả những sự giúp đỡ cần thiết về tinh thần và vật chất phù hợp với những mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương» (3).

Hành động chính nghĩa của nhân dân Việt-nam, nhân dân Cam-pu-chia là **phù hợp với những nguyên tắc của Phong trào các nước không liên kết và Hiến chương Liên hợp quốc.** Việt-nam đã thi hành và bảo vệ Hiến chương đó. Chính bọn bành trướng và bá quyền Bắc-kinh và tay sai của chúng là những kẻ

đã vi phạm trắng trợn Hiến chương đó.

Quân đội nhân dân Việt-nam hiện còn tiếp tục ở lại Cam-pu-chia giúp nhân dân Cam-pu-chia bảo vệ độc lập, tự do, chống lại âm mưu phục hồi chế độ diệt chủng của Pôn Pốt — lừng Xa-ry và chế độ thực dân mới của Bắc-kinh. Đó là vì mục đích hòa bình và chính nghĩa, vì nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, đồng thời đó cũng là việc làm **rất hợp pháp**, bởi vì nó **đáp ứng đúng nguyện vọng sống còn của nhân dân Cam-pu-chia**, do **Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia và Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, đại diện cho nhân dân Cam-pu-chia, chính thức yêu cầu** Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia, ngày 18 tháng 2 năm 1979, đã xác minh và làm cơ sở pháp lý cho hành động đó.

Ngày 16 tháng 7 năm 1979, Bộ ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia đã tuyên bố: « Nhân dân Cam-pu-chia khắp nơi phấn khởi chào đón Quân đội nhân dân Việt-nam như những người anh em thân thiết, cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của nhân dân và Quân đội nhân dân Việt-nam. Đó là sự thật đã được hàng trăm khách nước ngoài đến thăm Cam-pu-chia xác nhận, được cả loài người tiến bộ nhiệt liệt ca ngợi.

(3) Đây là nói Hiến chương Liên hợp quốc.

không ai có thể xuyên tạc được... Sự có mặt của Quân đội nhân dân Việt-nam ở Cam-pu-chia là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước, phù hợp với những nguyên tắc của Phong trào không liên kết và của Hiến chương Liên hợp quốc ».

Chừng nào nguy cơ phục hồi chế độ diệt chủng và xâm lược của bọn đao phủ Pôn Pốt — lêng Xa-ry, nguy cơ xâm lược của bọn bành trướng Bắc-kinh cũng như của bọn đế quốc và tay sai không còn nữa, đồng thời Chính phủ cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia yêu cầu, thì Quân đội Việt-nam sẽ rút về nước, cũng như nó đã rút khỏi Cam-pu-chia và Lào sau khi đã giúp nhân dân hai nước đó giành được thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Trong tuyên bố ngày 16-7 1979, Bộ ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia lại khẳng định : « Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam luôn luôn tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Chừng nào bọn tàn quân Pôn Pốt — lêng Xa-ry, tay sai của Bắc-kinh và các bọn phản động khác tay sai của đế quốc không còn hoạt động phá hoại cuộc sống yên lành của nhân dân Cam-pu-chia, chừng nào bọn bành trướng Bắc-kinh và bọn đế quốc đồng minh của Bắc-kinh không còn thông qua bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry và các bọn

phản động khác đe dọa nền độc lập của Cam-pu-chia, thì Quân đội nhân dân Việt-nam sẽ rút ngay về nước ».

Tuyên bố chung ngày 25-8-1979 về cuộc đi thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam của đoàn đại biểu nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia cũng nêu rõ : « Hai bên trình trọng tuyên bố **khi nào bọn bành trướng Bắc-kinh cũng các thế lực đế quốc và phản động không đe dọa độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và đời sống yên lành của Cam-pu-chia, thì với sự thỏa thuận của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, Quân đội nhân dân Việt-nam sẽ rút về nước** ». Đó là công việc riêng của hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia, không ai có quyền can thiệp.

Ba dân tộc anh em Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia cùng sống trên bán đảo Đông-dương, cùng bị bọn thực dân, đế quốc thống trị lâu đời. Kinh nghiệm chung của họ là : bọn thực dân, đế quốc, từ thực dân Pháp, phát-xít Nhật đến đế quốc Mỹ, luôn luôn tìm mọi cách thống trị cả ba nước ở Đông-dương, biến Đông-dương thành thuộc địa và căn cứ quân sự của chúng. Chúng lại thường dùng chính sách chia để trị, dùng nhân dân nước này chống lại nhân dân nước kia, dùng địa bàn nước này để xâm chiếm nước khác. Trong hai cuộc chiến tranh xâm lược vừa qua, thực dân Pháp và sau đó là đế quốc Mỹ đã biến

Đông-dương thành một chiến trường hồng đánh bại cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ba nước. Vì vậy, nhân dân ba nước không thể không đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau chống kẻ thù chung. Khối đoàn kết và liên minh chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, được xây dựng, củng cố và tôi luyện trong cuộc chiến tranh giải phóng lâu dài, là một trong những nhân tố thắng lợi của nhân dân mỗi nước.

Ngày nay, nhân dân Cam-pu-chia bị bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, tay sai của Bắc-kinh, thi hành chính sách diệt chủng, lại bị bắt đi làm bia đỡ đạn đánh Việt-nam, củng cố xiềng xích của chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc. Nhân dân Việt-nam quyết không thể khoan tay đứng nhìn; phải tự cứu mình và cứu anh em Cam-pu-chia khỏi tai họa đó.

Nhân dân Việt-nam, nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào nhất định đoàn kết chiến đấu, làm thất bại âm mưu bành trướng và bá quyền Trung-quốc trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Hành động cách mạng của nhân dân ba nước Đông-dương thiết thực đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền của các nước Đông – Nam Á và Nam Á, giữ gìn an ninh trong khu vực và hòa bình trên thế giới.

Trong thế kỷ thứ XIII, bọn phong kiến nhà Nguyên đã xâm lược Việt-nam, định giẫm lên lưng nhân dân Việt-nam để xuống Đông – Nam Á và Nam Á. Nhân dân Việt-nam đã đoàn kết chiến đấu chống quân xâm lược, chặn đứng bọn phong kiến nhà Nguyên trên con đường Nam tiến của chúng, đề tự cứu mình và góp phần cứu các dân tộc ở Đông – Nam Á và Nam Á khỏi họa diệt vong. Ngày nay, lịch sử lại giao phó cho nhân dân Việt-nam sứ mệnh cùng với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia làm thất bại âm mưu bành trướng và bá quyền của Trung-quốc. **Nhân dân Việt-nam quyết tâm làm tròn nhiệm vụ dân tộc thiêng liêng của mình và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả do lịch sử giao phó.**

VII

Tình hình Cam-pu-chia là **không thể đảo ngược được**. Chính phủ Hôeng Xom-rin đã quản lý toàn bộ đất nước. Luận điệu nặn ra ở Cam-pu-chia hai vùng với hai chế độ, hai chính quyền và hai quân đội đang đánh

nhau là hoàn toàn sai sự thật. Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, 4 triệu dân Cam-pu-chia, từ cõi chết trở về, đang chạy đua với thời gian, ra sức khôi phục lại nước nhà, và chỉ trong gần

một năm đã thu được những thành tích phi thường. Những sào huyết cuối cùng của bè lũ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry bị triệt hạ. Bọn tàn quân của chúng dần dần bị quét sạch, chỉ còn từng nhóm lẻ tẻ hoạt động như thỏ phi ở vùng biên giới tiếp giáp với Thái-lan. Chính quyền nhân dân đã được thiết lập vững chắc từ trung ương đến địa phương. Nhân dân được trở về làng cũ, tỉnh cũ. Gia đình được sum họp sau bao năm ly tán. Mọi mặt sinh hoạt trong nước dần dần trở lại bình thường. Nền kinh tế được phục hồi từng bước. Bà con nông dân tự nguyện lập các tổ, đội sản xuất, cây bừa, trồng trọt và đang chuẩn bị thu hoạch vụ lúa mùa đầu tiên sau ngày giải phóng. Nhiều xí nghiệp như các nhà máy điện, nước, dệt, v.v. đã trở lại hoạt động cùng với hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường không. Mạng lưới bưu điện phát triển dần tới thôn xã. Sau khi được tu bổ, sửa sang, nhiều bệnh viện ở các thành phố và các tỉnh lại thu nhận bệnh nhân. Các đội y tế lưu động đã hoạt động tại nhiều vùng hẻo lánh. Trường học lại mở cửa, học sinh tung tăng cắp sách đến trường. Chùa chiền được trùng tu, đón các nhà sư trở về tụng kinh, niệm Phật. Chợ búa lại mở cửa, hàng hóa bắt đầu giao lưu giữa các địa phương trong nước. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao được phục hồi, mang không khí tươi

vui đến cho nhân dân. Nhân dân Cam-pu-chia đã trở thành người chủ thật sự cuộc sống mới của mình.

Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, không liên kết và hợp tác rộng rãi, đang mở rộng hoạt động đối ngoại và phát triển quan hệ hữu nghị với các nước. Uy tín của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia đã được nhân dân cách mạng và những lực lượng hòa bình, tiến bộ trên thế giới nhiệt liệt đồng tình và tích cực ủng hộ. Tính đến tháng 11-1979, Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã được hơn 30 nước chính thức công nhận. Ngay từ ngày đầu, nhân dân Việt nam, nhân dân Liên-xô và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa khác đã dành cho nhân dân Cam-pu-chia sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả; tạo điều kiện cho nhân dân Cam-pu-chia ổn định đời sống về mọi mặt; đã và đang giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia đẩy lùi nạn đói, hậu quả của chế độ diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xa-ry. Chính quyền Heng Xom-rin đang vượt qua khó khăn, tổ chức tiếp nhận và phân phối có hiệu quả hàng trăm nghìn tấn lương thực do Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và các tổ chức nhân đạo quốc tế viện trợ.

Tất nhiên, những hậu quả nặng nề về nhiều mặt của nhiều năm chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và của 4 năm dưới chế độ diệt chủng Pôn Pốt — Iêng Xa-ry không thể giải quyết được trong một thời gian ngắn. Nhưng rõ ràng, trong 10 tháng qua, những thành tựu mà nhân dân Cam-pu-chia đã đạt được thật đáng tự hào. Chính quyền Hêng Xom-rin đã tỏ rõ hiệu lực thực tế của nó, thật sự là một chính quyền cách mạng của nhân dân, tiêu biểu cho lợi ích của nhân dân và được nhân dân hết lòng ủng hộ. **Đó là người đại diện chân chính và hợp pháp duy nhất của nhân dân Cam-pu-chia.** Bộ mặt của đất nước Cam-pu-chia đang thay đổi hẳn. Trên những năm mồ của một cuộc diệt chủng tàn bạo, cả một dân tộc, với quá khứ huy hoàng của nền văn minh Ang-co, đã hồi sinh và đang vững bước tiến lên theo xu thế chung của thời đại.

Chúng ta phấn khởi chào mừng thắng lợi lịch sử vĩ đại của nhân dân Cam-pu-chia. Cách mạng Cam-pu-chia đang tiến mạnh. Bánh xe lịch sử không quay ngược như bọn đế quốc và thực dân, bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc cùng phe lũ mong muốn. **Vấn đề Cam-pu-chia đã và đang được nhân dân Cam-pu-chia giải quyết bằng biện pháp cách mạng,** với sự giúp đỡ của Việt-nam và Lào, của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới.

Hiện nay, bọn bành trướng và bá quyền Bắc-kinh, bọn đế quốc, thực dân và bè lũ tay sai của chúng đang tiến hành nhiều âm mưu và thủ đoạn mới hòng khôi phục lại chế độ diệt chủng ở Cam-pu-chia, tiếp tục chống phá cách mạng Cam-pu-chia, cách mạng Việt-nam, cách mạng Lào. **Phái chủ trương dùng giải pháp quân sự cho vấn đề Cam-pu-chia. Phái chủ trương dùng giải pháp chính trị. Có phái lại chủ trương dùng cả ba giải pháp quân sự, chính trị và kinh tế kết hợp.** Tất cả những thế lực phản động nhất của thời đại đang xúm lại để chống phá độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Đông-dương, chống phá cách mạng Cam-pu-chia. Song những thế lực đó quên rằng vấn đề Cam-pu-chia chỉ có thể giải quyết và thực tế đang được giải quyết **bằng biện pháp cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia,** do Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia lãnh đạo, không thể có biện pháp nào khác.

Gần đây, đế quốc Mỹ và bọn bá quyền Bắc-kinh cùng các thế lực phản động khác lợi dụng vấn đề viện trợ nhân đạo để cứu đói ở Cam-pu-chia nhằm thực hiện những mưu đồ xấu xa của chúng. Rõ ràng chúng cố ý **bơm to vấn đề này** hòng gây sức ép với Chính phủ Hêng Xom-rin, **tạo điều kiện phục vụ cho tàn quân Pôn Pốt ở biên giới Cam-pu-chia — Thái-lan đang tan rã.** Trong bức điện gửi cho Tổng thư ký Liên hợp

quốc ngày 30-10-1979, Bộ trưởng ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia « kiên quyết lên án và bác bỏ mọi mưu toan và hành động dùng viện trợ nhân đạo để can thiệp vào Cam-pu-chia » và khẳng định rằng « lợi dụng chiêu bài viện trợ nhân đạo để tiếp tế cho bọn tàn quân Pôn Pốt – Iêng Xa-ry là hành động tội ác giúp chúng phục hồi chế độ diệt chủng ở Cam-pu-chia ».

Những người có lương tri phải tự hỏi: nếu thật sự vì lòng nhân đạo đối với nhân dân Cam-pu-chia, thì sao người ta không sử dụng hết khả năng nhận hàng viện trợ của cảng Công-pông Xom và của sân bay Pô-chen-tông là những nơi đã được Chính phủ Hềng Xom-rin cho phép đưa hàng viện trợ đến? Chính phủ Việt-nam và Chính phủ Hềng Xom-rin đã đồng ý cho tàu chở hàng viện trợ cứu đói ngược sông Mê-công đến tận Phnôm Pênh. Nhưng người ta vẫn tiếp tục đòi xe vận tải hàng viện trợ phải đi đường bộ từ đất Thái-lan sang. Rồi không được toại nguyện thì người ta vu khống cho Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là cản trở việc làm nhân đạo, « thi hành một chính sách diệt chủng mới », muốn cho nhân dân Cam-pu-chia chết đói! Tại sao người ta cứ khẳng khái viện trợ cho nhân dân Cam-pu-chia không thông qua Chính phủ thực tế ở Cam-pu-chia hiện nay là Chính

phủ Hềng Xom-rin? Bạn đọc có thể tự trả lời câu hỏi đó một cách dễ dàng.

Từ trước đến nay, viện trợ nhân đạo về lương thực, thuốc men, v.v. của Liên-xô, Việt-nam, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cho nhân dân Cam-pu-chia còn hơn viện trợ của các nước khác gấp nhiều lần. Sự giúp đỡ vô tư, khẳng khái đó, cùng với những cố gắng vượt bậc của chính quyền cách mạng và nhân dân Cam-pu-chia đang đẩy lùi từng bước và có hiệu quả nạn đói do bọn diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xa-ry gây ra.

Trong khi bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, bọn đao phủ, bọn diệt chủng Pôn Pốt – Iêng Xa-ry rêu rao về « nhân đạo », thì đồng thời chúng xúc tiến việc chuẩn bị chiến tranh. Bắc-kinh đe dọa « cho Việt-nam bài học thứ hai », sẵn sàng lao vào một cuộc phiêu lưu quân sự mới. Chúng vu cáo Liên-xô tăng cường lực lượng ở châu Á, vu cáo Việt-nam chuẩn bị xâm lược Thái-lan. Trong khi đó, chính đế quốc Mỹ đã kiểm soát dân tị nạn, triển khai lực lượng hải quân ở biển Đông và Đông-Nam Á. Các thế lực phản động còn ráo riết chuẩn bị « quốc tế hóa vấn đề Cam-pu-chia », thực chất là nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của Cam-pu-chia, chống lại quyền tự quyết của nhân dân Cam-pu-chia anh em. Nhân dân các nước Đông-dương phải hết sức đề cao cảnh giác.

Sự phản ứng điên cuồng của bọn hành trưởng và bá quyền Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc để chống phá cách mạng Cam-pu-chia, cách mạng các nước Đông-dương làm cho Đông-dương và Đông-Nam Á trở thành một trong những khu vực nóng bỏng nhất hiện nay trên thế giới. Rõ ràng ở đây không phải chỉ là vấn đề Cam-pu-chia, mà thật sự là **một cuộc chạm trán lịch sử** giữa các thế lực phản động nhất với những lực lượng cách mạng của thời đại trong thời kỳ «sau Việt-nam».

Tiến hành cái gọi là «cuộc trường chinh thứ hai» nhằm hiện đại hóa Trung-quốc hòng làm bá chủ toàn cầu, bọn hành trưởng và bá quyền Bắc-kinh **đã câu kết với chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ**, để chống lại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân các nước Đông-dương. Trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của nó, đế quốc Mỹ cũng **đang chơi con bài Trung-quốc** chống Việt-nam, chống nhân dân các nước Đông-dương, chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đang phát triển mạnh mẽ, chống hòa bình thế giới.

Trong cái liên minh ma quỷ ấy, bọn đế quốc và bọn hành trưởng Trung-quốc tuy có nhiều mâu thuẫn với nhau, nhưng lại thống nhất trong âm mưu chống phá cách mạng các nước Đông-dương.

Các nước ASEAN, đối tượng thôn tính trong chiến lược hành trưởng của Bắc-kinh xuống Đông-Nam Á, đang được Bắc-kinh tạm thời ve vãn. Một số nước ASEAN còn được coi như đồng minh của Bắc-kinh trong âm mưu hành trưởng và xâm lược. Đây là một sự tập hợp lực lượng mới của tất cả các thế lực phản động quốc tế chống nhân dân ba nước Đông-dương. Nó đe dọa nghiêm trọng hòa bình và ổn định ở Đông-Nam Á và trên toàn thế giới.

Tuy vậy, tất cả những hành động điên cuồng cũng như mọi thủ đoạn xảo trá của chủ nghĩa bá quyền Bắc-kinh, của chủ nghĩa đế quốc, dù núp dưới chiêu bài nào và bằng bất cứ hình thức gì, cũng nhất định sẽ thất bại thảm hại. Tình hình Đông-dương, tình hình thế giới đã khác xa rồi. Lần đầu tiên trên bán đảo Đông-dương, đã xuất hiện ba nước độc lập, có chủ quyền, cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội: nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Đó là một cục diện mới, chưa từng có, tốt đẹp hơn bao giờ hết. Trên thế giới, từ những năm 70, trong khi đế quốc Mỹ xâm lược bị thất bại thảm hại ở Việt-nam và trong thời kỳ mà nhiều nhà chiến lược gọi là «thời kỳ sau Việt-nam», đã xuất hiện một bước phát triển mới của ba dòng thác cách mạng của thời đại. Liên-xô, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới được củng cố và

vững mạnh cả về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội phấp phới tung bay trên nhiều nước ở khắp các lục địa, từ châu Âu đến châu Á, từ châu Mỹ đến châu Phi. Phong trào độc lập dân tộc phát triển mạnh mẽ và ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh vì dân chủ và tiến bộ xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước để quốc chủ nghĩa ngày càng dâng cao. Các lực lượng đấu tranh cho hòa bình ngày càng lớn mạnh, thực tế đã và đang đẩy lùi từng bước những thế lực hiếu chiến nhất.

Sức mạnh của mỗi dân tộc Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia nằm trong sức mạnh chung của các dân tộc Đông-dương, được nhân lên gấp bội. Nhân dân các nước trên bán đảo Đông-dương lại được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn và có hiệu lực của Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và của loài người tiến bộ. Trong hoàn cảnh ấy, nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân các nước Đông-dương hoàn toàn có khả năng giữ vững và phát triển những thành quả cách mạng của mình. Nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, dân chủ,

trung lập, không liên kết và tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội xuất hiện từ ngày 7 tháng 1 năm 1979 đang trưởng thành nhanh chóng. Cái thầy ma Pôn Pốt đã nát ruỗng rồi. Bọn phù thủy Bắc-kinh hay là Oa-sinh-ton có cao tay đến mấy cũng không làm cho nó sống lại trong nhân dân Cam-pu-chia được nữa!



Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân tộc Việt-nam ta nhất định sẽ cùng với nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào anh em đánh bại mọi âm mưu và hành động của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, làm thất bại mọi mưu đồ nham hiểm của chủ nghĩa đế quốc và của bọn phản động quốc tế. Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, ba dân tộc anh em nhất định sẽ bảo vệ vững chắc Tổ quốc mình, bảo vệ công cuộc xây dựng đất nước mình theo con đường mà mỗi nước đã lựa chọn, góp phần tích cực vào sự nghiệp của nhân dân toàn thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC THƯ BẠN ĐỌC HOẶC THƯ BẠN NGHE ĐÀI GỬI CHO CÁC BÁO VÀ ĐÀI PHÁT THANH

Ngày 13-11-1979, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị, toàn văn như sau :

BÁO chí của Đảng, đoàn thể, là tiếng nói của Đảng, đoàn thể, đồng thời là tiếng nói của nhân dân. Thư bạn đọc gửi cho báo, thư bạn nghe đài gửi cho đài phát thanh là hình thức đề công dân thực hiện quyền làm chủ tập thể trong việc tham gia quản lý và giám sát, kiểm tra các hoạt động của cơ quan và cán bộ, nhân viên Nhà nước. Nghị quyết số 60/NQ ngày 8-12-1958 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và chỉ thị số 197-CT/TU ngày 13-3-1972 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ đẩy mạnh phê bình, tự phê bình trên báo chí. Điều 23 của nghị định số 217-CP ngày 8-6-1979 của Hội đồng Chính phủ đã quy định các cơ quan Nhà nước phải tôn trọng, xem xét, giải quyết và trả lời nghiêm túc các ý kiến của nhân dân gửi qua các đoàn thể, các cơ quan báo chí hoặc đài phát thanh.

Gần đây, các cơ quan báo chí, đài phát thanh đã nhận được nhiều thư khiếu nại hoặc tố giác những cán bộ, nhân viên của các cấp, các ngành vi phạm chính sách, luật pháp, xâm phạm hoặc làm lãng phí tài sản của Nhà nước, vi phạm quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, trù dập, ức hiếp quần chúng. Một số vụ đã được cơ quan có trách nhiệm xem xét, giải quyết tương đối tốt, được quần chúng hoan nghênh. Qua thư bạn đọc và bạn nghe đài, các báo và

đài đã phản ánh được tình hình và nguyên vong của nhân dân lên các cấp lãnh đạo của Đảng, Chính phủ. Đồng thời, góp phần biểu dương, khuyến khích người tốt việc tốt, phê phán, ngăn chặn những việc làm sai trái.

Song ở nhiều nơi còn có tình trạng không tiếp thu phê bình hoặc tiếp thu chiều lê, người có trách nhiệm chỉ xem xét qua loa hoặc bỏ qua không xem xét việc nhân dân khiếu tố, khiếu nại; có trường hợp thư của người khiếu tố lại bị chuyển đến tay kẻ bị khiếu tố xem xét và đã trả đáp hoặc gây khó khăn cho người khiếu tố, khiếu nại. Một số vụ việc được phản ánh lên báo, đài, chẳng những cơ quan có trách nhiệm trực tiếp không chịu giải quyết, mà cơ quan quản lý ngành ở cấp trên, kể cả ở cơ quan trung ương, cũng không kiểm tra, đón đóc giải quyết, hoặc không có thái độ nghiêm túc tiếp thu, rút kinh nghiệm để chỉ đạo các cơ quan cấp dưới. Cũng có trường hợp các ngành không muốn báo chí công khai phê bình những việc làm sai, những thói hư tật xấu của cán bộ, nhân viên ngành mình.

Để chấm dứt tình trạng trên, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị :

1 - Các báo chí và đài phát thanh, truyền thanh, khi nhận được thư bạn đọc phê bình, khiếu nại về những hiện tượng làm sai luật pháp và chế độ, chính sách của Nhà nước, đều có quyền điều tra, chất vấn, yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm làm sáng tỏ hoặc giải quyết các vấn đề bạn đọc

và bạn nghe đài nêu lên. Với sự hướng dẫn của Ban Tuyên huấn trung ương và các tỉnh, thành phố, sau khi xác minh sự việc, các ban biên tập báo và đài có thể chủ động quyết định đăng công khai các vấn đề bạn đọc gửi cho báo và đài phát thanh, truyền thanh để đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, ủng hộ những việc làm tốt của quần chúng và các cơ quan Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan báo và đài phát thanh, truyền thanh có quyền không nêu tên người viết thư hoặc bài đăng báo để bảo vệ họ. Cần bảo đảm những sự việc nêu trên báo, đài là **đúng sự thật, giữ gìn bí mật Nhà nước** và không để cho kẻ xấu lợi dụng, vu cáo, v.v.

2—Sau khi nhận được các báo cáo, thư tố giác, thư bạn đọc mà các báo phản ánh về cán bộ, nhân viên vi phạm luật lệ, chính sách, chế độ của Nhà nước, người thủ trưởng cơ quan quản lý các công việc được nêu lên hoặc quản lý cán bộ, nhân viên phải đứng trên tinh thần thi hành nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và luật pháp Nhà nước mà **xem xét ngay và trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày** phải xử lý và trả lời người đã báo cáo hoặc trả lời các báo, đài đã chuyển thư bạn đọc, thư bạn nghe đài đến cơ quan mình.

Gặp trường hợp phải điều tra thêm thì trong thời hạn 30 ngày nói trên người phụ trách phải thông báo cho người đã báo cáo biết và thời hạn trả lời không được chậm quá ba tháng, kể từ ngày nhận được báo cáo. Trong trường hợp các cơ quan có trách nhiệm không xem xét, không giải quyết hoặc giải quyết không đúng những vấn đề đặt ra thì cơ quan báo, đài có quyền nhắc nhở, và nếu cần thì báo cáo cơ quan quản lý hoặc cơ quan lãnh đạo cấp trên, hoặc tiếp tục phê bình công khai trên báo, đài. Chính phủ nghiêm cấm mọi hành động trả thù người viết thư cho báo, đài làm cản trở công việc điều tra, xác minh

của các phóng viên, mọi thái độ thiếu trách nhiệm đối với những việc làm sai trái hoặc dung túng, bao che người có lỗi.

3—Mọi cơ quan hoặc cá nhân bị phê bình, chất vấn trên báo, đài đều có trách nhiệm tiếp thụ phê bình, sửa chữa khuyết điểm; và có quyền thanh minh những điều bị dư luận hiểu lầm, cải chính những điều không đúng sự thật.

4—Thủ trưởng các cơ quan quản lý các ngành ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khi thấy báo chỉ đăng những việc thuộc ngành mình, địa phương mình thì phải kiểm tra xác minh công việc xảy ra, đồng thời phải đôn đốc nhắc nhở các cơ quan cấp dưới, xử lý các việc sai trái. Trong trường hợp bạn đọc hoặc bạn nghe đài yêu cầu thì thủ trưởng cơ quan quản lý ở trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải trả lời cho nhân dân, cho cơ quan báo hoặc đài phát thanh. Cơ quan quản lý cấp trên phải rút kinh nghiệm chấn chỉnh công tác quản lý của cấp mình và tìm cách ngăn chặn các việc làm sai diễn lại ở các nơi khác.

5—Các cơ quan thanh tra Nhà nước, các ban thanh tra của công nhân, ban thanh tra nhân dân khi thấy báo, đài phát thanh đưa tin về hành động sai trái của cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, thì trong phạm vi quyền hạn của mình, có trách nhiệm và có quyền đôn đốc nhắc nhở các cơ quan có liên quan xem xét giải quyết, hoặc trực tiếp tổ chức việc xem xét giải quyết. Nếu đã nhắc nhở mà cơ quan có liên quan không giải quyết thì có quyền báo cáo với cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý ngành cấp trên để can thiệp giải quyết.

Văn phòng Phủ Thủ tướng có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ nắm tình hình dư luận nhân dân phản ánh qua các báo, đài phát thanh và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện đúng chỉ thị này.

Quân đội nhân dân Việt-nam tròn 35 tuổi

HOÀNG-MINH-THẢO

BA mươi lăm năm ròng rã, quân đội ta, từ những đơn vị nhỏ bé với vũ khí thô sơ lớn lên thành những binh đoàn hùng mạnh, đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, đánh thắng những kẻ thù hung ác, lập những chiến công oanh liệt, cùng toàn dân viết nên bản anh hùng ca kỳ diệu của chiến tranh cách mạng Việt-nam.

Ba mươi lăm năm qua quân đội ta đã cùng toàn dân :

- Chống phát xít Nhật, tổng khởi nghĩa giành lấy chính quyền (8-1945) ;
- Đánh thắng thực dân Pháp xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Bắc nước ta (7-1954) ;
- Chống Mỹ, cứu nước thắng lợi.

giải phóng hoàn toàn miền Nam (4-1975), thống nhất Tổ quốc ;

- Tiêu diệt đội quân xâm lược của bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry, tay sai của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, góp phần cùng Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước và nhân dân Cam-puchia giải phóng đất nước Cam-puchia khỏi tai họa diệt chủng ; đánh bại hơn nửa triệu quân Trung-quốc xâm lược, buộc chúng phải rút chạy khỏi nước ta (2-1979).

35 năm qua, quân đội ta đã thực hiện thắng lợi lời dạy của Bác Hồ kính yêu : “ Trung với Đảng, hiếu với dân,... nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng ”.

Những nhân tố gì tạo nên sức mạnh của quân đội ta ?

QUÂN ĐỘI TA ĐƯỢC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM TỔ CHỨC, XÂY DỰNG VÀ LÃNH ĐẠO

Sự lãnh đạo của Đảng quyết định *bản chất cách mạng, bản chất giai cấp công nhân, tính chất kiểu mới của quân đội*. Nhờ có sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng mà quân đội ta, quân đội của một nước kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phân tán, công nghiệp chưa phát triển, nông dân chiếm đại đa số trong nhân dân, lại có đầy đủ *bản chất giai cấp công nhân*. Nó là lực lượng chủ yếu của Đảng và của nhân dân để tiến hành đấu tranh cách mạng bằng hình thức vũ trang, là công cụ sắc bén, đáng tin cậy của Đảng để bảo đảm nền chuyên chính vô sản, bảo đảm nền độc lập tự do của Tổ quốc và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Lý tưởng của Đảng là *lý tưởng, là mục tiêu chiến đấu của quân đội ta*. Đường lối của Đảng tạo nên sức mạnh vô địch cho lực lượng vũ trang nhân dân ta.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm kim chỉ nam, làm cơ sở để xây dựng, giáo dục quân đội, và làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trở thành hệ tư tưởng của quân đội. Đảng đem lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc, tinh thần triệt để cách mạng của giai cấp công nhân, truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng mà rèn luyện quân đội, vũ trang chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho quân đội.

Về mặt tổ chức, quân đội ta được xây dựng theo đường lối tổ chức lực lượng vũ trang nhân dân mà Đảng đã đề ra. Đảng đào tạo nên một ngũ cán bộ đông đảo có lập trường chiến đấu vững chắc, hết lòng vì dân vì nước, có trình độ quân sự và trình độ chính trị cao, có quyết tâm nắm vững lực lượng vũ trang, hoàn thành mọi

nhiệm vụ mà Đảng giao cho. Đảng xây dựng một hệ thống tổ chức Đảng vững chắc làm hạt nhân lãnh đạo, để quân đội đứng vững trước mọi sóng gió chính trị cũng như vượt qua mọi thử thách gay go trong cuộc chiến đấu chống quân thù dù chúng đông và mạnh như thế nào.

Đảng giáo dục quân đội thực hiện sự thống nhất *ý chí, tư tưởng và hành động* trong hàng ngũ của mình, sự đoàn kết chặt chẽ giữa cán bộ với chiến sĩ, quân đội với nhân dân. Đảng lấy mối quan hệ đồng chí làm cơ sở để xây dựng quan hệ nội bộ trong quân đội, làm cho mọi người thật sự bình đẳng về chính trị, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, bảo vệ nhau, quên mình vì đồng chí, đồng đội.

Đảng xây dựng tinh thần tự giác giữ gìn kỷ luật, xây dựng kỷ luật nghiêm minh cho quân đội.

Đảng hết sức coi trọng sức mạnh của tổ chức, của cơ sở vật chất kỹ thuật, không ngừng phấn đấu cho quân đội có những vũ khí ngày càng tốt, có cơ sở vật chất cần thiết để đánh giặc. Đảng động viên, tổ chức quân đội đi sâu vào khoa học quân sự, nắm vững kỹ thuật và chế ngự được mọi loại vũ khí hiện đại của giặc. Đảng rất quan tâm xây dựng quân đội ngày một *chính quy hiện đại*.

Đảng xây dựng cho quân đội có *tinh thần yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng*. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội ta chiến đấu với sức mạnh của cả dân tộc và sức mạnh đoàn kết quốc tế, sức mạnh của truyền thống 4000 năm và sức mạnh của thời đại.

Nguồn gốc sức mạnh của quân đội ta cơ bản và chủ yếu là sự lãnh đạo

của Đảng, ở đường lối đúng đắn và sáng tạo, cách mạng và khoa học, ở năng lực tổ chức to lớn của Đảng. Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, quân đội ta có đầy đủ quyết tâm để đánh

thắng kẻ thù. Trung thành tuyệt đối với Đảng, chấp hành triệt để mọi mệnh lệnh của Đảng là bản chất, là nguyên tắc, là quy luật chiến thắng của quân đội ta.

QUÂN ĐỘI TA TỪ NHÂN DÂN MÀ RA, VÌ NHÂN DÂN MÀ CHIẾN ĐẤU, ĐƯỢC NHÂN DÂN CHUNG SỨC CHIẾN ĐẤU

Quân đội ta ra đời, lớn lên trong phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong quá trình xây dựng đội ngũ của mình, quân đội ta không hề thu nạp một đơn vị nào vốn là tổ chức vũ trang của bọn đế quốc thực dân và phong kiến trước đây. Quân đội ta là đội xung kích trong đạo quân khởi nghĩa vĩ đại của toàn dân, lớn lên như thỏi trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Nó là quân đội của những người vùng dậy giành quyền làm chủ với sức mạnh dời non lấp biển đập tan các xiềng xích của chế độ thuộc địa và phong kiến. Nó tập hợp đông đảo thanh niên sôi sục nhiệt huyết cách mạng. Nó tiêu biểu sức mạnh đứng dậy làm chủ của một dân tộc anh hùng đang chiến thắng.

Khi thể, tinh thần, tâm lý, lòng tin đó, sức mạnh đó, được nuôi dưỡng, rèn luyện, củng cố, phát triển trong các cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa đế quốc và các loại phản động.

Từ sau khi miền Nam được giải phóng, nước nhà được thống nhất, cách mạng Việt-nam chuyển sang thời kỳ cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Quân đội ta lại mang thêm sức sống mới của chế độ làm chủ tập thể, mang thêm sức thanh xuân của chủ nghĩa xã hội đang được xây dựng ở nước ta.

Nhân dân Việt-nam luôn luôn chăm sóc quân đội của mình. Lốp lốp thanh niên xung phong vào bộ đội. Các mẹ, các chị chặt chiu từng hạt gạo, củ khoai nuôi bộ đội. Trong chiếc nôi vững chắc của nhân dân, các đơn vị đầu tiên trưởng thành, các đơn vị hoạt động trong lòng địch lớn lên. Núi rừng Việt-bắc «che bộ đội, vây quân thù». Lòng dân trở thành căn cứ vững mạnh của quân đội. Thành phố Sài-gòn dày đặc quân đội, cảnh sát Mỹ — nguy nhưng luôn có đủ cơ sở cho bộ đội sống, hoạt động, liên tiếp đánh vào hậu cứ, bộ máy đầu não Mỹ — nguy.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt-nam chung sức chiến đấu với quân đội, phát huy truyền thống cả nước đánh giặc. Giặc đến mỗi người dân thành một người lính, mỗi làng thành một chiến lũy, mỗi huyện thành một pháo đài. Nhân dân đã dùng súng đạn và mọi vũ khí chính trị, kinh tế, binh vận, để phối hợp với quân đội đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc. Có toàn dân chung sức chiến đấu, sức mạnh của quân đội được nhân lên bội phần và cũng do đó mà có nhiều cách đánh diệu kỳ.

Không ngừng phát huy tinh thần cách mạng của quần chúng nhân dân, quân đội ta còn là một *quân đội công tác*. Lúc mới ra đời, nó là đội quân tuyên truyền. Từ nhỏ đến lớn, quân đội ta tiến hành không mệt mỏi công

tác vận động cách mạng trong nhân dân, thực hiện quân và dân một ý chí.

Quân đội ta thấm thía tình sâu nghĩa nặng của nhân dân. Đối với người "mẹ" mang nặng đẻ đau, quân đội ta luôn luôn tỏ ra là người con rất mực hiếu thảo. Vì nhân dân quên mình, quân đội ta chiến đấu vì nước

vì dân. Kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân là lời thề của quân đội. Từ nhân dân mà ra, vì nhân dân và cùng nhân dân chiến đấu, quân đội ta giữ gìn tình đoàn kết quân dân như giữ gìn sinh mạng của mình. Dòng "sữa mẹ" nhân dân truyền cho quân đội ta một sức mạnh vô tận.

QUÂN ĐỘI TA MẠNH Ở TỔ CHỨC KHOA HỌC, CHẤT LƯỢNG TINH NHUỆ, DỰ TRỮ DỒI DÀO, HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH

Lực lượng đánh giặc của ta là lực lượng của toàn dân làm chủ. Công cuộc đánh giặc, giữ nước của tổ tiên ta ngày xưa vẫn lấy sức dân làm gốc. Lực lượng toàn dân chống giặc của ta gồm cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Lực lượng chính trị của ta là đội quân chính trị của quân chúng. Một biểu hiện độc đáo trong chiến tranh chống Mỹ là *đội quân tóc dài*. Một đạo quân chính trị có thể phút chốc trở thành đạo quân khởi nghĩa, đạo quân vũ trang.

Lực lượng vũ trang ta là lực lượng toàn dân vũ trang được tổ chức thành ba thứ quân để bảo đảm quyền làm chủ chiến trường, làm chủ từng địa phương, để thu hút mọi người dân tham gia đánh giặc với lực lượng nòng cốt là quân đội.

Có tổ chức đánh giặc của toàn dân, lực lượng ta trở nên hùng hậu. Quân ta ít mà hóa đông, kẻ địch nhiều mà hóa ít. Kẻ địch dù là biển người cũng lọt thỏm giữa đại dương mệnh mông của toàn dân ta cầm vũ khí từ thô sơ đến hiện đại làm chủ địa phương, làm chủ đất nước.

Quân đội ta, về số lượng chỉ ở mức cần thiết nhưng về chất lượng, về sức chiến đấu, phải rất cao. Ta lấy tinh binh để đánh quân đông. Ở Á-pác,

Vạn-tường, địch quân đông hơn ta gấp mười lần, vũ khí và phương tiện chiến tranh nhiều hơn ta gấp trăm lần, nhưng ta đã đánh thắng vẻ vang.

Quân đội ta được xây dựng mạnh về tổ chức, chính trị, tư tưởng, mạnh về cơ sở vật chất, mạnh cả về khoa học kỹ thuật. Quân đội ta ngày nay là một quân đội hiện đại. Bộ đội chủ lực ta có nhiều quân đoàn, sư đoàn, binh chủng hợp thành, ta lại có nhiều đơn vị làm chủ địa phương, nhiều đơn vị đặc biệt tinh nhuệ. Ta còn có đông đảo dân quân tự vệ có tổ chức chặt chẽ, được thử thách trong chiến đấu, nắm chắc trong tay những vũ khí không kém hiện đại.

Công tác huấn luyện, nhất là huấn luyện cán bộ, bảo đảm cho quân đội nắm vững khoa học và nghệ thuật quân sự, nắm vững kỹ thuật và vận dụng thành thạo trong chiến đấu, *phát huy được cao nhất hiệu lực của vũ khí* có trong tay, đồng thời có chiến thuật và kỹ thuật đặc biệt để *chế ngự* mọi vũ khí và phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất của địch,

Trong việc xây dựng quân đội, ta chú trọng cả tổ chức và con người. Về tổ chức, chú ý từ toàn bộ cơ cấu đến các binh đoàn lớn, các đơn vị cơ sở, cơ quan chỉ huy và bảo đảm cho các tổ chức có sức mạnh toàn diện cao

nhất. Ta coi trọng sự thống nhất ý chí, thống nhất tư tưởng chiến thuật, coi trọng kỷ luật tự giác và phấn đấu xây dựng sự nghiêm cách về kỷ luật để đáp ứng yêu cầu của chiến đấu với phương tiện kỹ thuật hiện đại. Trong nhiều trận chiến đấu lớn, quân đội ta đã bảo đảm khi đánh thì vạn người như một người.

Vừa xây dựng tổ chức, ta vừa chú trọng xây dựng con người, nhất là cán bộ. Ta cũng coi trọng xây dựng chiến sĩ. Chiến sĩ Việt-nam là người có lý tưởng chiến đấu cao đẹp, trung với nước, hiếu với dân, dám xả thân vì nhiệm vụ, vừa mưu trí sáng tạo, vừa dũng cảm kiên cường, vừa rất linh hoạt vừa tự giác chấp hành kỷ luật. Các chiến sĩ Việt-nam chiến đấu với tinh thương dân thương nước sâu sắc, với chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với sự thông minh và tài trí, sự thành thạo về chiến thuật và kỹ năng chiến đấu.

Ba mươi lăm năm qua, quân đội ta chiến đấu liên tục. Việc xây dựng được tiến hành trong điều kiện chiến tranh. *Ta vừa chiến đấu vừa xây dựng, vừa xây dựng vừa chiến đấu.* Công tác tổng kết, rút kinh nghiệm chiến đấu tiến hành kịp thời làm cho quân đội ta luôn luôn nắm được kinh nghiệm nóng hổi của chiến trường, ứng phó tốt với những biện pháp chiến đấu mới nhất của kẻ thù. Quân đội ta ngày nay là một quân đội có đội ngũ

cán bộ đông đảo dày dạn kinh nghiệm, có những chiến sĩ đặc biệt thiện chiến.

Chiến tranh của ta là chiến tranh nhân dân. *Lực lượng dự trữ của ta ở trong nhân dân. Hậu phương của ta là hậu phương nhân dân.* Một nguồn cung cấp quan trọng khác của bộ đội ta là ở tiền tuyến.

Ta có *hậu phương tại chỗ*, có *hậu phương lớn*. Trong kháng chiến chống Mỹ, ngoài hậu phương tại chỗ ở các khu, các tỉnh, huyện... ta có hậu phương lớn là miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Quân Mỹ đánh ta thường nhằm vào hậu cần. Nhưng công tác hậu cần, tiếp tế của ta vẫn bảo đảm cho bộ đội ăn no, đánh thắng. Các chiến sĩ *bộ đội Trường-sơn* vừa đánh địch vừa đi, đội bom đạn địch mà đi, bằng đôi vai, đôi chân, chiếc xe đạp thô đến những phương tiện cơ giới, đã vượt đèo cao suối sâu, mưa ngàn nước lũ đem lương thực, đạn dược, nhiên liệu ra tiền tuyến.

Tính chất chính nghĩa của chiến tranh, đường lối đoàn kết quốc tế đúng đắn của Đảng ta làm cho quân đội ta có hậu phương vững chắc, không những ở trong nước mà ở cả ngoài nước, ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em và ở các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Lực lượng dự trữ đó, hậu phương đó có ý nghĩa rất to lớn đối với sức mạnh của quân đội ta.

QUÂN ĐỘI TA MẠNH Ở CHỖ NẮM VỮNG QUY LUẬT CỦA CHIẾN TRANH. CÓ KHOA HỌC VÀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ CAO, CÓ KỸ THUẬT TIỀN TIẾN

Khoa học quân sự là khoa học đấu tranh bằng sức mạnh giữa các lực

lượng xã hội đối lập, là khoa học tạo thế mạnh, lực mạnh. Sức mạnh đó là

sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố: vũ khí, cơ sở vật chất kỹ thuật và cái quan trọng nhất là con người.

Nhờ có đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo và sự chỉ đạo chiến tranh tài tình của Đảng, qua thực tiễn của cuộc chiến đấu giữ nước vĩ đại, quân đội ta có điều kiện xây dựng lý luận quân sự và một nền khoa học quân sự Việt-nam.

Mục đích của các cuộc chiến tranh mà ta tiến hành là để giải phóng đất nước, để bảo vệ Tổ quốc. Chiến tranh của ta là chiến tranh cách mạng, nó mang tính chất chính nghĩa. Quân đội ta đã phát huy sức mạnh của chính nghĩa để đánh địch.

Đánh ai? Đối tượng của chiến tranh là ai? Phải thấy đúng kẻ thù chủ yếu, lại phải thấy kẻ thù ở phía sau; thấy kẻ thù đang đánh mình, lại phải thấy kẻ thù mà xu thế phát triển sẽ là kẻ thù chủ yếu của mình. Có Đảng chỉ đường, quân đội ta bao giờ cũng nhằm đúng kẻ thù. Đầu những năm 40, khi nước Pháp bại trận, ta nắm vững kẻ thù chủ yếu là phát xít Nhật. Năm 1945 trước tình hình nhiều đội quân địch đang đóng trên đất nước ta, quân đội ta nắm vững kẻ thù chủ yếu là thực dân Pháp. Sau Điện-biên-phủ, quân đội ta biết đế quốc Mỹ đang trở thành kẻ thù chủ yếu. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang ở thời kỳ cuối (1972 - 1975) ta đã nhận thức phải nhanh chóng thanh toán với đế quốc Mỹ và bọn tay sai để sẵn sàng đối phó với bọn phản bội, phản động quốc tế. *Biết đúng, biết sớm* kẻ thù là điều rất quan trọng trong chiến tranh.

Ta còn hiểu rõ, đánh giá đúng kẻ thù. Ta hiểu địch cả về bản chất, lực lượng, tiềm lực, âm mưu. Ta hiểu kẻ địch trong sự liên hệ với các mâu thuẫn của thời đại, kẻ địch với những lực lượng đối lập với chúng, kẻ địch trong sự nhất trí và mâu thuẫn giữa đế quốc và phản động với nhau. Ta

hiểu kẻ địch trong nước nó, trên thế giới và kẻ địch trên đất nước ta, trong khu vực ta. Đánh giá địch phải rất khoa học. Ta đánh giá chính xác kẻ địch vì ta đứng vững trên lập trường cách mạng triệt để, trên lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế và với tất cả sự bình tĩnh khách quan do lòng dũng cảm đem lại để xem xét kẻ địch. Ta đánh giá đúng *«thế Pháp như lửa, thế ta như nước, nước nhất định thắng lửa»*. Ta nắm vững sức mạnh của Mỹ chỉ là *«một sức mạnh hạn chế»*. Ta đánh giá đúng bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc *«đồng nhưng không mạnh»*.

Chiến lược cơ bản của chiến tranh cách mạng Việt-nam là *chiến lược đánh giặc của toàn dân làm chủ, tư tưởng nhất quán là tư tưởng chiến lược tiến công*. Chiến lược đó xuyên suốt từ Tổng khởi nghĩa tháng Tám đến tất cả các cuộc chiến tranh sau này. Đây là chiến lược đánh giặc của toàn dân Việt-nam đã đứng dậy làm chủ vận mệnh của mình, những người chủ chân chính của đất nước mấy nghìn năm, giành lại và giữ gìn đất nước mình, đem sức mình mà tự giải phóng cho mình. Chiến lược ấy ăn nhập với thể chiến lược tiến công của cách mạng thế giới.

Chiến lược tiến công của ta dựa vào sức nổi dậy đánh giặc của toàn dân, dựa vào ưu thế tuyệt đối của ta về chính trị và tinh thần, dựa trên sức mạnh áp đảo của đồng dân nhân dân cách mạng, dựa vào thế trận vững chắc của chiến tranh nhân dân, vào lực lượng hùng hậu của ta, kẻ cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

Trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ vừa qua ta chủ trương đánh lâu dài. Chủ trương đánh lâu dài của ta không phải là kéo dài chiến tranh. Trong khi đánh lâu dài, ta tích cực giành thắng lợi từng bước, không ngừng nỗ lực về mọi mặt để

giành thắng lợi quyết định trong thời gian ngắn.

Chiến lược tiến công của toàn dân làm chủ được thực hiện bằng một loạt biện pháp. Ta đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp của hai lực lượng quân sự và chính trị, kết hợp hai hình thức đấu tranh quân sự và chính trị song song, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, kết hợp công kích với khởi nghĩa. Song song là đại thể, đến thời kỳ kết thúc chiến tranh đấu tranh quân sự thường trực tiếp quyết định. Ta đánh địch trên thế làm chủ ở cả ba vùng chiến lược kết hợp với ba thứ quân và lực lượng chính trị của quần chúng triển khai trên ba vùng. Làm chủ đề tiến công tiêu diệt địch và nổi dậy, tiêu diệt địch để làm chủ ngày càng vững chắc. Ta luôn luôn giành thế chủ động và quyền chủ động đánh địch trên toàn chiến trường, bắt địch phải đối phó với cách đánh của ta, phải phân tán, bị chia cắt, bị đánh ở khắp nơi, luôn luôn bị áp đảo.

Khoa học, nghệ thuật quân sự của ta nổi bật lên ở chỗ *lấy quân ít thắng quân đông. Ta có thể lấy ít thắng nhiều* vì ta có sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, vì ta có chính nghĩa, vì ta đánh giặc xâm lược trên đất nước ta, vì quân ta tinh nhuệ, tướng sĩ ta mưu lược, bộ đội ta đặc biệt dũng cảm, khắc phục mọi khó khăn, bền lòng vững chí tiến lên giành thắng lợi.

Quân đội ta trưởng thành từ *chiến tranh du kích*, một thứ chiến tranh du kích tích cực, tiến công, cơ động, linh hoạt, có gốc rễ từ xa xưa, một thứ chiến tranh du kích không chỉ đánh địch ở rừng núi, nông thôn mà còn tiến công liên tục quân địch ở thành thị. Đây là một thứ chiến tranh nhân dân địa phương, của những con người làm chủ địa phương đánh địch ngay tại chỗ. Trình độ đánh du kích, đánh nhỏ của ta lên đến mức điều

luyện, như trong hoạt động của các chiến sĩ đặc công.

Trong đánh tập trung lớn, đánh chính quy, vai trò của vũ khí, phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật càng quan trọng; mà về điểm này thường là ta kém địch. Ta phải lấy công phu và tài tổ chức của ta, *chất lượng cao* của các đơn vị thuộc các quân chủng, binh chủng, *lấy tài năng và nghệ thuật* quân sự để tạo ra sức mạnh vật chất cao hơn địch ở chiến trường mà đánh thắng chúng. Trong lịch sử chiến đấu, quân đội ta đã tiến hành nhiều loại trận đánh lớn, nhiều loại chiến dịch. Ta đã đánh nhiều trận phục kích, tập kích lớn, mở nhiều chiến dịch hợp đồng binh chủng, quy mô ngày càng lớn. Ta còn tiến hành nhiều chiến dịch tổng hợp lớn phối hợp tiến công của bộ đội chủ lực với nổi dậy, khởi nghĩa của quần chúng. Về các quân chủng, binh chủng, ta đã tiến hành những trận không đối không xuất sắc, nhiều trận đánh trên biển, nhiều chiến dịch phòng không hiệu suất cao, như cuộc đánh bại cuộc tập kích bằng B52 của Mỹ vào Hà-nội (12-1972). Ta cũng đã mở nhiều chiến cuộc tiến công địch trên cả nước hoặc trong phạm vi toàn miền, như chiến cuộc *Đông - xuân 1953 - 1954* kết thúc bằng chiến dịch Điện-biên-phủ, như cuộc *tập kích Tết Mậu Thân*, đánh đòn sét đánh vào quân Mỹ - ngụy, như cuộc *tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975*, kết thúc bằng chiến dịch Hồ-Chí-Minh, trong vòng 55 ngày đêm diệt và buộc đầu hàng trên một triệu quân địch, giải phóng hoàn toàn miền Nam Tổ quốc.

Trong các chiến dịch, các trận đánh quy mô lớn nổi bật lên sự *tài tình* của ta trong việc phân đoán âm mưu, lực lượng, khả năng, biện pháp của địch nói chung và trong phạm vi chiến trường nói riêng, *cống phu và mưu lược* tổ chức thế trận làm chủ, bảo đảm hậu cần, đường sá để giữ quyền chủ động của ta trong các giai đoạn

chiến dịch, *sự tài giỏi* của ta trong việc che mắt địch, đánh lừa, phân tán địch, chế ngự, làm mất hiệu lực những cái mạnh của địch, *sự khôn khéo* của ta trong việc chọn điểm đột phá, chuyển biến thế trận, trong việc bố trí sử dụng lực lượng hợp lý, đúng lúc, bảo đảm ta mạnh hơn địch ở hướng chủ yếu, *tài nghệ* của ta trong việc tạo cho địch những bất ngờ với sự tính toán tỉ mỉ cụ thể và sự chuẩn bị chu đáo của ta, *sự mưu trí sáng tạo*, dũng cảm và thông minh, hành động muôn người như một của bộ đội ta; do đó mà ta đã đánh bại những biện pháp chiến thuật cơ bản của địch, tiêu diệt lực lượng chủ yếu của địch, bảo đảm thắng lợi cho chiến đấu, chiến dịch, chiến cuộc.

Thực dân Pháp thách thức ta, mưu nghiên nát chủ lực ta ở Điện-Biên-Phủ nhưng chính chúng đã bị ta điều khiển mang lực lượng tinh nhuệ nhất của chúng lên dây đề ta tiêu diệt. Đế quốc Mỹ tập trung số quân lớn với nhiều máy bay, xe tăng mở cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti lại bị đánh thiệt hại nặng nề. Đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế không thể ngờ, bằng ba

chiến dịch liên tiếp mà ta có thể thần tốc tiêu diệt một đội quân địch trên một triệu người. Bọn phản động bành trướng Bắc-kinh mặc dù chưa gặp chủ lực ta, đã phải tự học lấy bài học cay đắng muốn dạy cho người.



Lịch sử 35 năm chưa dài đối với một quân đội, nhưng những chặng đường gian nan, gay go mà quân đội ta đã vượt qua không ít. Và trong mọi hoàn cảnh khó khăn, quân đội ta đều hoàn thành nhiệm vụ, chiến thắng vẻ vang. Thực tiễn xây dựng và chiến đấu nói rõ quân đội ta có sức mạnh đánh thắng mọi kẻ thù. Sức mạnh đó bắt nguồn từ bản chất cách mạng, từ truyền thống anh hùng của quân đội và của dân tộc ta, từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, từ tổ chức quân sự chặt chẽ, có chất lượng cao và có dự trữ hùng hậu, từ khoa học và nghệ thuật quân sự của ta.

Có nhân dân anh hùng, có Đảng vĩ đại, quân đội ta là một quân đội cách mạng vô địch.

THỰC CHẤT PHẢN ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA MAO *

NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH



ẾU trong một thời gian dài Mao đã có thể che giấu được bản chất phản mác-xít của ông ta dưới bộ áo Mác - Lê-nin, thì đến khi chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa bản chất ấy không sao che giấu được nữa. Đó là vì, không như trong cách mạng dân tộc dân chủ, nơi còn có thể dung nạp lập trường tiêu tư sản thậm chí tư sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa, do bản chất vô sản của nó, tuyệt đối không thể như vậy được. Cách mạng xã hội chủ nghĩa mới thật sự làm bộc lộ bản chất lập trường giai cấp là vô sản hay không vô sản, làm bộc lộ bản chất tư tưởng là mác-xít chân chính hay không phải là mác-xít. Tất nhiên còn có vấn đề: chủ nghĩa xã hội cũng có ba, bảy thứ và chính Mao đã từng đầu cơ chủ nghĩa xã hội và không phải không có lúc ông ta lừa bịp được nhiều người. Song, cũng rõ ràng rằng chân tướng Mao đã bộc lộ chính trong bước ngoặt của cách mạng Trung-quốc chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa.

Vậy, có thể nói gì về *những quan điểm của chủ nghĩa Mao trên những vấn đề về chủ nghĩa xã hội?*

Cái bản chất nhất trong các quan điểm ấy là chủ nghĩa Mao lợi dụng lý tưởng và phương pháp của chủ nghĩa xã hội để phục vụ cho những mục tiêu sô-vanh nước lớn, bá quyền. Về thực chất, Mao và những kẻ theo Mao chưa bao giờ là những người xã hội chủ nghĩa mác-xít. Họ tìm thấy ở chủ nghĩa xã hội không phải một khoa học, một lý luận, một cương lĩnh, một con đường cách mạng nhằm cải tạo xã hội một cách triệt để, mà là một phương tiện có sức lôi cuốn đặc biệt đối với đông đảo quần chúng nhân dân. Họ lợi dụng và sống bám vào những nguyện vọng cách mạng và xã hội chủ nghĩa của nhân dân Trung-quốc.

Trong thời đại ngày nay, với một nước Trung-hoa « một nghèo, hai trắng », còn ngọn cỏ nào có sức động viên và lôi cuốn nhân dân bằng ngọn

* Tiếp theo kỳ trước

cờ chủ nghĩa xã hội! Dùng nó thật là tốt biết bao cho việc che giấu những mục tiêu sô-vanh nước lớn và bá quyền. Vì vậy, hoàn toàn có lý khi gọi chủ nghĩa Mao là *chủ nghĩa sô-vanh xã hội*. Thực chất là sô-vanh nhưng lại khoác áo chủ nghĩa xã hội!

Cái bản chất ấy, phải nói là chủ nghĩa Mao chưa tiềm ẩn được vào đường lối của Đại hội VIII Đảng cộng sản Trung-quốc năm 1956. Đường lối của đại hội này căn bản là đường lối mác-xít - lê-ni-nít. « Một hóa, ba cải », nâng cao đời sống nhân dân, đoàn kết với Liên-xô và phe xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, v.v., đó là những yếu tố đúng đắn trong đường lối của Đại hội VIII, tức là Đại hội đầy lùi tư tưởng Mao-Trạch-Đông.

Song Mao không chịu lùi bước. Ông ta tìm cách phản kích ngay sau Đại hội. Kết quả là đến 1958, trong kỳ họp thứ hai của Đại hội VIII, ông ta đã lật ngược được tình thế: xóa bỏ đường lối đúng đắn mà Đại hội VIII đã vạch ra năm 1956 và áp đặt « đường lối chung » của ông ta về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là « dốc hết lòng hàng hải, cố gắng đi hàng đầu, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều, nhanh, tốt, rẻ ». Sau đó, Mao có thêm hai « sáng tạo mới » nữa là « công xã nhân dân » và « đại tiến vọt ». Thế là hình thành cái gọi là « ba ngọn cờ hồng ».

Không đi sâu phân tích « ba ngọn cờ hồng », ở đây chỉ nêu bật một điểm cơ bản : « ba ngọn cờ hồng » là sản phẩm quái gở của một khát vọng điên cuồng để ra từ đầu óc sô-vanh nước lớn và bá quyền của Mao-Trạch-Đông. Thật vậy, không khó gì mà không thấy cái động cơ ẩn giấu đằng sau « ba ngọn cờ hồng ». 15 năm đuổi kịp và vượt Anh, sau đó đuổi kịp và vượt Mỹ, tiến lên chủ nghĩa cộng sản trước Liên-xô ! Chủ quan ảo tưởng đến mù quáng chỉ vì háo hức bá quyền. Rốt cuộc, thảm họa đã đến

với đất nước và nhân dân Trung-quốc thế nào hồi đó, mọi người còn nhớ rất rõ.

Sau thất bại của « đại tiến vọt », hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc họp tại Lư-sơn năm 1959 đã đẩy lùi Mao về « tuyến hai ». Song là một kẻ đại gian hùng, thua keo này Mao liền bày keo khác. Và chẳng, Mao thật ra chưa bị đánh bại hẳn chỉ vì ở đây chưa có ai thắng. Trong ban lãnh đạo chớp bu Đảng cộng sản Trung-quốc, không có ai thật sự đúng đắn, mác-xít - lê-ni-nít để mà thắng Mao cho triệt để. Thắng Mao đến triệt để là phải xóa được gốc rễ tư tưởng Mao : chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, bá quyền. Song chính tư tưởng này lại không phải của riêng Mao mà là cơ sở chung cho cả ban lãnh đạo. Hơn nữa, lúc này cái cơ sở tư tưởng đó đang có thể rất mạnh mẽ cũng cố. Lợi dụng ngọn cờ chống chủ nghĩa xét lại, lợi dụng việc lên tiếng mạnh mẽ trước các sự kiện phản cách mạng nghiêm trọng xảy ra ở Hung-ga-ri, Ba-lan, Mao đã làm cho uy tín Trung-quốc lúc đó lên rất cao trên trường quốc tế. Trong bối cảnh đó, Mao không khó gì lắm trong việc tập hợp lại lực lượng, bài bình bỏ trống cho một cuộc tiến công mới vào Đảng cộng sản Trung-quốc và chủ nghĩa xã hội ở Trung-quốc. Cuộc « đại cách mạng văn hóa vô sản » được đích thân Mao phát động.

Gọi là « cách mạng », thực chất là một cuộc đảo chính phản cách mạng : gọi là « văn hóa » thật ra là sự hủy diệt văn hóa ; gọi là « vô sản », thực chất là chống cộng sản tệ hại nhất. Ở đây, cần đặc biệt nhấn mạnh : cái tinh túy của « đại cách mạng văn hóa vô sản » cũng vẫn là chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, bá quyền.

Nhiệm vụ hàng đầu của nó là thay thế chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng tư tưởng Mao-Trạch-Đông, khôi phục lại vị trí tư tưởng Mao-Trạch-Đông đã được thừa nhận tại Đại hội VII

nhưng lại bị phủ nhận tại Đại hội VIII. Theo sự tính toán của Mao và tập đoàn theo Mao, nếu 800 triệu dân Trung-quốc được vũ trang bằng tư tưởng Mao-Trạch-Đông — « đỉnh cao » của trí tuệ loài người trong thời đại ngày nay, thì làm gì cũng được, kể cả bất toàn thế giới phải phục tùng.

Với tinh thần sô vanh cuồng nhiệt trong « đại cách mạng văn hóa vô sản », những kẻ theo Mao đã ra sức thần thánh hóa Mao và tư tưởng Mao, cố áp đặt kỷ được bá quyền của tư tưởng Mao không những đối với Trung-quốc mà đối với cả thế giới. Để thực hiện dã tâm ngông cuồng đó, bên trong họ giương ngọn cờ nguy trá gọi là « chống phái đương quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa » để đập tan Đảng cộng sản Trung-quốc, Nhà nước vô sản Trung-quốc, toàn bộ cơ cấu chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản. Bên ngoài, để đưa vị trí Trung-quốc lên, đưa vai trò tư tưởng Mao-Trạch-Đông lên « chỉ đạo toàn thế giới », một mặt họ giả vờ nói chống đế quốc để lừa mị, thật ra là từng bước, từng bước nhích lại gần chủ nghĩa đế quốc; mặt khác, họ tập trung chống « đế quốc xã hội xét lại Liên-xô », thực tế là chống hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, chống toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ráo riết thực hiện « một chia hai » chia rẽ phong trào cách mạng thế giới, mưu toan thành lập một quốc tế riêng do tập đoàn mao-ít làm bá chủ.

Mười một năm « cách mạng văn hóa » đã đem lại biết bao đau khổ cho nhân dân Trung-quốc và biết bao tổn thất nghiêm trọng cho Trung-quốc trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; riêng về kinh tế thì đã đưa Trung-quốc đến « bèn bở của sự sụp đổ ». So với « ba ngọn cờ hồng », « đại cách mạng văn hóa » đã đem lại những thảm họa vô cùng lớn hơn cho nhân dân Trung-quốc.

« Bốn hiện đại hóa » hiện nay phải chăng là sự phủ định « cách mạng văn hóa », là sự « phi Mao hóa », là quay về với đường lối Mác - Lê-nin ? Hoàn toàn không phải. Nó là sự tiếp tục chủ nghĩa Mao bằng những thủ đoạn khác. Bản chất của « bốn hiện đại hóa » vẫn là chủ nghĩa xã hội sô-vanh, nghĩa là vẫn trên cái nền tư tưởng của chủ nghĩa Mao.

Động cơ và mục tiêu thật sự của « bốn hiện đại hóa » vẫn như « cách mạng văn hóa » và « ba ngọn cờ hồng »; vẫn là sự thực hiện một cách nhất quán chỉ thị của Mao: « Không nên để xảy ra tình hình là sau mấy chục năm chúng ta vẫn không trở thành cường quốc đứng đầu thế giới ». Năm 1956, Mao đề ra phải vượt Mỹ về kinh tế trong thời gian 50 — 60 năm và nói, giọng sắc mùi sô-vanh: « Đó là một trách nhiệm. Anh có nhiều người như vậy, anh có một vùng to lớn như vậy, tài nguyên giàu có như vậy, lại nghe nói đã làm chủ nghĩa xã hội, nghe nói là có tinh ưu việt, kết quả anh đã làm năm — sáu mươi năm mà vẫn không thể vượt được Mỹ, thì anh còn ra cái trò gì nữa ! Như vậy, sẽ phải khai trừ cái câu tịch của anh trên quả địa cầu. Cho nên, vượt Mỹ, chẳng những có khả năng, hơn nữa hoàn toàn cần thiết, hoàn toàn nên làm. Nếu không như vậy, thì dân tộc Trung-hoa chúng ta sẽ không xứng đáng với các dân tộc trên toàn thế giới, cống hiến của chúng ta cho loài người sẽ không lớn ». Trong lời tựa cho quyển V Tuyên tập Mao-Trạch-Đông vừa xuất bản, Hoa-Quốc-Phong truyền lại chỉ thị đó của Mao, và với một giọng cũng sắc mùi sô-vanh và đầy kích động. Hoa nói: « Đọc xong những lời đó của Mao Chủ tịch, trừ « lủ 4 tên »... còn có một người Trung-quốc nào có thể đứng vững được ? Còn có một người Trung-quốc nào lại không hăng hái phấn đấu ? ».

Cần phải nói ngay rằng việc hiện đại hóa trên cơ sở chủ nghĩa xã hội và theo hướng xã hội chủ nghĩa là một đòi hỏi khách quan của đất nước Trung-quốc: rằng nguyện vọng của nhân dân Trung-quốc xây dựng một nước Trung-hoa xã hội chủ nghĩa vĩ đại, có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, quốc phòng hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật hiện đại, trên cơ sở đó đời sống nhân dân được ấm no, hạnh phúc, nguyện vọng đó là hoàn toàn chính đáng. Nguyện vọng đó được chúng ta cũng như mọi người cộng sản trên thế giới trân trọng, đồng tình và hoàn toàn ủng hộ, bởi vì điều đó vừa đem lại hạnh phúc cho nhân dân Trung-quốc vừa nâng cao uy tín của ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, vừa đáp ứng lợi ích tăng cường sức mạnh và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội thế giới. Một nước Trung-hoa thật sự xã hội chủ nghĩa vĩ đại, giàu mạnh, « núi liền núi, sông liền sông » với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, đối với chúng ta, quý biết bao nhiêu!

Song, tập đoàn phản bội theo Mao trong giới cầm quyền Bắc-kinh nghĩ khác. Họ đầu cơ nguyện vọng chính đáng của nhân dân Trung-quốc và lợi dụng ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội vào những mục đích sô-vanh nước lớn, bá quyền. « Xây dựng Trung-quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa hiện đại, hùng mạnh bậc nhất thế giới vào cuối thế kỷ này », khẩu hiệu ấy có sức mê dân ghê gớm. Ở đây, tư tưởng dân tộc chủ nghĩa về vai trò của Trung-quốc là trung tâm thiên hạ đã được nâng lên tầm thích nghi với thời đại mới nhờ cái chiêu bài « chủ nghĩa xã hội »; sức mạnh và tầm vóc vĩ đại của đất nước là nhiệm vụ chính trị bao trùm, còn « bốn hiện đại hóa » là biện pháp thực hiện mục tiêu sô-vanh nước lớn đó.

Mục tiêu cuối cùng bao giờ cũng là cái quan trọng nhất trong đường lối.

Nó nói lên bản chất của đường lối. Nó quy định tính chất các nhiệm vụ và biện pháp đề ra trong đường lối. Khẩu hiệu « bốn hiện đại hóa » giữ nguyên tư tưởng của Mao về việc phát triển kinh tế sao cho nó phục vụ trước hết là việc tăng cường tiềm lực quân sự của Trung-quốc nhằm làm cho Trung-quốc giành được địa vị « siêu cường », chứ không phải nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động Trung-quốc. Thực chất, *chủ nghĩa Mao lấy mục tiêu nước lớn, bá quyền thay cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản vốn là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.*

Một ngụ ý thuyết cực kỳ phản động, phản mác-xít ở chủ nghĩa Mao là cái gọi là « lý luận lệp lạch cách mạng dưới chuyên chính vô sản ». Các nhà tuyên truyền Bắc-kinh không ngớt tăng bốc: đây là « sự tổng kết có hệ thống về cả hai mặt chính diện và phản diện những kinh nghiệm lịch sử của chuyên chính vô sản », là « bài học lớn nhất của phong trào cộng sản quốc tế từ hơn nửa thế kỷ nay ». Họ khẳng định rằng với lý luận này, Mao đã « phát triển một cách thiên tài lý luận Mác - Lê-nin về đấu tranh giai cấp, phát triển một cách thiên tài quan niệm về chuyên chính vô sản, tạo nên cái mốc vĩ đại thứ ba trong lịch sử phát triển chủ nghĩa Mác »; rằng đây là « cống hiến lớn nhất », là « sáng tạo vĩ đại nhất » của Mao-Trạch-Đông.

Dùng những lời lẽ cách mạng cực « tả » để che giấu một quan điểm cực hữu, một đường lối phản cách mạng, đó là một đặc điểm nổi bật ở chủ nghĩa Mao. Đặc điểm này tất nhiên cũng lộ rõ ở lý luận gọi là « tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản ». Ở đây, tính chất giả cách mạng nằm ngay nơi những thuật ngữ như « cách mạng », « chuyên chính vô sản » mà Mao và những kẻ theo Mao lợi dụng vì những mục đích chẳng có

liên quan gì đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đến bản chất và sứ mệnh thật sự của chuyên chính vô sản, công cụ của cuộc cách mạng ấy.

Thật vậy, chủ nghĩa Mao coi chuyên chính vô sản chỉ là bạo lực trấn áp, còn nhiệm vụ tổ chức và xây dựng — chức năng cơ bản nhất của chuyên chính vô sản — hoàn toàn bị bỏ rơi (7). Đó là chưa nói chức năng « trấn áp giai cấp phản động, phái phản động », trong thực tiễn, đã bị Mao và những kẻ theo Mao hoàn toàn xuyên tạc cũng như họ đã xuyên tạc học thuyết mác-xít về đấu tranh giai cấp nói chung dưới chuyên chính vô sản thành những cuộc đấu đá bè phái liên miên để giành nhau quyền lực. Cũng chưa nói về mặt là một hệ thống tổ chức, một bộ máy, chuyên chính vô sản ở Trung-quốc đã không còn là chuyên chính vô sản nữa mà biến thành bộ máy thống trị của tập đoàn phản bội theo Mao, coi « quân đội là trụ cột của chuyên chính vô sản », thực chất đây là nền chuyên chính quân phiệt quan liêu.

Hiển nhiên, sau khi giai cấp vô sản có chính quyền, đấu tranh giai cấp chưa mất đi. Nó vẫn còn tiếp tục trong những điều kiện mới, dưới những hình thức mới và tất nhiên với những nội dung mới. Giai cấp vô sản phải tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp nhằm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, đi tới mục đích cuối cùng là xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, một xã hội không còn giai cấp, do đó cũng không còn đấu tranh giai cấp.

Muốn vậy, chỉ đánh đổ và trấn áp các giai cấp bóc lột, phản động thôi không đủ. Nhiệm vụ còn là và chủ yếu nhất là phải cải tạo và xây dựng lại toàn bộ nền kinh tế xã hội trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và một nền đại công nghiệp hiện đại với trình độ kỹ thuật ngày càng cao, bảo đảm không ngừng phát triển sản xuất nhằm thỏa mãn ngày

càng đầy đủ nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân không ngừng tăng lên. Song, chủ nghĩa Mao không coi nhiệm vụ đó là đấu tranh giai cấp. Họ nói đến ba phong trào: đấu tranh giai cấp, đấu tranh sản xuất, thực nghiệm khoa học, trong đó « đấu tranh giai cấp là khâu then chốt ». Họ nói: « nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất ».

Tách rời và đối lập đấu tranh sản xuất và thực nghiệm khoa học với đấu tranh giai cấp, với cách mạng dưới chuyên chính vô sản, thực tế chủ nghĩa Mao không coi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội là đấu tranh giai cấp trong khi thật ra nhiệm vụ này lại chính là nội dung cơ bản nhất của đấu tranh giai cấp, của cách mạng dưới chuyên chính vô sản. Trong bài « Tiến hành đến cùng việc tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản » đề tựa cho quyển V Tuyên tập Mao-Trạch-Đông, Hoa - Quốc-Phong khẳng định lại một cách dứt khoát và kiên quyết như sau về tư tưởng Mao-Trạch-Đông: « Mao chủ tịch yêu cầu chúng ta không phải nào được quên đấu tranh giai cấp, nắm khâu chính là đấu tranh giai cấp, làm tốt từng bước công việc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội... Mao Chủ tịch yêu cầu chúng ta làm như vậy: chúng ta phải làm như vậy, một cách kiên định, không lay chuyển nổi » (8).

Nói giai cấp, nói đấu tranh giai cấp tách rời phương thức sản xuất, tách rời trình độ nhất định của sự phát triển sản xuất là hoàn toàn xa lạ với quan điểm mác-xít. Chủ nghĩa Mao chính là như thế. Nó lập luận rằng « trong xã hội xã hội chủ nghĩa còn tồn tại mâu thuẫn, tồn tại giai cấp và đấu tranh giai cấp », đó là

(7) Xem: « Về vấn đề giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân » của Mao-Trạch-Đông.

(8) Tập chí Hồng kỳ, số 5-1977.

căn cứ xuất phát của lý luận tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản. Cái «căn cứ xuất phát» đó hoàn toàn là một sự khẳng định trừu tượng.

Thứ nhất, mâu thuẫn thì đâu phải dưới chủ nghĩa xã hội mà ở đâu và bao giờ chẳng có.

Thứ hai, Mao và những người kế tục muốn nói «cụ thể» đây là «mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, mâu thuẫn giữa cơ sở kinh tế với kiến trúc thượng tầng», thì đâu phải dưới chủ nghĩa xã hội mà trong bất cứ hình thái xã hội nào chẳng có; đến chủ nghĩa cộng sản vẫn có.

Thứ ba, họ muốn nói «cụ thể» hơn: đây là «mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản, mâu thuẫn giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa». Song, cả như thế nữa vẫn cứ là trừu tượng. Thật vậy, xã hội xã hội chủ nghĩa là cả một giai đoạn lịch sử rất dài kể từ khi thiết lập chuyên chính vô sản cho đến khi chuyển thành xã hội cộng sản. Trong giai đoạn đó, chủ nghĩa xã hội có thời kỳ (quá độ) phát sinh, hình thành, có thời kỳ phát triển trên cơ sở của chính nó, có thời kỳ hoàn thiện và chín muồi để chuyển lên giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản. Cơ cấu giai cấp, bộ mặt các giai cấp, mối quan hệ lẫn nhau giữa các giai cấp, số phận mỗi giai cấp biến đổi qua các thời kỳ đó như thế nào dưới ảnh hưởng quyết định của những biến đổi trong lực lượng sản xuất, trong quan hệ sản xuất, đó là những vấn đề rất phức tạp đòi hỏi «phân tích cụ thể tình hình cụ thể». Chẳng hạn, có thể nào hình dung giai cấp tư sản vẫn tồn tại và tồn tại nguyên như thế trong tất cả các thời kỳ phát triển của chủ nghĩa xã hội! Có thể nào mâu thuẫn giữa hai giai cấp, giữa hai con đường vẫn tồn tại và tồn tại y nguyên như thế, từ đầu đến cuối vẫn không giải quyết được vấn đề «ai thắng ai»? v.v.

Bất chấp tất cả tính phức tạp của hiện thực lịch sử, lấy trừu tượng thay thế cho cụ thể, chủ nghĩa Mao gây nên sự hỗn loạn trên vấn đề «tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản». *Chủ nghĩa Mao xuyên tạc chủ nghĩa Mác trên mọi vấn đề, song có thể nói không có vấn đề nào bị nó làm cho rối mù đến mức như là vấn đề về giai cấp, về đấu tranh giai cấp dưới chuyên chính vô sản, về cái gọi là «tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản».*

Từ cách xem xét trừu tượng, chủ nghĩa Mao coi đấu tranh giai cấp dường như là hiện tượng vĩnh viễn. Mao nói: «Sau này, chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới bị đánh đổ cả rồi, giai cấp tiêu diệt rồi, các anh hãy nói xem, khi ấy còn có cách mạng nữa không? Tôi xem vẫn còn phải cách mạng». Mao nói: «một vạn năm sau cũng sẽ còn có mâu thuẫn, còn có đấu tranh, còn phải cách mạng» (9).

Trong báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội XI Đảng cộng sản Trung-quốc, Diệp-Kiểm-Anh nhắc lại một ý kiến của Mao năm 1966 nói rằng: «Sẽ không biết năm nào thì chủ nghĩa cộng sản được thực hiện, cho dù khi đó chủ nghĩa đế quốc hoàn toàn bị lật đổ và toàn thế giới đã trở thành xã hội chủ nghĩa. Vì rằng, giai cấp tư sản tuy đã bị lật đổ nhưng chưa chết hẳn. Nó sẽ tìm mọi cách để đục ruồng đảng cộng sản».

Đấu tranh giai cấp muôn, muôn năm! Bàn nông và trung nông lớp dưới muôn, muôn năm! Chủ nghĩa Mao từ khi thất bại thảm hại với «ba ngọn cờ hồng», ảo tưởng ngày mai lên chủ nghĩa cộng sản bị tiêu tan, không còn chút hy vọng nào tranh giành với Liên-xô ngọn cờ chủ nghĩa cộng sản nữa, thì cố gây ra sự mất lòng tin đối với thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản;

(9) Trích theo Lời giới thiệu của Ban biên tập quyển V Tuyển tập Mao-Trạch-Đông, Hồng-kỳ, số 7-1977.

còn việc họ nói xây dựng « chủ nghĩa xã hội », « chủ nghĩa cộng sản » ở Trung-quốc chẳng qua là mượn cái nhãn hiệu cho hợp thời dễ dễ mị dân và lừa bịp mà thôi.

« Tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản », trong thực tiễn của chủ nghĩa Mao, đó là những cuộc đấu đá liên tục giữa các phe phái nhằm giành giật nhau quyền lực, là đảo chính lật đổ, là thanh toán lẫn nhau, là « tạo phân », là những cuộc « đại cách mạng văn hóa vô sản mang tính chất đại cách mạng chính trị ». Tất cả những hoạt động âm mưu, đây đã làm ấy được bọc ngoài bằng những cái vỏ khái niệm lý luận mỹ miều, giả cách mạng, giả khoa học, nào là « tiến hành đến cùng đấu tranh giai cấp dưới chuyên chính vô sản », nào là « tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản », nào là « ngăn ngừa sự phục hồi chủ nghĩa tư bản », nào là « bảo đảm cho chuyên chính vô sản không bao giờ thay màu đổi sắc », v.v. và v.v.

Trong bài « Tiến hành đến cùng việc tiếp tục cách mạng dưới chuyên chính vô sản », Hoa-Quốc-Phong viết : « Năm 1965, Mao chủ tịch đề ra khái niệm khoa học : phái đương quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa trong Đảng, đã chỉ rõ mối nguy cơ chủ yếu phục hồi chủ nghĩa tư bản đến từ phía phái cầm quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa trong Đảng ». Hoa-Quốc-Phong nói thêm : « Kẻ thù bên trong dinh lũy là kẻ thù nguy hiểm nhất ». Thật ra, « khái niệm khoa học » mà Hoa nói, đó là một khái niệm hết sức hồ đồ được Mao rút ra từ những phân tích cũng hết sức hồ đồ, như : « Các đồng chí làm cách mạng xã hội chủ nghĩa mà không biết giai cấp tư sản ở đâu ! Nó nằm ngay trong đảng cộng sản » ; như « chính đảng là một thứ xã hội, là một thứ xã hội chính trị ; loại thứ nhất của xã hội chính trị là đảng phái », như « trong đảng có phái ngoài đảng » v.v. Thật là hỗn loạn hết

chỗ nói ! Một thứ biện chứng điên loạn ! Bằng « phép biện chứng » (thực chất là ngụy biện) ấy, Mao và những người theo Mao biến ta thành địch, biến địch thành ta, biến bạn thành thù, biến thù thành bạn, đảo lộn phải trái, đổi trắng thay đen, khi nói thế này khi nói thế khác, trào trố, lật lọng, v.v.

Tiến hành « cách mạng liên tục » mà « chiến trường vừa là trong đảng vừa là ngoài đảng », đến nay Mao và những người theo Mao đã lật nhào được ba « bộ tư lệnh tư sản » : Lưu-Thiếu-Kỷ, Lâm-Bưu, « lũ 4 người ». Song, quần chúng bị mê hoặc đã quá mệt mỏi và chán ngấy vì những cuộc « cách mạng liên tục » ấy, giờ đây người ta chỉ muốn yên ổn làm ăn. Tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh phản vì áp lực của nhân dân, phản vì phải tập trung sức làm « bốn hiện đại hóa », mặt khác, để tạm hòa hoãn những mâu thuẫn nội bộ, để tranh thủ được lòng tin của các nước tư bản để quốc, rút cục là đề mong duy trì được địa vị thống trị của họ, đã tuyên bố chuyển chính sách từ « đại loạn » sang « ổn định, đoàn kết », tiến tới « đại trị ». Song, liệu họ có thể « ổn định, đoàn kết » và thực hiện nổi « đại trị » hay không ? Thì chính Hoa-Quốc-Phong, và cũng ngay tại diễn đàn Đại hội XI Đảng cộng sản Trung-quốc đã cảnh cáo :

« Ổn định, đoàn kết không phải là không cần đấu tranh giai cấp. Cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản lần thứ nhất kết thúc thắng lợi quyết không phải là đấu tranh giai cấp đã chấm dứt, quyết không phải là sự kết thúc của việc tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản. Trong toàn bộ giai đoạn lịch sử xã hội chủ nghĩa, trước sau vẫn tồn tại cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp vô sản và tư sản, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh này là lâu dài, quanh

co, thậm chí có lúc rất gay gắt. Đại cách mạng chính trị với tính chất là đại cách mạng văn hóa, từ nay về sau còn phải tiến hành nhiều lần nữa.

Chúng ta nhất định phải tuân theo lời dạy của Mao Chủ tịch tiến hành đến cùng việc tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản... »(10)

III - SỰ PHÁ SÀN KHÔNG SAO TRÁNH KHỎI CỦA CHỦ NGHĨA MAO

Lịch sử phong trào công nhân quốc tế, từ khi có « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản », chưa biết đến một vụ phá hoại, một sự phản bội nào lớn hơn là chủ nghĩa Mao. So với các trào lưu cơ hội chủ nghĩa và những vụ phản bội đã có trong lịch sử, chủ nghĩa Mao gây ra những tai họa to lớn và nghiêm trọng gấp trăm nghìn lần. Đó là vì nó đã nắm được Nhà nước, mà lại ở một nước đông dân nhất thế giới, đất rộng và giàu tài nguyên. Nhờ đó, nó nắm được trong tay cả những lực lượng và phương tiện vật chất khổng lồ do lao động của gần 1000 triệu người tạo ra để thực hiện cương lĩnh phân mác-xít, phân động của nó, đi ngược hẳn lợi ích dân tộc chân chính của nhân dân Trung-quốc, chống lại chủ nghĩa xã hội, chống lại các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới.

Tai họa lớn mà chủ nghĩa Mao gây ra trước hết chính là tai họa đối với nhân dân Trung-quốc, đối với cách mạng Trung-quốc. Nó đã đánh thức và kích động tâm lý sô-vanh đại hân trong một bộ phận lớn dân cư, trên cơ sở ấy nó đã đẩy lùi một bước nghiêm trọng ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, của chủ nghĩa xã hội khoa học, của chủ nghĩa quốc tế vô sản, ở Trung-quốc. Nó đã làm biến chất Đảng cộng sản Trung-quốc và Nhà nước chuyên chính vô sản ở Trung-quốc. Trong cái đảng đang cầm quyền ở Trung-quốc và trong Nhà nước Trung-quốc hiện nay, chắc chắn còn không ít và nhất định sẽ ngày càng nhiều thêm những người cách

mạng chân chính, những người mác-xít - lê-ni-nít chân chính, song xét chung, xét trên tinh cách là những tổ chức, thì đảng ấy, Nhà nước ấy đã không còn là đảng cộng sản, đã không còn là Nhà nước chuyên chính vô sản.

Toàn bộ kiến trúc thượng tầng xã hội Trung-quốc đã biến chất, không còn là xã hội chủ nghĩa nữa; mặc dù trong đó chứa đầy mâu thuẫn, có cả những nhân tố còn giữ được tinh cách cách mạng, xã hội chủ nghĩa, và rất nhiều những thành phần, những bộ phận bất mãn chống đối chế độ chuyên chính mao-ít, song nói chung trong kiến trúc thượng tầng ấy, cái không xã hội chủ nghĩa, cái phản xã hội chủ nghĩa chiếm địa vị thống trị.

Như mọi người đều biết, Ăng-ghe-n đã chỉ ra rất rõ tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với sự phát triển kinh tế. Ăng-ghe-n viết: « Tác động ngược lại của quyền lực Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế có thể có ba loại: tác động đó có thể theo cùng một hướng với sự phát

(10) Gần đây, tập đoàn cầm quyền Bắc-kinh có phản đối giọng khi dễ cấp vãn đề đấu tranh giai cấp, theo tinh thần cổ làm dịu cuộc đấu tranh bên phải trong nội bộ. Đây là do nhu cầu thực dụng chủ nghĩa muốn tạo ra cái gọi là « ổn định, đoàn kết » để thực hiện « bốn hiện đại hóa » làm cơ sở cho kế hoạch bản trưởng, bá quyền, do nhu cầu hòa hoãn nội bộ và mỵ dân. Về thực chất, quan điểm về đấu tranh giai cấp của chúng không thay đổi. Cuộc đấu đá nhau trong nội bộ vẫn diễn ra sâu sắc, vì những nguyên nhân sâu xa tạo ra nó chưa bị xóa bỏ. Về vấn đề này, chúng tôi sẽ có dịp đề cập đến khi nói về « chủ nghĩa Mao sau Mao ».

triển kinh tế và, như thế, tất cả đều phát triển nhanh hơn; nó có thể đi ngược lại hướng phát triển kinh tế và ngày nay, ở các dân tộc lớn, nó sẽ tan vỡ sau một thời gian nhất định; hay là nó có thể ngăn cản sự phát triển kinh tế tiến theo một vài hướng nào đấy và thúc đẩy sự phát triển đó theo những hướng khác. Trường hợp này chung quy cũng dẫn đến một trong hai trường hợp trên. Nhưng rõ ràng là trong trường hợp hai và ba, quyền lực chính trị có thể gây thiệt hại lớn cho sự phát triển kinh tế và gây ra sự lãng phí to lớn về sức lực và vật liệu» (11).

Trường hợp thứ hai và thứ ba mà Ăng-ghe-n nói là của Cộng hòa nhân dân Trung-hoa. Trong 20 năm qua, kể từ 1958, Trung-quốc đang ra có thể tiến những bước rất dài trên con đường phát triển kinh tế, văn hóa. Nhưng « đại loạn » triển miên do chủ nghĩa Mao gây ra đã đẩy Trung-quốc vào tình trạng thật bi đát trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Không tính trước đó, chỉ kể từ năm 1974 đến 1976, theo Hoa-Quốc-Phong, « do sự gây rối và phá hại của « lũ 4 tên », cả nước bị thiệt hại vào khoảng 100 tỷ đồng nhân dân tệ về tổng giá trị sản lượng công nghiệp, 28 triệu tấn thép, 40 tỷ đồng nhân dân tệ về thu nhập tài chính, toàn bộ nền kinh tế quốc dân cơ hồ đã ở bên bờ của sự sụp đổ » (12).

Còn về tình trạng các quan hệ sản xuất, có thể đánh giá nó như thế nào? Còn mang tính chất xã hội chủ nghĩa hay không? Mức độ bị tổn thương đến đâu? Đó là những vấn đề phức tạp đòi hỏi sự nghiên cứu tỉ mỉ, thận trọng, thật khách quan, khoa học. Điều chắc chắn là một khi kiến trúc thượng tầng về cơ bản đã mất tính chất xã hội chủ nghĩa thì nhất định nó ảnh hưởng một cách tiêu cực đến tính chất của cơ sở. Dứt khoát không thể nói được rằng cơ sở kinh tế ở Trung-quốc hiện nay vẫn giữ

nguyên tính chất xã hội chủ nghĩa. Các quan hệ sản xuất ở đây, một thời vốn có tính chất xã hội chủ nghĩa nhưng còn ở bước đầu rất mong manh, dưới tác dụng tiêu cực của kiến trúc thượng tầng, đang bị biến chất dần. Biến chất trước hết trong chính ngay khu vực sở hữu Nhà nước.

Ta biết rằng, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chân chính, sở hữu Nhà nước là sở hữu toàn dân. Dưới chủ nghĩa tư bản cũng có sở hữu Nhà nước nhưng tuyệt nhiên không phải là sở hữu toàn dân, mà là sở hữu của « nhà tư bản tập thể » theo cách nói của Ăng-ghe-n (13). Còn ở Trung-quốc hiện nay thì sao? Nếu nói rằng ở đây cũng là « nhà tư bản tập thể », ở đây giai cấp tư sản đã phục hồi nãh Nhà nước, nắm kinh tế, nói thế e quá vội vàng. Song không thể không khẳng định Nhà nước Trung-quốc hiện nay không còn là Nhà nước chuyên chính vô sản nên sở hữu Nhà nước ở đây cũng không còn là sở hữu toàn dân, nó đang trên con đường biến chất. Ở đây không phải nhân dân lao động đang thật sự làm chủ hai hình thức sở hữu: sở hữu Nhà nước và sở hữu tập thể, mà chính Nhà nước của tập đoàn quan liêu quân phiệt đang lợi dụng hai hình thức sở hữu ấy, nắm lấy lao động và những tư liệu sản xuất cơ bản của xã hội, dùng vào những mục tiêu nước lớn, bá quyền, phản bội nhân dân. Chính sách kinh tế duy ý chí của cái Nhà nước ấy đang xuyên tạc quá trình tái sản xuất, chuyển mục tiêu từ chỗ thực hiện yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội đến chỗ tạo ra cơ sở vật chất nhằm bảo đảm thực hiện những yêu cầu bá quyền của chủ nghĩa Mao.

(11) Mác và Ăng-ghe-n: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 600.

(12) Hoa-Quốc-Phong: *Báo cáo công tác của Chính phủ tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa V* ngày 26-2-1978.

(13) F. Ăng-Ghe-n: *Chống Duy-rinh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, trang 475.

Dưới sự thống trị của chủ nghĩa Mao, những thành tựu xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung-quốc đã bị tổn thương nghiêm trọng. Ngay những thành quả còn lại cũng đang bị đe dọa mất dần. Tất nhiên, bây giờ mà nói rằng đã mất hết tất cả thì không phù hợp với thực tế. *Một là*, cần thấy một tính quy luật là những biến đổi trong cơ sở thường diễn ra chậm hơn so với những biến cách trong kiến trúc thượng tầng chính trị — Nhà nước; *Hai là*, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung-quốc không dễ gì dễ mất đi trong phút chốc những thành quả xã hội chủ nghĩa hiên nhiên, gắn với lợi ích thiết thân, hàng ngày của họ; *ba là*, tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh không thể không tính đến phản ứng của nhân dân và dù thế nào họ cũng cứ phải sống bám vào chủ nghĩa xã hội—cho dù một thứ chủ nghĩa xã hội mà họ mưu toan đục ruỗng hết nội dung—, không thể họ không thể duy trì địa vị thống trị của họ.

Những tai họa mà chủ nghĩa Mao gây ra cho cách mạng thế giới tất nhiên là rất lớn. Cứ tưởng tượng: hai chục năm qua, nếu Cộng hòa nhân dân Trung-hoa vẫn đi con đường đúng, sát cạnh với Liên-xô và tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, trong cùng đội ngũ thống nhất các lực lượng cách mạng của thời đại, thì bộ mặt thế giới ngày nay đã thay đổi cách mạng đến chừng nào! Cách đặt vấn đề như vậy, tuy nhiên, cũng có mặt không đúng, hơn nữa, cũng chẳng giải quyết vấn đề gì. Bởi vì, những quanh co của lịch sử lấy từng khúc một có thể là cái ngẫu nhiên, song tính chất quanh co nói chung trên toàn bộ con đường lại là điều tất yếu. Lê-nin nói: « cho rằng lịch sử thế giới phát triển đều đặn, không va vấp, không đôi khi nhảy lùi những bước rất lớn, là không biện chứng, không khoa học, không đúng về mặt lý luận » (14).

Mặc dù không thể không thấy những thảm họa do chính chủ nghĩa Mao gây nên cho đất nước, tất cả bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh vẫn cứ phải tôn thờ chủ nghĩa Mao, vì nó là biểu tượng chung, hoàn chỉnh và không gì thay thế được, của chủ nghĩa dân tộc nước lớn và bá quyền. Nhu cầu phải nặn ra và đưa lên một ngọn cờ tư tưởng, một « nhà mác-xít — lê-ni-nít vĩ đại nhất thời nay » thuộc người Trung-quốc, nhu cầu ấy gắn hữu cơ với tham vọng đưa nước Trung-hoa một tỷ người lên địa vị bá chủ hoàn cầu. Vì vậy, Đại hội XI Đảng cộng sản Trung-quốc tiếp tục khẳng định: « Giương cao và bảo vệ ngọn cờ của Mao Chủ tịch không chỉ là điều quan trọng đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng ở Trung-quốc, mà còn quan trọng đối với cả vận mệnh chung của nhân dân thế giới » (15).

Muốn xóa chủ nghĩa Mao thì phải xóa chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, bành trướng, bá quyền, và ngược lại. Đó chỉ có thể là sự nghiệp cách mạng của những lực lượng mác-xít — lê-ni-nít chân chính, của giai cấp công nhân và nhân dân Trung-quốc được chính các lực lượng ấy giác ngộ, tổ chức và lãnh đạo. Còn những kẻ phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh thì không thể làm như thế: lê đơn giản là vì làm như thế có nghĩa là họ tự xóa mình, tự « cách » cái « mạng » của mình. Song, đất nước thì đã điều đứng, rồi ren đến mức mà « bên dưới » người ta không thể nào chịu được nữa và, do đó « bên trên », tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh cũng không thể nào thống trị được nữa nếu không thay đổi cách thống trị và do đó đem lại sự thay đổi ít nhiều trong tình trạng các sự vật. Đó là lý do cốt nghĩa vì sao, từ sau Đại hội XI, có

(14) Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 22, trang 385.

(15) Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng, của Diệp-Kiểm-Anh.

quá trình « đại chấn chỉnh » về các mặt công tác kinh tế, văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật, v.v.; vì sao có bước chuyển trong quyết sách chiến lược từ « đại loạn » sang « ổn định, đoàn kết » tiến tới « đại trị », vì sao có hội nghị toàn thể lần thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung quốc khóa XI « quyết định kết thúc phong trào quần chúng trên quy mô toàn quốc nhằm vạch trần và phê phán Lâm-Bưu và « lũ 4 tên » và chuyển trọng tâm công tác của Đảng và sự chú ý của toàn thể nhân dân cả nước sang việc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa » (16).

Những sự việc nói trên vừa đánh dấu mức độ rất nghiêm trọng mà cuộc khủng hoảng toàn diện của chủ nghĩa Mao đã đạt tới, vừa nói lên mưu toan của tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay hòng tìm lối thoát cho cuộc khủng hoảng. Và, lối thoát mà họ lựa chọn — xét trong thực chất và xét về căn bản, chứ không phải xét trên hình thức, trên các biện pháp, thủ đoạn — tuyệt nhiên không phải là sự phê Mao hóa mà ngược lại chính là nhằm làm cho chủ nghĩa Mao có sức sống dai hơn, có hiệu lực và hiệu quả lớn hơn. Bằng cách đó, trong khi cứu vãn chủ nghĩa Mao, tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay đang đưa nó đến cực điểm của sự phản động.

Nhưng, đến cực điểm của sự phản động cũng tức là đến cực điểm khủng hoảng và như vậy, cũng chính là đưa chủ nghĩa Mao đi ngày càng gần hơn tới bước phá sản hoàn toàn. Có cả một loạt những mâu thuẫn từ trong bản chất chủ nghĩa Mao và do chính nó gây ra; những mâu thuẫn này, trong thực tiễn chủ nghĩa Mao, ngày càng bộc lộ, ngày càng phát triển và ngày càng trở nên sâu sắc. Những mâu thuẫn ấy sẽ đưa chủ nghĩa Mao đến chỗ phá sản không sao tránh khỏi. Trong những mâu thuẫn đó thì mâu thuẫn giữa mục đích và tham vọng chủ quan của chủ nghĩa Mao với quy luật

khách quan của lịch sử là mâu thuẫn cơ bản nhất.

Lịch sử Trung-quốc mấy chục năm qua, có thể nói, là lịch sử phát triển trong tình đối kháng gay gắt giữa quy luật khách quan của sự phát triển xã hội Trung-quốc trong thời đại mới với lý luận và thực tiễn chủ nghĩa Mao. Việc thành lập Cộng hòa nhân dân Trung-hoa năm 1949 trước hết là thắng lợi của xu thế cách mạng Trung-quốc đi vào quỹ đạo thời đại: từ cách mạng dân chủ tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, và như vậy là « con đường thứ ba » của chủ nghĩa Mao — « chủ nghĩa dân chủ mới » — bị gạt bỏ. Thời kỳ 1949 — 1957 là thời kỳ mà Trung-quốc phôi phôi đi lên chủ nghĩa xã hội trong đà tiến chung với cả phe xã hội chủ nghĩa, tất nhiên chủ nghĩa Mao bị đẩy lùi trước cương lĩnh của Đại hội VIII Đảng cộng sản Trung-quốc. Từ 1958 trở đi, khi Mao áp đặt được « đường lối chung » của ông ta thay cho đường lối của Đại hội VIII (kỳ họp lần thứ nhất), toàn bộ nền kinh tế và đời sống xã hội Trung-quốc đi vào thời kỳ rối loạn triền miên, lực lượng sản xuất bị phá hoại cực kỳ nghiêm trọng; đó vừa là sự trừng phạt nghiêm khắc vừa là sự phản kháng gay gắt của quy luật lịch sử khách quan chống lại cái kiến trúc thượng tầng mao-ít nhiễm đầy chủ nghĩa duy tâm chủ quan, duy ý chí.

Mao và những kẻ theo Mao, duy tâm chủ quan đến mức thâm căn cố đế, không sao hiểu được sự thật mà Lê-nin (qua cái tạo quan điểm Hê-ghe trên cơ sở duy vật) đã nêu lên một cách sâu sắc như sau: « Thế giới khách quan » « đi theo con đường riêng của nó » và thực tiễn của con người, đứng trước thế giới khách quan ấy, gặp phải những « trở ngại trong sự thực hiện » mục đích và tham

(16) Thông báo của Hội nghị toàn thể lần thứ 3 Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc khóa XI, tháng 12-1978.

chỉ vấp phải những "cái không thể làm được"... (17).

Tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay phải chăng đã "giác ngộ" thấy được "tính bướng bỉnh" đó của thế giới khách quan? Phải chăng thông qua phê phán Lâm-Bưu và "lũ 4 tên" về đầu óc không thực sự cầu thị, về bệnh chủ quan, duy tâm, duy ngã, siêu hình, v.v., họ đang phê phán chính Mao? *Nhân dân nhật báo* Bắc-kinh, trong một số tháng 6-1978, đã "đau xót" thốt lên rằng: «nhiều năm nay, bất kể về tinh thần hay vật chất, chúng ta thực tế đã ném mùi cay đắng của tác phong không thực sự cầu thị đã quá nhiều rồi! Không thể không nói đó là một bài học vô cùng thấm thía đối với chúng ta».

Nói "không thực sự cầu thị" còn là quá nhẹ! Thật ra, chủ nghĩa duy ý chí ở Mao và những người theo Mao đạt tới mức chẳng những bất chấp sự thật khách quan, mà còn bịa ra sự thật, nặn ra sự thật, đảo lộn cả sự thật tùy theo ý muốn và nhu cầu chủ quan. Trong tập san *Nghiên cứu triết học* số 3-1978, nhà triết học Trung-quốc Tống-Chân-Đĩnh đã vạch mặt "lũ 4 tên" như sau: "Tóm lại, chúng cần sự thật nào thì bịa ra sự thật ấy, cần điển hình nào thì nặn ra điển hình ấy. Lấy giả làm thật, biến thật thành giả, lấy không làm có, biến có thành không, tất cả đều căn cứ theo ý muốn và nhu cầu của chúng mà nặn ra". Đó là sự phê phán đối với "lũ 4 tên" đã "phản bội Mao Chủ tịch" hay là sự tự thú của chính chủ nghĩa Mao? Đó là chủ nghĩa Mao tự phê phán hay là sự phê phán đối với chủ nghĩa Mao?

Cùng với sự phê phán trên mặt lý luận, người ta còn "sửa sai" cả trong thực tiễn. Người ta nhấn mạnh phải "làm việc theo quy luật kinh tế" (18). Người ta phê phán khá sâu cay những người "cho đến nay vẫn còn kháng kháng coi tư tưởng là hàng đầu". Người ta đã lại nói nhiều đến phân

phối theo lao động, đến các đòn bẩy kinh tế, đến lợi nhuận, giá thành, đến thị trường và đến quản lý theo kế hoạch, v.v. Và, trên tất cả các vấn đề, người ta đều trích dẫn Mác - Lênin! Vậy, một lần nữa, phải chăng đang thật sự có quá trình phi Mao hóa? Nhất là với việc khẳng định "thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất của chân lý", người ta "dám" nói "tư tưởng Mao-Trạch-Đông cũng còn phải tiếp tục được kiểm nghiệm trong thực tiễn", thì phải chăng người ta đang đặt lại thành vấn đề không phải từng "nguyên lý" riêng rẽ, mà là toàn bộ tư tưởng Mao-Trạch-Đông?

Không khó gì mà không thấy đằng sau cuộc bàn luận triết học về "thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất của chân lý" là cuộc đấu khẩu chính trị giữa các phe nhóm ở Bắc-kinh. Song, có vấn đề đặt ra: phải chăng đây là mâu thuẫn giữa phái kiên trì chủ nghĩa Mao với phái chủ trương phi Mao hóa? Hay đây chỉ là mâu thuẫn giữa các nhóm trong nội bộ chủ nghĩa Mao? Xem ra giả thiết thứ hai có nhiều căn cứ hơn. Bởi vì, trong tất cả các phe nhóm ấy, không có ai đã từ bỏ chủ nghĩa dân tộc nước lớn và bá quyền - cái cơ sở và thực chất của chủ nghĩa Mao.

Và như vậy là mục đích và tham vọng chủ quan của chủ nghĩa Mao vẫn được giữ nguyên trong đường lối của ban lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay, mục đích và tham vọng chủ quan ấy đương nhiên tiếp tục mâu thuẫn có tính đối kháng với quy luật phát triển khách quan của xã hội Trung-quốc.

Đề hòng thực hiện có hiệu quả hơn những mục đích và tham vọng sô-vanl nước lớn và bá quyền, tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay đã buộc phải có những thay đổi trong phương pháp,

(17) V.I. Lê-nin: *Bút ký triết học*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1963, trang 238.

(18) Xem bài của Hồ-Kiều-Mộc, Chủ tịch Viện hàn lâm khoa học Trung-quốc.

hình thức, thủ đoạn, những thay đổi mà có người lầm tưởng họ phi Mao hóa, họ trở lại chủ nghĩa duy vật, trở lại những quy luật lịch sử, những nguyên lý khoa học Mác - Lê-nin. Thật ra, không thể nhầm lẫn chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa thực dụng. Chủ nghĩa thực dụng chẳng qua là một hình thức của chủ nghĩa duy tâm, duy ý chí mà thôi. Bằng những phương pháp và hình thức được đề ra trên tinh thần thực dụng chủ nghĩa, ban lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay dường như có thể thực hiện có hiệu quả hơn những mục đích và tham vọng của họ (cũng là của chủ nghĩa Mao nói chung) và có thể dễ gây cho người ta cảm giác hình như họ đang trở về cái đúng. *Chính điều đó nói lên rằng tập đoàn phân bội theo Mao trong giới cầm quyền Bắc-kinh hiện nay, so với "lũ 4 người", so với cả chính Mao, lại càng nguy hiểm hơn trên con đường phân bội và phân động của chúng.*

Nói càng nguy hiểm và càng phân động vì chính chủ nghĩa thực dụng trong phương pháp thực hiện những mục tiêu sô-vanh sẽ đẩy tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh ngày càng theo hệ tư tưởng tư sản phân động; về chính trị thì đưa Trung-quốc ngày càng câu kết chặt chẽ hơn với chủ nghĩa đế quốc, ngày càng trắng trợn và điên cuồng chống chủ nghĩa xã hội; nguy cơ mất hết những thành quả xã hội chủ nghĩa của nhân dân Trung-quốc cũng ngày càng tăng lên. Chính chủ nghĩa thực dụng vốn có ở chủ nghĩa Mao — mà tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay đang quán triệt thực hiện, rõ nhất là ở phái Đặng-Tiêu-Bình — tự tạo cho nó những khả năng rất « mềm dẻo » để có thể quay ngoắt từ cực nọ sang cực kia.

Thật vậy, cuộc tranh luận về vấn đề « thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất của chân lý » để lộ cho thấy họ đang chuyển một cách cực đoan từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò tư tưởng như trước kia đến chỗ tuyệt đối hóa tiêu

chuẩn thực tiễn đến mức mọi nguyên lý, nguyên tắc đều không còn ý nghĩa gì nữa. Và, nếu chân lý là « mèo đen hay mèo trắng đều tốt cả, miễn bắt được chuột » (Đặng-Tiêu-Bình), thì chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản không thành vấn đề, miễn sao « hiện đại hóa » được là tốt, trở thành siêu cường, bá chủ được là tốt! Tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh đang thực hiện chính cái lô-gích đó (mặc dù Hoa có nhắc khéo Đặng rằng nói « hiện đại hóa » đừng quên trước hết phải « cách mạng hóa »). Chẳng phải vì mục tiêu trở thành một cường quốc, giành giật bá quyền nước lớn, họ đang cho người chạy tắt tả ngược xuôi đến gõ cửa các thủ đô phương Tây cầu xin vốn liếng và kỹ thuật để làm « bốn hiện đại hóa » (nhất là « hiện đại hóa » quốc phòng) đó sao! Chẳng phải họ đang rất chú trọng đến kinh nghiệm quản lý của Nam-tư, của phương Tây, thậm chí họ đã ca ngợi đến cả kinh nghiệm quản lý của Nam Triều-tiên, Đài-loan, v.v. đó sao! Tất nhiên, hoàn toàn có thể và cần phải chú ý đến những cái hay trong kinh nghiệm quản lý của chủ nghĩa tư bản và biết cách áp dụng những kinh nghiệm đó trên những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa và vì mục đích xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Song những nguyên tắc và mục đích ấy đã bị các nhà lãnh đạo Bắc-kinh phân bội!

Chúng ta cần đặc biệt cảnh giác theo dõi xem những sự nhấn mạnh hiện nay của họ về kích thích vật chất, về lợi nhuận, về sản xuất hàng hóa, về thị trường, v.v. rồi sẽ đi tới đâu. Những sự nhấn mạnh đó, xét riêng từng câu chữ thì khó thấy cái sai, hơn nữa còn ra vẻ « sửa sai »; song xét toàn bộ thì dễ thấy khuynh hướng chung toát ra từ đó chính là sự tuyệt đối hóa những phạm trù kinh tế ấy; mà một khi như vậy thì cuối cùng dẫn tới đâu, chúng ta đều có thể phán đoán. Họ phê phán « lũ 4 người », « mắc bệnh tuyệt đối hóa »; tuyệt

đối hóa vai trò của tư tưởng, của chính trị, của nhân tố chủ quan. Nhưng khi phê như thế, không phải họ đứng trên lập trường duy vật khoa học mác-xít, mà họ xuất phát từ một cực đoan khác: họ tuyệt đối hóa tiêu chuẩn thực tiễn, tuyệt đối hóa nhân tố kinh tế, tuyệt đối hóa kích thích vật chất, v.v. Và cả hai bên khi phê phán nhau đều kết tội lẫn nhau là « tư sản », là « mưu toan phục hồi chủ nghĩa tư bản »; như vậy, dùng cách nói châm biếm của Mác, « những cực đối lập lại hôn nhau »! Đúng như vậy, vì cả hai đều đứng trên mảnh đất chung của chủ nghĩa Mao. Song, có thể nói thêm: so với « lũ 4 người » thì tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh hiện nay — do thực dụng chủ nghĩa một cách thâm căn cố đế — có khả năng đưa Trung-quốc đến chủ nghĩa tư bản một cách nhanh hơn. Và, điều đó lại làm cho mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa Mao với quy luật khách quan của sự phát triển xã hội Trung-quốc càng thêm gay gắt!

Chủ nghĩa Mao đối lập căn bản với quy luật phát triển của toàn bộ lịch sử, không chỉ của Trung-quốc mà của cả toàn thế giới trong thời đại ngày nay. Nếu như chiến lược « bốn hiện đại hóa » còn có khả năng lừa bịp được một số người thì chiến lược toàn cầu

dựa trên thuyết « ba thế giới » rất khó mà che giấu tính chất phản cách mạng, phản động của nó! Chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, bành trướng và bá quyền của Mao và tập đoàn phản bội theo Mao trong giới cầm quyền Bắc-kinh hiện nay bộc lộ một cách trực tiếp nhất, rõ ràng nhất, trắng trợn nhất, đầy đủ nhất chính là trong thuyết « ba thế giới » và trong thực tiễn chính sách đối ngoại của Bắc-kinh.

Trong điều kiện lịch sử ngày nay, ba dòng thác cách mạng đang cuộn cuộn dâng lên trên thế giới, có nhiều khả năng chủ nghĩa Mao sẽ phá sản trước hết chính từ lĩnh vực đối ngoại. Quy luật thép của thời đại chúng ta đã giáng cho chủ nghĩa Mao đòn thất bại thảm hại đầu tiên ở Cam-pu-chia, và giáng cho nó đòn sấm sét ở biên giới phía Bắc nước ta. Những thất bại nặng nề hơn đang chờ đón nó nếu nó vẫn cứ nhắm mắt húc đầu vào quy luật lịch sử. Những thất bại trong lĩnh vực đối ngoại tất nhiên dội lại một cách mạnh mẽ vào lĩnh vực đối nội, càng làm cho mâu thuẫn giữa chủ nghĩa Mao với quy luật phát triển của xã hội Trung-quốc, với nhân dân Trung-quốc, càng thêm gay gắt thêm. Cuối cùng, nhân dân Trung-quốc là người quyết định số phận phá sản hoàn toàn của chủ nghĩa Mao.

Điều tra

VÌ SAO HỢP TÁC XÃ DỆT THẢM ĐỒNG-ĐA SẢN XUẤT ĐƯỢC NHIỀU THẢM XUẤT KHẨU

DIỆU-HƯƠNG

Là đơn vị là cơ đầu của ngành dệt công nghiệp, thủ công nghiệp Hà-nội, nhiều năm qua hợp tác xã dệt thảm xuất khẩu Đồng-da đã sản xuất được nhiều thảm cho đất nước, giải quyết

được công ăn việc làm cho nhiều người lao động trong các khu phố, đồng thời không ngừng nâng cao thu nhập cho hợp tác xã và xã viên.

Dưới đây là những con số cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	1976	76/75	1977	77/76	1978	78/77	1979
		Thực hiện		Thực hiện		Thực hiện		Khả năng
Doanh thu	đ	1 712 668	167	2 106 733	120	1 995 303	94	2 404 000
Tổng thu nhập	đ	733 000	108	818 793	111	977 738	119	1 224 000
Nộp thuế Nhà nước	đ	153 958	125	193 787	125	214 507	110	240 000
(doanh nghiệp + lợi tức)								
Nộp kinh phí + lãi ngành	đ	19 544	117	16 903	86	27 021	158	36 720
Trích quỹ tích lũy	đ	95 303	108	106 433	111	127 105	119	150 000
Trích quỹ công ích	đ	73 310	111	81 879	111	97 774	119	122 000
Tiền công bình quân/người /tháng	đ	66	101	66	100	67,2	101	69

Đất nước đang yêu cầu thâm xuất khẩu với số lượng ngày càng nhiều, chủng loại ngày càng phong phú, chất lượng và trình độ kỹ thuật ngày càng cao. Song, hợp tác xã vấp phải khó khăn lớn là: yêu cầu phát triển sản xuất mạnh mẽ mâu thuẫn với mặt bằng sản xuất có hạn. Hợp tác xã có đủ vốn liếng để mở rộng sản xuất, mua trang bị, thiết bị; có thể thu hút nhiều lao động, có khả năng kỹ thuật và quản lý để đảm đương khối lượng công việc lớn; song mặt bằng sản xuất hiện nay không thể mở rộng được nữa, đồng thời mật độ khung dẹt trong phần xưởng cũng đã quá cao, kho tàng rất chật hẹp.

Vậy giải quyết vấn đề đó như thế nào? Không thể vì thiếu vài nghìn mét vuông nhà xưởng mà hợp tác xã chịu bó tay tự hạn chế năng lực sản xuất của mình. Cũng không thể vì thế mà để cho Nhà nước mất mỗi năm vài vạn mét thâm xuất khẩu.

Phải tìm cách bung ra, vượt qua sự hạn chế của diện tích sản xuất chật hẹp, có cách tổ chức thật hợp lý để có thể phát huy khả năng kỹ thuật và trình độ quản lý của hợp tác xã, sản xuất được nhiều hàng xuất khẩu. Chỉ có như vậy mới giải quyết được tốt vấn đề: «*ích nước lợi nhà*».

Đề khắc phục khó khăn, bảo đảm được yêu cầu của nhiệm vụ, đồng thời để đáp ứng nguyện vọng của nhiều xã viên, hợp tác xã đã có những cách làm khá sáng tạo.

1 - Đưa sản xuất phân tán về các gia đình, cho xã viên được mang khung dẹt về làm tại nhà.

Căn cứ vào đặc điểm của nghề dẹt thảm là có nhiều công đoạn sản xuất hoàn toàn độc lập với nhau và mỗi người lao động thủ công đều có thể sản xuất theo từng công đoạn, hợp tác xã chủ trương phân tán khung dẹt về các gia đình làm. Cách làm mới này có nhiều ưu điểm:

- Giải quyết được khó khăn trước mắt của hợp tác xã do thiếu mặt bằng sản xuất, từ đó giảm được chi phí cần thiết cho việc xây dựng 3000m² nhà xưởng.

- Thu hút thêm được lao động vào làm hàng xuất khẩu (bao gồm cả lao động chưa có công ăn việc làm và lao động phụ, lao động ngoài giờ của cán bộ, công nhân, viên chức trong các gia đình). Từ đó giúp các gia đình xã viên nâng cao thu nhập một cách chính đáng.

- Do đưa khung dẹt về nhà cho nên xã viên và người trong gia đình có thể tranh thủ thời gian làm việc, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập mà vẫn làm được việc nhà.

- Đưa khung dẹt về các gia đình làm, đồng thời có những biện pháp quản lý tích cực, sẽ nâng cao được tinh thần trách nhiệm của người lao động trong sản xuất bao gồm cả việc bảo quản công cụ sản xuất, bảo quản và tiết kiệm nguyên liệu, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

Việc phân tán khung dẹt về các gia đình được xã viên hưởng ứng và trong thực tế nó đã đem lại hiệu quả tốt. Với 441 khung dẹt đưa về nhà (trong tổng số 511 khung dẹt của hợp tác xã), các xã viên đã sản xuất được 90% tổng số sản phẩm của hợp tác xã. Bình quân mỗi khung dẹt ở nhà dẹt tăng được 10m² thảm so với khung tập trung trong một năm, và mỗi khung dẹt ở nhà (do xã viên chính thức nhận làm và lao động phụ trong gia đình làm) đem lại thu nhập nhiều hơn từ 60đ đến 100đ so với một khung dẹt tập trung trong một tháng.

Cách làm mới này phù hợp với nguyện vọng và hoàn cảnh xã viên. Song để phát huy hết tác dụng tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của nó, hợp tác xã đã thực hiện tốt phương châm: phải trên cơ sở phát triển sản xuất tập trung mà phát triển

sản xuất phân tán với những biện pháp quản lý chặt chẽ. Phân xưởng sản xuất của hợp tác xã được kiện toàn để có thể vừa đảm đương tốt việc sản xuất tập trung, vừa rút kinh nghiệm cho việc tổ chức sản xuất phân tán và xây dựng những định mức kinh tế - kỹ thuật cho sản xuất phân tán. Các công đoạn: kỹ thuật vẽ mẫu, kiểm hóa, sửa tía, tẩy nhuộm và dệt (một phân xưởng) được làm tại hợp tác xã. Còn khâu dệt và gia công nguyên liệu (vẽ sợi dây) được tổ chức làm tại nhà. Hợp tác xã đã tổ chức một nhóm dệt thủ bên cạnh phân xưởng dệt tập trung, nhóm dệt này có nhiệm vụ vừa sản xuất theo kế hoạch vừa dệt thử những mẫu hàng mới theo các đề tài của khách hàng. Qua dệt thử, tổ này xác định định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm để đưa về các khung dệt gia đình và là nơi phổ biến yêu cầu và kinh nghiệm dệt mặt hàng mới.

2 - Thực hành những biện pháp có hiệu quả để quản lý tốt và khuyến khích sản xuất tại nhà.

Tiền cơ sở những định mức hình thành từ nhóm dệt thử, hợp tác xã đã giao các định mức về tiêu hao nguyên liệu, về thời gian hoàn thành sản phẩm cũng như về số lượng, chất lượng sản phẩm cho các khung dệt tại nhà. Tất nhiên số lượng, sản phẩm và loại mặt hàng được giao có căn cứ vào trình độ kỹ thuật và năng suất của từng người. Xã viên giỏi, xã viên lâu năm được giao những mặt hàng có yêu cầu kỹ thuật cao; xã viên mới thì nhận những mặt hàng đơn giản. Tuy nhiên do có định mức kinh tế - kỹ thuật hợp lý, cho nên dù có tay nghề cao, thấp khác nhau và nhận những mặt hàng với yêu cầu kỹ thuật khác nhau, xã viên vẫn bảo đảm có được mức thu nhập tương ứng với hao phí lao động của mình. Những xã viên làm mặt hàng khó hoặc sản phẩm đạt chất lượng cao,

được khuyến khích đề phát huy trình độ tay nghề của mình, đồng thời có thu nhập tương ứng bằng hình thức trả tiền công cao cho sản phẩm khó, sản phẩm đạt tiêu chuẩn loại A (tăng 20% tiền công so với sản phẩm loại B), v.v.

Khi giao kế hoạch sản xuất cho xã viên, hợp tác xã giao luôn cả định mức tiêu hao nguyên liệu và thời gian hoàn thành sản phẩm. Sản phẩm do xã viên giao nộp sẽ được nghiệm thu (từng tấm) về chất lượng và cả về trọng lượng để thanh toán nguyên liệu, và tránh tình trạng xã viên vi phạm chạy theo sản lượng mà tiêu hao nguyên liệu quá nhiều hoặc vi phạm lợi mà ăn cắp nguyên liệu. Khi có hiện tượng chạy theo sản lượng, không bảo đảm chất lượng sản phẩm và định mức tiêu hao nguyên liệu thì, ở mức nhẹ xã viên sẽ bị phê bình và phạt tiền công khi hạch toán sản xuất; nếu hiện tượng này lặp lại nhiều lần, hoặc nếu xã viên vào hợp tác xã chỉ có tính chất dựa dẫm, đối phó mà không tích cực hoàn thành kế hoạch sản xuất, hợp tác xã sẽ thông báo cho chính quyền khu phố, đồng thời thu hồi khung dệt, đưa họ về sản xuất tập trung. Sau đó một thời gian, tùy theo tình thần và thái độ lao động của xã viên lúc sản xuất tập trung, hợp tác xã mới xét cho họ được mang khung dệt về nhà hay không.

3 - Chú trọng cải tiến kỹ thuật, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, làm cho mặt hàng xuất khẩu ngày càng phong phú, đa dạng.

Việc nâng cao tay nghề cho xã viên được thực hiện thường xuyên. Những xã viên mới muốn độc lập sản xuất, ngoài việc kèm cặp tại nhà đều phải qua một lớp học nghề chính thức từ 6 tháng đến 8 tháng. Qua thời gian này, người thợ đã có trình độ kỹ thuật và thao tác nhất định, đồng thời cũng đã có thể xác định chu

minh một định mức về khối lượng công việc, chất lượng sản phẩm, và định mức tiêu hao nguyên liệu. Trên cơ sở đó người xã viên, sau thời gian học tập trung, đã có thể nhận kế hoạch sản xuất do hợp tác xã giao cho và xin đưa khung dệt về nhà làm.

Thảm xuất khẩu thường thay đổi mẫu. Nếu mỗi năm phải mở 20 lớp học tập trung để nâng cao tay nghề và hướng dẫn đề tài mới thì cơ sở phải mất hai tháng ngừng sản xuất. Do đó, mỗi khi có đề tài mới, việc phổ biến yêu cầu kỹ thuật và thao tác được thực hiện theo hình thức « vết dầu loang ». thợ giỏi của các tổ sẽ được tập trung về học tập ở nhóm dệt thử, sau đó trở về hướng dẫn cho tổ viên ở các gia đình. Bằng hình thức dạy và học mẫu mới này, khi có đề tài mới, chỉ trong vòng một tháng gần 600 xã viên chính thức của hợp tác xã đã dệt được mặt hàng mới, bảo đảm yêu cầu chất lượng mà không cần tập trung tất cả về học, tiết kiệm được cho hợp tác xã mỗi năm hàng vạn đồng chi phí cho việc mở lớp tập huấn.

Hợp tác xã còn chú trọng cải tiến mặt hàng, làm cho mặt hàng ngày càng phong phú và đáp ứng được các thị hiếu khác nhau của mỗi loại khách hàng. Do nắm chắc kỹ thuật và có ý thức coi trọng vấn đề này, cho nên từ chỗ chỉ sản xuất thảm ngô và thảm mỏng, đến nay hợp tác xã đã có thể dệt các loại thảm mỏng, thảm dày, thảm hoa văn với các loại sợi: đay, dừa, len, vót-cỏ, v.v. Mặt hàng thảm « Thăng-long » đã nổi tiếng trên thị trường nhiều nước châu Âu và được tặng Huy chương vàng tại Hội chợ Lai-xích 1974 với lời khen « phẩm chất tuyệt vời ». Cuối năm nay, thảm xo dừa—mặt hàng được ngành hàng hải thế giới rất ưa chuộng—sẽ được đưa vào sản xuất.

Chủ động cải tiến mặt hàng cũ, nghiên cứu, sáng tạo mặt hàng mới,

coi trọng chất lượng sản phẩm, hợp tác xã thường xuyên giữ được mặt hàng và có nhiều khách. Tính đến năm 1978 đã có 16 nước « ăn hàng » của hợp tác xã.

Để tạo điều kiện cho các khung dệt tập trung cũng như phân tán phát huy hết năng lực của mình, hợp tác xã đã lập phân xưởng cơ khí—mộc. Trong đó có tổ làm nhiệm vụ đi sửa chữa lưu động khi có các khung dệt hỏng hóc; tổ này còn có nhiệm vụ cải tiến, hợp lý hóa công cụ sản xuất để làm cho khung dệt vừa nhỏ gọn thích hợp với diện tích ở các gia đình xã viên, vừa bảo đảm đáp ứng yêu cầu sản xuất khi thay đổi đề tài. Trên cơ sở công cụ được cải tiến, với trình độ tay nghề ngày càng được nâng cao, và với những nguyên liệu phong phú hơn, những người xã viên trong hợp tác xã sẽ dệt nên những sản phẩm đa dạng và đẹp, được khách hàng ưa thích.

4—Tích cực thu hút lao động vào làm hàng xuất khẩu.

Hợp tác xã dệt thảm Đống-đa nhận thức được đúng đắn sự nhất trí giữa lợi ích của đất nước, lợi ích của hợp tác xã và lợi ích của từng người xã viên trong việc phát triển sản xuất hàng xuất khẩu. Chính vì vậy, dù có khó khăn, Hợp tác xã dệt thảm Đống-đa vẫn tìm mọi cách thu hút lao động làm nhiều hàng xuất khẩu.

Hợp tác xã đã kết hợp chặt chẽ với các tiểu khu và khu phố nắm tình hình, đặc điểm lao động trong từng khu phố; tuyên truyền nhiệm vụ và lợi ích của việc làm hàng thủ công xuất khẩu, đồng thời vận động họ vào hợp tác xã, tạo điều kiện cho họ có công ăn việc làm và thu nhập chính đáng.

Hợp tác xã đã vận dụng sáng tạo điều lệ của ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp để thu hút lao động như: không đòi hỏi phải

có tay nghề ngay (hợp tác xã sẽ đào tạo); trong thời gian đào tạo, học viên sẽ được hưởng học phí 18đ mỗi tháng do kinh phí của hợp tác xã đài thọ. Khi xã viên có thể độc lập sản xuất được, họ sẽ được cấp công cụ sản xuất và trả công theo hạch toán sản phẩm. Khi xã viên đã có mức thu nhập ổn định, hợp tác xã mới tính tỷ lệ thu hồi vốn cố phần. Các xã viên đưa khung dệt về nhà được hưởng quyền lợi như những xã viên sản xuất tập trung, ngoài ra còn được cấp thêm một số tiền bằng 3% tổng thu nhập một năm của mình để trả tiền thuê nhà và tiền điện (tuy nhiên mức được cấp theo thu nhập này không quá 50đ). Các tổ trưởng tổ sản xuất phân tán, ngoài việc hưởng lương sản phẩm như xã viên, sẽ được đài thọ thêm một khoản chi phí hành chính cho việc đi lại kiểm tra, kèm cặp tổ viên...

Đề khai thác nguồn lao động tiềm tàng làm hàng xuất khẩu và chuẩn bị cho những lớp thợ mới, hợp tác xã dựa vào đặc điểm của ngành thủ công để đưa các lớp dạy-nghề vào các tiểu khu và đường phố, vào các trường học phổ thông, trường vừa học vừa làm. Hình thức này vừa giúp các trường có cơ sở vật chất và giáo viên dạy nghề để thực hiện phương châm "học đi đôi với hành", vừa giúp cho

các em học sinh có kiến thức và tay nghề nhất định. Đối với những em không có điều kiện học tiếp thì có thể chuyển ngay vào hợp tác xã làm việc.

Bằng những hình thức tổ chức và quản lý khoa học, các cơ sở sản xuất của hợp tác xã, có mặt khắp bốn khu phố và hai huyện ngoại thành Hà-nội với gần 1000 xã viên và 511 khung dệt, đều hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất của mình.



Hợp tác xã dệt thảm xuất khẩu Đống-đa là điển hình của một đơn vị kinh tế tập thể có quan điểm và cách giải quyết đúng đắn trong sản xuất kinh doanh, có cách tổ chức làm việc hợp lý để thu hút lao động các khu phố đông dân vào làm hàng xuất khẩu. Học tập kinh nghiệm của hợp tác xã dệt thảm xuất khẩu Đống-đa, các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp khác (đặc biệt là các hợp tác xã ở thành phố, khu đông dân) chắc chắn sẽ rút ra được những điều bổ ích, từ đó mà có những cách làm mới, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh của mình, nhằm sản xuất được nhiều hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu cho đất nước.

CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

ĐINH-QUANG

I

* Từ khi Đảng và Nhà nước có chủ trương về tăng cường cấp huyện và nhất là sau khi có nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng về xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp huyện, một số địa phương đã chủ động đề ra phương hướng đúng, bước đi ban đầu hợp lý: đẩy mạnh trồng trọt và chăn nuôi, từng bước sắp xếp lại lao động, khai thác nguyên liệu địa phương, phát triển ngành nghề thủ công nghiệp, đồng thời tập trung xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh trên địa bàn huyện.

Đến nay đã có 53 huyện (không kể thị xã) đạt giá trị sản lượng công nghiệp hằng năm từ 10 triệu đồng trở lên. Nhiều vùng trước đây chỉ có nông nghiệp, nay đã có một số cơ sở công nghiệp, đời sống kinh tế và xã hội ở các nơi đó có sự chuyển biến mới, lành mạnh. Mức thu nhập của người lao động tăng bình quân từ 25% đến 50%; việc phân công lao động mới bước đầu được thực hiện. Những kết quả này chỉ là bước đầu, nhưng cũng đủ chứng minh rằng đường lối, chủ trương của Đảng là đúng đắn.

Tuy nhiên, kết quả của việc xây dựng cơ cấu kinh tế huyện nói chung và công nghiệp huyện nói riêng trong thời gian qua còn thấp xa so với yêu cầu nêu trong chỉ thị 33 của Bộ chính trị Trung ương Đảng và khả năng thực tế cho phép. Điều đó biểu hiện cụ thể ở các mặt sau đây:

1 - Tốc độ phát triển công nghiệp ở huyện chậm. Số huyện có cơ sở công nghiệp khá còn ít, chỉ mới chiếm khoảng 11% tổng số huyện, lại phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở đồng bằng. Các huyện trung du và miền núi - vùng xung yếu về kinh tế và quốc phòng của đất nước - có nhiều khả năng về nguyên liệu nhưng công nghiệp chưa được phát triển đúng mức. Trình độ sản xuất và đời sống xã hội ở các huyện này kém xa so với miền xuôi. Mọi sản phẩm công nghiệp từ công cụ lao động cầm tay đến vật phẩm tiêu dùng bằng sành, gốm, tre, gỗ đều phải mua từ nơi khác trong khi địa phương có sẵn nguyên liệu để sản xuất; đời sống vật chất và văn hóa chậm phát triển và vai trò pháo đài chiến đấu của huyện chưa được củng cố.

2 - Những huyện đã bước đầu xây dựng cơ sở công nghiệp, thì chưa kết hợp công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu kinh tế hợp lý. Sản xuất công nghiệp chưa phục vụ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển: ngược lại nông nghiệp cũng chưa làm cơ sở cho công nghiệp phát triển vững chắc. Sản xuất công nghiệp còn lệ thuộc vào nguyên liệu bên ngoài cho nên không ổn định và hiệu quả kinh tế thấp.

3 - Về tư tưởng chỉ đạo, thiếu ý thức tự lực tự cường, chưa chủ động khai thác mọi tiềm năng (lao động, nguyên liệu, vốn tự có) để phát triển sản xuất, nặng về ỷ lại, chờ đợi vốn, nguyên liệu, thiết bị do trung ương cấp.

Trong xây dựng cơ sở vật chất và phát triển ngành nghề, chưa nắm vững nguyên tắc hiệu quả kinh tế toàn diện đề cân nhắc, chọn phương án tốt nhất. Có xu hướng ham chuộng quy mô và hình thức, không căn cứ vào điều kiện và khả năng thực tế; nặng về xây dựng cơ sở quốc doanh, xem nhẹ hợp tác xã thủ công nghiệp và nghề phụ gia đình; chỉ chú ý xây dựng mới, coi nhẹ việc khai thác năng lực cơ sở sản xuất đã có.

Tổ chức sản xuất chưa có nền nếp, chưa thành hệ thống thông suốt từ khâu sản xuất nguyên liệu đến các khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Băn ví cục bộ, thiếu phân công hiệp tác sản xuất, do đó thường xảy ra tình trạng chông chéo, trùng lặp giữa tỉnh và huyện, giữa các cơ sở sản xuất trong huyện, giữa quốc doanh và hợp tác xã.

Xây dựng cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp huyện là một nhiệm vụ quan trọng, to lớn và cũng là một việc rất mới. Chúng ta chưa nhận thức đầy đủ vị trí của địa bàn huyện, đồng thời cũng chưa có nhiều thực tế để rút kinh nghiệm tìm ra cách làm ăn tốt nhất, cho nên khó tránh khỏi những thiếu sót.

II

Ngày nay, qua một thời kỳ làm thử, đã có những điển hình tốt về mặt này hay mặt khác trên khắp các vùng của đất nước, trong những điều kiện khó dễ khác nhau, giúp cho ta nắm chắc hơn những gì trước đây mới bắt đầu hiểu, thấy rõ là hoàn toàn có thể làm được những gì trước đây tưởng là khó mà làm được. Điều quyết định là cần có nhận thức đúng, tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, có biện pháp tích cực và cụ thể.

Nước ta đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Bởi vậy, muốn thực hiện chủ trương vừa tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vừa không ngừng nâng cao đời sống nhân dân thì phải tăng cường xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, trong đó công nghiệp huyện có khả năng kết hợp chặt chẽ với nông nghiệp từ cơ sở, sử dụng hợp lý mọi nguồn nguyên liệu phân tán, nhất là nguyên liệu từ nông, lâm, hải sản và phế liệu phế phẩm ở nông thôn. Với quy mô nhỏ, trang bị không phức tạp lắm, công nghiệp huyện được xây dựng và đưa vào sản xuất nhanh, góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, đồng thời giải quyết việc làm cho người lao động. Công nghiệp huyện hình thành, tạo điều kiện cho công nghiệp trung ương tập trung sức xây dựng các công trình lớn, hiện đại, sản xuất ra những mặt hàng cơ bản, thiết yếu cho nhu cầu chung cả nước.

Hiện nay nhân dân ta đang trực tiếp đương đầu với âm mưu xâm lược và bành trướng của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, chúng vừa tiến hành khiêu khích vũ trang, chống phá ta về ngoại giao, vừa phá hoại nền kinh tế ta. Để thực hiện sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, thực hiện hậu cần tại chỗ, bảo đảm càng đánh càng mạnh, việc tăng cường phát triển

công nghiệp huyện, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý trên địa bàn huyện càng trở nên cấp bách.

Xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện là tổ chức mối quan hệ gần bó, hài hòa giữa công nghiệp và nông nghiệp trong từng vùng lãnh thổ, từng cơ sở sản xuất, trong từng giai đoạn nhất định, làm sao cho mỗi ngành phát huy chức năng của mình thúc đẩy ngành kia phát triển một cách thuận lợi và có hiệu quả. Mối quan hệ này cần được quản trịet toàn diện, từ đầu đến cuối.

Phương án xây dựng và phát triển công nghiệp huyện trước hết phải nhằm phục vụ nông nghiệp, làm nghiệp và ngư nghiệp, giúp đỡ cho nông nghiệp tiến hành cách mạng kỹ thuật. Sản phẩm công nghiệp phải đáp ứng yêu cầu của việc thực hiện các biện pháp canh tác quan trọng (nước, phân, giống, công cụ, thức ăn gia súc...), nhằm thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, tăng sản lượng chăn nuôi. Công nghiệp phải ra sức chế biến nông sản, kể cả phế liệu, thành những sản phẩm công nghiệp có giá trị cao, làm tăng hiệu quả kinh tế cho sản xuất nông nghiệp. Có kế hoạch phát triển ngành nghề, từng bước tiếp nhận lao động dôi ra trong quá trình cơ giới hóa nông nghiệp. Công nghiệp phục vụ nông nghiệp có hiệu quả nhất trên địa bàn huyện là tổ chức mạng lưới cơ khí sửa chữa máy công cụ đen tạc cơ sở, bảo đảm cho nông nghiệp làm kịp thời vụ. Ngoài ra, công nghiệp còn cung cấp hàng tiêu dùng cho lao động nông nghiệp.

Nông nghiệp, ngoài chức năng cung cấp lương thực, thực phẩm cho lao động công nghiệp, còn có kế hoạch phát triển sản xuất nguyên liệu, bảo đảm cung cấp nguyên liệu một cách vững chắc và ngày càng nhiều theo đà phát triển của công nghiệp. Các đơn vị sản xuất nông nghiệp cần tích cực huy động nguồn vốn và tiền

tiết kiệm của xã viên, tận dụng lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp để tổ chức kinh doanh thủ công nghiệp và nghề phụ gia đình; đó là hình thức tốt để kết hợp sản xuất công nghiệp với sản xuất nông nghiệp.

Trong mối quan hệ hữu cơ giữa công nghiệp và nông nghiệp trên địa bàn huyện, mỗi ngành có vai trò tích cực của mình, ngành này vừa phục vụ đắc lực cho ngành kia phát triển, vừa đòi hỏi ngành kia bổ sung phương hướng sản xuất cho ăn khớp với yêu cầu phát triển của ngành mình theo một quy hoạch kinh tế chung nhằm từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng huyện mà xây dựng cơ cấu ngành nghề công nghiệp huyện thích hợp nhằm kết hợp khéo léo lao động với tài nguyên của địa phương, sáng tạo ra nhiều vật phẩm để tiêu dùng trong nước và để xuất khẩu. Do đó chúng ta không thể có một mô hình sản xuất công nghiệp chung cho các huyện được, tuy nhiên có thể phân thành hai loại ngành nghề công nghiệp có thể xây dựng và phát triển trong mỗi huyện :

Một là, ngành nghề phổ thông mà huyện nào cũng cần có, sản xuất ra những vật phẩm tiêu dùng trong một phạm vi lãnh thổ hẹp mới có hiệu quả tốt như :

— Mạng lưới cơ khí sửa chữa máy công tác cho các ngành kinh tế trong huyện.

— Cơ khí chế tạo công cụ thường và công cụ cải tiến cho lao động, nhất là lao động nông nghiệp, thủy lợi (có sự hợp tác sản xuất giữa các huyện).

— Sản xuất vật liệu xây dựng thông thường: gạch, ngói, vôi; khai thác đá, cát, sỏi..

— Sản xuất đồ dùng gia đình đơn giản bằng nguyên liệu địa phương như hàng đan tre, nứa, lá; đồ gốm, sành, thủy tinh, gỗ.

— Chế biến lương thực, thực phẩm như xay xát thóc gạo, chế biến màu, nước chấm, kem giải khát, đường mật, thức ăn gia súc.

— Xây dựng công trình công cộng và nhà ở của nhân dân.

— Vận tải bằng phương tiện thô sơ.

Hai là, ngành nghề đặc thù phát huy được ưu thế riêng của từng loại huyện có điều kiện sản xuất sản phẩm phục vụ trên phạm vi rộng ngoài địa bàn một huyện hoặc xuất khẩu. Cụ thể như sau:

— *Huyện ven biển* tập trung khai thác, chế biến hải sản: tôm, cá, nước mắm, muối; tổ chức nuôi trồng, khai thác, chế biến các đặc sản biển: trai, hàu, hải sâm, yến sào, rau câu, đồi mồi. Thực hiện lấn biển và tận dụng đất ven biển để trồng và chế biến: cò, dứa, sù vẹt.

— *Huyện trung du và miền núi* tập trung trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ, mây, tre, nứa. Gây trồng, khai thác và chế biến các đặc sản về rừng như: sơn, quế, thông, trâu, cảnh kiến và dược liệu quý.

— *Các thị xã và các huyện có nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống* có nhiều khả năng dồi dào mạnh gia công làm hàng xuất khẩu: hàng may mặc, hàng thêu đan, đồ sơn mài, điêu khắc, thủy tinh và gốm sứ mỹ nghệ...

— *Các huyện chuyên canh cây công nghiệp*: bông, đay, dâu tằm, mía, cao su, chè, cà phê, lạc, đỗ tương, v.v. tập trung phục vụ công nghiệp chế biến (kể cả sơ chế nguyên liệu và gia công làm sản phẩm công nghiệp) sử dụng nguyên liệu một cách tổng hợp.

Trong cơ cấu ngành nghề của công nghiệp huyện, mỗi địa phương cần chọn lựa những ngành nghề có nguyên liệu dồi dào, có thị trường tiêu thụ vững chắc, lâu dài, tập trung phát triển mạnh những ngành ấy và không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo thành những mặt hàng chủ lực của địa phương

minh. Như vậy, công nghiệp từng địa phương mới có cái cốt để đứng vững và có «chủ bài» để trao đổi kinh tế với các nơi khác, thực hiện sự phân công chuyên môn hóa sản xuất về lâu dài. Đó là cách làm ăn tốt để góp phần đưa sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa

Căn cứ vào khả năng chung của cả nước hiện nay, và rút kinh nghiệm trong thời gian qua, chúng tôi kiến nghị những mục tiêu phấn đấu phát triển công nghiệp huyện từ nay đến năm 1985 như sau: giá trị sản lượng công nghiệp các huyện đồng bằng đạt từ 20 triệu đồng trở lên và chiếm tỷ trọng khoảng 40% giá trị sản lượng kinh tế toàn huyện. Các huyện miền núi đạt 10 triệu đồng trở lên và chiếm khoảng trên 20% tổng giá trị sản lượng kinh tế toàn huyện. Tỷ lệ lao động công nghiệp so với tổng số lao động của địa phương (cả huyện đồng bằng và miền núi) đạt trên 20%. Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp xuất khẩu so với toàn bộ giá trị sản phẩm công nghiệp trong huyện chiếm trên 30%.

Về sản phẩm cụ thể, cần phấn đấu thỏa mãn nhu cầu về các mặt sau đây: công cụ thường và công cụ cải tiến; sửa chữa máy công tác; hàng tiêu dùng thông thường mà địa phương có đủ điều kiện sản xuất; chế biến màu cho nhân dân và cung cấp nhiều thức ăn gia súc cho chăn nuôi, thật sự giải phóng đôi vai; bảo đảm đủ vật liệu xây dựng thông thường và lực lượng xây dựng các công trình công cộng và nhà ở cho nhân dân.

III

Để thực hiện những mục tiêu trên, chúng ta cần tiến hành một số biện pháp chính sau đây:

Một là, nghiên cứu xây dựng phương án phát triển công nghiệp huyện, cân đối khả năng và nhu cầu công nghệ phẩm cho từng thời kỳ kế

hoạch, từng cơ sở sản xuất, đồng thời kết hợp chặt chẽ lợi ích của Nhà nước với lợi ích của địa phương. Trên cơ sở đó, tiến hành tổ chức lại sản xuất, theo hướng phân công chuyên môn hóa, hợp tác hóa sản xuất ngày càng cao. Tiến hành củng cố các cơ sở sản xuất sẵn có về các mặt: ổn định phương hướng sản xuất, nguồn nguyên liệu và tiêu thụ; cải tiến công nghệ, bổ sung cân đối trang bị kỹ thuật. Đồng thời có kế hoạch xây dựng mới những cơ sở sản xuất cần thiết; tăng cường cán bộ, công nhân lành nghề nhằm khai thác các cơ sở sẵn có đến mức cao nhất.

Vốn đầu tư xây dựng cơ sở công nghiệp huyện chủ yếu là vốn tích lũy của địa phương cộng với vốn huy động trong nhân dân và vay tín dụng. Tuy nhiên, lúc ban đầu các huyện cần được Nhà nước đầu tư xây dựng một số cơ sở nông cốt như: cơ khí sửa chữa và chế tạo nông cụ, cơ sở sản xuất những mặt hàng chủ lực của địa phương phục vụ cho nhu cầu chung ngoài phạm vi huyện hoặc xuất khẩu. Nhà nước phân công các ngành công nghiệp trung ương, các tỉnh có công nghiệp khá nhận giúp đỡ các tỉnh, huyện trung du và miền núi về xây dựng công nghiệp.

Các huyện ở miền Nam tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính. Cần nghiên cứu sử dụng những hình thức thích hợp từ thấp đến cao, bảo đảm sau cải tạo, sản xuất phát triển, số lượng sản phẩm và chủng loại mặt hàng ngày càng đa dạng, phong phú, chất lượng mặt hàng ngày càng cao.

Hai là, cần giải quyết vấn đề nguyên liệu. Nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp cũng như lương thực cho người, là nhân tố hàng đầu để ổn định và phát triển sản xuất một cách vững chắc. Cấp lãnh đạo các địa phương cần có ý thức đầy đủ, tập

trung xây dựng, phát triển nguồn nguyên liệu địa phương bằng mọi biện pháp tích cực như: dành tỷ lệ đất đai và lao động cho thỏa đáng để chuyên sản xuất nguyên liệu, cung cấp lương thực và tăng thu nhập cho người lao động sản xuất nguyên liệu. Ngoài ra, cần vận động nhân dân tận dụng mọi đất đai (đất vườn, bờ rào, bờ nương, bãi bồi, đồi hoang...) để trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp; khuyến khích thu nhập và sử dụng tốt phế liệu, phế phẩm. Ở các địa phương có điều kiện, cần lập trung sức tiến hành nuôi, trồng, khai thác, sơ chế nguyên liệu. Những địa phương sản xuất nguyên liệu cho nhu cầu chung, cần được ưu tiên dành phần nguyên liệu cần thiết để chế biến (trừ loại nguyên liệu do Nhà nước quản lý toàn bộ). Cần ban hành sớm chính sách về phân phối thu nhập có lợi cho cơ sở và địa phương chuyên sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp.

Ba là, đề huyện có điều kiện và chủ động thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở sản xuất công nghiệp, ngành tài chính cần nghiên cứu quy định cụ thể nguồn thu ngân sách huyện. Tuy theo đặc điểm của từng loại huyện mà quy định tỷ lệ trích thu các khoản cho ngân sách huyện một cách thỏa đáng phù hợp với những quy định chung của Nhà nước.

Bốn là, vận dụng các chế độ, chính sách quản lý chung của Nhà nước cho phù hợp với điều kiện sản xuất công nghiệp huyện. Tích cực sửa đổi những chế độ, chính sách không còn phù hợp, chẳng hạn như: chế độ về kế hoạch sản xuất và thu mua sản phẩm; chính sách giá cả đối với sản phẩm; chính sách về thu nhập của những người lao động; chế độ gia công; chế độ cho vay tín dụng, v.v.

Năm là, Ủy ban nhân dân huyện là cấp có trách nhiệm chính về quản lý toàn diện đối với công nghiệp huyện. Để giúp Ủy ban nhân dân huyện quản

lý công nghiệp huyện, cần tổ chức Phòng công nghiệp huyện (tách khỏi ban kinh tế huyện). Đồng thời, cần xây dựng tổ chức Liên hiệp hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cấp huyện để giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Hai tổ chức này ở cấp huyện có thể lồng vào nhau về mặt tổ chức để kết hợp hai mặt công tác quản lý hành chính — kinh tế và xây dựng quan hệ sản xuất mới một cách chặt chẽ.

Công nghiệp huyện bao gồm nhiều thành phần kinh tế (quốc doanh, hợp tác xã, tư nhân), nhiều loại hình sản xuất (chuyên doanh, kiêm doanh, liên doanh, nghề phụ gia đình) với quy mô nhỏ. Mỗi thành phần kinh tế, mỗi loại hình sản xuất đều có vai trò nhất định trong cơ cấu công nghiệp huyện, trong đó tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp có vai trò quan trọng và lâu dài. Do đó, đối với những sản phẩm đã có hợp tác xã sản xuất, cần tiếp tục giúp đỡ hợp tác xã mở rộng sản xuất để thỏa mãn nhu cầu, không nên xây dựng cơ sở quốc doanh để thay thế hợp tác xã. Đối với những sản phẩm có nhu cầu ít và những ngành nghề dịch vụ mà tư nhân phục vụ được thuận tiện hơn thì không tổ chức hợp tác xã một cách máy móc.

Ngoài ra, để giải quyết thỏa đáng sự tranh chấp cơ sở sản xuất giữa các ngành công nghiệp tỉnh và huyện thì cần đặt lợi ích sản xuất lên trên hết. Ngành nào, cấp nào quản lý có khả năng giải quyết được yêu cầu, tạo

điều kiện cho sản xuất thuận tiện nhất, có khả năng giúp đỡ cơ sở thực hiện tiến bộ kỹ thuật và phát triển sản xuất tốt nhất, thì giao cho ngành đó, cấp đó quản lý cơ sở. Chẳng hạn như những cơ sở sản xuất công nghiệp sau đây cần giao cho huyện trực tiếp quản lý:

— Công nghiệp sản xuất sản phẩm phục vụ cho nhu cầu trong huyện là chính.

— Các cơ sở sản xuất phát huy được ưu thế nguyên liệu, lao động địa phương có tính chất truyền thống với quy mô nhỏ và trình độ trang bị kỹ thuật phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ và công nhân trong huyện.

— Toàn bộ cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong huyện.



Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đang tiếp tục phát triển. Tuy trước mắt, đất nước ta còn nhiều khó khăn, cần phải ra sức khắc phục, nhưng nhất định chúng ta có đủ tiềm lực và khả năng để thực hiện chủ trương của Đảng là xây dựng cơ cấu kinh tế mới công — nông nghiệp, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, từng bước xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, kết hợp kinh tế với quốc phòng, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

ĐỘC TÁC PHẨM

«VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG»

của đồng chí Lê-Duẩn

PHẠM - THÀNH

 [CH] sử hoạt động của Đảng ta đã đem lại cho chúng ta những bài học về xây dựng Đảng hết sức quý báu. Những bài học ấy đã được đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng tổng kết lại trong nhiều bài nói và bài viết quan trọng. Các bài đó được tập hợp trong quyển *Về xây dựng Đảng* in và phát hành do Nhà xuất bản Sự thật làm nổi

bật lên những kinh nghiệm lớn chung quanh các vấn đề:

1 — Xây dựng Đảng ở một nước nông nghiệp lạc hậu vốn là thuộc địa, nửa phong kiến.

2 — Xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.

Bài giới thiệu này cố gắng trình bày tư tưởng của đồng chí Lê-Duẩn trên những vấn đề đó.



Một vấn đề lý luận quan trọng bậc nhất đã và đang đặt ra cho nhiều nước thuộc địa hoặc vốn là thuộc địa là: làm thế nào để xây dựng

Đảng vô sản kiểu mới ở một nước chưa phát triển về kinh tế mà số dân chủ yếu là nông dân, giai cấp công nhân còn nhỏ bé?

Tổng kết kinh nghiệm xây dựng Đảng ở nước ta, đồng chí Lê-Duẩn đã nêu rõ: “Đảng ta sở dĩ lãnh đạo được nhân dân làm nên những sự nghiệp vĩ đại ấy, trước hết là nhờ nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đảng nắm chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải trên câu chữ mà từ trong thực chất *cách mạng và khoa học* vốn là hai đặc tính căn bản kết hợp làm một trong bản thân chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đảng biết quán triệt đặc tính căn bản ấy của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức của mình, trong đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng, trong toàn bộ cuộc đấu tranh của Đảng ở tất cả các thời kỳ. Chính điều đó cũng cắt nghĩa vì sao Đảng ta, mặc dù sinh ra và lớn lên ở một nước nông nghiệp lạc hậu, vốn là thuộc địa và nửa phong kiến, giai cấp công nhân còn rất ít ỏi, song trước sau vẫn giữ vững tính chất của một đảng của giai cấp công nhân” (370) (+).

Như vậy, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách sáng tạo là điều kiện quyết định của một đảng vô sản.

Nhiều bài trong quyển sách này đã nêu bật kinh nghiệm của Đảng ta trong việc vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để xây dựng Đảng về cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó xây dựng Đảng về chính trị là mặt có ý nghĩa quyết định đầu tiên.

Đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh, dưới sự lãnh đạo thiên tài và sáng suốt của Hồ Chủ tịch, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã xác định được đường lối cách mạng hoàn toàn đúng đắn. Những văn kiện thành lập Đảng do Hồ Chủ tịch viết cũng như bản

Luận cương chính trị do đồng chí Trần-Phủ, Tổng bí thư đầu tiên của Đảng khởi thảo là những biểu hiện rạch ròi của sự đúng đắn ấy, chứng tỏ rằng Đảng ta đã kết hợp được chặt chẽ nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng nước ta, đã đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Từ đó, qua từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng khác nhau, Đảng ta vẫn tiếp tục vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn để lãnh đạo nhân dân ta làm cách mạng, giành được những thắng lợi ngày càng to lớn và vững chắc.

Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ, kinh nghiệm thành công của Đảng ta trong xây dựng Đảng về chính trị là ở chỗ Đảng ta đã nắm được bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm được tinh thần và phương pháp của nó, dùng nó làm kim chỉ nam cho hành động cách mạng của mình. Đồng chí nói: “suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, kể cả những bước ngoặt rất phức tạp, Đảng ta đã luôn luôn nêu cao tính thần chiến đấu kiên cường và bất khuất, hy sinh anh dũng, tận tụy và trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, đồng thời đã giải quyết phù hợp với quy luật khách quan các vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt-nam. Được như vậy chính là vì Đảng ta rất trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, suy nghĩ độc lập, vận dụng sáng tạo lập trường, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào tình hình cụ thể luôn luôn phát triển và đổi mới của nước ta, học tập có chọn

(+) Những đoạn trích trong bài này, có ghi số trang (trong dấu ngoặc) là những đoạn trích từ tác phẩm “*Về xây dựng Đảng*” của đồng chí Lê-Duẩn.

lọc kinh nghiệm cách mạng quốc tế, quan tâm tổng kết những bài học đấu tranh cách mạng vô cùng phong phú của nhân dân ta » (328 — 329).

Đối với đảng mác-xít — lê-ni-nít, đường lối đúng đắn không phải là mục đích tự thân mà là phương tiện để cải tạo và xây dựng toàn bộ xã hội. Đề biến đường lối thành hiện thực, phải làm cho đường lối đó được thấm nhuần trước hết trong toàn Đảng và từ đó được thấm nhuần trong toàn thể nhân dân, phải thông qua tổ chức đề đi vào hành động thực tiễn. Xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức là nhằm bảo đảm cho đường lối được thực hiện thắng lợi.

Nói xây dựng Đảng về tư tưởng, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh việc xây dựng lập trường giai cấp công nhân cho cán bộ đảng viên. Đối với Đảng ta, một đảng mà phần lớn đảng viên xuất thân từ các tầng lớp tiểu tư sản (nông dân cũng là tiểu tư sản) thì đây là một vấn đề có ý nghĩa quyết định nhằm bảo đảm cho đường lối của Đảng được quán triệt một cách đúng đắn, tư tưởng của Đảng được thống nhất.

Đồng chí Lê-Duẩn bác bỏ quan niệm sai lầm về lập trường giai cấp; coi lập trường giai cấp « chỉ là lòng căm thù đối với bọn bóc lột, là kiên quyết đánh đổ chế độ cũ ». Đồng chí nói: lập trường giai cấp còn là « lòng thương yêu đối với người lao động, là thái độ hết lòng phục vụ nhân dân, là tinh thần đấu tranh xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đời sống mới đầy hạnh phúc cho xã hội » (69). Đồng chí cũng phê phán quan điểm coi lập trường giai cấp chỉ là vấn đề đạo đức, phẩm chất đơn thuần, tách rời đạo đức phẩm chất với tri thức cách mạng.

Muốn có lập trường giai cấp công nhân đúng đắn, phải có sự tu dưỡng thường xuyên trong thực tiễn cách mạng. Đồng chí Lê-Duẩn nói « kinh nghiệm thực tế cho thấy, xây dựng

được lập trường công nhân là một việc rất khó, rất công phu. Ngay những người đã vào Đảng lâu năm cũng phải thấy xây dựng và củng cố cho mình lập trường công nhân vững vàng còn là một việc khó khăn. Nó đòi hỏi người đảng viên vừa phải có tình cảm hết sức sâu sắc với giai cấp công nhân, vừa phải có hiểu biết lý luận cách mạng. Có lý luận mà không có tình cảm vô sản sâu sắc thì không thể có lập trường vô sản. Ngược lại, có tình cảm vô sản, nhưng không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có lập trường vô sản vững chắc. Tình cảm vô sản không phải là tình cảm của người nghèo nói chung, mà là tình cảm của giai cấp công nhân, giai cấp tiên tiến nhất của thời đại ngày nay, tiêu biểu cho con đường đi lên của xã hội loài người » (77).

Đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ thành tựu to lớn trong công tác xây dựng Đảng của Đảng ta là đã lấy việc giáo dục và lãnh đạo tư tưởng làm điểm chủ yếu, coi việc nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp của đảng viên, xây dựng tư tưởng vô sản và đấu tranh khắc phục các tư tưởng phi vô sản trong đảng viên là một nhân tố quan trọng bảo đảm tính giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Chính nhờ sự giáo dục và lãnh đạo tư tưởng ấy mà « mặc dù sinh ra và lớn lên trong một nước thuộc địa và nông nghiệp lạc hậu, mặc dù số đảng viên xuất thân từ nông dân và tiểu tư sản thành thị chiếm số đông, Đảng ta vẫn giữ vững tính chất vô sản và tính chất tiên phong của mình, giữ vững đường lối và tư tưởng vô sản, lãnh đạo cách mạng đi tới thắng lợi » (23). Trong việc xây dựng lập trường vô sản, đồng chí Lê-Duẩn đặc biệt coi trọng việc nghiên cứu, học tập lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, coi đó là nhiệm vụ của đảng viên, là « một vấn đề thuộc về tính Đảng, một vấn đề có quan hệ đến sinh mạng của Đảng ».

Bởi vì « lập trường giai cấp công nhân chính là lập trường chủ nghĩa Mác—Lê-nin mà Đảng, đường lối chính trị và hoạt động của Đảng chính là sự biểu hiện cụ thể và thực tiễn của lập trường đó » (242). Lập trường không phải là một vấn đề đơn thuần thuộc về nhận thức, tư tưởng và tình cảm. Vấn đề quan trọng là nhận thức tư tưởng và tình cảm cách mạng được biểu hiện trong hành động cách mạng. Trong thực tiễn như thế nào? Đồng chí Lê-Duẩn nói: « lập trường » không phải là một khái niệm trừu tượng, dùng chung cho mọi nơi, mọi lúc», mà là một khái niệm « có nội dung cụ thể phù hợp với nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn cách mạng, phù hợp với cương vị và điều kiện công tác của từng người đảng viên, cán bộ » (141). Người đảng viên có lập trường giai cấp công nhân vững vàng phải là người nắm vững đường lối cách mạng của Đảng, và có năng lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao theo đúng đường lối ấy. Bởi vì « tiêu chuẩn khách quan để đánh giá lập trường, phẩm chất của một cán bộ, đảng viên trước hết và chủ yếu là hiệu quả công tác, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Không thể có người đảng viên có « lập trường tốt » trong khi công tác bê trễ, nhiệm vụ không hoàn thành » (141).

Xây dựng lập trường tư tưởng công nhân là điều có ý nghĩa quyết định đối với một đảng vô sản. Nhưng muốn biến thành hành động cách mạng, tư tưởng phải thông qua tổ chức.

Quan niệm của đồng chí Lê-Duẩn về tổ chức rất rộng. Khi nói về quan hệ giữa cán bộ và tổ chức, đồng chí nói: « tổ chức ở đây muốn nói không những là tổ chức Đảng mà còn là tổ chức Nhà nước, tổ chức kinh tế, văn hóa, tổ chức quần chúng, tổ chức quân sự, tổ chức trong mọi lĩnh vực của đời sống và hoạt động xã hội ».

Tổ chức bảo đảm cho tư tưởng, tổ chức bảo đảm cho lời nói đi đôi với việc làm. Cách mạng là hành động thực tiễn cải tạo xã hội. Thực hành là tổ chức hành động. Muốn thực hành phải có tổ chức, phải thống nhất làm một tư tưởng với tổ chức. Trong xây dựng Đảng, Đảng ta đã quán triệt tầm quan trọng to lớn ấy của tổ chức và luôn luôn chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị đề ra trong từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng.

Tổng kết kinh nghiệm xây dựng Đảng về tổ chức, đồng chí Lê-Duẩn đặc biệt nhấn mạnh truyền thống đoàn kết nhất trí của Đảng ta. Đồng chí nói: « Sức mạnh của Đảng mácxít—lê-ni-nít là ở sự đoàn kết nhất trí, ở sự thống nhất về tư tưởng và tổ chức. Trong những truyền thống tốt đẹp của Đảng ta thì đây là truyền thống tốt đẹp nhất » (217). « Đảng ta không bao giờ dung thứ bất kỳ một biểu hiện nào của chủ nghĩa bè phái. Đảng ta coi sự chia rẽ bè phái trong Đảng là tội ác nặng nhất đối với cách mạng. Là đội tiên phong của giai cấp công nhân, là bộ phận tích cực nhất của xã hội, Đảng là một ý chí và chỉ một mà thôi » (218).

Đồng chí chỉ rõ sự thống nhất của Đảng dựa trên cơ sở tư tưởng Mác—Lê-nin mà Đảng luôn luôn giữ gìn tính trong sáng, trên cơ sở đường lối chính trị đúng đắn và được bảo đảm một cách vững chắc bằng chế độ tập trung dân chủ. Nếu bất hai mặt có quan hệ hữu cơ với nhau của chế độ tập trung dân chủ: dân chủ và kỷ luật, đồng chí nói: « Chính chế độ tập trung dân chủ đòi hỏi và bảo đảm cho mọi đảng viên đều có quyền bàn bạc và quyết định mọi công việc của Đảng, có quyền trình bày, trong tổ chức của Đảng, mọi ý kiến của mình trên bất cứ vấn đề gì thuộc lợi ích cách mạng. Trong khuôn khổ Cương

lĩnh và Điều lệ của Đảng mà toàn Đảng đã xây dựng nên, việc phát huy đến mức cao nhất quyền dân chủ và trí tuệ của tất cả mọi đảng viên là một trong những bảo đảm quan trọng nhất cho sức sống của Đảng. Sự dân áp tư tưởng là hoàn toàn xa lạ đối với một đảng vô sản, đối với hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Song, tự do tư tưởng tuyệt đối không có nghĩa là biến Đảng thành một câu lạc bộ để tranh cãi. Đảng là một đạo quân mà khi ra trận thì phải hành động như một người. Vì vậy, nguyên tắc số ít phục tùng số đông, cấp dưới phục tùng cấp trên, bộ phận phục tùng toàn thể, toàn Đảng phục tùng Trung ương - cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội - là những nguyên tắc cơ bản của chế độ tập trung dân chủ. Vì phạm nó có nghĩa là phá hoại kỷ luật sắt trong Đảng, phá hoại sự thống nhất của Đảng » (219).

Có quan hệ chặt chẽ với chế độ tập trung dân chủ là nguyên tắc lãnh đạo tập thể mà đồng chí Lê-Duẩn coi là nguyên tắc cao nhất trong sự lãnh đạo

của Đảng. Đồng chí kiên quyết phê phán sự độc đoán chuyên quyền của cá nhân và nói : « Một con người, dù có những phẩm chất đặc biệt thế nào chăng nữa, vẫn không bao giờ hiểu hết, nắm hết được mọi sự vật, sự việc với tất cả các mặt » và sự biến hóa thiên hình vạn trạng của nó. Vì vậy, cần phải có trí tuệ tập thể. Chỉ có những quyết định tập thể, dựa trên trí tuệ tập thể, mới tránh khỏi chủ nghĩa chủ quan đưa đến những sai lầm và hậu quả nhiều khi nguy hiểm » (220). Khẳng định tính nguyên tắc của lãnh đạo tập thể, đồng chí Lê-Duẩn đồng thời phê phán khuynh hướng ý lại tập thể, coi nhẹ trách nhiệm cá nhân của người lãnh đạo.

Ngoài nguyên tắc tập trung dân chủ, các bài in trong tập này còn tổng kết một cách sâu sắc những nguyên tắc khác về đảng kiểu mới như tự phê bình và phê bình, liên hệ với quần chúng v.v. mà đồng chí Lê-Duẩn đã phát triển thêm với nội dung hết sức phong phú khi đề cập đến vấn đề Đảng lãnh đạo chính quyền.



Từ chỗ là giai cấp bị bóc lột, bị áp bức, giai cấp công nhân, đứng trên phạm vi thế giới mà nói, chỉ mới trở thành giai cấp lãnh đạo chính quyền từ hơn 60 năm nay. Đảng ta, đại biểu cho giai cấp công nhân nước ta cũng chỉ mới trở thành đảng lãnh đạo chính quyền từ hơn 30 năm nay. Vì vậy, xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền là một điều hoàn toàn mới mẻ, đặc biệt đối với Đảng ta, một đảng đang lãnh đạo nhân dân ta dùng chính quyền Nhà nước làm công cụ để xây dựng xã hội mới về mọi mặt, xuất phát từ một

nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Phải thấy được đầy đủ điều mới mẻ này mới có thể có lý luận, chủ trương, phương hướng đúng đắn về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Đồng chí Lê-Duẩn nói : « Xây dựng Đảng là một khoa học, là một bộ phận cấu thành của chủ nghĩa xã hội khoa học. Phát triển học thuyết về Đảng của Mác và Ăng-ghe-n, Lê-nin đã đề ra lý luận về đảng vô sản kiểu mới, trong đó có những luận điểm quan trọng về Đảng, trong điều kiện

chuyên chính vô sản. Nhưng dù sao xây dựng Đảng trong điều kiện có chính quyền vẫn là một điều rất mới ; nó đặt ra hàng loạt vấn đề về lý luận, về nội dung, phương châm xây dựng Đảng » (313 — 314).

Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ « từ chỗ đấu tranh giành chính quyền đến chỗ trở thành Đảng nắm chính quyền là cả một bước nhảy vọt lớn » (236). Khi chưa giành được chính quyền, Đảng ở vào địa vị đối kháng với chính quyền của giai cấp thống trị và bóc lột, có nhiệm vụ lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động lật đổ chính quyền đó. Nhưng sau khi giành được chính quyền, tình hình hoàn toàn thay đổi. « Đảng nắm chính quyền có nghĩa là Đảng lãnh đạo nhân dân quản lý đất nước, có nghĩa là sự lãnh đạo của Đảng được triển khai trên quy mô toàn xã hội với một nội dung rất nhiều mặt, ngày càng phong phú và phức tạp » (236).

Vì vậy, vấn đề đặt ra trước hết là: trong điều kiện lãnh đạo chính quyền, Đảng có nhiệm vụ gì ? Và từ đó phải xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức như thế nào để bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị đó ?

Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ, nhiệm vụ chính trị của Đảng lúc này là phải tổ chức tất cả các lĩnh vực của cuộc sống theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, tức là phải thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa : nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, xây dựng chế độ mới, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế mới sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới

xã hội chủ nghĩa. Đây là một nhiệm vụ mới, nhiệm vụ xây dựng, khác về chất so với nhiệm vụ phá hoại chính quyền của địch trong giai đoạn trước khi chưa giành được chính quyền.

Để làm tròn nhiệm vụ mới mẻ đó, Đảng phải có những nỗ lực lớn lao, những chuyển hướng mạnh mẽ trong công tác tổ chức và lãnh đạo, trước hết phải được xây dựng phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Vấn đề quyết định nhất vẫn là phải xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, phải định ra được đường lối chính trị đúng đắn để đưa đất nước tiến tới mục đích cuối cùng là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đối với một đảng trước đây chủ yếu chỉ quen hoạt động bí mật, đấu tranh chính trị và quân sự với kẻ thù giai cấp, thì đây là một việc khó khăn. Đảng phải tiếp tục nắm vững và nắm chắc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là những nguyên lý cơ bản về đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, v.v. ; phải nắm vững và nắm chắc phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin ; phải nghiên cứu tìm hiểu quy luật khách quan của sự phát triển xã hội ; phải tìm hiểu và nắm chắc thực tế nước mình ; phải nghiên cứu học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em ; trên cơ sở đó vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức ấy vào việc xây dựng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cái khó khăn chính là bắt đầu từ đây. Bởi vì « Đảng ta đã trưởng thành trong việc nắm quy luật của cách mạng dân tộc dân chủ, quy luật của chiến tranh nhân dân ; song, chỉ mới bước đầu đi vào nắm những quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cần phải có một sự cố gắng vượt bậc, một sự trưởng

thành vượt bậc về mặt này thì Đảng ta mới đủ sức làm tròn nhiệm vụ là người lãnh đạo xã hội" (198). Khó khăn này được nhân lên gấp bội, do chỗ "từ một nước mà sản xuất nhỏ là chủ yếu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, rõ ràng là chúng ta đứng trước một loạt vấn đề mới mẻ", một loạt vấn đề chưa từng được đặt ra đối với các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Do nhận thức ngày càng phát triển, do thực tiễn xã hội và cuộc sống hiện thực luôn luôn thay đổi, đặc biệt trong điều kiện nước ta, việc xây dựng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể làm một lần là xong. Phải không ngừng đi vào thực tiễn, «tiến hành một cách sâu sắc những sự phân tích, tổng kết kinh nghiệm và khái quát lý luận cần thiết để không ngừng bổ sung, phát triển và cụ thể hóa hơn nữa đường lối, chính sách của Đảng» (196), làm cho đường lối chính sách của Đảng ngày càng có đầy đủ tính chất khoa học và do đó ngày càng có hiệu lực đối với cuộc sống.

Trong việc xây dựng Đảng về chính trị, Đảng không được dừng lại ở đường lối chung mà phải đi vào tổ chức thực hiện đường lối đó, biến đường lối đó thành hiện thực. Khó khăn ở đây bắt nguồn từ sự non kém của chúng ta trong việc tổ chức thực tiễn, trong quản lý kinh tế, đặc biệt là trong việc quản lý một xã hội, một nền kinh tế đang không ngừng biến đổi nhanh chóng trong thời kỳ quá độ. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «trước mắt chúng ta không những có hai đường lối phát triển kinh tế — tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa — mà còn có hai phương pháp tổ chức: thủ công nghiệp hay đại công nghiệp»; thế nhưng «cái mà chúng ta đang rất thiếu là năng lực tổ chức việc xây dựng và phát triển kinh tế,

phát triển văn hóa, phục vụ đời sống nhân dân — nhiệm vụ cơ bản của một đảng cầm quyền, của Nhà nước chuyên chính vô sản». Nguyên nhân của tình hình này là ở chỗ: «Tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa có nghĩa là chúng ta chưa trải qua trường học của đại sản xuất cơ giới» (200 — 201).

Gắn liền với nhiệm vụ chính trị mới và để phục vụ nhiệm vụ chính trị đó, Đảng phải được xây dựng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức.

Đồng chí Lê-Duẩn nêu rõ yêu cầu của việc xây dựng Đảng về tư tưởng lúc này trước hết là phải làm cho toàn Đảng nhận thức rõ bước nhảy vọt vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động từ địa vị làm thuê hay làm chủ cả thể sang địa vị làm chủ và làm chủ tập thể, nhận thức rõ nhiệm vụ xây dựng khó khăn phức tạp do bước nhảy vọt ấy đề ra; từ đó có một sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức để sẵn sàng đảm đương nhiệm vụ ấy. Đồng chí nói: «Trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền, Đảng ta phải nắm vững khoa học khởi nghĩa, khoa học quân sự, phải biết tuyên truyền, giác ngộ và tổ chức quần chúng đấu tranh, phải lãnh đạo khởi nghĩa và lãnh đạo đánh giặc; tổ chức của Đảng phải bao gồm những người kiên cường, bất khuất trước kẻ thù, dám hy sinh, phấn đấu để giành thắng lợi. Ngày nay, để xây dựng và phát triển kinh tế, Đảng ta phải nắm vững khoa học kinh tế, khoa học kỹ thuật, phải biết tổ chức nhân dân tiến hành ba cuộc cách mạng; Đảng phải bao gồm những người có tinh thần hy sinh vì lợi ích chung, dám sáng tạo, đổi mới trong sản xuất, có khả năng tiếp thụ khoa học, kỹ thuật, có năng lực tổ chức quản lý kinh tế và quản lý Nhà nước để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đó là những nội dung mới của công tác xây dựng Đảng trong

giai đoạn mới. Nếu không nắm được những nội dung mới đó trong công tác tổ chức và công tác tư tưởng của Đảng và làm cho Đảng ta thật sự có chất lượng mới thì Đảng sẽ không đủ sức chiến đấu để biến đường lối chính trị thành hành động cách mạng của quần chúng. Đảng sẽ không giải quyết được những vấn đề do cuộc sống đề ra, do đó không thể làm tròn trách nhiệm của người lãnh đạo, không thể đại diện trung thành cho lợi ích của nhân dân và dân tộc» (153 - 154).

Đề cập đến xây dựng Đảng về tư tưởng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh việc xây dựng lập trường giai cấp của giai cấp công nhân với tư cách là người tiêu biểu cho chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Lập trường giai cấp lúc này có nội dung cụ thể có sự phát triển mới về chất lượng phù hợp với bước nhảy vọt vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Lập trường đó là «chẳng những phải có đầy đủ ý thức làm chủ tập thể, mà còn phải biết làm chủ, có đầy đủ khả năng làm chủ, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân mình» (213). Nó yêu cầu phải nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, phấn đấu bền bỉ không mệt mỏi, với tinh thần hy sinh quên mình vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân.

Đồng chí Lê-Duẩn chỉ rõ, để xây dựng lập trường giai cấp vững vàng, lúc này càng phải tăng cường giáo dục lý tưởng cộng sản hơn lúc nào hết. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là đối với một nước từ sản xuất nhỏ đi lên như nước ta, là thời kỳ có nhiều khó khăn: khó khăn do hậu quả của những năm dài chiến tranh để lại, khó khăn bắt nguồn từ trình độ kinh tế lạc hậu của đất nước,

khó khăn do sự non kém, thiếu kinh nghiệm của chúng ta gây ra, khó khăn mới do âm mưu phá hoại của bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế. Những khó khăn đó tác động vào đời sống của mỗi người hàng ngày hàng giờ, dễ tạo nên tâm lý mệt mỏi, bi quan, hoài nghi, thiếu tin tưởng, và những dao động tiêu cực ngay trong hàng ngũ của Đảng. Vì vậy giáo dục lý tưởng cộng sản phải nhấn mạnh tinh thần chịu đựng gian khổ, tinh thần hy sinh, động cơ công tác, thái độ làm việc, tinh thần lao động, mục đích sống vì nhân dân, vì xã hội. Đồng chí Lê-Duẩn nói: «Người cộng sản khác quần chúng ở chỗ mỗi suy nghĩ, hành động và lối sống của họ trước hết phải vì tập thể, vì cái chung» (50). Khẳng định tính chất gay go phức tạp của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay cả trong những việc làm cụ thể hàng ngày của chúng ta, đồng chí yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thấy rõ «đây là một cuộc đấu tranh gay go quyết liệt với thiên nhiên, đấu tranh với cả một tập quán sản xuất của xã hội, do đó phải có tinh thần cách mạng mạnh mẽ, phải quên ăn, quên ngủ và phải say sưa suy nghĩ» (47 - 48).

Đồng chí Lê-Duẩn nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ giữa xây dựng Đảng về tư tưởng và xây dựng Đảng về tổ chức. Đồng chí nói: «Khi ta nói Đảng là một ý chí thống nhất, và chỉ một mà thôi là không phải chỉ nói về tư tưởng mà còn nói về tổ chức nữa. Tư tưởng là lý luận cách mạng, có tư tưởng đúng mới có hành động cách mạng đúng. Tuy nhiên, từ tư tưởng đến thực tiễn, phải thông qua tổ chức. Tổ chức là công cụ, là phương tiện để biến tư tưởng thành hành động, thành hiện thực» (89). Xây dựng Đảng về tổ chức trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền là «phải hết sức coi trọng củng cố, xây dựng Đảng về mặt tổ chức, phải dựa vào những nguyên tắc tổ chức Đảng mà quản lý

đảng viên, kiểm tra đạo đức, phẩm chất của đảng viên, giữ vững sinh hoạt chính trị, tư tưởng trong Đảng và đề cao kỷ luật Đảng. Phải thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình, xây dựng một nền nếp sinh hoạt dân chủ đầy đủ trong các cấp ủy Đảng, nhất là trong chi bộ; thông qua việc thực hiện những chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước mà kiểm tra đạo đức, phẩm chất của cán bộ, đảng viên, tích cực đấu tranh chống quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lãng phí» (97). Xây dựng Đảng vững mạnh trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền không chỉ là yêu cầu của bản thân Đảng mà còn là yêu cầu của quần chúng. Bởi vì Đảng lãnh đạo chính quyền có nghĩa là — như quần chúng thường nói một cách mộc mạc — « Đảng không phải chỉ là của Đảng, mà còn là của cả nhân dân chúng tôi nữa » (119).

Xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền không thể tách rời tổ chức Đảng và hoạt động của Đảng với toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản và hoạt động của hệ thống đó, với chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Là chính đảng lãnh đạo Nhà nước, tự nhiên là tổ chức Đảng, bộ máy hoạt động của Đảng, đại bộ phận đảng viên và cán bộ Đảng phải được bủa ra và cắm sâu vào mọi lĩnh vực hoạt động Nhà nước và xã hội, không trừ lĩnh vực nào. Đời sống của Đảng cần bản nằm trong toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trong toàn bộ đời sống và hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đảng là hạt nhân nằm ở trung tâm đời sống xã hội làm chuyển động toàn thể bộ máy của chế độ, thúc đẩy toàn bộ xã hội tiến lên » (265). Chính là phải nhận rõ mối liên hệ khăng khít ấy giữa Đảng và quần chúng, giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng và xã hội, mới có thể thấy hết nội dung xây dựng

Đảng về tổ chức trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mới thấy hết nội dung của những nguyên tắc sinh hoạt và tổ chức Đảng, của mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, của vai trò lãnh đạo của Đảng trong cơ chế làm chủ tập thể, mới nhận thức được đúng đắn những vấn đề cụ thể của xây dựng Đảng như vấn đề tổ chức và cán bộ, vấn đề đảng viên, vấn đề tổ chức cơ sở Đảng, vấn đề giáo dục tư tưởng trong Đảng, v.v. Đó là điều mà đồng chí Lê-Duẩn đã phân tích hết sức cặn kẽ và sâu sắc qua các bài viết và bài nói trong quyển « Về xây dựng Đảng ». Đồng chí Lê-Duẩn đặc biệt nhấn mạnh hai vấn đề của xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền: một là xây dựng Đảng phải gắn liền với xây dựng Nhà nước; hai là xây dựng Đảng phải tiến hành trong mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nhằm bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Tổng kết kinh nghiệm xây dựng Đảng của Đảng ta, đặc biệt là kinh nghiệm xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, đồng chí Lê-Duẩn đã rút ra năm phương châm lớn chỉ đạo công tác xây dựng Đảng như sau:

« Thứ nhất, phải xây dựng Đảng vững mạnh về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ba mặt ấy gắn liền với nhau, quyết định lẫn nhau. Xây dựng Đảng về tư tưởng và về tổ chức phải kết hợp chặt chẽ với nhau, phải xuất phát từ đường lối và nhiệm vụ chính trị, đồng thời đảm bảo cho đường lối và nhiệm vụ chính trị được xác định đúng, được thấu suốt và thực hiện đầy đủ.

« Thứ hai, phải qua phong trào cách mạng của quần chúng, qua việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của quần chúng mà tiến hành công tác xây dựng Đảng; tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp

(Xem tiếp trang 88)

CÁCH NHÌN

TRƯỚC những khó khăn và hiện tượng tiêu cực về kinh tế và đời sống hiện nay trong xã hội ta, đang có những cách nhìn, cách đánh giá khác nhau. Một số người không thấy hết khó khăn, nhất là những khó khăn do thiếu sót, khuyết điểm chủ quan gây ra, cho rằng những khó khăn, những thiếu sót, khuyết điểm hiện nay chẳng đáng là bao so với hiện thực cách mạng vĩ đại của nước ta, từ đó không tích cực tìm cách khắc phục khó khăn, không khẩn trương và kiên quyết sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm. Một số người khác lại chỉ thấy mặt khó khăn, khuyết điểm, nhìn đâu cũng thấy một màu đen tối, dúng vào việc gì cũng thấy khó, không phân tích đầy đủ nguyên nhân của tình hình, đi đến phủ nhận cả những thành tựu, những thắng lợi là mặt cơ bản. Đó là chưa kể kẻ thù của chúng ta, bọn đế quốc và các thế lực phản động, đang hì hửng, vui mừng trước những khó khăn của chúng ta, căng cặp mắt cú vọ để xoi mói, bôi mọ những thiếu sót, khuyết điểm của chúng ta, tìm mọi cách gây thêm khó khăn, khoét sâu khuyết điểm của chúng ta hòng kích động, phá hoại cách mạng nước ta. Chúng ta nên rêu rao rằng, « nước Việt-nam đang gặp phải tai họa không thể vượt qua », rằng « Việt-nam thắng lợi trong chiến tranh, nhưng thất bại trong hòa bình » (21).

Hãy gác sang một bên những luận điệu vu cáo, xuyên tạc, kích động của kẻ thù. Bởi đó là những luận điệu, là cách nhìn của một lập trường, một thế giới quan hoàn toàn khác, hoàn toàn đối lập với chúng ta.

Ai cũng biết rằng, cách nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng khách quan là một vấn đề rất quan trọng. Nếu có cách nhìn đúng thì sẽ nhận thức, đánh giá đúng sự vật, hiện tượng, do từ đó có phương hướng suy nghĩ và hành động đúng. Nếu nhìn nhận, đánh giá sai thì xác định phương hướng hành động sai. Có khi tâm lòng rất trong sáng, nhưng chỉ vì cách nhìn sai, nhận thức sai mà rốt cuộc trở nên vẩn đục, mờ tối.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin dạy rằng, khi xem xét, đánh giá một sự vật, hiện tượng, phải luôn luôn có con mắt toàn diện, cụ thể, lịch sử và phát triển, theo đúng quy luật khách quan. Nếu chủ quan, phiến diện, máy móc, thoát ly hoàn cảnh lịch sử cụ thể thì không thể nhận thức đúng sự vật, hiện tượng. Những người cộng sản sở dĩ có thể đánh giá mọi sự vật, hiện tượng khách quan một cách chính xác, bởi vì họ được vũ trang bằng « đôi mắt thần » của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, có phương pháp khoa học và cách mạng trong việc xem xét và giải quyết mọi vấn đề thực tiễn.

Đánh giá tình hình kinh tế và đời sống của chúng ta hiện nay là đánh giá một hiện tượng xã hội phức tạp, có nhiều mặt, nhiều mối liên hệ hữu cơ, chịu tác động của nhiều yếu tố thuộc nhiều phạm trù và quy luật khác nhau, cho nên phải nắm rất chắc quan điểm đánh giá của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hoàn toàn không thể đơn giản, không thể chỉ căn cứ vào cảm tính chủ quan.

Trước hết, phải thừa nhận rằng, hiện nay đất nước ta đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, xã hội ta đang có những hiện tượng tiêu cực không thể xem thường. Khó khăn lớn hiện nay là thiếu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho đời sống, thiếu nguyên liệu, vật tư cho sản xuất. Do đó sản xuất chậm phát triển và có những mất tri tri. Đời sống của nhân dân, nhất là ở các thành phố, vùng công nghiệp tập trung, vùng gặp thiên tai nặng nề, đang có những khó khăn gay gắt. Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội (như ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng, kỷ luật không chặt, pháp chế không nghiêm...) chậm được khắc phục và có mặt có chiều hướng phát triển.

Những khó khăn, những hiện tượng tiêu cực đó có nguyên nhân khách quan là do chúng ta từ sản xuất nhỏ đi lên, lại liên tục trong mấy chục năm bị mấy cuộc chiến tranh tàn phá mà hậu quả của nó chồng chất, nặng nề, không thể khắc phục ngay được. Gần đây, giữa lúc nhân dân ta đang tập trung sức bầy bổ những vết thương chiến tranh, khắc phục những hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới, hậu quả của thiên tai, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc lại thực hiện chính sách thù địch, chống phá cách mạng nước ta, gây ra vô vàn tội ác trên đất nước ta và gây cho ta nhiều khó khăn mới. Cùng với việc phát động liên tiếp hai cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, chúng ráo

riết phá ta về chính trị, về kinh tế và lại đang đe dọa tiến công nước ta một lần nữa, hòng làm cho đất nước ta kiệt quệ, suy yếu, dễ chúng dễ bề thôn tính.

Về phía chủ quan, chúng ta còn những thiếu sót, khuyết điểm. Khuyết điểm lớn nhất là chưa quán triệt đường lối phát triển kinh tế của Đảng, còn non kém trong tổ chức chỉ đạo thực hiện, thiếu kinh nghiệm quản lý kinh tế, chậm thay đổi và bổ sung những chính sách kinh tế không còn thích hợp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên kém tinh thần trách nhiệm, sa sút phẩm chất, tư lợi, hủ hống. Có những cán bộ, đảng viên còn lợi dụng những khó khăn để làm điều sai trái, hoặc che dấy sự sút kém phẩm chất và tinh thần trách nhiệm của mình. Có những hiện tượng tiêu cực mà Đảng, Nhà nước và quần chúng đã nhiều lần phê phán, nhưng vẫn không được sửa chữa; có những khó khăn không đáng có nhưng vẫn cứ lặp đi lặp lại.

Chúng ta không sợ thiếu sót, khuyết điểm, không ngại nói đến khó khăn, tiêu cực. Trái lại, cần phải thấy cho hết khó khăn, những hiện tượng tiêu cực, đánh giá cho đầy đủ những thiếu sót, khuyết điểm, đồng thời có quyết tâm, có biện pháp tích cực sửa chữa. Không thấy rõ, thấy hết những khó khăn, những hiện tượng tiêu cực hiện nay trong xã hội, là không nhận thức đầy đủ tình hình, nhiệm vụ cách mạng hiện nay, và như vậy sẽ không thể có quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao trong việc khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm. Nhưng nếu thấy khó khăn mà việc gì cũng đổ tại khách quan, lúc nào cũng cho rằng những khó khăn, những hiện tượng tiêu cực hiện nay là tất yếu, không phân tích sâu sắc và không nghiêm khắc với những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan thì dễ buông trôi, vô trách nhiệm, thậm chí người

ta còn có thể nhân danh khó khăn để làm điều sai trái.

Mặt khác, nếu chỉ thấy những khó khăn, những hiện tượng tiêu cực, tuyệt đối hóa những cái đó, phủ nhận hoặc đánh giá thấp những thắng lợi, những thành tựu to lớn của chúng ta, không thấy cục diện cơ bản tốt đẹp, xu thế chủ yếu của cách mạng nước ta, đi đến chỗ bi quan, dao động, thì lại là hoàn toàn không đúng. Cần phải khẳng định rằng, hiện nay, tuy chúng ta đang có những khó khăn lớn và có những thiếu sót, khuyết điểm, nhưng tuyệt nhiên đó không phải là những cái không vượt nổi, và những ngày chúng ta đang sống không phải là những ngày khó khăn nhất của cách mạng nước ta. Thử hỏi từ trước đến nay, đã bao giờ chúng ta có cả một đất nước Việt-nam thống nhất, độc lập, đi lên chủ nghĩa xã hội với hơn năm chục triệu dân và tài nguyên thiên nhiên phong phú như ngày nay? Vận mệnh của các nước Đông-dương gắn liền với nhau nhưng đã bao giờ trên bán đảo này có khối đoàn kết vững chắc của cả ba dân tộc Việt-nam, Cam-pu-chia và Lào như ngày nay? Chúng ta lại có sự đồng tình, ủng hộ và đoàn kết chặt chẽ của anh em, bạn bè khắp năm châu. Cục diện cơ bản của cách mạng nước ta ngày nay là rất tốt đẹp. Triển vọng của đất nước ta là rất tươi sáng và vẻ vang. Dân tộc ta chưa bao giờ hùng mạnh và vững vàng như lúc này. Sức mạnh đó không phải chỉ ở ý chí mà ở cả lực lượng vật chất thật sự, đó là sức mạnh tổng hợp của cả nước trên tất cả các lĩnh vực. Chính với sức mạnh ấy, nhân dân ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo do bọn phản động Trung-quốc gây ra, đã giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia anh em đánh đổ chế độ tàn bạo diệt chủng Pôn Pốt - lêng Xa-ry, và cũng chính với sức mạnh ấy, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong

công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, hàn gắn những vết thương chiến tranh, khắc phục những hậu quả của thiên tai, của chủ nghĩa thực dân mới và giữ vững an ninh chính trị.

Chúng ta không nhầm mắt trước những khó khăn, không coi nhẹ những thiếu sót, khuyết điểm, nhưng rõ ràng là, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, phức tạp, sự cố gắng của nhân dân ta như vậy là hết sức to lớn, bước phát triển của cách mạng nước ta như vậy là vĩ đại!

Nếu không bình tĩnh xem xét đầy đủ các mặt, phân tích sâu sắc các khía cạnh một cách khách quan, không thấy thành tựu to lớn, cục diện cơ bản tốt đẹp của cách mạng nước ta, chỉ bằng vào những thiếu sót, khuyết điểm, chỉ nhìn một chiều những khó khăn, tiêu cực để rồi suy diễn, hoài nghi, thì sẽ mất phương hướng, dễ hốt hoảng, bi quan, giảm lòng tin, nhụt ý chí.

Chúng ta biết rằng, lòng tin là một yếu tố hết sức quan trọng. Lòng tin là ngôi sao dẫn đường, là chân trời vẫy gọi và thúc giục mọi người đi tới. Nếu dễ mất lòng tin là mất phương hướng, mất sức mạnh, mất ý chí và nghị lực đấu tranh. Thực tế đã có không ít người chỉ vì có lúc nào đó bối rối, mất lòng tin mà không còn phương hướng và nghị lực đấu tranh, gục ngã trước thử thách gay go của cuộc chiến đấu. Vì vậy, trách nhiệm lớn lao của những người cách mạng chúng ta là phải luôn luôn tỉnh táo, củng cố và giữ vững lòng tin; trong khó khăn càng phải vững lòng tin. Đương nhiên, lòng tin của chúng ta không phải là lòng tin mù quáng, mê muội, mà là lòng tin có căn cứ khoa học, trên cơ sở phân tích, nhận định tình hình một cách khoa học. Đó là lòng tin của những con người luôn luôn nắm vững quy luật khách quan.

(Xem tiếp trang 75)

Năm vừng quan điểm của Đảng xây dựng khoa học nghiên cứu về tội phạm

THANH-LÊ và HUƠNG-GIANG



Ở khi nước Việt-nam dân chủ cộng hòa được thành lập, Nhà nước ta đã dùng pháp luật của mình để trừng trị những tên đế quốc và tay sai phá hoại nền độc lập, thống nhất của đất nước cùng những tên tội phạm khác. Xuất phát từ bản chất của chế độ dân chủ nhân dân, Nhà nước ta đã quan tâm nhiều đến vấn đề giáo dục cải tạo những phần tử phạm pháp. Từ những quan điểm nhân đạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chính quyền dân chủ nhân dân Việt-nam với tất cả tấm lòng ưu ái đối với con người đã biến những nhà tù và trại tập trung mà bọn thực dân để lại thành những bệnh viện chữa bệnh xã hội. Rất nhiều người từ trại cải tạo trở về là những công dân lương thiện hăng hái tham gia xây dựng cuộc sống mới.

Từ quan điểm đúng đắn và truyền thống về vang đó, khoa nghiên cứu tội phạm của chúng ta đã cất nghĩa dùng nguyên nhân sinh ra tội phạm, góp phần cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.



“Dưới bất cứ chế độ xã hội nào, luật pháp cũng thể hiện ý chí và nguyện vọng của giai cấp thống trị” (1). Rõ ràng trong chế độ mà Nhà nước thuộc về giai cấp bóc lột thì pháp luật phục vụ cho giai cấp bóc lột cầm quyền, còn trong chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta, pháp luật nhằm bảo vệ chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, để thực hiện một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của Nhà nước là bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Chúng ta đang ở trong bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, tức là ở thời kỳ giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa. Trong xã hội ấy, tội phạm vẫn còn tồn tại mặc dù nó không phải thuộc bản chất của chế độ ta. Mảnh đất nảy sinh và phát triển tội phạm ngày càng bị thu hẹp, tình trạng phạm tội ngày càng bớt với sự hình thành con người mới xã hội chủ

(1) Lê-Duẩn : *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 42.

nghĩa, với sự hình thành một nền đạo đức mới với những chuẩn mực luân lý mới và hệ thống các giá trị mới. Đồng chí Lê-Duẩn viết: "Con người vốn là sản phẩm của lịch sử, cho nên ít nhiều đều mang theo mình những dấu ấn của dĩ vãng, những tật xấu của xã hội cũ, hành động của họ ít nhiều đều bị sự chi phối của hoàn cảnh xã hội khách quan..." (2). Điều đó có nghĩa là những tội phạm hiện nay còn là sản phẩm của tàn dư chế độ xã hội cũ. Đồng thời chúng ta không thể không tính đến sự tồn tại song song hai hệ thống xã hội thể giới đôi lập. Trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa hai hệ thống đó, bọn đế quốc và phản động quốc tế hàng ngày hàng giờ tìm mọi cách đưa ảnh hưởng xấu của lối sống tư sản xâm nhập vào xã hội ta.

Dùng trên quan điểm đấu tranh giai cấp mà xét, chúng ta thấy rõ rằng môn lý luận nghiên cứu tội phạm không thể đứng ngoài giai cấp hoặc đứng trên giai cấp như một trọng tài « vô tư » trên sân cỏ. Thật vậy, những quan niệm về tội phạm trong các xã hội bóc lột đều đứng trên lập trường của giai cấp tư sản đang thống trị, điều đó không loại trừ việc một số nhà nghiên cứu tiến bộ có thể nhìn thấy một nguồn tội phạm là những điều kiện và hoàn cảnh xã hội đặc thù của chủ nghĩa tư bản, nhưng trước sau họ vẫn nằm trong hệ tư tưởng của chính giai cấp tư sản. Khác về căn bản với quan điểm tư sản về tội phạm, các nhà nghiên cứu tội phạm của xã hội xã hội chủ nghĩa trong khi vạch rõ cội nguồn sinh ra tội phạm là những điều kiện và hoàn cảnh xã hội trong đó con người phạm tội sống, đồng thời còn đi xa hơn, họ dựa trên những thành tựu mới nhất của khoa học xã hội mác-xít để tìm hiểu các quy luật quyết định tình trạng, cơ cấu, diễn biến của tình hình phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đặc tính tội phạm, xây

dựng các phương hướng và biện pháp phòng ngừa tội phạm trên cơ sở dự báo khoa học cũng như nghiên cứu hệ thống cải tạo các phần tử phạm pháp, nhằm xây dựng một xã hội lành mạnh. Tội phạm học mác-xít không chỉ có nhiệm vụ cắt nghĩa tình hình phạm tội mà còn có nhiệm vụ chỉ rõ khả năng cải tạo người phạm tội và loại trừ nguyên nhân sinh ra tội phạm, giảm bớt tình hình phạm tội, đi đến loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội của chúng ta.

Tội phạm học gắn liền với xã hội học và luật học. Cho nên, *quan điểm giai cấp về tội phạm* là hòn đá thử vàng nhằm xác định đâu là tội phạm học chân chính và đâu là tội phạm học giả nhân giả nghĩa. Để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của *giai cấp tư sản*, những nhà lý luận tội phạm học tư sản tìm mọi cách che đậy tính chất giai cấp của pháp luật. Theo những người này, trong mọi chế độ, tội phạm đều có *hại* cho mọi giai cấp, pháp luật trừng trị tội phạm là để bảo vệ quyền lợi của mọi người thuộc bất cứ giai cấp nào, pháp luật cũng như tòa án chẳng thiên vị ai; và từ đó họ kết luận là tội phạm học không có tính chất giai cấp, vì họ cho rằng có đứng bên trên giai cấp và bên ngoài cuộc đấu tranh giai cấp thì người ta mới tìm ra chân lý về tội phạm.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin vạch trần lối lừa bịp đạo đức giả đó. Tội phạm học theo quan điểm mác-xít nói dứt khoát rằng tội phạm là một hiện tượng xã hội có tính chất giai cấp rất đậm nét, pháp luật và tòa án là những công cụ trực tiếp phục vụ nền chuyên chính giai cấp. Cho nên, ngày nay, muốn tìm ra chân lý, phải đứng vững trên lập trường giai cấp của giai cấp vô sản.

(2) Lê-Duẩn: *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 54.

Trong chế độ chúng ta, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội xã hội chủ nghĩa, cho người làm chủ tập thể của xã hội là nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông. Tội phạm là nguy hiểm vì nó gây tác hại nghiêm trọng đến nhân dân lao động, đến liên minh công nông, đến Nhà nước chuyên chính vô sản, đến trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa, đến chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Nhà nước phải ứng lại để bảo vệ chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bằng cách áp dụng pháp luật để thực hiện sự chế tài tương ứng (đương nhiên là có chú ý đến việc kết hợp trừng trị với giáo dục). Và để bảo vệ chế độ làm chủ tập thể của mình, nhân dân lao động có quyền và có nghĩa vụ tham gia một cách tích cực và trực tiếp vào việc đấu tranh chống tội phạm.



Năm vừng đặc diêm của Việt-nam đi nghiên cứu tình hình diễn biến tăng giảm tội phạm ở nước ta, là một yếu cầu chủ yếu đối với tội phạm học. Nước ta đã độc lập và thống nhất, nhưng bọn bành trướng Bắc-kinh và bọn đế quốc đang âm mưu xâm lược và phá hoại nước ta. Ở trong nước, bọn phản cách mạng vẫn ngoan cố chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra gay gắt và phức tạp trên khắp cả nước ta. Cuộc đấu tranh chống các tội phản cách mạng, cũng như cuộc đấu tranh chống các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân đang được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta coi trọng.

Trong khi nghiên cứu tình hình diễn biến tội phạm ở nước ta, phải thấy con người Việt-nam không giống những người ở bất cứ nước nào khác,

tuy nằm trong tình trạng sản xuất nhỏ, nhưng được thừa kế cả một truyền thống anh dũng đấu tranh chống ngoại xâm, và nhất là được Đảng giáo dục, bồi dưỡng suốt mấy mươi năm nay với mô hình con người theo chủ nghĩa tập thể. Nhưng đồng thời phải thấy nước ta đang ở trong quá trình từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Ích kỷ, cục bộ, địa phương, bần vị, tùy tiện..., đó là những bệnh vốn có của con người cũng như của tổ chức sản xuất nhỏ. Mặt khác, đối với xã hội Việt-nam đã có những lũy tre bao quanh thôn xóm, những công điền, công thổ từ nghìn năm để lại, thì chủ nghĩa cục bộ, địa phương, bần vị... tác hại như thế nào trong tình hình tội phạm? Hiện nay nền sản xuất nhỏ để lại những dấu vết gì trong tình hình diễn biến tội phạm và tác động như thế nào đến quy luật hình thành tội phạm, v.v.?

Nước ta đã được thống nhất hơn bốn năm nay, nhưng tình hình giữa hai miền Nam, Bắc chưa hoàn toàn đồng nhất. Do miền Bắc được giải phóng và tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa trước miền Nam, tình hình tội phạm ở miền Bắc ít phức tạp hơn ở miền Nam, điều đó là tất nhiên. Tuy vậy, cần thấy rằng nhân dân miền Bắc cũng đã sống dưới ách thống trị của phong kiến hàng nghìn năm và của thực dân Pháp gần một trăm năm, cho nên chịu ảnh hưởng không ít về tình cảm, tư tưởng, thói quen, tật xấu của xã hội cũ.

Ở miền Nam, việc truy quét kẻ địch ngoan cố chống cách mạng, chống công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến hành trong thời gian qua đạt được kết quả tốt, tuy nhiên bọn phản cách mạng nơi này nơi khác, lúc này lúc khác vẫn còn tìm cách ngóc đầu dậy và tiếp tục hoạt động phá hoại. Tình hình đấu tranh chống

tội vi phạm trật tự xã hội ở miền Nam có chiều hướng tiến triển tốt, nhưng trong một số lĩnh vực vẫn còn khá phức tạp, nhất là vì tác động của những học dục của chủ nghĩa thực dân cũ và mới và của tư tưởng tư sản, phong kiến; điều đáng chú ý nữa là những hành vi xâm phạm của công ở miền Nam còn xảy ra phổ biến và nghiêm trọng.

Xuất phát từ tình hình đó, trong bất cứ trường hợp tội phạm nào, cũng cần xác định xem chúng ta đứng trước mâu thuẫn đối kháng dịch, ta hay là mâu thuẫn không đối kháng trong nội bộ nhân dân. Việc vạch rõ tính chất mâu thuẫn này là rất quan trọng không những đối với công tác xây dựng luật hình và luật hình sự tố tụng, mà cả đối với công tác điều tra, truy tố, xét xử nói riêng, đối với công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm nói chung. Không phải chỉ có những tên phiến loạn, gián điệp, phản tuyên truyền mới là địch; ngay những tên chuyên đầu cơ tích trữ, phá hoại nền kinh tế, những tên còn đồ, cướp phá tài sản xã hội chủ nghĩa, cũng là những kẻ địch. Hiện tượng «chuyên hóa» đó về mặt ta, bạn, thù cần được nghiên cứu sâu sắc vừa để phục vụ yêu cầu chính trị, vừa để đáp ứng đòi hỏi của khoa học. Nhất là trong tình hình hiện nay, bọn phản động quốc tế đang cấu kết với đế quốc và cả hai cùng nhau bắt tay với bọn phản động trong nước ta để tìm cách chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta, thì vấn đề xác định mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng càng trở nên phức tạp trong khi nghiên cứu tội phạm ở nước ta.

Tìm đúng nguyên nhân và điều kiện tồn tại của tình hình tội phạm trong xã hội xã hội chủ nghĩa là một vấn đề rất quan trọng mà môn tội phạm học của chúng ta đặc biệt quan tâm, vì nắm được nguyên nhân, điều kiện, tìm ra được quy luật hình thành tội

phạm thì mới xác định được hướng đấu tranh chống tội phạm và bảo đảm đấu tranh thắng lợi.

Tội phạm học tư sản tìm nguyên nhân tội phạm trong các đặc tính sinh vật học. Lôm-brô-cô, người Ý, đã khẳng định rằng người phạm tội thường có tướng mạo khác thường, vậy là theo ông ta, muốn phòng ngừa tội phạm, phải loại trừ những con người có tướng mạo khác thường đó. Lý thuyết ấy thật là nguy hiểm; bọn Đức «quốc xã» đã dựa vào thuyết này để giết hại biết bao người lương thiện không tán thành chủ nghĩa phát-xít của chúng.

Bên cạnh đó, cũng có một số nhà lý luận tư sản giải thích tội phạm bằng những «nhân tố xã hội»; những nhân tố đó theo họ là nạn thất học, tình trạng sống trong các nhà ổ chuột hay nạn đói khát, v.v. Rồi từ đó họ đề nghị là muốn chấm dứt tình hình tội phạm phải mở thêm trường học, xây thêm nhà ở, v.v. Mới nghe qua, những điều đó hình như là có lý. Nhưng kỳ thật họ đề ra những thuyết đó là để xoa dịu đấu tranh giai cấp, đánh lạc hướng quần chúng, che giấu tính giai cấp của tình hình tội phạm, giấu giếm nguyên nhân thật sự của tội phạm là chế độ người bóc lột người, ru ngủ những người bị giai cấp tư sản bóc lột và lừa dối.

Những nhà nghiên cứu tội phạm theo quan điểm mác-xít vạch rõ rằng bản thân chủ nghĩa tư bản là nguồn gốc chính của mọi tội phạm, và giai cấp tư sản là kẻ phạm những tội nguy hiểm nhất, độc ác nhất. Về điểm này, Ăng-ghe-nơ nói: «Trong những điều kiện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển, không một người nào phân tích được sự thật thà kết thúc ở chỗ nào và sự lừa gạt bắt đầu ở chỗ nào» (3). Lê-nin cũng nhận xét: «Kẻ nhà giàu và kẻ ăn cắp là

(3) C. Mác và F. Ăng-ghe-nơ: *Tồn tập*, tập 22, (bản tiếng Nga), trang 529.

hai mặt của một mề đay Đó là hai loại ăn bám được chủ nghĩa tư bản nuôi dưỡng » (4).

Đối với chế độ chúng ta thì ngược lại, bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa không chứa đựng một nhân tố nào có thể làm phát sinh tội phạm; tội phạm còn tồn tại là do những tàn tích của chế độ cũ để lại, hoặc do tác động nguy hại của ảnh hưởng tư sản, đế quốc, phản động quốc tế từ bên ngoài.

Thật thế, chế độ cũ: thực dân phong kiến, tư sản đã bị đánh đổ ở nước ta, nhưng tàn tích của nó không phải đã được quét sạch trong một lúc, mà còn tồn tại dai dẳng trong quan diêm, sự suy nghĩ, tập quán, nếp sống của một số người. Nếu không kiên quyết đấu tranh, thì nó còn gây ảnh hưởng xấu không phải chỉ đối với thế hệ đã lớn lên trong chế độ cũ mà ngay cả đối với thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên trong chế độ mới. Số dĩ như vậy, vì ý thức xã hội có tính độc lập trong một mức độ nhất định; đời sống vật chất và chính trị đã biến đổi, nhưng ý thức tư tưởng cũ vẫn còn tồn tại về một số mặt, trong một khoảng thời gian. Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và văn hóa thật là lâu dài và gian khổ! Muốn thấy rõ vì sao tình trạng tội phạm còn tồn tại trong xã hội xã hội chủ nghĩa, cần tìm nguyên nhân của tình trạng đó trong những tàn tích nguy hại của xã hội cũ; ngoài ra, còn phải đặc biệt đi sâu vào những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể đã tạo môi trường cho những tàn tích ấy gây tác hại trong xã hội ta bằng con đường gây ra tội lỗi. Đúng như vậy, những tàn tích xã hội cũ tự chúng không thể gây ra tội được; chúng muốn chuyển thành tội, phải thông qua những sơ hở, khuyết điểm, nhược điểm của chúng ta trong công tác quản lý, giáo dục, công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm và cả đấu tranh phòng và chống vi phạm nữa. Cho nên khi

tình hình tội phạm có chiều hướng tăng về mặt này hoặc mặt khác, ở địa phương này hay địa phương khác, người nghiên cứu tội phạm còn cần đặt câu hỏi: trong công tác quản lý, còn có những chỗ nào sơ hở nghiêm trọng? Về mặt giáo dục thanh niên, thiếu niên, chúng ta đã quan tâm đầy đủ chưa? Đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong quần chúng đông đảo, đã đề xảy ra những thiếu sót gì? Trong công tác điều tra, truy tố, xét xử có những khía cạnh nào còn làm sai, hay bỏ lọt? Việc ngăn chặn vi phạm hằng ngày có làm được kịp thời và có hiệu quả chưa? Vì sao đề cho một số vi phạm nhỏ nhất trở thành những tội phạm nguy hiểm? v.v. Tóm lại, không nên quên tàn tích xã hội cũ là nguyên nhân khách quan, đóng thời phải thấy những sai sót trong quản lý là điều kiện chủ quan, và nguyên nhân khách quan chỉ có thể gây tác hại khi có điều kiện chủ quan tạo nên môi trường thuận lợi.

Con người phạm tội là chủ thể của tội phạm. Điều đó không trái với quan diêm coi bản chất con người là sự tổng hợp của những quan hệ xã hội. Bởi vì, quan hệ xã hội quyết định lối xử sự của mỗi người thông qua ý thức của người đó. Như vậy có nghĩa là con người không hoàn toàn bị động trước ảnh hưởng của xã hội, do đó con người phạm tội phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình.

Đề cập đến tính chất xã hội của con người, cũng tức là khẳng định rằng trong mỗi chế độ xã hội, có một « mô hình người » phù hợp với chế độ đó. Thật thế, mô hình người của chế độ tư bản chủ nghĩa hình thành trên cơ sở tư hữu về tư liệu sản xuất, tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, thói vị kỷ; mô hình người xã hội chủ nghĩa hình thành từ chế độ công hữu, cho nên, đặt lợi ích của tập thể lên trên hết.

(4) V. Lê-nin : Toàn tập, tập 26, (bản tiếng Nga), trang 372.

Vì vậy, khi nghiên cứu con người phạm tội trong xã hội xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần đối chiếu y với mô hình hoàn toàn trái ngược, tức là con người mới, xã hội chủ nghĩa Việt-nam, con người làm chủ tập thể, con người lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản.

Chúng ta nhấn mạnh mô hình con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam là để noi theo đó mà tiến hành công tác giáo dục với mục đích xây dựng con người có lập trường kiên định, không một sức mạnh nào quỵến rũ, lung lạc được, con người kiên quyết đấu tranh để ngăn ngừa và chống lại mọi hành vi tội phạm; mặt khác, noi theo mẫu mực đó mà tích cực cải tạo những người đã lầm lạc, phạm tội, để đưa họ trở lại cuộc sống lành mạnh, tươi đẹp của người công dân ngang quỵến.

Dự báo tình hình tội phạm là một yêu cầu quan trọng của tội phạm học. Dự báo tình hình tội phạm được chính xác thì sẽ giúp cho công cuộc đấu tranh chống tội phạm được tiến hành thuận lợi, đồng thời góp phần vào công tác quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước. Trong lĩnh vực này, cũng như đối với mọi vấn đề trong xã hội, khả năng dự báo ngày càng mở rộng vì chúng ta ngày càng nắm được những quy luật phát triển của xã hội. Song để dự báo chính xác tình hình tội phạm, chúng ta cần sử dụng tài liệu dự báo của các cơ quan có thẩm quyền để nắm được diễn biến của tình hình đó trong thời gian trước mắt hoặc lâu dài, đối với từng loại tội phạm cũng như đối với toàn bộ tội phạm, đối với từng địa phương và đối với cả nước. Có tính khoa học trong việc dự báo tình hình tội phạm là phải nhìn thấy liên hệ giữa vi phạm và tội phạm. Một sự vi phạm trong tình hình này có thể biến thành tội phạm trong một tình hình khác, và ngược lại. Ngoài ra, có

thề và cần dựa vào các dự báo về chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, v.v. để tiến hành công tác dự báo tình hình tội phạm. Để công tác dự báo tình hình tội phạm được khoa học, đúng đắn, lại phải có những hiểu biết về luật học, sử học, chính trị kinh tế học, dân số học, giáo dục học, v.v.

Tìm ra các biện pháp đấu tranh chống tội phạm là nhiệm vụ trung tâm của tội phạm học xã hội chủ nghĩa. Trong lĩnh vực này, các cơ quan chuyên chính của ta đã rút được nhiều kinh nghiệm, và đã hệ thống hóa các kinh nghiệm đó thành những kết luận có tính chất lý luận.

« Phòng hơn chống », phương châm ấy nói lên tư tưởng chỉ đạo công tác đấu tranh; nó khoa học và cũng nhân đạo biết bao. Khi tội phạm xảy ra rồi, dù có tìm được người phạm tội và xét xử thích đáng, đó cũng vẫn là « hạ sách » vì tác hại đã gây ra rồi. Và trong trường hợp ấy, công tác xét xử chủ yếu cũng chỉ nhằm ngăn ngừa tội phạm về sau.

« Phòng hơn chống » có nghĩa là phải kết hợp chặt chẽ « giáo dục với trừng trị ». Giáo dục tốt là biện pháp phòng ngừa có hiệu quả nhất. Suy cho cùng, trừng trị cũng chỉ cốt để giáo dục: giáo dục người phạm tội và giáo dục cả những người khác.

Trong công tác « cải tạo » những người bị án phạt giam, tội phạm học có nhiệm vụ nghiên cứu các biện pháp tối ưu để giáo dục họ. Chúng ta thường nói đến công tác điều tra, truy tố, xét xử, mà chưa nhấn mạnh đến khâu giáo dục cải tạo người thành án. Thật ra, khâu này không kém phần quan trọng: nếu người bị án phạt giam khi được thả ra, vẫn tiếp tục phạm tội, thì điều đó nói lên rằng toàn bộ công tác xử lý và giáo dục phải được hoàn chỉnh hơn nữa.

Nhìn rộng ra, cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm là một cuộc đấu tranh toàn diện. Đó, cần kết hợp

biện pháp chung với biện pháp cụ thể. Biện pháp chung là xây dựng tốt và quản lý tốt xã hội xã hội chủ nghĩa về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, v.v Biện pháp cụ thể là công tác trực tiếp của các ngành công an, kiểm sát, tòa án.v.v Biện pháp chung và biện pháp cụ thể gắn bó với nhau trong một kế hoạch thống nhất.

Ở đây, qua thực tiễn đấu tranh có hai điểm cần nêu bật :

Một là, tòa án, cơ quan kiểm sát, công an, trong công tác chuyên môn của mình, nếu thấy rằng do sơ hở của một cơ quan, đoàn thể, cơ sở sản xuất, đơn vị quân đội nào đó mà tội phạm đã xảy ra, thì phải kiên nghị với nơi đó áp dụng biện pháp thích đáng và kịp thời để chấm dứt tình trạng sơ hở ấy,

Hai là, đối với biện pháp chung hay biện pháp riêng trong đấu tranh phòng và chống tội phạm, nhân dân đều có quyền và có nghĩa vụ trực tiếp tham gia. Vì, như trên đã trình bày, đó là một mặt quan trọng của việc thực hiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, và là điều kiện quyết định để phòng và chống tội phạm có kết quả, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống tốt đẹp của chúng ta.



Tội phạm học theo quan điểm mác-xít đòi hỏi chúng ta chú ý đến những điểm đặc thù của Việt-nam, để xây dựng phương hướng nghiên cứu cho phù hợp. Theo tinh thần đó, quán triệt

đường lối của Đảng, nắm vững phương pháp luận mác-xít, các nhà khoa học về tội phạm ở nước ta sẽ nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống về mặt lý luận chung, đồng thời đi sâu vào tình hình đặc điểm Việt-nam, nhằm phát hiện những nét đặc thù của tình trạng tội phạm ở Việt-nam, xây dựng về mặt tổ chức để làm cho khoa học nghiên cứu tội phạm thành một công cụ đắc lực phục vụ cho đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta, và góp phần làm phong phú lý luận chung của tội phạm học theo quan điểm mác-xít.

Cách nhìn

(Tiếp theo trang 68)

hiều rõ xu thế phát triển của lịch sử, của cách mạng.

Chỉ có phân tích toàn diện và đầy đủ các khía cạnh của vấn đề theo đúng quan điểm cách mạng và khoa học, chúng ta mới có thể nhận thức đúng tình hình kinh tế và đời sống của nước ta hiện nay, trên cơ sở đó vững tin ở sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, ở tiền đồ tươi sáng của cách mạng, lăn xả vào khó khăn với đầy đủ nhiệt tình và nghị lực, cùng với toàn Đảng, toàn dân quyết tâm phấn đấu phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, đưa cách mạng nước ta tiến lên ngày càng mạnh mẽ, vững chắc.

NGUYỄN-NGỌC-TÂM

CỘNG HÒA DÂN CHỦ ĐỨC

ba mươi năm qua

YẾN - VÂN

TRONG 30 năm qua, nhất là từ sau Đại hội lần thứ VIII của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (6-1971), nhân dân Cộng hòa dân chủ Đức đã giành được những thắng lợi kỳ diệu về mọi mặt trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Cộng hòa dân chủ Đức đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ngay trên quê hương của Mác và Ăng-ghe-n, tạo ra trong thực tiễn một trong những mô hình ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Cộng hòa dân chủ Đức đoàn kết với mọi lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, giành độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cộng hòa dân chủ Đức đã có những đóng góp thật sự vào việc ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, góp phần tăng cường sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa và ba đồng thạc cách mạng trên thế giới.



Lãnh thổ Cộng hòa dân chủ Đức ngày nay là khu vực trước đây công

nhiệp kém phát triển, hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào miền Tây nước Đức. Ở Cộng hòa dân chủ Đức không có các trung tâm truyền thống về công nghiệp nặng, luyện kim và sản xuất năng lượng. Thêm vào đó, ngay từ bước đầu mới được thành lập, Cộng hòa dân chủ Đức đã bị các thế lực đế quốc cùng với bọn phục thù Tây Đức không ngừng khiêu khích, tiến hành một cuộc chiến tranh lạnh nhằm bao vây, cô lập, phá hoại kinh tế và can thiệp vào công việc nội bộ của Cộng hòa dân chủ Đức. Với ý đồ "quay ngược chiều" chủ nghĩa xã hội ở châu Âu, bọn đế quốc âm mưu biến Tây Béc-lin thành đầu cầu của khối NATO và lợi dụng một cách vô liêm sỉ biên giới mở rộng giữa Cộng hòa dân chủ Đức và Tây Béc-lin vào âm mưu dè hèn của chúng. Vì vậy, để có được những thành tựu như ngày nay, nước Cộng hòa dân chủ Đức dưới sự lãnh đạo của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, đã phải cố gắng phi thường trong hơn 1/4 thế kỷ, vượt qua những khó khăn tưởng chừng không vượt nổi, loại trừ được những trở ngại nguy hiểm nhất trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Ngày nay Cộng hòa dân chủ

Đức là một Nhà nước được củng cố vững chắc toàn diện, có nền công nghiệp hiện đại và nền nông nghiệp phát triển cao. Với sự hợp tác, tương trợ với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, Cộng hòa dân chủ Đức đã vươn lên đứng vào hàng ngũ mười nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới và là một trong năm nước có sản lượng công nghiệp cao nhất châu Âu. Được sự công nhận rộng rãi trên thế giới, Cộng hòa dân chủ Đức đã trở thành hội viên chính thức của Liên hợp quốc, có quan hệ ngoại giao với 127 nước; chủ quyền đất nước, toàn vẹn lãnh thổ và tính bất khả xâm phạm các đường biên giới được bảo đảm theo luật pháp quốc tế. Trong những năm gần đây, Cộng hòa dân chủ Đức lại càng thể hiện là một bộ phận phát triển vững chắc của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, góp phần làm cho chủ nghĩa xã hội tiếp tục lớn mạnh trên trường quốc tế. Những kế hoạch kinh tế mà Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đề ra là những cương lĩnh về sự phát triển nhảy vọt, liên tục và vững chắc của nước Cộng hòa dân chủ Đức. Ngày nay nền kinh tế Cộng hòa dân chủ Đức đã đi vào thế ổn định, vững chắc, không có khủng hoảng. Trên cơ sở đó, nhân dân có mức thu nhập thực tế cao và mức sống bình quân cao, đời sống được chăm sóc về mọi mặt; chế độ cung cấp được tổ chức chu đáo, vấn đề nhà ở được giải quyết; đời sống tinh thần phong phú; người dân có trình độ văn hóa cao, có kiến thức rộng, có thế giới quan vững, say mê và có ý thức xây dựng một thế giới mới của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Quá trình xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở Cộng hòa dân chủ Đức là quá trình vận dụng một cách sáng tạo những quy luật phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện Cộng hòa dân

chủ Đức. Sau những năm 60, khi những nhiệm vụ chính của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đã được giải quyết xong, một nền kinh tế đầy tiềm lực đã được xây dựng. Cộng hòa dân chủ Đức bước vào giai đoạn mới trong xây dựng và phát triển kinh tế. Tại Đại hội lần thứ VIII (6-1971) và Đại hội lần thứ IX (5-1976), Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đề ra việc xây dựng và xây dựng trên quy mô lớn xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn này là tiếp tục nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân trên cơ sở phát triển nền sản xuất xã hội chủ nghĩa với nhịp độ cao và nâng cao hiệu suất công tác trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật và tăng năng suất lao động. Đại hội đặc biệt nhấn mạnh việc tăng cường sản xuất theo chiều sâu, xem đó là một nhiệm vụ chính trị và kinh tế có tính chất quyết định, là con đường chính để củng cố chủ nghĩa xã hội và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Ý nghĩa thật sự của việc sản xuất theo chiều sâu là tăng nhanh sản xuất bằng cách tận dụng và hiện đại hóa những thiết bị sản xuất và nhà xưởng sẵn có, bằng cách sản xuất nhiều hơn mà không tăng thêm nhân lực. Vì vậy những nhân tố có quan hệ đến việc phát triển kinh tế theo chiều sâu như việc đẩy nhanh và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiết kiệm vật tư, sử dụng một cách tốt nhất vốn và tài sản có định hiện có, tận dụng thời gian lao động và giảm thời gian chết, v.v. rất được chú trọng. Đặc biệt, trong giai đoạn này, khoa học kỹ thuật được xem là điều kiện quyết định, là chìa khóa để tăng hiệu suất công tác, tăng năng suất lao động và cải tiến chất lượng sản phẩm. Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đặt vấn đề nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong mối quan hệ gắn bó với sản xuất. Khoảng 2,3 số người trong số

150 000 người làm công tác nghiên cứu phát minh, làm việc chủ yếu trong các ngành sản xuất. Nhìn chung, cứ bốn người lao động trong phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa thì có một người tham gia phong trào cải tiến kỹ thuật. Các cơ sở nghiên cứu khoa học được mở rộng có hệ thống. Viện hàn lâm khoa học được phát triển thành trung tâm lãnh đạo nghiên cứu khoa học : từ 1971 đến 1975, chỉ riêng việc áp dụng những sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất đã làm lợi cho xã hội 16 tỷ mác.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở nước mình, Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức luôn đặt chính sách kinh tế và chính sách xã hội trong mối quan hệ khăng khít với nhau. Kinh tế được coi là chiến trường chính, là phương tiện để đạt mục đích thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân. Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức xác định rằng muốn không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân, phải có một nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật. Ngược lại, nhân dân lao động sẽ phấn khởi và cố gắng lao động nhiều hơn khi đời sống được nâng cao hơn, khi thấy kết quả lao động của mình đem lại lợi ích cho bản thân và gia đình. Đồng thời Đảng luôn giáo dục tinh thần làm chủ cho người lao động để họ thấy rằng bằng chính lao động của họ, họ đã tạo ra các tiền đề để cải thiện đời sống cho gia đình và cho bản thân. Như vậy, việc thỏa mãn nhu cầu trước hết đòi hỏi một thái độ lao động cần cù, một trình độ thông thạo kỹ thuật và ý thức trách nhiệm cao của từng người dân. Nhà nước có thi hành được một chính sách xã hội đầy đủ để cải thiện đời sống nhân dân hay không, chính là do nhân dân có tạo ra được năng suất lao động cao hơn trong mọi lĩnh

vực của nền kinh tế quốc dân hay không. Sự thống nhất giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân đã trở thành động lực có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế ở Cộng hòa dân chủ Đức. Phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa ngày càng lôi cuốn nhiều người và hướng hoạt động của họ vào việc giải quyết tốt hơn nữa các nhiệm vụ của nền kinh tế quốc dân. Đó chính là cơ sở sự ổn định và vững chắc của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nhờ có đường lối đúng và biện pháp tích cực, trong kế hoạch năm năm 1971 — 1975, những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân đã được giải quyết tốt. Trong kế hoạch này, Cộng hòa dân chủ Đức chú trọng việc sản xuất hàng tiêu dùng, việc cung ứng đều đặn nguyên liệu, vật liệu cho công nghiệp, khuyến khích nền công nghiệp cung cấp nửa thành phẩm, việc xây dựng và mở rộng những cơ sở năng lượng, v.v. Tổng số thu nhập quốc dân tăng từ 109 tỷ mác lên 141,7 tỷ mác. Thu nhập ròng tăng 27%, doanh số của thương nghiệp bán lẻ tăng 28%. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng trung bình hằng năm 6,5%. Trong công nghiệp, mức tăng do tăng năng suất lao động chiếm tới 86%. Năm 1976, sản lượng công nghiệp của Cộng hòa dân chủ Đức tăng gấp đôi so với sản lượng công nghiệp của nước Đức cũ năm 1936 (số dân năm 1970 chỉ bằng 1/4 số dân năm 1936). Việc tăng năng suất lao động trong thời gian từ 1971 đến 1975 tương đương với kết quả lao động của 1,9 triệu người có nghiệp vụ. Năm 1975, 48 công nhân sản xuất ra một khối lượng sản phẩm bằng 72 công nhân sản xuất trong năm 1970.

Mặt trận nông nghiệp cũng đạt được thành tựu lớn. Nhiệm vụ phát triển nông nghiệp được xem là công việc của toàn bộ các ngành kinh tế. Nhiều yêu cầu lớn được đặt ra cho nông nghiệp, trong đó nhiệm vụ cung cấp

ngày càng đầy đủ hơn lương thực, thực phẩm cho nhân dân và nguyên liệu cho công nghiệp là một nhiệm vụ nặng nề. Con đường phát triển sản xuất theo chiều sâu đòi hỏi nông nghiệp phải chuyển sang những phương pháp sản xuất kiểu công nghiệp và nông dân tập thể có nghĩa vụ sử dụng có hiệu quả nhất những tư liệu sản xuất hiện đại do giai cấp công nhân trang bị. Nội dung của sự liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân xã viên được thể hiện bằng những mối quan hệ cụ thể: Nhà nước cung cấp cho nông dân những tư liệu sản xuất ngày càng hiện đại và những công nghệ phẩm ngày càng phong phú, bảo đảm cho hợp tác xã ngày một thịnh vượng; còn nông dân thì cố gắng hết sức mình để cung cấp cho Nhà nước ngày càng nhiều nông sản. Thông qua sự hiệp tác đó, sản xuất nông nghiệp tăng nhanh, ngược lại, hao phí lao động giảm xuống. So với năm 1950, số lao động nông nghiệp hiện nay chỉ bằng 1/3 nhưng sản lượng nông nghiệp lại tăng gấp 4,1 lần; sản phẩm nông nghiệp do một lao động làm ra tăng 7,4 lần. Năm 1975, một lao động nông nghiệp nuôi được 32 người (năm 1950 chỉ nuôi được 6 người).

Hiện nay nông nghiệp cung cấp khoảng 45% hàng hóa và 67% nguyên liệu cho nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Cộng hòa dân chủ Đức sản xuất khoảng 0,7% sản lượng ngũ cốc của thế giới. Năm 1977, sản lượng bình quân đầu người về ngũ cốc đạt 519kg, vượt sản lượng trung bình của thế giới 50%, riêng lúa mì vượt 75%.

Trên cơ sở những thành quả đạt được trong kế hoạch năm năm 1971 - 1975, Đại hội lần thứ IX của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đã đề ra mục tiêu tiếp tục xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và từ đó, tạo ra những điều kiện cơ bản để tiến dần lên chủ nghĩa cộng sản.

Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức cho rằng việc tiến dần lên chủ nghĩa cộng sản là một nhiệm vụ không thể chậm trễ và giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không có một ranh giới rõ rệt. Vì vậy, tiếp tục xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển đồng thời là chuẩn bị điều kiện tiến dần lên chủ nghĩa cộng sản, trong đó vấn đề tiếp tục phát triển sản xuất theo chiều sâu vẫn được xem là con đường chủ yếu, là khâu quyết định, là trọng tâm công tác kinh tế của Đảng.

Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức cho rằng sản xuất theo chiều sâu không phải là một biện pháp tạm thời, ngược lại mang tính chất chiến lược lâu dài và thuộc về bản chất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế theo chiều sâu cũng không phải chỉ là nhiệm vụ kinh tế đơn thuần mà là một nhân tố của toàn bộ sự tiến bộ xã hội, là một mệnh lệnh của lý trí. Đó không phải là việc riêng của một số người mà là công việc của tất cả mọi người. Là một nước nghèo về nguyên liệu, lực lượng lao động có hạn, cho nên việc dựa vào hiện đại hóa để tiết kiệm vật tư và nhân lực luôn luôn là một vấn đề chiến lược. Vì vậy Đại hội lần thứ IX đã đề ra những mục tiêu to lớn và những nhiệm vụ mới cao hơn đối với khoa học kỹ thuật và đưa ra khẩu hiệu hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động: « Từ mỗi dòng máu, từ mỗi giờ lao động, mỗi gam vật liệu, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn... ». Dưới ánh sáng của Đại hội, công tác nghiên cứu tinh quy luật của khoa học kỹ thuật được đẩy mạnh. Việc sử dụng ở nhiều vị trí những thiết bị có năng suất cao và việc tăng một cách phổ biến tỷ suất sử dụng máy móc thiết bị được chú trọng. Việc áp dụng các quy trình công nghệ tiên tiến nhằm tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, thời gian lao động, v.v. được nhân mạnh đặc biệt để làm sao

đạt được những kết quả cao nhất trong mọi lĩnh vực với mức chi phí thấp nhất mà thuộc đo quan trọng là việc liên tục giảm giá thành sản phẩm.

Trong kế hoạch năm năm 1976 - 1980, Cộng hòa dân chủ Đức bỏ ra 4,2% thu nhập quốc dân, tương đương với 35 tỷ mác cho những hoạt động khoa học kỹ thuật, nhiều hơn số tiền dành vào việc đó trong kế hoạch 1971 - 1975 là 10 tỷ mác. Nhờ vận dụng những kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, các xí nghiệp đã tiết kiệm được 153 triệu giờ lao động, tương đương với kết quả lao động của 164 000 công nhân. Giá trị tiết kiệm 1% nguyên liệu, vật liệu năm 1977 bằng 2,3 tỷ mác. Việc cải tiến và hợp lý hóa sản xuất năm 1978 làm lợi được 4,3 tỷ mác.

Hiện nay giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các cơ sở kinh tế của Cộng hòa dân chủ Đức đang hàng hải thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong sáu tháng đầu năm 1979, số sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tăng 21% so với cùng thời kỳ này năm 1978.

Trên cơ sở sự phát triển cân đối, vững chắc, liên tục của nền sản xuất xã hội, Đại hội lần thứ IX của Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức chủ trương kết hợp chặt chẽ hơn nữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu đưa thu nhập quốc dân lên 830 tỷ mác, tăng 200 tỷ mác so với kế hoạch 1971 - 1975. Tổng sản lượng công nghiệp hàng hóa sẽ đạt khoảng 1400

tỷ mác, vượt gần 400 tỷ mác so với kế hoạch năm năm trước. Đến năm 1980, sản xuất nông nghiệp sẽ vượt 20% về tổng sản lượng cây trồng so với những năm 1971 - 1975. Vốn đầu tư được dùng vào việc hiện đại hóa, đổi mới và mở rộng các thiết bị lên tới 240 tỷ mác, gấp 1,5 lần so với khối lượng đầu tư năm 1975. Khoảng 40% thiết bị mới được đưa vào sử dụng trong kế hoạch năm năm này. Dự định trong thời gian 1976 - 1980, Cộng hòa dân chủ Đức sẽ dùng khoảng 240 - 243 tỷ mác vốn đầu tư cơ bản vào việc cải tạo hiện đại hóa và mở rộng thiết bị.

Việc tiếp tục phát triển các cơ sở vật chất kỹ thuật này sẽ đáp ứng tốt hơn những yêu cầu của công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và tạo ra những điều kiện cơ bản để Cộng hòa dân chủ Đức từng bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản.



Ba mươi năm qua đánh dấu sự lớn mạnh không ngừng về mọi mặt của Cộng hòa dân chủ Đức. Nhân dân ta hết sức vui mừng trước sự lớn mạnh đó, và coi những thành tựu đó như của chính mình. Chúng ta đặc biệt cảm kích trước những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ của nhân dân Cộng hòa dân chủ Đức đối với nhân dân ta suốt ba mươi năm qua. Chúng ta phấn khởi trước sự phát triển ngày một tốt đẹp của mối quan hệ giữa hai nước Việt-nam và Cộng hòa dân chủ Đức.

CÁC LỰC LƯỢNG ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ HÒA BÌNH CHỦ ĐỘNG TIẾN CÔNG

VĂN-HIỆN

I

HẰNG năm, Đại hội đồng Liên hợp quốc khai mạc vào ngày thứ 3, tuần thứ 3 của tháng 9 và bế mạc vào khoảng 18 - 20 tháng 12. Năm nay chương trình khóa họp thứ 34 gồm 125 mục bao gồm các vấn đề hòa bình, an ninh quốc tế, giải trừ quân bị, các vấn đề kinh tế, văn hóa xã hội và nhân quyền, các vấn đề về phi thực dân hóa, về tài chính, ngân sách và nhân sự của Liên hợp quốc và các vấn đề về pháp luật.

Đối với chúng ta, khóa họp lần thứ 34 này có một ý nghĩa quan trọng: nó diễn ra sau khi nhân dân ta đã đập tan hai cuộc chiến tranh xâm lược do bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh gây ra chống Việt-nam, sau thắng lợi to lớn của Hội nghị cấp cao các nước không liên kết họp ở La Ha-ba-na, đặc biệt là những thắng lợi vang dội của nhân dân Ni-ca-ra-goa, Pa-na-ma, Grê-na-đa ở châu Mỹ la-tinh; Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Mô-đam-bích, Xây-xen và nhiều nước khác ở châu Phi; Ăp-ga-ni-xtan, I-ran ở châu Á. Trước tình hình cách mạng Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia liên tiếp giành thắng lợi, tăng cường sức mạnh đoàn kết chiến đấu giữa ba nước, lại được sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ

của Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và cả loài người tiến bộ, bọn bành trướng và đế quốc đã điên cuồng mở hết chiến dịch này đến chiến dịch khác tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo bĩ đĩ Việt-nam hòng cô lập và ra sức ngăn chặn, đẩy lùi ảnh hưởng của cách mạng ở khu vực này. Chính vì vậy mà khóa họp thứ 34 của Đại hội đồng Liên hợp quốc năm nay là một cuộc đấu tranh chính trị gay go quyết liệt, thể hiện sự tập hợp lực lượng mới, giữa một bên là các lực lượng tiến bộ và cách mạng với một bên khác là các thế lực đế quốc và phản động. Việt-nam đã bước vào khóa họp với tư thế chủ động tiến công, sẵn sàng quật lại những cuộc phản kích của bọn bành trướng và đế quốc. Ngay trong phiên họp khai mạc, đoàn Việt-nam đã nêu vấn đề quyền đại diện của Cam-pu-chia, đòi đuổi bọn Pôn Pốt ra khỏi Liên hợp quốc và các diễn đàn quốc tế, đòi trả ghế tại các tổ chức này cho Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, người đại diện chân chính và hợp pháp duy nhất của nhân dân Cam-pu-chia. Chưa bao giờ ở Đại hội đồng Liên hợp quốc bọn phản động Bắc-kinh và bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry bị lên án mạnh mẽ như lần này. Ở Liên hợp quốc, giờ đây, chỉ có Bắc-kinh bảo vệ bọn Pôn Pốt và chỉ

có bọn Pôn Pốt tăng bóc Bắc-kinh. Bị thất bại nặng nề về chính trị, bọn đế quốc và phản động phải dùng đến những thủ thuật về thủ tục của Liên hợp quốc để cố giữ cho được cái thầy ma chính trị Pôn Pốt — lèng Xa-ry tại tổ chức này. Chúng đòi bỏ phiếu xem có cần hỏi ý kiến cố vấn pháp lý của Liên hợp quốc hay không? Chúng đòi bỏ phiếu xem đề nghị sửa đổi của Ấn-độ nhằm đề ghê trống về quyền đại diện của Cam-pu-chia — như nghị quyết của Hội nghị cấp cao các nước không liên kết ở La Ha-ba-na đã nói — có phải là một đề nghị sửa đổi hay là một dự thảo nghị quyết mới (vì nếu là một đề nghị sửa đổi thì sẽ được bỏ phiếu trước)? Chúng đòi bỏ phiếu xem đề nghị nói trên của Ấn-độ có phải là một vấn đề ưu tiên hay không? Tất cả những thủ đoạn xoay xở lắt léo này là nhằm đưa bản báo cáo của Tiểu ban xem xét tư cách đại biểu ra Đại hội đồng đề biếu quyết. Do thành phần của Tiểu ban này gồm đa số những nước như Trung-quốc, Mỹ, Pa-ki-xtan, Xê-nê-gan, E-cu-a-đo, Bỉ, cho nên báo cáo tán thành cái gọi là giấy ủy nhiệm của bọn lèng — Xa-ry là « hợp lệ », mặc dù có sự phản đối kịch liệt của Liên-xô, Pa-na-ma và Công-gô. Kết quả bỏ phiếu ở Đại hội đồng như mọi người đã biết: 71 phiếu thuận đối với báo cáo đó, 35 phiếu chống, 34 phiếu trắng và 12 đoàn không bỏ phiếu. Như vậy, mặc dù bọn đế quốc và bản lập trường lôi kéo được 71 đoàn bỏ phiếu theo chúng, so với tổng số hội viên Liên hợp quốc bao gồm 152 nước, thì số phiếu đó chưa được một nửa. Hơn thế, trong số 71 phiếu thuận chỉ có 2 phiếu thật sự ủng hộ bọn Pôn Pốt là phiếu của Trung-quốc và phiếu của bản thân đại diện của bọn Pôn Pốt; rất nhiều nước, mặc dù bỏ phiếu tán thành bản báo cáo của Tiểu ban kiểm tra tư cách đại biểu — thực tế có nghĩa là giữ bọn Pôn Pốt — lèng Xa-ry ở lại Liên

hợp quốc — đã phải thanh minh là họ không thể không lên án chế độ diệt chủng của bọn Pôn Pốt — lèng Xa-ry và họ đã bỏ phiếu thuận là vì « lý do kỹ thuật », điều đó không có nghĩa là họ thừa nhận chế độ Pôn Pốt. Điều này cũng dễ lộ rõ sự lúng túng và thế yếu của họ. Đây là một triệu chứng cho thấy rồi đây một ngày nào đó họ sẽ phải từ bỏ cái lập trường phi lý của họ. Bắc-kinh chờ với vui mừng trước kết quả bỏ phiếu, họ phải nhớ rằng chính vì những lá phiếu đó trước đây mà họ đã phải chờ 23 năm mới giành được ghế ở Liên hợp quốc. Họ càng phải suy nghĩ về những lời lên án mạnh mẽ của các nước vạch trần tội ác ghê tởm của họ và bọn tay sai. Không! đây mới chỉ là bước đầu của quá trình tổng cổ bọn đồ tề Pôn Pốt — lèng Xa-ry ra khỏi Liên hợp quốc. Chính quyền cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia mà người đại diện chân chính và hợp pháp duy nhất là Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, chắc chắn sẽ giành lại ghế của mình ở Liên hợp quốc trong một thời gian không xa.

II

Sau khi bàn về vấn đề quyền đại diện của Cam-pu-chia, Đại hội đồng đã bước vào giai đoạn thảo luận chung kéo dài 3 tuần, từ 24-9 đến 12-10-1979. Đại diện của 144 nước, trong số 152 nước hội viên Liên hợp quốc, đã phát biểu ý kiến, trong đó có 13 nguyên thủ quốc gia và thủ tướng chính phủ.

Những vấn đề được nhiều nước đề cập là vấn đề hòa dịu và giải trừ quân bị, trật tự kinh tế thế giới mới, Trung Đông và Nam phần châu Phi. Đây là những vấn đề trong nhiều năm qua, các nước đều nêu ra trong các khóa họp hằng năm của Liên hợp quốc. Xu thế chung ở diễn đàn Liên hợp quốc khóa 34 là chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa a-pác-thai, chủ nghĩa

phân biệt chủng tộc, trong đó có chủ nghĩa xi-ô-nít, vì hòa bình và an ninh quốc tế, độc lập chính trị và kinh tế của các dân tộc, vì tiến bộ xã hội. Đây là một xu thế ngày càng được củng cố và tăng cường thêm, không thể đảo ngược được.

Điều nổi bật là việc đồng chí A. Grô-mu-cô, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Liên-xô, đề nghị ghi vào chương trình nghị sự khóa họp một mục mới nhan đề « Không thể chấp nhận bá quyền trong các quan hệ quốc tế ». Đồng chí nói: từ « bá quyền », mặc dù là từ mới, dùng để chỉ một hiện tượng không phải là mới, trái lại có thể nói là một hiện tượng người ta đã biết từ thuở sơ khai của thế giới. Đó là ý muốn thống trị thế giới, thống trị các nước khác và các dân tộc khác... Bá quyền đối lập hoàn toàn với sự bình đẳng giữa các Nhà nước và các dân tộc, đối lập hoàn toàn với lý tưởng mà cuộc Cách mạng tháng Mười đã đưa lại cho thế giới... ». Tiếp đó, đồng chí kêu gọi các nước hội viên Liên hợp quốc lên án bá quyền và chặn đứng mọi âm mưu bá quyền trong các công việc quốc tế.

Trong lĩnh vực giải trừ quân bị, những năm qua, Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đề ra nhiều sáng kiến, tỏ rõ thiện chí của mình thúc đẩy các cuộc đàm phán về giải trừ quân bị tiến triển. Việc ký kết hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược lần thứ hai (Salt II) giữa Liên-xô và Mỹ vừa qua là một thắng lợi mới của chính sách hòa bình của Liên-xô. Ở Đại hội đồng Liên hợp quốc, nhiều nước đã hoan nghênh việc ký kết này, coi đó là một bước tiến quan trọng trên con đường đấu tranh giải trừ quân bị hạt nhân. Các nước phương Tây nói chung có thái độ tiêu cực đối với giải trừ quân bị, còn Trung quốc thì đang diễn cường chạy đua vũ trang nhằm tạo sức mạnh quân sự để thực hiện chính sách bành

trướng và bá quyền; họ và chỉ có họ là người duy nhất trong cả khóa họp ra sức bào chữa cho việc đó bằng cách luôn mồm nói đến nguy cơ chiến tranh thế giới. Trưởng đoàn đại biểu Trung-quốc Hàn-Niệm-Long đã tiên đoán là chiến tranh thế giới có thể sẽ xảy ra trong những năm 80! Lần này, đồng chí Chơ-nu-pếch, Bộ trưởng Bộ ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp-khắc đã đưa ra Đại hội đồng một « dự thảo tuyên bố về sự hợp tác quốc tế để giải trừ quân bị ». Đồng chí nói « ... Cần phải dứt khoát thoát khỏi ảo tưởng cho rằng nền hòa bình lâu dài, nền an ninh có thể cùng tồn tại với những kho không lồ phương tiện tàn phá hàng loạt, rằng không giải trừ quân bị cũng có thể giải quyết những vấn đề quan trọng sống còn đối với toàn thể loài người... Vì thế mà Tiệp-khắc rất quan tâm đến việc chấm dứt chạy đua vũ trang và giải trừ quân bị... ». Đề nghị của Tiệp-khắc nếu được chấp thuận sẽ tạo cơ sở pháp lý và chính trị thuận lợi cho việc hợp tác giữa các nước, thúc đẩy các cuộc đàm phán về giải trừ quân bị ra khỏi tình trạng bế tắc lâu nay.

Thắng lợi của Hội nghị cấp cao lần thứ 6 của Phong trào các nước không liên kết ở La Ha-ba-na vừa qua được rất nhiều nước trong và ngoài phong trào ca ngợi. Sự kiện quan trọng gây ấn tượng sâu sắc là việc đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Cu-ba, Chủ tịch đương nhiệm của Phong trào các nước không liên kết đã trình bày trước Đại hội đồng Liên hợp quốc nghị quyết của Hội nghị cấp cao lần thứ 6. Với thái độ trách nhiệm cao đối với các vấn đề chung của phong trào không liên kết, với tài hùng biện thuyết phục lòng người, đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô đã trình bày sáng rõ và sinh động các nghị quyết chính trị và kinh tế của Hội

ngợi cấp cao La Ha-ba-na. Đồng chí đã dành phần lớn bài diễn văn của mình để nói lên **nguyên vọng và cuộc đấu tranh của nhân dân các nước không liên kết và các nước đang phát triển** khác cho một trật tự kinh tế quốc tế mới. Muốn xóa bỏ những bất công, bất bình đẳng hiện nay, phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống sự bóc lột tàn tệ của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, của các công ty xuyên quốc gia, thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới, một trật tự, như đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô nói, « hiện thực, khách quan mà mọi người đều hiểu » chứ không phải một trật tự « trừu tượng », « trên lời nói ». Trong 3 tuần thảo luận chung ở Đại hội đồng không có lúc nào hào hứng như sáng ngày 12-10 khi đồng chí Phi-den Ca-xơ-rô xuất hiện trên diễn đàn Liên hợp quốc. Phòng họp chật ních người, tiếng vỗ tay vang dội và kéo dài biểu lộ cảm tình nồng nhiệt của đông đảo anh em, bè bạn đối với vị lãnh tụ kiệt xuất của nhân dân Cu-ba anh hùng, đối với vị Chủ tịch đương nhiệm của Phong trào các nước không liên kết, khẳng định uy tín rất lớn của Phong trào các nước không liên kết, và biểu lộ sự đồng tình của người nghe đối với nội dung các vấn đề được trình bày.

Bài phát biểu của đoàn Việt-nam đã góp phần vào cuộc tiến công chủ động và mạnh mẽ của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết, các nước yêu chuộng công lý và chính nghĩa chống đế quốc và phản động quốc tế trên diễn đàn quốc tế quan trọng này. Đoàn ta đã tố cáo, lên án mạnh mẽ và trực diện chính sách bành trướng và bá quyền của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh cầu kết với chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Đoàn ta khẩn thiết kêu gọi cộng đồng quốc tế phải cảnh giác trước nguy cơ mới, hết sức to lớn này và có biện pháp ngăn chặn kịp thời bàn tay tội

ác của chúng lái.

Tiếp theo cuộc tranh luận về quyền đại diện của Cam-pu-chia, phối hợp với bài phát biểu có lý có tình của đại diện nước ta, Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhiều nước không liên kết đã nghiêm khắc lên án bọn phản động Bắc-kinh xâm lược Việt-nam, đe dọa cho Việt-nam « bài học thứ hai », đe dọa xâm lược Lào, tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ của Cam-pu-chia. Anh em và bè bạn khắp năm châu đã khẳng định sự ủng hộ mạnh mẽ đối với nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia trong sự nghiệp xây dựng lại đất nước và bảo vệ độc lập tự do của mỗi nước. Đồng chí Pu-gia, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Hung-ga-ri, đã khẳng định: « Nguyên nhân chủ yếu của tình hình ấy (tình hình căng thẳng ở Đông - Nam Á) là chính sách bá quyền và hành trướng của những người cầm quyền Trung-quốc, những kẻ đã không từ cả việc va chạm xâm lược chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam », và tuyên bố: « Nước Cộng hòa nhân dân Hung-ga-ri lên án chính sách xâm lược của những người cầm quyền Trung-quốc và kiên quyết ủng hộ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ». Đồng chí đã phê phán thái độ của một số chính khách các nước tư bản chủ nghĩa phát triển là khuyến khích kẻ xâm lược, thái độ của một số nước do sợ Trung-quốc phản ứng mà đứng trung lập là đáng trách, thái độ của một số nước biết rõ chế độ Pôn Pốt là diệt chủng và xâm nhập vùng biên giới Việt-nam mà nhắm mắt làm ngơ là dung túng cho quyền tồn tại của một chế độ phạm tội ác ghê tởm đối với nhân dân Cam-pu-chia và bảo chữa cho hành động của kẻ xâm lược đã tiến công Việt-nam từ phía Bắc. Ủy viên Hội đồng chính phủ Ni-ca-ra-goa D.O.

Sa-ve-dô-ra đã ca ngợi và ủng hộ mạnh mẽ Việt-nam, ông nói: « Những đội quân Trung-quốc đã tiến hành xâm lược Việt-nam và tiếp tục đe dọa Việt-nam. Nhưng sức mạnh tinh thần của nhân dân Việt-nam đã mạnh hơn sự điều vũ dương oai của các sư đoàn Trung-quốc. Nước Ni-ca-ra-goa, một nước nhỏ, một nước độc lập, một nước không liên kết, coi nhân dân Việt-nam anh hùng như chính mình ». Về vấn đề Cam-pu-chia, ông nói: « Ai cũng biết chế độ tội ác do Pôn Pốt và bè lũ dựng lên là kết quả của thái độ bành trướng của những người cầm quyền Trung-quốc... Những người đã bỏ phiếu ủng hộ sự đại diện của bọn đó là khuyến khích thái độ bành trướng của những người cầm quyền Trung-quốc, tiếp tay cho những kẻ trong các tổ chức quốc tế đã liên minh với các giới giết người và phản động nhất của thế giới ».

Bộ trưởng Bộ ngoại giao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men Mô-ha-mét nói: « Chúng tôi chào mừng thắng lợi của nhân dân Cam-pu-chia đã lật đổ chế độ độc tài Pôn Pốt, một chế độ phạm nhiều tội ác chống nhân dân Cam-pu-chia, đồng thời chúng tôi ủng hộ thái độ nguyên tắc vững cảm của nhân dân Việt-nam và Lào và chúng tôi lên án mọi âm mưu của bọn đế quốc và bọn thoái hóa nhằm chống họ ».

Bọn đế quốc và bọn phản động Bắc-kinh lúng túng, bị động đối phó trước sự tiến công của các lực lượng xã hội chủ nghĩa và cách mạng. Bài diễn văn của ngoại trưởng Mỹ đề cập nhiều vấn đề nhưng rất chung chung, mờ nhạt. Bài phát biểu của đại diện Bắc-kinh chỉ nhắc lại những luận điệu cũ chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới, ca ngợi đế quốc, tư bản và qua đó đã tự bộc lộ bản chất phản động của giới cầm quyền Bắc-kinh. Chúng

bị động đối phó trước đề nghị của Liên-xô về « việc không thể chấp nhận bá quyền trong các quan hệ quốc tế », nhưng dùng lời lẽ thô bạo chống đỡ rất lúng túng. Bài nói của chúng không gây được ấn tượng gì.

III

Trong âm mưu phản kích của chúng, bọn bành trướng và bọn đế quốc đã gây ra cuộc tranh luận về cái gọi là « vấn đề Cam-pu-chia » tại Đại hội đồng Liên hợp quốc. Chúng đã thúc ép các nước ASEAN đòi ghi vấn đề này vào chương trình nghị sự của khóa họp lần thứ 34 và đưa ra một dự thảo nghị quyết về « tình hình Cam-pu-chia » với những luận điệu xuyên tạc tình hình và những kiến nghị phi lý như « ngưng bắn », « rút quân », « giải pháp chính trị », thực chất là nhằm thực hiện ý đồ của bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh và đế quốc Mỹ can thiệp vào công việc nội bộ của Cam-pu-chia, dựng lại thủy ma chính trị Pôn Pốt — lêng Xa-ry. Như Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã nói rõ, hiện nay hoàn toàn không có cái gọi là vấn đề « tình hình Cam-pu-chia »; cái cần nêu ra chính là vấn đề phải tiêu diệt vĩnh viễn chế độ man rợ Pôn Pốt — lêng Xa-ry, ngăn chặn bọn bành trướng Bắc-kinh, kẻ đang đồng lõa với các lực lượng đế quốc và phản động khác dùng lãnh thổ Thái-lan để nuôi dưỡng và tiếp tế cho bọn tàn quân Pôn Pốt — lêng Xa-ry và những đám tàn quân phản động khác nhằm khôi phục chế độ đó... Bị vong lụy của Bộ ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã vạch rõ thực chất của vấn đề là chính sách xâm lược và bành trướng của giới cầm quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, đang đe dọa nghiêm trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, đe dọa nghiêm trọng độc lập, hòa bình và ổn định

của các nước ở Đông Nam Á, đe dọa nghiêm trọng hòa bình trên thế giới. Đại diện thường trực của Việt-nam ở Liên hợp quốc trong cuộc tranh luận này đã nêu rõ chính nghĩa của ta, trình bày rõ thực chất của tình hình Cam-pu-chia, lên án chính sách bành trướng, bá quyền của Bắc-kinh, kiên quyết bác bỏ dự thảo nghị quyết của các nước ASEAN, và cùng đại diện một số nước anh em và bè bạn đưa ra một dự thảo nghị quyết kêu gọi các nước không làm gì tổn thương đến việc thực hiện quyền tự quyết, đến độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia; khẳng định mọi vấn đề liên quan đến Cam-pu-chia cũng như các nước khác ở Đông Nam Á phải do các nước đó tự quyết định không có sự can thiệp của nước ngoài; hy vọng các nước Đông Nam Á tiếp tục cố gắng để tiến đến thành lập khu vực hòa bình, tự do, trung lập và ổn định ở Đông Nam Á; kêu gọi các chính phủ, các tổ chức quốc tế và quốc gia tăng cường viện trợ nhân đạo khẩn cấp cho nhân dân Cam-pu-chia. Mặt khác, đại diện thường trực của nước Cộng hòa Ấn-độ ở Liên hợp quốc Mit-ra cũng đưa ra một dự thảo nghị quyết kêu gọi triệu tập một cuộc hội nghị gồm các nước Đông-dương và ASEAN để bàn về việc giải quyết những vấn đề trong khu vực... Bọn phản động Bắc-kinh, đế quốc Mỹ và các nước ASEAN lộ rõ sự lung túng trước những đề nghị xây dựng của Ấn-độ nhằm gạt bỏ việc bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh và đế quốc Mỹ nhúng tay vào công việc của các nước Đông Nam Á.

Cũng tại cuộc tranh luận này, đại diện của nhiều nước xã hội chủ nghĩa và độc lập dân tộc đã phát biểu ý kiến, lên án chính sách bành trướng của giới cầm quyền Trung-quốc, lên án chế độ diệt chủng Pôn Pốt, nhấn mạnh tinh thần chân chính hợp pháp của Hội đồng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, sự giúp đỡ tận tình của

Việt-nam đối với cách mạng Cam-pu-chia, khẳng định tinh thần hợp pháp của sự có mặt của quân đội Việt-nam ở Cam-pu-chia, bác bỏ dự thảo nghị quyết của các nước ASEAN, Đại diện thường trực của Liên-xô tại Liên hợp quốc, đồng chí O. Tô-rô-ia-nốp-xki, đã nhấn mạnh: « Hoàn toàn không phải tình hình ở ngay Cam-pu-chia mà là những cuộc khiêu khích về chính trị và quân sự chung quanh nước này đang thật sự làm cho tình hình căng thẳng và trực tiếp đe dọa hòa bình và an ninh ở Đông Nam châu Á... Đại hội đồng Liên hợp quốc sẽ thực hiện đúng trách nhiệm của mình nếu đánh giá được một cách xác đáng những nguyên nhân làm cho tình hình căng thẳng và trước hết, đòi Trung-quốc chấm dứt sự ủng hộ đối với tàn quân Pôn Pốt, chấm dứt can thiệp vào công việc nội bộ Cam-pu-chia và các nước khác trong vùng ». Đại diện thường trực của Ni-ca-ra-goa tại Liên hợp quốc đã so sánh chế độ Xo-mô-da với chế độ Pôn Pốt là hai chế độ đã chống lại nhân dân nước mình, và nhấn mạnh: do đó các nước Mỹ-la-tinh giúp cách mạng Ni-ca-ra-goa là cần thiết và chính đáng, cũng như hành động của Việt-nam giúp Cam-pu-chia là rất chính đáng; mong các đoàn hết sức vô tư để nhìn nhận điều đó.

Qua cuộc tranh luận về quyền đại diện Cam-pu-chia, qua kết quả cuộc họp ngày 5-11 về vấn đề đóng góp giúp đỡ Cam-pu-chia, và qua các cuộc tranh luận về vấn đề « tình hình Cam-pu-chia » ở Liên hợp quốc, cần nhấn mạnh rằng điểm quan trọng, kết quả tích cực đã đạt được, thắng lợi từng bước giành được, đó chính là: ở diễn đàn Liên hợp quốc ngày càng có nhiều tiếng nói mạnh mẽ, kiên quyết lên án bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh và tay sai của chúng là bọn Pôn Pốt - lêng Xa-ry, lên án những thủ đoạn cấu kết giữa bọn chúng và bè lũ đế quốc. Nhưng vì sao ngày 14-11-1979,

bàn hành trưởng Bắc-kinh, để quốc Mỹ và bọn phản động trong tổ chức ASEAN đã lôi kéo được một số khá lớn đại biểu bỏ phiếu ủng hộ dự thảo Nghị quyết của chúng? Đó là vì:

a) Chúng đã đưa ra những nguyên tắc chung về sự không can thiệp vào công việc nội bộ nước khác, không sử dụng vũ lực trong quan hệ giữa các nước, v.v. áp đặt vào tình hình Cam-pu-chia mà chúng đã xuyên tạc để lôi kéo một số nước có những khó khăn nhất định và những lý do riêng khó nói ra phải đi đến chỗ chấp nhận dự thảo của chúng.

b) Chúng đã dùng những mối quan hệ tay đôi với một số nước để ép buộc họ phải thay đổi thái độ, mặc dù họ rất ghê tởm bọn đồ tể Pôn Pốt - lêng Xa-ry, và cũng thấy thủ đoạn xấu xa của bọn hành trưởng Bắc-kinh và đế quốc.

c) Một số nước còn mơ hồ chưa thật thấy rõ mối nguy cơ to lớn và tội ác của bọn hành trưởng bá quyền Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

d) Bọn đế quốc và phản động đã lại một lần nữa sử dụng thủ thuật về thủ tục lắt léo của Liên hợp quốc để gạt bỏ dự thảo nghị quyết của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và một số nước Á Phi.

Suy đến cùng, cuộc đấu tranh này nằm trong phạm vi vấn đề « ai thắng ai »; nó diễn ra quyết liệt giữa một bên là các lực lượng cách mạng và tiến bộ với một bên là bọn đế quốc, hành trưởng và phản động.

Ngày 15-11-1979, Bộ ngoại giao nước ta đã ra tuyên bố nói rõ dự thảo nghị quyết của ASEAN được đa số phiếu ủng hộ là hoàn toàn phi pháp, vô giá trị, trái với những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, cần phải bác bỏ.

Tóm lại, qua mấy cuộc tranh luận và bỏ phiếu về vấn đề Cam-pu-chia ở Đại hội đồng Liên hợp quốc vừa qua,

những ai có lương tri đều thấy rằng nhân dân thế giới cần tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết, không mệt mỏi, chủ động tiến công đánh bại những hành động tội ác và thủ đoạn nham hiểm của bọn hành trưởng, bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ. Chúng còn rất ngoan cố, còn tìm mọi cách phản kích các lực lượng độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và tiến bộ. Tình hình Cam-pu-chia là không thể đảo ngược: tình hình Cam-pu-chia đang ngày càng ổn định. Nhân dân Việt-nam, nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia đoàn kết chặt chẽ với các lực lượng xã hội chủ nghĩa và tiến bộ trên thế giới sẽ đập tan mọi âm mưu đen tối của bọn đế quốc và phản động các loại.

IV

Cho tới nay, khóa họp thứ 34 của Đại hội đồng Liên hợp quốc chưa kết thúc, nhưng đã có thể thấy rằng:

1- Xu thế chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa hành trưởng và bá quyền, chủ nghĩa a-pác-thai, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa xi-ôn và tất cả mọi hình thức xâm lược, chiếm đóng, dò huyệt, can thiệp đang ngày càng phát triển ở Liên hợp quốc. Bọn hành trưởng, bá quyền Bắc-kinh ngày càng công khai câu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, ngày càng lộ mặt phản cách mạng và bị lên án mạnh mẽ.

2 - Các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và tiến bộ đoàn kết và phối hợp chặt chẽ với nhau, có chiến lược, sách lược đúng đắn đang trên thế chủ động tiến công và ngày càng giành thắng lợi.

3- Các lực lượng đế quốc, phản động, hành trưởng, bá quyền là một tập hợp cùng hội cùng thuyền phi nghĩa, chấp và, chúng còn bản mưu tính kẻ chống phá cách mạng, nhưng giữa chúng với nhau có nhiều mâu

thuận và chúng ngày càng đuối lý, cho nên chúng nhất định thất bại.

4 - Sự tập hợp lực lượng mới ngày càng rõ nét: một bên là các lực lượng cách mạng, tiến bộ và một bên là bọn bành trướng, bá quyền Bắc-kinh, bọn đế quốc và phản động. Các lực lượng trung gian sẽ trải qua một quá trình đấu tranh gian khổ đi tới xác định thái độ của mình hoặc ủng hộ chính nghĩa hoặc dè cho bọn đế quốc, phản động lợi dụng lôi kéo: một thái độ lừng chừng mập mờ lẩn tránh sự thật sẽ chỉ có lợi cho bọn bành trướng bá quyền cấu kết với bọn đế quốc.

5 - Liên hợp quốc là một diễn đàn quốc tế quan trọng có khả năng góp phần phục vụ cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, nhưng nó còn nhiều mặt phức tạp: ở đây bọn đế quốc, phản động không ngừng tìm mọi thủ đoạn gây sức ép, lợi dụng bộ máy bỏ phiếu của tổ chức này. Chúng ta cần ra sức góp phần của mình vào cuộc đấu tranh chung ở Liên hợp quốc, vì lợi ích của nhân dân Việt-nam và vì lợi ích của nhân dân thế giới, nhưng chúng ta quyết không có chút ảo tưởng nào.

Độc tác phẩm « Về xây dựng Đảng »...

(Tiếp theo trang 65)

phần kiểm tra sự hoạt động của Đảng, kiểm tra công tác và phẩm chất của cán bộ, đảng viên.

«*Thứ ba*, khi đã lãnh đạo chính quyền thì sức mạnh của Đảng nằm trong sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản. Việc xây dựng Đảng, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, vì vậy, phải gắn liền với việc kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của Nhà nước, gắn liền với việc xây dựng và củng cố các tổ chức quần chúng.

«*Thứ tư*, việc nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên phải kết hợp với việc nâng cao chất lượng của chi bộ và đảng bộ cơ sở, với việc tăng cường cơ quan lãnh đạo và kiện toàn bộ máy tổ chức ở từng cấp, từng ngành, Tổ chức mạnh là điều kiện để cho từng người mạnh, từng người mạnh lại là điều kiện để tổ chức mạnh.

«*Thứ năm*, trong công tác phát triển Đảng, phải coi trọng chất lượng, chống khuynh hướng chạy theo số lượng đơn thuần; phát triển Đảng luôn luôn đi đôi với củng cố Đảng. Một mặt, kết nạp những người thật sự ưu tú, đủ tiêu chuẩn; mặt khác,

kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất. Cảnh giác đề phòng những phần tử xấu, phản động, xu thời, vụ lợi chui vào Đảng» (374 - 375).

★

Những quan điểm về xây dựng Đảng mà đồng chí Lê-Duẩn nêu lên trong tác phẩm *Về xây dựng Đảng* rất khoa học và sâu sắc, chẳng những có giá trị chỉ đạo thực tiễn to lớn mà còn là những đóng góp quan trọng làm sáng tỏ những tư tưởng của Hồ Chủ tịch về xây dựng Đảng, đồng thời cũng là một cống hiến quan trọng vào việc phát triển lý luận Mác - Lênin về Đảng kiểu mới. Học tập tác phẩm *Về xây dựng Đảng* của đồng chí Lê-Duẩn một cách nghiêm túc để quán triệt các chủ trương của Đảng và về xây dựng Đảng hiện nay là một điều hết sức có ý nghĩa, khi toàn Đảng đang triển khai thực hiện chỉ thị 2 của Ban bí thư để củng cố và kiện toàn Đảng, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh, đủ khả năng gánh vác những nhiệm vụ nặng nề, khó khăn và phức tạp của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 12 — 1979

ЧЫОНГ ТИНЬ — О кампучийском вопросе

ХОАНГ МИНЬ ТХАО — Вьетнамской народной Армии — 35 лет

НГУЕН ДЫК БИНЬ — Реакционная сущность маонизма

ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ ДИНЬ КУАНГ — Промышленность в масштабе уезда

КНИЖНОЕ ОБОЗРЕНИЕ ☆ ФАМ ТХАНЬ — Читая произведение товарища Ле Зуана «О партийном строительстве»

ИЕН ВАН — ГДР на протяжении минувших тридцати лет

ВАН ХИЕН — Наступление сил мира и национальной независимости

...

REVIEW OF COMMUNISM

№ 12 — 1979

TRƯỜNG-CHINH — On the Kampuchean problem. *HOÀNG-MINH-THẢO* — The Vietnam People's Army is 35 years old. *NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH* — The reactionary nature of Maoism. **Studies** ☆ *ĐINH-QUANG* — Industry at the district level. **Books** ☆ *PHẠM-THÀNH* — On reading Comrade Lê-Duẩn's book: *On Party Building*. *YẾN-VÂN* — The German Democratic Republic over the past thirty years. *VĂN-HIỀN* — The forces of national independence and peace are acting on the offensive.

...

REVUE DU COMMUNISME

№ 12 — 1979

TRƯỜNG-CHINH — Sur le problème kampuchéen. *HOÀNG-MINH-THẢO* — L'Armée populaire du Vietnam a 35 ans. *NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH* — La nature réactionnaire du maoïsme. **Etudes** ☆ *ĐINH-QUANG* — L'industrie à l'échelle du district. **Lecture** ☆ *PHẠM-THÀNH* — En lisant l'ouvrage « Sur l'édification du Parti » du camarade Lê-Duẩn. *YẾN-VÂN* — La République démocratique allemande au cours des trois dernières décennies. *VĂN-HIỀN* — Les forces d'indépendance nationale et de paix prennent l'initiative de l'offensive.

...

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 12 — 1979

TRƯỜNG-CHINH — Acerca del problema de Kampuchea. *HOÀNG-MINH-THẢO* — El Ejército Popular de Viet-nam cumple 35 años. *NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH* — La naturaleza reaccionaria del maoísmo. **Estudios** ☆ *ĐINH-QUANG* — La industria a escala distrital. **Lectura** ☆ *PHẠM-THÀNH* — Leyendo la obra « Sobre la construcción del Partido » del camarada Lê-Duẩn. *YẾN-VÂN* — La República Democrática Alemana en los últimos treinta años. *VĂN-HIỀN* — Las fuerzas de independencia nacional y de paz toman la iniciativa de la ofensiva.

...

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 12

1979

NĂM THỨ XXV (288)

TRƯ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dãy nói: 52061, 52062

**TRƯ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯ
TẠI MIỀN NAM:**

40, Trần-Cao-Vân, TP. Hồ-Chí-Minh

Dãy nói: 22040, 25768

MỤC LỤC

TRƯỜNG-CHINH – Về vấn đề Cam-pu-chia	1
Về việc giải quyết các thư bạn đọc hoặc thư bạn nghe đài gửi cho các báo và đài phát thanh	22
HOÀNG-MINH-THẢO – Quân đội nhân dân Việt-nam tròn 35 tuổi	24
NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH – Thực chất phản động của chủ nghĩa Mao	32
Điều tra ★ DIỆU-HƯƠNG – Vì sao hợp tác xã dệt thảm Đồng-đa sản xuất được nhiều thảm xuất khẩu	46
Nghiên cứu ★ ĐÌNH-QUANG – Công nghiệp trên địa bàn huyện	51
Đọc sách ★ PHẠM-THÁNH – Đọc tác phẩm “Về xây dựng Đảng” của đồng chí Lê-Duẩn	57
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN-NGỌC-TÂM – Cách nhìn	66
THANH-LÊ và HUONG-GIANG – Năm vũng quan điểm của Đảng, xây dựng khoa học nghiên cứu về tội phạm	69
YẾN-VÂN – Cộng hòa dân chủ Đức ba mươi năm qua	76
VÂN-HIỀN – Các lực lượng độc lập dân tộc và hòa bình chủ động tiến công	81

KỶ NIỆM LẦN THỨ 35 NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI
NHÂN DÂN VIỆT-NAM (22-12-1944 - 22-12-1979)

Tìm đọc:

HỒ-CHÍ-MINH

Về vấn đề quân sự

LÊ-DUẬN

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng lý luận quân sự
Việt-nam

VÕ-NGUYỄN-GIÁP

Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh
bảo vệ Tổ quốc

VĂN-TIẾN-DÔNG

Sức mạnh giữ nước vĩ đại của dân tộc Việt-nam
trong kỷ nguyên mới



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

